

Luận
HIỂN DƯỠNG THÁNH GIÁO

(Trọn bộ gồm 2 tập)

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Đại sĩ VÔ TRƯỚC tạo luận

LUẬN
HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-śāstra



Pháp sư Huyền Trang

Hán dịch từ Phạn bản

QUẢNG MINH

Viết dịch và chú giải



Dịch phẩm Luận Hiển Dương Thánh Giáo này,

Con xin thành tâm đánh lễ:

Hiển cúng Bồ-tát Di Lặc, Đại sĩ Vô Trước,
Pháp sư Huyền Trang.

Hiển cúng Thượng nhân Thích Trí Quang,
Bổn sư Thích Minh Hạnh,

Đại sư Thích Minh Phát, Ân sư Thích Lệ Trang.

Hiển cúng chư Đại đức Tăng - già, các bậc Sư
trưởng, Giáo thọ sư, Du-già sư.

Kính dâng lên Phụ mẫu hiện tiền.

Xin nguyện hồi hướng công đức cho pháp giới
chúng sinh và cha mẹ.



Con thành kính tri ân

Thầy Thích Pháp Chơn

Trụ trì chùa Liễu Quán và chùa Tâm Từ

*Đã hỗ trợ duyên lành để quyển Luận
Hiển Dương Thánh Giáo có nghĩa
văn cụ túc thanh tịnh này được ấn
tống và hiến cúng đến chư thiện tri
thức mười phương.*



Lời Giới Thiệu

Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 500 năm, Phật giáo Đại thừa hưng khởi. Khi Phật giáo Đại thừa phát triển thì các Tông phái như Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, Pháp Tướng (Duy Thức), v.v... được hình thành. Khi các Tông phái được hình thành thì chư vị Tổ sư biên soạn các bộ luận giải, chú sớ,... để xiển dương giáo nghĩa của Tông phái mình.

Hiển Dương Thánh Giáo luận là một trong những bộ luận quan trọng của Phật giáo Đại thừa, được ngài Vô Trước biên soạn (nhưng ngày nay, đa số các nhà nghiên cứu nhận định rằng ngài Thế Thân mới là người biên soạn bộ Luận thư này) để xiển dương giáo nghĩa của Duy Thức. Luận thư đề cập đến tất cả các vấn đề như Uẩn, Xứ, Giới, Duyên khởi, Vô thường, Khô, Không, Vô tánh, Nhất thiết pháp (tâm, tâm sở, sắc pháp,...), Tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), Tam thiên thế giới, Tứ đế, Thế gian, Xuất thế gian, Bốn niệm trú, Bốn chánh đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy biến giác chi, Tám thánh đạo chi, Bảy loại Hiền Thánh, Tám bậc Thánh quả, Ba thừa, Bốn Sa-môn quả, Sáu thần thông, Mười tám loại bất cộng pháp, Ba mươi hai tướng đại trượng phu, Tám mươi vẻ đẹp, Nhất thiết chủng diệu



trí, v.v... Có thể được xem là bộ Đại từ điển Phật học, là kim chỉ nam để đi vào giác lộ của tông Pháp tướng nói riêng, để hiểu rõ Phật giáo mà đặc biệt là Phật giáo Đại thừa nói chung.

Cư sĩ Quảng Minh¹ đã dịch bộ Luận này với văn phong đơn giản, dễ hiểu. Không chỉ cẩn thận trong việc phiên dịch mà Cư sĩ còn chịu khó chú thích rất chi tiết, kỹ lưỡng. Nhờ việc chú thích này mà Luận thư vốn đã được trân trọng lại càng được trân trọng hơn. Thật đáng tán dương công đức. Mong rằng nhờ chỉ dẫn của Luận thư này mà độc giả đạt được Nhất thiết chủng diệu trí.

Phương Ngoại am, thứ Năm, ngày 5 tháng 5 năm 2022

Tu viện trưởng Tu viện Vĩnh Nghiêm

Thích Giác Dũng

¹ Cư sĩ Quảng Minh ngày xưa cùng ngồi trên chiếc ghế Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở 2 (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh) với chúng tôi, niên khóa 1988-1992. Sau khi tốt nghiệp một thời gian, do duyên nghiệp, Cư sĩ đã đi theo con đường khác nhưng vẫn còn đó chí nguyện ban đầu. Tuy thân tại trần nhưng tâm thoát tục, Cư sĩ miệt mài phiên dịch, chú thích khoảng 50 bộ kinh, luận như Ba Kinh Nhật Tụng, Kinh Phạm Võng-quyển thượng, Biện Trung Biên Luận, Luận Đại Thừa Chương Trân, Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh, Luận Hiển Dương Thánh Giáo,... Xin xem tất cả dịch phẩm của Cư sĩ Quảng Minh tại đây : <https://sites.google.com/site/cusiquangminh/home> . Thật đáng trân trọng.



MỤC LỤC

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 1

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

(Một)

Phẩm 1:

Nhiếp Sự (Phần 1) - Quyển 1	65
Nhiếp Sự (Phần 2) - Quyển 2	105
Nhiếp Sự (Phần 3) - Quyển 3	145
Nhiếp Sự (Phần 4) - Quyển 4	187

Phẩm 2:

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 1) - Quyển 5	228
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 2) - Quyển 6	262
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 3) - Quyển 7	291
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 4) - Quyển 8	320
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 5) - Quyển 9	349
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 6) - Quyển 10	376

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 2

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

Phẩm 2 (tiếp theo Tập 1):

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 7) - Quyển 11.....	64
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 8) - Quyển 12	94
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 9) - Quyển 13	125



Phẩm 3:

Thành Thiện Xảo - Quyển 14.....	158
---------------------------------	-----

Phẩm 4:

Thành Vô Thường - Quyển 14	180
----------------------------------	-----

Phẩm 5:

Thành Khô - Quyển 15	204
----------------------------	-----

Phẩm 6:

Thành Không - Quyển 15	223
Thành Không (tiếp theo) - Quyển 16	243

Phẩm 7:

Thành Vô Tánh - Quyển 16.....	249
-------------------------------	-----

Phẩm 8:

Thành Hiện Quán (Phần 1) - Quyển 16.....	272
Thành Hiện Quán (Phần 2) - Quyển 17.....	286

Phẩm 9:

Thành Du Già - Quyển 17	296
-------------------------------	-----

Phẩm 10:

Thành Bất Tư Nghị - Quyển 17.....	299
-----------------------------------	-----

Phẩm 11:

Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 1) - Quyển 17.....	307
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 2) - Quyển 18.....	329
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 3) - Quyển 19.....	360
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 4) - Quyển 20.....	402

Phụ Lục:

Hiển Dương Thánh Giáo Luận Tụng	439
---------------------------------------	-----



(Hai)

A. Duyên khởi

B. Chánh minh Du-già

B1. Văn trì

B1.1. Biết pháp là biết về 9 sự (phẩm Nhiếp sự)

B1.2. Biết nghĩa là biết 4 tướng (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa)

B2. Tu hành

B2.1. Thành tựu sở duyên (phẩm Thành thiện xảo)

B2.2. Thành tựu gia hành

a. Biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường)

b. Biến tri khổ (phẩm Thành khổ)

c. Biến tri không (phẩm Thành không)

d. Biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh)

B2.3. Thành tựu thú nhập

a. Quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán)

b. Nhân Du-già (phẩm Thành Du-già)

B3. Tư trạch

B3.1. Giải trạch về bất khả tư nghị (phẩm Thành bất tư nghị)

B3.2. Quyết trạch về tối thắng (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch)

C. Quy kết năm địa Du-già (trì, trú, minh, kính, chuyển y)



(Ba)

I. Phẩm Nhiếp sự: có 9 sự nhiếp hết giáo pháp của Phật.

1. Sự Nhất thiết, có 5 (kệ 2ab)

2. Sự Giới, có 2 (kệ 2cd)

3. Sự Tạp nhiễm, có 3 (kệ 3ab)

4. Sự Đế, có 6 (kệ 3c)

5. Sự Y chỉ, có 2 (kệ 3d)

6. Sự Giác phân, có 28 (kệ 4 – 7)

7. Sự Bồ-đặc-già-la, có 11 (kệ 8 – 10)

8. Sự Quả, có 8 (kệ 11 – 13)

9. Sự Công đức, có 20 (kệ 14 – 16)

10. Tổng liệu giản:

a. Quyết định về số, thứ tự (kệ 17 – 19)

b. Tư lượng pháp môn (kệ 20): qua 4 ôn-đà-nam già-tha, tư lượng 45 pháp môn.

c. Tu hành pháp môn (kệ 21)

II. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa: Biết nghĩa qua 4 sắc thái.

1. Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)

2. Sắc thái tự thể (kệ 3 – 7)

3. Sắc thái thanh tịnh (kệ 8, 9)

4. Sắc thái biện giáo (kệ 10)

4.1. Nêu chung bảy loại

4.2. Tùy loại riêng giải:

a. Thánh hành có 4 thứ



- b. Vô thượng thừa có 5 thứ (vô thượng thừa đa chủng)
- c. Đại bồ-đề có 5 thứ (đại bồ-đề đa chủng)
- d. Công đức có 27 thứ (công đức đa chủng), qua 5 ôn-đà-nam (tụng 1 - 5), cf. Luận Du-già, Bồ-tát địa, quyển 46, tr. 545b-549b.
- e. Di luận có 16 thứ, qua 3 ôn-đà-nam (tụng 6 - 8), cf. Luận Du-già, Hữu tâm hữu tứ đẳng tam địa, quyển 6 và 7, tr. 303b-313a.
- f. Luận pháp có 7 thứ nhân minh, qua 1 ôn-đà-nam (tụng 9), cf. Luận Du-già, Văn sở thành địa, quyển 15, tr. 355a-360c.
- g. Thích phần có 7 thứ, qua 2 ôn-đà-nam (tụng 10, 11), cf. Luận Du-già, Nhiếp thích phần, quyển 80 và 81, tr. 749c-754c.

III. Phẩm Thành thiện xảo:

- 1. Nêu 7 thiện xảo (kệ 1)
- 2. Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2 – 10)
- 3. Phân biệt thích nghĩa
 - 3.1. Uẩn (kệ 11, 12)
 - 3.2. Giới (kệ 13, 14)
 - 3.3. Xứ (kệ 15, 16)
 - 3.4. Duyên khởi (kệ 17, 18)
 - 3.5. Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
 - 3.6. Căn (kệ 21, 22)
 - 3.7. Đế (kệ 23, 24)
- 4. Tổng kết 23 thứ sai biệt (kệ 25)

IV. Phẩm Thành vô thường:

- 1. Kiến lập sắc thái vô thường (thể tánh và sai biệt)



- 1.1 Thể tánh của vô thường (kệ 1)
- 1.2 Sai biệt của vô thường (kệ 2)
 - 1.2.1 Sáu thứ vô thường
 - 1.2.2 Tám thứ vô thường
 - 1.2.3 Vô tánh vô thường
 - 1.2.4 Biến dị vô thường: 15 loại và 8 duyên (kệ 3, 4)
 - 1.2.5 Nghĩa của vô thường: 8 thứ vô thường và 3 cõi
- 1.3 Ba tướng sở nhiếp: 6 thứ vô thường và ba tánh (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác:
 - 2.1. Nghĩa vô thường đều khổ (kệ 6)
 - 2.2. Nghĩa sát-na vô thường: 3 nhân thành lập (kệ 7 – 12) (sát-na diệt luận)
- 3. Đối trị chướng ngại chấp thường (phê phán thuyết thường hằng)
 - 3.1. Ngã là thường, bất thành (kệ 13)
 - 3.2. Tự tại là thường, bất thành (kệ 14)
 - 3.3. Tự tánh là thường, bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4. Cực vi thường trú, bất thành (kệ 17)
 - 3.5. Hiểu biết (: giác) là thường, bất thành (kệ 18)
- 4. Thuyết thành biến tri (tu tập pháp vô thường)
 - 4.1. Xem xét ngu si (kệ 19 – 21)
 - 4.2. Nói rõ trí tuệ (kệ 22 - 23)

V. Phẩm Thành khổ:

- 1. Kiến lập sắc thái khổ
 - 1.1. Sắc thái phổ quát các khổ (kệ 1)
 - 1.2. Phân biệt ba khổ (kệ 2 – 6)



1.3. Sai biệt 55 khổ (kệ 7, 8)

1.4. Sai biệt 2 đế (kệ 9, 10)

1.5. Sai biệt 8 khổ (kệ 11, 12)

1.6. Sai biệt 3 đời (kệ 13)

2. Thích thành biến tri

2.1. Xem xét ngu si (kệ 14 – 18)

2.2 Nói rõ trí tuệ (kệ 19, 20)

VI. Phẩm Thành không:

1. Kiên lập sắc thái không

1.1. Tự tướng (kệ 1)

1.2. Thâm tướng (kệ 2ab)

1.3. Biệt tướng (kệ 2cd)

2. Đối trị chướng ngại chấp ngã

2.1. Dựa vào uẩn chấp ngã, bất thành (kệ 3, 4)

2.2. Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành (kệ 5 – 9)

2.3. Những vấn nạn chấp ngã, bất thành (kệ 10 – 17)

3. Thích thành biến tri

3.1. Sở trị là ngã kiến (kệ 18)

3.2. Năng trị là 16 không (kệ 19)

3.3. Sở đoạn là 6 ngu si (kệ 20)

3.4. Năng chứng là trí tu (kệ 21 – 23)

VII. Phẩm Thành vô tánh:

1. Kiên lập sắc thái vô tánh

1.1. Tổng thuyết tánh và vô tánh (kệ 1, 2)

1.2. Biệt thành tánh biến kế:



a. Danh và nghĩa cùng làm khách vô thể (kệ 3 – 6)

b. Biến kế bất đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)

c. Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)

1.3. Biệt thành tánh y tha:

a. Nhân vì nhiễm có thể thủ đắc nên có (kệ 10)

b. Tướng và thô trọng duyên sinh nhau là thể (kệ 11)

c. Không xác định là có không nên nói thể tục có (kệ 12, 13)

1.4. Biệt thành tánh viên thành thật

a. Thắng nghĩa đế là tự tánh (kệ 14, 15)

b. Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 16, 17)

2. Thích thành biến tri

2.1. Ngăn chặn pháp chấp làm nhân sinh chấp (kệ 18)

2.2. Lìa chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20ab)

2.3. Do 4 đạo lý nên chuyển y là bất khả tư nghị (kệ 20cd, 21)

2.4. Chuyển y sai biệt, trí Phật thì tối thắng (kệ 22 – 24)

VIII. Phẩm Thành hiện quán:

1. Bảy môn quyết trạch

1.1. Tam giới sự làm sở quán (kệ 1) – cảnh giới hiện quán

1.2. Xuất thế trí làm năng quán (kệ 2) – trí hiện quán

1.3. Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3) – xứ hiện quán

1.4. Tam thừa năng nhập mà duy tâm vô ngã (kệ 4 – 6) – 5 bậc hiện quán

1.5. Bồ-đề phân để vào thứ đệ (kệ 7, 8) – thứ đệ hiện quán

1.6. Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10) – vĩnh



đoạn 3 kết

1.7. Giản trách cứu cánh quyết định để nhập tướng (kệ 11 – 13) – tướng trạng hiện quán

2. Thành tu tập thứ đệ

2.1. Ba loại thứ đệ quay về ba tịnh (kệ 14 – 16) – tu tập thứ đệ hiện quán

2.2. Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17 – 19) – nhập thứ đệ hiện quán: gia hành đạo

2.3. Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20 – 23): kiến đạo (6 thứ thanh tịnh trí, 5 thứ tâm bình đẳng)

2.4. Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24): tu đạo

2.5. Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25) – hiện quán sai biệt

IX. Phẩm Thành Du-già:

1. Tổng nêu bát-nhã làm thể (kệ 1)
2. Biệt thích các nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
3. Biệt thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)

X. Phẩm Thành bất tư nghị:

1. Chung nói 9 bất tư nghị, nhân duyên được mất (kệ 1, 2)
2. Riêng làm rõ những sự bất tư:
 - 2.1. Ngã (kệ 3)
 - 2.2. Hữu tình và khí thể giới (kệ 4)
 - 2.3. Nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4. Cảnh giới bậc tính lự và cảnh giới chư Phật (kệ 6)
 - 2.5. Bất tư vô ký sự (kệ 7) – (7) 14 bất khả ký sự



2.6. Tư bất tư công đức, tội lỗi (kệ 8, 9) – (8) Phi chánh pháp, (9) Sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

2.7. Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

XI. Phẩm Nhiếp thắng quyết Trạch:

I. Tổng minh 10 tướng: 1. Số; 2. Tướng; 3. Sai biệt; 4. Hữu tánh; 5. Xứ sở; 6. Biên tế; 7. Sinh khởi; 8. Tướng; 9. Thiện xảo; 10. Nhiếp. (kệ 1)

II. Quyết Trạch 9 sự:

1. Sự nhất thiết (kệ 2, tụng 1 và 2, kệ 3 - 12)
2. Sự giới (kệ 13)
3. Sự tạp nhiễm (kệ 15 - 21)
4. Sự đế (kệ 22 - 25)
5. Sự y chỉ (kệ 26 - 31)
6. Sự giác phần (kệ 32 - 36)
7. Sự bổ-đặc-già-la (kệ 37)
8. Sự quả (kệ 38)
9. Sự công đức (kệ 39 - 45)

III. Kết quy 5 địa (kệ 46)



(Bốn)

Hiển dương Thánh giáo luậnDu-già luận (quyển)

A. Tựa duyên khởi

B. Chánh minh Du-già:

1. Văn trì – Biết pháp qua 9 sự:

Phẩm Một – Nhiếp sựQuyển 1

I. Biết pháp qua 9 sự: (kệ 1)

1. **Sự Nhất thiết**, có 5: (kệ 2ab)..... 1~3

1.1.1 Tâm pháp (8) 1, 51

1.1.2 Tâm sở pháp (51)..... 3, 55, 58

1.1.3 Sắc pháp (15)..... 27, 53, 54

1.1.4 Bất tương ưng hành pháp (24)..... 52

1.1.5 Vô vi pháp (8)..... 53, 77

1.2 Biệt thích nghĩa pháp tướng

2. **Sự Giới, có 2: (kệ 2cd)**

2.1 Tam giới: Dục, Sắc, Vô sắc 43

2.2 Tam thiên thế giới..... 2

3. **Sự Nhiễm tịnh**, có 3: (kệ 1-3ab)..... 8

3.1 Phiền não tạp nhiễm

3.2 Nghiệp tạp nhiễm

3.3 Sinh tạp nhiễm

4. **Sự Đế**, có 4: (kệ 3c)..... **Quyển 2**



4.1.1 Thế tục đế

4.1.2 Thắng nghĩa đế

4.1.3 Khổ đế

4.1.4 Tập đế

4.1.5 Diệt đế

4.1.6 Đạo đế

4.2 Biệt thích nghĩa Thánh đế

5. **Sự Y chỉ**, có 2 thứ 8: (kệ 3d)..... 11, 12, 43

5.1.1 Thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ

5.1.2 Xuất thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ

5.2 Biệt thích định tướng 4 môn

6. **Sự Giác phần**, có 28:..... 28, 29

6.1 Bốn niệm trú (kệ 4ab)

6.2 Bốn chánh đoạn

6.3 Bốn thần túc

6.4 Năm căn

6.5 Năm lực

6.6 Bảy biến giác chi

6.7 Tám Thánh đạo chi

6.8 Mười chủng trí (kệ 4cd)..... 34

6.9 Ba giải thoát môn..... 28, 74

6.10 Bốn chủng hành..... 26

6.11 Bốn pháp tích

6.12 Chỉ quán..... 45

6.13 Bốn cư xứ (kệ 5)



6.14	Bốn chủng y.....	45
6.15	Phát tâm.....	35, 40
6.16	Bi mẫn.....	44
6.17	Mười thứ pháp hành.....	74
6.18	Bảy thứ thông đạt.....	Quyển 3 64
6.19	Mười địa.....	78
6.20	Mười ba-la-mật-đa.....	78
6.21	Bốn thứ Bồ-tát hành (kệ 6).....	49
6.22	Bốn nhiếp sự.....	43
6.23	Đà-la-ni.....	45
6.24	Tam-ma-địa.....	12, 45
6.25	Năm vô lượng tác ý.....	46
6.26	Bảy thứ tác ý biến mãn chân như (kệ 7).....	77
6.27	Tín giải bất tư nghị.....	77
6.28	A-thê-da rộng lớn.....	77
6.29	Kết số	
7.	Sự Bồ-đặc-già-la, có 11:	21, 26, 64
7.1	Bảy loại Hiền Thánh: Tùy tín hành, v.v... (kệ 8)	
7.2	Tám bậc Thánh quả: Dự lưu hướng, v.v...	
7.3	Tám bậc theo sự sinh: Cực thất phản, v.v...	
7.4	Sáu quả Vô học: Thối pháp, v.v...	
7.5	Bảy hạng dựa theo căn: nhuyển căn, v.v... (kệ 9)	
7.6	Tại tục	
7.7	Ba thừa: Thanh văn thừa, v.v...	



7.8	Khả cứu – bất khả cứu (kệ 10)	
7.9	Nhập phương tiện, v.v... có 9	
7.10	Sinh sai biệt có 2	
7.11	Các giới sai biệt nên biết 13 bậc	
8.	Sự Quả, có 8:	
8.1.1	Năm thứ quả đoạn (kệ 11).....	59
8.1.2	Chín biến tri.....	57
8.1.3	Chín thứ thanh tịnh.....	94
8.1.4	Bốn chứng tịnh.....	64
8.1.5	Bốn sa-môn quả.....	29
8.1.6	Ba thứ quả.....	27
8.1.7	Ba thứ Bồ-đề.....	13
8.1.8	Mười pháp Vô học.....	34
8.1.9	Kết số	
8.2	Biệt thích 5 môn của nghĩa đoạn (kệ 12, 13).....	59
9.	Sự Công đức, có 20:	Quyển 4
9.1	Tám loại cộng pháp:	
9.1.1	Bốn vô lượng (kệ 14).....	11, 12
9.1.2	Tám giải thoát.....	11, 12
9.1.3	Tám thắng xứ.....	11, 12
9.1.4	Mười biến xứ.....	11, 12
9.1.5	Vô tránh 69	
9.1.6	Diệu nguyện trí.....	69
9.1.7	Bốn vô ngại giải.....	45
9.1.8	Sáu thần thông.....	37



9.2	Mười hai loại bất cộng pháp:.....	49, 50
9.2.1	Ba mươi hai tướng đại tượng phu (kệ 15)	
9.2.2	Tám mươi vẻ đẹp	
9.2.3	Bốn Nhất thiết tướng thanh tịnh	
9.2.4	Như lai mười lực	50
9.2.5	Bốn vô úy	5, 50
9.2.6	Ba bất hộ	
9.2.7	Ba niệm trú	
9.2.8	Vĩnh đoạn các tập khí	
9.2.9	Không quên mất diệu pháp (kệ 16)	
9.2.10	Như lai đại bi	
9.2.11	Mười tám pháp bất cộng của Phật	
9.2.12	Nhất thiết chủng diệu trí	
9.3	Trình bày rộng	
10. Tổng phân biệt		
10.1	Xác định về số và thứ tự (kệ 17-19)	
10.2	Vô lượng pháp môn (kệ 1-20)	13
Pháp môn có 45 (tụng 1-4)		
Tụng 1: 12 pháp môn		
10.2.1	(1) Cú	
10.2.2	(2) Mê hoặc	
10.2.3	(3) Hý luận	
10.2.4	(4) Trú	
10.2.5	(5) Chân thật	
10.2.6	(6) Tịnh	



10.2.7	(7) Diệu	
10.2.8	(8) Tịch tĩnh	
10.2.9	(9) Tánh	
10.2.10	(10) Đạo lý	
10.2.11	(11) Giả thi thiết	
10.2.12	(12) Hiện quán	
Tụng 2: 14 pháp môn		
10.2.13	(13) Phương sở	
10.2.14	(14) Vị	
10.2.15	(15) Phân biệt	
10.2.16	(16) Tác	
10.2.17	(17) Chấp trì	
10.2.18	(18) Tăng	
10.2.19	(19) Giảm	
10.2.20	(20) Âm	
10.2.21	(21) Ngữ	
10.2.22	(22) Sở giác	
10.2.23	(23) Thượng	
10.2.24	(24) Viễn ly	
10.2.25	(25) Chuyển	
10.2.26	(26) Tàng hộ	
Tụng 3: 9 pháp môn		
10.2.27	(27) Giảm trạch	
10.2.28	(28) Hiện hành	
10.2.29	(29) Tùy miên	



10.2.30	(30) Trương thuộc	
10.2.31	(31) Chư tướng nhiếp	
10.2.32	(32) Trương ung	
10.2.33	(33) Thuyết	
10.2.34	(34) Nhiệm trì	
10.2.35	(35) Thứ đệ	
Tụng 4: 10 pháp môn		
10.2.36	(36) Sở tác	
10.2.37	(37) Cảnh	
10.2.38	(38) Du-già	
10.2.39	(39) Xa-ma-tha	
10.2.40	(40) Quán	
10.2.41	(41) Chư tác ý	
10.2.42	(42) Giáo thọ	
10.2.43	(43) Đức	
10.2.44	(44) Bò-đề	
10.2.45	(45) Thánh giáo	
10.3	Tu hành pháp môn (kệ 21)	64

B. Chánh minh Du-già: 1. Văn trì

Biết nghĩa qua 4 tướng:

Phẩm Hai – Nhiếp tịnh nghĩa..... Quyển 5

1.	Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)	
1.1	Thù thắng bất cộng	28
1.2	Thanh tịnh bất cộng	64, 77
2.	Sắc thái tự thể	



2.1	Tổng nêu hai đế (kệ 3)	
2.2	Lược thích (kệ 4)	92
2.3	Quảng thành:	
2.3.1	Bảy môn thiện xảo để thành tục (kệ 5)	53~56
2.3.2	Năm thứ sai biệt để thuyết chân (kệ 6)	Quyển 6 36, 72, 73
2.3.3	Biệt thành ba tánh (kệ 7)	74
3.	Sắc thái thanh tịnh	
3.1	Tổng minh bốn pháp: (kệ 8)	78
3.1.1	Nghe 12 phần giáo	25
3.1.2	Ba tối thắng quy y	
3.1.3	Ba học	28
3.1.4	Ba Bò-đề	
3.2	Phân biệt quảng thành: (kệ 9)	
3.2.1	Phân biệt 6 môn của sự nghe	13, 45
3.2.2	Phân biệt 3 môn của sự quy y:	
3.2.2.1	Thành tựu	74
3.2.2.2	Kiến lập	64
3.2.2.3	Sai biệt	64
3.2.3	Phân biệt 12 môn của sự học:	Quyển 7 22, 28, 33
3.2.3.1	Phân biệt sai biệt	27, 28
3.2.3.2	Phân biệt sinh khởi	28
3.2.3.3	Phân biệt chuyên dị	28
3.2.3.4	Phân biệt năng trị, sở trị	



3.2.3.5	Phân biệt năng dẫn tăng thượng sinh quyết định thắng	28
3.2.3.6	Pháp thuận pháp phần.....	28
3.2.3.7	Phân biệt bồ-đặc-già-la	
3.2.3.8	Phân biệt hạ, trung, thượng	
3.2.3.9	Phân biệt Du-già.....	28
3.2.3.10	Phân biệt tác ý.....	33
3.2.3.11	Phân biệt dẫn phát	
3.2.3.12	Phân biệt hỏi đáp.....	22
3.2.4	Phân biệt 5 môn của Bồ-đề:	
3.2.4.1	Chủng tánh	
3.2.4.2	Phương tiện.....	42
3.2.4.3	Thời	
3.2.4.4	Chứng giác	
3.2.4.5	Giải thoát	
4.	Sắc thái biện giáo.....	Quyển 8
4.1	Tổng nêu 7 loại (kệ 10)	
4.2	Tùy loại biệt thích:	
4.2.1	Thánh hành có 4.....	49
4.2.2	Vô thượng thừa có 5.....	13
4.2.3	Đại Bồ-đề có 5.....	74
4.2.4	Công đức có 27:.....	46
(a)	Tụng 1: 7 công đức	
4.2.4.1	(1) Đặc thù	
4.2.4.2	(2) Phi đặc thù	
4.2.4.3	(3) Bình đẳng tâm	



4.2.4.4	(4) Lợi ích	
4.2.4.5	(5) Báo ân	
4.2.4.6	(6) Hân tán	
4.2.4.7	(7) Phương tiện hành	
(b)	Tụng 2: 7 công đức	
4.2.4.8	(8) Phương tiện không điên đảo	
4.2.4.9	(9) Thối đọa	
4.2.4.10	(10) Thắng tiến	
4.2.4.11	(11) Công đức tương tự	
4.2.4.12	(12) Công đức chân thật	
4.2.4.13	(13) Khéo điều phục hữu tình	
(c)	Tụng 3: 5 công đức	
4.2.4.14	(14) Các Bồ-tát thọ ký	
4.2.4.15	(15) Rơi vào số quyết định	
4.2.4.16	(16) Định tác	
4.2.4.17	(17) Thường phải tác	
4.2.4.18	(18) Pháp tối thắng	
(d)	Tụng 4 và 5: 9 công đức	
4.2.4.19	(19) Các thi thiết kiến lập	
4.2.4.20	(20) Tầm tư tất cả pháp	
4.2.4.21	(21) Như thật biến tri	
4.2.4.22	(22) Các vô lượng	
4.2.4.23	(23) Tuyên thuyết quả lợi ích	
4.2.4.24	(24) Tánh Đại thừa	
4.2.4.25	(25) Nhiếp tánh	



4.2.4.26	(26) Bồ-tát có 10 bậc	40
4.2.4.27	(27) Thiết lập các danh hiệu	
4.2.5	(e) Tụng 6~8: 16 thứ dị luận	Quyển 9
		6, 7
4.2.5.1	Nhân trung hữu quả luận	
4.2.5.2	Tùng duyên hiển liễu luận	
4.2.5.3	Khứ lai thật hữu luận	
4.2.5.4	Kế ngã luận	
4.2.5.5	Kế thường luận*	54
4.2.5.6	Túc tác nhân luận	Quyển 10
4.2.5.7	Tự tại đẳng tác giả luận	
4.2.5.8	Hại vi chánh pháp luận	
4.2.5.9	Biên vô biên luận	
4.2.5.10	Bất tử kiêu loạn luận	
4.2.5.11	Vô nhân kiến luận	
4.2.5.12	Đoạn kiến luận	
4.2.5.13	Không kiến luận	
4.2.5.14	Vọng kế tối thắng luận	
4.2.5.15	Vọng kế thanh tịnh luận	
4.2.5.16	Vọng kế cát tường luận	
4.2.5.17	Tổng kết	
4.2.6	(f) Tụng 9: 7 thứ luận pháp	Quyển 11
		15
4.2.6.1	Luận thể tánh	
4.2.6.2	Luận xứ sở	



4.2.6.3	Luận sở y	
4.2.6.4	Luận trang nghiêm	
4.2.6.5	Luận đọa phụ	
4.2.6.6	Luận xuất ly	
4.2.6.7	Luận đa sở tác pháp	
4.2.7	(g) Tụng 10 và 11: 7 thứ luận pháp	Quyển 12
		81, 82
4.2.7.1	Thê	
4.2.7.2	Thích	
4.2.7.3	Sư	
4.2.7.4	Thuyết chúng	
4.2.7.5	Thính.....	Quyển 13
4.2.7.6	Tán Phật quảng lược	
4.2.7.7	Học thắng lợi	86
4.2.7.8	Biệt minh 6 tướng	
5.	Năm tổng kết	
B.	Chánh minh Du-già: 2. Tu hành	
	Thành sở duyên:	
Phẩm Ba	– Thành thiện xảo	Quyển 14
1.	Nêu 7 thiện xảo (kệ 1).....	57
2.	Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2-10)	
3.	Phân biệt thích nghĩa	27, 53
3.1	Uẩn (kệ 11, 12)	
3.2	Giới (kệ 13, 14)	
3.3	Xứ (kệ 15, 16)	



- 3.4 Duyên khởi (kệ 17, 18)
- 3.5 Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
- 3.6 Căn (kệ 21, 22)
- 3.7 Đế (kệ 23, 24) 55
- 4. Tổng 23 thứ sai biệt (kệ 25)

B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành gia hành:

Tổng nêu 4 biến trí về khổ đế:

(Một) Vô thường 34, 46, 52, 67, 81, 86

Phẩm Bốn – Thành vô thường Quyển 14

- 1. Kiến lập vô thường (kệ 1)
 - 1.1 Thê tánh sai biệt (kệ 2 – 4)
 - 1.2 Ba tướng được nhiếp (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác
 - 2.1 Nghĩa vô thường đều là khổ (kệ 6)
 - 2.2 Nghĩa sát-na vô thường, 3 nhân thành lập (kệ 7)
 - 2.2.1 Hành tùy tâm khởi (kệ 8)
 - 2.2.2 Diệt không đọi nhân (kệ 9 – 11)
 - 2.2.3 Trước sau biến đổi (kệ 12)
- 3. Đối trị chướng chấp thường
 - 3.1 Ngã thường trú bất thành (kệ 13) *6
 - 3.2 Đại Tự tại thường trú bất thành (kệ 14) *7
 - 3.3 Tự tánh thường trú bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4 Cực vi thường trú bất thành (kệ 17) *6
 - 3.5 Hiểu biết là thường bất thành (kệ 18)



4. Giải thích thành biến tri

- 4.1 Ngu si
 - 4.1.1 Thường không có mà dị chấp (kệ 19)
 - 4.1.2 Vô thường mà không biết (kệ 20)
 - 4.1.3 Vô thường kể đạt là thường (kệ 21)
 - 4.1.4 Hữu vi tướng không phải sát-na (kệ 22ab)
- 4.2 Trí tuệ
 - 4.2.1 Thú nhập 2 nhân (kệ 22cd)
 - 4.2.2 Trí thể có 6 thứ (kệ 22 ef)
 - 4.2.3 Duyên khởi 4 đạo lý (kệ 23)

(Hai) **Khổ**

Phẩm Năm – Thành khổ Quyển 15

- 1. Kiến lập khổ
 - 1.1 Các khổ thông tướng (kệ 1)
 - 1.2 Ba khổ sai biệt (kệ 2~6) 15, 27, 66, 70
 - 1.3 55 khổ sai biệt (kệ 8, 7) 44
 - 1.4 Hai đế sai biệt (kệ 9, 10)
 - 1.5 Tám khổ sai biệt (kệ 11, 12) 61
 - 1.6 Ba đời sai biệt (kệ 13)
- 2. Giải thích thành biến tri
 - 2.1 Ngu si
 - 2.1.1 Nơi khổ cảnh thật có, các ngu si chuyển (kệ 14)
 - 2.1.2 Do 4 thứ nhân, khởi niệm quên mất (kệ 15)
 - 2.1.3 Do 4 thứ nhân, vô công dụng chuyển (kệ 16)
 - 2.1.4 Do 4 thứ nhân, khởi 4 điên đảo (kệ 17)



2.1.5 Do không hiểu rõ 5 thứ nguyên nhân (kệ 18)	
2.2 Trí tuệ (kệ 19, 20)	
(Ba) Không	90
Phẩm Sáu – Thành không	Quyển 15
1. Kiến lập không	
1.1 Tự tướng (kệ 1)	
1.2 Thân tướng (kệ 2ab)	
1.3 Biệt tướng (kệ 2cd).....	77
2. Đối trị chướng chấp ngã	
2.1 Y triền chấp ngã, bất thành	
2.1.1 Tức ly và phi (kệ 3)	65
2.1.2 Trú ở giữa (kệ 4)	
2.2 Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành	
2.2.1 Làm thể (kệ 5, 6)	
2.2.2 Làm nghiệp dụng (kệ 7)	
2.2.3 Làm công cụ (kệ 8, 9)	
2.3 Những vấn nạn chấp ngã, bất thành	
2.3.1 Vô ngã có nhiễm tịnh (kệ 10)	
2.3.2 Vô ngã có thọ tác thoát (kệ 11)	
2.3.3 Vô ngã có chuyển hoàn (kệ 12, 13)	
2.3.4 Vô ngã có danh tướng (kệ 14, 15).....	6
2.3.5 Vô ngã khởi hữu tình giác (kệ 16, 17)	
3 Giải thích thành biến tri	
3.1 Sở trị ngã kiến (kệ 18)	
3.2 Năng trị 16 không (kệ 19)	75



3.3 Sở đoạn 6 ngu (kệ 20)	
3.4 Năng chứng trí tu:	
3.4.1 Trí có 8 loại (kệ 21)	
3.4.2 Tu có 16 sự (kệ 22).....	Quyển 16
	67
(Bốn) Vô tánh	
Phẩm Bảy – Thành vô tánh	Quyển 16
1. Kiến lập vô tánh	73, 74
1.1 Tổng thuyết tánh và vô tánh	*64
1.2 Biệt thành tánh biến kế sở chấp	
1.2.1 Danh và nghĩa hỗ tương làm khách vô thể (kệ 3~6)	
1.2.2 Biến kế không đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)	
1.2.3 Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)	36
1.3 Biệt thành tánh y tha khởi	
1.3.1 Do nhiễm khả đắc nên có (kệ 10)	
1.3.2 Tướng và thô trọng duyên nhau làm tướng (kệ 11)	
1.3.3 Có và không bất định nên nói tục hữu (kệ 12, 13)	
1.4 Biệt thành tánh viên thành thật	
1.4.1 Thắng nghĩa để làm tự tánh (kệ 14, 15)	
1.4.2 Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 21)	
2. Giải thích thành biến tri	
2.1 Vì pháp chấp mà khởi chúng sinh chấp (kệ 18)	
2.2 Ly chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20)	
2.3 Do 4 đạo lý nên chuyển y bất khả tư nghị (kệ 21)	27
2.4 Chuyển y sai biệt, trí Phật tối thắng (kệ 22, 23, 24)	



B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành thú nhập:

(Một) Quả hiện quán

Phẩm Tám – Thành hiện quánQuyển 16
34, 55, 71, 95

1. Bảy môn quyết trạch

- 1.1 Sự tam giới làm sở quán (kệ 1)
- 1.2 Trí xuất thế làm năng quán (kệ 2)
- 1.3 Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3)
- 1.4 Ba thừa năng nhập nên duy tâm vô ngã (kệ 4~6)
- 1.5 Bồ-đề phạm làm thứ đệ nhập (kệ 7~8)
- 1.6 Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10)
- 1.7 Giải trạch cứu cánh quyết định làm nhập tướng(kệ 11~13)

2. Quảng thành tu thứ

- 2.1 Ba loại thứ đệ nhiếp quy 3 tịnh (14~16)
- 2.2 Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17~19)
- 2.3 Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20~23) **Quyển 17**
- 2.4 Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24)
- 2.5 Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25)

(Hai) Quả Du-già 28

Phẩm Chín – Thành Du-giàQuyển 17

- 1. Học bát-nhã làm thể (kệ 1)
- 2. Thích nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
- 3. Thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)



B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Bất tư nghị:

Phẩm Mười – Thành Bất tư nghị Quyển 17
25, 64

- 1. Tổng thuyết 9 bất tư nghị, lý do được mất (kệ 1, 2)
- 2. Biệt thích:
 - 2.1 Không tư duy ngã (kệ 3)
 - 2.2 Không tư duy 2 giới tình khí (kệ 4)
 - 2.3 Không tư duy nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4 Không tư duy định cảnh, Phật cảnh (kệ 6)
 - 2.5 Không tư duy vô ký sự (kệ 7)
 - 2.6 Tư duy, không tư duy công đức và tội lỗi (kệ 8, 9)
 - 2.7 Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Tối thắng quyết trạch:

Phẩm Mười Một – Nhiếp thắng quyết trạchQuyển 17

I. Tổng minh 10 tướng (kệ 1)

II. Biệt tường 9 sự:

1. Quyết trạch sự nhất thiết:

- 1.1 Tâm, có 10 nghĩa:
 - 1.1.1 Tâm tánh 2 loại (kệ 2)..... 63
 - 1.1.2 8 tướng chứng có a-lại-da (tụng 1)..... 51
 - 1.1.3 5 tướng kiến lập a-lại-da (tụng 2)
 - 1.1.4 Y duyên kiến lập sai biệt (kệ 3).....**Quyển 18**



1.1.5	7 tướng khó hiểu	
1.1.6	3 nhân làm tâm trời buộc (kệ 4)	
1.1.7	6 thứ tán loạn (kệ 5)	
1.1.8	15 thứ an trú	
1.1.9	6 thứ duyên cảnh	69
1.1.10	Nhiều thứ sở trị	
1.2	Tâm sở, có 2 nghĩa:	
1.2.1	Duyên đồng, nghiệp biệt (kệ 6)	
1.2.2	5 biến hành thắng nghiệp (kệ 7)	55
1.3	Sắc pháp, có 8 nghĩa:.....	3, 54
1.3.1	Hương, vị bất biến (kệ 8)	
1.3.2	4 đại sở tạo biến khắp	
1.3.3	Thể giả của cực vi.....	3
1.3.4	7 sự không phải thật	
1.3.5	Vi tế tùy hòa hợp (kệ 9)	
1.3.6	Thiện ác theo tâm	
1.3.7	Nhiếp quy 3 tướng tương	
1.3.8	12 pháp xứ sắc	
1.4	Bất tương ưng hành, có 2 nghĩa: (kệ 10)	
1.4.1	6 thứ giả có	16
1.4.2	2 lỗi thành giả	
1.5	Tâm, tâm sở, v.v... do tánh nhân, có 6 nghĩa: (kệ 11)	
1.5.1	5 thứ: đồng loại, v.v... không phải nhân	5, 38
1.5.2	2 thứ nhân như lý	
1.5.3	5 thứ nhân tướng: sinh, v.v...	



1.5.4	15 thứ y xứ	
1.5.5	Nhân duyên quả sai biệt	
1.5.6	Kiến lập nhân, v.v...	
1.6	Vô vi một khi thành lập (kệ 12)	
2.	Quyết trạch sự giới: có 6 nghĩa	
2.1	12 tướng sai biệt (kệ 13)	
2.2	Năng sở trị sai biệt	
2.3	Chủ làm pháp vương (kệ 14)	
2.4	Nước biển đều mặn	
2.5	Ác thú trường thọ	
2.6	Đa dạng giới đồng nói là một	
3.	Quyết trạch sự tạp nhiễm:.....	Quyển 19
3.1	Phiền não , có 6 nghĩa:	
3.1.1	Ý hoặc chư môn phân biệt (kệ 15)	63
3.1.2	Đồng địa tục sinh (kệ 16)	
3.1.3	5 thứ: hiện hành, v.v..., mỗi có 20:	59
3.1.3.1	Hiện hành	
3.1.3.2	Duyên	
3.1.3.3	Tùy miên	
3.1.3.4	Cảnh	
3.1.3.5	Thô trọng	
3.1.4	5 sắc thái liễu tri	
3.1.5	4 nhân duyên nói tùy miên (kệ 17).....	8
3.1.6	3 nhân nói bất thiện	
3.2	Nghiệp , có 6 nghĩa:	8, 9



- 3.2.1 2 nghiệp, 13 thứ sai biệt (kệ 18)
- 3.2.2 6 quả 3 vị
- 3.2.3 5 thứ quyết định
- 3.2.4 Tự nghiệp, v.v... y 4 thứ (kệ 19)
- 3.2.5 Báo thực trước sau
- 3.2.6 Nghiệp thiện ác sai biệt
- 3.3 **Sinh**, có 6 nghĩa:..... 1, 9, 52
 - 3.3.1 Mạng chung định, bất định (kệ 20)
 - 3.3.2 6 nhân chết yếu
 - 3.3.3 Hiểu rõ 3 tâm khi mạng chung
 - 3.3.4 Trung hữu khi có, khi không có (kệ 21)
 - 3.3.5 Nhiễm tâm liên tục sinh khởi
 - 3.3.6 Xứ sở thọ sinh
- 4. **Quyết trạch sự đê**: có 6 nghĩa
 - 4.1 2 đế xuất thế (kệ 22)
 - 4.2 4 đế sai biệt (kệ 23) 27
 - 4.3 16 hành tướng (kệ 24)
 - 4.4 Nhân quả: biên tri, v.v...
 - 4.5 Huân thích 2 đế (kệ 25) 27
 - 4.6 4 đế, 3 tánh
- 5. **Quyết trạch sự y chỉ**:
 - 5.1 Kiến lập do 3 sở y (kệ 26)
 - 5.2 Tứ cú của 2 thứ thiện xảo 13
 - 5.3 Tĩnh lự chỉ có 4 (kệ 27) 62, 63
 - 5.4 Trị chướng của tĩnh lự



- 5.5 Chi phần của tĩnh lự
- 5.6 Nỗ lực viễn ly khổ
- 5.7 Về sau phân thắng dị
- 5.8 3 môn sơ cận phần (kệ 28)
- 5.9 Duyên âm thanh trong định
- 5.10 Xả 8 đẳng chí
- 5.11 4 thứ y nhân (kệ 29)
- 5.12 Nhiễm tịnh 3 định sai biệt (kệ 30)
- 5.13 Thoái lui liên tục
- 5.14 2 căn bất thoái (kệ 31)
- 5.15 Phát khởi dựa vào hạ địa
- 6. **Quyết trạch sự giác phần**: có 11 nghĩa
 - 6.1 Kiến lập phương tiện của 3 thừa (kệ 32) 45
 - 6.2 Niệm trú mỗi có 3 sai biệt (kệ 33) 28, 70
 - 6.3 Pháp quán niệm theo ảnh tượng
 - 6.4 9 chướng được đối trị (kệ 34)
 - 6.5 2 thứ tác ý
 - 6.6 3 thứ tu biệt
 - 6.7 2 thứ bất hoại
 - 6.8 *Đoạn trăm trạo ở tu đạo (kệ 35)*
 - 6.9 Quán sát xả hoặc, tận ái
 - 6.10 3 loại đối trị (kệ 36)
 - 6.11 3 tâm thú hướng tu tập
- 7. **Quyết trạch sự bổ-đặc-già-la**: có 3 nghĩa **Quyển 20**
 - 7.1 Căn sai biệt, kiến lập 5 duy 2 (kệ 37)



7.2	Giả thiết 5 nhân	
7.3	Thành mãn 3 sự	
8.	Quyết trạch sự quả: có 4 nghĩa	
8.1	<i>Đoạn hoặc, chuyển y (kệ 38)</i>	
8.2	2 nhân bất thoái	
8.3	3 nhân đoạn thành	
8.4	3 nhân ký quả	
9.	Quyết trạch sự công đức:	
9.1	Ba nghĩa chung thông:	
9.1.1	Kiến lập 17 tầng thượng (kệ 39)	
9.1.2	Vô biên đối trị sai biệt	
9.1.3	Tư duy 9 môn (kệ 40)	
9.1.3.1	Nghĩa	
9.1.3.2	Lạc	
9.1.3.3	Khổ	
9.1.3.4	Tác ý	
9.1.3.5	Trú	
9.1.3.6	Gian nan.....	48
9.1.3.7	Tướng	47
9.1.3.8	<i>Đặc thù</i>	
9.1.3.9	Phi đặc thù	
9.2	Tám nghĩa không chung thông:	
9.2.1	5 nhân chủng tánh sai biệt (kệ 41).....	67
9.2.2	10 nhân Đại thừa là Phật thuyết	
9.2.3	6 nhân nhiều Phật cùng xuất hiện.....	38



9.2.4	6 nhân Phật thuyết nhất thừa	
9.2.5	Chư Phật bình đẳng (kệ 42)	
9.2.6	Phật sự nhậm vận (kệ 43)	
9.2.7	3 tạng được thuyết (kệ 44).....	78
9.2.7.1	Kinh.....	85
9.2.7.2	Luật	
9.2.7.3	Bản mẫu.....	81, 100
9.2.8	Lược thuyết kinh nghĩa (kệ 45)	
C.	Kết quy 5 địa (kệ 46)	





DẪN NHẬP

Luận Hiển dương Thánh giáo 顯揚聖教論, tiếng Phạn là Ārya-sāsana-prakarāṇa-śāstra hay *Prakaranaryavaca-sastra* (Acclamation of the Scriptural Teaching/ Treatise of Acclamation of the Sagely Teaching), là một bộ luận trọng yếu của Phật giáo Đại thừa Duy thức tông, do đại sĩ Vô Trước (無著, 310-390) trước tác. Về hệ thống truyền thừa của Duy thức tông, nó bắt nguồn từ sau khi đức Phật nhập diệt 900 năm, ở Ấn độ có Bồ-tát Di Lặc ra đời nói luận Du-già sư địa; ngài Vô Trước vâng theo ý chỉ của luận này mà soạn ra các bộ: luận Đại thừa trang nghiêm kinh, luận Nhiếp đại thừa và luận Hiển dương Thánh giáo. Vào đời Đường, ngài Huyền Trang (玄奘, 602-664) phiên dịch luận này ra chữ Hán.¹

Luận này còn được gọi là Tổng bao chúng nghĩa luận 總苞眾義論, Quảng bao chúng nghĩa luận 廣苞眾義論 (vì bao quát các nghĩa của 10 chi luận), và gọi tắt là Hiển dương luận. Luận này có 20 quyển, nằm trong Đại chánh tân tu đại tạng kinh, tập 31, No. 1602. Luận này làm cho yếu nghĩa của bộ luận Du-già sư địa được sáng tỏ rạch ròi nhất, nên gọi là Hiển dương Thánh giáo, hoặc Tiểu Du-già luận. Luận này là

¹Đại Đường Tây Vực Ký, No. 2087, quyển 5, A-du-đà quốc, có ghi: “Phía Tây Nam kinh thành, khoảng 5 đến 6 dặm, có một già-lam cổ kính, nằm giữa khu rừng cây am-một-la, là trú xứ Bồ-tát A-tăng-già (Vô Trước, Asaṅga) vừa thỉnh cầu thọ giáo vừa dẫn dắt phàm phu. Bồ-tát Vô Trước mỗi đêm lên thiên cung thọ học với Bồ-tát Từ Thị các bộ luận như Du-già sư địa luận, Trang nghiêm Đại thừa kinh luận, Trung biên phân biệt luận, v.v..., rồi ban ngày vì đại chúng mà tuyên giảng những diệu lý.” (tr. 896b20)



một trong 10 chi luận Du-già²; là một trong 11 bộ luận của tông Duy thức³ và là chỗ y cứ của luận Thành duy thức⁴. Thánh giáo là giáo pháp của Phật. Trong nghĩa hẹp, Thánh giáo là “sáu kinh, mười một luận”⁵, là “một kinh, một luận.”⁶

Tìm trong Hiển dương luận có thể thấy một số định nghĩa về Thánh giáo, như sau: (1) Mười hai phần Thánh giáo: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 508c15); (2) “*Các việc ác chớ làm, Các việc lành vâng làm, Khéo điều phục tâm mình, Đó lời chư Phật dạy.*” (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 536a05); (3) Đức Bạc-già-phạm dựa vào ba xứ: sự, thời và bổ-đặc-già-la để lưu bố Thánh giáo, cho nên gọi là y xứ. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 538a25); (4) Thứ đệ, lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn;

2Mười chi luận Du-già: 1. Luận Đại thừa bách pháp minh môn; 2. Luận Đại thừa ngũ uẩn; 3. Luận Hiển dương Thánh giáo; 4. Luận Nhiếp Đại thừa; 5. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập tập; 6. Luận Biên trung biên; 7. Luận Duy thức nhị thập; 8. Luận Duy thức tam thập; 9. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 10. Luận Phân biệt Du-già.

3Mười một luận của tông Duy thức: 1. Luận Du-già sư địa; 2. Luận Hiển dương Thánh giáo; 3. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 4. Luận Tập lượng; 5. Luận Nhiếp Đại thừa; 6. Luận Thập địa kinh; 7. Luận Quán sở duyên duyên; 8. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập; 9. Luận Duy thức nhị thập; 10. Luận Biên trung biên; 11. Luận Phân biệt Du-già.

4Luận Thành duy thức 成唯識論 là bộ luận căn bản quan trọng của Pháp tướng tông của Trung Hoa, là để giới thiệu một vài lý thuyết đặc biệt của Thế Thân (世親, Vasubandhu, 320-400 CN) và Hộ Pháp (護法, Dharmapaala, 530-561 CN) cho những học giả Phật giáo là tông phái Duy thức mới hình thành vào triều đại nhà Đường.

5Sáu kinh là:

1. Kinh Hoa nghiêm (có 2 bản dịch, 1 của ngài Phật-đà Bạt-đà-la và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
2. Kinh Giải thâm mật (có 2 bản dịch, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Huyền trang).
3. Kinh Như lai xuất hiện công đức trang nghiêm (không có bản Hán văn).
4. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (được nhắc đến trong Nhiếp đại thừa luận, Du-già sư địa luận nhưng không có bản Hán văn, có lẽ đã thất truyền).
5. Kinh Lăng già (có 3 bản dịch, 1 của ngài Cầu-na Bạt-đà-la, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
6. Kinh Hậu nghiêm (chưa truyền dịch, có thuyết cho rằng đây là kinh Đại thừa mật nghiêm do ngài Nhật Chiêu dịch).

6Một kinh là kinh Giải thâm mật. Một luận là luận Du-già sư địa.



2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành. Vì muốn hiển thị ba thứ đệ này, lược dẫn Thánh giáo. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 539b19) ; (5) Đạo lý và Thánh giáo: Thánh giáo là ba thứ Thánh ngôn, như trong kinh có nói: “*Tâm dẫn thế gian đi, tâm lực để phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi, tự tại đều tùy chuyển.*” Lại nói: “*Cho nên bí-sô! Hãy khéo chuyên tinh, như chánh đạo lý, quán sát nơi tâm.*” Lại nói: “*Bí-sô nên biết! Nói thành chủ tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.*” (phẩm Thành vô thường, 548c27-549a03)

Tất cả có hơn 252 bài tụng, cuối quyển có phụ thêm Hiển dương Thánh giáo luận tụng 顯揚聖教論頌, 1 quyển, No. 1603, cũng gọi là Hiển dương luận tụng.

Những sách chú thích của luận này gồm có: *Nhập Du-già luận* (sa. yogāvātāra), một luận giải về phẩm Thành Du-già của ngài Trần Na 陳那, hiện còn bản Tạng ngữ. *Hiển dương sơ* 顯揚疏, 1 quyển, của ngài Khuy Cơ 窺基 đời Đường; *Hiển dương luận sơ* 顯揚論疏, 8 quyển, của ngài Cảnh Hưng 璟興 người Tân la 新羅, v.v... nhưng đều đã thất truyền. Phật giáo thời hiện đại thì có: Âu Dương Cảnh Vô 歐陽竟無 (1871 – 1943), *Hiển dương luận*, Nội học viện China, 1936; Lữ Trung 呂澂 (1896 – 1989), *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý* 顯揚聖教論大意, Nội học viện China, 1924; Đàm Huyền 談玄, *Hiển dương Thánh giáo luận dữ Du-già sư địa luận tỷ giáo* 顯揚聖教論與瑜伽師地論比較; Hayashima Osamu (Tảo Đảo Lý 早島理), đại học Ryukoku, Kyoto, *Hiển dương Thánh giáo luận nghiên cứu tự* 顯揚聖教論研究序, cùng những biên khảo xuất sắc khác về luận này bằng Nhật ngữ của ông.

Ngày nay, tại Bảo tàng lịch sử Seoul (the Seoul Museum of History) ở Nam Hàn, có trưng bày một bản in Hiển dương Thánh



giáo luận được cho là bản kinh xưa nhất của Sơ điều bản⁷ Cao ly tạng (Tripitaka Koreana). Có khoảng 300 bản in của Sơ điều bản vẫn tồn tại ở Hàn quốc, nhưng số lượng Sơ điều bản ở Nhật bản là 2.400 bản in, trong đó phần lớn được lưu trữ tại chùa Nam Thiên (Nanzen), Kyoto, còn lại khoảng 600 bản in được lưu trữ ở Bảo tàng lịch sử dân gian Tsushima (the Tsushima Folk History Museum) cùng những nơi khác.⁸

Hiển dương luận và Hiển dương Thánh giáo luận tụng do ngài Huyền Trang dịch thành 2 bản riêng biệt, cho nên giới học giả thắc mắc không biết 2 tác phẩm này có cùng một tác giả hay là khác. Về vấn đề này, học giả Nhật bản là ông Vũ tinh Bá thọ 宇井伯壽 (Uihakujū, 1882-1963) cho rằng Hiển dương luận là tác phẩm của ngài Thế Thân 世親, còn Hiển dương Thánh giáo luận tụng mới là tác phẩm của ngài Vô Trước. Quan điểm của ông là: Luận Tam vô tánh 三無性論 (No. 1617, 2 quyển, do ngài Chân Đế 真諦 dịch) tương đương với phần văn luận giải của phẩm Thành vô tánh trong luận Hiển dương, còn luận Tam vô tánh và luận Chuyển thức 轉識論 (cũng do ngài Chân đế dịch) đều là một phần của luận Vô tướng 無相論. Và lại, luận Chuyển thức và Tam thập duy thức tụng 三十唯識頌 của ngài Thế Thân là cùng một bản mà dịch khác, cho nên biết luận Vô tướng là tác phẩm của ngài Thế Thân. Cũng cứ theo đó mà suy thì biết luận Hiển dương hẳn là văn chú thích của ngài Thế Thân.

Luận Hiển dương không tìm thấy trong Đại tạng kinh Tây tạng

⁷ Sơ điều bản của Cao ly tạng (First edition of Tripitaka Koreana) được khắc in vào năm 1011, dùng Thục Bản (còn gọi là Bắc Tống tạng bản hay Khai bảo tạng, 971~983) làm gốc, thêm vào các soạn thuật ghi trong Trình Nguyên Mục lục, hoàn thành năm 1082. Tái điều bản (Second edition) được khắc in từ năm 1236 đến năm 1251 để cầu nguyện đẩy lùi quân Nguyên, và hiện được cất giữ tại Tàng kinh các của chùa Hải Ấn (Haein), ở Hapcheon, tỉnh South Gyeongsang.

⁸ Số lượng Sơ điều bản lưu trữ ở Nhật bản gấp 8 lần số lượng ở Hàn quốc, và chất lượng của nó cũng tốt hơn.



(Tibetan Tripitaka; Kagyur & Tangyur); dù vậy Du-già sư địa luận (No. 4035~4042) là bộ luận căn bản và quan trọng của Phật giáo Tây tạng. Các học giả phương Tây dường như không chú ý đến luận Hiển dương, vì lẽ không có Phạn bản và Tây tạng bản của luận này.

Về thời gian phiên dịch, Hiển dương Thánh giáo luận được ngài Huyền Trang dịch từ ngày 1 tháng 10 năm Trinh Quán thứ 19 (645) nhà Đường, ở Phiên kinh viện, chùa Hoằng Phúc, đến ngày 15 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 20 (646) thì xong, sa-môn Trí Chứng, v.v... ghi lại. Hiển dương Thánh giáo luận tụng được Huyền Trang dịch vào ngày 10 tháng 6 năm Trinh Quán thứ 19, sa-môn Biện Cơ ghi lại.⁹

Nội dung luận Hiển dương gồm có 11 phẩm, không ngoài 4 pháp là Giáo, Lý, Hành, Quả:

1. Phẩm Nhiếp sự (quyển 1 – 4)
2. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5 – 13)
3. Phẩm Thành thiện xảo (quyển 14)
4. Phẩm Thành vô thường (quyển 14)
5. Phẩm Thành khổ (quyển 15)
6. Phẩm Thành không (quyển 15 và 16)
7. Phẩm Thành vô tánh (quyển 16)
8. Phẩm Thành hiện quán (quyển 16 và 17)
9. Phẩm Thành Du-già (quyển 17)
10. Phẩm Thành bất tư nghị (quyển 17)

⁹Ngày 25 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 19, ngài Huyền Trang về đến Trường An. Tháng 5 năm đó, ngài Huyền Trang và các cao tăng từ khắp nơi trong cả nước bắt đầu dịch bộ "Đại bồ tát tạng kinh" gồm 20 cuốn; 9 tháng sau đó thì hoàn thành. Du-già sư địa luận được dịch từ ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 20 (646) đến ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 22 (648).



11. Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (quyển 17 và 18 – 20)

1. **Giáo pháp** (hình thức giáo lý) gồm trong phẩm Nhiếp sự. Phẩm Nhiếp sự nói đến 9 sự mà làm bản thể của giáo pháp. Những gì đức Phật Thích Ca giảng dạy không ngoài 9 sự này, đó là:

(1) Nhất thiết pháp: Nói về ngũ vị 106 pháp, đó là: 8 thức, 51 tâm sở, 15 loại sắc pháp (11 sắc pháp và 4 đại), 24 bất tương ưng hành pháp và 8 loại vô vi pháp (hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như và vô ký chân như).

(2) Giới: Nói về tam giới sai biệt, tam thiên đại thiên thế giới v.v...

(3) Tập nhiễm: Tức phiền não tập nhiễm (có 128 thứ), nghiệp tập nhiễm (tư tâm sở [ý chí, ý muốn, ý nghiệp] và tư sở khởi [cái do tư tác động: thân nghiệp và ngữ nghiệp]) và sinh tập nhiễm (tức sự lưu chuyển sinh tử).

(4) Đế: Có 2: 1. Nhị đế (thế tục đế và thắng nghĩa đế), cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa nói rõ; 2. Tứ đế (khổ, tập, diệt và đạo).

(5) Y chỉ: tứ thiên và tứ vô sắc định.

(6) Giác phần: Có 16: [1] 37 đạo phẩm; [2] Mười trí (thế tục trí, pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí, tận trí và vô sanh trí); [3] Ba giải thoát môn; [4] Bốn loại hành tích; [5] Chỉ quán; [6] Bốn cư xứ: tuệ cư xứ, đế cư xứ, xả cư xứ và tịch tĩnh cư xứ; [7] Bốn sở y (y pháp bất y nhân, v.v...); [8] Phát tâm bồ-đề; [9] Đại bi; [10] Mười thứ pháp hành; [11] Bảy thứ thông đạt; [12] Mười địa; [13] Mười độ; [14] Các Bồ tát hành; [15] Tác ý chân như; [16] Ý lạc rộng lớn.

(7) Hữu tình (Bồ-đặc-già-la): Có 7 loại hay 8 loại Hiền Thánh.

(8) Quả: Nói về chư đoạn, biến tri, thanh tịnh, v.v...

(9) Công đức: Là 4 vô lượng, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 10 biến



xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, tướng hảo của Phật, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trú, đại bi, 18 pháp bất cộng.

Chín sự này có thể khái quát cảnh, hành và quả. Năm sự đầu thuộc về Du-già cảnh. Sự giác phần và sự Hữu tình thuộc về Du-già hành. Hai sự sau cùng thuộc về Du-già quả. Lại nữa, sự Nhất thiết pháp là chỗ dựa chung của thanh tịnh và tạp nhiễm; sự Giới và sự Tạp nhiễm thuộc về tạp nhiễm, trong đó, sự Giới là sở y của tạp nhiễm; còn phiền não, nghiệp và sinh là sai biệt của tạp nhiễm; sáu sự còn lại thuộc về thanh tịnh. Phương tiện để tư lượng 9 sự này là sự nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật và tương nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật. Sở y để tu hành 9 sự này là 10 thứ pháp hành và 6 thứ thú nhập.

Luận Du-già sư địa: “*Sự khế kinh gồm có 4 A-cấp-ma (A-hàm, Agama): 1. Tạp A-cấp-ma; 2. Trung A-cấp-ma; 3. Trường A-cấp-ma; 4. Tăng nhất A-cấp-ma. Về Tạp A-cấp-ma, trong đây đức Thế Tôn quán sát căn cơ của người được giáo hóa, rồi tuyên thuyết giáo pháp tương ứng được trình bày bởi Như Lai và các đệ tử, đó là giáo pháp tương ứng uẩn, xứ, giới; tương ứng duyên khởi, thực, đế; tương ứng niệm trú, chánh đoạn, thân tức, căn, lực, giác chi, đạo chi, nhập xuất tức niệm, học, chứng tịnh, v.v... Lại y theo tám chúng, nói các giáo pháp tương ứng với các chúng. Về sau người kết tập vì muốn Thánh giáo tồn tại lâu dài, nên một phần kết tập thành các bài kệ tụng, rồi tùy chỗ thích ứng mà thứ lớp an bố.*”¹⁰

Nhiếp sự phần của luận Du-già sư địa, quyển 58, gồm 9 sự này quy vào 3 loại lớn: 1. Năng thuyết: chỉ Phật và đệ tử Phật; 2. Sở thuyết: chỉ uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thực, đế, niệm trú, chứng tịnh, v.v...; 3.

¹⁰ Du-già sư địa luận, quyển 85, tr. 772c09.



Sở vị thuyết: chỉ tám chúng đệ tử Phật. Chín sự hay ba loại lớn, đó là nội dung của kinh Tạp A-hàm, và cũng có thể gọi đó là “Tu-đa-la” – “Sự khế kinh”.

Đối chiếu với luận Du-già sư địa, ngài Ân Thuận phân loại nội dung Tạp A-hàm thành 7 phần: 1. Ngũ uẩn; 2. Lục nhập xứ; 3. Tạp nhân: Nhân duyên, Đế, Giới, Thọ; 4. Đạo phẩm: Niệm xứ, Chánh đoạn, Như ý tục, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, An-na-ban-na niệm, Học, Bất hoại tịnh; 5. Bát chúng; 6. Đệ tử sở thuyết; 7. Như Lai sở thuyết.

Tư tưởng của Tạp A-hàm có thể nói là căn bản của giáo pháp Phật thuyết, trong đó học thuyết Duyên khởi làm chủ đạo, gồm có 4 phần: (1) Ba pháp ấn (hoặc 4 pháp ấn); (2) Mười hai nhân duyên; (3) Bốn đế; (4) Tám Thánh đạo. Tư tưởng ấy thể hiện rõ nét trong luận Hiển dương. Bằng biện tài vô ngại, đại sĩ Vô Trước đã vận dụng kinh A-hàm để hiển dương Thánh giáo của Phật một cách sâu xa và trọn vẹn. Bằng bạc trong luận Hiển dương là những câu kinh được trích dẫn trong kinh A-hàm, đặc biệt là sự giải thích kinh Trú học thắng lợi của Tạp A-hàm ở quyển 12 và 13. Qua những trích dẫn kinh văn, cho thấy vào thời đại Vô Trước hẳn phải có một Phạn bản Tạp A-hàm rất giống với truyền bản Tạp A-hàm mà ngài Cầu-na Bạt-đa-la¹¹ đã phiên dịch ra chữ Hán.

2. **Lý pháp** (ý nghĩa, nội dung, bản thể của hình thức giáo lý) gồm 3 phẩm: Nhiếp tịnh nghĩa, Thành bất tư nghị và Nhiếp thắng quyết trạch.

¹¹ Cầu-na Bạt-đa-la 求那跋陀羅 (Guṇabhadra, 394–468) Hán dịch là Công Đức Hiền 功德賢. Là tăng sĩ dịch kinh vào thời Lưu Tống 劉宋. Sư sinh ở vùng Trung Ấn, sau đó qua Tích Lan, rồi qua Quảng Châu bằng đường biển. Sư tiến hành dịch nhiều kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa, nhất khi sư ở chùa Kỳ Hoàn tại Kiến Khang và Tân tự ở Hình Châu. Trong số hơn 30 bản dịch Hán ngữ của Sư, tác phẩm quan trọng nhất là kinh Tạp A-hàm, kinh Thắng Man, và kinh Nhập Lăng-già – bản dịch thứ hai sau bản của Đàm-vô-sám. Các trước tác của Sư gây ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng Phật giáo Đông Á. Sư được vương triều ở Hồ Nam kính trọng. Nhiều nhà nghiên cứu Phật giáo cho rằng, Sư chính là người đề xướng phương pháp tu theo thuyết “trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật” – và nếu như vậy, Sư cũng là người sáng lập Thiên tông. Sư mất tại Trung Quốc năm 468, thọ 75 tuổi.



Cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa có đoạn văn tóm tắt sự biết nghĩa qua bốn sắc thái: “*Nay ở phẩm đây hiển thị luận này có bốn sắc thái: 1. Sắc thái tối thắng; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái thanh tịnh; 4. Sắc thái biện giáo. Ở đây, sắc thái tối thắng có hai kệ tụng (1, 2); sắc thái tự thể có năm kệ tụng (3~7); sắc thái thanh tịnh có hai kệ tụng (8, 9) và sắc thái biện giáo có một kệ tụng (10).*”

Sắc thái tối thắng, được phân làm hai: 1. Hiển thị luận này là tối thắng trong các luận; 2. Luận này có đủ bốn tịnh đức: nhiếp tất cả nghĩa, các luận thuyết ngoại đạo, tà giáo không thể phá hoại, dễ ngộ nhập và ngộ nhập rồi thì bất hoại. Do đề cập đến bốn tịnh đức mà phẩm này có tên là “Tịnh nghĩa”.

Sắc thái tự thể, là diệu lý của hai đế: 1. Thế tục đế: nói rộng về năm uẩn, giải thích đạo lý thế tục đế; 2. Chân đế: năm pháp (tướng, danh, phân biệt, chân như, chánh trí), ba tự tánh (biên kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật), bốn chân thật (thế gian, đạo lý, phiền não chướng tịnh trí sở hành, sở tri chướng tịnh trí sở hành), bốn tầm tư (danh, tự tánh, giả lập, sai biệt giả lập), bốn như thật trí (do bốn thứ tầm tư dẫn ra).

Sắc thái thanh tịnh, là dựa vào hai đế để khởi ba phương pháp tu tập theo thứ lớp: 1. Lắng nghe giáo pháp, quy y Tam bảo; 2. Tu hành tam học; 3. Do tu hành mà thành được đại bồ-đề và các quả công đức.

Sắc thái biện giáo, được phân làm ba: 1. Biện phá 16 thứ dị luận, và tùy thời hiển thị chánh lý của Phật pháp; 2. Bảy thứ luận pháp, và giới thiệu kết cấu của nhân minh – phương pháp luận lý của Phật giáo; 3. Bàn luận nội dung khế kinh qua hai phương diện văn và nghĩa, giải



thích yếu nghĩa của kinh, thiện xảo của sự thuyết pháp, và nói rõ công đức thắng lợi của sự tu học.

Phẩm Thành bất tư nghị nói về chín sự bất tư nghị: ngã, hữu tình, thế giới, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự, cảnh giới chư Phật, 14 sự không xác định, phi chánh pháp, tất cả phiền não được dẫn nhiếp. Trong 9 sự này, trừ 3 sự sau cùng, 6 sự còn lại, theo phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, là những “*pháp được lắng nghe*”, cho nên không cần tư nghị. Người tư nghị về các sự ở đây, nếu trừ ngã kiến mà tư nghị về ngã, hữu tình và thế giới; nếu tìm cầu các sự không thể xác định, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự và cảnh giới chư Phật; nếu tâm xao động lợi dưỡng đối với sự phi chánh pháp; nếu tâm tán loạn bởi tất cả phiền não dẫn nhiếp, thì không nên tư nghị, vì các sự ấy đưa đến sự không lợi ích và nó chướng ngại sự tu chỉ quán. Bất tư nghị là vì không cần tư nghị (như tư nghị về vũ trụ thế giới), hoặc khó thể tư nghị (như tư nghị về nghiệp báo), hoặc tư nghị không được (như tư nghị về cảnh giới của thiên định, cảnh giới của Phật). Đối với các sự ấy, nếu miễn cưỡng suy nghĩ tức là điên đảo chấp chặt, mệt nhọc vô ích. Thế thì hành giả tư nghị điều gì? Nên tư nghị nhân quả và nhiệm tịnh, tức là thế tục và thắng nghĩa của Tứ đế.

Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch, trước hết đối chiếu 9 sự trong phẩm Nhiếp sự để kiến lập luận lý cho sự quyết trạch, nói rõ những nghĩa chưa nói, hiển dương thắng nghĩa của sự kiến lập giáo pháp Đại thừa và công đức của Phật quả, sau cùng nói rõ đại ý của ba tạng: kinh, luật và luận. Thắng quyết trạch là vì nhân quả và nhiệm tịnh là đối tượng tư nghị tối thắng, vì thức A-lại-da là pháp bất cộng với Tiểu thừa, vì sự kiến lập đạo lý thắng nghĩa là tối thắng của Đại thừa.

Khát quát, thắng quyết trạch gồm có:



Quyết trạch về sự Nhất thiết pháp:

1. Quyết trạch về tâm, có 3 sự: a. Xác lập a-lại-da là tâm; b. Sai biệt của tâm; c. Nghiệp dụng của tâm.

2. Quyết trạch về tâm sở, có 2 sự: a. Sở duyên của tâm sở; b. Nghiệp dụng của tâm sở.

3. Quyết trạch về sắc, có 6 sự: a. Biên tế của sắc; b. Xứ sở của sắc; c. Hai môn giả sắc; d. Cực vi hòa hợp; e. Tánh thiện ác của sắc; f. Hai môn sai biệt của sắc.

4. Quyết trạch về tâm bất tương ưng hành: Sự thành lập giả hữu.

Quyết trạch về bốn pháp trên để nói tánh chất của nhân, có 2 sự: a. Pháp bất như lý nhân; b. Kiến lập như lý nhân quả, có 5 môn.

5. Quyết trạch về vô vi: Ba nhân kiến lập.

Quyết trạch về sự Giới: 1. Tướng sai biệt; 2. Năng sở trị sai biệt; 3. Giải thích tứ cú trong Kinh.

Quyết trạch về sự Tập nhiễm:

1. Quyết trạch về phiền não tập nhiễm, có 3 sự: a. Mạt-na tương ưng hoặc; b. Phiền não giới hệ; c. Phiền não sai biệt, có 7 môn.

2. Quyết trạch về nghiệp tập nhiễm, có 5 sự: a. Nghiệp sai biệt, có 2 môn; b. Nghiệp quả; c. Nghiệp vị; d. Nghiệp quyết định; e. Nghiệp báo sai biệt, có 4 môn.

3. Quyết trạch về sinh tập nhiễm, có 3 sự: a. Mạng chung, có 4 môn; b. Sinh hữu tương tục; c. Sinh xứ, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Đế: 1. Nhị đế; 2. Tứ đế nhiễm tịnh nhiếp; 3. Mười sáu tướng; 4. Mười sáu hành; 5. Nhân quả của biến tri Tứ đế; 6. Nhị đế được danh; 7. Nhị đế và tam tánh.



Quyết trạch về sự Y chỉ: 1. Ba thứ sở y; 2. Hai thứ thiện xảo; 3. Giảng giải các câu trong Kinh; 4. Nói rộng về tinh lự, có 10 môn; 5. Quyết trạch về 8 đẳng chí, có 6 môn; 6. Tinh lự sai biệt, có 3 môn; 7. Tinh lự tiến thoái, có 3 môn.

Quyết trạch về sự Giác phân: 1. Tổng kiến lập; 2. Giải thích niệm trú trong Kinh, có 9 môn.

Quyết trạch về sự Bỏ-đặc-già-la: Ba môn kiến lập

Quyết trạch về sự Quả: 1. Chư đoạn, có 2 môn; 2. Quả, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Công đức: 1. Kiến lập; 2. Sai biệt; 3. Đối tượng nên tư duy, có 9 môn; 4. Bốn nghĩa Đại thừa; 5. Sự công năng của Phật; 6. Tam tạng; 7. Lược nghĩa các Kinh; 8. Lược thuyết Du-già đạo.

3. **Hành pháp** (phương thức thực hành giáo lý) gồm 6 phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh và Thành Du-già.

Phẩm Thành thiện xảo đề cập 7 thứ thiện xảo đối với 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 12 duyên khởi, xứ phi xứ, 22 căn và 4 đế. Dùng cái tuệ vô ngã để quán sát các đối tượng nói trên. Bảy thứ thiện xảo này là phương tiện của sự thực hành Du-già, bởi lẽ chúng khái quát được những đối cảnh sở duyên của hành giả Du-già, và do đây phá hết các tà chấp (7 thứ ngu si), đó là: 1. Biến mãn sở duyên; 2. Tịnh hành sở duyên; 3. Thiện xảo sở duyên; 4. Tịnh phiền não sở duyên. Biến mãn sở duyên, có 4: (1) đối cảnh có phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý thắng giải; (2) đối cảnh không phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý chân thật; (3) đối cảnh biên tế các pháp là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu; (4) đối cảnh sở tác thành tựu là sở duyên của chuyển y. [Số



(1) là sở duyên của chỉ, số (2) là sở duyên của quán, số (3) và (4) là sở duyên của cả chỉ quán.] Tịnh hành sở duyên, có 5: nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, kiêu mạn và tầm tư. Thiện xảo sở duyên, có 5: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ. Tịnh phiền não sở duyên, có 3: các tướng thô, tinh v.v..., chân như và bốn Thánh đế.

Phẩm Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh đề cập đến đối tượng của sự thực hành Du-già, cũng là phương tiện gia hành của đạo xuất thế. Đối tượng ấy là 4 hành tướng của khổ đế: vô thường, khổ, không, phi ngã. Đối tượng ấy là *nhân không*, vì con người là vô thường, khổ, không, và *pháp không*, vì các pháp là phi ngã hay vô tánh. Tọa A-hàm, kinh Vô gián đẳng, số 259: “*Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú.*” Vô thường, khổ, không và ba vô tánh (: tướng, sinh và thắng nghĩa), được thiết lập trên ba tự tánh là biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật. Ba vô tánh là mật ý, ba tự tánh mới là cứu cánh. Nói ba vô tánh tức nói ba tự tánh, bởi vì thể và tướng vốn không thật có nên vô tánh, tức là tánh biến kế của các pháp giả thi thiết; vì các pháp chẳng tự sinh khởi nên vô tánh, tức là tánh y tha của các pháp duyên sinh huyền ảo; và vì thắng nghĩa vô ngã là có nên vô tánh, tức là tánh viên thành thật của các pháp hiển lộ bởi hai không. Sự thực hành Du-già là biến tri tánh biến kế sở chấp, là biến tri và vĩnh đoạn tánh y tha khởi, là biến tri và chứng đắc tánh viên thành thật.

Tư tưởng ba tánh của luận Hiển dương xoay quanh 7 chủ đề: 1. Định nghĩa (507b, 557b); 2. Sự thành lập ba tánh (557b, c; 558a, c;



559b); 3. Sai biệt, nghiệp dụng, ẩn mật, phương tiện, nhiếp và biệt dị của ba tánh (508a, b); 4. Quan hệ giữa ba tánh với vô thường và khổ; 5. Ba tánh với Không; 6. Vấn đề hữu vô của tánh biến kế (563b); 7. Tất cả pháp có đủ nghĩa ba tánh.

Phẩm Thành Du-già nói rõ dựa vào thiên định thì phát khởi được thắng hạnh Du-già. Chính cái tuệ đáo bỉ ngạn là phương tiện tối thắng của đại bồ-đề, vì vậy gọi là Du-già. Sự thực hành Du-già chính là thành tựu tuệ giác bát-nhã, là chỉ quán song vận. Do vô phân biệt chỉ (kệ 1 và 2) và vô phân biệt quán (kệ 3 và 4) mà thành tựu trí vô phân biệt xuất thế. Vô phân biệt là không phân biệt hữu và phi hữu, tức rời xa hai hý luận: pháp và pháp không. Đó là pháp tánh ly ngôn, vô ngã.

4. **Quả pháp** (thành quả của sự tu tập giáo pháp) là 1 phẩm Thành hiện quán. Phẩm này được phân làm hai: (1) Mười ba kệ tụng đầu là thành năng sở nhập, tức phương tiện của hiện quán; (2) Mười hai kệ tụng sau là thành sự tu tập, tức thành tựu 6 hiện quán.

Hiện quán là trí, là kiến, là minh, là tuệ. Đối với sự chứng vô phân biệt, Thanh văn thừa có những nghĩa không chung: Hiện quán của Thanh văn là tư duy thắng nghĩa về chân như ly tướng mà thành vô phân biệt. Hiện quán của Bồ-tát là đối với pháp và pháp không thì không có phân biệt có, không mà thành vô phân biệt. Pháp và pháp không vô phân biệt nên tánh biến kế vốn không thật có, thể của nó không thể thủ đắc. Tánh biến kế không thể thủ đắc nên Bồ-tát đối với sự triển chuyển sai khác của các hữu tình cũng không thủ đắc, cho đến sinh tử và niết bàn sai khác, hữu lậu – vô lậu sai khác, tội lỗi – công đức sai khác cũng không thủ đắc. Do đó, Bồ-tát phát khởi a-thế-da đại ngã và a-thế-da quang đại: “*A-thế-da đại ngã: Các Bồ-tát hiểu được mình người bình đẳng, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm cho các hữu tình đều được giải*



thoát. A-thế-da quảng đại: Các Bồ-tát đối với lưu chuyển và tịch diệt, hiểu được cả hai bình đẳng, không có phân biệt, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm lợi ích hữu tình, không trú cả hai.” Vì vậy, chư Bồ-tát, từ sơ phát tâm Bồ đề, phương tiện đến cứu cánh, nhân tu đến thành quả đều rộng lớn, hàng Thanh văn không thể sánh kịp.

Nói đến phương tiện của hiện quán là nói đến 10 yếu tố quyết định cho sự tu hiện quán, đó là:

1. Với chúng sinh, quyết định là không có ngã.
2. Với tự tánh biến kế sở chấp, quyết định là không thật có.
3. Với vô ngã, quyết định là có.
4. Với các tướng, quyết định là có.
5. Với thô trọng, quyết định là có.
6. Với bất diệt, quyết định là: (1) Vì không có chúng sinh ngã và pháp ngã nên bất diệt; (2) Vì có hai vô ngã [là chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã] nên bất diệt.
7. Với sắc thái không hai, quyết định pháp và pháp không thì không có sai biệt.
8. Với cái không, quyết định là vô phân biệt.
9. Với pháp tánh, quyết định không sợ: kẻ phàm ngu sống trong pháp tánh mà sinh các sợ hãi, còn người trí sống trong pháp tánh không có sợ hãi.
10. Với sự tự tại, quyết định có khả năng đoạn dứt: “Tôi không còn phụ thuộc vào người khác để cầu phương tiện đoạn dứt [phiền não].”

Căn cứ thứ lớp tu tập mà phân chia hiện quán làm bốn giai đoạn:
(1) Phát khởi: chỉ giai đoạn thực hành trước khi được hiện quán, là từ



văn sở sinh trí cho đến thế đệ nhất pháp trí; (2) Chứng đắc: chỉ địa vị chánh hiện quán, tức kiến đạo; (3) Đăng lưu: chỉ sự tu tập sau chánh hiện quán, tức tu đạo; (4) Thành mãn: chỉ hiện quán cứu cánh viên mãn, tức chứng đắc cực quả của ba thừa.

Luận về thể tánh của hiện quán thì lấy 6 thứ hiện quán sai biệt để hiển thị: (1) Tư hiện quán: Đó là tuệ được tác thành bởi tư, tối thượng phẩm tương ưng hỷ thọ. Nó quán sát cộng tướng của các pháp, dẫn sinh noãn v.v... Trong gia hành đạo, tác dụng quán sát các pháp của nó mãnh liệt nhất, nên đặc biệt lập thành hiện quán. Các pháp như noãn v.v... không phân biệt pháp một cách chi tiết, lại cũng chưa chứng nghiệm thật lý, do đó không phải là hiện quán. (2) Tín hiện quán: Đó là tịnh tín quyết định thuộc thế gian và xuất thế gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo. Nó hỗ trợ hiện quán để không thối chuyển, do đó được lập làm hiện quán. (3) Giới hiện quán: Đó là vô lậu giới. Nó trừ diệt cái bản của sự phá giới, khiến quán được thêm sáng, do đó cũng được gọi là hiện quán. (4) Hiện quán trí để hiện quán: Đó là trí vô phân biệt căn bản và hậu đắc, một cách triệt để, duyên phi an lập làm đối tượng. (5) Hiện quán biên trí để hiện quán: Đó là trí thế xuất thế gian, duyên các an lập làm đối tượng, sau hiện quán trí để hiện quán. (6) Cứu cánh hiện quán: Trí thuộc giai đoạn cứu cánh, tức tận trí, vô sinh trí.

Sáu thứ hiện quán lấy đều lấy Bồ-đề làm thể. Hành giả Du-già dựa đẳng chí mà phát khởi thắng hạnh Du-già, chỉ quán song vận, thành trí vô phân biệt xuất thế, được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, chính là phương tiện tối thắng của Đại Bồ-đề.

Sự phân chia giáo, lý, hành, quả như vậy chỉ là tương đối, vì



trong mỗi phần pháp, mỗi phẩm đã bao hàm cả 4 pháp: giáo, lý, hành, quả.

Sau đây là sự phân khoa theo ba tuệ văn, tư và tu:

(1) Văn tuệ là biết giáo pháp của Phật qua 9 sự (phẩm Nhiếp sự) và biết nghĩa của giáo pháp qua 4 sắc thái: tối thắng, tự thể, thanh tịnh và biện giáo (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa).

(2) Tư tuệ là tư duy chính xác và sâu xa về 9 sự, tức toàn bộ giáo pháp của Phật, để thấy Đại thừa là Phật thuyết, Đại thừa thù đặc như thế nào, và chỉ quán của Đại thừa thì đặc hữu như thế nào (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch). Tư tuệ còn là biết những gì không nên tư duy, vì vượt ngoài sự lý luận của con người. Như trong Tăng chi bộ kinh, IV. 77, có ghi bốn điều Phật cho rằng bất khả tư nghị: „*Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn? Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiên giới của người ngời Thiên, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ... thống khổ. Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến... thống khổ. Tâm tư thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.*” (HT. Thích Minh Châu dịch)

(3) Tu tuệ bao gồm: a. Sở duyên của tuệ (phẩm Thành thiện xảo); b. Gia hành của tuệ: biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường), biến tri khổ (phẩm Thành khổ), biến tri không (phẩm Thành không), biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh); c. Thú nhập tuệ giác: quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán) và nhân Du-già (phẩm Thành Du-già).



Trong khảo luận *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý*, học giả Lữ Trùng (呂澂, 1896-1989) phân chia 11 phẩm theo thứ tự như sau:

(1) Thể tánh của luận là giản trạch về pháp tướng, gồm 2 phẩm: (a) về sự pháp có phẩm Nhiếp sự; (b) về nghĩa tướng có phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.

(2) Sở y của luận là giản trạch về Du-già, gồm 9 phẩm: (a) về sở duyên có phẩm Thành thiện xảo; (b) về phương tiện có 4 phẩm: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh; (c) về Du-già có phẩm Thành Du-già; (d) về đối tượng viễn ly có phẩm Thành bất tư nghị; (e) về thắng nghĩa có phẩm Nhiếp thắng quyết trạch.

Phân tích văn bản thì thấy luận Du-già sư địa và luận Hiển dương có bố cục tương đồng, cùng lấy Bồ-tát đạo làm chủ yếu. Luận Hiển dương (và Đại thừa A tỳ đạt ma tập luận 大乘阿毘達磨集論) là luận cương yếu, là bản tiết lược của luận Du-già sư địa.

Luận Du-già sư địa có 100 quyển, gồm 5 phần chính:

1. Bản địa phần: phân biệt bao quát và phong phú về 17 địa: (1) Ngũ thức thân tương ưng địa, (2) Ý địa, (3) Hữu tầm hữu tứ địa, (4) Vô tầm duy tứ địa, (5) Vô tầm vô tứ địa, (6) Tam ma tư đa địa, (7) Phi tam ma tư đa địa, (8) Tâm địa, (9) Vô tâm địa, (10) Văn sở thành địa, (11) Tư sở thành địa, (12) Tu sở thành địa, (13) Thanh văn địa, (14) Độc giác địa, (15) Bồ-tát địa, (16) Hữu dư y địa, (17) Vô dư y địa. (Quyển 1~50)

2. Nhiếp quyết trạch phần: bàn sâu các nghĩa còn nghi ngờ của 17 địa vừa kể trên. Trong Ngũ thức thân tương ưng địa và Ý địa, đặc biệt luận chứng sự tồn tại của thức a-lại-da. Khi quyết trạch về Bồ-tát địa, quảng dẫn nguyên văn Kinh Giải thâm mật, bàn về thắng nghĩa



đế, Du-già địa, các ba-la-mật, Như Lai thành sở tác sự. (Quyển 51~80)

3. Nhiếp thích phần: bàn về vị trí và nghi tắc của các kinh được trích dẫn trong bộ luận. Các kinh xuất hiện thường nhất là các kinh A-hàm. (Quyển 81~82)

4. Nhiếp dị môn phần: trực tiếp giải thích tên gọi và ý nghĩa của các câu văn được nhắc tới trong kinh A-hàm. (Quyển 83~84)

5. Nhiếp sự phần: nêu rõ những điểm chính yếu trong giáo pháp của Phật như về uân, xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, thọ, các bồ đề phần, nhập xuất tức niệm, tam học, chứng tịnh. (Quyển 85~100)

Từ Bản địa phần của luận Du-già sư địa, ngài Vô Trước rút ra những yếu nghĩa để tập thành phẩm Nhiếp sự (quyển 1~4) và phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5~8), cụ thể là: lấy phần Giới luật nghi của sơ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào phần Phân biệt Tăng thượng giới học sai biệt ở quyển 7; lấy phần Thế gian đạo của đệ tứ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào quyển 7; lấy phẩm Bồ-tát công đức thuộc Bồ-tát địa, đưa vào quyển 8. Ngài Vô Trước cũng lấy 16 thứ dị luận trong Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 9 và 10); lấy mục Nhân minh luận ở Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 12 và 13). Xem mục lục và chú thích có thể thấy ngài Vô Trước đã trích lại những đoạn văn của luận Du-già sư địa để đưa vào các phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị (từ quyển 14 đến phần đầu quyển 17). Sau cùng, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (phần sau quyển 17 đến quyển 20) có những yếu nghĩa lấy từ Nhiếp quyết trạch phần của luận Du-già sư địa.

Trong sách *Ấn Độ Phật giáo tư tưởng sử*, pháp sư Ấn Thuận



cho rằng: “*Ba phẩm đầu của luận Hiển dương nhiếp lấy văn nghĩa của luận Du-già, tám phẩm sau: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị, Nhiếp thắng quyết trạch, thì chú trọng vào sự quán hạnh, minh định nghĩa lý sâu xa của Đại thừa thì hơn hẳn Thanh văn.*” Có thể nói luận Hiển dương là bản tóm tắt của luận Du-già sư địa, nhưng vẫn hiển thị được cấu trúc và giáo lý đặc thù của riêng nó. Và đó là lý do mà ngài Vô Trước trước tác luận này.

Kinh Giải thâm mật ghi: “*Thắng Nghĩa Sinh, trong chánh pháp mà Như lai khéo tuyên thuyết, khéo qui định, và được nói ra bởi ý muốn cực kỳ trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người. Như lai vốn căn cứ ba vô tánh như trên, nhưng do mật ý sâu xa, nên trong những kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà Như lai đã nói, Như lai nói pháp yếu theo cách nói kín đáo, rằng các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn. ... Người chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch nghiệp chướng, chưa thành thực liên tục, không tu nhiều thắng giải, chưa dồn chứa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, tính không chất trực, không phải loại chất trực, dẫu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phé bỏ và thiết lập, nhưng thường đứng yên trong sự cố thủ kiến thức của mình, thì nghe kinh pháp như vậy họ không thể thấu hiểu đúng như sự thật về lời nói mật ý sâu xa của Như lai, cũng không tin hiểu kinh pháp như vậy, nên kinh pháp cho là phi kinh pháp, nghĩa lý cho là phi nghĩa lý; kinh pháp cho là phi kinh pháp và nghĩa lý cho là phi nghĩa lý, nên nói rằng kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói, và nhận định này làm cho họ phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy là hư ngụy, bằng lắm cách, họ hủy diệt xô đổ kinh pháp như vậy, những ai tin*



hiểu kinh pháp như vậy thì bị họ coi là kẻ thù; họ, trước kia bị nghiệp chướng làm cho chướng ngại, nay do lý do trên mà bị nghiệp chướng tiếp tục chướng ngại, và nghiệp chướng này mở đầu (có vẻ) giản dị, nhưng rồi (chịu khổ) trong thời kỳ bằng trăm ngàn câu chi na dữu đa, khó có lúc thoát khỏi.”¹²

Luận Hiển dương Thánh giáo căn cứ mật ý của đức Phật mà xiển dương con đường nhất Phật thừa ngang qua sự ngộ nhập Duy thức tánh và sự thực hành Du-già đạo: “*Nếu lược nói Du-già đạo, nên biết đa văn được nhiếp, chánh pháp làm cảnh giới, xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như đức Bạc già phạm nói: ‘Có năm thứ pháp có thể nhiếp lấy tất cả hành giả Du-già, các Du-già địa, đó là trì, trú, minh, kính và chuyển y’. Nên biết, nghe chánh pháp là trì, sở duyên là trú, chỉ quán là minh, ảnh tượng là kính, sự thành tựu là chuyển y.*”

Nghĩa lý luận Hiển dương
 Bao quát tất cả nghĩa
 Khiến Phật pháp trường tồn
 Tứ chúng được lợi lạc.
 Nay con được dịch chú
 Mong đáp đền bốn ơn
 Xin nguyện cho những ai
 Có duyên đọc luận này
 Thì biết đạo chân thật
 Của Bồ-tát Du-già

¹²HT. Thích Trí Quang dịch.



Có được những thắng giải
 Sinh đức tin trong sáng
 Vững bước trên hành trình
 Tuệ giác của Phật-đà.
 Nguyện đem công đức này
 Hướng về khắp tất cả
 Đệ tử và chúng sinh
 Đều trọn thành Phật đạo.

Mùa Vu Lan, 15.7.2560 (17.8.2016)

Phật tử **Quảng Minh** kính ghi





Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Một

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 7)

[531a14] Có nhiều thứ luận pháp, như bài chính cú ôn-đà-nam:¹³

Luận thể, luận xứ sở

Luận cứ, luận trang nghiêm

Luận phụ, luận xuất ly

Luận đa sở tác pháp. (tụng 9)

[531a17] Luận pháp có bảy thứ: 1. Luận thể tánh; 2. Luận xứ sở; 3. Luận sở y; 4. Luận trang nghiêm; 5. Luận đọa phụ; 6. Luận xuất ly; 7. Luận đa sở tác pháp.¹⁴

13 Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 7 này tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 356a12~360c20, trả lời cho câu hỏi: Thế nào là nhân minh xứ?

14 Các nhà Nhân minh học đề ra 7 khuôn phép, quy định, thể lệ, yêu cầu, điều kiện cho sự biện luận, gọi là thất nhân minh 七因明 hay thất nhân minh xứ 七因明處, đó là: (1) Luận thể tánh là tánh chất, đề mục nghị luận, có 6 sự: 1. Ngôn luận, 2. Thượng luận, 3. Tránh luận, 4. Hủy báng luận, 5. Thuận chánh lý luận, 6. Giáo đạo luận. (2) Luận xứ sở là nghị trường, nơi chỗ đề nghị luận, có 6 nơi: 1. Trước mặt vua, 2. Trước người chấp lý, 3. Giữa đám đông, 4. Trước bậc hiền triết, 5. Trước các vị sa-môn, bà-la-môn thông hiểu pháp nghĩa, 6. Trước người ưa thích pháp nghĩa. (3) Luận sở y là y cứ của lập luận, tức lập luận y cứ vào thể tánh và nghĩa lý sai biệt của chân năng lập, chân hiện lượng và chân tỷ lượng, chia làm 2 loại: năng lập và sở lập. Sở lập có 2: tự tính và sai biệt. Năng lập có 8: lập tông (mệnh đề), biện nhân (lý do), dẫn dụ (thí dụ), đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng. (4) Luận trang nghiêm là những trang bị cho một nghị luận, bao gồm kiến thức, ngôn ngữ, tâm thái, cung cách, có 5 sự: 1. Thông thạo cách lập tông của mình và của người, 2. Ngôn từ phong phú, 3. Không khiếp sợ, 4. Nghiêm túc, 5. Xứng đáng. (5) Luận đọa phụ là nguyên nhân thất bại của một luận nghị, có 3 sự: 1. Xả ngôn: bỏ lập luận của mình; 2. Khuất ngôn: khuất phục trước lập luận của đối phương; 3. Ngôn quá: ngôn luận sai lầm hoặc nghĩa lý quanh co. (6) Luận xuất ly là xem xét sự được mất trước khi tranh luận, xem xét lập luận có thành lập được hay



[531a20] 1. **Luận thể tánh:** Lại có sáu thứ: 1. Ngôn luận, 2. Thượng luận; 3. Tranh luận; 4. Hủy báng luận; 5. Thuận chánh luận; 6. Giáo đạo luận.

Ngôn luận: Là tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ.¹⁵

Thượng luận: Là những ngôn luận mà người thế gian ưa thích nghe.¹⁶

[531a24] **Tranh luận:**¹⁷ (1) Y theo các dục sinh khởi: các dục thuộc về mình bị người cưỡng đoạt, hoặc các dục thuộc về người bị mình cưỡng đoạt, hoặc các dục thuộc về hữu tình, mình và người yêu thích cùng nhau chiếm đoạt, hay muốn chiếm đoạt.

(2) Các dục không nhiếp thọ¹⁸: bao gồm ca múa, chơi đùa, v.v... để xem nghe, hoặc thuộc về kỹ nữ, người hầu v.v... để thọ dụng.

Đối với các dục sai biệt như vậy, người chưa ly dục là người đang bị nhiễm ô bởi tâm tham của Dục giới, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, đắm mê, tham ái. Người ưa nổi giận thường ra oai, đấu

không, nếu thấy không thành lập được thì rút ra trước để tránh chuốc lấy thất bại, có 3 sự: 1. Xem xét được, thua; 2. Xem xét thời gian và đại chúng; 3. Xem xét mình có khéo léo hay không. (7) Luận đa sở tác pháp là những cách thức để lập luận, có 3 sự: 1. Thông thạo cách lập tông của mình và của đối phương thì đối với tất cả các đề tài đều có khả năng nghị luận; 2. Mạnh mẽ dày dạn, không nhút nhát khiếp sợ thì nghị luận trước đám đông một cách dễ dàng; 3. Biện tài thao thao thì sẽ giải đáp được tất cả các vấn nạn. Như vậy, tổng cộng có 36 sự. Ba mươi sáu sự này mà cộng thêm 7 sự tổng quát (luận thể tánh v.v... luận đa sở tác pháp) thành ra 43 sự. Những lập luận chánh tà đều không ngoài 7 khuôn phép này.

15 Du-già luận ký 瑜伽論記, quyển 5: “Ngôn luận lấy âm thanh làm tánh. Ngôn thuyết là thể, ngôn âm là tướng và ngôn từ là dụng; làm ba sai biệt. Lại do âm thanh mà khởi danh thân, cú thân và văn thân, thứ tự riêng biệt mà lập ba sai biệt.” (tr. 411b18~20)

16 Du-già luận ký, quyển 5: “Những ngôn luận có lý lẽ tương ưng với thế gian; những ngôn luận mà người thế gian nghe ưa thích, coi trọng, đều gọi là thượng luận 尚論.” (tr. 411b21~23)

17 Du-già luận ký, quyển 5: “Tranh luận có bốn trường hợp: 1. Khởi ý muốn xâm đoạt các dục; 2. Các dục không nhiếp thọ; 3. Ác hành sinh khởi; 4. Chư kiến sinh khởi.” (tr. 411b23~25)

18 Chánh văn thiếu mấy chữ này: nhược vô nhiếp thọ chư dục. Xem Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 356a25. Không nhiếp thọ là không thuộc 3 trường hợp ở trên: các dục thuộc về của mình, của người và của hữu tình.



đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

(3) Y theo ác hành sinh khởi: mình làm những ác hành qua thân ngữ, bị người chỉ trích, chê bai; hoặc người làm những ác hành qua thân, ngữ, mình đi chỉ trích, chê bai; hoặc hữu tình làm những ác hành qua thân ngữ, thì mình và người cùng thỏa thích chỉ trích, chê bai.

Đối với những ác hành như vậy, người muốn làm hoặc chưa làm ác hành là người cố chấp tham, sân, si quá nặng, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, giữ lấy, tham ái. Người ưa nổi giận, với tâm nhiễm ô nên thường ra oai, đầu đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

(4) Y theo chư kiến sinh khởi: là thân kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô nhân kiến, ác nhân kiến, tà kiến sinh khởi bởi các ngoại đạo Vũ chúng v.v..., và những loại ác kiến khác.

Đối với chư kiến như vậy, những gì mình chấp bị người ngăn trở, chặt đứt; những gì người chấp, mình đi ngăn trở, chặt đứt; [hoặc những gì hữu tình chấp, mình và người cùng đi ngăn trở, chặt đứt]; hoặc làm sao cho người từ bỏ những kiến chấp đó; hoặc làm sao giữ gìn những gì chưa phải kiến chấp.

Đối với chư kiến sai biệt như vậy, người chưa ly dục là người đang bị nhiễm ô bởi tâm tham của Dục giới, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, đắm mê, tham ái. Người ưa nổi giận thường ra oai, đầu đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

[531b14] **Hủy báng luận:** Những người ôm lòng giận dữ, với tâm nhiễm ô, phát khởi uy thế, chê bai lẫn nhau bằng lời nói thô tục,



lời nói dối, lời nói thù dật, cho đến pháp luật được thuyết một cách tệ hại¹⁹: hoặc tuyên thuyết pháp ấy cho hữu tình, hoặc nghiên cứu quyết trách, hoặc giáo thọ, giáo giới v.v... đều gọi là hủy báng luận. Vì sao gọi như vậy? Vì bài bác thật tướng, vì đưa tới đường dữ, vì uổng phí công lao, không có lợi ích, cho nên luận này gọi là hủy báng luận.

[531b20] **Thuận chánh luận:** Là đối với pháp luật được thuyết một cách khéo léo: hoặc tuyên thuyết chánh pháp cho hữu tình, hoặc nghiên cứu quyết trách, hoặc giáo thọ²⁰, giáo giới²¹ v.v... vì đoạn trừ

19 Ác thuyết pháp luật 惡說法律: Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập tập, quyển 14, chia hư vọng phân biệt làm 10 loại là: căn bản phân biệt, tướng phân biệt, tướng hiển hiện phân biệt, tướng biến dị phân biệt, tướng hiển hiện biến dị phân biệt, tha dẫn phân biệt, bất như lý phân biệt, như lý phân biệt, chấp trước phân biệt và tán loạn phân biệt. Trong đó, tha dẫn phân biệt là giáo pháp được thuyết bằng danh thân, cú thân và văn thân, chia thành 2 loại là: ác thuyết pháp luật và thiện thuyết pháp luật. Tập A-hàm, kinh Bồ-lũ-đê-ca, số 974: "Xá-lợi-phất nói: 'Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sửa, lia bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cần hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghe con bú sữa xong vội vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng để khen ngợi, chẳng phải pháp đáng để y chỉ. Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng lia bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng để khen ngợi, đáng để y chỉ.'" (Thích Đức Thắng dịch)

20 Bát chủng giáo thọ: Tầm tư về tâm, tầm tư về căn, tầm tư về ý lạc, tầm tư về tùy miên, tầm tư về ngũ đình tâm quán, đoạn thường kiến, trừ đoạn kiến, đoạn trừ tăng thượng mạn. Luận Du-già sư địa, quyển 38: "Thế nào là giáo thọ (dạy truyền)? Nên biết giáo thọ, lược có 8 thứ: Các Bồ tát lấy chánh định làm y chỉ, trải qua trường thời cùng chung sống với chúng sanh, khởi tâm từ bi muốn giáo thọ cho họ. Vì Bồ tát ấy thay mặt cho chúng Bồ tát, được đức Như lai bảo làm sự giáo thọ. Khi giáo thọ, (1) vị Bồ tát trước phải quán sát chắc thật, tầm tư tâm chúng sanh, như thật liễu tri; (2) Tầm tư và như thật liễu tri rồi, tầm tư căn của chúng sanh, như thật liễu tri; (3) Tầm tư và như thật liễu tri căn rồi, tầm tư ý lạc, như thật liễu tri; (4) Tầm tư và như thật liễu tri ý lạc rồi, tầm tư tùy miên, như thật liễu tri; (5) Tầm tư và như thật liễu tri tùy miên rồi, thích ứng, tùy nghi theo chỗ liễu tri, thị hiện các pháp môn thú nhập, để cho chúng sanh đi nhanh vào: chúng sanh hoặc tu bất tịnh, hoặc còn tu tâm tử, hoặc tu các thứ duyên tánh duyên khởi, hoặc tu giới sai biệt, hoặc tu a na ba na niệm (nhập xuất tức niệm); (6) Thích ứng, tùy nghi theo chỗ liễu tri, thị hiện các pháp môn thú nhập, và chúng sanh đã vào trong rồi, vì họ mà nói cách đối trị tà chấp thường biên, thực hành ngay đó; (7) vì họ nói cách đối trị tà chấp đoạn biên, thực hành ngay đó; (8) Làm cho họ buông bỏ ý tưởng tăng thượng mạn rằng, chưa làm mà cho đã làm, chưa có được mà cho đã có được, chưa chạm biết mà cho đã chạm biết, chưa chứng ngộ mà cho đã chứng ngộ."

21 Ngũ chủng giáo giới: già chỉ, khai hứa, gián hối, ha tấn, khánh uy. Luận Du-già sư địa, quyển 38: "Thế nào là giáo giới (dạy răn)? Nên biết giáo giới lược có 5 thứ: 1. Già chỉ (ngăn cấm) có tội hiện hành; 2. Khai hứa (mở cho) không tội hiện hành; 3. Nếu ở trong pháp già chỉ, khai hứa mà có người phạm vì tạm hành (làm/dùng tạm thời), thì đúng như pháp can ngăn, dạy bảo (gián hối); 4. Nếu có người ở vào trường hợp tạm hành mà cố ý hủy phạm, cứ mãi coi thường, phóng túng, thì đem ý lạc không đục bản, không có biến đổi và thân thiện mà ha trách, tấn xuất đúng phép, trao cho những ý



những hoài nghi mà hữu tình khởi lên, vì khéo thấu rõ nghĩa lý sâu xa, vì làm cho trí kiến rốt ráo thanh tịnh, đều gọi là thuận chánh luận. Vì sao gọi như vậy? Vì tùy thuận chánh hành, vì tùy thuận chánh nghĩa²², cho nên luận này gọi là thuận chánh luận.

[531b25] **Giáo đạo luận:** Là trên nền tảng thuận chánh luận, giáo huấn sự tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học, để người tâm chưa định thì làm cho tâm được định, người tâm đã định thì làm cho tâm giải thoát, người chưa được trí chân thật²³ thì khai ngộ khiến được, người đã được trí chân thật thì khiến tu tập viên mãn, gọi là giáo đạo luận. Vì sao gọi như vậy? Vì chỉ dạy khai mở rõ ràng tường tận cho hữu tình, cho nên luận này gọi là giáo đạo luận.

[531c02] **Hỏi:** Quán sát như thật sáu loại luận này, luận nào là chân thật, có thể dẫn đến sự nghĩa lợi, phải nên tu tập, và luận nào là không chân thật, có thể dẫn đến sự không nghĩa lợi, phải nên tránh xa?

Đáp: Hai luận sau cùng là chân thật, có thể dẫn đến sự nghĩa lợi, phải nên tu tập. Hai luận ở giữa là không chân thật, có thể dẫn đến sự không nghĩa lợi, phải nên tránh xa. Hai luận đầu tiên phải nên phân biệt²⁴.

niệm cần làm; 5. Nếu ở trong pháp già chỉ, khai hứa mà có người siêng năng chánh hành, thì từ ái xưng tán công đức một cách chân thật, làm cho người ấy hoan hỷ. Nên biết, đây là năm loại giáo giới của Bồ tát, gọi là: già chỉ, khai hứa, gián hối, ha tấn, khánh uy.” (tr. 504c08~17)

23 Trí chân thật = trí xuất thế: Trí tuệ chế phục sự trói buộc của tham, sân, si và các tạp nhiễm, cũng có khả năng đối trị tùy miên vi tế. Ở hàng Thanh văn, đó là vô học chánh trí của bậc A-la-hán. Hàng hữu học ở địa vị kiến đạo, tu tập và thành tựu 8 chi Thánh đạo để thấy lý tứ đế. Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu 10 vô học chi (: 8 vô học chi của Thánh đạo, thứ 9 là vô học chánh giải thoát và thứ 10 là vô học chánh trí.) Tạp A-hàm, kinh Yểm ly, số 9: “Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn, vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.” (Thích Đức Thắng dịch)

24 Hai luận đầu tiên là ngôn luận và thượng luận, là trung tánh: hoặc là chân thật, hoặc là không chân thật, hoặc là đưa đến sự nghĩa lợi, hoặc là đưa đến sự không nghĩa lợi, hoặc là nên tu tập, hoặc là nên tránh xa.



[531c06] 2. **Luận xử sở:** Nên biết cũng có sáu chỗ [để bàn luận nghĩa lý]: 1. Ở trước quốc vương; 2. Ở trước người chấp lý; 3. Ở trong đại chúng; 4. Ở trước người khéo hiểu pháp nghĩa; 5. Ở trước sa-môn, bà-la-môn; 6. Ở trước người ưa nghe pháp nghĩa.

[531c09] 3. **Luận sở y:** Có mười thứ, nên biết: 1. Sở thành lập, có hai nghĩa; 2. Năng thành lập, có tám pháp.

[531c11] **Sở thành lập**²⁵, có hai nghĩa: 1. Tự tánh của sở thành lập; 2. Sai biệt của sở thành lập.

(1) *Tự tánh của sở thành lập:* Có thành lập là có, không thành lập là không có.

(2) *Sai biệt của sở thành lập:* Hữu thượng thành lập hữu thượng, vô thượng thành lập vô thượng, thường thành lập thường, vô thường thành lập vô thường. Cũng vậy, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, đại loại như vậy có vô lượng sai biệt nghĩa môn, gọi đó là sai biệt của sở thành lập, nên biết.

[531c17] **Năng thành lập**, có tám pháp: 1. Lập tông; 2. Biện nhân; 3. Dẫn dụ; 4. Đồng loại; 5. Dị loại; 6. Hiện lượng; 7. Tỷ lượng; 8. Chí giáo lượng.²⁶

25 Sở thành = sở lập = sở thành lập là mệnh đề chủ trương mà người lập luận đưa ra và chờ chứng minh, tức là chi Tông trong 3 chi của luận thức Nhân minh. Đối lại, chi Nhân (lý do) và chi Dụ (thí dụ) được dùng để chứng thành chi Tông có được xác lập hay không, thì gọi là Năng lập.

26 Thuật ngữ của Nhân minh là bát năng lập (tám năng lập), cũng gọi là bát thành lập nhân, là 8 yếu tố lập luận: Lập tông (mệnh đề) là trọng điểm của một cuộc tranh luận giữa 2 bên, bên lập luận và bên vấn nạn. Bên lập luận đưa ra mệnh đề để tranh luận như ‘âm thanh là vô thường’ và đó là lập tông. Biện nhân (lý do) là vì thành tựu tông chỉ đã lập thì phải biện lập nguyên nhân của nó, như âm thanh được tạo ra (nhân). Dẫn dụ (thí dụ) là đưa ra những thí dụ mà thể gian công nhận và tập quen để hỗ trợ cho nghĩa lý của tông, để chứng minh cái nhân lập ra không sai, như cái lọ có tính tạo tác. Khi dẫn dụ thì có thể đưa ra những thí dụ đồng loại hay dị loại. Đồng loại là những pháp tương tự. Dị loại là những pháp không tương tự. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận thì dùng hợp và kết thay cho đồng loại và dị loại. Hiện lượng là khả năng tri giác trực tiếp, là hiện kiến không trải qua suy tư nên không có sai lầm. Tỷ lượng là so sánh suy lý, dùng kiến thức đã biết để suy luận những sự kiện chưa biết. Chánh giáo lượng (: chí giáo) là dùng những lời dạy của bậc Nhất thiết trí để chứng minh lập



[531c19] (1) *Lập tông*: Dựa vào hai nghĩa của *sở thành lập*, riêng biệt nắm bắt tự tông được [mọi người] công nhận: hoặc nắm bắt luận giáo²⁷ [của thầy mình], hoặc bằng biện tài của mình, [hoặc do coi thường người khác,] hoặc qua những gì nghe được từ người khác mà thành lập tự tông, với mục đích chỉ rõ sai lầm của tha tông, đề bẹp sự kiêu mạn, bẻ gãy sự lẳng nhục, hay là vì thương xót hữu tình.

[531c23] (2) *Biện nhân*: Vì thành tựu sự kiến lập tông, dựa vào *dẫn dụ*, đồng loại, *dị loại*, *hiện lượng*, *tỷ lượng* và *chỉ giáo lượng* để biện giải nguyên nhân của đạo lý.

[531c25] (3) *Dẫn dụ*: Vì thành tựu sự kiến lập nghĩa, trước dẫn dụ một nhân tố để dựa vào, sau nói các pháp khác để hiểu mà người thể gian đã tập quen, chấp nhận, để làm sự so sánh.²⁸

[531c27] (4) *Đồng loại*: Những tướng mạo tương tự ở hiện tại hay đã thấy qua trước đây, mà có liên quan, có thể hoán đổi. Tương tự có bốn thứ: 1. Tự thể tương tự; 2. Nghiệp tương tự; 3. Pháp tương tự; 4. Nhân quả tương tự.

Tự thể tương tự: Tướng mạo tương tự so với tự thể kia.²⁹

Nghiệp tương tự: Tác dụng tương tự so với tự thể kia.

Pháp tương tự: Trên tự thể có các pháp môn sai biệt triển chuyển tương tự, như pháp vô thường với pháp khổ, pháp khổ với pháp vô

luận của mình. Ba lượng này là nền tảng để lập luận về mặt tri thức. Hợp, là chỗ Tông – Nhân - Du hợp thành, như cái lọ có tính được tạo tác, lọ là vô thường, tiếng có tính được tạo tác, tiếng cũng vô thường. Đây gọi là phương pháp năm chi (phần): Tông, Nhân, Dụ, Hợp, Kết.

27 Luận giáo = luận tông: giáo nghĩa, tông chỉ của luận thuyết.

28 Chẳng hạn như lập luận thức: Tông: Âm thanh là vô thường. Nhân: Vì do sự nỗ lực không ngừng phát ra. Đồng dụ: Phàm những cái do sự nỗ lực không ngừng phát ra đều vô thường, ví như cái lọ.

29 Như lá cây có màu xanh lục, màu xanh lục là tự thể. Có người mặc áo màu xanh lục, so sánh thấy tương tự như màu xanh lục của lá cây. Đó là tương tự màu sắc.



ngã³⁰, pháp vô ngã với pháp sinh, pháp sinh với pháp lão, pháp lão với pháp tử. Cũng vậy, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, đại loại như vậy có vô lượng pháp môn sai biệt tương tự lẫn nhau.

Nhân quả tương tự: Tự thể có nhân, có quả, có năng thành, có sở thành, triển chuyển tương tự.

Tất cả gọi là đồng loại.

[532a08] (5) *Dị loại*: Các pháp tùy nghĩa khác nhau nên không tương tự với nhau. Dị loại cũng có bốn thứ, trái ngược với đồng loại.

[532a10] (6) *Hiện lượng*: Có ba điều kiện: 1. Chẳng phải không hiện thấy; 2. Chẳng phải tư duy thành ấn tượng; 3. Chẳng phải ấn tượng thác loạn được thấy.³¹

[532a12] 1. *Chẳng phải không hiện thấy*: Các căn không hư hoại khi tác ý hiện tiền, có bốn yếu tố: đồng loại sinh, dị loại sinh³², không chướng ngại và không quá xa.

(a) *Đồng loại sinh*: Các căn ở Dục giới³³ đối với các cảnh ở Dục giới, các căn ở thượng địa đối với các cảnh ở thượng địa mà đã sinh, đã đồng thời sinh, hoặc sinh, hoặc khởi³⁴, gọi là đồng loại sinh.

30 Trung bộ kinh, Tiểu kinh giáo giới La-hầu-la, số 147: “Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên: - Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, là vô thường. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Bạch Thế Tôn, là khổ. - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’ Thưa không vậy, bạch Thế Tôn. (vô ngã)” (HT. Thích Minh Châu dịch)

31 Ví như con mắt thấy cảnh vật, mắt thấy là thấy hình sắc, là hiện lượng, còn sau đó có cái thấy theo ấn tượng ghét ưa của ý thức, là tỷ lượng.

32 Du-già sư địa luận dùng chữ tương tự sinh và siêu việt sinh thay vì đồng loại sinh và dị loại sinh.

33 Chánh văn là dục triển 欲纏, sự trói buộc của tham dục, chỉ cho Dục giới.

34 Dĩ sinh dĩ đẳng sinh, nhược sinh nhược khởi 已生已等生, 若生若起: Có 2 cách giải thích: 1. Quá khứ là dĩ sinh (đã sinh), cũng gọi là nhược sinh (hoặc sinh); hiện tại là dĩ đẳng sinh (đã đồng thời



(b) *Dị loại sinh*: Các căn ở thượng địa đối với các cảnh ở hạ địa mà đã sinh, đã đồng thời sinh, hoặc sinh, hoặc khởi, gọi là dị loại sinh.

(c) *Không chướng ngại*: Có bốn thứ: i. Chẳng phải che lấp làm chướng ngại; ii. Chẳng phải ẩn giấu làm chướng ngại; iii. Chẳng phải ánh sáng làm chướng ngại; iv. Chẳng phải mê hoặc làm chướng ngại.

Chẳng phải che lấp làm chướng ngại: Bị ngăn che bởi sự tối tăm, không có ánh sáng hay màu sắc không trong sạch.

Chẳng phải ẩn giấu làm chướng ngại: Bị ngăn che bởi sức cở thuốc³⁵, sức chú thuật, sức thần thông.

Chẳng phải ánh đoạt làm chướng ngại: (i) Vật nhỏ ít bị vật lớn nhiều che khuất không thể thấy được; tác dụng của thuốc độc trong đồ ăn uống [khiến không thể thấy được]; lỗ chân lông tóc bị vật thô khác che lấp; đại loại như vậy, vô lượng vô biên. (ii) Ánh sáng yếu bị ánh sáng mạnh phủ lấp nên không thể thấy được, như ánh sáng mặt trời hắt chiếu tinh tú, mặt trăng v.v... (iii) Năng trị ánh đoạt³⁶ sở trị làm cho không thể thủ đắc, như quán bất tịnh lần đoạt tướng tịnh; quán vô thường, khổ, vô ngã lần đoạt tướng thường, lạc, ngã; quán vô tướng có sức mạnh lần đoạt các [hữu] tướng.

Chẳng phải mê hoặc làm chướng ngại: Huyền hóa được tạo³⁷,

sinh), cũng gọi là nhược khởi (hoặc khởi); 2. Quá khứ là dĩ sinh, hiện tại là dĩ đẳng sinh, tương lai là nhược sinh nhược khởi.

35 Như cây anh túc (thuốc phiện), xương rồng, lá trầu, nấm ma thuật, bồ đề (marijuana), v.v... là những loại cây cỏ được chiết xuất hay sử dụng mà gây ra ảo giác, hưng phấn.

36 Ánh đoạt 映奪: rực rỡ làm hoa mắt, chao đảo, khuynh động, chiếm lĩnh, lấn át.

37 Huyền hóa là như không gian nổi lên hoa đóm, do con mắt bị bệnh màng mắt mà thấy có hoa đóm, như sóng năng là những đợn sóng do hơi năng bốc lên, làm cho con nai phát sanh ảo tưởng là nước, như nhà ảo thuật làm ra trò ảo thuật mà người thích.



tướng mạo sai biệt³⁸, tướng mạo tương tự³⁹, hoặc trong thân tác động làm cho hoa mắt, ảo giác⁴⁰, buồn phiền, say rượu, phóng dật, điên cuồng. Đại loại như vậy gọi là mê hoặc làm chướng ngại.

Nếu không có bốn chướng ngại kể trên gọi là không chướng ngại.

(d) *Không quá xa*: Không phải ba trường hợp quá xa: 1. Xứ sở quá xa; 2. Thời gian quá xa; 3. Suy đoán quá xa.

Như vậy, trên đây gọi chung là không hiện thấy. Do *chẳng phải không hiện thấy* nên gọi là hiện lượng.

[532b06] 2. *Chẳng phải tư duy⁴¹ thành ấn tượng*: Có hai trường hợp: 1. Vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ; 2. Kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ.

(1) *Vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ*: Năng tác cảnh [sở duyên] mới có thủ, liền thành sở y của thủ.⁴² Giống như vị lương y cho thuốc người bệnh, [thuốc ấy] sắc hương vị xúc thấy đều đầy đủ, có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nên biết thuốc ấy với sắc hương vị xúc, mới thủ [thuốc ấy] liền thành cảnh sở y của thủ: thuốc ấy có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nếu chưa lành bệnh thì suy nghĩ cấu thành. Nếu khi lành bệnh thì chẳng cần suy nghĩ [về thuốc]. Đại loại như vậy gọi là vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ.

(2) *Kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ*: Cảnh có thể là kiến

38 Du-già sư địa luận dùng “sắc tướng thù thắng”. Tướng mạo sai biệt là do ánh sáng mặt trời chói chang nên không nhìn rõ.

39 Tướng mạo tương tự như hai người sinh đôi, người giống người (twin stranger).

40 Hôn mộng 惛夢: lo lắng, mơ màng. Du-già sư địa luận, quyển 1: “Do minh chú, hoặc do cỏ thuốc, hoặc do uy thần mà phát hôn mộng.” (tr. 281a07)

41 Tư cấu 思構 = tư duy, suy nghĩ. Du-già sư địa luận dùng chữ dĩ tư ứng tư 已思應思. Dĩ tư (đã nghĩ) là nghĩ về quá khứ, ứng tư (phải nghĩ) là nghĩ về tương lai. Cả hai đều không phải hiện lượng.

42 Thủ có 2: 1. Pháp sở thủ; 2. Pháp năng thủ. Pháp sở thủ, như nói: đối cảnh, năng tác cảnh [sở duyên] mới có thủ. Pháp năng thủ, như nói: liền thành sở y của thủ.



lập cảnh giới làm sở y của thủ.⁴³ Như các hành giả Du-già nương tựa tướng, tư duy về địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Nếu ở nơi địa giới, nương tựa nó làm cái biết về nước, tức dựa vào địa tướng để kiến lập thủy tướng. Nếu ở nơi địa giới, nương tựa làm cái biết về lửa, cái biết về gió, tức dựa vào địa tướng để kiến lập hỏa tướng, kiến lập phong tướng. Ở đây, địa tướng chính là kiến lập cảnh giới; thủ địa giới chính là kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ. Giống như địa tướng, đối với thủy tướng, hỏa tướng, phong tướng, theo chỗ tương ứng nên hiểu như vậy. Đây là kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ.

Ở đây, *kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ* chẳng phải là tư duy đã thành hay nương tựa tướng để biết.⁴⁴ Các giới địa, thủy, hỏa, phong v.v... nếu cái biết chưa thành thì gọi là tư duy được lập⁴⁵; cái biết nếu thành tựu tức là chẳng phải tư duy, như vậy gọi là *chẳng phải thành lập tư duy*. Do chẳng phải là sự thành lập tư duy, nên gọi là hiện lượng.

[532b25] 3. *Chẳng phải ấn tượng thác loạn được thấy*: Nên biết có năm thứ hay bảy thứ. Năm thứ là chẳng phải năm thứ [ấn tượng] thác loạn được thấy. Năm thứ [ấn tượng] thác loạn: 1. Tướng thác loạn; 2. Số thác loạn; 3. Hình thác loạn; 4. Hiện thác loạn; 5. Nghiệp thác loạn. Bảy thứ là chẳng phải bảy thứ [ấn tượng] thác loạn được thấy. Bảy thứ [ấn tượng] thác loạn tức là năm thứ [ấn tượng] thác loạn ở trên, và với hai thứ [ấn tượng] thác loạn biến hành, hợp

43 Sở thủ tướng của tướng gọi là cảnh. Năng thủ cảnh của tướng gọi là thủ. Các hành giả Du-già, ở trong cảnh giới sở hành tam-ma-địa, do các thứ tướng an lập các tướng (ấn tượng) để làm sở duyên, cho nên các tướng ấy gọi là kiến lập cảnh giới. Cảnh giới ấy làm sở y cho thủ. Nói cách khác, sở thủ ấy là duy thức.

44 Đây chỉ cho sự kiến lập định tâm, cảnh giới của ảnh tượng. Thể của hiện cảnh này là cái tâm năng thủ, được gọi là hiện lượng.

45 Đây chỉ cho tiền phương tiện của tu quán.



lại thành bảy. Hai thứ [ấn tượng] thác loạn là: 1. Tâm thác loạn; 2. Kiến thác loạn.

(1) *Tướng thác loạn*: Chẳng phải tướng kia mà khởi tướng về tướng kia; như con nai khát nước, đối với sóng nắng phát sinh ảo tưởng là nước.

(2) *Số thác loạn*: Đối với số ít sinh khởi tăng thượng mạn số nhiều; như người bị bệnh màng mắt thấy một mặt trăng thành nhiều mặt trăng.

(3) *Hình thác loạn*: Đối với hình sắc khác sinh khởi tăng thượng mạn hình sắc khác; như một đốm lửa được quay quanh, ta sẽ thấy một vòng tròn lửa [liên tục không gián đoạn].⁴⁶

(4) *Hiện thác loạn*: Đối với hiện sắc khác sinh khởi tăng thượng mạn hiện sắc khác; như bệnh ca-mạt-la⁴⁷, nhãn căn bị tổn hoại, đối với vật không phải vàng đều thấy là màu vàng.

(5) *Nghiệp thác loạn*: Đối với vô nghiệp sinh khởi tăng thượng mạn hữu nghiệp; như một người, nắm chắc bàn tay, chạy nhanh tới trước, thấy cây cối chạy lui vùn vụt.

(6) *Tâm thác loạn*: Tâm sinh ưa thích đối với năm nghĩa thác loạn ở trên.

(7) *Kiến thác loạn*: Chấp nhận lãnh thọ, tuyên thuyết rõ ràng,

46 Đại nhật kinh số, quyển 3: "Người cầm đốm lửa quay trong hư không, tạo ra các thứ hình tướng, hoặc vuông hoặc tròn, tam giác, bán nguyệt, lớn nhỏ dài ngắn, tùy ý mình muốn." Một đốm lửa xoay thành vòng lửa, biểu trưng cho giả tướng của các pháp, bởi vì trên thực tế không có vòng lửa, mà chỉ là những đốm lửa nối tiếp nhau làm cho ta có cảm tưởng đó là vòng lửa tròn mà thôi. Áo tưởng này cũng giống như ảo tưởng về một bản chất cố định, thường hằng. Kinh Lăng nghiêm, quyển 3: "Sinh tử, từ sinh, sinh sinh tử tử như vòng lửa quay, không có ngưng nghỉ." (No. 945, tr. 117b28) Ma ha chỉ quán, quyển 6: "Vì những kiếp chấp ấy, tạo các kết nghiệp, đọa lạc ba đường, chìm đắm không dứt, như vòng lửa quay, nếu muốn chặn lại, phải nên dừng tay." (No. 1911, tr. 76a25)

47 Ca-mạt-la 迦末羅: (S: Kāmalā): Hay ca-ma-la 迦摩羅, là bệnh vàng mắt. Người mắc bệnh này, bị hư con mắt, thấy tất cả màu sắc đều là màu vàng, bệnh này rất khó chữa.



an lập quý trọng, vọng tưởng chấp chặc đối với năm nghĩa thác loạn ở trên.

Nếu chẳng phải những [ấn tượng] thác loạn được thấy như vậy, gọi là hiện lượng.

[532c13] Hỏi: Hiện lượng như vậy gồm có những gì?

Đáp: Lược nói có bốn thứ: 1. Sắc căn hiện lượng; 2. Ý thọ hiện lượng; 3. Thế gian hiện lượng; 4. Thanh tịnh hiện lượng.

Sắc căn hiện lượng: Là sắc tướng và cảnh giới sở hành của năm căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng⁴⁸.

Ý thọ hiện lượng: Là các cảnh giới sở hành của ý căn⁴⁹, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng⁵⁰.

Thế giới hiện lượng: Hai hiện lượng ở trên gọi chung là thế giới hiện lượng⁵¹.

Thanh tịnh hiện lượng: (1) Thế gian hiện lượng cũng được gọi là thanh tịnh hiện lượng. (2) Một khi có thanh tịnh hiện lượng thì chẳng có thế gian hiện lượng, nghĩa là trí xuất thế đối với cảnh sở hành⁵²: có biết là có, không có biết là không có, hữu thượng biết hữu thượng, vô thượng biết vô thượng; trí ấy không chung với [trí thức] thế tục nên gọi là thanh tịnh hiện lượng.

48 Tướng là hiện tượng, là sắc. Thể là bản thể, là thức. Sắc và thức này là khách thể và chủ thể mà từ đó có ra mọi thác loạn. Như trước đã nói là "Các căn không hư hoại khi tác ý hiện tiền, có bốn yếu tố: đồng loại sinh, dị loại sinh, không chướng ngại và không quá xa."

49 Ý căn: Trong 18 giới, tức 6 căn, 6 cảnh và 6 thức, thì ý là ý căn trong 6 căn. Năm thức có 5 căn làm câu hữu y, ý thức cũng có ý căn (ý ô nhiễm, chỉ cho thức mặt-na) làm câu hữu y.

50 Tác ý hiện tiền, kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ, và không có 2 thứ thác loạn là tâm và kiến.

51 Thế giới là thế giới chúng sinh cư trú. Thế giới hiện lượng là thế giới được nhìn thấy bằng sắc căn hiện lượng và ý thọ hiện lượng.

52 Trí xuất thế lấy an lập để làm cảnh sở hành, tức lấy Thánh để về khổ mà Như lai nói để kiến lập trí ấy.



[532c23] (7) *Tỷ lượng*: Là cảnh giới của suy đặc câu hữu với tư trạch⁵³. Tỷ lượng có năm thứ: 1. Tướng; 2. Thể; 3. Nghiệp; 4. Pháp; 5. Nhân quả.

[532c25] 1. *Tướng tỷ lượng*: Tùy theo tướng trạng có sự liên tục, hoặc cảnh giới kể đặc ở hiện tại và trước đó nhìn thấy, như là: (1) Thấy màn che đoán biết có xe; (2) thấy khói đoán biết có lửa; cũng vậy, (3) lấy nhà vua suy ra đất nước; (4) lấy chồng suy ra vợ; (5) lấy bò rừng suy ra con bò; (6) lấy thân hình mềm mại, tóc đen, nhanh nhẹn, sắc đẹp, suy biết là trẻ trung; (7) lấy da nhăn, tóc bạc v.v..., suy biết là già nua; (8) lấy sự nắm giữ tự tướng [của một người] mà biết người đạo, biết kẻ tục; (9) lấy sự vui thích gặp Thánh giả, vui thích nghe chánh pháp, viễn ly kiêu mạn, biết là người chánh tín; (10) lấy sự khéo nghĩ cái được nghĩ, khéo nói cái được nói, khéo làm cái được làm⁵⁴ thì biết là bậc thông tuệ; (11) lấy sự từ bi, ái ngữ, dũng mãnh, vui thí, khéo léo giải thích nghĩa lý mật ý sâu xa thì biết là Bồ-tát⁵⁵; (12) lấy sự dao động, nông nổi, vui chơi, ca hát, cười giỡn v.v... thì biết là người chưa ly dục; (13) lấy các uy nghi, thường trú tịch tĩnh thì biết là vị ly dục; (14) lấy sự đầy đủ tướng hảo Như lai, trí tuệ, tịch tĩnh, thắng hạnh, biện tài, [thần thông], thì biết là đức Như lai Ứng chánh đẳng giác, đầy đủ Nhất thiết trí; (15) thấy cậu thiếu niên kia tướng mạo như vậy thì đoán biết khi tuổi già chuyện gì xảy ra. Đại loại như vậy gọi là tướng tỷ lượng.

53 Suy đặc là khảo sát, xem xét. Tư trạch là suy nghĩ lựa chọn, quyết định.

54 Khéo nghĩ... được làm: là cả 3 nghiệp đều tùy thuận tuệ giác.

55 Theo Du-già sư địa luận, quyển 47, một vị Bồ-tát phải có 5 sắc thái: 1. Ai mẫn; 2. Ái ngữ; 3. Dũng mãnh; 4. Duối tay huệ thí; 5. Khả năng hiểu biết nghĩa lý mật ý sâu xa. Hiểu biết nghĩa lý mật ý sâu xa là biết về (1) tánh không tương ứng tánh duyên khởi, (2) thiện xảo hủy phạm và thiện xảo hoàn tịnh của giới luật, (3) nơi luận tạng, thi thiết kiến lập pháp tướng không đảo ngược, (4) khả năng hiển bày và phá bỏ một cách chính xác những tướng nghĩa khó hiểu về các pháp, (5) giải thích pháp nghĩa của tất cả các pháp qua danh từ và phẩm loại sai biệt. (tr. 549b20~550a18)



2. *Thể tỷ lượng*: Do hiện thấy đặc tánh của tự thể này rồi so sánh với vật thể khác mà không thấy nơi hiện tại, hoặc hiện thấy một phần tự thể rồi so sánh với những phần khác. Như lấy sự hiện tại so sánh với sự quá khứ, hoặc lấy sự quá khứ so sánh với sự vị lai, hoặc lấy sự gần ở hiện tại so sánh với sự xa ở hiện tại. Lại nữa, như các sự ăn mặc, trang sức, đồ dùng, xe cộ v.v... xem thấy một phần sự được mắt của chúng mà so sánh biết tất cả sự. Lại nữa, lấy một phần thành thực này để so sánh những phần thành thực khác. Những sự đại loại như vậy gọi là thể tỷ lượng.

[533a15] 3. *Nghiệp tỷ lượng*: Là lấy tác dụng để đoán biết sở y của nghiệp.⁵⁶ (1) Như thấy một vật ở xa không có lay động, chim chóc đậu trên đó, những sự như vậy, đoán biết là có cái cây trụ lá; nếu có những sự lay động đoán biết là người. (2) Nếu thấy dấu chân to rộng đoán biết là con voi; thân trườn đi trên đất đoán biết là con rắn; nghe tiếng hí đoán biết là con ngựa; nghe tiếng gào rống đoán biết là sư tử; nghe tiếng gầm thét đoán biết là trâu chúa. (3) Thấy so với mắt, nghe so với tai, ngửi so với mũi, nếm so với lưỡi, xúc chạm so với thân, nhận biết so với ý. (4) Dùng gậy tìm nước, gậy bị ngăn ngại đoán biết là đất. Nếu thấy chỗ này cây cỏ tốt tươi, cành lá xanh biếc, đoán biết có nước. Nếu thấy tro nóng, đoán biết có lửa. Nếu thấy cây cối lay động, đoán biết có gió. (5) Nếu thấy người mắt nhắm, cầm gậy, té ngã, lạc đường v.v... đoán biết là người mù; thấy người nói lớn tiếng, nghiêng tai, đoán biết là người điếc. (6) Lấy nghiệp đã tạo tác để đoán biết về vị chánh tín, bậc thông tuệ, Bồ-tát, người chưa ly dục, vị ly dục, đức Như lai, đã biết ở trên.

56 Nghiệp là sở y. Tác dụng là năng y. Năng y và sở y hệ thuộc lẫn nhau. Nghiệp là tác dụng, nên thường dùng chữ nghiệp dụng chỉ cho chức năng, hoạt dụng, hoạt động của nghiệp.



[533a27] 4. *Pháp tỷ lượng*: Đối với tất cả pháp tương liên, tương thuộc, lấy một pháp để so sánh với những pháp khác. (1) Những gì thuộc vô thường thì biết có khổ; những gì thuộc khổ thì biết là không, vô ngã. (2) Những gì thuộc sinh thì biết có già; những gì thuộc già thì biết có chết. (3) Những gì thuộc hữu sắc, hữu kiến, hữu ngại thì biết có xứ sở và có hình chất. (4) Những gì thuộc hữu lậu thì biết có khổ; những gì thuộc vô lậu thì biết không khổ. (5) Những gì thuộc hữu vi thì biết là pháp sinh, trụ, dị, diệt; những gì thuộc vô vi thì biết là pháp vô sinh, vô trụ, vô dị, vô diệt.

Đại loại như vậy gọi là pháp tỷ lượng.

[533b05] 5. *Nhân quả tỷ lượng*: Là lấy nhân và quả [triển chuyển] so sánh với nhau. (1) Như thấy một vật di chuyển thì biết có chỗ đến; thấy có chỗ đến thì biết trước có di chuyển. (2) Nếu thấy một người thờ vua như pháp thì biết người ấy sẽ được tài lộc, địa vị rộng lớn; thấy tài lộc, địa vị rộng lớn thì biết người ấy trước đó thờ vua như pháp. (3) Nếu thấy có người đầy đủ tâm lành mà tác nghiệp thì biết người ấy chắc chắn sẽ được giàu có lớn; thấy giàu có lớn thì biết người ấy trước đó đã đầy đủ tâm lành mà tác nghiệp. (4) Thấy người tu tập thiện hạnh hay ác hạnh thì biết sẽ hưng hay suy; thấy có sự hưng suy thì biết trước có tu tập thiện hạnh, ác hạnh. (5) Nếu thấy đồ ăn, thức uống dồi dào thì biết no đủ; thấy có no đủ thì biết đồ ăn, thức uống dồi dào. (6) Nếu thấy có người ăn uống không ngon miệng thì biết có bệnh; nếu thấy có bệnh thì biết ăn uống không ngon miệng. (7) Thấy có tỉnh lự thì biết có sự ly dục; thấy vị ly dục thì biết có tỉnh lự. (8) Nếu thấy tu tập đạo để⁵⁷ thì biết sẽ được bốn quả sa-môn⁵⁸; nếu thấy có người được

57 Tu đạo = tu tập 37 bồ-đề phần pháp.

58 Bốn quả sa-môn: *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm* và *A-la-hán*. *Kinh Trường bộ*, *kinh Sa-*



bốn quả sa-môn thì biết có tu tập đạo để. Nên biết, đại loại như vậy gọi là nhân quả tỷ lệ.

Như vậy gọi chung là tỷ lệ.

[533b17] (8) *Chí giáo lượng*:⁵⁹ Là tất cả ngôn giáo được thiết lập bởi bậc Nhất thiết trí, nghe pháp từ bậc ấy, tùy thuận pháp mà thực hành. Chí giáo lượng có ba: 1. Nhiếp vào Thánh ngôn; 2. Đối trị tạp nhiễm; 3. Không trái pháp tướng.

[533b20] 1. *Nhiếp vào Thánh ngôn*: Là những kinh giáo được thuyết bởi đức Như lai và các Thánh đệ tử, được triển chuyển lưu bố từ xưa đến nay, không đi ngược chánh pháp, không đi ngược chánh nghĩa.

[533b22] 2. *Đối trị tạp nhiễm*: Là khi y theo pháp ấy mà khéo tu tập thì có thể vĩnh viễn điều phục được hết thầy phiền não và tùy phiền não, như tham, sân, si v.v...

[533b24] 3. *Không trái pháp tướng*: Là không trái ngược với tướng của các pháp, nên gọi là không trái pháp tướng. Thế nào là trái pháp tướng? (1) Nếu đối với pháp vô tướng⁶⁰ mà thêm lên thành pháp hữu tướng, như chấp trước có ngã, hữu tình, mạng giả, sinh giả v.v...⁶¹, hoặc có thường, hoặc có đoạn, hữu sắc vô sắc, ... đại loại các pháp như vậy. (2) Hoặc đối với pháp hữu tướng mà giảm đi thành pháp vô

môn quả, số 2, nói về hạnh sa-môn gồm có: gìn giữ giới đức, uy nghi đầy đủ, luôn luôn chánh niệm tỉnh giác, chế ngự các căn, sống tri túc, xả ly 5 triền cái (tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử, nghi ngờ) bằng cách tu tập 4 tĩnh lự, hướng tâm đến chánh trí, chứng các thân thông và đạt giải thoát.

59 Chánh văn là chí giáo 至教. Du-già sư địa luận dùng chánh giáo lượng, cũng gọi là Thánh giáo lượng.

60 Pháp vô tướng: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng v.v...

61 Xem chú thích về 16 tri kiến十六知見, hoặc 16 thần ngã十六神我, chỉ cho 16 kiến chấp đối với pháp 5 ấm. (Hiển dương, quyển 5, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1)



tướng.⁶² (3) Hoặc đối với pháp quyết định mà lập làm pháp bất định, như (a) “*tất cả hành đều là vô thường, tất cả pháp hữu lậu đều là khổ, tất cả các pháp đều là vô ngã*” mà kiến lập một cách sai lầm: một phần là thường, một phần là vô thường⁶³, một phần là khổ, một phần là phi khổ⁶⁴, một phần là hữu ngã, một phần là vô ngã⁶⁵. (b) Cũng vậy, đức Phật không trả lời những pháp không thể xác định⁶⁶, đối với những pháp ấy mà vẫn một mực xác định, hay tìm cầu [câu trả lời] cho là an lập sự xác định. (4) Hoặc đối với pháp bất định mà lập làm pháp cố định, như chấp “*tất cả lạc thọ đều có tham tùy miên; tất cả khổ thọ đều có sân tùy miên; tất cả bất khổ bất lạc thọ đều có si tùy miên,*”⁶⁷

62 Hữu tướng chỉ cho tánh y tha của các pháp (= các pháp hữu vi, do chúng tử nơi a lại da nhờ các trợ duyên mà hiện hành) ở đâu và lúc nào cũng có (dù là giả có), bởi lẽ y tha mà không có thì không có gì nữa: tánh y tha mà không có thì tánh chân thật cũng không có; tánh y tha mà không có thì không có duyên khởi, không có thiện ác nhân quả, không có tu tập Thánh đạo và bốn quả sa-môn. Đây là quan điểm của những vị ác thủ không, chấp tất cả pháp đều vô tự tánh, phủ định hai đế chân tục, đối với tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh có cái lỗi tổn giảm.

63 Một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. Xem kinh Phạm võng, kinh Trường bộ, hoặc Phạm động, Trường A-hàm.

64 Tất cả pháp hữu lậu đều là khổ, cho nên khổ thọ, lạc thọ hay bất khổ bất lạc thọ cũng đều là khổ. Kể cả khi tu tập chỉ quán, hiện pháp lạc trú vẫn còn khổ, chỉ khi nào vĩnh đoạn phiền não mới hết khổ. Khổ bao gồm khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

65 Tất cả các pháp đều là vô ngã, nhưng lại chấp ngã là hữu sắc, ngã là vô sắc, ngã là thân, vô ngã là ngoại cảnh v.v...

66 Những pháp không thể xác định, thuật ngữ Phật giáo gọi là thập tứ vô ký 十四無記, cũng gọi là thập tứ bất khả ký 十四不可記, thập tứ nạn 十四難, chỉ cho 14 ý kiến điên đảo mà ngoại đạo gạn hỏi nhưng không được đức Phật giải đáp, đây là Xả trí ký vấn 捨置記問 (gác lại không trả lời) trong bốn ký vấn của Phật [Bốn trường hợp trả lời câu hỏi: nhất hướng 一向 (đáp thẳng), phân biệt 分別 (đáp rành rẽ), cật vấn 詰問 (đáp bằng cách vấn nạn lại), xả trí 捨置 (đáp bằng cách gác lại)]. Mười bốn ý kiến ấy là: 1. Thế gian là thường? 2. Thế gian là vô thường? 3. Thế gian cũng thường cũng vô thường? 4. Thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường? 5. Thế gian có biên giới? 6. Thế gian không có biên giới? 7. Thế gian cũng có biên giới cũng không có biên giới? 8. Thế gian chẳng phải có biên giới chẳng phải không có biên giới? 9. Sau khi chết, Như lai tồn tại? 10. Sau khi chết, Như lai không tồn tại? 11. Sau khi chết, Như lai cũng tồn tại cũng chẳng phải tồn tại? 12. Sau khi chết, Như lai chẳng phải tồn tại chẳng phải chẳng tồn tại? 13. Mạng (tinh thần) và thân (vật chất) là một? 14. Mạng và thân là khác?

67 Kinh Trung bộ, số 148, kinh Sáu sáu, đức Phật lấy ví dụ con mắt (nội xứ) duyên với các sắc (ngoại xứ), khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Vì ấy do cảm giác lạc thọ, khởi lên hoan hỷ tán thân, lạc ấy xâm nhập tâm và an trú. Do vậy tham tùy miên của vị ấy tăng. Vì ấy cảm giác khổ thọ, sầu muộn, than van, than khóc,



tất cả khổ lạc đều là hữu lậu”, suy nghĩ xong rồi, tạo tác các nghiệp, [một mực xác quyết] chỉ có nhận chịu quả báo khổ đau. Đại loại [các chấp] như vậy. (5) Đối với pháp hữu tướng: tướng không sai biệt kiến lập sai biệt, tướng có sai biệt kiến lập không sai biệt, như (a) dựa vào tướng sai biệt của pháp hữu vi, nơi pháp vô vi cũng kiến lập sai biệt; (b) dựa vào tướng vô sai biệt của pháp vô vi, nơi pháp hữu vi cũng kiến lập không có sai biệt. Giống như hữu vi vô vi, đối với hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu v.v... theo chỗ tương ứng đều nên biết rõ. (6) Lại đối với hữu tướng thiết lập hành tướng của nhân quả mà không đúng chánh lý, như lập các diệu hành cảm quả không khả ái, lập các ác hành cảm quả khả ái. (7) Chấp trước pháp luật được thuyết một cách tệ hại, tu tập các ác hành thì được thanh tịnh, và chấp trước pháp luật được Phật thuyết một cách khéo léo, tu hành các chánh hành thì không được thanh tịnh. Lại nữa, đối với pháp tạp nhiễm lập làm thanh tịnh, đối với pháp thanh tịnh lập làm tạp nhiễm. (8) Đối với tướng bất chân thật, mượn ngôn thuyết để lập làm chân thật; đối với tướng chân thật, mượn ngôn thuyết để lập làm bất chân thật; như

đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy. Do vậy vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Chính vì do không đoạn tận tham tùy miên, đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ. Không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chầm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra. Tiến trình tương tự như vậy sẽ xảy ra đối với năm căn và năm trần còn lại, tức là tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và các pháp. Trong Tiểu kinh Phương quảng, số 44, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna trả lời cho cư sĩ Visakha: “– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?
– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?
– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?
– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.” Nói theo sự tăng trưởng thì “trong lạc thọ, tham tùy miên tồn tại”, nhưng nói theo sự chung thông thì trong lạc thọ có cả tham tùy miên, sân tùy miên và si tùy miên, cho nên kinh nói “không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại.”



đối với pháp vĩnh ly ngôn thuyết⁶⁸, dùng ngôn từ hý luận để kiến lập thắng nghĩa.

Các trường hợp như vậy gọi là trái pháp tướng. Ngược với sự trái pháp tướng này gọi là không trái pháp tướng, tức là chí giáo lượng.

[533c21] Hỏi: Nếu tự tướng của tất cả pháp thành tựu tự nghĩa sai biệt, tức pháp tánh⁶⁹ kiến lập, vì lý do gì còn lập hai nghĩa của sở thành lập⁷⁰?

Đáp: Vì muốn cho người sinh tín giải, chẳng phải vì sinh thành tánh tướng của các pháp.

Hỏi: Vì muốn thành tựu nghĩa của sở thành lập, vì sao trước nhất nói lập tông?

Đáp: Vì trước nhất hiển thị tông nghĩa mà tự mình ưa thích.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là biện nhân?

Đáp: Vì muốn mở bày đạo lý quyết định dựa vào pháp hiện thấy, tức là không từ bỏ tông nghĩa được lập ra.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là dẫn dụ?

Đáp: Vì muốn hiển hiện đạo lý năng thành làm sở y chỉ cho pháp hiện thấy.

68 Chỉ chân như vô ngã, bình đẳng, vô phân biệt.

69 Chánh văn là pháp nhĩ, chỉ cho pháp tánh. Pháp nhĩ: các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt). Như nói, tâm thể thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt. Tạp A-hàm, kinh Na-lê-ca, số 822: “Phật bảo các Tỷ-kheo: ‘Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phạm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ảm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt,... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ảm bị diệt như vậy.’” (Thích Đức Thắng dịch)

70 Hai nghĩa: Tự tánh của sở thành lập và sai biệt của sở thành lập.



Hỏi: Vì sao nói đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng ở sau cùng?

Đáp: Vì muốn khai thị nhân và dụ qua hai thứ trí: tương vi và bất tương vi⁷¹. Tương vi có hai lý do: 1. Do không quyết định⁷²; 2. Do sở thành lập giống nhau⁷³. Bất tương vi cũng có hai lý do: 1. Do quyết định⁷⁴; 2. Do sở thành lập khác nhau⁷⁵. Ở đây, tương vi làm cho nghĩa của tông được thành lập, nó không thể làm lượng⁷⁶, cho nên không gọi là lượng; bất tương vi làm cho nghĩa của tông được thành lập, nó có thể làm chánh lượng, cho nên gọi là lượng.

71 Tương vi và bất tương vi: trái nghịch và không trái nghịch. Tương vi nhân (nghịch duyên) có thể làm trái nghịch các sự sinh, trụ, thành, đắc. Bất tương vi nhân (thuận duyên) không làm trái nghịch các sự sinh, trụ, thành, đắc. Tương vi là dị loại, bất tương vi là đồng loại. Nhân, dụ đều có hiện lượng, tỷ lượng v.v... tương vi và bất tương vi, theo đó mà có chân thật và tương tự.

72 Theo Nhân minh nhập chánh lý luận sơ 因明入正理論疏, No. 1840, tr. 97c26, không quyết định là căn cứ nhân đối với đồng dụ hay dị dụ, ngang qua lục bất định quá 六不定過, sáu lỗi của người lập luận làm cho nghĩa của tông không được xác định: 1. Cộng bất định: Nhân (lý do) có quan hệ toàn phần với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; lẽ ra nhân phải không có dị phẩm mới đúng, vì thế là lỗi; 2. Bất cộng bất định: Nhân không có quan hệ toàn phần với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; lẽ ra nhân phải có quan hệ với tông đồng phẩm mới đúng, vì thế là lỗi; 3. Đồng phẩm nhất phần chuyển, dị phẩm biến chuyển bất định: Nhân có quan hệ một phần với tông đồng phẩm và quan hệ toàn phần với tông dị phẩm; lỗi này cũng như lỗi thứ nhất; 4. Dị phẩm nhất phần chuyển, đồng phẩm biến chuyển bất định: Nhân có quan hệ một phần với dị phẩm và quan hệ toàn phần với đồng phẩm; lẽ ra phải tuyệt đối không có quan hệ với dị phẩm mới đúng, nên là lỗi; 5. Câu phẩm nhất phần chuyển bất định: Nhân có một phần quan hệ với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; cũng giống như lỗi trên; 6. Tương vi pháp định bất định: Lỗi này do tông (mệnh đề) của người lập luận và người vấn nạn tuy trái ngược nhau, nhưng nhân của mỗi bên đều có đủ 3 tướng (3 điều kiện) nên hai bên không thể quyết định được đúng hay sai.

73 Nhân minh nhập chánh lý luận sơ, No. 1840: "Sở thành lập giống nhau, là do 4 lỗi bất thành và 4 lỗi tương vi. Lỗi của nhân đối với tông gọi là bất thành. Đối với đồng dụ và dị dụ, chỉ một mặt tương phần gọi là tương vi. Vốn lập ra cộng nhân, mục đích là thành lập quả của tông. Nhân đã mang tánh chất tương tự, lý càng phải thành. Nếu thành lập được lý thì so với tông không có gì khác biệt, gọi là sở thành giống nhau." (tr. 97c28~98a02) Bốn lỗi bất thành là: 1. Sở y bất thành; 2. Do dự bất thành; 3. Tùy nhất bất thành; 4. Lưỡng câu bất thành. Bốn lỗi tương vi là: 1. Pháp tự tướng tương vi; 2. Pháp sai biệt tương vi; 3. Hữu pháp tự tướng tương vi; 4. Hữu pháp sai biệt tương vi.

74 Quyết định thành lập tông vì có nhân chân thật, dụ chân thật.

75 Vì có nhân chân thật, dụ chân thật, không có lỗi nào, thể năng thành lập, cho nên có sở thành lập khác nhau.

76 Vì là tương tự nhân, tương tự dụ, tương tự hiện lượng, tương tự tỷ lượng v.v... nên không thể làm lượng (: tìm hiểu, tìm biết).



Trên đây là luận sở y.

[534a07] 4. **Luận trang nghiêm**: Có năm thứ, nên biết: 1. Khéo biết tông mình và người; 2. Ngôn ngữ tròn đầy; 3. Không sợ; 4. Nghiêm túc; 5. Ứng cúng.

(1) *Khéo biết tông mình và người*: Như có một người có tâm ưa thích sâu xa đối với chánh pháp và tỳ-nại-da, tức là đối với *luận tông bản*⁷⁷ của mình, đọc tụng, thọ trì, lắng nghe chính xác, tư duy thuần thực, tu hành, [nghĩa là] đã tốt, đã nói, đã sáng⁷⁸. Lại nữa, đối với pháp và tỳ-nại-da của người, không ưa, không thích; đối với luận tông bản của họ chỉ đọc tụng, thọ trì, lắng nghe chính xác, tư duy thuần thực mà không tu hành, tuy nhiên đã tốt, đã nói, đã sáng. Đó gọi là khéo biết tông mình và người.

[534a14] (2) *Ngôn ngữ tròn đầy*: Như có một người mà âm thanh tròn đầy, không phạm âm thanh. Âm thanh phải có đủ năm đức: 1. Không dung tục; 2. Dễ hiểu; 3. Hùng hồn; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

Thế nào là *không dung tục*? Là rời xa ngôn từ quê mùa cục mịch của vùng biên địa.

Thế nào là *dễ hiểu*? Là ngôn từ thế gian cùng sử dụng, không phải nói khác đi.

Thế nào là *hùng hồn*? Là dựa vào nghĩa để kiến lập ngôn từ; ngôn từ xảo diệu, hùng tráng làm rõ nghĩa ấy.

Thế nào là *tương ứng*? Là công đức pháp nghĩa ở trước và sau đều thuận hợp với nhau.

77 Luận tông bản = luận tông chỉ.

78 Dĩ thiện dĩ thuyết dĩ minh 已善已說已明: Đã tốt là đọc tụng, thọ trì. Đã nói là lắng nghe, tư duy, vì có lắng nghe và tư duy mới thuyết trình được cho người. Đã sáng là tu hành.



Thế nào là *nghĩa thiện*? Là khả năng dẫn phát lợi ích thế gian và xuất thế gian⁷⁹, không gì đảo ngược.

Lại nữa, âm thanh tương ứng với *luận giả* còn do chín thứ sắc thái sai biệt để ngôn ngữ tròn đầy: 1. Không tạp loạn; 2. Không thô lỗ; 3. Giải rõ; 4. Hạn lượng; 5. Tương ứng với nghĩa; 6. Đúng thời; 7. Quyết định; 8. Hiểu rõ; 9. Liên tục. Những sắc thái này bỏ tức ở trước, gọi là ngôn ngữ tròn đầy.

(3) *Không sợ*: Như có một người đi vào chỗ có đa chúng, dị chúng, đại chúng, thắng chúng, đế chúng, thiện chúng, v.v...⁸⁰ mà tâm không có tự ti, khiếp sợ; thân không run rẩy, toát mồ hôi; mặt không biến sắc, giọng không lắp bắp, lời không yếu đuối. Đại loại như vậy gọi là không sợ.

[534a28] (4) *Nghiêm túc*: Như có một người, tánh không tức giận, mặt không biến đổi, thân không lay động. Đại loại như vậy gọi là nghiêm túc.

[534b01] (5) *Ứng cúng*: Như có một người, tánh thiện dễ mến, tánh không nã người, bình thường luôn sống tốt đẹp, vui vẻ, tùy thuận tâm người mỗi khi nói năng, biết thời điểm, chân thật làm lợi mình người, dẫn ra nghĩa lợi, ngôn từ mềm mỏng như đối người thân, bạn bè. Đó gọi là ứng cúng.

[534b05] Nếu dựa vào năm sắc thái của *luận trang nghiêm* thì

79 Thế gian thiện năng dẫn tăng thượng sinh đạo (sinh thiên). Xuất thế gian thiện năng dẫn quyết định thắng đạo (giải thoát).

80 Đa chúng là chúng đại thí hội (Đại hội cúng dường, bố thí cho tất cả mọi người, từ các vị Sa-môn, Bà-la-môn, hàng ngoại đạo, cho đến kẻ nghèo khó, hèn hạ, cô độc và kẻ ăn xin; thường tổ chức 5 năm một lần và mỗi lần 7 ngày). Dị chúng (tạp chúng) là chúng bát bộ (Trời, Rồng, Dạ-xoa, Cà-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già). Đại chúng là chúng quốc vương, vương tử. Thắng chúng (chấp chúng) là chúng chấp lý (quản lý, chấp sự). Đế chúng là chúng Thánh giả, hiền triết. Thiện chúng là chúng sa-môn, bà-la-môn.



có thể gọi là *luận giả*. Nên biết, lại có hai mươi bảy thứ xưng tán công đức. Những gì là hai mươi bảy? 1. Được mọi người kính trọng; 2. Lời nói được tin nhận; 3. Trong đại chúng truyền thêm sự vô úy; 4. Với tông chỉ của người, biết rõ chỗ lỗi; 5. Với tông chỉ của mình, biết cái đức quyết định; 6. Không có tà chấp, với luận tiếp nhận không nghiêng về tình; 7. Với chánh pháp và tỳ-nại-da của mình, không ai có thể dẫn dắt, lấy mắt; 8. Những gì người nói, mau chóng tỏ ngộ; 9. Những gì người nói, mau chóng lãnh thọ; 10. Những gì người nói, mau chóng giải đáp lý thú; 11. Dùng cái đức trong lời nói để thắng phục đại chúng; 12. Nhân minh luận giả ưa thích tin hiểu; 13. Khéo nói, giải thích ý nghĩa câu chữ; 14. Thân không mệt mỏi; 15. Tâm không mệt mỏi; 16. Nói không ngưng nghỉ, khó khăn; 17. Biện tài không dứt; 18. Thân không khốn khổ; 19. Niệm không quên mất; 20. Tâm không tổn hại; 21. Cổ họng không hư tổn; 22. Những gì nói ra thì rõ ràng dễ hiểu; 23. Khéo giữ tâm mình không cho nổi giận; 24. Khéo thuận tâm người khiến không giận dữ; 25. Đối đãi luận giả, tâm sinh tịnh tín; 26. Hễ làm việc gì không rước oán đối; 27. Danh xưng rộng lớn, tiếng đồn mười phương, người đời đều truyền xưng: “Đại pháp sư này là một trong số các đại sư.”

Như người thọ dục, dùng ngọc báu mặt-ni⁸¹, chân châu, lưu ly v.v..., xen lẫn với những đồ trang sức quý báu như vòng xuyên v.v... để tự trang nghiêm, uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu khắp. Cũng vậy, vị luận giả lấy hai mươi bảy thứ xưng tán công đức, xen lẫn với năm thứ đồ dùng của luận trang nghiêm để tự trang nghiêm, uy đức tràn đầy, ánh sáng chiếu khắp. Cho nên gọi đây là luận trang nghiêm.

81 Mặt-ni 末尼 = ma-ni 摩尼.



[534b26] 5. **Luận đọa phục:** Nên biết có ba thứ: 1. Từ bỏ ngôn luận; 2. Ngôn luận bị khuất phục; 3. Ngôn luận có lầm lỗi.

[534b28] (1) *Từ bỏ ngôn luận:* Người lập luận dùng mười ba câu nói để thừa nhận từ bỏ ngôn luận với người đối luận. Những gì gọi là mười ba câu nói? Người lập luận thừa nhận với người đối luận rằng: (1) “*Luận của tôi không tốt.*” (2) “*Luận của ông thì tốt.*” (3) “*Tôi không khéo quan sát.*” (4) “*Ông thì khéo quan sát.*” (5) “*Luận của tôi vô lý.*” (6) “*Luận của ông hữu lý.*” (7) “*Luận của tôi vô năng.*” (8) “*Luận của ông hữu năng.*” (9) “*Luận của tôi khuất phục.*” (10) “*Luận của ông thành lập.*” (11) “*Biện tài của tôi chỉ có thể đến đây.*” (12) “*Quá đây trở lên, phải khéo tư duy rồi tôi sẽ nói với ông.*” (13) “*Hãy gác việc này lại, tôi không nói nữa.*” Như vậy thấy, mười ba câu nói để thừa nhận từ bỏ ngôn luận với người đối luận. Từ bỏ ngôn luận vì lập luận bị phá vỡ, đối phương đã thắng, chịu khuất phục trước đối phương, rơi vào vị trí phía sau. Cho nên từ bỏ ngôn luận gọi là rơi vào chỗ thất bại⁸².

[534c08] (2) *Ngôn luận bị khuất phục:* Người lập luận bị người đối luận khuất phục. Hoặc mượn việc khác làm phương tiện để thoái lui, hoặc dẫn việc ngoài để nói, hoặc hiện tức tối, hoặc hiện giận dữ, hoặc hiện cao ngạo, hoặc lộ chỗ che đậy, hoặc hiện não hại, hoặc hiện bất nhẫn, hoặc hiện bất tín, hoặc im lặng, hoặc buồn rầu, hoặc nhún vai cúi mặt, hoặc trầm tư hết lời.

1. Mượn việc khác làm phương tiện để thoái lui: Là từ bỏ những lập luận trước đó để mượn tông chỉ khác, tức từ bỏ nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chí giáo lượng ở trước, để mượn nhân khác, dụ khác, cho đến chí giáo lượng khác.

82 Đọa phục xứ 墮負處.



2. Dẫn việc ngoài để nói: Từ bỏ những việc đang nghị luận để luận về ẩm thực, hoặc luận về vua quan, giặc cướp, đường lớn, những việc càn rỡ, dơ bẩn v.v... tức vay mượn duyên ngoài để từ bỏ lập luận của mình.

3. Hiện tức tối: Dùng lời thô tục để đuổi người đối luận.

4. Hiện giận dữ: Dùng lời oán giận để trách người đối luận.

5. Hiện cao ngạo: Dùng chũng tộc thấp hèn v.v... để chế giễu người đối luận.

6. Lộ chỗ che đậy: Để lộ ác hành mà người ta muốn che đậy để kích bác người đối luận.

7. Hiện não hại: Dùng lời oán giận tàn nhẫn để mắng người đối luận.

8. Hiện bất nhẫn: Phát ra lời oán giận để dọa nạt người đối luận.

9. Hiện bất tín: Dùng lời hủy hoại giới hạnh để chê bai người đối luận.

10. Im lặng: Ngữ nghiệp ngưng hẳn.

11. Buồn rầu: Ý nghiệp khổ não.

12. Nhún vai cúi mặt: Thân nghiệp uy dũng đột nhiên suy sụp.

13. Trầm tư hết lời: Trí tuệ và biện tài đều bại hoại.

Nên biết, mười ba sự như vậy gọi là nói khuất phục. Hai sự đầu là vọng hành kiêu loạn; bảy sự ở giữa là phát khởi tà hành; bốn sự sau cùng là hoạt động chấp trước chấm dứt. Đó gọi là nói khuất phục rơi vào chỗ thất bại.

[534c28] (3) *Ngôn luận có lầm lỗi:* Người lập luận có chín lỗi, gọi là nói có lầm lỗi. Những gì là chín? 1. Tạp loạn; 2. Thô lỗ; 3.



Không giải rõ; 4. Không hạn lượng; 5. Không tương ứng với nghĩa; 6. Không đúng thời; 7. Không quyết định; 8. Không hiểu rõ; 9. Không liên tục.

Tạp loạn: Bỏ việc lập luận, nói xen tạp chuyện khác.

Thô lỗ: Bực tức nông nổi, ngôn từ thô tháo, háp tấp.

Không giải rõ: Thính chúng và người đối luận không lãnh ngộ được pháp hoặc nghĩa.

Không hạn lượng: Nghĩa được trình bày bằng ngôn từ trùng lập, hoặc bị giảm thiểu.

Không tương ứng với nghĩa: Nên biết có mười thứ: 1. Vô nghĩa; 2. Trái nghĩa; 3. Tồn lý; 4. Cùng với sở thành; 5. Chiêu tập lỗi nạn; 6. Không được nghĩa lợi; 7. Nghĩa không thứ lớp; 8. Nghĩa không quyết định; 9. Năng thành lập đã thành; 10. Thuận các tà ác luận không xứng lý.⁸³

Không đúng thời: Những gì cần nói, trước sau không thứ tự.

Không quyết định: Lập rồi lại hủy, hủy rồi lại lập, mau chóng hoán chuyển khó mà biết được.

Không hiểu rõ: Phạm vào những quy tắc của thanh minh⁸⁴, không

83 Vô nghĩa là không có nghĩa lý. Trái nghĩa là trái chánh đạo lý. Tồn lý là tồn hai đế lý (chân và tục). Cùng với sở thành là nhân và dụ trái nhau, chẳng phải sở thành. Chiêu tập lỗi nạn là tạo điều kiện cho đối phương vận hỏi. Không được nghĩa lợi là trống rỗng, không có tự nghĩa. Nghĩa không thứ lớp là lộn xộn làm cho không rõ ràng. Nghĩa không quyết định là chưa quyết định là đạo lý. Thành lập đã thành là nhân, dục đã thành. Thuận các tà ác luận không xứng lý là chẳng phải nghĩa lý.

84 Thanh Minh 聲明 (S: Zabda-vidyā, âm Hán: Nhiếp-đà-bi-đà) Chỉ cho môn học về văn tự, âm vận và ngữ pháp, 1 trong 5 minh của Ấn độ. Luận Du-già sư địa, quyển 15, chia thanh minh làm 6 hạng mục chủ yếu như sau: 1. Pháp thi thiết kiến lập tướng: Thanh minh là danh, cú, văn thân và lấy những âm thanh tương ứng với 5 đức: Bất bì lậu (không thô bị), khinh dị (hờ hững xem là dễ dàng), hùng lãng (mạnh mẽ, sáng sủa), tương ứng (ứng hợp với nhau) và nghĩa thiện làm thể; 2. Nghĩa thi thiết kiến lập tướng: Tức nghĩa được bao hàm phải rõ ràng. Có 10 nghĩa: Sáu căn, 4 đại chủng, nghiệp, sự tìm cầu, trái pháp, pháp, hưng thịnh, suy tổn, thụ dụng và thủ hộ; cùng 6 nghĩa: Tự tính, nhân, quả, tác dụng, sai biệt tương ứng và chuyển. 3. Bô-đặc-già-la thi thiết kiến lập tướng: Tánh khác nhau của ngôn ngữ, tức giống đực, giống cái, trung tính và sự biến hóa của chuyển thanh; 4.



lãnh hội mà trả lời, hoặc trước là kinh điển ngữ, sau làm thành thể tục ngữ, hay ngược lại đây.

Không liên tục: Vào khoảng giữa, ngôn từ đứt đoạn.

Hễ ngôn luận mà phạm vào chín lỗi này thì gọi là nói có làm lỗi.

[535a14] 6. **Luận xuất ly**: Người lập luận có ba thứ quan sát mà hưng khởi hay phế bỏ ngôn luận. Thế nào là ba thứ xem xét: 1. Quan sát công đức và tội lỗi; 2. Quan sát chúng hội; 3. Quan sát khéo léo và không khéo léo.

[535a17] (1) *Thế nào là quan sát công đức và tội lỗi?* Người lập luận khi muốn lập luận phải quan sát như vậy: “*Tôi lập luận ấy sẽ không hại mình, hại người và hại cả hai chăng? Không sinh tội ở hiện pháp, tội ở hậu pháp và tội ở cả hai chăng? Chớ khởi thân tâm có những ưu khổ chăng? Chớ do đây mà phát sinh sự cầm nắm dao gậy, đấu đá, chửi mắng, tranh tụng, dèm pha, vọng ngữ chăng? Sẽ không sinh trường các pháp ác bất thiện chăng? Chẳng phải không lợi ích an lạc cho mình và người chăng? Chẳng phải không lợi ích an lạc cho nhiều chúng sinh chăng? Chẳng phải không thương xót đối với thế gian chăng? Chẳng phải do đây mà chur thiên, loài người không có nghĩa lợi, không có an lạc chăng?*” Người lập luận kia khi quan sát như thế, nếu tự biết rõ rằng, “*Tôi lập luận ấy sẽ làm hại mình,...* cho đến *chur thiên, loài người không có nghĩa lợi, không có an lạc,*” liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận ấy. Nếu như thật biết rằng, “*Tôi lập luận ấy sẽ không hại mình,...* cho đến *chur thiên, loài người có được nghĩa lợi, có được an lạc,*” liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên lập luận ấy. Đó là sắc thái thứ nhất của luận xuất ly.

Thời thi thiết kiến lập tướng: Sự sai khác về thời gian, tức sự biến hóa về quá khứ xa, quá khứ gần, cho đến vị lai xa, vị lai gần; 5. Số thi thiết kiến lập tướng: Sự sai khác về số lượng, tức số đơn, số 2, số nhiều; 6. Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập tướng: Pháp nói về cách soạn lời, soạn tụng.



[535b01] (2) *Thế nào là quan sát chúng hội?* Người lập luận cần phải quán sát chúng hội hiện tiền, là có người chấp trước hay không có người chấp trước? Là có bậc hiền chánh hay không có bậc hiền chánh? Là có người khéo hiểu hay không có người khéo hiểu? Khi quán sát như vậy, nếu biết chúng hội chỉ có người chấp trước, không có người không chấp trước; chỉ có người không phải hiền chánh, không có bậc hiền chánh; chỉ có người không khéo hiểu, không có người khéo hiểu; liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận ấy. Nếu biết chúng hội chỉ có người không chấp trước, không có người chấp trước; chỉ có bậc hiền chánh, không có người không phải hiền chánh; chỉ có người khéo hiểu, không có người không khéo hiểu; liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên lập luận ấy. Đó là sắc thái thứ hai của luận xuất ly.

[535b09] (3) *Thế nào là quan sát khéo léo và không khéo léo?* Người lập luận phải tự quan sát khéo léo và không khéo léo: “*Tôi đối với luận thể tánh, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận đọa phụ, luận xuất ly v.v... là khéo léo hay không khéo léo? Tôi có năng lực kiến lập tự luận bẻ gãy được tha luận, khi đối đầu sẽ thất bại hay giải thoát?*” Khi quan sát như vậy, nếu tự biết rõ “*Tôi không khéo léo, chứ chẳng phải khéo léo*”, hiểu rõ “*Tôi không có năng lực, chứ chẳng phải có năng lực*”, liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận với người đối luận. Nếu tự biết rõ “*Tôi khéo léo, chứ chẳng phải không khéo léo*”, hiểu rõ “*Tôi có năng lực, chứ chẳng phải không có năng lực*”, liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên cùng lập luận với người đối luận. Đó là sắc thái thứ ba của luận xuất ly.

[535b17] 7. **Luận đả sở tác pháp:** Đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện, có ba thứ: 1. Khéo biết tông của mình và tông của người; 2. Không sợ hãi; 3. Có biện tài.



Hỏi: Ba phương pháp như vậy, lý do gì nói đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện?

Đáp: Do khéo biết tông của mình và tông của người, nên đối với mọi đề tài đều có khả năng đàm luận. Do không sợ hãi, nên đối với mọi hội chúng đều có khả năng đàm luận. Do có biện tài, nên đối với mọi vấn nạn đều có thể khéo đối đáp. Vì vậy ba phương pháp này gọi là đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Hai

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 8)

[535c07] Có nhiều thứ nhiếp thích⁸⁵, như bài chính cú ôn-đà-nam:

Thể: văn, nghĩa; thích: pháp

Khởi, nghĩa, nạn, thứ; sự,

Thuyết chúng, thính, tán Phật:

Lược, quảng; học thắng lợi.⁸⁶ (tụng 10)

[535c10] Luận giải: **Thể:** Là thể tánh của các kinh, lược có hai thứ: 1. Văn; 2. Nghĩa. Nên biết, *văn* là sở y, *nghĩa* là năng y. Hai thứ như vậy gọi chung là *cảnh giới sở tri*.

85 Nhiếp thích là thu nhiếp giải thích những nghi tắc của các kinh, như những gì là 2 thứ thể của các kinh, những gì là 6 thứ văn, những gì là 10 thứ nghĩa. Hiển dương, quyển 12, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 81; và quyển 13, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 9, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 82. Quyển 81 và 82 của Du-già sư địa luận thuộc Nhiếp thích phần, giải thích nghi tắc của các kinh.

86 Câu đầu là Thể thích văn nghĩa pháp. Thể là thể tánh của các kinh, có 2: văn và nghĩa. Thích là giải thích, có 5: pháp yếu, đẳng khởi, nghĩa, thích nạn và thứ đệ. Sự là thuyết pháp sự, có 10 pháp phải thành tựu, còn gọi là pháp sự thập đức: 1. Thiện tri pháp nghĩa; 2. Năng quảng tuyên thuyết; 3. Cụ túc vô úy; 4. Ngôn từ thiện xảo; 5. Thiện phương tiện thuyết; 6. Cụ túc thành tựu pháp tùy pháp hành; 7. Uy nghi cụ túc; 8. Dũng mãnh tinh cần; 9. Vô hữu bi quyện; 10. Cụ túc nhãn lục. Thuyết chúng là nơi 5 chúng (tại gia, xuất gia, tịnh tín, tà oán, trung bình) tuyên thuyết bằng 8 loại lời nói. Bắt đầu quyển 13: Thính là an ổn lắng nghe chánh pháp, có 1 nhân (lý do) cho đến 10 nhân. Tán Phật có lược và quảng; lược thì có 5 thứ: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hành; 5. Uy đức; quảng thì rất nhiều, xem trong luận này. Học thắng lợi là an trú tăng thượng giới học, thấy công đức thù thắng; là trú tỷ-kheo giới vì là giới tối thắng.



[535c13] **Thích:** Nên biết, lược có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

[Thể:]

[535c15] 1. **Văn:** Lược có sáu thứ: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh⁸⁷.

[535c17] (1) **Danh thân:** Là cùng biết tăng ngữ⁸⁸. Danh thân lược nói có mười hai thứ: 1. Giả danh; 2. Thật danh; 3. Tổng danh; 4. Biệt danh; 5. Tùy nghĩa danh; 6. Hý luận danh; 7. Dị danh; 8. Nan danh; 9. Hiện danh; 10. Ẩn danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.⁸⁹

Giả danh: Đối với các uẩn ở trong, giả lập các danh như ngã, hữu tình, mạng giả v.v...; đối với các sắc ở ngoài, giả lập các danh như cái lọ, chiếc áo, xe cộ v.v...

Thật danh: Đối với nhãn, nhĩ v.v... sắc, thanh v.v... lập các danh theo nghĩa của các căn như nhãn, nhĩ v.v...

Tổng danh: Các danh từ như hữu tình, sắc, thọ, đại chủng v.v...

Biệt danh: Các danh từ như Phật-thọ, Đức-hữu⁹⁰, xanh, vàng v.v...

Tùy nghĩa danh: Có tánh chất ngại⁹¹ nên gọi là sắc, lãnh nạp⁹²

87 Cơ thỉnh 機請: động cơ thưa hỏi.

88 Tăng ngữ 增語: nghĩa là ngữ tăng thượng. Ngữ là âm thanh không thể biểu đạt rõ ràng, âm thanh thù thắng ấy là tên (danh thân), vì thế gọi tên ấy là tăng ngữ. Vì duyên theo tăng ngữ ấy nên y cứ vào sở duyên mà gọi là tăng ngữ xúc 增語觸. Ý xúc tương ứng với ý thức thứ 6; vì ý xúc duyên theo tên của vật mà phân biệt nên gọi là tăng ngữ xúc. Nói ngắn gọn, tăng ngữ xúc là tác động của ngôn từ trên nhận thức.

89 Du-già sư địa luận, quyển 81: 1. Giả lập danh; 2. Thật sự danh; 3. Đồng loại tương ứng danh; 4. Dị loại tương ứng danh; 5. Tùy đức danh; 6. Giả thuyết danh; 7. Đồng sở liễu danh; 8. Phi đồng sở liễu danh; 9. Hiện danh; 10. Bất hiện danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.

90 Tên người: Phật-thọ 佛授 (Buddhadatta), Đức-hữu 德友 (kalyāṇa-mitta).

91 Chất ngại: tánh chất cố kết, hữu hình.

92 Lãnh nạp (cảm nghiệm) là tự tánh của thọ, tức lãnh nạp các hình thái đối tượng thuận, nghịch hay phi cả hai.



nên gọi là thọ; khả năng chiếu sáng, thiêu đốt gọi là mặt trời; các danh từ đại loại như vậy.

Hý luận danh: Như người nghèo mà kêu là người giàu; các danh từ đại loại như vậy, lập ra mà không xem xét nơi nghĩa.

Dị danh: Cùng chung hiểu biết và ý tưởng.⁹³

Nan danh: Ngược lại với dị danh.

Hiển danh: Là danh từ mà dễ hiểu ý nghĩa của nó.

Ẩn danh: Là danh từ mà khó hiểu ý nghĩa của nó, như minh chú của [tiên nhân] Đạt-la-nhĩ-trà⁹⁴.

Lược danh: Là danh từ có một âm.

Quảng danh: Là danh từ có nhiều âm.⁹⁵

[536a02] (2) **Cú thân:** Là y theo danh từ để thích nghĩa đầy đủ. Cú thân có sáu thứ: 1. Câu không đầy đủ; 2. Câu đầy đủ; 3. Câu được tạo thành; 4. Câu năng thành; 5. Câu đầu đề; 6. Câu giải thích.⁹⁶

93 Dị danh 易名: danh từ hiểu được. Tương cũng là danh, vì danh từ được ghi lại trong tâm tưởng. Thí dụ, một danh từ Việt thì chỉ có người Việt mới hiểu và liên tưởng được khi nghe; người nước ngoài không thể hiểu được. Ngược lại là nan danh, danh từ khó hiểu được, như một người Việt không hiểu được những gì người ngoại quốc nói. Những danh từ ít sử dụng trong đời sống hằng ngày, có tánh chất học thuật, chuyên biệt cũng gọi là nan danh 難名, như những danh từ, thuật ngữ Phật học, triết học, tâm lý học, khoa học v.v...

94 Đạt-la-nhĩ-trà 達羅弭茶: Còn gọi là Đạt-la-tỳ-trà 達羅毗茶, tên nước cổ xưa, nằm ở miền Nam Ấn Độ. Theo sách Đại Đường Tây vực ký, quyển 10 có ghi: "Nước Đạt-la-tỳ-trà có chu vi hơn 6000 dặm, kinh thành tên là Kiến-chí-bồ-la 建志補羅 có chu vi hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ, lúa thóc tràn đầy, có nhiều hoa quả và sản vật quý hiếm. Khí hậu ôn hòa, phong tục gay gắt. Con người tin sâu nghĩa lý, học rộng biết nhiều. Ngôn ngữ văn tự thì sai khác một chút so với miền Trung Ấn Độ. Có 100 ngôi Già-lam, tăng chúng hơn vạn người, học theo Thượng tọa bộ. Có 80 ngôi đền, đa phần theo đạo lửa thể. Đức Như lai khi còn tại thế, có lần du hóa nước này, thuyết pháp độ người." Ngày xưa có một vị tiên nhân tên là Đạt-la-nhĩ-trà, sinh trưởng ở nước Đạt-la-nhĩ-trà, có nói ra minh chú mà mọi người ở nước đó không ai hiểu được ý nghĩa.

95 Danh từ có 1 âm (nhất tự 一字) gọi là danh. Danh từ có 2 âm gọi là danh thân. Danh từ có 3 âm hoặc 4 âm gọi là đa danh thân. Danh từ có 2 âm gọi là danh, có 4 âm gọi là danh thân, có 6 âm hoặc 8 âm gọi là đa danh thân. Danh từ có 3 âm gọi là danh, có 6 âm gọi là danh thân, có 9 âm hoặc 12 âm gọi là danh thân. Danh từ có 4 âm gọi là danh, có 8 âm gọi là danh thân, có 12 âm hoặc 16 âm gọi là đa danh thân.

96 Cú chính là câu. Câu đơn giản nhất phải có chủ từ và vị ngữ, như ngựa chạy, "chư hành vô



Câu không đầy đủ: Văn không trọn vẹn, nghĩa không trọn vẹn, phải thêm câu khác mới được đầy đủ, như nói: "*Các việc ác chớ làm, Các việc lành vâng làm, Khéo điều phục tâm mình, Đó lời chư Phật dạy.*"⁹⁷ Nếu chỉ nói "*các ác*" thì văn chưa đủ; nếu lại nói "*các việc ác*" thì nghĩa chưa đủ. Nếu nói "*các việc ác chớ làm*", thì đầy đủ cả văn và nghĩa. Đó chính là *câu đủ*.

Câu được tạo thành: Là câu trước phải dựa vào câu sau mới thành lập được, như nói: "*Chư hành vô thường, Pháp có khởi tận, Vi sinh ắt diệt, Tịch diệt là vui.*"⁹⁸ Ở đây, "*chư hành vô thường*" là câu được tạo thành, vì nó được thành lập bởi câu "*pháp có khởi tận*".

Câu thành lập: Là câu thứ hai vì nó thành lập được câu thứ nhất.

Câu đầu đề: Như nói "*thiện nhân*".

Câu giải thích: Như nói "*bậc trượng phu thủ hướng chính xác*".

[536a15] (3) **Tự thân:** Hoặc trọn vẹn, hoặc không trọn vẹn, hai thứ danh và cú có chỗ dựa là bốn mươi chín chữ⁹⁹.

thường". Thân là tập hợp. Cú thân là tập hợp của 2 câu trở lên, như "Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, niết bàn tịch tịnh".

97 Chư ác giả mạc tác, Chư thiện giả phụng hành, Thiện điều phục tự tâm, Thị chư Phật Thánh giáo. 諸惡者莫作, 諸善者奉行, 善調伏自心, 是諸佛聖教. Pháp cú 183 này nói lên mọi sự, bao gồm luân hồi và giải thoát, toàn do nghiệp, còn gọi là nghiệp cảm duyên khởi. Nghiệp có 3: ác nghiệp, thiện nghiệp (cả hai thuộc hữu lậu) và vô lậu nghiệp. Làm ác thì đọa ác đạo, làm lành thì sinh thiện đạo, cả hai được gọi là luân hồi. Làm sạch tâm thì chứng đạo quả, được gọi là giải thoát. Làm ác như 10 ác nghiệp, làm lành như 10 thiện nghiệp và làm sạch tâm là 37 bồ-đề phần pháp. Huân thị của chư Phật là bố ác, làm lành và trừ phiền não.

98 Chư hành vô thường, Hữu khởi tận pháp, Sinh ắt diệt cố, Bĩ tịch vi lạc. 諸行無常, 有起盡法, 生必滅故, 彼寂為樂. Luận Đại tỷ bà sa: Chư hành vô thường, Hữu sinh diệt pháp, Dĩ khởi tận cố, Bĩ tịch vi lạc. 諸行無常, 有生滅法, 以起盡故, 彼寂為樂. Tạp A-hàm, kinh 956, Tỳ-phú-la: Nhất thiết hành vô thường, Tất giai sinh diệt pháp, Hữu sinh vô bất tận, Duy tịch diệt vi lạc. 一切行無常, 悉皆生滅法, 有生無不盡, 唯寂滅為樂 (Tất cả hành vô thường, Chúng là pháp sinh diệt, Có sinh thì có diệt, Chỉ tịch diệt là vui.) Biệt dịch Tạp A-hàm, kinh số 350: Chư hành vô thường, Thị sinh diệt pháp, Sinh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc. 諸行無常, 是生滅法, 生滅滅已, 寂滅為樂. (Các hành vô thường, Là pháp sinh diệt, Sinh diệt hết rồi, Tịch diệt là vui.) Chú ý chữ bĩ tịch 彼寂 (chữ không phải tịch diệt); chữ bĩ chỉ cho sự sinh và sự diệt; bĩ tịch là sự sinh và sự diệt (hay tâm sinh diệt) mà dứt bật, yên lặng; bấy giờ sự yên lặng, sự tịch diệt đó chính là cái vui tịch diệt, là cảnh giới thích ứng của tuệ giác tinh tế, là niết bàn.

99 Đó là 49 chữ cái, trừ ra 2 chữ cuối cùng (llam, ksa) trong 51 chữ của Tất đàm tự ký 悉曇字記 [gồm 16 mẫu âm, 34 từ âm và 1 chữ lam 濫(llam)].



[536a17] Ở đây, chữ *dục*, đứng đầu làm danh; danh đứng đầu làm câu, và câu phải có danh. Nếu chỉ có một chữ thì không thành câu. Lại nữa, nếu có chữ mà không nhiếp vào danh, thì chỉ là chữ, không có danh.

Hỏi: Lý do gì kiến lập ba thứ thân: danh thân, cú thân và tự thân¹⁰⁰?

Đáp: Vì nhận lấy *tăng ngữ xúc* mà sinh ra *thọ*.

Hỏi: Danh là nghĩa gì?

Đáp: Danh liệt kê mọi sự mà mọi người cùng hiểu biết, tạo điều kiện cho ý khởi tác mọi tướng trạng và là thành tố của ngôn ngữ truyền đạt. Đó gọi là danh.

Hỏi: Cú là nghĩa gì?

Đáp: Nhiếp thọ các danh thành cú, nhờ đó con người hiểu rõ hoàn toàn những nghĩa không hiện thấy. Đó gọi là cú.

Hỏi: Văn là nghĩa gì?

Đáp: Tùy hiển phát danh và cú, gọi đó là văn.

[536a25] Như đức Bạc-già-phạm nói “*tăng ngữ, tăng ngữ lộ*”, cho đến nói rộng.

Tăng ngữ: Tất cả chúng đồng loại có chung sở lập [là danh xưng], gọi là tăng ngữ¹⁰¹.

100 Tự thân = văn thân. Văn có khả năng làm cho nghĩa rõ ràng, hoặc làm rõ nghĩa của danh, cú, hoặc làm cho nghĩa lý hiển lộ.

101 Tăng ngữ 增語 (s: adhvacaṇa): Là đồng nghĩa ngữ 同義語, danh từ mô tả, phác họa, là thuật ngữ, là thuộc tánh, là tỷ dụ (thuyết từ). Tăng là tăng thượng (thêm lên), ngữ là âm thanh. Từ tương mà ngôn ngữ có thêm thắt (tăng ngữ). Tự thể của các pháp vốn không có tên gọi, nhưng vì ý thức tương ứng với tâm sở tướng, giữ lấy hình tượng khi đối cảnh, sau đó bày vẽ ra vô số tên gọi. Vì vậy, danh xưng (tên gọi) là khách thể, không phải bản thể của các pháp, cho nên gọi là tăng ngữ. Giống như các uân hòa hợp mà giả lập có tên chúng sinh; mượn cột, kèo, tường vách, cửa sổ v.v... mà có tên cái nhà; gọi là lớn vì có cái nhỏ; gọi là dài vì có cái ngắn.



Tăng ngữ lộ:¹⁰² Ý muốn của chúng đồng loại có khả năng phát sinh tăng ngữ.

Từ:¹⁰³ Nó tương ứng với ngôn ngữ, và chỗ này chỗ kia có ngôn ngữ khác biệt. Từ làm sở y cho ngôn ngữ, cho nên gọi là ngôn ngữ lộ.

Thi thiết: Là phân tích một pháp, kiến lập nhiều thứ. Thi thiết làm sở y cho chư pháp, cho nên gọi là chư pháp lộ.

Dục là một *từ*, không có từ *dục* nào khác [thay thế]. Từ *dục* chính là con đường của tăng ngữ được thi thiết.

Danh thân, cú thân và văn thân lược có sáu thứ y xứ: 1. Pháp; 2. Nghĩa; 3. Bồ-đặc-già-la; 4. Thời; 5. Số; 6. Xứ sở. Chúng được phân biệt rộng ở Văn sở thành địa¹⁰⁴.

[536b05] (4) **Ngữ**: Nên biết lược có tám phân: *thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, hiển liễu ngữ, dị giải ngữ, nhạo văn ngữ, vô y ngữ, bất nghịch ngữ* và *vô biên ngữ*. Do những ngữ này mà nói [danh thân, cú thân, văn thân] đầy đủ các tánh chất, từ tương ứng cho đến *thường ủy phần tư lương*, để có khả năng tuyên thuyết chánh pháp.

Thượng thủ ngữ: Thú hướng cung điện Niết bàn là [mục đích] đầu tiên.

102 Tăng ngữ lộ 增語路: Con đường của tăng ngữ.

103 Từ 詞: Đơn vị ngôn ngữ có khái niệm hoàn chỉnh, có thể sử dụng độc lập trong câu nói hay viết.

104 Du-già sư địa luận, quyển 15, Văn sở thành địa, mục Thanh minh xứ: “Thế nào là thanh minh xứ? Nên biết xứ này lược có sáu tướng: 1. Pháp thi thiết kiến lập tướng; 2. Nghĩa thi thiết kiến lập tướng; 3. Bồ-đặc-già-la thi thiết kiến lập tướng; 4. Thời thi thiết kiến lập tướng; 5. Số thi thiết kiến lập tướng; 6. Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập tướng.” (tr. 360c21~361b04) Văn sở thành địa là 1 trong 17 địa thuộc phân Bản địa: 1. Ngũ thức thân tương ứng địa; 2. Y địa; 3. Hữu tâm hữu tứ địa; 4. Vô tâm duy tứ địa; 5. Vô tâm vô tứ địa; 6. Tam-ma-hi-đà địa; 7. Phi tam-ma-hi-đà địa; 8. Hữu tâm địa; 9. Vô tâm địa; 10. Văn sở thành địa; 11. Tư sở thành địa; 12. Tu sở thành địa; 13. Thanh văn địa; 14. Độc giác địa; 15. Bồ tát địa; 16. Hữu dư y địa; 17. Vô dư y địa. Văn sở thành địa bàn về Ngũ minh xứ: 1. Nội minh xứ: triết học; 2. Y phương minh xứ: y dược học; 3. Nhân minh xứ: luận lý học; 4. Thanh minh xứ: ngôn ngữ học; 5. Công nghiệp minh xứ: nghệ thuật và công nghệ. Ngũ minh xứ được trình bày qua vô lượng danh thân, cú thân và văn thân, và tiếp nhận bằng giác tuệ, lắng nghe, lãnh thọ, đọc tụng, ghi nhớ.



Mỹ diệu ngữ: Âm thanh trong trẻo, đẹp đẽ.

Hiển liễu ngữ: Văn từ hay ho.

Dị giải ngữ: Biện thuyết khéo léo.

Nhạo văn ngữ: Dẫn ra pháp nghĩa.

Vô y ngữ: Không đặt nặng hy vọng người ta tin mình.

Bất nghịch ngữ: Biết hạn lượng mà nói.

Vô biên ngữ: Rất nhiều thiện xảo.

Tám thứ ngữ trên, nên biết, sơ lược có đủ ba đức: 1. Đức thú xứ, là ngữ thứ nhất; 2. Đức tự thể, là hai ngữ tiếp theo; 3. Đức gia hành, là năm ngữ còn lại.

Tương ưng: Là danh, cú, văn thân được khéo an lập theo thứ tự, và tương ưng bằng sự y theo bốn thứ đạo lý¹⁰⁵.

Trợ bạn: Là khả năng làm thành thứ tự.

Tùy thuận: Là giải thích thứ tự.

Thanh lượng: Là câu văn hiển thị rõ ràng trong sáng.

Hữu dụng: Là khéo đi vào tâm của mọi người.

Tương xứng: Là như chúng hội.

Ứng thuận: Là xứng pháp, dẫn nghĩa và thuận thời.

Thường ủy phần tư lương: Hằng thường mà tu, thâm xét mà tu, gọi là thường ủy. Phần, là chánh kiến, chánh tư duy v.v... Tư lương, là lấy thường ủy và phân làm tư lương.

[536b20] (5) **Hành tướng**: Là tương ưng các uẩn, tương ưng các giới, tương ưng các xứ, tương ưng duyên khởi, tương ưng thị xứ phi

105 Bốn thứ đạo lý: 1. Đạo lý quán đái; 2. Đạo lý tác dụng; 3. Đạo lý chứng thành; 4. Đạo lý pháp nhĩ. Danh, cú, văn thân tương ưng với 4 thứ đạo lý ấy.

xứ, tương ưng niệm trú, v.v... như vậy thấy ngôn thuyết tương ưng¹⁰⁶, hoặc thuyết bởi hàng Thanh văn, hoặc thuyết bởi hàng Bồ-tát, hoặc thuyết bởi đức Như lai. Đó gọi là hành tướng.

(6) **Cơ thỉnh**: Có nguyên nhân thúc đẩy thưa hỏi mà sinh khởi ngôn thuyết. Ở đây, các căn có sai biệt, là hai mươi bảy bồ-đặc-già-la¹⁰⁷, nên biết.

Do căn sai biệt nên chia thành hai thứ: 1. Độn căn; 2. Lợi căn.

Do hành sai biệt nên có bảy thứ: 1. Tham hành giả; 2. Sân hành giả; 3. Si hành giả; 4. Mạn hành giả; 5. Tầm tư hành giả; 6. Đẳng phân hành giả; 7. Bạc trần hành giả. Như trong Thanh văn địa có nói¹⁰⁸.

Do phẩm loại sai biệt nên có hai thứ: 1. Tại gia; 2. Xuất gia.

Do nguyện sai biệt nên có ba thứ: 1. Thanh văn; 2. Độc giác; 3. Bồ-tát.

Do khả cứu, bất khả cứu sai biệt nên có hai thứ: 1. Pháp đưa đến niết bàn; 2. Pháp không đưa đến niết bàn.¹⁰⁹

106 Vô lượng hành tướng sai biệt giáo mà đức Phật Bạc-già-phạm tuyên thuyết là: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thị xứ phi xứ, các căn, các đế, niệm trú, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối v.v...

107 Hai mươi bảy bồ-đặc-già-la: Bảy hạng hiền Thánh: 1. Tùy tín hành; 2. Tùy pháp hành; 3. Tín giải; 4. Kiến chí; 5. Thân chứng; 6. Tuệ giải thoát; 7. Câu giải thoát. Tám bậc Thánh quả: 1. Dự lưu hướng; 2. Dự lưu quả; 3. Nhất lai hướng; 4. Nhất lai quả; 5. Bất hoàn hướng; 6. Bất hoàn quả; 7. A-la-hán hướng; 8. A-la-hán quả. Tám bậc dựa vào sự sinh mà thiết lập: 1. Cực thất phần; 2. Gia gia; 3. Nhất gián; 4. Trung gian chứng tịch diệt; 5. Sinh chứng tịch diệt; 6. Vô hành chứng tịch diệt; 7. Hữu hành chứng tịch diệt; 8. Thượng lưu. Sáu quả Vô học: 1. Thối pháp; 2. Tự pháp; 3. Hộ pháp; 4. Trú bất động; 5. Kham năng thông đạt; 6. Bất động pháp. Tổng cộng có 29; trừ 2 hạng tùy tín hành và tùy pháp hành thì có 27 bồ-đặc-già-la. Xin xem giải thích ở *Hiển dương*, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493c15] – [494b09]. Xem thêm *Du-già sư địa luận*, quyển 26, tr. 424a19~425b19.

108 *Du-già sư địa luận*, quyển 26, Thanh văn địa, tr. 425c02~c08.

109 *Luận Đại thừa trang nghiêm kinh*, phẩm Chủng tánh, tr. 595a24: “Vô chủng tánh vị là hạng người không có pháp đưa đến niết bàn, lược có hai loại: 1. Pháp đưa đến niết bàn có giới hạn thời gian; 2. Hoàn toàn không có pháp đưa đến niết bàn. Pháp đạt đến niết bàn có giới hạn thời gian có bốn hạng người: 1. Người chỉ một chiều hướng thực hành ác hạnh; 2. Người đoạn trừ khắp cả các thiện pháp; 3. Người không có thiện căn giải thoát phần; 4. Người thiện căn không đầy đủ. Hoàn toàn không có pháp đạt đến niết bàn thì không có nhân tố, vì hạng người này không có chủng tánh niết bàn, nghĩa



Do *phương tiện sai biệt*¹¹⁰ nên có chín thứ: 1. Đã nhập chánh pháp; 2. Chưa nhập chánh pháp; 3. Có chướng ngại; 4. Không chướng ngại; 5. Đã thành thực; 6. Chưa thành thực; 7. Cụ phược; 8. Không cụ phược; 9. Vô phược.¹¹¹

Do *chủng loại sai biệt* nên có hai thứ: 1. Nhân; 2. Phi nhân.

[536c03] Như vậy sáu thứ văn¹¹² nhiếp chung thành bốn: 1. Sở thuyết: Danh thân, v.v., hành tướng là cái được nói; 2. Sở vi: Là cơ thể gồm có hai mươi bảy bồ-đặc-già-la; 3. Năng thuyết: Là ngữ ngôn; 4. Thuyết giả: Là đức Phật, chư Bồ-tát, cùng với hàng Thanh văn. Như vậy, sáu hình thái này đều hiển thị nơi văn; nếu bỏ bớt một thứ thì nghĩa không còn rõ ràng. Do khả năng làm rõ nghĩa nên gọi là văn.

[536c08] 2. **Nghĩa**: Sơ lược có mười thứ: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của sở trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.

[536c11] (1) **Nghĩa về các địa**: Sơ lược có năm địa: 1. Tư lương địa; 2. Phương tiện địa; 3. Kiến địa; 4. Tu địa; 5. Cứu cánh địa.

Phân biệt rộng ra thì có mười bảy địa: 1. Ngũ thức thân tương

là người này chỉ cầu sanh tử, không ưa niết bàn.” Do vì phải trải qua khoảng thời gian lâu xa tính bằng số kiếp mới đạt đến niết bàn, nên gọi là vô chủng tánh vị, chứ không nói là hoàn toàn không có đạt đến niết bàn. Du-già sư địa luận cho rằng hữu tình tu học thánh đạo, có khả năng chứng đắc niết bàn, được y cứ trên chủng tử hay chủng tánh, vì vậy mà có 2 hạng người: 1. Trú chủng tánh bồ-đặc-già-la; 2. Trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la. Hạng trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la do có chủng tánh quyết định, nên không luận người ấy nỗ lực thế nào, vĩnh viễn không thể chứng đắc niết bàn. Hạng nhất xiển đề này không có tín tâm để tin rằng có sự giải thoát nên không hề có ý hướng về sự nhập niết bàn. Nhóm chủng tánh này cũng được chia thành hai loại: 1. Người đoạn thiện căn do không có một chút gốc rễ thiện gì để có thể tin tưởng có giải thoát và niết bàn; 2. Bồ-tát do đại bi nên vĩnh viễn không hề có ý hướng niết bàn.

110 Phương tiện = gia hành.

111 Xem *Hiển dương*, quyển 3, phẩm *Nhiếp sự*, phần 3, [495a03].

112 Sáu thứ văn: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thể.



ung **địa**; 2. **Ý địa**; 3. Hữu tầm hữu tứ địa; 4. Vô tầm duy tứ **địa**; 5. Vô tầm vô tứ **địa**; 6. Tam-ma-hi-đa địa; 7. Phi tam-ma-hi-đa địa; 8. Hữu tầm **địa**; 9. **Vô tầm địa**; 10. Văn sở thành **địa**; 11. Tư sở thành **địa**; 12. Tu sở thành **địa**; 13. Thanh văn địa; 14. **Độc giác địa**; 15. Bồ-tát **địa**; 16. Hữu dư y địa; 17. Vô dư y địa.

[536c17] (2) **Nghĩa của tướng**: Nên biết có năm thứ: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Giả lập tướng; 4. Nhân tướng; 5. Quả tướng. Năm tướng như vậy, nếu phân biệt rộng ra thì xem trong *Tư sở thành địa*¹¹³.

Lại có năm tướng: 1. Tướng sai biệt; 2. Tướng Du-già; 3. Tướng chuyển dị; 4. Tướng tạp nhiễm; 5. Tướng thanh tịnh.¹¹⁴ Nên biết, ở trước nhiều chỗ có phân biệt năm tướng như vậy.

Lại có năm tướng: 1. Tướng sở thuyết; 2. Tướng năng thuyết; 3. Tướng tương thuộc của hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyết: Là năm pháp: tướng, danh, phân biệt, chân như và chánh trí; như có nói trong năm pháp tạng¹¹⁵.

113 *Du-già sư địa luận*, quyển 16, tr. 361c04~362c13.

114 Tướng sai biệt = tướng dị môn, là tất cả pháp sai biệt an lập. Tướng Du-già, là các Du-già sư tu tập theo thứ lớp, bằng 4 thứ Du-già: 1. Tín; 2. Dục; 3. Tinh tiến; 4. Phương tiện; hoặc bằng 9 thứ Du-già: 1. Thể gian đạo; 2. Xuất thế đạo; 3. Phương tiện đạo; 4. Vô gián đạo; 5. Giải thoát đạo; 6. Thắng tiến đạo; 7. Nhuyên phẩm đạo; 8. Trung phẩm đạo; 9. Thượng phẩm đạo. Tướng chuyển dị, là tam giới, ngũ thú lưu chuyển biến dị. Tướng nhiễm tịnh: *Luận Biện trung biên*, phẩm *Biện tướng*: “Chỉ có mười hai hữu chi đây bức não thể gian khiến không yên ổn. Ba tạp nhiễm: 1. Phiền não tạp nhiễm, là vô minh, ái và thủ; 2. Nghiệp tạp nhiễm, là hành và hữu; 3. Sanh tạp nhiễm, là các chi phần còn lại. Hai tạp nhiễm: 1. Nhân tạp nhiễm, là (các chi phần trong) phiền não (tạp nhiễm) và nghiệp (tạp nhiễm); 2. Quả tạp nhiễm, là các chi phần còn lại. Bảy tạp nhiễm, là bảy thứ nhân: 1. Nhân điên đảo, là vô minh; 2. Nhân khiên dẫn, là hành; 3. Nhân tương đạo, là thức; 4. Nhân nhiếp thọ, là danh sắc và sáu xứ; 5. Nhân thọ dụng, là xúc và thọ; 6. Nhân dẫn khởi, là ái, thủ và hữu; 7. Nhân yếm bố, là sanh và lão tử. Các tạp nhiễm này, không một thứ nào không do sự phân biệt hư vọng mà được sinh trưởng.” *Tướng thanh tịnh*: Tạp nhiễm được trừ diệt nên nói là thanh tịnh.

115 Năm pháp này nhiếp tất cả pháp, nên gọi là năm pháp tạng (Du-già gọi là 5 sự). Tiểu thừa, *Độc tử bộ* lập ra 5 pháp tạng là: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết.



Tướng năng thuyên: Là các pháp ở trên y chỉ danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt (của danh và nghĩa), vì muốn giải rõ tự thể và sai biệt của các pháp mà có ngôn thuyết. Tướng năng thuyên này cũng có khả năng hiển thị tự tánh biến kế sở chấp. Nên biết, tự tánh biến kế sở chấp có nhiều tên gọi: có chỗ gọi là *biến phân biệt sở kế*, cũng gọi là *hòa hợp sở thành*, cũng gọi là *sở tăng ích tướng*, cũng gọi là *hư vọng sở chấp*, cũng gọi là *ngôn thuyết sở hiển*, cũng gọi là *văn tự phương tiện*, cũng gọi là *duy hữu âm thanh*, cũng gọi là *vô hữu thể tướng*. Đại loại như vậy có các tên gọi sai biệt.

Tướng tương thuộc của hai tướng trên: Là năng thuyên và sở thuyên hỗ tương liên hệ với nhau, chính là chỗ dựa được chấp trước bởi tự tánh biến kế sở chấp.

Tướng chấp trước: Là sự chấp trước bởi tự tánh biến kế sở chấp và tùy miên của sự chấp trước ấy trong dòng lưu chuyển tương tục từ vô thủy của phàm ngu.

Tướng không chấp trước: Là do đã thấy Thánh đế mà như thật thấu rõ về tướng biến kế sở chấp và giải thoát khỏi tập khí của nó. Nếu muốn hiểu biết chính xác theo những gì cần phải phân biệt, thì xem *Tư sở thành địa*¹¹⁶.

[537a07] (3) ***Nghĩa của tác ý***: Có bảy thứ tác ý: tác ý liễu tướng, v.v..., ở trước có nói¹¹⁷. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Thanh văn địa*¹¹⁸.

116 Du-già sư địa luận, quyển 16 – 19, *Tư sở thành địa*.

117 Đã nói ở *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự* (phần 4). Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viên ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả. Xem *Du-già sư địa luận*, quyển 33, tr. 465b29~466c23.

118 *Du-già sư địa luận*, quyển 33, *Thanh văn địa*, *Đệ tứ Du-già xứ*, tr. 465b29~466c23; và quyển 34, tr. 470c13~477b27.



Lại có *muồi trí*: 1. Khổ trí; 2. Tập trí; 3. Diệt trí; 4. Đạo trí; 5. Pháp trí; 6. Chủng loại trí; 7. Tha tâm trí; 8. Thế tục trí; 9. Tận trí; 10. Vô sinh trí.¹¹⁹ Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Thanh văn địa*¹²⁰.

Lại có *sáu thức thân*: Là nhãn thức, cho đến ý thức, như trước có giải thích sơ lược. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Ngũ thức thân tương ưng địa* và *Ý địa*.¹²¹

Lại có *chín thứ biến tri*: 1. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến khổ tập sở đoạn*, là biến tri thứ nhất; 2. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến khổ tập sở đoạn*, là biến tri thứ hai; 3. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến diệt sở đoạn*, là biến tri thứ ba; 4. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến diệt sở đoạn*, là biến tri thứ tư; 5. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến đạo sở đoạn*, là biến tri thứ năm; 6. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến đạo sở đoạn*, là biến tri thứ sáu; 7. Đoạn trừ *Ngũ thuận hạ phần kết*, là biến tri thứ bảy; 8. *Sự dứt hết kết sử Sắc ái*, là biến tri thứ tám; 9. *Sự dứt hết kết sử Vô sắc ái*, là biến tri thứ chín. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Tam-ma-hi-đa địa*.¹²²

Lại có ba giải thoát môn: không, vô nguyện và vô tướng. Đây cũng được nói rộng ở *Tam-ma-hi-đa địa*.¹²³

Ở đây, phải nên quán sát các pháp: những tác ý nào được tư duy; trí nào được biết; thức nào được nhận biết; những biến tri nào được

119 *Hiển dương*, quyển 2, phẩm *Nhiếp sự* (phần 2), [489c22].

120 *Du-già sư địa luận*, quyển 69, *Thanh văn địa*, tr. 680c24~681a14.

121 *Du-già sư địa luận*, quyển 1, *Ngũ thức thân tương ưng địa*, tr. 279a22~280a18, và quyển 1, *Ý địa*, tr. 280b06~08.

122 *Chín thứ biến tri* trong *Du-già sư địa luận* xuất hiện tại: quyển 57, *Nhiếp quyết trạch phần – Ngũ thức thân tương ưng địa*, *Ý địa*, tr. 619b02~08; và quyển 71, *Nhiếp quyết trạch phần – Thanh văn địa*, tr. 691c03~11. Không thấy 9 thứ biến tri ở *Tam-ma-hi-đa địa*.

123 *Du-già sư địa luận*, quyển 12, *Tam-ma-hi-đa địa*, tr. 337a27~c16, về 3 *tam-ma-địa*; quyển 28, *Thanh văn địa*, tr. 436b25~c10, về 3 giải thoát môn.



biển tri; giải thoát môn nào được giải thoát; dùng vô lượng quán môn đại loại như vậy để quán các pháp.

(4) **Nghĩa của xứ sở:** Sơ lược có ba thứ: 1. Sự y xứ; 2. Thời y xứ; 3. Bồ-đặc-già-la y xứ.

[537a25] **Sự y xứ:** Lại có ba thứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đắc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ.¹²⁴

Căn bản sự y xứ: Có sáu thứ: 1. Thiện thú; 2. Ác thú; 3. Thoái đọa; 4. Thăng tiến; 5. Lưu chuyển; 6. Tịch diệt.

Đắc phương tiện sự y xứ: Có mười hai thứ, gọi là *mười hai chủng hành*: 1. Dục hành; 2. Ly hành; 3. Thiện hành; 4. Bất thiện hành; 5. Khổ hành; 6. Phi khổ hành; 7. Thuận thoái phần hành; 8. Thuận tiến phần hành; 9. Tạp nhiễm hành; 10. Thanh tịnh hành; 11. Tự nghĩa hành; 12. Tha nghĩa hành.

Bi mãn tha sự y xứ: Có năm thứ: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ bày; 3. Dạy bảo; 4. Khen ngợi; 5. Vui mừng.¹²⁵

[537b05] Ở đây, **thiện thú:** Cõi người, cõi trời.

Ác thú: Na-lạc-ca v.v...

Thoái đọa: Có hai thứ: 1. Không liên quan người khác; 2. Liên quan người khác. Không liên quan người khác, nghĩa là tự nhiên thọ mạng lui giảm; giống như thọ mạng, sắc tướng, sức khỏe, an lạc, biện tài, của cải, danh tiếng v.v... cũng lui giảm. Liên quan người khác,

124 Y cứ 3 sự này đức Phật mới khởi sự giáo hóa, nên gọi là sự y xứ. Căn bản là sinh tử và niết bàn. Phương tiện là nhưng nhân tố đưa đến sinh tử và niết bàn. Hai sự này thuộc lợi mình. Bi mãn tha là lợi người, là động lực để giáo hóa.

125 Trong kinh điển có dùng cụm từ: thị, giáo, lợi, hỷ 示教利喜 (chỉ bày, giáo huấn, lợi ích, hoan hỷ). Đây là lối thuyết pháp của Phật và bồ tát, theo đó thị là trình bày cho người nghe rõ thiện ác, tốt xấu; giáo là thuyết phục người nghe bỏ ác làm lành, rời xấu theo tốt; lợi là chỉ ra sự lợi ích của việc thực hành ấy; hỷ là tán thưởng sự thực hành ấy cho người nghe vui mừng.



nghĩa là bà con thân thuộc lui giảm. Tự nhiên có sự lui giảm càng thêm, dòng họ mỏng ít, lời nói không nghiêm túc, trí tuệ xấu ác, không thể có được sắc, hương, vị xúc vi diệu, rộng lớn; tâm không vui thích đối với những gì thọ dụng thắng diệu; đại loại như vậy gọi là thoái đọa.

Trái ngược với những gì là thoái đọa, thì đó là *thăng tiến*.

Lưu chuyển: Chính là thiện thú, ác thú, thoái đọa và thăng tiến.

Tịch tĩnh: Là hai cảnh giới tịch tĩnh (: niết bàn) hữu dư y và vô dư y.

[537b15] (1) **Dục hành:** Là mười hạng người hành dục được dẫn nói trong kinh Trung A-hàm.¹²⁶

(2) **Ly hành:** Đối với những sự thọ dụng ở trên, biết vô thường, chán các dục, rời xuất gia, thọ trì cấm giới, thủ hộ căn môn¹²⁷ v.v...

(3) **Thiện hành:** Là thí, giới, tu tập thiện hành hữu lậu.

(4) **Bất thiện hành:** Là ba thứ ác hành¹²⁸.

(5) **Khổ hành:** Là lỏa thể không mặc áo quần, như vậy thấy, cho đến nói rộng.

126 Trung A-hàm, phẩm Đại, kinh số 126, kinh Hành dục. Mười hạng người hành dục dựa trên 4 yếu tố: "tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn"; "tự làm cho mình an vui no đủ"; "biết chia sẻ và tạo phước"; "thọ dụng không tham đắm, không đam mê, không nhiễm trước, thấy được nguy hiểm, có trí tuệ xuất ly"; và được chia ra có 4 bậc: (1) Bậc thấp, gồm 3 hạng người tìm tài sản phi pháp và thủ đoạn. Trong 3 hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. Người biết làm cho mình an vui no đủ, là điểm đáng khen; không tự làm cho mình an vui no đủ, là điểm đáng chê. Người biết chia sẻ, biết tạo phước, là điểm đáng khen, không biết chia sẻ, không biết tạo phước, là điểm đáng chê. (2) Bậc trung, gồm 3 hạng người tìm tài sản vừa hợp pháp và phi pháp, vừa thủ đoạn và không thủ đoạn. Trong ba hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. (3) Bậc cao, gồm 3 hạng người tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn. Trong 3 hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. (4) Bậc tối thắng, là hạng người có đủ các ưu điểm đáng khen, tức là «tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn», «tự làm cho mình an vui no đủ», «biết chia sẻ và tạo phước», «thọ dụng không tham đắm, không đam mê, không nhiễm trước, thấy được nguy hiểm, có trí tuệ xuất ly». Đây là hạng người ưu thắng trong 10 hạng người hành dục.

127 Thọ trì cấm giới, như kinh thường nói: "Vị ấy như vậy xuất gia, thành sa-môn, an trú được phòng hộ bởi sự phòng hộ của biệt giải thoát." Thủ hộ căn môn, là canh chừng kiểm soát các căn khi thấy, nghe, không cho những ấn tượng xấu từ đó mà khuấy động làm ô nhiễm tâm ý. Sự canh chừng này là do chánh niệm và chánh tri, hoạt động của ý.

128 Ba thứ ác hành: thân ác hành, khẩu ác hành và ý ác hành.



(6) *Phi khổ hành*: Là thọ dụng đúng pháp những đồ dùng có được, từ bỏ *lạc hành*, rời xa hai bên: bên thọ dụng dục lạc hành và bên thọ dụng tự khổ hành; siêng hành *trung đạo*, y chỉ vào pháp, cầu y bát v.v... và chánh thọ dụng [pháp lạc].

(7) *Thuận thoái phần hành*: Là những hành nào mà có khả năng chướng ngại những phần thăng tiến như thọ mạng v.v...

(8) *Thuận tiến phần hành*: Là ngược lại với thuận thoái phần hành. Như *kinh Anh vũ*¹²⁹ có nói đến.

(9) *Tạp nhiễm hành*: Lược có ba thứ: 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Phiền não tạp nhiễm; 3. Lưu chuyển tạp nhiễm¹³⁰. Nên biết, ba tạp nhiễm này có chín câu căn bản: Nghiệp tạp nhiễm có ba câu: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si. Phiền não tạp nhiễm có bốn câu, là *bốn điên đảo*¹³¹. Lưu chuyển tạp nhiễm có hai câu, là vô minh và hữu ái¹³². Tại sao? Do *ba bất thiện căn*¹³³ sinh khởi các thứ nghiệp tạp nhiễm; do *bốn điên đảo* phát sinh các thứ phiền não tạp nhiễm; đối với người xuất gia, do cánh cửa *vô minh* dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm, và đối với người tại gia, do cánh cửa *hữu ái* dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm.

129 Trung A-hàm, kinh Anh vũ, số 170. Tương đương: Kinh Trung bộ, Tiểu kinh nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhanga sutta), số 135. Anh Vũ Ma-nạp Đố-đề Tử hỏi Phật do nguyên nhân gì, cùng sinh làm người mà không ai giống ai về thọ mạng (người sống lâu, kẻ chết yểu); về sức khỏe (người ít bệnh, kẻ nhiều bệnh); về dung sắc (người xấu, kẻ đẹp); về uy quyền (người nhiều quyền, kẻ ít quyền); về tài sản (người giàu, kẻ nghèo); về dòng dõi (người cao, kẻ thấp); về trí tuệ (người thông minh, kẻ ngu đần)... Phật dạy 'Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xử cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp', rồi Phật phân biệt chi tiết những hành nghiệp ấy.

130 Lưu chuyển tạp nhiễm = sinh tạp nhiễm.

131 Bốn điên đảo: Là 4 cái thấy thác loạn: vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh (không tưởng là thật hữu).

132 Hữu ái: khao khát hiện hữu hay khát vọng sinh tồn; lưu luyến luân hồi. Nhân của hữu ái là vô minh.

133 Ba bất thiện căn: tham, sân và si.



(10) *Thanh tịnh hành*: Lược có ba học¹³⁴ và năm địa. Ba học và năm địa này cũng có chín câu căn bản: *tăng thượng giới học* và *tăng thượng tâm học* nhiếp lấy vô tham, vô sân và vô si, ở *tư lương địa* và *phương tiện địa*¹³⁵; *tăng thượng tuệ học* nhiếp lấy bốn vô điên đảo, minh và giải thoát, ở *kiến địa*, *tu địa* và *cứu cánh địa*.¹³⁶

(11) *Tự nghĩa hành*: Là hành lợi mình, như Thanh văn, Độc giác. Chư vị ấy có khi phát khởi hành lợi người, nhưng bản nguyện của họ vẫn là lợi mình, cho nên gọi là tự nghĩa.

(12) *Tha nghĩa hành*: Là hành lợi người, như Phật, Bồ-tát, làm lợi ích rất ráo cho vô lượng chúng sinh; cho đến nói rộng

[537c11] (1) *Khiến ly dục*: Là chê trách sáu thứ hành thuộc phẩm loại nhiễm ô¹³⁷, chỉ bày tội lỗi khiến lìa ái dục.

(2) *Chỉ bày*: Vì khiến thọ học các hành thuộc phẩm loại thanh tịnh, nên chỉ bày bốn thứ đạo lý chân thật.

(3) *Dạy bảo*: Đã được chỉ bày, những người tín giải chánh thức tiếp nhận, thực hành các học xứ. Do nhận thấy những người ấy đã được tự tại, liền bảo rằng: "*Các ông nay đối với những việc như vậy, như vậy, nên làm đúng, nên học theo.*"

134 Về ba học: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tâm thượng tuệ học, xem Du-già sư địa luận, quyển 28, tr. 435c26~436b14.

135 Phương tiện địa = Gia hành địa.

136 Theo Du-già sư địa luận, quyển 100, tr. 880c28~881a10: "Có 9 địa: 1. Tư lương địa, là tích tập tư lương xuất thế; 2. Phương tiện địa, là cần tu phương tiện để dứt hết các lậu hoặc; 3. Quán hành địa, là chánh quán các đế khi tùy thuận quyết trạch phân; 4. Kiến địa, là chứng nhập chánh tánh ly sinh; 5. Tu địa, là chứng bốn quả sa-môn, vì sau khi chứng nhập chánh tánh ly sinh thì lấy tất cả thể gian để dần dần thăng tiến đạo, tức nhiếp hết kiến địa; 6. Hữu học địa, là địa thứ hai, ba và tư; 7. Vô học địa, là địa thứ năm; 8. Thánh giả địa, là học địa và vô học địa; 9. Dị sinh địa, là ngoài những địa ở trên; trong đó, hoặc chưa tu gia hành, hoặc đã tu gia hành, hoặc đã ly dục, tất cả dị sinh còn phải có chín chỗ y chỉ để đoạn tận các lậu: vị chí định, sơ tĩnh lực, tĩnh lực trung gian, 3 tĩnh lực còn lại và 3 Vô sắc định (trừ Phi tưởng phi phi tưởng xứ định)." Ngoài ra, có 3 địa: kiến địa, tu địa và cứu cánh địa, chỉ cho kiến đạo, tu đạo và chứng đắc A-la-hán.

137 Sáu thứ hành: 1. Tham dục; 2. Pháp có tranh cãi; 3. Pháp có khổ; 4. Pháp có hại; 5. Pháp có tại hoạn; 6. Pháp có phiền não khắp cả. Trong đây, tham dục là nói tổng quát.



(4) *Khen ngợi*: Nếu thấy những người ấy đối với những gì hiểu biết, thực hành và đạt được mà trong tâm sinh thoái lui, khuất phục. Bấy giờ, xưng tán, khuyến khích họ, để họ nỗ lực hơn nữa trong những gì hiểu biết, thực hành và đạt được.

(5) *Vui mừng*: Những người ấy dừng mãi thực hành theo pháp và tùy pháp¹³⁸, thì nên như thật nói lời khen ngợi khiến họ vui mừng, hoan hỷ.

[537c20] Lại nữa, *khiến ly dục và chỉ bày*: (1) Hoặc có sự khiến ly dục mà không có sự chỉ bày, như dạy bảo người khiến họ ly dục, mà bảo rằng: “*Như tôi đã nói, không nên làm điều đó, ông nay nhất định không nên làm nữa,*” hoặc dọa nạt rằng: “*Nếu ông làm điều đó thì tôi sẽ đành chịu,*” hoặc yêu cầu họ: “*Nếu ông là người bạn thân ái của tôi, thì xin ông đừng làm.*” (2) Hoặc có sự chỉ bày mà không khiến ly dục, như *người trung gian* chỉ bày công đức và tội lỗi của một người mà không ngăn cản người ấy khiến không tạo tội. (3) Hoặc vừa chỉ bày, vừa khiến ly dục, như chỉ ra lỗi của người ấy khiến họ ly dục.

Dạy bảo: Ban đầu chưa thọ học, làm cho người ấy thọ học.

Khen ngợi: Học rồi mà chưa tiến bộ, thì khiến cho thăng tiến.

Vui mừng: (1) Có năm thứ thắng lợi: 1. Làm cho người tâm được quyết định đối với những gì đã chứng nghiệm; 2. Làm cho người khởi tâm thú hướng, mong cầu đối với những thắng đức của sở chứng; 3. Khiến người phi báng, tâm trú khoảng giữa; 4. Khiến người không tin, tâm sinh đức tin trong sáng; 5. Khiến người đã tin càng thêm tăng

138 Pháp là pháp môn hành giả đang tu tập. Tùy pháp là pháp hỗ trợ cho pháp môn mà hành giả đang tu tập. Ngài Xá-lợi-phất đã quảng diễn thành pháp tùy pháp hành thành 10, như trong kinh: 1. Tín, 2. Giới, 3. Đa văn, 4. Huệ thí, 5. Thiện tuệ, 6. Chánh kiến, 7. Chánh trí, 8. Chánh giải, 9. Chánh thoát, 10. Chánh trí.



trưởng đức tin. (2) Nếu có vui mừng cho việc lành của người khác, nên biết, người ấy đang tạo tác sự tăng trưởng, có thể cảm nghiệp sinh lên các cõi trời vừa ý; nếu mạng chung rồi, theo chỗ sinh về, thường nghe âm thanh tuyệt diệu vừa ý, tất cả cảnh giới không gì không vừa ý.

[538a06] Lại nữa, (1) *Dục hành*: Hoặc có khả năng chiêu cảm thiện thú, như vì có dục nên tạo nghiệp thiện cho đời sau; hoặc có khả năng chiêu cảm ác thú, như lấy phi pháp¹³⁹ nhiếp thọ các dục. (2) *Ly hành*: Nếu hành mà hủy phạm thì chiêu cảm ác thú, không hủy phạm thì chiêu cảm thiện thú và có khả năng tạo tác tư lương tịch tĩnh. (3) *Thiện hành*: Khả năng chiêu cảm thiện thú và làm tư lương tịch tĩnh. (4) *Bất thiện hành*: Khả năng chiêu cảm ác thú. (5) *Khổ hành*: Do tà kiến mà người ấy tự làm khổ bản thân, nên có khả năng chiêu cảm ác thú. (6) *Phi khổ hành*: Có khả năng làm tư lương tịch tĩnh và chiêu cảm thiện thú. (7) *Thuận thoái phần hành*: Có khả năng chiêu cảm sự thoái đọa. (8) *Thuận tiến phần hành*: Có khả năng chiêu cảm sự thăng tiến. (9) *Tạp nhiễm hành*: Có khả năng chiêu cảm sự lưu chuyển. (10) *Thanh tịnh hành*: Có khả năng chứng nhập sự tịch tĩnh. (11) *Tự nghĩa hành*: Chỉ làm cho mình sinh về thiện thú, dẫn đến thăng tiến và chứng nhập tịch tĩnh. (12) *Tha nghĩa hành*: Làm cho mình và chúng sinh sinh về thiện thú, dẫn đến thăng tiến và chứng nhập tịch tĩnh.

[538a16] Trong ba sự như vậy¹⁴⁰, *căn bản sự* có sáu thứ: thiện thú, ác thú, thoái đọa, thăng tiến, lưu chuyển và tịch diệt; *đặc phương tiện sự* có mười hai thứ, gọi là mười hai hành; *bi mãn tha sự* có năm thứ, gọi là năm thứ bi mãn chúng sinh. Ở đây, do sức tăng thượng của

139 Phi pháp: Là 10 ác nghiệp: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, tham lam, sân hận, tà kiến.

140 Ba sự y xứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đặc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ.



căn bản sự, và dựa vào mười hai hành theo sự thích ứng mà khiến chúng sinh *ly dục*, cho đến khi *vui mừng*.

[538a21] *Thời y xứ*: Lược có ba thứ: 1. Quá khứ ngôn y; 2. Vị lai ngôn y; 3. Hiện tại ngôn y; như trong kinh có nói rộng.¹⁴¹

[538a23] *Bổ-đặc-già-la y xứ*: Là hai mươi bảy số thủ thú¹⁴²: độn căn, lợi căn v.v...

[538a25] Như trên đã nói ba xứ: sự, thời và bổ-đặc-già-la. Đức Bạc-già-phạm dựa vào ba xứ này để lưu bố Thánh giáo, cho nên gọi là y xứ.

[538a27] (5) *Nghĩa của tội lỗi*: Là khởi chán chê đối với nghĩa đáng chán chê về các pháp hay chúng sinh.

[538a29] (6) *Nghĩa của thắng lợi*: Nói sơ lược là khởi xung tán đối với nghĩa đáng xung tán về các pháp hay chúng sinh.

[538b02] (7) *Nghĩa của sở trị*: Nói sơ lược là tất cả *tạp nhiễm hành*.

[538b03] (8) *Nghĩa của năng trị*: Là tất cả *thanh tịnh hành*; như tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; sân là sở trị, từ bi là năng trị; tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; đại loại như vậy, nên biết.

(9) *Nghĩa của sơ lược*: Là nói các pháp có chung chủng loại và nghĩa.

141 Ngôn y: Ngôn ngữ y cứ. Ngôn, là ngôn ngữ. Y, chỉ cho danh và nghĩa. Thể của ngôn ngữ là âm thanh, chỗ dựa của nó là danh và nghĩa. Theo đó, danh là khả năng diễn tả, nghĩa là cái được diễn tả. Cả hai đều là cứ điểm cho âm thanh và ngôn ngữ dựa vào. Bởi vì các pháp hữu vi cùng với danh và nghĩa trên đây cũng hiện hành trong ba thời gian, nên được gọi là ngôn y. Như nói: từng, trúc, thì danh với khả năng diễn tả và thể nghĩa được diễn tả của chúng đều có sanh diệt, biến hoại và cũng hiện hành trong ba thời gian, nên gọi là hữu vi. Như vậy, ngôn y thu nhiếp đầy đủ tất cả pháp hữu vi.

142 Số thủ thú 數取趣: Tức là bổ-đặc-già-la (s. pudgala). Bồ, có nghĩa là số. Đặc-già, có nghĩa là thủ, tức là chấp thủ. La, có nghĩa là thú, tức là cõi sống. Bổ-đặc-già-la có nghĩa là cá nhân làm chủ các hoạt động tâm lý cũng như thân thể, mà nhiều lần chấp thủ cái thân năm uẩn, do đó phải luân hồi mãi trong các cõi sống.



[538b06] (10) *Nghĩa của quảng đại*: Là nói các pháp có chủng loại và nghĩa khác nhau.

[538b07] Lại nữa, [nghĩa của quảng đại] là nói kinh bất liễu nghĩa, và nói kinh liễu nghĩa.

[538b08] Lại nữa, nghĩa của sơ lược có hai thứ: 1. Sơ lược về danh; 2. Sơ lược về nghĩa. Nghĩa của quảng đại cũng có hai thứ: 1. Quảng đại về danh; 2. Quảng đại về nghĩa. Như đức Bạc-già-phạm nói: “*Xá-lợi tử, Ta có thể quảng lược tuyên thuyết chánh pháp, nhưng rất khó có người ngộ giải.*”¹⁴³ Ở trong kinh, thể văn trường hàng thì văn quảng đại, nghĩa sơ lược; thể văn già-tha¹⁴⁴ thì nghĩa quảng đại, văn sơ lược.

[538b12] Vì nhiếp lấy mười nghĩa¹⁴⁵, cho nên nói ở khoảng giữa có chính cú ôn-đà-nam:

Chư địa, tướng, tác ý

Y xứ, đức, phi đức

Sở đối trị, năng trị

Lược, quảng nghĩa, nên biết. (tụng 11)

[538b15] Lại nữa, như vậy đã nói mười thứ nghĩa làm thể tánh cho giáo pháp của Phật. Chư vị thuyết pháp phải dựa vào Thánh giáo

143 Tạp A-hàm, kinh A-nan Xá-lợi-phất, số 982: “Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na tại nước Sa-chỉ. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: ‘Đối với pháp, Ta có thể lược nói và rộng nói, nhưng người hiểu thì khó.’ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp.’” (Thích Đức Thắng dịch)

144 Già-tha (Gatha = phúng tụng hay cô khởi) là thể văn chính cú không theo trường hàng mà tự nói pháp nghĩa.

145 Mười nghĩa: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi (: phi đức); 6. Nghĩa của thắng lợi (: đức); 7. Nghĩa của sở trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.



mà tìm cầu mười thứ nghĩa, đầy đủ hay không đầy đủ; tự mình tìm cầu rồi mới vì người mà thuyết pháp.

[538b18] Như vậy đã kiến lập thể tánh của văn và nghĩa rồi, chư vị thuyết pháp phải lấy năm tướng tùy thuận giải thích tất cả kệ kinh của Phật: đầu tiên lược thuyết *pháp yếu*, tiếp theo nói đấng khởi, tiếp theo là *thích nghĩa*, rồi đến *thích nạn*, sau cùng biện minh *thứ đệ*.

[Thích:]¹⁴⁶

1. **Pháp:** Lược có mười hai thứ, gọi là *mười hai phần giáo*: kệ kinh, v.v...

[538b22] **Khế kinh:** Là nghĩa *liên kết*, là thể văn trường hàng, phần nhiều nói thẳng, nhiếp thọ ý thú của các pháp.

Ứng tụng: Là thể văn kệ tụng nằm ở sau trường hàng, lược nói những gì ở trước, thường có trong kinh bất liễu nghĩa.

[538b25] **Ký biệt:** Là rộng phân biệt những nghĩa đã sơ lược nói ra, và ghi nhận sinh xứ của đệ tử sau khi mạng chung.

[538b27] **Phúng tụng:** Là lấy một câu để nói, hoặc hai câu để nói, hoặc ba, bốn, năm, sáu câu v.v... để nói.¹⁴⁷

[538b29] **Tự thuyết:** Là không ai hỏi mà nói. Vì muốn các đệ tử có được thắng giải, vì muốn chúng sinh được sự hóa độ thượng phẩm, an trú thắng lý, nên Phật tự nhiên thuyết pháp, gọi là tự thuyết; như kinh nói: “*Thế tôn, bấy giờ, tự nhiên tuyên thuyết.*”¹⁴⁸

146 Thích: có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đấng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

147 Một câu (nhất cú), được hiểu là một câu đủ nghĩa, như nói các pháp vô thường, chúng sinh có giác tánh, v.v... Còn một kệ hay 1 bài chính cú, có 2 loại chung và riêng. Loại riêng là thể văn chính cú, 4 câu làm 1 kệ, mỗi câu có 3 đến 8 chữ. Loại chung là lối tính tổng số chữ: bất cứ thể văn chính cú hay thể văn trường hàng, cứ đếm 8 chữ làm 1 câu, 4 câu làm 1 kệ, và mấy kệ là tổng số chữ của mỗi kinh luận. Một bài chính cú (nhất kệ) là chỉ cho cả 2 loại kệ ấy: chỉ cho bất cứ 4 câu liên tiếp nào thuộc thể văn chính cú, hay chỉ cho bất cứ 32 chữ liên tiếp nào trong tổng số chữ.

148 Tiểu bộ kinh, kinh Phật tự thuyết (Udāna), chương 3, phẩm Nanda, Ud 21: “Như vậy tôi nghe:



[538c03] **Nhân duyên:** Là nhân có người thưa hỏi mà nói. Như kinh nói: “*Thế tôn vào một thời, nhân do Một-lực-già-la-tử¹⁴⁹, vì các bí-sô mà tuyên thuyết pháp yếu.*” Lại nữa, y cứ biệt giải thoát, tăng thượng đạo, tỳ-nại-da mà có những ngôn thuyết, nghĩa là “*Y cứ nhân duyên như vậy, như vậy; y cứ sự việc như vậy, như vậy; Thế tôn thuyết những lời như vậy, như vậy.*” Đó là nhân duyên.

[538c08] **Thí dụ:** Là trong kinh có những thí dụ; do thí dụ mà ẩn nghĩa được sáng tỏ.

Bản sự: Là ngoài *bản sinh*, tuyên thuyết những việc xảy ra ở đời quá khứ.

[538c10] **Bản sinh:** Là tuyên thuyết các sự việc bản sinh¹⁵⁰ của mình khi thực hành Bồ-tát hạnh ở trong các đời quá khứ.

[538c12] **Phương quảng:** Là nói về Bồ-tát đạo, như nói mười địa¹⁵¹, bốn Bồ-tát hành¹⁵², v.v... và nói về Như lai, như nói một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật¹⁵³, đó là bốn nhất thiết chủng thanh

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana trong khu vườn ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiệt già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não. Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này: “*Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp, Tẩy sạch bụi làm trước, An trú, không ngã số, Không cần nói với người.*”

149 Một-lực-già-la-tử 沒力伽羅子 (S: *Maudgalyāyana*). *Du-già sư địa luận ghi là:* [Trưởng giả] Hắc Lộc Tử 黑鹿子.

150 Bản sinh là phần lớn nhất của Tiểu bộ kinh, gồm 547 bài. Phần này tường thuật sự tích của đức Thích-ca đã mang những thân hình quốc vương, thầy Bà-la-môn, lái buôn, đàn bà, và các loại động vật như voi, vượn, hươu, gấu, v.v..., hoặc cứu chúng sinh qua khỏi tai nạn hiểm nguy, hoặc vì cầu pháp mà tinh tiến tu hành các thiện nghiệp công đức.

151 Mười địa: 1. Cực hỷ địa; 2. Ly cấu địa; 3. Phát quang địa; 4. Diệm tuệ địa; 5. Nan thắng địa; 6. Hiện tiền địa; 7. Viễn hành địa; 8. Bất động địa; 9. Thiện tuệ địa; 10. Pháp vân địa. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 3. *Du-già sư địa ghi là 7 địa:* 1. Chủng tánh địa; 2. Thắng giải hành địa; 3. Tịnh thắng ý lạc địa; 4. Hành chánh hành địa; 5. Quyết định địa; 6. Quyết định hành địa; 7. Chí cứu cánh địa.

152 Bốn Bồ tát hành: 1. Ba-la-mật-đa hành; 2. Bồ-đề phần pháp hành; 3. Thần thông hành; 4. Thành tựu hữu tình hành.

153 Một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật: 32 tướng đại tướng phu, 80 vẻ đẹp, 4 nhất thiết



tịnh, cho đến nhất thiết chủng diệu trí; như Bồ-tát địa có nói rộng. Lại nữa, vì pháp có vô lượng, nghĩa sâu rộng, thời gian lâu xa, nghĩa là cực kỳ dũng mãnh trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới được thành mãn, nên gọi là phương quảng.

[538c17] *Hy pháp*: Là Phật và các đệ tử nói pháp kỳ diệu hy hữu; như trong các kinh, do có sự hy hữu mà khởi lên ngôn thuyết¹⁵⁴.

[538c19] *Luận nghị*: Là các kinh được nhiếp bởi ma-đát-lý-ca, nói cách khác, các kinh liễu nghĩa đều gọi là ma-đát-lý-ca, nghĩa là Như lai tự phân biệt rộng về thể tướng các pháp. Lại nữa, các Thánh đệ tử đã thấy Thánh tích, dựa vào sự tự sở chứng không gì đảo ngược mà hiển thị thể tướng các pháp, cũng gọi là ma-đát-lý-ca. Ma-đát-lý-ca cũng gọi là a-tỳ-đạt-ma. Giống như thể gian, tất cả sách toán, thi luận đều có bản mẫu; nên biết, trong kinh nghiên cứu thể tướng các pháp qua những ngôn thuyết, cũng lại như vậy. Lại như thể gian, nếu không có các văn tự, bản mẫu tự thì không hiểu được. Như vậy, trong mười hai phần giáo, nếu không kiến lập thể tướng các pháp thì pháp không sáng rõ; nếu kiến lập rồi, tự tướng và cộng tướng của các pháp đều được hiển hiện. Lại nữa, khả năng hiển bày pháp tướng không lẫn lộn, tức ma-đát-lý-ca đây gọi là a-tỳ-đạt-ma. Dựa vào ma-đát-lý-ca, những gì giải thích pháp nghĩa của các kinh cũng gọi là ô-ba-đê-thước¹⁵⁵.

chủng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô sở úy, 3 niệm trú, 3 bất hộ, đại bi, không quên mất diệu pháp, vịnh đoạn tập khí, nhất thiết chủng diệu trí. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4.

154 Tập A-hàm, kinh Tập sanh, số 345: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. Ở trong đại chúng đã nói lên tiếng rống con sư tử.” (Thích Đức Thắng dịch) Trung A-hàm, kinh Địa Động, số 36: “Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Nay A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

155 Ô-ba-đê-thước 陂波第躑 = Ưu-ba-đề-xá 優波提舍 (S: *upadesah*): *luận nghị, chú giải, luận nghĩa*.



[539a02] 2. Đẳng khởi:¹⁵⁶ Lược có ba thứ: sự y xứ, thời y xứ và bồ-đặc-già-la y xứ; như trong kinh có nói: vào thời gian như vậy, có bồ-đặc-già-la như vậy, dựa vào hành như vậy, *khiến ly dục, chỉ bày, dạy bảo, khen ngợi, vui mừng*.

[539a05] 3. *Nghĩa*: Lược có hai thứ: 1. Nghĩa chung; 2. Nghĩa riêng.

Nghĩa chung lại có bốn thứ: 1. Dẫn kinh liễu nghĩa; 2. Phân biệt sự cứu cánh; 3. Hành; 4. Quả.

Hành lại có hai thứ: 1. Tà hành; 2. Chánh hành.

Quả cũng có hai thứ: 1. Quả của tà hành; 2. Quả của chánh hành.

Nghĩa riêng cũng có bốn thứ: 1. Phân biệt sai biệt danh; 2. Phân biệt tự thể tướng; 3. Huân thích danh ngôn; 4. Nghĩa môn sai biệt.

Huân thích danh ngôn lại do năm thứ phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự thể; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

Nghĩa môn sai biệt cũng có năm thứ: 1. Tự thể sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Tự thể sai biệt: Tự thể của sắc có mười sắc xứ¹⁵⁷ sai biệt; tự thể của thọ có ba thọ¹⁵⁸ sai biệt; tự thể của tưởng có sáu tưởng¹⁵⁹ sai biệt; tự thể của hành có ba hành¹⁶⁰ sai biệt; tự thể của thức có sáu thức¹⁶¹ sai biệt. Đại loại như vậy các tự thể sai biệt, nên biết.

Giới sai biệt: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

156 Đẳng khởi 等起 (P: samuttāhāna): sự xuất hiện, nguyên khởi, nguyên động lực làm phát khởi.

157 Mười sắc xứ: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc.

158 Ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

159 Sáu tưởng: Nhân tưởng, nhĩ tưởng, tỷ tưởng, thiệt tưởng, thân tưởng, ý tưởng.

160 Ba hành: 1. Thân hành, khẩu hành và ý hành; 2. Phước hành, phi phước hành và bất động hành.

161 Sáu thức: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.



Thời sai biệt: Quá khứ, vị lai và hiện tại.

Vị sai biệt: Có hai mươi lăm thứ phần vị sai biệt: ba vị là bậc thấp, bậc vừa, bậc cao; ba vị là khổ, lạc và bất khổ bất lạc; ba vị là thiện, bất thiện và vô ký; ba vị là văn, tu và tu; ba vị là tăng thượng giới, tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ; hai vị là nội và ngoại; hai vị là sở thủ và năng thủ; hai vị là sở trị và năng trị; hai vị là hiện tiền và bất hiện tiền; hai vị là nhân và quả.

Bổ-đặc-già-la sai biệt: Như trước đã nói về hai mươi bảy hạng bổ-đặc-già-la, nên biết.

[0539a24] 4. **Thích nạn:** Hoặc mình thiết lập vấn nạn, hoặc người thiết lập vấn nạn, cả hai đều nên giải thích. Nên biết, thiết lập vấn nạn, sơ lược có năm lý do: 1. Làm cho hiểu rõ những nghĩa mà chưa hiểu được, như nói: “*Văn đây có nghĩa là gì?*”; 2. Lời nói trái ngược nhau, như nói: “*Vì sao đức Bạc-già-phạm trước sau nói khác?*”¹⁶²; 3. Đạo lý trái ngược nhau, như có hiển thị nghĩa nhưng trái ngược với bốn đạo lý; 4. Hiển thị không nhất định, như nói: “*Vì sao đức Bạc-già-phạm đối với một thứ nghĩa mà hiển thị các thứ dị môn sai biệt?*”; 5. Cứu cánh không thể thấy, như nói: “*Thê của nội ngữ có*

162 Kim Cương kinh sớ, 金剛經疏, No. 2738: “Lập ý thú bình đẳng để phá chương khinh Phật: có người nói sanh diệt là pháp nhị, hề có sanh thì có diệt, Phật với mình cũng giống nhau (có sinh có diệt) bên sanh tâm khinh mạn; vì phá chương này mà Phật nói ý thú bình đẳng, rằng xưa kia Phật Tỷ bà thì chính là thân Ta, đầu có giống sự sanh diệt của ông. Lập ý thú khác nghĩa để phá chương khinh pháp: có người nói cho đến trẻ con cũng có thể thấy sắc nghe thanh, thì việc hiểu ý người, biết pháp nghĩa có gì là khó; vì phá chương này mà nói pháp ba vô tánh mà khi nhập địa mới giác ngộ. Lập ý thú khác thời để phá chương biếng nhác: có người nghe tu tập dài lâu mới có thể diệt sanh tịnh độ, nghe rồi sanh tâm biếng nhác; vì phá chương này nói người được vắng sanh sẽ được bất thoái. Lập ý thú khác muốn để phá 5 chương còn lại: 1. Phá chương ít muốn: người ưa bố thí mà không giữ giới, Phật chê thí, khen giới; 2. Phá chương tham hạnh: người tham muốn cảnh vui, Phật ca ngợi tịnh độ; 3. Phá chương mạn hạnh: người chấp cõi này là vui, Phật khen tịnh độ diệu lạc; 4. Phá chương hối hạnh: (Đề bà đạt đa) xô đá đè Phật vẫn không thấy xấu ác mà còn bực tức, Phật nói làm việc không lợi ích đối với Phật vẫn được sanh đường lành (Đề bạt đạt đa được thọ ký thành Phật); 5. Phá chương bất định: có người chấp nhị thừa không nhất định làm Phật; vì phá chương này Phật nói việc thọ ký (cho thanh văn) và thuyết nhất thừa. Năm cách phá chương toàn là trước khen sau chê, nhưng nói lên được cái ý ưa muốn.”



tương mạo gì mà thường hằng không đổi, tự tánh chánh trí?”, đại loại như vậy.

[539b03] Đối với năm vấn nạn này, theo thứ đệ của chúng, nên có sự giải thích: Đối với vấn nạn *không hiểu nghĩa*, thì dùng phương tiện để hiểu rõ; đối với vấn nạn *lời nói trái ngược nhau*, thì tùy thuận linh hội, thông suốt. Như vấn nạn *lời nói trái ngược nhau*, cũng vậy đối với vấn nạn *hiển thị không nhất định*, vấn nạn *cứu cánh không thể thấy* thì đều tùy thuận linh hội, thông suốt. Đối với vấn nạn đạo lý trái ngược nhau, thì lấy hắc giáo¹⁶³ để phán quyết đó, hoặc lại hiển thị bốn thứ đạo lý, hoặc hiển thị nhân quả tương ứng với các đạo lý; chính là nói hiển thị quả, và cũng là hiển thị nhân.

Lại nữa, đối với vấn nạn nên lập ra *bốn vấn ký*¹⁶⁴:

1. **Quyết định ký:** Những gì như lý hỏi, thì thiết lập không đảo ngược về thể tánh các pháp.
2. **Phân biệt ký:** Những gì như lý và không như lý hỏi, thì khai thị các tướng sai biệt.
3. **Phản cật ký:** Những gì là hý luận, thì chấm dứt tranh cãi.

163 Du-già sư địa luận dùng dị giáo 異教 (giáo lý khác) thay cho hắc giáo 黑教 (: bà-la-môn giáo).

164 Bốn vấn ký 四問記: Chỉ cho bốn loại vấn ký hay bốn loại ký luận. Đức Phật dùng 4 loại ký luận vì chúng sanh thuyết pháp: 1. Nhất hướng (quyết định), là đáp thẳng; 2. Phân biệt, là đáp rành rẽ; 3. Cật vấn (phản vấn, phản cật), là đáp bằng cách vấn nạn lại; 4. Chỉ luận (xả trí 捨置, mặc trí 默置), là đáp bằng cách gác lại. Tập A tỳ đàm tâm luận, quyển 1: “1. Nhất hướng ký luận: Có người hỏi, có phải tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết? Nên trả lời một hướng, tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết; 2. Phân biệt ký luận: có người hỏi, tất cả đều sẽ chết, chết rồi sanh lại không? Nên trả lời bằng sự phân biệt, nếu người có phiền não thì chết rồi lại sanh, người không còn phiền não thì chết rồi không sanh nữa; 3. Cật vấn ký luận: có người hỏi, con người là thù thắng chăng? Trả lời bằng cách hỏi lại, ông từ cõi nào đến đây, nếu người ấy nói, từ cõi trời đến, thì trả lời con người là xấu kém, nếu người ấy nói, từ nẻo ác đến đây, thì trả lời con người là thù thắng; 4. Chỉ ký luận: có người hỏi, âm và chúng sanh là dị hay đồng, nên gác lại câu trả lời, vì câu hỏi không thích ứng; giống như câu hỏi, đưa con của ta thạch nữ có khéo cung kính chăng? Thạch nữ không có con nên không thể trả lời là khéo cung kính hay không khéo cung kính được. Như vậy, có âm thì có chúng sinh sinh, làm sao có đồng hay dị, vì không thích ứng nên không trả lời.”



4. *Mặc trí ký*: Có bốn lý do: *không có thể tánh*, đưa đến sự không nghĩa lợi, *sâu xa* và *pháp tướng kia là pháp nhĩ*, như trước đã nói¹⁶⁵. Nếu muốn phân biệt rộng thì xem Tư sở thành địa¹⁶⁶.

Như có câu hỏi: “*Như Lai có tồn tại sau khi chết? Như Lai không có tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? Như Lai chẳng có tồn tại và chẳng không tồn tại sau khi chết?*” Câu hỏi này, lý thú thế tục đế và lý thú thắng nghĩa đế đều không thể ghi nhận, cho nên im lặng, gác lại. Đứng về mặt thắng nghĩa, Như lai thì vô tánh nên không thể ghi nhận. Đứng về mặt thế tục, đạo lý năng y và sở y trái ngược nhau, và như vậy quả ấy vĩnh viễn đoạn diệt, chẳng phải chân thật, cho nên không ghi nhận: “*Như Lai có tồn tại sau khi chết?...*”

[539b19] 5. **Thứ đệ**: Lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn; 2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ đệ này, lược dẫn Thánh giáo: Như Thế tôn nói: “*Thuở Ta xuất gia là lúc tươi đẹp, tươi đẹp bậc nhất, tươi đẹp tốt cùng.*” Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ viên mãn. Lại nữa, nói rằng: “*Ta từng sống ở cung điện của phụ vương Tịnh Phạn, Ta có dung mạo đoan chánh,*” cho đến nói rộng. Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ giải thích. Lại nói rằng: “*Vì lý do gì đang lúc tươi đẹp lại xuất gia? Do thấy pháp già, bệnh, chết, v.v...*” Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ năng thành.

Lại nữa, trong kinh lược nói về các pháp, như nói: “*Ba cảm thọ: khổ, lạc và bất khổ bất lạc*”, đại loại như vậy. Ở đây chỉ hiển thị *thứ đệ*

165 Xem Hiển dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Mười hai thứ giáo.

166 Du-già sư địa luận, quyển 16, Tư sở thành địa, tr. 362c28~363a08.



viên mãn. Do những câu khác làm tròn đầy nghĩa của cảm thọ, nên gọi là viên mãn. Giống như cảm thọ, nên biết trong bốn Thánh đế, trước hết nói câu đầu, sau đó lần lượt tùy thuận phân tích.¹⁶⁷

Thứ đệ năng thành có hai thứ: Hoặc lấy câu trước để thành lập câu sau, hoặc dùng câu sau thành lập câu trước. Nên biết, *thứ đệ giải thích* cũng như vậy.

[539c03] 6. **Sư**:¹⁶⁸ Người thành tựu mười pháp gọi là *thuyết pháp sư*; vị ấy tròn đầy các sắc thái sau đây:

1. Khéo biết pháp nghĩa: Khéo biết rõ sáu thứ pháp và mười thứ nghĩa¹⁶⁹.

2. Khả năng tuyên thuyết rộng khắp: Đa văn, nghe rồi thọ trì pháp, dồn chứa sự lắng nghe.

3. Đầy đủ sự vô úy: Đứng trước đại chúng ưu thắng như sát-đế-lợi v.v... tuyên thuyết chánh pháp mà không hề khiếp sợ; do không khiếp sợ nên giọng không khàn đục, nách không đỏ mồ hôi, niệm không quên mất.

4. Ngôn từ khéo léo: Ngữ công viên mãn, tám phần thành tựu, ngôn từ đầy đủ mà ở trong đại chúng thuyết pháp. *Ngữ công viên mãn*: là câu cú tương ưng, trợ bạn, v.v... cho đến nói rộng.¹⁷⁰ *Tám phần*

167 Tương ưng bộ, phẩm Chuyển pháp luân: “Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

168 Thích: sư, thuyết chúng, thỉnh, tán Phật (lược, quảng), học thắng lợi.

169 Sáu thứ pháp: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh. Mười thứ nghĩa: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của số trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.

170 Tương ưng, trợ bạn, tùy thuận, thanh lượng, hữu dụng, tương xứng, ứng thuận, thường ủng phần tư lương. Xem ở trên [536b05].



thành tựu: là thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, v.v... cho đến nói rộng.¹⁷¹

5. Thiện xảo phương tiện thuyết: Là hai mươi thứ thiện xảo phương tiện thuyết, như các sắc thái: thời, ân trọng v.v...¹⁷²

6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành: Không chỉ lắng nghe ngữ ngôn, mà thiết yếu là thực hành đúng như ngôn thuyết.

7. Uy nghi đầy đủ: Khi thuyết chánh pháp, không hoa tay múa chân, không lắc đầu chớp mắt, mặt không có biến sắc, đi đứng đoan nghiêm nề nếp.

8. Dũng mãnh tinh cần: Thường ưa lắng nghe những pháp chưa được nghe, chuyển vận sao cho sáng tỏ những pháp đã nghe, không xả Du-già, không xả tác ý, tâm không xả ly nội xa-ma-tha.

9. Không có mỗi một: Vì bốn chúng nói rộng diệu pháp mà thân tâm không biết mệt.

10. Đầy đủ nhẫn nhục: Dù bị chửi mắng, trêu tức, quở trách, trợn không đáp lại; nếu bị khinh miệt, không sinh buồn giận, cho đến nói rộng.

[539c21] 7. **Thuyết chúng**: Là nơi mà năm chúng nói tám loại lời nói. Những gì là tám? 1. Lời nói đáng vui mừng; 2. Lời nói khéo khai phát; 3. Lời nói khéo thích nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo thuận nhập; 6. Lời nói dẫn chứng khác; 7. Lời nói thắng biện tài; 8. Lời nói tùy tông thú.

171 Thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, hiển liễu ngữ, dị giải ngữ, nhạo văn ngữ, vô y ngữ, bất nghịch ngữ và vô biên ngữ. Xem ở trên [536b05].

172 Du-già sư địa luận, quyển 38, Bồ tát địa, tr. 503b23~c01: "Sắc thái Bồ tát thuyết chánh pháp, lược có 20: 1. Thời gian; 2. Trọng pháp; 3. Thứ đệ; 4. Tương tục; 5. Tùy thuận; 6. Hoan hỷ; 7. Ái lạc; 8. Duyệt dư; 9. Hân dững; 10. Không gạt bỏ; 11. Ứng lý; 12. Xứng thuận; 13. Vô loạn; 14. Như pháp; 15. Thuận chúng; 16. Tâm từ; 17. Tâm lợi ích; 18. Tâm ai mẫn; 19. Không khen mình chê người; 20. Không dựa lợi dưỡng, cung kính, xưng tụng."



[539c25] *Năm chúng*: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng thanh tịnh tín; 3. Chúng tà oán; 5. Chúng trung bình.

[539c27] *Lời nói đáng vui mừng*: Có năm sắc thái: 1. Có chúng biết nhân quả; 2. Có thí dụ; 3. Ngữ nghiệp đầy đủ; 4. Văn tự cú đẹp đẽ; 5. Ngôn từ rõ ràng.

Lời nói khéo khai phát: Là khai mở để hiển lộ những nghĩa sâu kín, lý luận để sâu sắc những nghĩa thô cạn.

Lời nói khéo thích nạn: Khả năng khéo léo giải thích năm thứ vấn nạn, như trước có nói¹⁷³.

Lời nói khéo phân tích: Phân tích mỗi một pháp, dựa vào đạo lý tăng nhất, cho đến phân tích mười pháp¹⁷⁴; hoặc qua sự phân tích khéo léo ấy, như dựa vào một pháp để kiến lập, dựa vào hai pháp, ba pháp để kiến lập, dựa vào bốn niệm trú v.v... để kiến lập, cho đến nói rộng.

Lời nói khéo thuận nhập: Chỉ khéo giải thích rõ mười hai phần giáo: khế kinh, ứng tụng v.v..., hoàn toàn không dẫn chứng tà đạo, dị luận.

Lời nói dẫn chứng khác: Dẫn những kinh sách khác để xây dựng lập luận.

Lời nói thắng biện tài: Theo những gì mình chấp nhận, khéo phân biệt nghĩa.

173 Năm vấn nạn: Không hiểu nghĩa, lời nói trái ngược nhau, đạo lý trái ngược nhau, hiển thị không nhất định và cứu cánh không thể thấy.

174 Chỉ cho thập thượng pháp, tức pháp thập tiến. Kinh Phúng tụng và kinh Thập thượng là 2 bài kinh rất quan trọng trong việc tìm hiểu chánh pháp do Đức Phật thuyết giảng. Nội dung chứa đựng các phương pháp tu tập được Ngài Xá-lợi-phất và 500 vị tỷ kheo tổng kết, tụng đọc, và được Đức Phật chấp thuận. Có thể xem sự kiện này như là lần kết tập Chánh pháp đầu tiên diễn ra ngay thời đức Phật tại thế. Hai kinh này cùng tóm lược pháp được Đức Phật giảng dạy, có tất cả 329 pháp, gồm: 229 pháp căn bản, từ một pháp đến mười pháp, và 100 pháp được sắp xếp theo 10 đối tượng tu tập (tùy pháp), căn cứ theo tánh chất, mục tiêu của 229 pháp cơ bản trên. Mười đối tượng tu tập gồm: 8 đối tượng thiện, đưa đến an lạc, giải thoát và 2 đối tượng bất thiện, đưa đến đau khổ, sinh tử luân hồi. Mỗi đối tượng có 10 pháp như vậy có tổng cộng 100 pháp.



Lời nói tùy tông thú: Dựa vào ma-đát-lý-ca để phân biệt, chỉ bày; hoặc dựa vào những ngôn giáo của những học thuyết không điên đảo khác mà giải thích hợp lý.

[540a12] Lại nữa, ở trong chúng tại gia, thì nên chê trách các ác hành, khen ngợi các thiện hành, hiện tiền thuyết pháp làm cho họ ngưng dứt [điều ác], tiến tu [điều thiện]. Ở trong chúng xuất gia, thì nên dựa vào tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học, hiện tiền thuyết pháp làm cho chư vị xuất gia mau chóng tu tập viên mãn [ba học ấy]. Ở trong chúng thanh tịnh tín, chúng tà oán và chúng trung bình, thì nên dựa vào Thánh giáo quảng đại uy đức¹⁷⁵, hiện tiền thuyết pháp, theo thứ đệ của các chúng, khiến tăng trưởng hơn nữa, khiến sống trong đức tin¹⁷⁶, khiến phát sinh đức tin thanh tịnh.

175 Chỉ cho giáo lý Đại thừa hay Bồ tát tạng.

176 Xứ trung trú 處中住. Du-già sư địa luận dùng 'xứ trung tín' 處中信.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Ba

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 9)

[540a26] 8. **Thính:** Khi thuyết chánh pháp, vị thầy thuyết pháp cần *an xứ* người nghe để trú trong sự cung kính, để lắng nghe không có đảo ngược.

Hỏi: Vì sao an xứ?

Đáp: Hoặc do một nhân, hoặc cho đến mười nhân.

[540a29] **Một nhân:** Là cung kính lắng nghe chánh pháp, hiện chứng lợi ích và an lạc. Ở đây, có lợi ích, chẳng có an lạc; có an lạc, chẳng có lợi ích; cho đến bốn câu; như trong Bồ-tát địa nói đến *pháp thọ*.¹⁷⁷

[0540b03] **Hai nhân:** Là khéo kiến lập tất cả pháp. *Khéo kiến lập*, là lia tội lỗi và đủ đại nghĩa. Lại nữa, vì người thuyết và người nghe mau chóng chứng đắc quả sa-môn. Nếu không được như vậy, thì người thuyết pháp vất bỏ sự nghiệp của mình, thiết lập ngôn luận một cách trống rỗng; người nghe pháp thì uống công mệt mỏi, không thu hoạch được gì cả.

177 Du-già sư địa luận, quyển 35, Bồ tát địa, tr. 483b11~16: "Đối với 4 pháp thọ, theo thứ đệ tương ứng, nên biết. Thế nào là 4 thứ pháp thọ? (1) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ lạc, đời vị lai thọ quả dị thực khổ; (2) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ quả dị thực lạc; (3) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ lạc, đời vị lai thọ quả dị thực lạc; (4) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ quả dị thực khổ. Bốn pháp này có nói rộng trong các kinh." Xem Trung bộ kinh, Tiểu kinh Pháp hành, số 45: "Này các Tỷ-kheo, có bốn loại pháp hành này. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, và tương lai quả báo cũng lạc." (HT. Thích Minh Châu dịch)



[540b07] *Ba nhân*: Chánh pháp có khả năng khiến chúng sinh từ bỏ ác thú, có được thiện thú và là nhân tố mau chóng dẫn đến niết bàn. Ba sự như vậy toàn do cung kính lắng nghe mới có được.

[540b10] *Bốn nhân*: 1. Khi cung kính lắng nghe thì có thể khéo thấu đạt mười hai phần pháp như khế kinh, ứng tụng, v.v...; 2. Chánh pháp như vậy có năng lực khiến hữu tình từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện. Người khéo nghe pháp chính là người có khả năng tinh cần từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện; 3. Do từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện, mà xả ly nhân ác chiêu cảm quả khổ đời sau; 4. Do nhiếp thọ nhân thiện, từ bỏ nhân ác, mà mau chứng tịch diệt.

Năm nhân: Chánh pháp được thuyết bởi đức Bạc-già-phạm có nhân duyên, có xuất ly, có y thú, có dũng mãnh và có thần biến. Năm câu như vậy được phân biệt rộng trong Nhiếp dị môn phần.¹⁷⁸

[540b17] Lại có năm nhân lắng nghe chánh pháp: (1) Tôi sẽ nghe những gì chưa nghe; (2) Tôi nghe xong, sẽ nghiên cứu; (3) Tôi sẽ đoạn trừ tâm hoại nghi; (4) Tôi sẽ điều phục các kiến chấp; (5) Đối với cú nghĩa sâu kín, tôi sẽ dùng trí tuệ để thấu suốt. Đức Bạc-già-phạm thuyết năm nhân này là để hiển thị phương tiện và cứu cánh của ba thứ diệu tuệ văn, tư, tu: hai nhân đầu hiển thị văn tuệ; hai nhân ở giữa hiển thị tư tuệ; nhân sau cùng hiển thị tu tuệ.

[540b22] *Sáu nhân*: 1. Vì muốn kính báo ân đức đại sư: Đức Phật Thế tôn vì chúng ta mà thực hành vô lượng khổ hạnh khó làm để

178 Du-già sư địa luận, quyển 83, Nhiếp dị môn phần, tr. 761c24~762a01: “Có nhân duyên, là do có duyên khởi mà tất cả các học xứ được chế lập. Có xuất ly, là có vi phạm thì lấy pháp chế lập đúng cách mà xuất ly hoàn tịnh. Có y thú, là do bốn y chế lập (y phần tảo, khát thực, nương dưới gốc cây và nương nơi thuốc hủ lạn) mà siêu việt tất cả giới ác, các sự hủy phạm. Có siêu việt, là chế lập viên ly hai bên: sự thọ dụng dục lạc và tự khổ hạnh; tùy thuận sử dụng (: tác dụng của các pháp) khiến thành tựu. Có thần biến, là do ba thứ thần biến mà được hiển hiện, làm cho mau chóng có được thần thông, chế lập không cách hờ chánh giáo truyền trao.”



cầu được pháp này, vì sao ngày nay chúng ta không biết lắng nghe; 2. Quán tự nghĩa lợi: Chánh pháp của Phật có nghĩa lợi hiện tại¹⁷⁹; 3. Rốt ráo rời xa tất cả nhiệt não; 4. Khéo thuận chánh lý; 5. Dễ dàng thấy rõ; 6. Các bậc thông tuệ nội chứng sở tri.

[540b27] *Bảy nhân*: Là bảy thứ chánh pháp, như kinh có ghi: “*Tôi sẽ tu tập bảy thứ chánh pháp*”, nghĩa là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của bồ-đặc-già-la.¹⁸⁰

[540b29] *Tám nhân*: 1. Phật pháp dễ được, thậm chí vì chiêm-đồ-la¹⁸¹ v.v... mà khai thị; 2. Dễ dàng tu học, đi đứng ngồi nằm đều có thể tu được; 3. Dẫn phát nghĩa lợi: có thể dẫn đến quả thế gian và quả xuất thế gian; 4. Sơ thiện; 5. Trung thiện; 6. Hậu thiện;¹⁸² 7. Cảm quả vui hiện tại; 8. Dẫn quả vui đời sau.

179 Nghĩa lợi hiện tại: Tánh chất thực tiễn, thực tế, rất thiết thực hiện tại của những lời giảng dạy của Thế Tôn: “Pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” (Tăng chi bộ kinh, VI.47) “Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra! Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy. Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? „Đây là Khổ“, này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. „Đây là Khổ tập“, là điều Ta nói. „Đây là Khổ diệt“, là điều Ta nói. „Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt“, là điều Ta nói. Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.” (Tương ưng bộ, 56.31, Simsapà)

180 Xem Trung A-hàm, phẩm Bảy pháp, kinh Thiện pháp: “Nếu có Tỷ-kheo thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền thánh, thắng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Phật thuyết Thất tri kinh 佛說七知經, No. 27, tr. 810a06~b28. Tăng nhất A-hàm, phẩm Đẳng pháp. Tập dị môn túc luận 集異門足論, No. 1536, quyển 17, tr. 437b18~c10. Đại Tỳ bà sa luận, No. 1545, quyển 31, tr. 160c06~11.

181 Chiêm-đồ-la 旃荼羅 (s: *Candāla*): chỉ tầng lớp cùng đinh trong xã hội Ấn Độ ngày xưa, chuyên làm nghề đồ tể, săn bắt, bán hàng rong. Theo Ma-nô pháp điển, dòng họ chiêm-đồ-la là do pha trộn hai huyết thống, cha là Thủ-đà-la, mẹ là Bà-la-môn.

182 Trung bộ kinh, kinh Canki, số 95: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!”. (HT. Thích Minh Châu dịch)



[540c04] *Chín nhân*: Có khả năng thoát chín sự bức bách: 1. Ra khỏi lao ngục lớn là sinh tử; 2. Vĩnh đoạn những trói buộc vững chắc là tham, sân, si, v.v...; 3. Phá nát bảy thứ nghèo khó lớn và xây dựng bảy thứ giàu có lớn¹⁸³; 4. Thiện hành lắng nghe chánh pháp bằng cách vượt qua sự nghèo thiếu và xây dựng sự giàu đủ; 5. Diệt bóng tối vô minh, khởi ánh sáng trí tuệ; 6. Vượt bốn bậc lưu¹⁸⁴, lên bờ niết bàn; 7. Đối trị phiền não là các bệnh trong tâm; 8. Giải thoát tất cả lưới tham ái; 9. Khả năng vượt qua các hành tạp nhiễm rừng rậm, đồng rộng của sự sinh tử từ vô thủy.¹⁸⁵ Trong các lao ngục thì lao ngục sinh tử là quan trọng nhất, cho nên nói đầu tiên.

[540c13] *Mười nhân*:

1. Cung kính nghe pháp của Như lai, rồi được cái lực tư trạch, nhờ đó tiếp nhận những nghĩa lợi của pháp đã nghe; như pháp cầu tài sản, không lấy phi pháp; thấy sâu tội lỗi khi thọ dụng tài sản.
2. Khéo biết xuất ly: thoát mất tài bảo mà không lo, không rầu, cũng không than oán; cho đến nói rộng quyền thuộc chia lìa, mất

183 Bảy thứ giàu có lớn, chỉ cho bảy Thánh tài: 1. Tín; 2. Tiến; 3. Tàm; 4. Quý; 5. Văn; 6. Xả; Tuệ. Ngược lại đây là 7 thứ nghèo khó lớn.

184 Bốn bậc lưu: Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu và vô minh bậc lưu. “Này các Tỷ-kheo, có bốn bậc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bậc lưu này. Chính vì mục đích muốn thắng trí, muốn liễu trí, muốn đoạn diệt, muốn đoạn tận bốn bậc lưu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.” (Tương ưng, 171.I. Bậc lưu)

185 Kinh Đại Báo tích, quyển 115, Pháp hội Vô Tận Huệ Bồ tát: “Này Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Lục Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Biết rừng rậm tâm hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm phiền não hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm ý lạc thắng giải hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm các thứ giới hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tùy phiền não hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tập khí phiền não hành của tất cả chúng sanh và dùng tâm không môi nhọc thành thực rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sanh.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch) Kinh Hoa nghiêm, quyển 68, phẩm Nhập pháp giới: “Bồ tát muốn thường nhiếp ngự tất cả chúng sanh, muốn vượt khỏi rừng rậm, đồng rộng sanh tử ... Vì người bị nạn nơi rừng rậm, đồng rộng mà hiện ra chỉ đường cho họ. Nguyện tất cả chúng sanh chốn rừng rậm kiến chấp, chặt tấm lưới tham ái, thoát đồng rộng sanh tử, diệt bóng tối phiền não, vào đường bằng thẳng Như thiết trí, đến chỗ vô úy rất rạo an lạc.”



mất, không quá đau buồn; nếu mắc bệnh nặng cũng không sầu não.

3. Thấy sâu các dục có nhiều tội lỗi, và thấy xuất ly công đức tối thắng; từ bỏ gia đình, đi vào đạo pháp, lìa những tham trước đối với đồ nằm, v.v... tốt đẹp, cho đến chứng đắc các tính lự vi diệu.

4. Cung kính lắng nghe chánh pháp không có đảo ngược, có thể tùy thuận chứng giải các pháp duyên khởi quảng đại sâu xa, tương tự sâu xa. Lại có thể dẫn phát thiện căn quảng đại, xuất ly, hoan hỷ; như đức Bạc-già-phạm nói: “*Các Thánh đệ tử của Ta chuyên nhất tâm ý, lắng nghe chánh pháp, có thể đoạn năm pháp, có thể tu bảy pháp, mau chóng viên mãn.*”¹⁸⁶

5. Các Thánh đệ tử cung kính nghe pháp, bao nhiêu pháp tập khởi đều chuyển thành pháp đoạn diệt.¹⁸⁷

6. Sau khi hiểu được chánh pháp thì viễn ly trần cấu, ở trong các pháp sinh *chánh pháp nhãn*.¹⁸⁸

186 Tạp A-hàm, kinh Thất giác chi, số 709: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. “Nếu Tỷ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãi túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãi túc.” Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

187 Khi mười hai nhân *duyên sinh* tập khởi thì đồng nghĩa với toàn bộ khổ uẩn khởi. Khi mười hai nhân duyên đoạn diệt thì đồng nghĩa với toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt.

188 Tạp A-hàm, kinh 379, Chuyển pháp luân: “Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.” Đại tỷ bà sa luận 大毘婆沙論, quyển 182: “Như khế kinh nói: ‘Khi đức Phật nói pháp môn này, cụ thọ Kiều-trần-na và tám ngàn chư thiên viễn ly trần cấu, ở trong các pháp sinh tịnh pháp nhãn.’ Ở đây, viễn trần, là viễn tùy nhãn; ly cấu, là ly trần cấu; ở trong các pháp, là ở trong bốn Thánh đế; sinh tịnh pháp nhãn, là thấy bốn Thánh đế thì tịnh pháp nhãn phát sinh.” (tr. 913b05-09) Tịnh pháp nhãn phát sinh sau khi chư vị thể nhập chánh tánh ly sinh, tức kiến đạo. Chánh tánh là vô lậu tuệ, ly sanh là lìa phiền não (loại phân biệt). Phiền não này gọi là sinh vì như đồ ăn sống, ăn vào sinh bịnh, phiền não này sinh ra chúng sinh nên gọi là sinh. Vô lậu tuệ đoạn trừ cái sinh ấy nên gọi là chánh tánh ly sinh.



7. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương tối thắng để chứng quả Dự lưu; cho đến chứng được quả A-la-hán và có thể dẫn nhiếp tư lương tối thắng để chứng quả A-la-hán.¹⁸⁹

8. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương Độc giác.

9. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

10. Dẫn phát tất cả tinh lự, đẳng trì, đẳng chí, đẳng định của thế gian và xuất thế gian.

[541a01] 9. **Tán Phật lược quang:** Khi thuyết chánh pháp, vị thầy thuyết pháp trước phải ca ngợi đức Phật. Ca ngợi có hai thứ: lược và quang.

[541a03] **Lược ca ngợi:** Có năm thứ: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hành; 5. Uy đức.

Diệu sắc: Ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Tịch tĩnh: Khéo thủ hộ các căn môn v.v... và vĩnh viễn nhỏ bặt phiền não tập khí.

Thắng trí: Ở trong thời gian quá khứ, vị lai, hiện tại, đối với pháp thế gian và pháp phi thế gian thì không có gì chướng ngại.

Chánh hành: Lợi lạc mình người, chánh hành viên mãn.

Uy đức: Thần thông du hí của Như lai.

Lược ca ngợi Như lai lại có sáu thứ: (1) Công đức viên mãn; (2) Rời cầu nhiễm; (3) Không có trước ược; (4) Không ai sánh bằng; (5) Lấy việc lợi sinh làm sự nghiệp; (6) Nghiệp dụng lợi sinh được

189 Tư lương tối thắng chỉ cho Dự lưu hướng, Nhất lai hướng, Bất hoàn hướng, A-la-hán hướng. Tư lương cho quả Dự lưu là thân cận bậc chân nhân, biết nghe diệu pháp, như lý tác ý và thực hành pháp.



tự tại. Muốn phân biệt rộng thì xem Nhiếp quyết trạch phần.¹⁹⁰

Quảng ca ngợi: Là rộng rãi ca ngợi Như lai có vô biên công đức, như nói đức Bạc-già-phạm có vô biên danh xưng, có đức vô lượng; có thể chiếu ánh sáng, phát ra ánh sáng trí tuệ; có thể trừ bóng tối, vĩnh viễn diệt tất cả vô trí ám¹⁹¹; thành tựu minh nhãn¹⁹², có đủ ba nhãn¹⁹³; thấy thắng nghĩa đế, thấu suốt các Thánh đế không gì sánh; thành tựu giới cấm, đầy đủ tăng thượng tịnh giới.

[541a17] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là bậc tôn cao trong các loài hai chân¹⁹⁴, là bậc hơn cả trong các bậc điều ngự, là bậc tốt đẹp đặc biệt trong chúng sa-môn, là trân bảo khó được trong thế gian.

[541a19] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là người thương mọi vật, người yêu hữu tình, người ưa làm nghĩa, người cầu lợi vật, người thương xót hiện tiền.

[541a21] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là mắt, là trí, [là nghĩa, là pháp,] thông suốt chân lý, với nghĩa sâu kín quyết định hiểu rõ; ¹⁹⁵ hễ làm việc gì đều y theo nghĩa mà chuyên.

190 Du-già sư địa luận, quyển 74, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 707c15~708b13.

191 Vô trí ám = sự mờ tối của vô minh.

192 Minh nhãn: Mắt sáng, chỉ cho tuệ giác của bậc Thánh. Đức Phật cũng tự cho mình là một A-la-hán, cách mà Phật đi đến giác ngộ cũng giống hết những vị A-la-hán khác, nhưng vì trong vô số kiếp trước Phật đã xả thân làm lợi ích cho chúng sinh, thực hành Bồ tát hạnh nên khi đắc đạo ngài có thần thông, trí tuệ, dung mạo, công đức... cực kỳ cao quý, phi phàm, vượt xa những A-la-hán đệ tử sau này.

193 Ba nhãn: 1. Nhục nhãn; 2. Thiên nhãn; 3. Tuệ nhãn. Theo Du-già sư địa luận, quyển 14: Nhục nhãn có thể thấy sắc chất có hình tướng và không bị chướng ngại. Thiên nhãn có khả năng thấy được sắc chất hiển lộ hay không hiển lộ, có chướng ngại hay không chướng ngại. Tuệ nhãn, cũng gọi Thánh tuệ nhãn, có năng lực nhìn thấu tất cả các pháp có sắc chất hay không có sắc chất (vật chất và tinh thần). (tr. 349c08-13)

194 Lương túc trung tôn: Lương túc là 2 chân, hay đủ cả hai. Có 2 nghĩa: 1. Ở giữa chư thiên và nhân loại, là những loài sanh ra có 2 chân thì Phật là bậc đáng tôn quý nhất; 2. Lương túc tôn là bậc tôn cao vì phước tuệ toàn hảo.

195 Du-già sư địa luận, quyển 84: "Đức Phật Thế tôn là mắt, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ câu sinh; là trí, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ gia hành; là nghĩa, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ do tư làm thành; là



[541a23] Lại nói, đức Bạc-già-phạm có thể chứng tất cả nghĩa chưa được chứng: trước là chứng tám chi Thánh đạo, là tự nhiên chứng, là lập Thánh phạm hạnh chưa từng lập¹⁹⁶.

Lại nói, đức Bạc-già-phạm biết Thánh đạo, chi Thánh đạo, nói Thánh đạo, dẫn Thánh đạo.

Lại nói, đức Bạc-già-phạm là sư tử trong loài người, vì là sợ hãi; là ngư vương trong loài người, vì chế ngự đại chúng; là bậc điều ngự trong loài người, vì làm thượng thủ của đại chúng; là long vương trong loài người, vì không sai lầm; là ngựa hay trong loài người, vì tâm điều thuận; là bậc tối thắng trong loài người, vì gia tộc, sắc tướng v.v... vượt hơn các chúng; là bậc tối thượng trong loài người, vì giới hạnh, trí tuệ, uy đức tối thắng vượt hơn mọi người; là hoa sen trong loài người, vì không bị nhiễm ô bởi tám pháp thế gian¹⁹⁷; là bậc vô đẳng, vì không ai sánh bằng; là bậc vô đẳng đẳng¹⁹⁸, vì quá khứ, vị lai, hiện tại không có ai đồng đẳng với chư thiện thế¹⁹⁹; là bậc đệ nhất, vì tối thượng trong các hữu tình; là bậc đại tiên, vì gìn giữ thượng thi-la²⁰⁰, trường thời tích tập các phạm hạnh, chứng pháp sở chứng của bậc đại tiên xưa kia; là

pháp, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ do văn làm thành. Với nghĩa không hiểu rõ thì quyết định hiểu rõ, nghĩa là tất cả nghi hoặc đều có thể đoạn trừ. Có thể làm chỗ nương tựa cho tất cả nghĩa, nghĩa là có thể dẫn phát tất cả sự hưng thịnh của thế gian và xuất thế gian.” (tr. 767c25~768a01) Kinh Thắng man, Nhiếp thọ: “Bạch Thế Tôn, con thấy sự nhiếp thọ Chánh pháp có sức mạnh lớn như vậy. *Phật là con mắt chân thật*, là trí chân thật, là gốc rễ của pháp, là bậc thấu suốt pháp, là nơi nương tựa của chánh pháp, tất nhiên cũng biết và thấy như vậy.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

196 Thánh phạm hạnh: là 4 Thánh phạm hạnh hay 4 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.

197 Chỉ cho đức tánh bất phong bất động của ứng thân Phật. Tám thứ gió không làm lay động: lợi và suy, là được hay mất sự vừa ý; hỷ và dự, là khen hay chê sau lưng; xung và cơ, là khen hay chê trước mặt; khổ và lạc, là khổ hay vui tâm ý.

198 Vô đẳng đẳng 無等等: Bậc đủ phẩm chất không có gì có thể đồng đẳng.

199 Thiện Thế 善逝: là như thật đi qua bờ bên kia, không còn trở lại biển sinh tử chìm đắm nữa.

200 Thượng thi la 上尸羅: Thập trụ đại tỷ bà sa 十住毘婆沙論, No. 1521: “Nếu vô ngã, ngã sở, viễn ly các hý luận, tất cả không sở đắc, gọi là thượng thi-la.” (tr. 110c17)



bậc tối thắng, vì điều phục tất cả thiên ma, ngoại đạo, phiền não v.v...; là đại mâu-ni, vì không có tất cả trạo cử, kiêu mạn v.v..., và ba tịch tĩnh²⁰¹ tương ưng đầy đủ; là bậc không thể dẫn đoạt, vì tất cả sinh loại và các dị luận không thể đoạt lấy; là bậc mộc dục²⁰², vì là các điều ác, đến bờ bên kia, vượt qua tất cả tát-ca-da kiến.

[541b10] Lại nói, Như lai, Ứng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trọng phu, Thiện điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.²⁰³

[541b12] Lại nói, bạch pháp viên mãn²⁰⁴, là bậc Nhất thiết trí, là vua của chánh pháp, không quên mất pháp, là tối thắng của các hữu tình kiên cố, tất cả khổ vui không quấy rối tâm.

[541b14] Lại nói, là bậc thiện điều, vì khéo đầy đủ sự mật hộ căn môn; là bậc tịch tĩnh, vì khéo đầy đủ sự thọ trì tịnh thi-la; là bậc an ổn, vì đã đi vào quyết định địa; là bậc bát niết bàn, vì đã chứng bồ-đề; là bậc nhỏ mũi tên độc, vì vĩnh viễn nhỏ bỏ tất cả mũi tên hữu ái.

[541b18] Lại nói, là bậc điều phục những gì chưa điều phục; là bậc tịch tĩnh những gì chưa tịch tĩnh, như trước đã nói; là bậc an ổn những gì chưa an ổn, vì khéo kiến lập các phàm phu, v.v... khiến chứng quả Dự lưu, Nhất lai.

[541b21] Lại nói, là bậc không gông cùm, là bậc thoát khỏi hầm

201 Ba tịch tĩnh: Là ba nghiệp vắng lặng: thân mâu-ni, ngữ mâu-ni và ý mâu-ni.

202 Mộc dục 沐浴: tắm gội.

203 Ứng = Ứng cúng; Chánh đẳng giác (chánh đẳng chánh giác) = Chánh biến tri; Minh hạnh viên mãn = Minh hạnh túc; Vô thượng trọng phu = Vô thượng sĩ; Thiện điều ngự sĩ (Điều ngự sĩ) = Điều ngự trọng phu. Bạc-già-phạm (Bhagavan) = Thế tôn: đáng có 10 đức hiệu nên tôn xưng là Thế tôn.

204 Nhiếp luận: “Sắc thái bạch pháp thành tựu [của Pháp thân], là do 6 ba la mật viên mãn mà được 10 tự tại. Tự trung, sống lâu tự tại, tâm thức tự tại và đồ dùng tự tại, là do viên mãn thí ba la mật; nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới ba la mật; thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn ba la mật; nguyện tự tại là do viên mãn tiến ba la mật; thần lực tự tại, thông nhiếp tất cả ngũ thông, là do viên mãn định ba la mật; trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn tuệ ba la mật.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



lửa; là bậc vượt qua hào sâu [vô minh]; là bậc chế ngự tìm cầu các dục; là bậc không lay động; là bậc bẻ gãy cờ kiêu mạn; là bậc đại thường trú.

[541b23] Lại nói, là bậc đại A-la-hán, các lậu vĩnh viễn đoạn tận, như trước đã nói²⁰⁵; cho đến hết các hữu kết.

[541b25] Lại nói, vĩnh đoạn năm chi phần²⁰⁶, thành tựu sáu chi phần²⁰⁷; như vậy nói rộng cho đến thuần thiện đốn chứa Vô thượng trọng phu.

[541b27] Lại nói, là bậc khéo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của bồ-đặc-già-la.

Lại nói, là vị đại sa-môn, vị đại bà-la-môn, bậc ly cấu, bậc vô cấu, vị lương y²⁰⁸, vị thương chủ²⁰⁹, bậc thắng quán sát, đáng thế gian y, bậc chúng sinh tôn.

Ở đây, *ly cấu* là phiền não chướng đã đoạn; *vô cấu* là sở tri chướng đã đoạn. Lại nữa, vĩnh viễn nhổ bỏ tập khí, gọi là *vô cấu*. Ngày đêm sáu lần quán sát thế gian, gọi là *thắng quán sát*.

205 Du-già sư địa luận, quyển 34: "Bấy giờ thành A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết." (tr. 477a13~15)

206 Vĩnh đoạn năm chi phần: Diệt 5 triền cái. Tăng chi bộ kinh, phẩm Hộ trì, Thánh cư: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đoạn tận năm chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân, đoạn tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối, đoạn tận nghi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần." (HT. Thích Minh Châu dịch)

207 Thành tựu sáu chi phần: Thành tựu sự chế ngự 6 căn môn đối với 6 trần, còn gọi là 6 hằng trú hay 6 đẳng pháp. Tăng chi bộ kinh, phẩm Hộ trì, Thánh cư: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả chánh niệm tinh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc, khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tinh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần."

208 Tập A-hàm, kinh Lương y, số 389.

209 Thương chủ dẫn dắt đàn thương nhân.



Lại nói, là bậc nhất thiết chủng thiện thanh tịnh²¹⁰; là bậc trang nghiêm thân bằng tướng tốt đại trọng phu và vẻ đẹp tùy hình; là bậc đại lực với đầy đủ mười lực; là bậc vô sở úy với đầy đủ bốn vô úy; là bậc thành tựu đại bi; là bậc an trú niệm với ba niệm trú; là bậc thành tựu ba thứ bất hộ; là bậc không quên mất pháp; là bậc vĩnh hại tất cả phiền não tập khí; là bậc đầy đủ tất cả thứ diệu trí.²¹¹

Ở đây, đại bi là vì đốn chứa trong thời gian lâu xa, nghĩa là trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới được thành mãn. Lại nữa, đại bi thì duyên theo tất cả chúng sinh, duyên tất cả thứ khổ làm cảnh giới;²¹² đại bi thì không thể thoái chuyển đối với tất cả tổn não, biến dị, lợi dưỡng, v.v... của chúng sinh; đại bi thì khởi bình đẳng hạnh đối với tất cả hữu tình.

[541c12] 10. **Học thắng lợi:** (1) Vị thầy thuyết pháp nên dựa vào sự kiến lập giải thích kinh pháp tướng như vậy, trước phải tìm cầu văn hay nghĩa, sau đó hiểu rõ năm thứ thích²¹³ đã nói ở trước, rồi vì người giải thích đạo lý khi thuyết chánh pháp.

(2) Tiếp theo nên an lập tự thân, như trước đã nói về sắc thái của vị thầy thuyết pháp, nghĩa là tròn đầy mười thứ: khéo biết pháp nghĩa v.v...²¹⁴

210 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 13, phẩm Kính Phật: "Công đức thù thắng của bốn tướng thanh tịnh, đó là: 1. Thân thanh tịnh; 2. Duyên thanh tịnh; 3. Tâm thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh. Giữ bồ trí, hiển thị thân thanh tịnh, là năng lực giữ, bỏ hay trú ở sự sống lâu của thân mạng một cách tự tại. Biến hóa, hiển thị duyên thanh tịnh, là năng lực chuyển đổi và biến hóa các cảnh giới một cách tự tại. Định, hiển thị tâm thanh tịnh, là năng lực xuất nhập các định một cách tự tại. Trí, hiển thị trí thanh tịnh, là năng lực biết các cảnh giới vô ngại một cách tự tại."

211 Xem Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4.

212 Du-già sư địa luận, quyển 44: "Bồ tát đối với hữu tình giới quán thấy 110 thứ khổ; đối với các hữu tình tu tâm bi vô lượng." (tr. 536a02)

213 Năm thứ thích: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

214 Mười thứ: 1. Khéo biết pháp nghĩa; 2. Khả năng tuyên thuyết rộng khắp; 3. Đầy đủ sự vô úy; 4.



(3) Như vậy tự an lập rồi, sau dựa vào đạo lý sai biệt đã nói ở trước²¹⁵ mà khởi ngôn thuyết, nghĩa là ở trong năm chúng²¹⁶, dùng tám loại ngôn từ: lời nói đáng vui mừng, v.v..., như trước đã nói²¹⁷, vì chúng thuyết pháp.

(4) Lại phải an xứ thính chúng khiến họ cung kính lắng nghe không có đảo ngược.

(5) Lại phải ca ngợi công đức của đức Phật²¹⁸ trước khi thuyết pháp.

Có đầy đủ năm phần thuyết chánh pháp như vậy, thì cũng như năm phần âm nhạc²¹⁹, có thể làm cho mình người sinh hoan hỷ lớn, có thể dẫn phát lợi ích mình người.

Lại nữa, nếu có thể khéo tu học như vậy, thì đầy đủ năm thứ thắng lợi: 1. Không khó hiểu rõ nghĩa lý của lời Phật dạy; 2. Có thể khéo tròn đầy sắc thái của sự thuyết pháp; 3. Có thể khéo khởi phát sự hoan hỷ lớn lao, liên tục cho mình và người; 4. Có thể dẫn ra sự khéo xuất ly, cho đến danh tiếng rộng khắp trong loài người và cõi trời; 5. Sinh khởi vô lượng công đức tối thắng.

Ngôn từ khéo léo; 5. Thiện xảo phương tiện thuyết; 6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành; 7. Uy nghi đầy đủ; 8. Dũng mãnh tinh cần; 9. Không có mỗi mệt; 10. Đầy đủ nhẫn lực.

215 Chỉ cho đạo lý tăng nhất trong kinh Thập thượng.

216 Năm chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng thanh tịnh tín; 3. Chúng tà oán; 5. Chúng trung bình.

217 Tám loại ngôn từ: 1. Lời nói đáng vui mừng; 2. Lời nói khéo khai phát; 3. Lời nói khéo thích nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo thuận nhập; 6. Lời nói dẫn chứng khác; 7. Lời nói thắng biện tài; 8. Lời nói tùy tông thú.

218 Chánh văn là Đại sư, cũng chỉ cho đức Phật. Ca ngợi đức Phật có lược, có quảng.

219 Năm phần âm nhạc: Là ngũ cung: cung, thương, giác, trung, vũ 宮,商,角,徵,羽; ngũ âm này biểu tượng cho quân, thần, dân, sự và vật.



[541c26] Lại nữa, như đức Phật đã thuyết kinh *Trú học thắng lợi*.²²⁰ Thể tánh của kinh này gồm văn và nghĩa.

Về **văn**, kinh này nói: “*Bí-sô các ông cần phải an trú tu học thắng lợi.*” Ở đây có mười hai tự, bốn danh, một cú.²²¹ Như vậy là nhiếp lấy danh thân, cú thân và tự thân.

Ở đây, ngôn thuyết là sắc thái các học xứ, nên nhiếp vào *hành tướng*. Ngôn thuyết của Như lai vốn là do chư vị bí-sô thưa hỏi, nên nhiếp vào *cơ thỉnh*. Ngôn âm được thuyết bởi Như lai thì nhiếp vào *ngữ*. Tóm lại, một câu của kinh này nhiếp đủ sáu thứ của văn²²².

Như vậy, những câu “*trí tuệ là hơn hết v.v...*”²²³ tương ứng theo trên mà biết.

[542a04] Lại nữa, về **nghĩa**²²⁴: (1) Trong *nghĩa của các địa*, chỉ nói về nghĩa của Thanh văn địa, hoặc nói đủ năm địa. Kinh nói “*học thắng lợi*” là tư lương địa; “*trí tuệ là hơn hết*” là phương tiện địa; “*giải*

220 Tạp A-hàm, kinh Học, số 826: “Này các Tỳ kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng, khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ kheo nhờ giới mà được phước lợi.” (Thích Đức Thắng dịch) Giới luật đức Phật đã chế định đều có cái công năng đoạn trừ phiền não, thanh tịnh thân tâm, trang nghiêm Tăng già, giải thoát sinh tử, chứng Niết-bàn. Đó gọi là thắng lợi hay phước lợi, cụ thể là 10 công đức, mục đích, lợi ích nêu trong đoạn kinh văn, mà luật Tứ phần gọi là Thập cú nghĩa, luật tạng Páli gọi là Thập lợi.

221 “Bí-sô các ông cần phải an trú tu học thắng lợi” là 12 tự. “Bí sô các ông” là danh thứ nhất; “cần phải an trú” là danh thứ hai; “tu học” là danh thứ ba; “thắng lợi” là danh thứ tư. Mười hai tự và 4 danh thành 1 cú.

222 Văn có sáu thứ: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh.

223 Tạp A-hàm, kinh Học, 826: “Thế nào trí tuệ là hơn hết? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là hơn hết.”

224 Nghĩa có 10 thứ: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của sở trí; 8. Nghĩa của năng trí; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.



thoát kiên cố” và “niệm là tăng thượng”²²⁵ là kiến địa, tu địa và cứu cánh địa. Đó gọi là nghĩa của các địa.

[542a08] (2) Trong nghĩa của tướng, “học thắng lợi” là tự tướng của giới; “trí tuệ là hơn hết” có đủ hai thứ tướng: trong sở y của tuệ, trợ bạn của tuệ v.v..., chỉ có tự thể của tuệ là tự tướng; quyền thuộc và sở duyên của tuệ v.v... gọi là cộng tướng²²⁶; “giải thoát kiên cố”, nghĩa là vĩnh ly tất cả phiền não thô trọng, là tự tướng của giải thoát; “niệm là tăng thượng” là tự tướng của niệm. Đại loại như vậy gọi là nghĩa của tướng.

[542a13] (3) Trong nghĩa của tác ý²²⁷, “học thắng lợi” không phải là thể của tác ý, chỉ hiển thị xứ sở mà tác ý kiến lập; “trí tuệ là hơn hết” hiển thị hai thứ tác ý là liễu tướng và thắng giải; “giải thoát kiên cố” hiển thị bốn thứ tác ý là viễn ly, nhiếp lạc, phương tiện cứu cánh và phương tiện cứu cánh quả; “niệm là tăng thượng” hiển thị tác ý quán sát. Đại loại như vậy gọi là nghĩa của tác ý. Do đạo lý này, đối với trí v.v...²²⁸ cũng nên tùy trường hợp mà phân biệt.

[542a19] (4) Trong nghĩa của xứ sở²²⁹, y nơi niết bàn mà nhiếp

225 “Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.”

“Thế nào là Tỳ-kheo niệm là tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niệm an trụ; điều chưa được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niệm an trụ. Điều đã được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niệm an trụ. Pháp chưa được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Pháp đã được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng lên.”

226 Hiển dương, quyển 8, [519c14]: “Thanh văn thừa có bảy hành tướng thì thiết kiến lập: 1. Cái tuệ không đảo ngược đối với bốn Thánh đế; 2. Sở y của tuệ này; 3. Sở duyên của tuệ này; 4. Trợ bạn của tuệ này; 5. Tác nghiệp của tuệ này; 6. Tư lương của tuệ này; 7. Chứng quả của tuệ này.”

227 Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả.

228 Chỉ 10 trí, 6 thức thân, 9 thứ biến trí, 3 giải thoát môn.

229 Nghĩa của xứ sở có ba thứ: 1. Sự y xứ; 2. Thời y xứ; 3. Bồ-đặc-già-la y xứ. Sự y xứ có 3 thứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đắc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ. Căn bản sự y xứ có 6 thứ: 1.



thọ học giới là dựa vào *thanh tịnh hành*; theo chỗ thích ứng khởi *dạy bảo*, v.v... gọi là chỉ bày, dạy bảo, khen ngợi, vui mừng. Nên biết, ở đây cũng bao gồm thiện hành, phi khổ hành, thuận tiến phần hành, tự nghĩa hành, tha nghĩa hành; nhưng theo sự tối thắng nên chỉ nói thanh tịnh hành và chỉ y cứ xuất gia bồ-đặc-già-la. Lại nữa, đối với tất cả chúng sinh: độn căn, lợi căn v.v...²³⁰ cần phải phát khởi các sự: vui mừng v.v..., nghĩa là dựa vào thời quá khứ, hiện tại khởi sự *vui mừng*, vì đã chứng đắc, vì chánh chứng đắc; dựa vào thời hiện tại, khởi sự *chỉ bày*; dựa vào thời vị lai, khởi sự *dạy bảo* và *khen ngợi*. Đó gọi là nghĩa của xứ sở.

[542a27] (5) Trong nghĩa của tội lỗi, người xuất gia thì không nên hành những hành động dị biệt, không nên tích trữ tài vật khác²³¹.

[542a29] (6) Trong nghĩa của thắng lợi, tu ba học đầy đủ thì đáng để xưng tán.

(7) Trong nghĩa của sở trị, là phạm thi-la, vô trí, phiền não và quên mất niệm.

(8) Nên biết, phòng hộ thi-la v.v... tức là nghĩa của năng trị.

Lại nữa, tất cả *tạp nhiễm hành* đều là nghĩa của sở trị; *các hành ba học v.v...*²³² là nghĩa của năng trị.

[542b04] (9) Trong nghĩa của sơ lược, là “trí học thắng lợi”

Thiện thú; 2. Ác thú; 3. Thoái đọa; 4. Thăng tiến; 5. Lưu chuyển (sinh tử); 6. Tịch diệt (niết bàn). Đắc phương tiện sự y xứ có 12 thứ: 1. Dục hành; 2. Ly hành; 3. Thiện hành; 4. Bất thiện hành; 5. Khổ hành; 6. Phi khổ hành; 7. Thuận thoái phần hành; 8. Thuận tiến phần hành; 9. Tạp nhiễm hành; 10. Thanh tịnh hành; 11. Tự nghĩa hành; 12. Tha nghĩa hành. Bi mãn tha sự y xứ có 5 thứ: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ bày; 3. Dạy bảo; 4. Khen ngợi; 5. Vui mừng.

230 Hai mươi bảy bồ-đặc-già-la.

231 Tài vật khác là ngoài 6 vật của tỳ kheo, còn gọi là “3 y 6 vật”: 3 y, bát, tọa cụ và dây lọc nước.

232 Là thanh tịnh hành, gồm 3 học và 5 địa.



cho đến “*niệm là tăng thượng*”. Phần sơ lược trình bày tông chỉ, gọi là nghĩa của sơ lược.

(10) Trong *nghĩa của quảng đại*, là phân biệt rộng ra phần sơ lược. Nên biết, đó là nghĩa của quảng đại. Ngoài ra không gì thêm nữa.

[542b07] Lại nữa, ở trong *giải thích*:²³³

(1) **Pháp**: Mười hai phần giáo được nhiếp trong *khế kinh*, cũng được nhiếp trong *ký biệt*, vì hiểu pháp nghĩa.

[542b09] (2) **Đẳng khởi**: Vì hiển thị tự thể của *biến hành hành trí lực*²³⁴ mà phát khởi kinh này; lại vì hiển thị sự tinh cần tu tập *thanh tịnh hành* và hiển thị sự yêu quý tài vật thế gian, khiến chúng sinh được hóa độ tin hiểu mà dựa vào “*trú học thắng lợi*” v.v..., tinh cần tu tập để mau được viên mãn ba học thắng lợi.

Lại vì hiển thị thể của bí-sô qua bốn thứ: Kinh nói, (i) “*học thắng lợi*” là vì thể của bí-sô nên phải rời xa chùng tánh, hình tướng [thế tục], và vì thể của bí-sô nên phải rời xa sự giả dối hiện tướng gìn giữ quý tác, uy nghi.

(ii) Lại nói, “*trí tuệ là hơn hết*” là vì thể của bí-sô nên phải rời xa chấp trước danh xưng hư vọng.

(iii) “*Giải thoát kiên cố*” và (iv) “*niệm là tăng thượng*” là vì thể của bí-sô nên phải khuyên họ tu tập chánh hành chân thật. Vì sao? Hoặc có người ưa thích danh xưng v.v..., chỉ vì danh xưng v.v... của mình mà cố gắng nghe nhận chánh pháp chứ không vì tăng trưởng trí tuệ; hoặc có người rời xa những lầm lỗi nói trên, đó gọi là chánh

233 Thích có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

234 *Biến hành hành trí lực* 行行智力: Lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật tướng hoạt động cùng khắp của các loại hữu tình, thì đó là biến hành hành trí lực.



hành chân thật, nhiếp thọ trong chánh giải thoát, ưa muốn chứng đắc.

Lại vì những người đối với pháp thấp kém mà biết đủ, thì khuyến khích họ tu học pháp tăng thượng: (i) Với người thích tìm cầu, tùy thuận văn chương thế gian, chú thuật, đối với giới luật thì biếng nhác, trì hoãn, thì vì họ nói “*học thắng lợi*”. (ii) Với người chỉ biết gìn giữ thi-la, chối bỏ đa văn, thì vì họ nói “*trí tuệ là hơn hết*”. (iii) Với người chỉ biết văn, tư, cho là đủ, thì vì họ nói “*giải thoát kiên cố*”. (iv) Với người có giới, tuệ và giải thoát mà sinh tăng thượng mạn, thì vì họ nói “*niệm là tăng thượng*”. Đại loại như vậy gọi là đẳng khởi.

[542b27] (3) **Nghĩa**: Trong nghĩa chung, kinh này tuyên thuyết chánh hành và quả của chánh hành. Như vậy ba học: tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ; được gọi là *phần lượng của sự học*²³⁵.

Kinh nói: “*như thị trú*”, là hiển thị chánh phương tiện hành được nhiếp trong bốn thứ Du-già²³⁶.

Lại nói: “*như thị trú ba học*”, là hiển thị quả của chánh hành. Ở đây, *tín* và *dục* làm đầu để nhiếp thọ thi-la. Khi lắng nghe, tiếp nhận chánh pháp, nhờ sức *chánh cần* để tu tập tuệ v.v... cần mượn *phương tiện*²³⁷.

Trong nghĩa riêng, gọi là *học*, (i) tức là “*tinh tiến*”, “*như Thánh giáo hành*”, “*hoặc tập*”, “*hoặc tu*”, gọi là *phân biệt sai biệt danh*. (ii)

235 Phần lượng của sự học: Ranh giới của sự học.

236 *Hiển dương*, quyển 7, *Nhiếp tịnh nghĩa*, phần 3, [513c25]: “Bốn thứ Du-già để chánh học các học xứ: 1. Tín; 2. Dục; 3. Chánh cần; 4. Phương tiện.”

237 *Hiển dương*, quyển 7, *Nhiếp tịnh nghĩa*, phần 3, [514a19]: “Phương tiện: Có bốn thứ: (1) Do cái lực tăng thượng của sự thủ hộ thi-la và sự thủ hộ các căn làm cho luật nghi các căn được thanh tịnh, khéo trú nơi niệm. (2) Do khéo trú nơi niệm nên có được sự không phóng dật, thủ hộ nơi tâm, tu tập các thiện pháp. (3) Do không phóng dật làm cho nội tâm tương ưng với sự tu chí, và (4) có được tăng thượng tuệ để quán sát các pháp.”



Thanh tịnh thân ngữ và chánh mạng hiện hành là *tự tướng* của học, [gọi là *phân biệt tự thể tướng*]. (iii) Do giới, nhẫn, v.v... hiển phát chánh hành, nên gọi là học. Lại vì cầu quả tịch tĩnh thanh lương, tinh tiến tu tập trừ diệt, nên gọi là học. Đại loại như vậy là *huấn thích danh ngôn*, như trước đã nói: do tướng, do tự thể, do nghiệp, do pháp và do nhân quả.²³⁸

Trong *ngĩa môn sai biệt*²³⁹:

(a) Trước bàn về *tự thể sai biệt*: Học, hiển thị bảy phẩm thi-la²⁴⁰, hoặc hơn một trăm năm mươi học xứ²⁴¹.

(b) *Giới sai biệt*, là trong Dục giới thiên chỉ có biệt giải thoát luật

238 Hiền dương, quyển 12, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8: “Nghĩa riêng cũng có bốn thứ: 1. Phân biệt sai biệt danh; 2. Phân biệt tự thể tướng; 3. Huấn thích danh ngôn; 4. Nghĩa môn sai biệt. Huấn thích danh ngôn lại do năm thứ phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự thể; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.”

239 “Nghĩa môn sai biệt cũng có năm thứ: 1. Tự thể sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.”

240 Bảy phẩm thi-la: (1) 4 ba-la-di; (2) 13 Tăng-già bà-thi-sa; (3) 2 pháp bất định; (4) 30 ni-tát-kỳ ba-dật-đề; (5) 90 ba-dật-đề; (6) 4 ba-la-đề-đề-xá-ni; (7) 7 pháp diệt tránh. Tổng cộng 150 học xứ.

241 Tạp A-hàm, kinh Học, số 819: “Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: ‘Hơn hai trăm năm mươi giới, cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học.’” (Bản Pāli: diyaddha-sikkhāpadasatam, một trăm năm mươi điều học giới. Thích Đức Thắng dịch; Thích Tuệ Sỹ chú thích) Xem thêm Tạp A-hàm, kinh 821 và 829. Hiền dương, quyển 7, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3, [512c01]: “Và còn từ vị ô-ba-đà-da, a-già-lợi-da được nghe về Biệt giải thoát kinh, trong đó có nói hơn một trăm năm mươi học xứ, để rồi tự thể tiếp nhận: Tôi sẽ học hết tất cả học xứ.” A-tỳ-đạt-ma Đại tỷ bà sa luận, quyển 46 nói: “Có bí-số con của dòng họ Phật-lật-thị đã xuất gia trong Phật Pháp vào lúc đức Như lai còn tại thế, lúc ấy Phật đã chế hơn 150 học xứ. Vào mỗi nửa tháng thuyết Biệt giải thoát giới kinh, nghe thuyết tự ưa các điều thiện.” (tr. 238a23-26) Du-già sư địa cũng nói: “Căn cứ 5 phạm tự và xuất 5 phạm tự để thuyết hơn 150 học xứ.” (tr. 772c06) Hơn 150 học xứ là căn cứ vào mức nhẹ hay nặng của điều bị phạm mà theo thứ tự để chia thành 5 bộ: ba-la-di, Tăng-già bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học. Trong ba-dật-đề đã bao hàm ni-tát-kỳ ba-dật-đề và ba-dật-đề. Đây là cách tổ chức nguyên thủy của Giới kinh. Khi ngài Ưu-ba-ly kết tập, hẳn phải có điều được bổ sung, khảo đính, có thể là 191 giới, tức 4 ba-la-di, 13 Tăng-già bà-thi-sa, 30 ni-tát-kỳ ba-dật-đề, 92 ba-dật-đề, 4 ba-la-đề-đề-xá-ni, 50 pháp chúng học. Đến khi Phật nhập diệt được 100 năm, vào lúc cử hành cuộc kết tập lần thứ 2 tại thành Tỳ-xá-ly, thì 2 pháp bất định – điều khoản bổ sung cho 3 bộ trước, và 7 pháp diệt tránh – biện pháp để Tăng-già xử lý các việc tranh chấp, hẳn đã được phụ thêm vào Giới kinh, nên trở thành 252 giới (hoặc tổng hợp rồi giảm bớt 2 giới thành 250 giới).



nghi; tại Sắc giới thiên và Vô sắc giới thiên chỉ có tinh lự luật nghi; còn vô lậu luật nghi thì không có cõi giới nào trôi buộc.

(c) *Thời sai biệt*, là đòi quá khứ đã học, đòi vị lai sẽ học, đòi hiện tại chánh học.

(d) *Vị sai biệt*: Đã đi vào chánh pháp, bồ-đặc-già-la chưa thành thực *học* là bậc thấp, chánh thành thực *học* là bậc vừa, đã thành thực *học* là bậc cao. Bồ-đặc-già-la tâm không có hỷ lạc, gắng sức tu hành các phạm hạnh là khổ vị; tâm có hỷ lạc nhưng không gắng sức tu hành các phạm hạnh là lạc vị; nhiệm vận²⁴² tu hành các phạm hạnh là bất khổ bất lạc vị. Lại nữa, *học* đều là thiện vị, chẳng phải bất thiện vị, [chẳng phải vô ký vị]. Bồ-đặc-già-la lắng nghe, tiếp nhận là văn vị; thẩm sát là tư vị; quyết định tu tập là tu vị. Bồ-đặc-già-la chưa chứng đắc tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ là tăng thượng giới vị; đã chứng đắc tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ là tăng thượng tâm vị và tăng thượng tuệ vị. Đại loại như vậy là vị sai biệt.

(e) *Bồ-đặc-già-la sai biệt*: Ở đây, ý nói về bồ-đặc-già-la xuất gia: hoặc độn căn, hoặc lợi căn, hoặc tham đẳng hành, hoặc đẳng phần hành, hoặc bạc trần hành. Chỉ nói về Thanh văn, chẳng phải Độc giác, chẳng phải Bồ-tát. Do Độc giác thì giác ngộ riêng biệt, chư Bồ-tát thì giải thoát vững chắc, nên Như lai không vì họ nói cộng trú²⁴³, tu học [thắng lợi]. Lại nữa, ở đây chỉ nói người lấy bát niết bàn làm pháp, người đã đi vào chánh pháp, người không có chương ngại, người cụ phược, người không có cụ phược, người chẳng phải

242 Nhiệm vận: Vận chuyển, vận dụng một cách tự nhiên, không cần tác ý, gắng sức.

243 Cộng trú 共住: Nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng giới, có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị nào không có được điều ấy, gọi là “không được sống chung” (bát cộng trú).



cụ phược; chỉ là loài người, không phải chư thiên. Đại loại như vậy là bổ-đặc-già-la sai biệt.

“*Học thắng lợi*” có những sai biệt như vậy. Giống như tánh “*học thắng lợi*”; tánh “*trí tuệ là hơn hết*”, tánh “*giải thoát kiên cố*” và tánh “*niệm là tăng thượng*” theo chỗ thích ứng cũng có năm thứ sai biệt ở trên.

Nên phân biệt rộng ở đây: (1) *Thắng lợi* là công đức, tăng tiến, viên mãn; đó là những sai biệt về danh. (2) Như kinh nói, “[*Như lai*] *quán thấy mười thứ thắng lợi*”²⁴⁴, là thể tánh của *học*. (3) Huân thích danh từ: Pháp ấy đối với thân tùy nhiếp lợi ích và nên xưng tán, nên gọi là thắng lợi. Lại nữa, pháp như vậy tùy sinh, đi theo hữu tình, nên gọi là thắng lợi. Lại nữa, pháp như vậy luôn có sự xưng tán đi theo, nên gọi là thắng lợi. (4) Nghĩa môn sai biệt: Nên biết mười thứ sai biệt, nghĩa là *nhiếp thủ đối với Tăng-già, khiến cho Tăng hoan hỷ* v.v... cho đến nói rộng.

[543a08] Kinh nói: (1) “*Bí-sô là sa-môn*”, “*từ bỏ nhà, đi đến chỗ chẳng phải nhà*”, v.v... gọi là sai biệt về danh. (2) “*Đầy đủ biệt giải thoát luận nghị*”, “*chúng đồng phận*”²⁴⁵ là thể của bí-sô. (3) Huân thích danh từ: Tinh tiến đối với sắc đẹp, tiếng tà v.v..., thủ hộ sự tiếp cận ác thú, và nhiếp dẫn, không tổn hoại công đức, gọi là bí-sô. (4) Nghĩa môn sai biệt: Sát-đế-lợi, v.v... sai biệt; dòng dõi cao quý, dòng dõi hạ

244 Chỉ cho thập cú nghĩa 十句義 hay thập sự lợi ích 十事利益. Luật tứ phần, quyển 1: “Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo: ‘Tu-đề-na là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, nhắm đến mười cú nghĩa: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng. 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ. 3. Khiến cho Tăng an lạc. 4. Khiến cho người chưa tin thì có tin. 5. Người đã có tin khiến tăng trưởng. 6. Đề điều phục người chưa được điều phục. 7. Người có tâm quý được an lạc. 8. Đoạn hữu lậu hiện tại. 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai. 10. Chánh pháp được tồn tại lâu dài.’” (tr. 570b29~c07, Thích Đồng Minh và Thích Đức Thắng dịch)

245 Chúng đồng phận: là cùng chung phẩm tánh, có chung phận sự.



tiện sai biệt; bé thơ, người lớn, người già sai biệt.

Kinh nói: (1) *Trú*, là “*đi đến đúng lúc*”, “*trì cần tu tập*”, là sai biệt về danh. (2) Tự thể của *trú* này là rời bỏ *học* đã nói thì không có pháp nào khác. (3) Huân thích danh từ: Trong mọi thời gian nhiếp thọ các thứ uy nghi, nên gọi là trú. (4) Nghĩa môn sai biệt: Là uy nghi sai biệt, là sáng trưa chiều sai biệt, ngày đêm sai biệt.

Kinh nói: (1) *Tuệ*, là “*trí*”, “*kiến*”, “*minh*”, “*hiện quán*”, v.v... là sai biệt về danh. (2) Giản trạch pháp tướng, tâm sở hữu pháp là tự thể của tuệ. (3) Huân thích danh từ: Giản trạch làm thể, đối trị sự vô trí, gọi là tuệ; có thể hiểu biết mỗi một sai biệt, gọi là tuệ; khả năng hiểu rõ, nhận thức liễu biệt, gọi là tuệ. (4) Nghĩa môn sai biệt: Theo chỗ thích ứng, phân biệt như trên.

[543a22] (1) *Giải thoát*, là “*vĩnh đoạn*”, “*ly hệ*”, “*thanh tịnh*”, “*tận diệt*”, “*ly dục*”, như vậy thấy các danh sai biệt. (2) Tho trọng vĩnh trừ, phiền não đoạn diệt là tự thể của giải thoát. (3) Huân thích danh từ: Khả năng thoát các thứ trói buộc như tham, sân, v.v..., gọi là giải thoát; lại nữa, đức Thế tôn làm các thứ mâu-ni thuyết²⁴⁶, lấy đây làm thể tánh của mâu-ni, gọi là giải thoát. (4) Nghĩa môn sai biệt: Đợi thời giải thoát, bất động giải thoát, kiến sở đoạn phiền não giải thoát, tu sở đoạn phiền não giải thoát, Dục triền giải thoát, Sắc triền giải thoát, Vô sắc triền giải thoát, đại loại như vậy, phân biệt như trên.

[543b01] (1) *Niệm*, là “*không quên mất*”, “*tâm ghi nhớ rõ ràng*”, v.v... là sai biệt về danh. (2) Tâm sở hữu pháp làm tự thể của niệm. (3) Huân thích danh từ: Nhớ lại các pháp, gọi là niệm; lại như tác ý theo những sự việc trải qua, khiến tâm ghi nhớ rõ ràng, gọi là

246 Chỉ cho 3 nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, vắng lặng của Phật.



niệm. (4) Nghĩa môn sai biệt: Niệm Phật, niệm Pháp, cho đến nói rộng là sáu niệm²⁴⁷; lại niệm trú sai biệt²⁴⁸ v.v..., theo chỗ thích ứng sẽ nói rộng.

[543b06] (4) Lại nữa về **Thích nạn**:

Hỏi: “*Học thắng lợi*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị sự tăng thượng giới học, thấy được sự thắng công đức, khuyến khích sự tu tập an trú.

Hỏi: “*Trí tuệ là hơn hết*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị tuệ căn là bậc nhất trong các căn.

Hỏi: “*Giải thoát kiên cố*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị kiến sở đoạn phiền não và tu sở đoạn phiền não vĩnh viễn đoạn trừ.

Hỏi: “*Niệm là tăng thượng*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị công đức có được dù ít hay thấp kém cũng không sinh tâm biết đủ.

[543b13] Hỏi: Ở trong kinh khác, đức Thế tôn nói khác thứ tự của ba học. Vì sao trong kinh này, sau tăng thượng giới liền nói tăng thượng tuệ? Và vì sao không nói đến tăng thượng tâm học?

Đáp: Kinh này nói văn, tư, tu v.v... nhiếp chung để tạo thành các tuệ, muốn hiển thị rằng, do sự không hồi hận v.v... theo thứ lớp mà phát sinh tam-ma-địa²⁴⁹, tức là đã hiển thị tăng thượng tâm học, như đức

247 Sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

248 Bốn niệm trú: Thân, thọ, tâm, pháp.

249 Trung A-hàm, Tương ưng tập, kinh Hà Nghĩa nói tiến trình từ giữ giới đưa đến định như sau: “Một thời Đức Phật trú tại nước Xá vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ vào lúc xế chiều, tôn giả A nan rời chỗ độc cư tĩnh tọa đứng dậy, đến trước đức Phật, đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, thưa rằng: Bạch Thế Tôn, giữ giới có mục đích gì?. Đức Thế Tôn đáp: Nay



Bạc-già-phạm nói: “Đối với năm căn, căn trên hết có khả năng nhiếp thọ những căn bị nhiếp thọ, chính là tuệ căn. Do các bí-sô thành tựu thắng tuệ căn như vậy, có thể tu tín căn, cho đến tu định căn²⁵⁰. *Như vậy, thành tựu tín căn, cho đến thành tựu định căn đều là nhờ sức của tuệ căn.*”²⁵¹ Nay trong kinh này, đức Bạc-già-phạm hiển thị trí tuệ là cái nhân dẫn ra tam-ma-địa và có khả năng dẫn đến sự đoạn phiền não. Do đó nói tăng thượng tuệ học là gồm nói cả tăng thượng tâm học và tăng thượng tâm học.

[543b23] Hỏi: Trong kinh khác có nói ba học tu tập tiến đến viên mãn. Vì sao không nói tăng thượng tâm học tu học [tiến đến] viên mãn?

Đáp: Như trên đã nói đạo lý, nên biết [áp dụng] ở đây.

[543b26] Hỏi: Vì sao ở đây chỉ nói trú “*học thắng lợi*”, mà không nói trú “*tuệ thắng lợi*”, trú “*giải thoát thắng lợi*”?

Đáp: Chỉ khuyến bậc yếu kém nhiếp thọ thắng lợi, cũng là khiến hữu tình được hóa độ nhiếp thọ tất cả thắng lợi tăng thượng. Lại nữa, mười thứ thắng lợi: nhiếp thủ đối với Tăng v.v... thì rõ ràng, dễ đi vào, cho nên chỉ nói trú “*học thắng lợi*”.

A Nan, giữ giới có mục đích khiến cho không hồi hận. Nay A Nan, nếu ai giữ giới, người ấy được sự không hồi hận. Bạch Thế Tôn, không hồi hận thì có mục đích gì? Nay A Nan, không hồi hận thì có mục đích khiến cho được hân hoan. A Nan, nếu ai không hồi hận, người ấy được sự hân hoan. Bạch Thế Tôn, hân hoan có mục đích gì? Nay A Nan, hân hoan có mục đích khiến cho có hỷ. Nay A Nan, nếu ai hân hoan, người ấy có hỷ. Bạch Thế Tôn, hỷ có mục đích gì? Nay A Nan, hỷ có mục đích khiến cho an chỉ. Nay A Nan, nếu ai có hỷ, người ấy có an chỉ của thân. Bạch Thế Tôn, an chỉ có mục đích gì? Nay A Nan, an chỉ có mục đích khiến cho lạc. A Nan, nếu ai có an chỉ người ấy có cảm thọ lạc. Bạch Thế Tôn, lạc có mục đích gì? Nay A Nan, lạc có mục đích khiến cho có định. A Nan, nếu ai có lạc người ấy có định.” (tr. 485a13-b17, Thích Tuệ Sỹ dịch)

250 Tín căn, tiến căn, niệm căn và định căn.

251 Xem Tạp A-hàm, kinh Tuệ căn (1), số 654, tr. 183b18~24; kinh Tuệ căn (2), số 655, tr. 183b25~c03; kinh Tuệ căn (3), số 656, tr. 183c04~14; kinh Tuệ căn (4), số 657, tr. 183c15~26; kinh Tuệ căn (5), số 658, tr. 183c27~184a07. Du-già sư địa luận, quyển 98, Nhiếp sự phần, tr. 863b25~c03.



Hỏi: “Giải thoát” phải là pháp tốt bậc trong tất cả pháp, vì sao chỉ nói trú “*trí tuệ là hơn hết*” mà không nói “*giải thoát là hơn hết*”?

Đáp: Đối với pháp thấp kém, còn khiến hữu tình được hóa độ nắm lấy tánh “*hơn hết*” huống là đối với pháp tăng thượng lại không khiến họ nắm lấy để làm tăng thượng hay sao. Lại nữa, đối với giải thoát, hiển thị công đức sai biệt bất cộng? Thế nào là công đức sai biệt bất cộng? Trí tuệ thì không thường luôn “*hơn hết*”, còn giải thoát thì thường trú chắc thật.²⁵²

Hỏi: Những gì gọi là trú học thắng lợi?

Đáp: Theo sự kiến lập nhiều loại học xứ, quán thấy mười thắng lợi, vì vậy *thường giữ thi-la, giữ chắc thi-la, hằng tác, hằng chuyển*; như vậy gọi là trú học thắng lợi.²⁵³

Hỏi: Nhiếp thọ đối với Tăng v.v... các câu có nghĩa gì?

Đáp: (1) *Nhiếp thọ đối với Tăng-già*, là câu tổng quát. Những câu khác là câu riêng biệt: (2) *Khiến Tăng thuần tịnh, chân thành*: là lia bên thọ dụng dục lạc; (3) *Khiến Tăng an lạc*: là lia bên thọ dụng tự khổ; (4) *Người chưa tin khiến tin*: là chưa nhập chánh pháp khiến thú nhập; (5) *Người đã tin khiến tăng trưởng*: là đã nhập chánh pháp khiến thành thực; (6) *Người khó điều phục khiến điều phục*: là người vi phạm thi-la thì khéo gạt bỏ; (7) *Khiến người biết hổ thẹn trú an lạc*: là người tịnh trì giới khiến không có hối hận, không có lo buồn; (8) *Phòng hộ*

252 Nói về tam giới, tuệ có sai biệt: bậc thấp, bậc vừa, bậc cao, nhưng giải thoát chỉ có một là phiền não đoạn diệt, thô trọng vĩnh trừ. Nếu nói “giải thoát là hơn hết” thì dưới giải thoát gọi là gì?

253 Tạp A-hàm, kinh Học (8), số 826: “Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng; tích cực nhiếp thủ Tăng; khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi.”



hữu lậu ở hiện pháp: là thuận chế phục phiền não trói buộc; (9) *Tổn hại hữu lậu ở hậu pháp*: là ngưng dứt tà nguyện, trú phạm hạnh; tùy thuận vĩnh đoạn lậu hoặc, tùy miên; (10) *Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu và thêm rộng, cho đến vì chư thiên, loài người mà khéo khai thị chính xác*: là khiến Thánh giáo tiếp nối, không có đứt mắt.

[543c19] Mười thứ thắng lợi như vậy, nói sơ lược là ba thứ thắng lợi; mở rộng ba thứ thành mười thứ.

Ba thứ thắng lợi: 1. Khiến Tăng trú bất nhiễm ô; 2. Khiến Tăng được trú an lạc; 3. Khiến Thánh giáo tùy chuyển dài lâu.

Ở đây, do bảy thứ tùy hộ²⁵⁴ mà hiển thị *trú bất nhiễm ô* và *trú an lạc*. *Bảy thứ tùy hộ*: 1. Tùy hộ kính dưỡng; 2. Tùy hộ tự khổ hạnh; 3. Tùy hộ của cải thiếu thốn; 4. Tùy hộ triển chuyển tương thuộc; 5. Tùy hộ tâm truy hối²⁵⁵; 6. Tùy hộ phiền não trói buộc; 7. Tùy hộ tà nguyện. Một câu cuối cùng (: thắng lợi thứ 10) hiển thị Thánh giáo tùy chuyển dài lâu.²⁵⁶

[543c27] Thế nào là *thường giữ thi-la*? Là không xả bỏ học xứ.

Thế nào là *giữ chắc thi-la*? Là không vi phạm học xứ.

Thế nào là *hằng tác*? Là học xứ không bị đục thủng.

Thế nào là *hằng chuyển*? Là đục thủng thi-la thì chuyển đổi trở lại [thanh tịnh].

Thế nào là *thọ học học xứ*? Là tùy học đầy đủ các học xứ.

254 Tùy hộ 隨護: Là tinh cần thủ hộ, 1 trong 4 chánh đoạn. Tạp A-hàm, kinh Tứ chánh đoạn (4), số 878: “Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.” (Thích Đức Thắng dịch)

255 Truy biến 追變 = truy hối 追悔: *hối hận*.

256 Tùy hộ kính dưỡng là thắng lợi 1 và 2. Tùy hộ tự khổ hạnh là thắng lợi 3. Tùy hộ của cải thiếu thốn là thắng lợi 4 và 5. Tùy hộ triển chuyển tương thuộc là thắng lợi 6. Tùy hộ tâm truy hối là thắng lợi 7. Tùy hộ phiền não trói buộc là thắng lợi 8. Tùy hộ tà nguyện là thắng lợi 9.



Hành giả như vậy thường giữ thi-la, giữ chắc thi-la, nghe chánh pháp rồi, một mình ở nơi yên tĩnh, buộc niệm, tư duy, trừ lượng, quán sát; vì muốn phát khởi tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, hành giả này nương theo trí tuệ phát sinh bởi văn, tư, tu mà có thể chứng được giải thoát. Tánh chất của sự giải thoát ấy là pháp không thoái lui, nên nói là “*kiên cố*”; là quả của trí xuất thế nên không thể thoái chuyển.

Lại nữa, hành giả này do niệm lực nên tự quán sát kỹ: “*Thi-la uẩn của tôi có thật viên mãn? Tôi đối với các pháp có thật thấu suốt? Tôi đối với giải thoát có khéo chứng được?*” Y chỉ sức nhớ nghĩ như vậy mà có đủ “*học thắng lợi*”, phát sinh “*trí tuệ là hơn hết*”, chứng được “*giải thoát kiên cố*”.

Lại nữa, niệm ấy lược có ba thứ: 1. Nguyên nhân để thuyết pháp; 2. Dựa vào sự dạy bảo; 3. Xem xét việc nên làm và việc không nên làm.

[544a12] Đức Bạc-già-phạm tuyên thuyết thi-la có vô lượng thứ: ô-ba-sách-ca thi-la²⁵⁷, bí-sô thi-la, ô-ba-bà-sa thi-la²⁵⁸, tinh lự thi-la²⁵⁹,

257 Ô-ba-sách-ca thi-la 邬波索迦尸羅 = cận sự luật nghi (S: *Upāsaka saṃvara*). Cũng gọi là Cận sự ủng hộ hay sự thiện giới, chỉ 5 giới mà người Cận sự thọ trì. Gần gũi các pháp lành, người lành, gần gũi Phật pháp mà làm theo, có thể ngăn ngừa tội lỗi của thân, miệng cho nên gọi là Cận sự.

258 Ô-ba-bà-sa thi-la 邬波婆娑尸羅 = cận trú luật nghi (S: *Upavāsatha saṃvara*). Ô-ba-bà-sa, Hán dịch là cận trú, chỉ cho Bát quan trai giới. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá: “Loại luật nghi này có tên là Cận trú bởi vì, nhờ biểu hiện được lối sống phù hợp với lối sống của các A-la-hán, cho nên luật nghi này được đặt gần với A-la-hán. Có ý kiến khác cho rằng sở dĩ có tên Cận trú là vì nằm gần với loại luật nghi thọ trì suốt đời ... Mục đích của luật nghi này là cung cấp sự tăng trưởng cho các thiện căn của những người chỉ có thiện căn mỏng manh. Và vì nó giúp tăng trưởng thiện căn cho nên Thế Tôn đã nói: ‘Luật nghi này được gọi là trường dưỡng.’”

259 Tinh lự thi-la: Chỉ cho thiền Chỉ (S: *samatha*). Chính yếu của xa-ma-tha là lắng xuống vọng niệm, là tĩnh lặng, được ví như đài gương hiện hình ảnh.



tam-ma-bát-đề thi-la²⁶⁰, Thánh ái thi-la²⁶¹, v.v... Nay ở đây dựa vào thi-la nào mà nói trú “*học thắng lợi*”?

Đáp: Bí-sô thi-la, vì nó tối thắng.

[544a17] Đức Bạc-già-phạm tuyên thuyết tuệ cũng có nhiều thứ: tuệ do văn phát sinh, tuệ do tư phát sinh, tuệ do tu phát sinh. Nay ở đây dựa vào tuệ nào mà nói trú “*trí tuệ là hơn hết*”?

Đáp: Đủ cả ba tuệ.

Hỏi: Đức Phật nói giải thoát cũng có nhiều thứ: Thế gian giải thoát, xuất thế gian giải thoát, hữu học giải thoát, vô học giải thoát, khả động giải thoát, bất động giải thoát²⁶², v.v... Nay ở đây dựa vào giải thoát nào mà nói trú “*giải thoát kiên cố*”?

Đáp: Dựa vào xuất thế gian giải thoát và bất động giải thoát.

[544a24] Hỏi: Như lai nói niệm cũng có nhiều thứ: trú niệm nơi cảnh giới của thân thọ tâm pháp, tùy niệm những việc làm đã lâu, những lời nói đã lâu, v.v..., tùy niệm sự đọc tụng, v.v..., tùy niệm sự dạy bảo, v.v..., tùy niệm [quán sát] việc nên làm và việc không nên làm, tùy niệm nghĩ nhớ đến Phật, Pháp, Tăng, v.v... Nay ở đây dựa vào niệm nào mà nói trú “*niệm là tăng thượng*”?

260 Tam-ma-bát-đề thi-la = đẳng trí giới: Tam-ma-bát-đề 三摩鉢底 (S: *Samāpatti*), là thiền Quán. Hán dịch là đẳng chí, chánh thọ, chánh định hiện tiền. Chính yếu của tam-ma-bát-đề là hoạt dụng huyền ảo, vì quán các pháp như huyền ảo, như kinh Viên giác nói: “Các vị bồ tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy biết tâm thức và căn cảnh toàn là huyền ảo, nên nổi lên huyền ảo để diệt trừ huyền ảo, biểu hiện mọi phương tiện huyền ảo mà hóa độ cho chúng sinh huyền ảo. Vì nổi lên huyền ảo như vậy nên bên trong phát ra sự thư thái đại bi.”

261 Thánh ái thi-la = Thánh ái giới hay Thánh sở ái giới: Giới được các Thánh hiền hâm mộ. Trung A-hàm, kinh A-na-luật-đà, số 219: “Nếu Tỷ-kheo có trí kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới, đó là Tỷ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

262 Bất động giải thoát: Vị hữu học trú tăng thượng giới học, “chuyên xét, siêng phương tiện, khéo tự giữ thân mình”, rồi được trí vô lậu thứ nhất khởi lên, kể đó, không gián đoạn, chánh trí khởi lên, rồi được chánh trí giải thoát, kế tiếp vượt qua trí kiến thành bất động giải thoát, tức chứng quả A-la-hán, đặc niết bàn hữu dư.



Đáp: Theo cái thù thắng mà luận nói thì đó là tùy niệm quán sát việc nên làm và việc không nên làm.

[544a29] (5) Lại nữa về **Thứ đệ**: Trước hết dựa vào sự trú bí-sô thi-la; kế đó lắng nghe và tiếp nhận chánh pháp; sau cùng là như lý tác ý. Hành giả như vậy, do trì giới thanh tịnh nên không có lo buồn, hối hận. Do không có hối hận, v.v... theo thứ đệ có thể chứng được *chánh tam-ma-địa*.²⁶³ Do cái tuệ được nhiếp giữ bởi phương tiện là như lý tư duy nên tăng thượng tâm học thành tựu. Đó gọi là *thứ đệ viên mãn*.²⁶⁴ cái trước làm nhân tố cho cái sau được viên mãn.

Lại nữa, trú “*học thắng lợi*” là vì có được “*trí tuệ là hơn hết*”. Trú “*trí tuệ là hơn hết*” là vì chứng “*giải thoát kiên cố*”. Làm thế nào có thể có được sự trú “*học thắng lợi*”, cho đến “*giải thoát kiên cố*”? Là do cái lực của “*niệm là tăng thượng*”. Đó gọi là *thứ đệ năng thành*. Lại nữa, kinh nói: “*Ai an trú, tu tập ba học như vậy thì mau được viên mãn.*” Đó cũng gọi là thứ đệ năng thành.

[544b10] *Thứ đệ giải thích*: Như kinh nói:

Đại sư: Vị khéo giáo huấn hàng Thanh văn đệ tử biết việc nên làm và việc không nên làm, gọi là đại sư. Vị hóa đạo vô lượng chúng sinh chứng *khổ tịch diệt*²⁶⁵, gọi là đại sư. Vị xuất hiện ở thế gian để phá vỡ những tà vạy, trừ diệt những đơ bản của ngoại đạo, gọi là đại sư.

Thanh văn: Vị lắng nghe âm thanh chánh pháp từ người khác,

263 Trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, do lạc mà được định.

264 Thứ đệ: Lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn; 2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành.

265 Khổ tịch diệt = khổ diệt = diệt đế: chân đế của sự diệt tận khổ và tập. Tương ưng bộ kinh, Tương ưng uẩn, phẩm Biên, Khổ: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ đoạn diệt.”



gọi là Thanh văn. Vị có khả năng làm cho người khác biết nghe âm thanh chánh pháp, gọi là Thanh văn.

[544b16] Hỏi: Lý do gì chỉ vì Thanh văn nói “*trú học thắng lợi*”, v.v...?

Đáp: Do Thanh văn là chúng tùy thuận tu học, đệ tử chân thật của đức Bạc-già-phạm.

Pháp: Những gì được tuyên thuyết qua danh thân, cú thân, văn thân.

Học xứ: Những sự được tuyên thuyết là năm phạm tự²⁶⁶.

Thành tựu lân mãn: Đối với chúng sinh sống trong đêm dài [sinh tử], hằng an trú bốn thứ vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.

Thành tựu bi: Giúp chúng sinh dứt trừ nhiều pháp khổ.

Lạc thắng lợi: Đem tới vô lượng pháp vui cho chúng sinh.

Cầu lợi ích: Muốn cho chúng sinh nhiếp thọ các thứ diệu thiện pháp.

Hằng bi mãn: Giúp chúng sinh dứt trừ các thứ ác bất thiện pháp.

Lại nói:²⁶⁷

Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu: Là dựa vào sát-đế-lợi v.v... các đại chủng tánh mà nói.

Thêm rộng: Các chúng sinh loại như trên, về sau chúng hội dần dần rộng lớn.

266 Ngũ phạm tự 五犯聚: Là 5 thiên giới luật; còn gọi là ngũ phạm, ngũ chúng tội, ngũ chủng chế, tức ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni và đột-cát-la (bao gồm bất định, chúng học và diệt tránh). Du-già sư địa luận, quyển 99: “Có năm thứ tội tự nhiếp tất cả tội: 1. Tha thắng tội tự (đoạn đầu); 2. Chúng dư tội tự (tăng tàn); 3. Vấn trụ tội tự (xả đạo); 4. Biệt hồi tội tự (đọa); 5. Ác tác tội tự (uy nghi).” (tr. 869a09-11) Ngũ phạm tự này cộng thêm tội đầu lan giá (s: sthūlātyaya, 偷蘭遮), gọi là Lục tự.

267 “Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu và thêm rộng, cho đến vì chư thiên, loài người mà khéo khai thị chính xác: là khiến Thánh giáo tiếp nối, không có đứt mắt.”



Cho đến vì chư thiên, loài người: Chư vị có thể lực trong các chủng loại thêm rộng như vậy. Điều này hiển thị tâm đại bi của đức Thế tôn che khắp chẳng phải chỉ một phần.

Khéo khai thị chính xác: Là [khai thị] về tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu²⁶⁸ của tất cả các pháp.

Thuyết chánh pháp: Là mười hai phần giáo được lắng nghe, tiếp nhận, tìm hiểu, trú giữ, đọc tụng, nơi yên vắng tư duy; cảnh giới như vậy gọi là pháp.

Vì lợi ích: Y cứ tăng thượng giới mà nói.

Vì an lạc: Là không y chỉ khốn khổ, gian nan, hoạt động không tự tại.

Vì lợi ích an lạc: chư vị ly dục thì thực hành tăng thượng tâm, thực hành tăng thượng tuệ. Những thực hành này là thiện nên gọi là lợi ích; là thuận ích nên gọi là an lạc.

Lại nữa, hoặc chỗ nọ, đức Thế tôn ca ngợi công đức *đổ-đa*²⁶⁹, gọi

268 Tánh như sở hữu: cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu hay chân như tánh của các pháp. Tánh tận sở hữu: cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu hay nhất thiết tánh của các pháp. Đẳng chánh giác hay chánh biến tri, là tuệ giác của Phật chứng ngộ một cách như sở hữu tánh về bản thể và tận sở hữu tánh về hiện tượng. Tuệ giác ấy là trí căn bản và trí sự dụng. Trí căn bản là trí hội nhập chân như: như lý trí biết như sở hữu tánh, nói cách khác là đại niết bàn. Trí sự dụng là trí toàn giác vạn hữu: như lượng trí biết tận sở hữu tánh, nói cách khác là đại bồ-đề.

269 *Đổ-đa* 杜多 (s: dhūta) = *Đầu-đa* 頭陀: Còn được dịch là *đổ-đồ* 杜荼, *đầu-đa* 投多, *thâu-đa* 偷多, *trần-hống-đa* 塵吼多, với ý sửa trị, trừ khử, rũ bỏ, đãi lọc, rửa tẩy; là hạnh tu khắc khổ để dứt bỏ phiền não cấu uế, trừ diệt tham sân si. Cũng gọi hạnh đầu-đà, sự đầu-đà, công đức đầu-đà (s: dhūta-guja). Người tu hạnh đầu-đà phải tuân thủ 12 hạnh sau đây: 1. Ở nơi a-lan-nhã, tức tránh xa chỗ đông người nơi ồn ào, chọn nơi yên tĩnh, vắng vẻ; 2. Thường hành khát thực; 3. Thứ đệ khát thực, không phân biệt nghèo giàu; 4. Ngày ăn một bữa; 5. Không ăn quá nhiều, chỉ ăn một nắm cơm trong bát; 6. Sau bữa ăn chánh ngộ, không được uống nước trái cây; 7. Mặc ca sa chấp vá bằng những mụn giẻ bỏ đi; 8. Chỉ giữ 3 y, không được có thừa; 9. Ở nơi nghĩa địa; 10. Ngủ nghỉ dưới gốc cây; 11. Ngồi chỗ đất trống; 12. Thường ngồi không nằm. Hạnh đầu-đà là phương tiện quý báu trợ duyên cho sự thoát ly khỏi tham dục, cho sự thành tựu ba học. Đức Thế tôn đã xác quyết: “Hạnh đầu-đà này được ở đời thì pháp của Ta cũng sẽ được lâu dài ở đời, thiên đạo tăng thêm, ba đường ác liền giảm. Cũng vậy Thánh Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, đạo tam thừa đều còn ở đời”. (Tăng nhất A-hàm, phẩm Nhập đạo, HT. Thích Thanh Từ dịch)



là lợi ích; hoặc xứ kia, đức Thế tôn nghe nhận các thức ăn trăm vị²⁷⁰, trăm ngàn y phục²⁷¹, gọi là an lạc; hoặc nơi này, đức Thế tôn thiết lập ba học, gọi là lợi ích an lạc.

Như lai đối với các pháp dùng các thứ tuệ mà khéo quán sát: Là hoặc vì lợi ích, hoặc vì an lạc, hoặc vì lợi ích an lạc, tức y cứ tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà nói. Ở đây có hai lý do để gọi là *khéo quán sát*: 1. Biết rõ khắp cả thói quen [của chúng sinh] trong đêm dài [sinh tử]; 2. Giác ngộ, không có điên đảo.

Đối với giải thoát khéo chứng đắc: Là y cứ tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà nói. Ở đây có hai lý do để gọi là *khéo chứng đắc*: 1. Hành đến cứu cánh; 2. Pháp không thoái chuyển²⁷².

270 Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, phẩm Thuyết pháp: “Đức Phật nói như thế rồi, ba ngàn đại thiên thể giới rung động sáu cách, bỗng nhiên từ không trung mưa xuống rất nhiều thứ hoa trời như ưu-bát-la, bát-đàm-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-li; lại rải xuống vô số các thứ hương trời, áo trời, chuỗi anh lạc và các thứ châu báu vô giá khác của cõi trời; tất cả các thứ ấy từ trên không trung xoay vòng rơi xuống, cúng dường Phật, chư vị Bồ-tát và đại chúng Thanh-văn; các thức ăn cõi trời trăm vị trên qui đặng trong bát trời, tràn đầy sung mãn; cờ trời, phướn trời, lọng trời, nhạc khí vi diệu cõi trời đặt khắp các nơi, cùng hòa tấu để dâng cúng và khen ngợi Phật.” (Cư sĩ Hạnh Cơ dịch)

271 Kinh Đại thừa Trang nghiêm bảo vương, quyển 4: “Trong lỗ chân lông kia còn có đủ mọi ao hồ cõi trời. Lại có vô số trăm ngàn vạn lâu các được trang nghiêm bằng vàng báu. Treo trên đó có trăm ngàn y phục và trần châu anh lạc. Trong những lâu các kia có như ý bảo châu vi diệu. Bảo châu này cung cấp cho chư đại Bồ Tát kia tất cả những vật dụng theo ý muốn.”

272 Tăng nhất A-hàm, phẩm Bảy ngày: “Thế Tôn bảo: Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển? Tỷ-kheo, nên biết, nếu Tỷ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hoà thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

Lại nữa, chúng Tăng hoà hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thối chuyển, không để Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỷ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỷ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn ngày sách tấn tinh ý tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

Lại nữa, Tỷ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngũ nhiễm, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

Lại nữa, Tỷ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối



Thi-la uẩn của tôi không viên mãn: Là hoặc đối với thi-la tu tập một phần, hoặc không y chỉ thi-la. Như vậy, thi-la viên mãn là tu tập các giới *đẳng trì*²⁷³.

Tôi đối với các pháp không khéo quán sát: Do hai thứ quán sát như trên đã nói.

Tôi đối với giải thoát không khéo chứng đắc: Do hai thứ chứng đắc như trên đã nói.

Những gì Ta nên nói, như vậy đã nói xong: Là tổng kết phần lược nói và phần rộng phân biệt ở trên.

[544c19] Lại nữa, do sáu tướng cần biết để giải thích tất cả kinh điển của Phật: 1. Do biến tri các pháp; 2. Do xả ly ác hành và các hoặc lớn nhỏ²⁷⁴; 3. Do thọ học thiện hành; 4. Do trí biến tri thấu suốt các hành là bệnh v.v...²⁷⁵; 5. Do quả kia; 6. Do mình người lãnh thọ quả kia. Do sáu tướng như vậy và do sự kiến lập các tướng đã nói ở trước mà khéo giải thích tất cả kinh điển của Phật.

chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiên, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hoà thuận với nhau, Ma không thể tùy tiện." (Thích Đức Thắng dịch)

273 Đẳng trì giới 等持戒 = định địa giới 定地戒: Định có hai loại: 1. Sinh đắc định: nếu ai sinh ở Sắc giới, Vô sắc giới (2 cõi này còn gọi là định địa), nhờ vào nghiệp lực đời trước tự nhiên có được định địa này; 2. Tu đắc định: Chúng sinh sinh vào cõi Dục giới (còn gọi là tán địa), hành giả phải tu tập, định mới phát sinh. Hai định này hành giả ở trong định Sắc giới thì gọi là sinh tịnh lự, hay định tịnh lự; còn ở trong định Vô sắc thì gọi là sinh Vô sắc hay định Vô sắc.

274 Các hoặc lớn nhỏ: Là phiền não và tùy phiền não.

275 Du-già sư địa luận, quyển 68, tr. 674c03: "Chánh kiến có mười một: là quán sát bệnh, ung nhọt, gai nhọn, chướng ngại [khổ đế]; quán sát vô thường, khổ, không, phi ngã; quán sát kết kiến [tập đế], ly hệ kiến [diệt đế], năng ly kết kiến [đạo đế]."



Ở đây, *các pháp*: Là uẩn, giới, xứ, duyên khởi, niệm trú và chánh đoạn, v.v... *Quả kia*: Là chán khổ, ly dục, giải thoát, bát niết bàn. *Mình người lãnh thọ quả kia*: Là "Tôi sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau." Như vậy gọi chung là *thích nhiếp phần*.

Nay ở phẩm đây²⁷⁶ hiển thị luận này có bốn sắc thái: 1. Sắc thái tối thắng; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái thanh tịnh; 4. Sắc thái biện giáo. Ở đây, sắc thái tối thắng có hai kệ tụng (1, 2); sắc thái tự thể có năm kệ tụng (3~7); sắc thái thanh tịnh có hai kệ tụng (8, 9) và sắc thái biện giáo có một kệ tụng (10).

276 Phẩm Hai, Nhiếp tịnh nghĩa.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bốn

Phẩm Ba

THÀNH THIỆN XẢO

[545a09] Lại nữa, trong luận này, nơi chín sự²⁷⁷ làm thể của giáo pháp, nên khéo liễu tri bảy thứ thiện xảo²⁷⁸. Những gì là bảy?

Kệ tụng:

Nơi các uẩn, giới, xứ,

Và các pháp duyên khởi,

Xứ phi xứ, căn, đế,

Nên biết thiện xảo sự. (kệ 1)

[545a13] Luận giải: *Trú chánh pháp*: Là khéo thấu suốt bảy thứ sự thiện xảo như vậy.

Hỏi: Vì sao chỉ lập bảy thứ thiện xảo?

Đáp: Ở thế gian, người ngu đa phần chấp như vậy.

Kệ tụng:

Thân giả, tự tại đẳng

Vô nhân, thân giả trú

277 Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tập nhiễm; 4. Đế; 5. Y chỉ; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức.

278 Tham khảo thêm luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật, phần 10 thiện xảo chân thật đối trị ngã kiến. Mười thiện xảo là 7 thiện xảo của luận này, thêm 4 thiện xảo về thế (3 đời), thừa (3 thừa), hữu vi và vô vi.



Lưu chuyển, tác các nghiệp

Và tăng thượng hai thứ. (kệ 2)

[545a18] Luận giải: (1) Không thiện xảo đối với các uẩn, cho nên chấp thể của các uẩn là thân của ta. (2) Không thiện xảo đối với các giới, cho nên chấp *Tự tại đẳng* là cái nhân sinh ra thân²⁷⁹, hoặc chấp *vô nhân* mà thân tự nhiên sinh khởi²⁸⁰, vì không thấu hiểu rằng từ tự chủng nhân mà thân được sinh khởi. Vì sao? *Giới* là công năng, chủng tử, tộc tánh, nhân, v.v... các danh sai biệt. (3) Không thiện xảo đối với các xứ, cho nên chấp có thân, dựa vào thân mà trú, nắm giữ cảnh giới ở ngoài. (4) Không thiện xảo đối với duyên khởi, cho nên chấp có cái thân lưu chuyển sinh tử. (5) Do không khéo biết xứ phi xứ, cho nên chấp có cái thân thường tạo tác các nghiệp. (6 & 7) Do không khéo biết các căn và các đế, cho nên chấp có hai thứ thân tăng thượng: (a) Cái thân do nghiệp quả ái phi ái tăng thượng và (b) Cái thân do nhiễm ô và thanh tịnh tăng thượng: do không biết hai đế khổ tập nên chấp có nhiễm ô tăng thượng, và do không biết hai đế diệt đạo nên chấp có thanh tịnh tăng thượng.

Kệ tụng:

Với thân giả, đẳng khởi,

Thật ngã được trú giữ,

Lưu chuyển giả, tác giả,

Và các tăng thượng nghĩa (kệ 3)

279 Tự tại đẳng nhân tông, cũng gọi Tự tại đẳng tác giả luận 自在等作者論: Tông này vọng chấp các pháp đều do trời Tự tại biến hiện ra. Tức chấp trước các pháp do trời Đại tự tại, Trượng phu, Đại phạm, hoặc do các nguyên nhân như thời, phương, không, ngã... biến hóa ra.

280 Chư pháp vô nhân tông, cũng gọi Vô nhân kiến luận 無因見論: Tông này vọng chấp các pháp đều tự nhiên sinh khởi chứ chẳng do nguyên nhân nào cả.



Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,

Khởi bầy thứ ngu si.

Đôi trĩ đây nên biết

Nhiếp bầy thứ thiện xảo. (kệ 4)

[545b05] Luận giải: Như trên mà nói tổng quát thì có hai thứ tăng thượng để phân biệt, hiển thị hai thứ ngu si: 1. Ngu si về tăng thượng nghĩa²⁸¹; 2. Ngu si về nhiễm ô, thanh tịnh.²⁸²

Bầy thứ ngu si về thân giá, đẳng khởi, v.v... dựa vào những gì mà chuyên?

Kệ tụng:

Vọng kế ngã thân giá

Y chỉ các căn trú

Với cảnh giới hồi chuyên;

Thọ dụng ái phi ái; (kệ 5)

Ngôn thuyết sở y trú;

Tác giả, có giác giả.

Do nơi uẩn sai biệt

Chung thấy một cái thân. (kệ 6)

[545b12] Luận giải: ***Ngụ si về thân giá***: Do không biết rõ *thể của sắc uẩn* nên chấp có một cái ngã y chỉ vào năm căn đối với cảnh giới chuyên. Do không biết rõ *thể của thọ uẩn* nên chấp có thọ giả thọ dụng tất cả sự ái và phi ái. Do không biết rõ *thể của tưởng uẩn* nên riêng chấp có cái ngã mà ngôn thuyết y trú, bởi vì không biết tưởng

281 Tức ngu si về uẩn, giới, xứ, duyên khởi và xứ phi xứ.

282 Tức ngu si về căn và đế.



mới chỗ dựa của ngôn thuyết, như đức Bạc-già-phạm nói: “*Sự nghĩ tưởng của người kia khởi ra ngôn thuyết.*”²⁸³ Do không biết rõ *thể của hành uẩn* nên chấp có tác giả²⁸⁴. Do không biết rõ *thể của thức uẩn* nên chấp có người nhận thức²⁸⁵; chẳng phải chỉ có thức, bởi vì các thể gian đối với thể của thức uẩn sinh khởi giác tưởng. Như vậy, người ngu đối với tự tướng của các uẩn sai biệt, chung khởi một thứ thân, ngu si liền chấp thân ấy, lấy đó làm ngã.

Lại nữa, ***ngụ si về đẳng khởi***:

Kệ tụng:

Vì mê hoặc sơ nhân

Chấp thường nhân, vô nhân. (kệ 7ab)

[545b23] Luận giải: Người ngu thể gian, (1) hoặc với thân cho rằng có cái nhân đầu tiên mà sinh mê hoặc, nên chấp ***bất bình đẳng nhân***²⁸⁶, nghĩa là có cái nhân là vị trời Tự tại thiên thường trú, vị trời Tỳ-sát-nỗ²⁸⁷, tự tánh, v.v... ; (2) hoặc nói ***vô nhân***, nghĩa là bài bác không có cái nhân sinh ra tất cả mọi vật.

Lại nữa, ***ngụ si về thật ngã được trú giữ***:

283 Tạp A-hàm, kinh 306, Nhân: “Lại nói như vậy: ‘Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt pháp.’ Kia giả lập rồi nói như vậy: ‘Vị Tôn giả này tên như vậy, sanh như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, thọ mạng như vậy.’ Nay Tỳ-kheo, đó là tưởng, là ghi nhớ, là ngôn thuyết.” (Thích Đức Thắng dịch)

284 Tác giả 作者: Người tạo tác.

285 Giác giả 覺者: Người hiểu biết, nhận thức.

286 Bất bình đẳng nhân luận là cái thuyết cho rằng một nhân có thể sinh ra vạn vật, và cái nhân đó không do một nhân khác sinh ra, mà cũng không giống với vạn vật, cho nên gọi là bất bình đẳng.

287 Tỳ-sát-nỗ thiên 毘瑟弩天 = Tỳ-sưu-nữu thiên 毘搜紐天 (s: *Viṣṇu*): *vị thân bảo hộ trong Ấn độ giáo và Bà-la-môn giáo*. là một trong ba vị thần tối cao trong Ấn Độ giáo bao gồm Brahma là đấng tạo hóa, Vishnu là đấng bảo hộ, còn Shiva là đấng hủy diệt. Cả ba tạo thành bộ tam thần Trimurti, thường được gọi là „Brahma-Vishnu-Maheshwara.“ Họ là những dạng khác nhau của một người được gọi là Đấng Tối cao hay Svayam Thế Tôn / Thần Krishna / Parabrahman.



Kệ tụng:

Ngã trú giữ các căn

Năn xúc và năng thọ. (kệ 7cd)

[545b28] Luận giải: Chấp có cái ngã trú giữ các căn, có khả năng xúc đối với *thuận khổ thọ xúc, thuận lạc thọ xúc*, và có khả năng lãnh thọ lạc hay lãnh thọ khổ.

[545c01] Lại nữa, ***ngu si về lưu chuyển, tác giả, tăng thượng nghĩa và nhiệm ô thanh tịnh***: Là chấp có sự riêng biệt trú giữ cái thân làm ngã.

Kệ tụng:

Từ đây sinh tử xứ

Chấp có người lưu chuyển

Tác giả: pháp, phi pháp

Và quả ấy tăng thượng. (kệ 8)

Với tu tập tà hành

Chấp là người nhiễm ô

Với tu tập chánh hành

Vọng chấp người giải thoát. (kệ 9)

[545c07] Luận giải: Người ngu si kia đối với sinh tử xứ này, xứ kia, chấp có thật ngã sinh tử lưu chuyển, chính là thật ngã này. Tạo tác nhân của pháp và phi pháp cho đời sau, chính là thật ngã này. Đối với quả kia tự tại thọ dụng, nên quả pháp kia sinh, chính là thật ngã này. Dựa vào quả pháp tập làm tà hành, chấp là người nhiễm ô; tu hành chánh hành, chấp là người giải thoát.



Kệ tụng:

Khi Phật chưa ra đời

Ngu si chuyển như vậy

Do Phật hiện thế gian

Nói bảy thứ thiện xảo. (kệ 10)

[545c14] Luận giải: Sự hiển thị ở đây dựa vào thời gian như vậy, theo sự thích ứng, ngoại đạo ngu si, chúng sinh hoàn diệt. Do bảy thứ thiện xảo ngôn thuyết này là pháp không chung với tất cả ngoại đạo:

Ở đây, ***thiện xảo uẩn*** là:

Kệ tụng:

Biết ba đời sai biệt

Năng trừ nhất hợp tướng

Tức ly và giải thoát

Chúng sinh bất khả đắc (kệ 11)

Đa chủng và tổng lược

Cùng có sai biệt chuyển

Trí tăng ích tổn giảm

Thiện xảo uẩn nên biết. (kệ 12)

[545c21] Luận giải: ***Ba đời sai biệt***: Các uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại có thể tách sai biệt, như đức Bạc-già-phạm nói: “*Phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không*



phải tự ngã của tôi.”²⁸⁸ Do thắng trí tuệ như thật liễu tri, nên đối với các uẩn xả ly *nhất hợp tướng*²⁸⁹, tức là hoàn diệt.

Lại nữa, tánh *bồ-đặc-già-la* trong các uẩn thì không thể thủ đắc. Vì sao? Ngay trong các uẩn, không thể thủ đắc chúng sinh; lia các uẩn cũng không thể thủ đắc chúng sinh; giải thoát các uẩn cũng không thể thủ đắc chúng sinh; như đức *Bạc-già-phạm bảo Tây-nhĩ-ca*²⁹⁰: “*Nơi sắc uẩn ông thấy Như lai chăng?*”, cho đến “*Nơi thức uẩn ông thấy Như lai chăng?*” Tây-nhĩ-ca đáp: “*Bạch đức Kiều-đáp-ma, không.*” Như vậy cho đến nói rộng.²⁹¹ Trong kinh này, nói sắc uẩn, thọ uẩn v.v..., dù nói chung hay nói riêng, *bồ-đặc-già-la* đều không thể thủ đắc. Nay ở đây chỉ nói lược, nếu nói chung thì năm uẩn không thể thủ đắc.

Như vậy đã nói về sự biết rõ sắc v.v.. các tướng sai biệt, và khả năng viễn ly chúng, tức đối trị được cái chấp tăng ích. Đối với tự tướng và cộng tướng của các uẩn đều được *thiện xảo*.

Lại nữa, uẩn có nghĩa là tích tụ. Khả năng hiểu rõ nghĩa tích tụ ấy, gọi là *thiện xảo*. Nghĩa tích tụ này lại có bốn thứ: 1. Nghĩa đa chủng; 2. Nghĩa tổng lược; 3. Nghĩa cộng hữu chuyển; 4. Nghĩa tăng ích tổn giảm.²⁹²

288 Trung bộ kinh, Đại kinh mãn nguyệt, số 109.

289 Nhất hợp tướng 一合想: Ý tưởng về nhất thể của các uẩn. Các uẩn không có tánh thường tồn, cũng không có nhất thể, mà do các duyên hợp thành.

290 Tây-nhĩ-ca 西爾迦 (s: Senika) = Tiên-ni 仙尼/先尼: Tên một phái ngoại đạo xuất gia. Ngoại đạo ấy tin vào thần ngã và chủ trương tâm thường tướng diệt.

291 Tập A-hàm, kinh Tiên-ni, số 105: “Thế nào, sắc có phải là Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không? Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Trong Như Lai có sắc không? Và trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Phi sắc, phi thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không.” (Thích Đức Thắng dịch) Kiều-đáp-ma 喬答摩 (s: Gautama) = Cù Đàm 瞿曇.

292 Uẩn: 1. Tích tụ nhiều phẩm loại khác nhau; 2. Phẩm loại tuy sai biệt nhưng có thể tóm lược



Ở đây hiển thị tự thể của các uẩn, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo uẩn*.

Thế nào là *thiện xảo giới*?

Kệ tụng:

Vì thấy ba nhân sinh

Gọi là thiện xảo giới

Từ vô thủy tự chủng

Nhiều chủng loại sinh khởi (kệ 13)

Do đây và ở đây

Nắm giữ không thể được

Vì y tự trí thành

Trừ được tánh thấp kém. (kệ 14)

[546a14] Luận giải: Do quán ba pháp: căn, cảnh và thức²⁹³; chúng từ tự nhân mà sinh, gọi là *thiện xảo giới*. Vì sao? Do các pháp kia lưu chuyển vô thủy, từ tự chủng tử²⁹⁴ sinh ra, nhiều sinh khởi và nhiều loại sinh khởi.

Nhiều sinh khởi: Như kinh nói: “*Chẳng phải một giới.*”

Nhiều loại sinh khởi: Như kinh nói: “*Đa dạng giới.*”²⁹⁵

thành một nhóm; 3. Chuyển động, vận hành hỗ tương và xen tạp; 4. Tích tụ tăng thêm hay giảm đi.

293 Căn, cảnh và thức là nói gọn 18 giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức, tức 18 lãnh vực của hiện hữu, là thân tâm và thế giới của thân tâm ấy.

294 Tự chủng tử: Chủng tử của A-lại-da thức.

295 Đa dạng giới: Chánh văn là chủng chủng giới. Giới (界) là tên gọi khác của chủng tử, tức chủng tử của thức a lại da. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (chưa có Hán dịch) có bài chính cú, dẫn bởi Nhiếp luận thích: “Giới, từ vô thủy đến nay, là sở y của hết thảy pháp. Do đó mà có sự luân hồi trong mọi đường lành đường dữ và có sự chứng đắc quả niết bàn.” (Vô thủy thời lai giới, Nhất thiết pháp đẳng y, Do thử hữu chư thú, Cập niết bàn chứng đắc. 無始時來界, 一切法等依, 由此有諸趣, 及涅槃證得) Giới còn có nghĩa là nhân, bản tánh, chủng tánh, vi tế, nhiệm tri. Kinh Đa giới (Bahudhātuka-sūtra) là kinh số 115 của Trung bộ kinh hay kinh số 181 của Trung A-hàm. Về giới, kinh Đa giới nói đến: 18 giới:



Lại nữa, do dựa vào các căn, không thể có được cái ngã nào năng thủ các cảnh giới. Có thể biết những gì được tạo tác là dựa vào sự tự thành lập, không do Đại tự tại thiên v.v... Vì vậy, phàm muốn không sinh làm người thấp kém thì phải tu tập cho được tự tại.

Ở đây hiển thị tự thể của các giới và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo giới*.

Thế nào là *thiện xảo xứ*?

Kệ tụng:

Biết các xúc, các thọ

Do hai thứ sinh môn

Y chỉ vào các xúc

Nên biết thiện xảo xứ. (kệ 15)

Như pháp xứ, thiên xứ

Về sau được y chỉ

Do vì thế tục đế

Biết rõ hai thứ tánh. (kệ 16)

[546a27] Luận giải: Do khéo biết rõ xúc là bản thể của *cánh cửa sự sống*²⁹⁶ mà kiến lập hai xứ: căn và cảnh.²⁹⁷ Như vậy, do nghĩa

nhân, sắc, nhãn thức, nhĩ, thanh, nhĩ thức, tỷ, hương, tỷ thức, thiệt, vị, thiệt thức, thân, xúc, thân thức, ý, pháp và ý thức; 6 giới: địa, thủy, phong, hỏa, không và thức; 6 giới: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả và vô minh; 6 giới: dục, ly dục, sân, vô sân, hại và bất hại; 3 giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới; 2 giới: hữu vi giới và vô vi giới.

296 Sinh môn 生門: cửa sinh, cửa thọ sinh hay sinh loài.

297 Tất cả pháp bao gồm 12 xứ (6 căn và 6 cảnh), thu gọn là 2 xứ: căn và cảnh. Xứ mang ý nghĩa dưỡng dục, sinh trưởng, sở cư trú. Tạng A-hàm, kinh số 319, Nhất thiết: "Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón hỏi thăm nhau, ngồi một bên bạch Phật: "Bạch Cù-đàm, nói rằng 'tất cả', vậy thế nào là tất cả?" Phật bảo Bà-la-môn: "Tất cả, nghĩa là chỉ cho mười hai nhập xứ, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với pháp, đó gọi là tất cả. Nếu có người lại nói rằng: 'Đó không phải là tất cả, mà Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả. Nay ta bỏ tất cả này mà lập riêng tất cả khác,' thì người này chỉ nói trên ngôn thuyết.



năng sinh nên gọi là xứ. Giống như thế gian tu thiện pháp được gọi là *pháp xứ*.

Lại nữa, khéo biết rõ các thọ dựa vào xúc mà kiến lập xúc làm xứ của thọ. Như vậy, theo nghĩa chỗ cư trú mà gọi là xứ. Giống như thiên tượng²⁹⁸ trú ở thế gian được gọi là *thiên xứ*.

Lại nữa, khi hai pháp xúc thọ sinh khởi, dựa vào thế tục đế để hiểu rõ hai tánh: sự xúc đối và sự cảm thọ. Xúc là khả năng xúc đối. Thọ là khả năng lãnh nạp.

Ở đây, hiển thị theo thắng nghĩa đế thì sự xúc đối và sự cảm thọ là không thể thủ đắc; theo thế tục đế thì cả hai đều có thể thủ đắc. Đó gọi là *thiện xảo xứ*.

Thế nào là *thiện xảo duyên khởi*?

Kệ tụng:

Biết chưa đoạn vô thường

Nhân sinh ra các quả

Tự tương tục, tương tự

Gọi thiện xảo duyên khởi. (kệ 17)

Chúng sinh bất khả đắc

Mà có xả, tục giả

Do thấu suốt sâu xa

Bốn thứ duyên khởi vậy. (kệ 18)

Nếu hỏi đến thì họ lại không biết và chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

298 Thiên tượng 天像: hiện tượng trên bầu trời, hiện tượng thiên nhiên (bầu trời đỏ kỳ lạ v.v...), như trong kinh nói "ánh sáng lạ hiện tới". Chu Văn Vương (1090 – 1050 TCN) đã quan sát thiên tượng để tạo ra hậu thiên bát quái.



[546b11] Luận giải: Khéo hiểu rõ sự chưa vĩnh đoạn vô thường và nhân tố sinh ra các quả, gọi là thiện xảo duyên khởi. Nghĩa là như kinh nói: “*Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.*”²⁹⁹

Lại nữa, khéo hiểu rõ do từ nhân này bằng sự *tự tương tục* sinh ra các quả pháp, nghĩa là như kinh nói: “*Chẳng phải ngoài sự sinh làm duyên mà có già, chết, v.v...*”³⁰⁰

Lại nữa, khéo hiểu rõ do từ *tương tự nhân* sinh ra các quả pháp, nghĩa là như kinh nói: “*Ác hành của thân có khả năng cảm quả dị thực không hỷ, không lạc, không đáng yêu, không vừa ý. Diệt hành của thân có khả năng cảm quả dị thực hỷ, lạc, đáng yêu, vừa ý.*”³⁰¹ Đại loại như vậy.

Lại nữa, ngay nơi các *uẩn tương tục* mà gọi là có người xả mạng và người tục sinh, nhưng tánh *bồ-đặc-già-la* không thể thủ đắc. Do khéo hiểu rõ bốn thứ duyên khởi sâu xa, đó là: không từ tự sinh,

299 Chánh văn là như kỳ thứ đệ (tóm tắt không kể ra), chỉ cho đoạn “nghĩa là duyên vô minh khổ, não.” Xem Tập A-hàm, kinh Xiển-đà, số 262; Trung bộ kinh, kinh Đa giới.

300 Tập A-hàm, kinh Vô minh tạng, số 357: “*Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí về sanh duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh làm duyên mà có già chết; trí về sanh quá khứ làm duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có già chết; trí về sanh vị lai làm duyên nên có già chết; cùng với trí về pháp trụ, là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về vô minh duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh làm duyên mà có hành; trí về vô minh quá khứ làm duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh quá khứ làm duyên mà có hành; trí về vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí về sự chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành; cùng với trí pháp trụ là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Đó gọi là bảy mươi bảy thứ trí.*”

301 Tập A-hàm, kinh Oanh phát Mục-kiền-liên, số 281.



không từ tha sinh, không phải tự tha sinh, không phải vô nhân sinh.³⁰²

Ở đây hiển thị tự thể của duyên khởi, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo duyên khởi*.

Thế nào là *thiện xảo xứ phi xứ?*

Kệ tụng:

Không làm, không đến, được

Hai, thể khác không chuyển

Tịnh kiến không còn nghiệp

Phi ngã tự tại hai. (kệ 19)

Như vậy trí năng tri

Thiện xảo xứ phi xứ

Nơi tự quả định xứ

Khác đây nói phi xứ. (kệ 20)

[546b27] Luận giải: Nếu không thấy ngã thì đối với hai xứ nhân và quả có được sự tự tại, gọi là thiện xảo xứ phi xứ. Nghĩa là không làm, không đến chỗ, không có được, hai thể không chuyển, thể khác không chuyển, tịnh kiến không còn nghiệp.

Thế nào là *không làm?* Là không chuyên nhất làm các diệu thiện hành, cho nên không có cái ngã tự tại.

Thế nào là *không đến chỗ?* Là lìa diệu thiện hành thì không đi đến được thiện thú, như kinh nói: “*Không có trường hợp nào, không*

302 Tứ bất sinh 四不生: Chư pháp bất tự sinh, Diệc bất tùng tha sinh, Bất cộng bất vô nhân, Thị cố tri vô sinh. Bốn câu bất sinh trong luận Trung quán, do ngài Long Thọ lập ra để nói rõ về nghĩa “các pháp vô sinh”, gồm: 1. Bất tự sinh: tất cả vạn pháp không thể lấy chính nó làm nhân để sinh; 2. Bất tha sinh: tất cả vạn pháp không thể do nhân khác mà sinh; 3. Bất cộng sinh: tất cả vạn pháp không thể lấy chính nó và nhân khác làm cộng nhân để sinh; 4. Bất vô nhân sinh: tất cả vạn pháp không thể do vô nhân mà sinh.



có hợp lý nào, rằng ác hành của thân ...” cho đến “được sinh lên cõi trời, điều đó không thể xảy ra.”³⁰³

Thế nào là *không có được*? Là lia thiện phương tiện của Thánh đạo vô lậu thì nhất định không thể có được đạo quả thuộc về cứu cánh thanh tịnh, như kinh nói: “*Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, rằng không vĩnh đoạn năm triền cái ...*” cho đến “*không tu bảy biến giác chi mà có năng lực chánh chứng đắc tận biên tế của khổ, điều đó không thể xảy ra.*”³⁰⁴

Thế nào là *hai thể không chuyển*? Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, không trước không sau có hai đức Như lai cùng xuất hiện (trong một thế giới), cho đến nói rộng.³⁰⁵

Thế nào là *thể khác không chuyển*? Là lia ngoài cái thân trọng

303 Tạng A-hàm, kinh A-nan sở vấn, số 539: “Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết được sanh lên cõi trời.” (Thích Đức Thắng dịch) Xem Trung bộ kinh, kinh Đa giới.

304 Tạng A-hàm, kinh Tinh Pháp, số 710: “Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: ‘Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỷ-kheo lia tham dục, thì tâm giải thoát; lia vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỷ-kheo đó đã lia tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lia vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỷ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán, cứu cánh biên tế khổ.’” (Thích Đức Thắng dịch)

305 Trung bộ kinh, kinh Đa giới: “Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), hai A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, hai vua Chuyển Luân có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển Luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra.’” (HT. Thích Minh Châu dịch)



phu thì những thân khác ắt không thể làm chuyển luân vương v.v..., như kinh nói: “*Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, nữ nhân được làm chuyển luân thánh vương*”, cho đến nói rộng.³⁰⁶

Thế nào là *tịnh kiến không còn nghiệp*? Như kinh nói: “*Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, bỏ-đặc-già-la đầy đủ Thánh kiến mà giết hại mạng sống v.v...*” cho đến “*thọ thân sinh tử thứ tám*”³⁰⁷, điều đó không thể xảy ra. Nếu có xảy ra điều đó thì chính là dị sinh.”

[546c15] Nay ở đây, nói *không làm*, là cái ngã được chấp, nơi nhân không có được sự tự tại; *không có được*, là gồm cả nhân và quả; *tịnh kiến không còn nghiệp*, là chỉ còn có quả.

Lại nữa, xứ phi xứ: Quyết định nơi tự quả, gọi là xứ. Nên biết, nơi quả khác, gọi là phi xứ. Do nơi thiện xảo này có cái tuệ không điên đảo, nên gọi là thiện xảo xứ phi xứ.

Ở đây hiển thị tự thể của xứ phi xứ, và thắng lợi chương đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo xứ phi xứ*.

Thế nào là *thiện xảo căn*?

306 Trung bộ kinh, kinh Đa giới: “Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra.’”

307 Đệ bát hữu 第八有: Thánh giả Tu-đà-hoàn tái sinh kể cả thiên thượng, nhân gian, cộng lại không quá 7 lần; lần thứ 7, nhập niết bàn, không có tái sinh lần thứ 8. Trong kinh thường thí dụ “Tu-đà-hoàn tái sinh lần thứ tám” (đệ bát hữu) để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra. Trường A-hàm, kinh Điền Tôn: “Đoạn được ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác đạo, nhiều lắm là bảy lần sanh đến cõi này nữa là chắc chắn được niết bàn.”



Kệ tụng:

Nơi năng thủ, sinh, trú

Và nhiễm ô, thanh tịnh

Vô lý ngã quán thêm

Ở quả kia tăng thượng. (kệ 21)

Nơi phương tiện như vậy

Gọi là thiện xảo căn

Là với thủ, sinh, trú

Nhiễm, tịnh, tăng thượng vậy. (kệ 22)

[546c25] Luận giải: Nếu không thấy cái ngã nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng, nên gọi là thiện xảo các căn. Vì sao? Không phải vì chấp cái ngã mà quán xét lý do khác nơi sự năng thủ, sinh, v.v... tăng thượng tự tại, tức là lý do khác³⁰⁸ nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng, cho nên chấp ngã. Điều này không đúng đạo lý.

Nói đến các căn³⁰⁹ nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng,

308 Ý nói không có lý do nào khác ngoài các căn mà có nghĩa tăng thượng.

309 Chỉ cho 22 căn. Cái tác dụng mạnh mẽ, rõ rệt nhất của các pháp nhiễm tịnh là 22 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân (cơ năng phát thức), nam căn, nữ căn (sự sai biệt hữu tình, tướng mạo), mạng căn (khả năng tồn tục của một chúng sanh), ưu, hỷ, khổ, lạc, xả (5 thọ căn thuộc pháp ô nhiễm), ý căn (khả năng tiếp nối sanh tử tự tại tùy hành), tín, tấn, niệm, định, huệ (5 căn thanh tịnh), vị tri đương tri, dĩ tri, cụ tri (3 căn vô lậu), 8 căn sau thuộc pháp thanh tịnh. Con số 22 căn chính do Phật nói rải rác trong các kinh A-hàm và các đệ tử gom chung lại. Toàn bộ Phật pháp chỉ thuyết giảng hai mặt mê và ngộ. Mê là sanh tử lưu chuyển. Ngộ là hoàn diệt niết bàn. Luận Chánh Lý nói: "Sanh tử tiếp nối là nghĩa lưu chuyển, sanh tử chấm dứt là nghĩa hoàn diệt". Về mặt hiện thực lưu chuyển phải có 14 căn đầu trong 22 căn đó. Về mặt hiện thực hoàn diệt căn có 8 căn sau trong 22 căn căn đó. Căn mang ý nghĩa: tối thắng, tự tại và quang hiển. Thể của căn vượt trội nên gọi là tối thắng; dụng vượt trội gọi là tự tại; thể dụng vượt trội gọi là quang hiển. Do căn có nghĩa tăng thượng nên gọi là căn. Mọi sự việc đều nhờ chúng mà tăng thượng, và nhờ sự tăng thượng này mà các pháp đều hiện hữu. Luận Biện trung biên, phẩm 3, Biện Chân thật: "Hai mươi hai căn dựa vào nghĩa của sáu sự tăng thượng mà thiết lập. (1) Thường nhiếp thủ sáu trần cảnh nên sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, có nghĩa tăng thượng; (2) Tương tục trú ở trong một giai đoạn nên mạng căn có nghĩa tăng thượng; (3)

nghĩa là: (1) Sáu căn: mắt, tai, v.v... nơi sự nhiếp thủ sáu cảnh là tăng thượng. (2) Hai căn nam nữ nơi sự năng sinh tương tục là tăng thượng. (3) Một loại mạng căn nơi sự tương tục trú là tăng thượng. (4) Năm thọ căn thuộc nhiễm ô là tăng thượng. (5) Tám căn: tín, tấn, v.v... thuộc thanh tịnh là tăng thượng.

Ở đây hiển thị tự thể của thiện xảo các căn, và thắng lợi chương đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo các căn*.

Thế nào là *thiện xảo để*?

Kệ tụng:

Hai thứ: tự tánh khổ

Khổ hợp, không đúng lý

Do không nhân, có nhân

Và năm thứ thí dụ. (kệ 23)

Như vậy do tùy giác

Nên biết thiện xảo để

Tùy giác chưa từng thấy

Chưa thọ nghĩa, nhân duyên. (kệ 24)

[547a09] Luận giải: Do khéo quán sát cái ngã nơi hai pháp nhiễm tịnh, thấy chẳng thuận đạo lý, gọi là thiện xảo để. Những gì là hai? Là tự tánh khổ và cùng khổ hợp.

Thế nào là *tự tánh khổ*? Tự tánh của ngã là khổ. Tự tánh khổ là không có nguyên nhân hay là có nguyên nhân? Nếu không có nguyên

Tương tục [an lập] gia tộc nên nam nữ hai căn có nghĩa tăng thượng; (4) Thường thọ dụng nghiệp quả thiện ác nên năm căn: ưu, hỷ, khổ, lạc, xả, có nghĩa tăng thượng; (5) Sự thanh tịnh của thể gian nên năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ, có nghĩa tăng thượng; (7) Sự thanh tịnh của xuất thế gian nên các căn: vị tri đương tri, dĩ tri, cụ tri, có nghĩa tăng thượng." (tr. 470c17)



nhân thì phải thường nhiễm ô. Nếu có nguyên nhân thì trước phải thanh tịnh, sau mới nhiễm ô. Điều này không thuận lý.

Thế nào là *cùng khổ hợp*? Dẫn ra năm thí dụ đều không thuận lý. Nếu nói khổ cùng ngã hợp, thì (1) không nên như hai cái cây cùng hợp [thành một], vì mắc lỗi không nhiếp tánh xuất ly; (2) cũng không phải như người ta với cái cây cùng hợp, vì mắc lỗi có tánh xuất ly; (3) cũng không phải như lửa với củi cùng hợp, vì mắc lỗi có tánh hủy hoại; (4) cũng không phải như chiếc áo với màu nhuộm cùng hợp, vì trên thể của ngã, một chút phần của màu trắng sạch cũng không thể thủ đắc; (5) cũng chẳng phải như tâm và tâm pháp hòa hợp, bởi vì tâm là năng thủ, nó cùng với tâm pháp đồng duyên một cảnh, v.v... gọi là tương ưng với nhau. Ngã không có những nghĩa này nên không thuận đạo lý.

Lại nữa, quán thấy [trong bốn đế] những nghĩa chưa từng thấy và nhân duyên của chúng; cũng như quán thấy [trong bốn đế] những nghĩa chưa từng tiếp nhận và nhân duyên của chúng, gọi là thiện xảo đế. Nghĩa là từ xưa tới nay chưa từng thấy rõ hai đế khổ tập và nhân duyên của chúng; từ xưa tới nay chưa từng thấy rõ, chưa từng trải nghiệm, tiếp nhận hai đế diệt đạo và nhân duyên của chúng.

Ở đây hiển thị tự thể của thiện xảo đế, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo đế*.

Kệ tụng:

Nên biết các thiện xảo

Sai biệt hai mươi ba

Di nhiếp luận làm đầu

Sau tối cực thanh tịnh. (kệ 25)



[547a28] Luận giải: Nên biết, những thiện xảo uẩn, giới, xứ v.v... sai biệt lại có hai mươi ba thứ: (1) Thiện xảo dị nhiếp luận; (2) Thiện xảo văn sở sinh trí; (3) Thiện xảo tư sở sinh trí; (4) Thiện xảo tu sở sinh trí; (5) Thiện xảo thuận quyết trạch phần trí; (6) Thiện xảo kiến đạo trí; (7) Thiện xảo tu đạo trí; (8) Thiện xảo cứu cánh đạo trí; (9) Thiện xảo luyện căn trí; (10) Thiện xảo phát thần thông trí; (11) Thiện xảo bất thiện thanh tịnh thể tục trí; (12) Thiện xảo thiện thanh tịnh thể tục trí; (13) Thiện xảo thắng nghĩa trí; (14) Thiện xảo bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; (15) Thiện xảo thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; (16) Thiện xảo thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; (17) Thiện xảo thành sở tác tiền hành trí; (18) Thiện xảo thành sở tác trí; (19) Thiện xảo thành sở tác hậu trí; (20) Thiện xảo Thanh văn trí; (21) Thiện xảo Độc giác trí; (22) Thiện xảo Bồ-tát trí; (23) Thiện xảo tối cực thanh tịnh trí.

Ở đây, *thiện xảo dị nhiếp luận* có hai thứ: 1. Thiện xảo chủng chủng nhiếp; 2. Thiện xảo chủng chủng luận.

[547b11] *Thiện xảo chủng chủng nhiếp* có mười một thứ: 1. Giới nhiếp; 2. Tướng nhiếp; 3. Chủng loại nhiếp; 4. Phần vị nhiếp; 5. Bất tương ly nhiếp; 6. Thời nhiếp; 7. Phương nhiếp; 8. Toàn phần nhiếp; 9. Nhất phần nhiếp; 10. Thắng nghĩa nhiếp; 11. Hỗ tương nhiếp.

Giới nhiếp: Là uẩn, giới, xứ được nhiếp vào tự chủng tử [của thức a-lại-da].

Tướng nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, mỗi tự tướng được nhiếp vào cộng tướng.³¹⁰

310 Tạp tập luận: "Như sắc uẩn nhiếp vào sắc uẩn, ..., pháp xứ nhiếp vào pháp xứ." (No. 1606, tr. 717b12)



Chung loại nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, mỗi tự chủng loại được nhiếp khắp cả.³¹¹

Phần vị nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, thuận lạc thọ, thuận khổ thọ và thuận bất khổ bất lạc thọ được nhiếp vào phần vị.³¹²

Bất tương ly nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, do một pháp nhiếp tất cả pháp, vì những pháp quyền thuộc của nó không tách rời nhau.³¹³

Thời nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, các pháp nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, riêng biệt nhiếp nhau.³¹⁴

Phương nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ y theo phương hướng mà chuyển. Dựa vào phương này sinh ra, tức là nhiếp vào phương này.

Toàn phần nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp đầy đủ trong năm thủ uẩn, mười tám giới, mười hai xứ.³¹⁵

311 Tạng tập luận: “Chung loại nhiếp, là uẩn, giới, xứ, mỗi tướng tuy khác, nhưng nghĩa của uẩn, nghĩa của giới, nghĩa của xứ v.v... triển chuyển nhiếp nhau. Nghĩa của uẩn, là sắc, thọ, v.v... đều có nghĩa của tích tụ, tuy tướng trạng mỗi khác nhưng tất cả nhiếp nhau, cùng nhau tiếp cận vì có chung một chủng loại. Nghĩa của giới, là nhân, nhĩ, v.v... đều có nghĩa năng tri, thọ dụng, tất cả nhiếp nhau. Nghĩa của xứ, là nhãn, nhĩ, v.v... đều có nghĩa cửa ngõ sinh trưởng, tất cả nhiếp nhau.” (tr. 717b14~19)

312 Tạng tập luận: “Phần vị nhiếp, là lạc vị nơi uẩn, giới, xứ, tức nhiếp chính nó. Khổ vị, bất khổ bất lạc vị cũng vậy, là những phần vị. Như sắc, thọ, v.v... tuy có chung uẩn loại, nhưng khổ, lạc, v.v... có phần vị sai biệt. Lạc vị trở lại nhiếp lạc vị, không phải là khổ vị hay bất khổ bất lạc vị. Cũng vậy, khổ vị, bất khổ bất lạc vị trở lại nhiếp chính nó. Giống như uẩn, giới và xứ cũng như vậy.”

313 Tạng tập luận: “Bạn nhiếp, là sắc uẩn cùng với các uẩn khác làm trợ bạn cho nhau, tức nhiếp trợ bạn cho uẩn khác. Giới và xứ cũng như vậy. Như sắc uẩn cùng với thọ, tưởng, v.v... làm trợ bạn cho nhau, có khả năng nhiếp năm uẩn. Như vậy, mỗi một trợ bạn của thọ, tưởng v.v... đều nhiếp năm uẩn. Giống như uẩn, giới và xứ cũng như vậy, hỗ tương làm trợ bạn; mỗi một giới hay xứ đều nhiếp tất cả giới hay xứ.” (tr. 717b25~28)

314 Tạng tập luận: “Thời nhiếp, là các uẩn, giới, xứ ở đời quá khứ trở lại nhiếp chính nó. Các uẩn, giới, xứ ở đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.” (tr. 717c01)

315 Tạng tập luận: “Cụ phần nhiếp, là có bao nhiêu pháp được nhiếp trong uẩn, giới, xứ thì có khả năng nhiếp toàn phần, như khổ uẩn nhiếp 5 thủ uẩn, Dục giới nhiếp 18 giới, Vô tưởng hữu tình xứ nhiếp 10 xứ, trừ hương và vị. Do đạo lý này, ở trong các kinh điển nói uẩn, giới, xứ nhiếp hết tất cả pháp có khả năng nhiếp toàn phần.” (tr. 717c07~10)



Nhất phần nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp ít phần riêng biệt.³¹⁶

Thắng nghĩa nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp bởi sắc thái chân như.

Hỗ tương nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ lần lượt nhiếp nhau.³¹⁷

[547b23] *Thiện xảo chủng chủng luận*: Đối với uẩn, giới, xứ, có phương tiện thiện xảo là nhiều thứ hỏi đáp, như lấy *nhất hành*³¹⁸ làm câu hỏi, và nên lấy thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ cú, vô lượng cú làm câu trả lời³¹⁹.

316 Tạng tập luận: “Nhất phần nhiếp, là có bao nhiêu pháp được nhiếp trong uẩn, giới, xứ thì chỉ nhiếp một phần, không phải tất cả, như giới uẩn chỉ nhiếp một phần của sắc uẩn, thọ uẩn, v.v...; định uẩn, tuệ uẩn, v.v... chỉ nhiếp một phần hành uẩn; dục, sân, hại giới chỉ nhiếp một phần pháp giới; Không vô biên xứ, v.v... chỉ nhiếp một phần ý pháp xứ; như vậy thấy.” (tr. 717c03~06)

317 Canh hỗ nhiếp: (1) Sắc uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Mười giới, toàn phần; một xứ, ít phần. Thọ uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Một giới, một xứ, ít phần. Như thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn cũng như vậy. Thức uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Bảy giới, một xứ. (2) Nhân giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Sắc uẩn, ít phần; một xứ, toàn phần. Như nhân giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc giới cũng như vậy. Ý giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Một uẩn, một xứ. Pháp giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Ba uẩn, toàn phần; sắc uẩn, ít phần; một xứ, toàn phần. Nhãn thức giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Thức uẩn và ý xứ, đều ít phần. Như nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng như vậy. (3) Nhãn xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Sắc uẩn, ít phần; một giới, toàn phần. Như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ cũng như vậy. Ý xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Một uẩn, bảy giới. Pháp xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Ba uẩn, toàn phần; một uẩn, ít phần; một giới, toàn phần. Như vậy, các pháp khác lấy uẩn, giới, xứ làm danh thuyết, và các pháp khác không lấy uẩn, giới, xứ làm danh thuyết: như thật hữu, giả hữu, thể tục hữu, thắng nghĩa hữu, sở tri, sở thức, sở đạt, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, như vậy thấy. Như trên đã hiển thị, theo chỗ thích ứng, cùng với uẩn, giới, xứ lần lượt nhiếp nhau. Theo chỗ thích ứng: là mỗi một uẩn nhiếp các giới, xứ; mỗi một giới nhiếp các uẩn, xứ; mỗi một xứ nhiếp các uẩn, giới.” (tr. 717c11~27)

318 A tỷ đàm Tỷ bà sa luận, quyển 31: “Hỏi: Nhất hành, lịch lục, tiểu thất, đại thất, có sai biệt thế nào? Đáp: Tên gọi chính là sai biệt. Lại nữa, lấy một hành pháp đề tác vấn, gọi là nhất hành; lấy sáu câu đề tác vấn, gọi là lịch lục; lấy bảy câu đề tác vấn, gọi là tiểu thất; lấy hai kết, vấn một kết, cho đến lấy tám kết, vấn một kết, gọi là đại thất. Lại nữa, vấn bất tương tự pháp, không lấy thể định, gọi là nhất hành; vấn tương tự pháp, lấy thể định, gọi là lịch lục; vấn bất tương tự pháp, lấy thể định, gọi là tiểu thất; lấy hai pháp, vấn một pháp, cho đến lấy tám pháp, vấn một pháp, lấy thể định, gọi là đại thất. Nhất hành, lịch lục, tiểu thất, đại thất, gọi là sai biệt.” (No. 1546, tr. 231b27~c05)

319 Theo luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạng tập, quyển 7 thì trong pháp đối luận Nhân minh có 7 cách hỏi đáp (thất cú đáp, 七句答), tức như đối với câu hỏi A là B, hoặc B có phải là A không, thì có 7 cách đáp như sau: 1. Thuận tiền cú đáp (S: Pūrvadāka): Cách đáp thuận theo câu trước và chỉ khẳng định câu trước; chẳng hạn như: A là B, nhưng B chưa hẳn là A; 2. Thuận hậu cú đáp (S: Pascāpadāka): Trái với cách đáp 1 ‘thuận theo câu trước’, cách đáp 2 này ‘thuận theo câu sau’ và chỉ khẳng định câu sau. Thí dụ như B là A, nhưng A chưa hẳn là B; 3. Nhị cú đáp: Tức đáp bằng 2 câu: hoặc A chẳng



Như có câu hỏi: Nếu có *giới nhiếp* tức là có *tướng nhiếp* chăng? Giả thử có tướng nhiếp thì lại có giới nhiếp chăng? Hãy nên dựa vào nhãn, dùng tứ cú để đáp: (1) Có giới nhiếp, không tướng nhiếp: Nếu sinh *Hữu sắc giới*, hoặc nhãn chưa sinh, hoặc nhãn sinh rồi mất. Nếu các dị sinh sinh *Vô sắc giới*, hoặc không có được nhãn, hoặc nhãn vô gián diệt.³²⁰ (2) Có tướng nhiếp, không có giới nhiếp: Là nhãn của A-la-hán tối hậu. (3) Có giới nhiếp cũng có tướng nhiếp: Là trừ những trường hợp nói trên, ngoài ra đều có nhãn vị. (4) Có không giới nhiếp, cũng không tướng nhiếp: Là A-la-hán nhãn đã mất hoại, [hoặc không sinh nhãn nếu] sinh *Vô sắc giới*, hoặc bậc đã kiến đế, hoặc đã nhập vô dư y bát niết bàn giới.³²¹ Đối với nhãn, phân biệt như vậy.

Đối với tất cả pháp khác, theo chỗ thích ứng nên phân biệt rộng: Như lấy giới nhiếp đối tướng nhiếp, như vậy lấy giới nhiếp đối các nhiếp khác, triển chuyển nhất hành, nên phân biệt rộng. Như vậy lấy các nhiếp khác đối các nhiếp khác, trừ cái trước nữa đối cái sau nữa, đều nên lấy đạo lý nhất hành, theo chỗ thích ứng, nên phân biệt rộng.

Lại nữa, nếu pháp được nhiếp bởi uẩn, thì pháp ấy có được nhiếp bởi giới chăng? Giả sử pháp được nhiếp bởi giới thì pháp ấy được nhiếp bởi uẩn chăng? Ở đây nên đáp bằng *thuận tiền cú*: Nếu pháp được nhiếp bởi uẩn, thì pháp ấy cũng được nhiếp bởi giới, hoặc pháp được nhiếp bởi giới, không phải được nhiếp bởi uẩn, thì gọi là pháp vô vi.

phải B, hoặc B chẳng phải A; 4. Tam cú đáp: Tức đáp bằng 3 câu: hoặc A chẳng phải B, hoặc B chẳng phải A, hoặc A cũng là B; 5. Tứ cú đáp: Gọi Tứ cú phân biệt, tức dùng: hoặc A mà chẳng phải B, hoặc B mà chẳng phải A, hoặc A mà cũng là B, hoặc chẳng phải A chẳng phải B; 6. Thuật khả cú đáp: Hoàn toàn đáp bằng chữ Đúng; 7. Giả chỉ cú đáp: Cách đáp bằng cách ngăn chặn lời hỏi của đối phương, làm cho họ không thành lập được câu hỏi. (tr. 768a11~b11)

320 Đoạn này tham khảo thêm Du-già sư địa luận, quyển 56, tr. 609b19~23, cho rõ nghĩa.

321 Bốn trường hợp: (1) Có nhãn giới, không có nhãn; (2) Có nhãn, không có nhãn giới; (3) Có nhãn cũng có nhãn giới; (4) Có không nhãn cũng không nhãn giới.



Như lấy uẩn đối giới, như vậy lấy uẩn cho đến đối đế³²², nên dựa vào đạo lý nhất hành rộng biện *tướng nhiếp*. Như uẩn đối cái khác, như vậy lấy giới đối xứ, v.v... cho đến lấy căn đối đế, nên phân biệt rộng.

[547c14] Ở đây, (1) *Thiện xảo bất thiện thanh tịnh thể tục trí*: Tức là *thiện xảo thuận quyết trạch phân trí*. (2) *Thiện xảo thiện thanh tịnh thể tục trí*: Tức là *thiện xảo xuất thể hậu đắc thể gian trí*. (3) *Thiện xảo thắng nghĩa trí*: Tức là *thiện xảo kiến đạo trí*.

Như vậy, có ba thứ thiện xảo, đó là (1) *thiện xảo bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí*, (2) *thiện xảo thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí* và (3) *thiện xảo thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí*.

Như vậy, có ba thứ thiện xảo, đó là (1) *thiện xảo thành sở tác tiền hành trí*, (2) *thiện xảo thành sở tác trí* và (3) *thiện xảo thành sở tác hậu trí*.

Lại nữa, ba thứ thiện xảo sai biệt ở đầu là: (1) chưa đoạn phiền não sinh, không phải phiền não đối trị; (2) đã đoạn phiền não sinh, không phải phiền não đối trị; (3) đã đoạn phiền não sinh, chính là phiền não đối trị.

Ba thứ thiện xảo sai biệt ở giữa, tức là ba thứ này do hữu phân biệt trí, vô phân biệt trí, thể tục trí, thắng nghĩa trí mà có sai biệt.

Ba thứ thiện xảo sai biệt ở sau, tức là ba thứ này hiển thị đoạn tiền hành trí tánh, chánh đoạn đạo trí tánh và hậu thời trí tánh của hai trí kia mà có sai biệt.

Như vậy, chín trí dựa vào sự tương tục. Vì bổ-đặc-già-la sai biệt lại thiết lập bốn thứ [thiện xảo]³²³.

322 Uẩn, giới, xứ, căn, đế.

323 Bốn thứ thiện xảo: Thiện xảo Thanh văn trí, thiện xảo Độc giác trí, thiện xảo Bồ tát trí, thiện xảo tối cực thanh tịnh trí.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bốn

Phẩm Bốn

THÀNH VÔ THƯỜNG

[547c29] Lại nữa, như trước đã nói: “*Nếu muốn chánh tu hành, Biến tri đấng công đức*”³²⁴: nghĩa là biến tri khổ, v.v...³²⁵ Thế nào là khổ biến tri? Là đối với khổ đế, biến tri vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay theo thứ tự mà thành lập rộng.

Ở đây, *thành vô thường*: Là nên hiển thị thể tánh vô thường và sai biệt vô thường.³²⁶ Thế nào là vô thường? Những gì là sai biệt?

Kệ tụng:

Vô thường gọi hữu vi

Tương ưng với ba tướng

Vô thường nghĩa như ứng

Sáu, tám thứ nên biết. (kệ 1)

324 Hai câu kệ tụng của Hiển dương, nằm trong quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4. Phân biệt rộng thì xem lại phẩm Nhiếp sự, kệ 21ab, 501c.

325 Là đối với khổ đế, tập đế và diệt đế thuộc về thế tục đế hay thuộc về thắng nghĩa đế mà có thể biến tri, vịnh đoạn và tác chứng.

326 Phân khoa phẩm Thành vô thường: 1. Kiến lập sắc thái vô thường (định nghĩa vô thường): kệ 1 – 5 (547c-548c). 2. Quyết trạch những nghĩa khác: a. Vô thường đều là nghĩa của khổ, kệ 6 (548c); b. Nghĩa của sát-na vô thường và ba nhân thành lập (sát-na diệt luận): kệ 7-12 (548c-549b). 3. Đối phá thường chấp thường (phủ định ngã, Tự tại, tự tánh, cực vi, hiểu biết là tánh thường trú): kệ 13-18 (549b-550b). 4. Thích thành biến tri (tu tập vô thường): kệ 19-23 (550b-551a).



[548a07] Luận giải: *Tánh vô thường*: Là pháp hữu vi, và cùng tương ưng với ba tướng hữu vi: 1. Sinh tướng; 2. Diệt tướng; 3. Trú dị tướng.³²⁷

Lại nữa, nghĩa vô thường sai biệt: Theo sự thích ứng hoặc có sáu thứ, hoặc có tám thứ, nên biết. Những gì là sáu, là tám?

Kệ tụng:

Vô tánh, hoại, chuyển dị

Biệt ly, đắc, đương hữu

Sát na, tục, bệnh đấng

Là tâm, khí, thọ dụng. (kệ 2)

[548a13] Luận giải: Sáu thứ vô thường: 1. Vô tánh vô thường; 2. Thất hoại vô thường; 3. Chuyển dị vô thường; 4. Biệt ly vô thường; 5. Đắc vô thường; 6. Đương hữu vô thường.³²⁸

327 Du-già sư địa luận, quyển 88, Nhiếp sự phần: “Như vậy ba sắc thái hữu vi này dựa vào hai thứ hành lưu chuyển mà an lập: 1. Dựa vào sinh thân triển chuyển lưu chuyển; 2. Dựa vào sát-na triển chuyển lưu chuyển. Sinh thân triển chuyển lưu chuyển: Ở trong chúng đồng phần của mọi loài hữu tình, sơ sinh, gọi là sinh; mạng chung, gọi là diệt; khoảng giữa sinh diệt: từ trẻ thơ v.v... vị lập trú dị tánh, cho đến thọ mạng trú, gọi là trú; các vị lập lần lượt triển chuyển sai biệt, gọi là trú dị tánh. Sát-na triển chuyển lưu chuyển: Các hành trong từng sát-na thay đổi mà sinh, gọi là sinh; sau sinh sát-na không có trú, gọi là diệt; chỉ có sinh sát-na trú, gọi là trú; dị tánh có hai: 1. Dị tánh dị tánh; 2. Chuyển biến dị tánh. Dị tánh dị tánh: Các hành tương tự tương tục mà chuyển. Chuyển biến dị tánh: Các hành không tương tự tương tục mà chuyển. Không phải dị tánh này rời ngoài trú tướng có thể riêng biệt có thể có được, cho nên hai thứ dị tánh gồm chung làm một, thiết lập một tướng. Trái ngược với những tướng trên, nên biết, là ba tướng vô vi thường trú.” (tr. 795c20~796a05)

328 Theo Tạng tập luận, quyển 6: Vô tánh vô thường (phi hữu vô thường): là uẩn, giới, xứ nơi tất cả thời, tự tánh của ngã và ngã sở đều chẳng thật có. Thất hoại vô thường (hoại diệt vô thường): là các hành sinh rồi liền diệt. Chuyển dị vô thường (biến dị vô thường), là các hành sinh khởi khác nhau, vì không tương tự và liên tục chuyển động. Biệt ly vô thường: là mất đi cái lực tăng thượng nơi các hành, hoặc những gì thuộc của người mà chấp là mình có, như đồ dùng, tài sản v.v..., hoặc theo thời gian tự nhiên mất hoại, hoặc người khác chiếm đoạt những gì của mình có. Đắc vô thường (hiện tiền vô thường): là sống với sự vô thường, do cái nhân (quá khứ) theo đuổi đến ngày nay mà thọ lãnh sự vô thường. Đương hữu vô thường (pháp tánh/ pháp nhĩ vô thường): là đương lai vô thường, do cái nhân (hiện tại) theo đuổi nên chắc chắn lãnh thọ sự vô thường, như chết là tánh vô thường chắc chắn phải lãnh thọ. (tr. 720a05~a18) Luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật, tr. 469a20: “Vô thường có ba thứ: 1. Vô tánh vô thường, là biến kế sở chấp vĩnh viễn không thật có; 2. Sinh diệt vô thường, là y tha khởi có sinh khởi, có diệt mất; 3. Cấu tịnh vô thường, là viên thành thật [hiển lộ] do địa vị chuyển biến.” Luận Trung biên phân biệt, No. 1599, phẩm Chân thật, tr. 455c22: “Như vậy trong ba thứ chân thật căn bản, nói rõ có ba thứ vô thường: 1. Vô vật vô thường; 2. Sinh diệt vô thường; 3. Hữu cấu vô cấu vô thường.” Vô vật vô thường là vô tánh vô thường.



Tám thứ vô thường: 1. Sát-na môn³²⁹; 2. Tương tục môn³³⁰; 3. Bệnh môn; 4. Lão môn; 5. Tử môn³³¹; 6. Tâm môn³³²; 7. Khí [thể giới] môn³³³; 8. Thọ dụng môn³³⁴. Ở đây, hai thứ sát-na và tương tục là vô thường mà biến hành trong tất cả; ba thứ bệnh, lão, tử là vô thường ở nội sắc; tâm là vô thường chỉ có nơi danh; hai thứ khí [thể giới] và thọ dụng là vô thường ở ngoại sắc.

Ở đây, *vô tánh vô thường*: Là tánh thường không có, gọi là vô thường. Ngoài ra, biến dị vô thường có mười lăm thứ.

Kệ tụng:

Biến dị cần phải biết

Mười lăm thứ sai biệt

Gọi là phần vị đẳng

Bị tám duyên bức bách. (kệ 3)

Hạ giới đủ tất cả

Trung giới là ba môn

Đủ ba thứ biến dị

Thượng giới lại trừ khí. (kệ 4)

329 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Giác phần, tr. 646b, đề cập 15 nghĩa để thành lập nghĩa sát-na hoại diệt: 1. Do khởi; 2. Nhân duyên; 3. Trái ngược; 4. Không trụ; 5. Vô thể; 6. Tương định; 7. Tùy chuyển; 8. Diệt tận; 9. Biến dị; 10. Nhân; 11. Quá; 12. Nắm giữ; 13. Tăng thượng; 14. Tùy tịnh; 15. Tùy sanh. Hiểu rộng thì xem giải thích ở luận này.

330 Tương tục: sự liên tục trước sau không có gián đoạn của thân tâm. Ngài Huyền Trang dịch là đa phiên não thân, cái thân nhiều phiên não. Ngài An Huệ nói là cái thân 5 thủ uẩn. Sự tương tục ấy thì vô ngã.

331 Bệnh, lão, tử môn: Là bốn đại biến dị vô thường.

332 Tâm môn: là các thứ tâm hành (tham, sân, si v.v...) khởi diệt, chuyển biến vô thường.

333 Khí [thể giới] môn: Là thể giới vật chất thành hoại vô thường.

334 Thọ dụng môn: Là các sự thọ dụng (tài sản, sắc đẹp, quyền lực v.v...) hưng thịnh và suy biến vô thường.



[548a25] Luận giải: Mười lăm thứ biến dị: 1. Phần vị biến dị; 2. Hiển biến dị; 3. Hình biến dị; 4. Hưng thịnh biến dị; 5. Chi tiết biến dị; 6. Lạnh nóng biến dị; 7. Cái khác làm tổn hại biến dị; 8. Mệt mỏi biến dị; 9. Uy nghi biến dị; 10. Xúc đối biến dị; 11. Nhiễm ô biến dị; 12. Bệnh v.v... biến dị; 13. Chết biến dị; 14. Bầm xanh, v.v... biến dị; 15. Mọi thứ không hiện hết biến dị.

Phần vị biến dị: Là từ bé thơ cho đến tuổi già, trước sau biến khác riêng biệt, không giống nhau.

Hiển biến dị: Là từ vẻ đẹp, da căng, thân thể tươi tắn, cho đến biến đổi xấu xí, da nhăn, thân thể gầy gò.

Hình biến dị: Là sự biến đổi béo, gầy, v.v....

Hưng thịnh biến dị: Là sự hưng thịnh của quyền thuộc, của cải, đạo đức, kiến thức v.v..., và tương phản với hưng thịnh là suy thoái biến khác.

Chi tiết biến dị: Là trước có đủ chân tay, bộ phận, sau biến mất không đủ.

Lạnh nóng biến dị: Là khi trời lạnh thì cơ ro, run rẩy; khi trời nóng thì thoải mái, đổ mồ hôi; mong cầu lạnh, ấm, v.v... biến đổi.

Cái khác làm tổn hại biến dị: Là chân đạp, tay đá, muỗi mòng châm chích, v.v... làm thân thể biến đổi.

Mệt mỏi biến dị: Là do chạy nhảy, cưỡi, ném, v.v... làm thân thể mệt mỏi biến đổi.

Uy nghi biến dị: Là bốn uy nghi, trước sau dễ thiếu sót, tổn ích biến đổi.

Xúc đối biến dị: Là do thuận khổ lạc, v.v... các xúc biến đổi, cho nên các cảm thọ khổ, vui, v.v... biến đổi.



Nhiễm ô biến dị: Là tâm có tham, sân, v.v... hai phiền não đại tùy làm tâm nhiễu loạn biến đổi.

Bệnh v.v... biến dị: Là trước không có bệnh khổ, sau bị bệnh nặng làm thân thể khổ sở, biến đổi.

Chết biến dị: Là trước có thọ mạng, sau trống rỗng, vô thức, trước sau biến đổi.

Bầm xanh v.v... biến dị: Là sau khi mạng chung, thân thể bầm xanh, sinh trương, cho đến xương trắng dính nhau, v.v...³³⁵ biến đổi.

Mọi thứ không hiện hết biến dị: Là sự biến đổi của bộ xương trắng dính nhau, thiêu hoại, tách rời, tan rã; tất cả quá trình ấy đều không thấy được.

[548b16] Lại nữa, mười lăm thứ biến dị này do tám duyên tương ưng với chúng. Tám duyên: 1. Chờ đợi thời gian; 2. Người bị tổn hại; 3. Thọ dụng thiếu hụt; 4. Thời tiết thay đổi; 5. Lửa thiêu hủy; 6. Nước phá hoại; 7. Gió khô ráo; 8. Dị duyên hợp.

Chờ đợi thời gian: Trải qua thời gian lâu xa, các pháp hữu sắc không lìa bỏ xứ, tự nhiên mục nát.

Cái khác làm tổn hại: Do cái khác làm nhân duyên cho các thứ bức nã, trước sau biến đổi.

Thọ dụng thiếu hụt: Đối với mọi sự thọ dụng bị các chủ thể khác biệt sử dụng làm tổn giảm biến đổi.

Thời tiết thay đổi: Mùa Đông lạnh giá, băng tuyết; ngày Hè nóng bức, nhiều mưa; cây rừng, cỏ thuốc khi sum suê, khi tàn tạ.

335 Cửu tướng quán (cốt tòa quán, cốt tường quán): 1. Quán thân mới chết bầm xanh; 2. Lần lần sinh trương; 3. Kế đến nứt nẻ; 4. Máu chảy ra; 5. Rục rã; 6. Lầy thúi; 7. Giòi, thú đục, ăn; 8. Xương mục; 9. Tiêu rụi.



Lửa thiêu hủy: Lửa dữ thiêu cháy thành phố, xóm làng thành đồng tro tàn.

Nước phá hoại: Nước xiết nhấn chìm, cuốn trôi nhà cửa, làng mạc.

Gió khô ráo: Gió mạnh thổi quạt áo ướt, đất ẩm làm mau khô ráo.

Dị duyên hợp: Người nhiều tham khi duyên hợp với sân, thì tham triền ngưng dứt, phát khởi sân triền. Như vậy, người nhiều sân, người nhiều si cùng phiền não khác duyên hợp nên biết cũng vậy. Như vậy, các thức và dị cảnh hiện tiền cũng vậy.

Lại nữa, nghĩa vô thường trên, ở Dục giới có đủ tất cả môn vô thường và biến dị; ở Sắc giới, trừ ba môn vô thường: bệnh, lão và thọ dụng, và có ba thứ biến dị: xúc đổi, nhiễm ô và chết. Như các nghĩa vô thường ở Sắc giới, nên biết Vô sắc giới cũng vậy, chỉ trừ khí môn.

Kệ tụng:

Nghĩa vô tánh vô thường

Là biến kế sở chấp

Những nghĩa vô thường khác

Y tha khởi nên biết. (kệ 5)

[548c07] Luận giải: Nghĩa vô tánh được nhiếp trong nghĩa vô thường, nên biết, nó tương nhiếp với tánh biến kế sở chấp. Những nghĩa vô thường khác thì tương nhiếp với tánh y tha khởi. Trong tánh viên thành thật không có nghĩa vô thường. Như vậy đã hiển thị nghĩa vô thường, sai biệt, và ba tánh được nhiếp.

Lại nữa, đức Thế tôn nói: “*Cái gì vô thường đều là khổ.*”³³⁶ Có ý gì chăng?

336 Trong Tương ưng bộ kinh, có lần đức Phật hỏi các thầy Tỳ kheo: “Này các thầy, cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay vui? - Là khổ, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên suy nghĩ: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”? - Thưa không, bạch Thế Tôn”



Kệ tụng:

Chư vô thường đều khổ

Các khổ bị xen tạp

Người ngu mê pháp tánh

Bị hại mà không biết. (kệ 6)

[548c14] Luận giải: Do *thô trọng khổ*³³⁷ xen tạp bởi vô thường; tánh vô thường này là *hành khổ*³³⁸ nên là khổ. Do *biến hoại khổ*³³⁹ làm chỗ y chỉ nên là khổ; vì vậy đạo đế là phi khổ, nó lấy sắc thái phi khổ xen tạp bởi nghĩa vô thường. Người ngu mê hoặc nơi pháp tánh [phi khổ] ấy, không thể thấu hiểu nghĩa thường và vô thường, vì đã bị não hại bởi *hiện tiền vô thường*³⁴⁰.

Ở trên đã nói sát-na vô thường biến hành tất cả. Nghĩa vô thường này không phải thế gian hiện chứng cho nên thành lập.

Kệ tụng:

Chư hành là tâm quả

Sinh rồi tự nhiên diệt

Sau có được biến dị

Niệm niệm diệt, nên biết. (kệ 7)

337 Thô trọng khổ = ngũ thủ uẩn khổ.

338 Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó có 5 uẩn gồm thân tâm và thế giới của thân tâm.

339 Biến hoại khổ (biến dịch khổ, hoại khổ): khổ sở vì cái vui mất đi. Luận Thanh tịnh đạo nói: “Cảm thọ khổ về thân và tâm gọi là khổ khổ, vì tự tính nó là khổ, tên nó là khổ, và vì nó đau đớn thực sự. Cảm thọ lạc về thân và tâm gọi là hoại khổ vì đó là nhân sanh ra khổ khi cảm thọ ấy biến hoại. Xả thọ và các hành khác trong ba cõi là hành khổ, vì chúng bị bức bách trong sanh diệt.” (Thích Nữ Trí Hải dịch)

340 Hiện tiền vô thường: Chư hành hiện tiền ở ngay nơi biến dị vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, hợp với cảm thọ vô thường, gọi là hiện tiền vô thường.

[548c22] Luận giải: Tất cả hành kia là quả của tâm³⁴¹, tâm tánh vừa sinh, rồi nhân duyên diệt, tự nhiên diệt hoại. Lại nữa, thời gian sau có được sự biến dị, nên biết, các hành đều là sát-na diệt.

Làm sao biết các hành là quả của tâm?

Kệ tụng:

Tâm huân tập tăng thượng

Định chuyển biến tự tại

Ảnh tượng sinh đạo lý

Và ba thứ Thánh giáo. (kệ 8)

[548c27] Luận giải: Do đạo lý và Thánh giáo mà chứng biết rằng các hành là tánh quả của tâm.

Đạo lý: Pháp thiện và pháp bất thiện huân tập nơi tâm. Do sức tăng thượng của tập khí nơi tâm mà các hành được sinh. Lại nữa, người đã vượt thoát những chướng ngại của định, tâm thanh tịnh, thì tất cả các hành tùy tâm chuyển biến. Do sức tự tại của ý giải ấy mà mọi thứ

341 Tâm đều là sát-na diệt, và chư hành cũng là sát-na diệt. Sát na diệt có nghĩa là hết thảy hiện tượng, bất luận là tâm hay vật, đều sinh diệt biến chuyển trong từng sát na, chúng không bao giờ đứng yên ở cùng một trạng thái. Tạp A-hàm, kinh 273, Thủ thanh dụ: “Này Tỳ-kheo, thí như hai tay chập lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường, mà đó là cái ngã vô thường; chẳng phải lâu bền, chẳng phải an ổn, đó là cái ngã biến dịch. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì nó là pháp thọ sanh có sanh, già, chết, tiêu mất. Này Tỳ-kheo, các hành như huyễn, như sóng năng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở. Ví như người mắt sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở.” (Thích Đức Thắng dịch)



chuyển biến. Lại do sức tự tại của định tâm mà theo sự mong muốn, sinh ra những ảnh tượng nơi cảnh giới định tâm. Đó gọi là đạo lý³⁴².

Thánh giáo: Là ba thứ Thánh ngôn. Như trong kinh có nói: “*Tâm dẫn thể gian đi, tâm lực để phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi, tự tại đều tùy chuyển.*”³⁴³

Lại nói: “*Cho nên bí-sô! Hãy khéo chuyên tinh, như chánh đạo lý, quán sát nơi tâm,*” cho đến nói rộng.³⁴⁴

Lại nói: “*Bí-sô nên biết! Nói thành chủ tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.*”³⁴⁵ Đó gọi là Thánh giáo.

342 Đạo lý là đạo lý duy tâm. Các hành là duy tâm; nói cách khác, cái tánh duy tâm của các hành. Thông đạt đạo lý duy tâm là hoàn toàn rời xa sự hiển hiện của đối cảnh, là “bỏ tất quán xét ẩn tượng chỉ là tâm, đối cảnh đã không còn thì quán xét chỉ có tâm mình” (Niếp luận).

343 Trung A-hàm, Phẩm Tâm, Kinh Tâm, số 172: “Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở một nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tâm khởi ý niệm ‘Cái gì dẫn thể gian đi? Cái gì làm nhiệm trước? Cái gì khởi tự tại?’ Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: ‘Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiển thiện lại được quán sát hiển thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng ‘Cái gì dẫn thể gian đi? Cái gì làm nhiệm trước? Cái gì khởi tự tại?’ Nay Tỳ-kheo, câu hỏi của người là như vậy chăng?’ Thầy Tỳ-kheo ấy đáp: ‘Bạch Thế Tôn, đúng vậy’. Đức Thế Tôn nói: ‘Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thể gian đi, tâm làm nhiệm trước, tâm khởi tự tại. Nay Tỳ-kheo, chính nó dẫn thể gian đi, chính nó làm nhiệm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Nay Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiệm trước, không để tâm tự tại. Nay Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của Đa văn Thánh đệ tử’. Tỳ-kheo bạch rằng: ‘Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

344 Tạp A-hàm, kinh 267, Vô tri: “Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị dây cột vào trụ. Dây trời không đứt, nó xoay chuyển quanh cây trụ, khi đứng, khi nằm, không rời khỏi trụ. Cũng vậy, chúng sanh phạm phu ngu muội, đối với sắc không lìa tham dục, không xa lìa ái, không lìa niệm, không xa lìa khát, luân hồi theo sắc, chuyển xoay theo sắc, khi đứng, khi ngồi, không rời khỏi sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, theo thọ, tưởng, hành, thức chuyển xoay, khi đứng, khi nằm không rời khỏi thức. Này các Tỳ-kheo, hãy khéo quán sát tư duy tâm. Vì sao? Vì trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuê, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm nào nên chúng sanh nảo; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.” (Thích Đức Thắng dịch)

345 Tạp A-hàm, kinh Khẩn-thứ dụ, số 1175: “Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhân theo pháp tư duy mà không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát và tùy theo sở kiến của họ mà ký thuyết. Nay ông nghe Ta nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như có một quốc vương biên địa, khéo chinh trị thành quách, dưới cửa kiên cố, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành đặt bốn người canh gác. Tất cả đều thông minh trí tuệ, biết người đi người đến. Trong thành này, tại một con đường ngã tư, an trí giềng chống. Thành chủ ngồi trên đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Liền được trả lời: ‘Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành.’ Vị sứ giả kia nghe rồi, đến chỗ thành chủ nhận chỉ thị rồi trở về đường cũ. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc, đến cũng hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Họ cũng đáp: ‘Ở giữa ngã tư đường, trong thành.’ Các sứ giả kia nghe rồi đều đến chỗ thành



Hỏi: Làm sao biết được đạo lý tự nhiên diệt hoại của các hành?

Đáp: Do bốn thứ nhân duyên.

Kệ tụng:

Vì sinh nhân tương vi

Không hai nhân trú diệt

Tự nhiên trú thường – lỗi

Nên biết nhiệm vận diệt. (kệ 9)

[549a12] Luận giải: Không phải *nhân sinh khởi* có thể hoại diệt các hành, vì hai thứ sinh diệt trái ngược với nhau. Lại nữa, không có *nhân dừng trú* làm cho các hành dừng trú. Nếu phải có *nhân dừng trú* thì các hành thành ra thường trú. Các hành đã không dừng trú thì cần gì dụng *nhân hoại diệt*; hơn nữa, không thể có được cái tánh của nhân hoại diệt. Các hành sinh khởi rồi, *tự nhiên dừng trú*, thì các hành ấy phải *thường*, thì *dừng trú* thành lỗi lớn. Như vậy, có nhân dừng trú, có nhân hoại diệt và có tự nhiên dừng trú; tất cả đều là lỗi. Nên biết tất cả các hành đều nhiệm vận hoại diệt³⁴⁶.

Kệ tụng:

Không nước, lửa, gió diệt

Do vì cùng khởi diệt

Tương kia phải diệt rồi

Còn sinh nhân biến dị. (kệ 10)

chủ, nhận chỉ thị của ông, rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình.” Phật bảo Tỳ-kheo: ‘Ta đã nói thí dụ. Nay sẽ nói ý nghĩa. Thành là dụ cho sắc thọ của thân người. Giống như kinh nói thí dụ cái tráp rần độc. Khéo sửa sang tường thành là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là nội sáu nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn trú xứ của thức. Bốn người giữ cửa chỉ cho tứ niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là Chánh quán. Nói lời như thật là Bốn chân đế. Trở về đường cũ là tám Thánh đạo.’” (Thích Đức Thắng dịch)

346 Tất cả các hành đều nhiệm vận hoại diệt, qua đó nghĩa của đạo lý sát-na diệt thành tựu.



[549a20] Luận giải: Nếu nước, lửa, gió là những *nhân hoại diệt*; sự thể này không đúng đạo lý, bởi vì nó cùng sinh, cùng diệt. Nếu nước, lửa, gió là những *nhân hoại diệt*, thì vật hư mục, vật thiêu đốt, vật khô ráo không nên trước tương tục hoại diệt rồi, lại biến dị tương tục sinh khởi. Vì sao? Tức cái nhân vô thể làm cái nhân hữu thể, không đúng đạo lý. Tuy nhiên, nước, lửa, gió cùng các vật hư mục, vật thiêu đốt, vật khô ráo thì tương ưng với thời gian diệt, có thể làm *nhân sinh khởi* cho các vật ấy biến đổi sau đó. Ngoài những công năng này, nước, lửa, gió đối với các vật ấy không còn công lực nào khác.

Lại nữa, nếu chấp *tướng hoại diệt* là *nhân hoại diệt*, thì tướng năng diệt và pháp sở diệt là đồng thời có, hay là không đồng thời có? Như vậy sẽ có lỗi gì?

Kệ tụng:

Tương vi, tương tục đoạn

Hai tướng thành không tướng

Ngược thể gian hiện thấy

Không pháp và nhân khác. (kệ 11)

[549b01] Luận giải: Tướng năng diệt và pháp sở diệt ấy, nếu nói đồng thời có thì không đúng đạo lý, vì có lầm lỗi *tương vi*; nếu nói không đồng thời có cũng không đúng đạo lý, vì có lầm lỗi *tương tục đoạn hoại*.

Lại nữa, nhân hoại diệt là *pháp năng diệt* mà thể là sự hoại diệt, hay thể không là sự hoại diệt? (1) Nếu thể là sự hoại diệt, tức một pháp phải có hai tướng hoại diệt. (2) Nếu thể không là sự hoại diệt, thì phải không có tướng hoại diệt. Có những lỗi như vậy nên không đúng đạo lý.



Lại nữa, trái ngược với tướng trạng mà thể gian hiện thấy, thì không nên chấp *diệt là nhân hoại diệt*. Vì sao? Thể gian cùng thấy các pháp hữu thể là nhân hoại diệt, nhưng không thấy *pháp hoại diệt là nhân hoại diệt*. Lại nữa, nếu pháp hoại diệt là nhân hoại diệt, thì chỉ có sự hoại diệt, tức pháp năng diệt còn phải đợi sự thể nào khác chăng? Nếu phải đợi sự thể nào khác, thì chính sự thể ấy là nhân hoại diệt, không nên chấp *sự hoại diệt là nhân hoại diệt*.

Lại nữa, nên hiểu như thế nào về sự biến dị có được ở thời gian sau, do đó các pháp là sát-na diệt?

Kệ tụng:

Chẳng phải thân, sữa, rùng

Trước không có biến dị

Cũng chẳng trước không hoại

Lúc sau cùng mới diệt. (kệ 12)

[549b16] Luận giải: Trong tất cả thể gian, các pháp nội ngoại như thân thể, sữa³⁴⁷, rùng v.v..., ở thời gian sau cùng có được sự biến dị, cho nên ở thời gian trước, thể không có biến dị, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chẳng phải lúc trước không có sự hoại diệt, sau cùng mới có sự hoại diệt, vì không có cái nhân nào khác. Như vậy, trước không biến dị, cho nên sau không biến dị; trước không hoại diệt, cho nên sau không hoại diệt. Nên biết, các hành trong từng ý niệm đều có

347 Lấy sữa bò, sữa dê chế làm đồ ăn gọi là „lạc“ 酪, trên món lạc có một tầng sữa đông lại gọi là «tô» 酥. Trên phần tô có chất như dầu gọi là „đề hồ“ 醍醐. Tương ưng bộ, Tương ưng thiên: “Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được sanh tô; từ sanh tô được thực tô; từ thực tô được đề hồ. Đề hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiên thiện xảo về Thiên định trong Thiên định và cũng thiện xảo về Thiên chứng trong Thiên định. Trong bốn vị tu Thiên ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.”



sự biến dị, hoại diệt. Cho nên nghĩa sát-na diệt của các pháp nội ngoại được thành lập.

Như vậy là đã thành lập tánh vô thường. Tất cả tà phân biệt, chấp trước của ngoại đạo, cho rằng ngã, vị Đại Tự tại, tự tánh, cực vi, cái biết v.v... là pháp thường trú, đều không thành lập.

Vì sao *ngã là thường* không được thành lập?

Kệ tụng:

Vị, tự, phiền não, phần

Chẳng phải thường biến dị

Đây nếu không biến dị

Thọ, tác, thoát: phi lý. (kệ 13)

[549b26] Do cái ngã được chấp có các vị sai biệt: khổ, vui, v.v..., có những tư duy sai biệt: thiện, ác, v.v..., có các phiền não sai biệt: tham, sân, v.v..., có thời phần sai biệt, nên nói ngã ấy là vô thường. Vì sao? Do vì có khổ, vui, v.v... nên cái ngã được chấp có ít biến đổi, không phải là thường. Nếu hoàn toàn không biến đổi thì không nên chấp có người cảm thọ, có người tạo tác và có người giải thoát, vì các pháp không có cái ngã biệt lập. Lại nữa, cũng không có *thể tánh tự tại thường trú* có công năng sinh ra thế gian. Vì sao?

Kệ tụng:

Vì công năng không có

Nhiếp, không nhiếp: tương vi

Có dụng và không dụng

Làm nhân, thành làm lỗi.³⁴⁸ (kệ 14)

348 Bài chính cú này được dẫn trong quyển 10, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 6. Du-già sư địa luận, quyển



[549c05] Luận giải: Vị Đại Tự tại được chấp thì không có công năng sinh ra thế gian. Vì sao? Nếu vị Đại Tự tại ấy với công năng sinh ra thế gian, không có nhân duyên mà tự nhiên hiện hữu, thì sao ông không chấp nhận *tất cả thế gian không nhân tự có*. Nếu công năng của vị ấy lấy nghiệp làm nhân, thì sao ông không tin nhận *tất cả thế gian lấy nghiệp làm nhân*. Nếu công năng của vị ấy lấy mong cầu phương tiện làm nhân sinh ra, thì sao ông không tin nhận *tất cả thế gian lấy tự công lực làm nhân mà được sinh*.

[549c11] Lại nữa, nếu vị Đại Tự tại nhiếp thuộc thế gian mà rơi xuống thế gian, lại nói có công năng sinh ra tất cả thế gian, thế là trái ngược với đạo lý. Nếu vị Đại Tự tại ấy không nhiếp thuộc thế gian, tức là giải thoát; thì pháp giải thoát có công năng sinh ra thế gian, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, vị Đại Tự tại cần phải có dụng để biến sinh thế gian. Là sự biến sinh thế gian, dụng ấy bất thành, thế là vị Đại Tự tại, đối với việc phải có dụng, thành ra không có tự tại, tự có làm lỗi. Nếu vị Đại Tự tại ấy, tuy biến sinh thế gian mà không cần phải có dụng, thì không nên biến sinh tất cả thế gian³⁴⁹. Hay là vị Đại Tự tại ấy có làm lỗi của người ngu, kẻ điên cuồng!

Lại nữa, vị Đại Tự tại sinh ra thế gian là chỉ lấy thể của vị Đại Tự tại làm nhân sinh ra các thế gian, hay là còn phải đợi một nhân nào khác? (1) Nếu chỉ là thể của vị Đại Tự tại làm nhân, thì như thể của vị Đại Tự tại bản lai thường có, thế gian cũng nên như vậy, không cần

7, tr. 309b12: "Công năng vô thể tánh, Nhiếp, bất nhiếp tương vi, Hữu dụng cập vô dụng, Vi nhân thành quá thất." (功能無體性, 攝不攝相違, 有用及無用, 爲因成過失.) Xem thêm Trung A-hàm, phẩm Nghiệp tương ưng, Kinh Độ, số 13.

349 Biến sinh tất cả thế gian làm chi mà có quá nhiều bất công, bất bình đẳng, đau khổ.



sinh nữa. (2) Nếu còn chờ đợi một nhân nào khác, thì cái nhân được chờ đợi này: (a) hoặc là không có nhân, tất cả thế gian cũng nên như vậy; (b) hoặc là có nhân nào khác, thế gian cũng phải như vậy. Từ một nhân nào khác sinh ra, thì cần gì vị Đại Tự tại, cho nên việc lập vị Đại Tự tại là có nhiều lầm lỗi.

Lại nữa, chấp có vị Đại Tự tại thường trú làm nhân là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Tự tánh, biến dị tướng

Có, không: chẳng hợp lý

Không sai biệt, vô thường

Có sai biệt, năm lỗi: (kệ 15)

Không tướng và không nhân

Chẳng tự tánh hằng biến

Trước không có biến dị

Ngã nên thường giải thoát. (kệ 16)

[549c29] Nếu chấp tự tánh là thường, thì không nên có *nhân biến dị*. Vì sao? Tự tánh được chấp chẳng có tướng biến dị, cũng chẳng có tướng không biến dị, đều không đúng đạo lý. Nếu tự tánh ấy và tướng biến dị, (1) nếu không có sai biệt, thì cả hai phải là vô thường; (2) nếu có sai biệt thì có năm thứ lỗi: 1. Lỗi không có tướng: Là tướng biến dị, thì chút phần cũng không thể có được tướng của tự tánh; 2. Lỗi không có nhân: Thế gian không thấy pháp thường trú nào là tự thể của nhân sinh khởi; 3. Lỗi không có tự tánh: Thế gian không thấy cái gì không phải chủng loại của nó mà làm tự tánh của nó; 4. Lỗi tự tánh



thường trú ở trong tất cả thời gian khởi biến dị: Vì không phải đợi nhân nào khác; 5. Lỗi tự tánh ấy trước khi chưa sinh khởi biến dị mà ngã giải thoát: Nếu như vậy thì thời gian sau không nên khởi các biến dị.

Lại nữa, chấp các cực vi là thường trú, là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Thường tạo không đúng lý

Là do hai, ba nhân

Tài có tình tăng thượng

Cực vi chẳng thường trú. (kệ 17)

[550a13] Luận giải: Chấp rằng các cực vi là thường trú hay tạo tác đều không hợp lý.

Vì sao các cực vi thường trú là không hợp lý? Do hai nhân: Tánh của cực vi là do vi tế nên tánh là thường trú, hay là (2) do dị loại nên tánh là thường trú? (1) Nếu do vi tế, thì nhỏ, mỏng và yếu không nên thường trú. (2) Nếu do dị loại, thì không thể có được tướng cực vi; không phải từ đất, v.v...³⁵⁰ tạo ra những vật chất bằng đất, v.v..., là không đúng đạo lý.

Vì sao các cực vi tạo tác là không hợp lý? Do ba nhân: 1. Do phương sở; 2. Do nhân duyên; 3. Do tự thể.

Vì sao do phương sở mà sự tạo tác là không hợp lý? Các cực vi tạo tác thô vật là vượt qua cái lượng của cực vi, hay là không vượt qua cái lượng của cực vi? (1) Nếu không vượt qua cái lượng của cực vi, thì thô vật có tánh chất ngại phải giống như cực vi, không thể cầm nắm.

350 Chỉ cho 15 sắc chất: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.



Lại nữa, thế gian không thấy vật có tánh chất ngại và vật không sáng tỏ đồng ở một chỗ, nên không hợp lý. (2) Nếu vượt qua cái lượng của cực vi, thì chỗ cái lượng vượt qua của thô vật có tánh chất ngại không phải cực vi làm thành, chỗ ấy phải là thường trú. Nếu lại chấp có các cực vi khác sinh ra, thì các cực vi ấy phải là không thường trú.

Vì sao do nhân duyên [mà sự tạo tác là không hợp lý]? Nếu ông chấp do tánh hòa hợp làm nhân duyên nên kiến lập vật khác để hòa hợp. Tánh hòa hợp đó là đã sinh nên có thể làm nhân duyên, hay là chưa sinh nên có thể làm nhân duyên? (1) Nếu tánh hòa hợp đã sinh làm nhân duyên, thì vật được hòa hợp, sau khi hòa hợp, nó không khác dù là một chút với tánh hòa hợp có được, là không hợp lý. (2) Nếu tánh hòa hợp chưa sinh làm nhân duyên, thì không có thể tánh; vô thể mà làm nhân là không đúng đạo lý.

Vì sao do tự thể [mà sự tạo tác là không hợp lý]? Tánh của các cực vi khi tạo thô vật không phải như tánh hạt giống là nảy mầm. Cực vi mà như hạt giống thì phải hoại diệt. Không phải như sữa, cực vi mà giống như sữa thì phải biến dị. Không phải như người thợ gốm, cực vi mà như người thợ gốm thì không thể có được sự cần cù.

Do ba nhân ở trên mà nói các cực vi tạo tác là không hợp lý.

Các cực vi tuy không có thường trú mà có kiếp so³⁵¹, khi thế gian, v.v..., có sự thọ dụng vật chất và đời sống; đó là do sức mạnh của nghiệp tăng thượng của các hữu tình, chứ không phải do cực vi. Vì vậy, cực vi thường trú là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chấp có cái biết thường trú là không đúng đạo lý. Vì sao?

351 Xem Trường A-hàm, Phẩm 12: Thế Bốn Duyên, kinh Thế Kỳ, số 30.



Kệ tụng:

Kia y chỉ vô thường

Thứ đệ, sai biệt chuyển

Các thọ đẳng khác nhau

Cái biết là vô thường. (kệ 18)

[550b10] Luận giải: Cái biết của nhãn thức, nhĩ thức, v.v... là do y chỉ vô thường mà nhãn thức, nhĩ thức, v.v... sinh khởi; là đối với nghĩa của sắc, thanh, v.v... [các thức] thứ đệ chuyển động; là [các thức] sai biệt chuyển động qua nhiều hình thái như: các cảm thọ: lạc, khổ, v.v...; các lậu hoặc: tham, sân, v.v...; các thiện tư duy: thí, giới, v.v... mà [các thức] có vai trò khác nhau. Cái biết cho là thường trú mà có thể chuyển động khác nhau như trên, là không đúng đạo lý.

Nhân duyên gì mà hữu tình thế gian đối với sự có mặt tánh vô thường mà không thủ chấp, nhưng đối với sự không có mặt tánh thường trú lại chấp chặc nhiều thứ?

Kệ tụng:

Với vô thường vô trí

Căn bản bốn điên đảo

Thế gian đạo tiến lên

Sức ngu si thêm chuyển. (kệ 19)

[550b17] Luận giải: Đối với [các hành] vô thường, vô trí³⁵²

352 Vô trí: là không biết rõ pháp tánh vô thường của các hành ở 3 thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai.



sinh khởi: thật có tánh vô thường mà không thủ chấp, thật không có tánh thường hằng mà sinh khởi đủ thứ chấp trước. Không phải điên đảo về thường làm nhân cho vô trí, mà bốn thứ điên đảo đều lấy vô trí làm căn bản cho chúng. Vì sao? Vì không biết như thật về vô thường [, khổ, bất tịnh, vô ngã], nên đối với pháp tánh vô thường khởi điên đảo về thường, đối với pháp tánh khổ khởi điên đảo về lạc, đối với pháp tánh bất tịnh khởi điên đảo về tịnh, đối với pháp tánh vô ngã khởi điên đảo về ngã.

Do có nghĩa thứ đệ như vậy, đức Bạc-già-phạm nói: “*Nếu pháp là vô thường, pháp ấy ắt là khổ. Nếu pháp là khổ, pháp ấy ắt là vô ngã.*”³⁵³

Nên biết, do khi được tiến lên từ thế gian đạo³⁵⁴, dù chưa đoạn vô trí mà vẫn tiệm tiến thượng địa; đối với tánh vô thường, lực chuyên của ngu si càng thêm lên. Vì sao? Ở trong Dục giới, các sắc thái vô thường như phá hoại, biến dị và biệt ly, v.v... thì có thể biết rõ ngay hiện tiền; ở thượng địa³⁵⁵ thì không có [những sắc thái vô thường ấy].

Lại nữa, do nhân duyên gì nơi tánh vô thường, vô trí sinh khởi?

353 Tương ưng bộ, Tương ưng uẩn, phẩm Vô thường: “Sắc [thọ, tưởng, hành, thức], này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: ‘Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi.’” (HT. Thích Minh Châu dịch)

354 Thế gian đạo: còn gọi là hữu lậu đạo. Chín địa trong tam giới, thì ngoại trừ Hữu đảnh địa, còn tất cả là dứt trừ Tu hoặc của tám địa dưới, còn giai vị Gia hành (cũng gọi Gia hành đạo), ở trước giai vị Kiến đạo, dùng trí hữu lậu tu sáu hành quán, thì thuộc Hữu lậu đạo. Cứ theo tông Câu xá, nương theo trí hữu lậu để đoạn trừ phiền não thì gọi là Hữu lậu đạo, cho nên chủ trương Hữu lậu đạo là một trong các Đạo đạo. Nhưng tông Duy thức cho rằng Hữu lậu đạo chỉ có thể chế phục phiền não hiện hành (Hiện thế vị: ở vị thế rõ ràng), chứ không thể đoạn trừ phiền não chủng tử (Tiềm thế vị: ở vị thế ẩn kín), vì thế gọi Hữu lậu đạo là Phục đạo (năng phục đạo). Ở đây, do thế gian đạo mà thú hưởng sự ly dục, quán sát các dục ở Dục giới là thô tướng, nên hưởng đến sơ tinh lự ly sinh hỷ lạc.

355 Thượng địa chỉ cho Vô sắc giới.



Kệ tụng:

Do phóng dật, giải đãi

Kiến, ngu, thiếu tư lương

Bạn ác, phi chánh pháp

Nên biết nhân vô trí. (kệ 20)

[550c02] Vô trí đối với vô thường có bảy thứ nguyên nhân: 1. Phóng dật; 2. Giải đãi; 3. Thấy biết điên đảo; 4. Ngu muội; 5. Chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; 6. Do bạn ác; 7. Nghe phi chánh pháp.

Đối với cái vui của cảnh giới và cái vui của tinh lự mà khởi phóng dật cho nên không biết như thật về tánh vô thường. Giả sử không phóng dật mà lại giải đãi; giả sử không giải đãi mà lại thấy biết điên đảo³⁵⁶; giả sử không thấy biết điên đảo mà lại ngu muội; giả sử không ngu muội mà chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề³⁵⁷; giả sử đã tu tập tư lương bồ-đề mà theo bạn ác, lại còn từ họ nghe những gì là phi chánh pháp, cho nên không biết như thật về tánh vô thường.

Lại nữa, do nhân gì không hiểu vô thường, vọng chấp thường chuyển?

356 Thấy biết điên đảo là tà kiến. Tạp A-hàm, kinh 1039, Thuần-đà: “Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

357 Tư lương bồ-đề: Sơ lược có 2 thứ là tư lương phước đức và tư lương trí tuệ.



Kệ tụng:

Tác ý không như lý

Nghĩ nhớ tiền tế đặng

Tương tự, tương tục chuyển

Nơi vô thường chấp thường. (kệ 21)

[550c13] Luận giải: Do hai thứ nhân mà sinh khởi chấp thường:

1. Do tác ý không như lý³⁵⁸; 2. Do nghĩ nhớ những việc ở tiền tế, hậu tế, trung tế³⁵⁹; những việc ở tiền tế, hậu tế, trung tế thì tương tự, tương tục chuyển động. Đối với những pháp thể gian khác cũng có sự chấp thường trú.

Lại nữa, như trước đã nói về ba tướng hữu vi không phải chỉ là sát-na, vì sao?

Kệ tụng:

Sinh: sơ, hậu, trung gian

Thủ ba tướng hữu vi. (kệ 22ab)

[550c18] Luận giải: Ba tướng hữu vi do các chúng đồng phần³⁶⁰ được nhiếp trong một đời sống. Nghĩa là khi mới sinh ra, lấy đó làm *tướng sinh*; cuối cùng khi chết, lấy đó làm *tướng diệt*; khoảng giữa hai

358 Tác ý không như lý là nhận thức trái ngược lại với chân lý hay nguyên lý vận hành của mọi sự vật hiện tượng. Chẳng hạn, nhận thức thường trú trong vô thường, nhận thức có một bản ngã bất biến trong các sự vật không thực thể, nhận thức hạnh phúc trong khi sự kiện diễn ra là khổ đau.

359 Chánh văn là tiền tế đặng, chỉ cho tiền tế, hậu tế, trung tế (前際, 後際, 中際), tức 3 giai đoạn của đời sống: quá khứ, vị lai, hiện tại.

360 Chúng đồng phần 眾同分 (s: nikāyasabhāga) là các uẩn tương tục trong một đời sống. Tập tập luận, quyển 2: “Chúng đồng phần là như vậy, như vậy hữu tình có các chúng loại, tự thể tương tự, tạm gọi là chúng đồng phần. Các chúng loại là như loài người, chư thiên, v.v... các chúng loại. Tự thể tương tự là có chung tánh chất của một chúng loại.” (tr. 700b18~20)

tướng, thời gian trú ở tương tục, lấy đó làm *tướng trú dị*. Như vậy là sự kiến lập ba tướng hữu vi.

Kệ tụng:

Vô thường, trí điều phục

Nên biết do hai nhân. (kệ 22cd)

[550c23] Luận giải: Do hai thứ nhân mà *trí như thật*³⁶¹ ngộ nhập tánh vô thường: 1. Do niệm trú; 2. Do duyên khởi. Do niệm trú³⁶² nên đối với các cảnh giới, buộc tâm an trú. Do duyên khởi nên thấu đạt pháp tánh của đối tượng niệm trú. Như trong kinh có nói: “*Thấy pháp tập khởi thì niệm trú nơi thân,*” cho đến nói rộng.³⁶³

Kệ tụng:

Thấy kia có sáu thứ

Duyên khởi có bốn thứ. (kệ 22 ef)

[550c28] Luận giải: Trí kiến về tánh vô thường, nên biết có sáu thứ:³⁶⁴ 1. Trí thế tục: [Từ sơ phát tâm] cho đến địa vị *thuận quyết*

361 Trí như thật: Cái biết đúng như sự thật về danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt của các pháp.

362 Niệm trú là tu tập 4 niệm trú: thân, thọ, tâm, pháp.

363 Tập A-hàm, kinh Tập, số 609: “Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ? Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập-diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thể gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thể gian đều không chấp thủ. Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Ưc niệm tập thì pháp tập, ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ.” (Thích Đức Thắng dịch)

364 So sánh 6 trí này với 18 trí nói ở phẩm Thành khổ, 553a: 1. Tín giải biến trí; 2. Tư trạch biến trí;



*trạch phần*³⁶⁵; 2. Trí thắng nghĩa: [Từ thuận quyết trạch phần] cho đến địa vị *xuất thế đạo*³⁶⁶; 3. Trí Thanh văn: Trừ nghĩa của vô tánh vô thường³⁶⁷; 4. Trí Bồ-tát: Gồm tất cả nghĩa của vô thường; 5. Bất thiện thanh tịnh: Là hai trí hữu học ở trên³⁶⁸; 6. Thiện thanh tịnh: Là hai trí vô học ở trên³⁶⁹.

Lại nữa, pháp duyên khởi, nên biết có bốn thứ đạo lý. Những gì là bốn?

3. Bất tán loạn biến trí; 4. Yếm ly nhiếp biến trí; 5. Kiến đạo biến trí; 6. Tu đạo biến trí; 7. Cứu cánh đạo biến trí; 8. Bất thiện thanh tịnh thế tục trí; 9. Thiện thanh tịnh thế tục trí; 10. Thắng nghĩa trí; 11. Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 12. Thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 13. Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; 14. Thành sở tác tiền hành trí; 15. Thành sở tác trí; 16. Thành sở tác hậu trí; 17. Thanh văn trí; 18. Bồ-tát trí. Trí thế tục là trí (1) đến (4); trí thắng nghĩa là trí (5); trí Thanh văn là trí (17); trí Bồ-tát là trí (18).

365 Theo luận Đại Tỳ bà sa, quyển 7, có ba loại thiện căn: 1. Thuận phước phần (punyabhāgīya), các loại thiện dẫn tái sinh chư thiên và loài người; 2. Thuận giải thoát phần (mokṣabhāgīya, cũng gọi là tư lương vị), thiện căn quyết định dẫn đến giải thoát, chứng niết bàn; 3. Thuận quyết trạch phần (nirvedhabhāgīya, cũng gọi là gia hành vị), bốn thiện căn dẫn đến hiện quán Thánh đế là noãn, đảnh, nhãn và thế đệ nhất. (tr. 34c27~35a07) Gia đoạn tu tập bốn thiện căn (noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất), quán sát 16 hành tướng của Thánh đế, gọi chung là thuận quyết trạch phần, là vì thuận dẫn hướng đến sự quyết trạch Thánh đế, trước khi vào địa vị kiến đạo.

366 Du-già sư địa luận, quyển 100: “Lại có 9 đạo: 1. Thế gian đạo; 2. Xuất thế đạo; 3. Gia hành đạo; 4. Vô gián đạo; 5. Giải thoát đạo; 6. Thắng tiến đạo; 7. Hạ phẩm đạo; 8. Trung phẩm đạo; 9. Thượng phẩm đạo. Thế gian đạo, là năng chứng thế gian, đoạn các phiền não, hoặc không chứng đoạn. Xuất thế đạo, là năng chứng cứu cánh, đoạn các phiền não. Gia hành đạo, là đoạn hoặc, cần tu gia hành. Vô gián đạo, là chánh thức đoạn hoặc. Giải thoát đạo, là đoạn vô gián tâm, được giải thoát. Thắng tiến đạo, là từ đây về sau phát khởi gia hành thù thắng. Hạ phẩm đạo, là năng đối trị phiền não thượng phẩm. Trung phẩm đạo, là năng đối trị phiền não trung phẩm. Thượng phẩm đạo, là năng đối trị phiền não hạ phẩm.” (tr. 881a21~b02) Duy thức tam thập tụng, bài tụng số 7: “Tánh hữu phú vô ký/ Sinh theo A-lại-da/ Chứng La-hán, Diệt định/ Xuất thế đạo, không còn [thức Mạt-na].” A-la-hán vị: Nhị thừa là A-la-hán vị, Đại thừa là Bồ-tát ở địa thứ 8; thức thứ 8 bỏ cái tên A-lại-da, bấy giờ gọi là thức dị thức, nên thức Mạt-na cũng không thành chấp. Diệt tận định vị: Tu Diệt tận định, 6 thức trước, tâm và tâm sở đều diệt, thức Mạt-na phân nhiễm ô và các tâm sở cũng diệt. Xuất thế đạo vị: Được chân vô ngã giải thoát và được hậu đắc vô lậu trí, thức Mạt-na đã chuyển thức thành trí.

367 Sáu thứ vô thường: 1. Vô tánh vô thường; 2. Thất hoại vô thường; 3. Chuyển dị vô thường; 4. Biệt ly vô thường; 5. Đắc vô thường; 6. Đương hữu vô thường. Trí Thanh văn đối trị 5 thứ vô thường, trừ vô tánh vô thường. Do tánh chất của các pháp vốn là không thật có, nên lập vô tánh vô thường, đó là tánh biến kế.

368 Chỉ cho trí thế tục và trí thắng nghĩa.

369 Chỉ cho trí Thanh văn và trí Bồ-tát.



Kệ tụng:

Tự chủng: chẳng phải tha

Đội duyên: chẳng phải tự

Vô tác: chẳng phải cộng

Dụng: chẳng phải vô nhân. (kệ 23)

[551a07] Luận giải: Có bốn đạo lý để đi vào tánh vô thường:

(1) Các hành pháp không từ *tha sinh*, vì tự chủng sinh khởi; (2) Cũng chẳng phải *tự sinh*, vì phải đội ngoại duyên; (3) Cũng chẳng phải *cộng sinh*, vì tự tha cùng vô tác; (4) Cũng chẳng phải *vô nhân sinh*, vì cả hai, tự và tha, có công dụng đối với sự sinh.³⁷⁰

370 Trung luận: “Chư pháp bất tự sinh, diệt bất tùng tha sinh, bất cộng, bất vô nhân, thị cố tri vô sinh.” 諸法不自生，亦不從他生，不共不無因，是故知無生。 Các pháp không tự mình nó mà sinh ra được; các pháp cũng không thể từ cái khác nó mà sinh ra; các pháp không thể vừa tự nó sinh ra vừa do cái khác nó sinh ra (cộng sinh); các pháp là không thể sinh ra mà không có nhân duyên; vì vậy mà biết tự tánh của các pháp là vô sinh.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Lăm

Phẩm Năm

THÀNH KHỔ

[551a17] Như vậy là đã thành lập sắc thái vô thường. Thế nào là thành lập sắc thái khổ?

Kệ tụng:

Sinh làm nhân muốn rời

Diệt sinh muốn hòa hợp

Đảo, vô đảo, yếm ly

Nhân kia là tướng khổ. (kệ 1)

[551a20] Luận giải: Pháp [khổ] sinh khởi làm nhân tố cho ý muốn viễn ly. Pháp [lạc] tiêu diệt làm nhân tố cho ý muốn hòa hợp. Nếu không hiểu rõ [vô thường tức là khổ] thì là nhân tố của điên đảo. Nếu khéo thông suốt [vô thường tức là khổ] thì là nhân tố của không điên đảo. Ở trong mọi thời gian, sinh khởi tâm yếm ly tham dục.³⁷¹ Nên biết, như vậy là sắc thái thường có³⁷² của khổ.

371 Nếu không có tâm yếm ly thì sẽ không có cách nào lắng dịu lòng tham dục, hướng đến an lạc và giải thoát. Yếm ly những gì? Yếm ly 5 uẩn: "Vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly con mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp được khởi lên ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc,... yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp được khởi lên ấy. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: 'Ta đã được giải thoát'. Và vị ấy biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.'" (Trung bộ kinh, Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la)

372 Thông tướng 通相 (samanyalaksapa) = cộng tướng 共相.



Lại nữa, kệ tụng:

Y ba thọ sai biệt

Kiến lập ba tướng khổ

Nên nói tất cả thọ

Thể tánh đều là khổ. (kệ 2)

[551a26] Luận giải: Y cứ ba trạng thái cảm thọ mà kiến lập ba hình thái khổ đau, đó là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.³⁷³ Do những trạng thái này mà đức Phật nói “*những gì thuộc về thọ đều là khổ*”³⁷⁴. Nghĩa là đối với khổ thọ và pháp *thuận khổ thọ xứ*, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ nhất; đối với lạc thọ và pháp *thuận lạc thọ xứ*, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ hai; đối với bất khổ bất lạc thọ và pháp *thuận bất khổ bất lạc thọ xứ*³⁷⁵, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ ba.

373 Khổ có 3 loại: 1. Khổ khổ (dục khổ): khổ sở vì nóng lạnh, đói khát, bệnh tật v.v...; 2. Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó, 5 uẩn bao gồm thân tâm và thế giới của thân tâm; 3. Hoại khổ (biến dịch khổ): khổ sở vì cái vui mất đi. Luận Thanh tịnh đạo nói: “Cảm thọ khổ về thân và tâm gọi là khổ khổ, vì tự tính nó là khổ, tên nó là khổ, và vì nó đau đớn thực sự. Cảm thọ lạc về thân và tâm gọi là hoại khổ vì đó là nhân sanh ra khổ khi cảm thọ ấy biến hoại. Xả thọ và các hành khác trong ba cõi là hành khổ, vì chúng bị bức bách trong sanh diệt.” (Thích Nữ Trí Hải dịch)

374 Tạng A-hàm, kinh 473. Thiên: “Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỷ-kheo một mình ở chỗ vắng, thiên tịnh, tư duy: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’ Tỷ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiên tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiên tịnh tư duy có nghĩ rằng: Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’ Phật bảo Tỷ-kheo: ‘Vị tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên Ta nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ.’” (Thích Đức Thắng dịch)

375 Du-già sư địa luận, quyển 33: “Thuận lạc thọ xứ là y xứ của tham dục, là y xứ của tưởng điên đảo và tâm điên đảo. Thuận khổ thọ xứ là y xứ của sân khuê, là y xứ của phẫn, hận. Thuận bất khổ bất lạc thọ xứ là y xứ của ngu si, là y xứ của phú, nã, cuồng, xiêm, vô tâm, vô quý, là y xứ của kiến điên đảo.” (tr. 465c14~17) Chữ “pháp” đứng trước thuận khổ thọ xứ, v.v... chỉ cho các tâm sở. Tăng chi bộ kinh, IV. 49: “Này các Tỷ-kheo, có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Thế nào là bốn? Trong vô thường, nghĩ là thường, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong vô ngã, nghĩ là ngã, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong không thanh tịnh, nghĩ là thanh tịnh, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Này các Tỷ-kheo có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này.”



Nguyên nhân sinh khởi các điên đảo: “*thường, lạc, ngã, tịnh*”, là do không biết rõ hình thái khổ thứ ba. Biết rõ hình thái khổ thứ ba thì không sinh khởi các điên đảo: thường, lạc, ngã, tịnh, và từ đó khởi tâm ưa thích niết bàn.

Lại nữa, nên biết, do *biết rõ* hay *không biết rõ* hình thái khổ thứ ba thì cũng biết rõ hay không biết rõ hai hình thái khổ trước.

[551b06] Lại nữa, thế gian cùng thành lập hai hình thái khổ trước, còn hình thái khổ thứ ba thì không cùng thành lập. Nay sẽ thành lập tánh của các hành là hành khổ.

Kệ tụng:

Tánh các hành là khổ

Thô trọng đều đi theo

Lạc, xả, không hợp lý

Đồng lỗi không giải thoát.³⁷⁶ (kệ 3)

[551b10] Luận giải: Tánh của các hành là *lạc* hay là *xả*, đều không đúng đạo lý. Vì sao? Vì nơi tất cả vị [trưng tục vận hành]³⁷⁷, luôn có [phiền não] thô trọng³⁷⁸ đi theo, cho nên thể tánh của các hành

376 Kệ tụng này là “tông”: Tất cả các hành đều là khổ.

377 Hành khổ thì biến hành nhất thiết, nghĩa là vận hành cùng khắp và liên tục. Du-già sư địa luận, quyển 66: “Thế nào là tánh của hành khổ? Thân hậu hữu có các nghiệp, phiền não sinh ra các hành có trong mọi tự thể, có thể tùy thuận sinh tất cả phiền não và cùng với các khổ có sự an lập. Tất cả biến hành được nhiếp trong thô trọng; cũng gọi thô trọng là tánh của hành khổ. Dựa vào hành khổ này, đức Phật nói: “Tóm lại, năm thủ uẩn đều là khổ.” (tr. 663b12~16) Tập luận, quyển 5: “Thế nào là tánh của hành khổ? Bao nhiêu là tánh của hành khổ? Lấy nghĩa gì để quán tánh của hành khổ? Là tự tánh của bất khổ bất lạc thọ, là tùy thuận pháp tự tướng của bất khổ bất lạc thọ, là hai thô trọng kia được nhiếp thọ, là không rời hai vô thường (sát-na và trưng tục) mà có sự không yên ổn luôn đi theo, đó là nghĩa của tánh hành khổ. Bất khổ bất lạc thọ: là thức A-lại-da tương ưng với thọ. Tùy thuận pháp tự tướng của bất khổ bất lạc thọ: là các hành thuận theo cảm thọ bất khổ bất lạc. Hai thô trọng kia được nhiếp thọ: là hai khổ thọ trọng, khổ khổ và hoại khổ, luôn đi theo.” (tr. 716b11~17)

378 Thô trọng chỉ cho các chủng tử phiền não bao gồm hết bảy pháp nhiễm ô, cũng gọi là tùy miên. Như vậy, hành khổ = thô trọng khổ = không yên ổn (biến động).



là *khổ*. Nếu không đúng như vậy, theo thứ tự, có tánh lạc và bất khổ bất lạc nơi các hành, thì không nên có sự ưa thích [lạc và bất khổ bất lạc], không nên có sự hiểu biết giữa khổ và bất khổ bất lạc, không nên có sự hiểu biết giữa khổ và lạc.

Hỏi: Ông có đồng ý rằng, chỉ có tánh chất của hành khổ, nên không cần có sự hiểu biết về lạc và bất khổ bất lạc?

Đáp: Do không biết rõ [hành khổ] mà cho là có.

Hỏi: Tôi cũng đồng ý, nhưng có phải do không biết rõ [hành khổ] mà cho là có?

Đáp: Không đúng, vì có cái lỗi không có giải thoát. Nếu ở nơi các hành biết rõ tánh lạc và bất khổ bất lạc đều là khổ, gọi là *hiện quán khổ đế*³⁷⁹. Do có hiện quán này, thứ tự cho đến chứng được cứu cánh giải thoát. Nếu không biết rõ [hành khổ] mà cho là khổ, đó là điên đảo, nên không thể chứng được cứu cánh tịch diệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Lợi, thâm, đẳng, chương ngại

Y, tiến, trú, thừa (chấp) không

Chấp trước, tánh thấp kém

Điên đảo và nhiễm ô.³⁸⁰ (kệ 4)

[551b22] Luận giải: (1) Lại nữa, khổ ít mà được thêm lên qua tánh chất của hành khổ, trạng thái khổ càng mãnh lợi; tánh lạc và bất khổ bất lạc không như vậy.

379 Nếu chưa hiện quán khổ đế, thì không thể hiện quán tập đế, diệt đế, đạo đế.

380 Kệ tụng này nói về “Nhân”: 11 nguyên do đưa đến khổ đau.



(2) Lại nữa, trạng thái khổ thì sâu nặng, rất khó đối trị; tánh lạc và bất khổ bất lạc không như vậy.

(3) Lại nữa, trạng thái khổ thì bình đẳng, cùng khắp tất cả xứ, cho đến người chứng được pháp quảng đại cũng bị tổn não.

(4) Lại nữa, chấp “*thường, lạc, ngã, tịnh*”, gọi là điên đảo, có khả năng chướng ngại Thánh pháp.

(5) Lại nữa, chấp các lạc cảnh, có thể làm chỗ y chỉ cho các hoặc lớn nhỏ: tham, sân, v.v...

(6) Lại nữa, các hành tướng của khổ³⁸¹ có khả năng dẫn ra công đức thắng tiến thượng địa.

(7) Lại nữa, các uy nghi như đứng yên lâu, v.v...³⁸² liền sinh khổ lớn, không thể kham nhẫn.

(8) Lại nữa, người chấp không³⁸³ cũng bị khổ lớn [sinh tử] theo đuổi.

(9) Lại nữa, người chấp trước dục lạc là người có tánh thấp kém.

(10) Lại nữa, đối với các hành mà chấp trước cho là lạc, thì nhiếp vào sự điên đảo.

(11) Lại nữa, duyên theo dục lạc ở đời, khởi lên nhiều sự ham muốn, là bị nhiễm ô.

Tóm lại, tánh chất của các hành toàn là khổ đau.

381 Hành tướng của khổ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã.

382 Chỉ các khổ hạnh của ngoại đạo.

383 Kiến chấp sai lầm của ngoại đạo đoạn kiến, ngoại đạo không kiến.



Lại nữa, kê tụng:

Như nhọt, lác, hủi, v.v...

Chỗ dựa của ba thọ

Thọ năng phát ba xúc

*Thủ lạc đẳng tùy chuyển.*³⁸⁴ (kệ 5)

[551c05] Luận giải: Tánh khổ của các hành, nên biết, giống như ung nhọt, lác, hủi v.v..., là chỗ dựa của ba thọ. Vì sao? Thế gian ung nhọt, lác, hủi v.v..., có thể phát khởi ba thứ xúc tùy thuận khổ, lạc và xả. Do dựa vào ba xúc này mà hữu tình thế gian chấp thủ là khổ, lạc, bất khổ bất lạc. Như vậy, đối với tánh khổ của các hành, phát khởi ba xúc. Do ba xúc này mà khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ chuyển biến. Nếu không có các xúc thì các thọ không chuyển biến.

Như vậy là đã lập tông, nhân và dụ để hiển thị hình thái khổ.

Lại nữa, lý do gì kiến lập các hành chỉ có ba khổ, không nhiều không ít?

Kê tụng:

Tự tướng, tự phân biệt

Không yên ổn - tánh khổ

Nên biết năm mươi lăm

Được nhiếp trong ba khổ. (kệ 6)

[551c14] Tự tánh của khổ chỉ có ba thứ: 1. Do tự tướng nên gọi là tánh khổ khổ; 2. Do tự phân biệt nên gọi là tánh hoại khổ; nếu không có sự phân biệt, tuy có biến hoại nhưng đối với người đã giải thoát

384 Kê tụng này là “Dụ”: các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, lác, hủi ...



không thấy có khổ; 3. Do không yên ổn nên gọi là tánh hành khổ, các phiền não thô trọng luôn đi theo. Như vậy là ba khổ sai biệt.³⁸⁵

Lại có năm mươi lăm thứ khổ cần biết. Thế nào là năm mươi lăm thứ?³⁸⁶

Kệ tụng:

Giới, duyên, thân đẳng, thú

Chủng loại, để, tam thế

Thời, mạng, phẩm dị biệt

Dẫn các khổ sai biệt. (kệ 7)

[551c22] Luận giải: (1) *Giới sai biệt* là Dục giới hệ, Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ nên có ba khổ: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

(2) *Duyên sai biệt* nên có sáu thứ khổ: khổ vì dục là gốc rễ, khổ vì quả báo của ngu si, khổ vì duyên nghiệp đời trước, khổ vì nhân duyên hiện tại, khổ vì nghiệp duyên tịnh và khổ vì nghiệp duyên bất tịnh.

(3) *Thân sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ nhận chịu gánh nặng³⁸⁷, khổ vì địa vị biến hoại, khổ [phiền não] thô trọng và khổ sinh tử.

(4) *Thú sai biệt* nên có năm thứ khổ: khổ na-lạc-ca thú, khổ bàng sinh thú, khổ quỷ thú, khổ nhân thú và khổ thiên thú.

385 Du-già sư địa luận, quyển 34: “Lại dùng bốn hành để hiểu rõ tướng Khổ đế. Đó là hành vô thường, gồm có 5 hành: 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp. Hành khổ, gồm có 3 hành: 1. Hành kết phược; 2. Hành không khả ái; 3. Hành không yên ổn. Hành không, có 1 hành là hành vô sở đắc. Hành vô ngã, có 1 hành là hành không tự tại.” (tr. 474b20~24) Hành kết phược là hoại khổ. Hành không khả ái là khổ khổ. Hành không yên ổn là hành khổ. Hành khổ = thô trọng = không yên ổn.

386 Du-già sư địa luận, quyển 44, tr. 536a02~536c23, nói đến 110 thứ khổ. Trong đó, 55 thứ khổ đầu là tầng nhất, từ 1 khổ đến 10 thứ khổ, và 55 thứ khổ sau là nhân rộng từ 9 thứ khổ.

387 Thân đẳng = thân, thọ, tâm, pháp. Tạp A-hàm, kinh 73, Trọng đàm: “Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng, và người đang gánh nặng.”



(5) *Chủng loại sai biệt* nên có năm thứ khổ: khổ vì bức não, khổ vì nghèo thiếu, khổ vì bốn đại trái nghịch, khổ vì ái biến hoại và khổ vì thô trọng.

(6) *Để sai biệt* nên có tám thứ khổ: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, khổ vì mong muốn mà không được, khổ vì nắm giữ uẩn³⁸⁸.

(7) *Thế duyên sai biệt* nên có chín thứ khổ: quá khứ khổ là do cái nhân quá khứ, cái nhân vị lai và cái nhân hiện tại sinh ra; cũng vậy, vị lai khổ và hiện tại khổ cũng có những cái nhân như vậy.

(8) *Thời sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ vì thời tiết biến đổi, khổ vì đói, khổ vì khát, khổ vì được dẫn bởi uy nghi co duỗi, thở vào thở ra, nhắm mắt mở mắt, v.v...

(9) *Dưỡng mạng sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ vì sự mong cầu không biết chán đủ, khổ vì truy cầu, khổ vì thủ hộ, khổ vì không tự tại.

(10) *Phẩm sai biệt* nên có bảy thứ khổ: 1. Khổ tổn giảm, là phẩm tại gia; 2. Khổ tăng ích, là phẩm xuất gia; 3. Khổ ưu não; 4. Khổ ly hữu³⁸⁹.

Lại y theo pháp luật được thuyết một cách khéo léo³⁹⁰, phẩm

388 Ngũ thủ uẩn khổ, có chỗ gọi là ngũ thanh ám khổ hay ngũ ám xí thanh khổ.

389 Tăng chi bộ kinh, phẩm Bhandagana, (10) Các ách: “Và thế nào là hữu ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly các hữu. Do như không thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu não, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu ách.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

390 Thiên thuyết pháp luận. Tạp A-hàm, kinh Thiên thuyết pháp, số 26: “Phật bảo Tỷ-kheo: Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tịnh, thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tịnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư.”



xuất gia có ba thứ khổ: 1. Khổ vì ngu si: là ước vọng vị lai, truy đuổi mùi vị quá khứ; 2. Khổ vì ganh ghét; 3. Khổ vì mình không hơn người.

Lại y theo pháp luật được thuyết một cách tẻ nhạt³⁹¹, phẩm xuất gia cũng có ba thứ khổ: 1. Khổ vì ngu si: điên đảo chấp trước các pháp sở tri³⁹²; 2. Khổ vì ganh ghét: là tâm không chấp nhận khi đức Phật và các đệ tử của Phật có được danh lợi; 3. Khổ vì người hơn mình: là vì danh lợi nên khởi tranh luận rồi rơi vào chỗ thất bại.

Luận giải:

Chưa ly Dục, Sắc, v.v...

Ba thứ địa nên biết

Dục giới tất cả chúng

Sắc, Vô sắc trừ hai. (kệ 8)

[552a18] Luận giải: Như vậy, năm mươi lăm thứ khổ nhiếp thuộc ba địa: 1. Địa chưa ly dục, là hệ thuộc Dục giới; 2. Địa đã ly dục, là hệ thuộc Sắc giới; 3. Địa đã ly dục và sắc, là hệ thuộc Vô sắc giới. Ba địa như vậy, theo thứ tự, kiến lập ba thứ khổ, gọi là khổ bậc cao, khổ bậc vừa và khổ bậc thấp.

Lại nữa, trong Dục giới có đủ tất cả thứ khổ; trong Sắc giới và Vô sắc giới không có hai thứ khổ: (1) *khổ khổ* và *hoại khổ* [trong giới

391 Ác thuyết pháp luật.

392 Các pháp sở tri: Sở tri, là được biết đến. Pháp, là khái niệm; một pháp là một khái niệm. Cây bút là một pháp, mà cây bút dài hay ngắn, trắng hay đen, cũ hay mới, tốt hay xấu, cũng toàn là một pháp. Một ý tưởng là một pháp, mà ý tưởng ấy thiện hay ác, đúng hay sai, lợi hay hại, mê hay ngộ, cũng toàn là một pháp. Thế nên pháp bao gồm tất cả có không, tâm vật, nhiễm tịnh, thiện ác, mê ngộ, thánh phàm. Các pháp ấy là những đối tượng được biết, và đối tượng ấy chính là 3 tánh: tánh biến kế sở chấp, tánh y tha khởi và tánh viên thành thật, đó gọi là các pháp sở tri. Mỗi pháp đều cùng lúc có 3 tánh, và được ví dụ như sau. Như sợi giây gai phải do chỉ gai mới có, đó là y tha (do yếu tố mới có); sợi giây gai ấy, trong đêm tối hay từ đằng xa, mắt nhìn không rõ thì thấy là con rắn, đó là biến kế (đối tượng chỉ tưởng tượng); sợi giây gai ấy nếu ban ngày và mắt nhìn rõ thì thấy là chỉ gai, đó là viên thành (đối cảnh rất chính xác).



sai biệt]; (2) *khổ vì dục là gốc rễ* và *khổ vì quả báo của ngu si* [trong duyên sai biệt]; nhưng vẫn có các khổ khác.

Kệ tụng:

Thế tục có hai thứ

Thắng nghĩa gọi biến hành

Hai duyên thông thượng địa

Nên biết không hiện, nhiễm. (kệ 9)

[552a27] Luận giải: Như vậy, các khổ lược có hai thứ: thế tục đế và thắng nghĩa đế.

Khổ được nhiếp trong thế tục đế có hai thứ: khổ khổ và hoại khổ.

Khổ được nhiếp trong thắng nghĩa đế có một thứ: hành khổ. Hành khổ cũng được gọi là *biến hành khổ*, vì biếp khắp ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Thượng địa của Dục giới³⁹³ có hai duyên sinh ra khổ: (1) có *khổ vì duyên nghiệp đời trước*, không có *khổ vì nhân duyên hiện tại*; (2) có *khổ vì nghiệp duyên tịnh*, không có *khổ vì nghiệp duyên bất tịnh*.

Kệ tụng:

Vô sắc chẳng gánh nặng

Biến hành, thiên, thô trọng

Tối hậu biên của đế

Còn bảy, thượng tùy phược. (kệ 10)

[552b06] Luận giải: Trong Vô sắc giới không có *khổ thân nhận chịu gánh nặng*, có *khổ thiên thú*, có *khổ thô trọng* và có *khổ vì chấp*

393 Chỉ Sắc giới và Vô sắc giới.



thủ các uẩn - cái khổ tối hậu biên tế của [khổ] để. Các khổ này³⁹⁴ thông cả ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, cho nên gọi là *biến hành khổ*. Dục giới nhiếp bảy khổ còn lại: *sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, và khổ vì mong muốn mà không được*. Ở thượng địa tuy có tùy thuộc vào sự trói buộc nên có thể thoái lui, trở lại, nhưng không có tự thể của khổ³⁹⁵.

Kệ tụng:

Nên biết sinh, v.v... khổ

Mỗi có năm sai biệt

Khổ thô trọng tương ưng

Chỉ y chỉ ba khổ. (kệ 11)

[552b12] Nên biết, bảy khổ: *sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, và khổ vì mong muốn mà không được*, mỗi một khổ có năm thứ: khổ tương ưng, thô trọng tương ưng và ba chỗ y chỉ của khổ.

Sinh: Là sở y của già khổ, bệnh khổ, v.v..., là sở y của phiền não, là sở y của *hành hoại* mà không thể ưa thích.

Già: Là sở y của sắc suy thoái, v.v...

Bệnh: Là sở y của sự tập quen những gì mình không muốn³⁹⁶,

394 Khổ thiên thú, khổ thô trọng, khổ ngũ thủ uẩn.

395 Hiền dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Tướng sai biệt, là trong cõi Dục có nhiều sắc tướng, những tướng không trong sạch và các thứ tạp tướng; trong cõi Sắc có ít sắc tướng, những tướng trong sạch và không có tạp tướng; còn cõi Vô sắc tuy thuộc về không nghiệp nhưng cũng có sắc, mà sắc thuộc về định, về vô kiến, vô đối. Lại nữa, trong cõi Dục có tướng khổ thọ tương ưng, tướng sân khuê tương ưng và tướng nhiều tùy phiền não tương ưng. Trong cõi Sắc và Vô sắc có tướng khổ thọ bất tương ưng, tướng sân khuê bất tương ưng và tướng ít tùy phiền não tương ưng."

396 Người bị bệnh tiểu đường dù không muốn vẫn phải tập quen chế độ ăn kiêng phải chuẩn về chất lượng (hạn chế glucit và lipit) và cố định về số lượng.



là sở y của sự không tập quen những gì mình muốn³⁹⁷, là sở y của sự thuận theo sự chết và bốn đại chủng trái nghịch.

Chết: Là sở y của sự tách rời tự thể, là sở y của sự tách rời tài sản, là sở y của sự xa lìa những gì mình yêu thương và những gì mình oán ghét.

Ba khổ: oán ghét mà phải gặp nhau, yêu thương mà bị xa lìa và mong muốn mà không có được, là sở y của cái thân bị bức bách, là sở y của cái tâm bị bức bách, và là sở y của những gì làm cho thân tâm suy tổn.

Kệ tụng:

Sau cùng và sau cùng

Mỗi sở y bốn khổ

Gọi sinh, sinh căn bản

Và khổ tánh, biến hoại. (kệ 12)

[552b22] Luận giải: Trong tám khổ, năm thủ uẩn khổ được xếp sau cùng; trong ba khổ, hành khổ được xếp sau cùng. Mỗi khổ là sở y cho bốn khổ nên là khổ: 1. Sở y của *sinh khổ*; 2. Sở y của *sinh căn bản khổ*; 3. Sở y của *khổ tự tánh khổ*; 4. Sở y của *biến hoại khổ*.³⁹⁸

Kệ tụng:

Ba đời khổ được nhiếp

Thượng chẳng hai duyên khổ

397 Người bị tai biến mạch máu não rất muốn cơ thể hồi phục như trước, nhưng không dễ tập quen khi không điều khiển được các giác quan, không cử động được tay chân, không nói được hay nói ngọng, nghe nhưng không hiểu, nghe hiểu nhưng không nói được, tiểu tiện không tự chủ do rối loạn cơ tròn v.v...

398 Khổ của sự sinh (tức tám khổ), khổ vì là cội gốc của sự sinh (tức vô minh), khổ vì là tự tánh của khổ (tức ngã chấp) và khổ vì biến hoại (tức vô thường).



Đã nói, các khổ khác

Điều chỉ ở Dục giới. (kệ 13)

[552b28] Luận giải: Về ba đời khổ, thượng địa của Dục giới không có khổ vì duyên với quá khứ và khổ vì duyên với vị lai. Vì sao? Ở thượng địa, không có sự phân biệt hư vọng duyên với quá khứ và duyên với vị lai sinh ra các khổ; chỉ có thô trọng đi theo, vì duyên với hiện tại.

Trừ các khổ [ở thượng địa] đã nói, các khổ còn lại chỉ có ở Dục giới hệ.

[552c03] Lại nữa, vì nguyên nhân gì các ngu si chuyển đổi với khổ cảnh thật có.

Kệ tụng:

Mất niệm, không công dụng

Loạn, không chánh tư duy

Không hiểu đúng: ngu si

Và do phóng dật v.v. (kệ 14)

[552c06] Với sự khổ, ngu si do năm thứ nguyên nhân và do những pháp đã nói ở trước: phóng dật, v.v...³⁹⁹ Năm thứ nguyên nhân: 1. Quên mất nghĩ nhớ khổ quá khứ; 2. Không dụng công suy tìm khổ vị lai; 3. Khởi bốn điên đảo với khổ hiện tại; 4. Đối với khổ [phiền não]

399 Hiền dương, phẩm Thành vô thường: “Vô trí đối với vô thường có bảy thứ nguyên nhân: 1. Phóng dật; 2. Giải đãi; 3. Thấy biết điên đảo (đảo kiến); 4. Ngu muội; 5. Chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; 6. Do bạn ác; 7. Nghe phi chánh pháp. Đối với cái vui của cảnh giới và cái vui của tình lự mà khởi phóng dật cho nên không biết như thật về tánh vô thường. Giả sử không phóng dật mà lại giải đãi; giả sử không giải đãi mà lại thấy biết điên đảo; giả sử không thấy biết điên đảo mà lại ngu muội; giả sử không ngu muội mà chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; giả sử đã tu tập tư lương bồ-đề mà theo bạn ác, lại còn từ họ nghe những gì là phi chánh pháp, cho nên không biết như thật về tánh vô thường.”



thô trọng, do không chánh tư duy nên chấp nó làm ngã⁴⁰⁰; 5. Đối với các tánh khổ⁴⁰¹, do không hiểu đúng chúng nên không biết rõ chúng.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà khởi sự quên mất nghĩ nhớ.

Kệ tụng:

Do ngu muội, yếu đuối

Và sinh khởi phóng dật

Cùng tương tục đoạn tuyệt

Chuyển thành quên mất niệm. (kệ 15)

[552c14] *Ngu muội*: Là chủng loại ngu muội⁴⁰². *Yếu đuối*: Là giai đoạn của sự chết, v.v... *Phóng dật*: Là tham đắm nơi cảnh. *Tương tục đoạn tuyệt*: Là trước khi có một đời sống khác, các chúng đồng phân tương tục đoạn hoại.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà có ra sự không dụng công.

Kệ tụng:

Do ngu muội, phóng dật

Gìn giữ pháp hiện tại

Không tin sẽ có khổ

Không công dụng phát khởi. (kệ 16)

[552c20] *Ngu muội* và *phóng dật* đã nói ở trên.

Gìn giữ pháp hiện tại: Do gìn giữ pháp hiện tại nên đối với khổ vị lai không tạo tác công dụng.

400 Phiền não vừa là khổ, vừa là nguyên nhân của khổ. Phiền não mà chấp làm ngã thì càng khổ hơn.

401 Xem luận giải ở trên: “Tánh khổ của các hành, nên biết, giống như ung nhọt, lác, hủi v.v..., là chỗ dựa của ba thọ....”

402 Ngu muội bao gồm các căn ám độn (*dhandha-indriya*), các căn ngu muội (*jada-indriya*) và các căn luy liệt (*manda-indriya*).



Không tin sẽ có khổ: Do không tin có khổ vị lai nên không tạo tác công dụng.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà khởi bốn điên đảo.

Kệ tụng:

Tương tự tương tục chuyển

Vọng phân biệt đối trị

Quán tập, tổng chấp thủ

Khởi bốn thứ điên đảo. (kệ 17)

[552c26] Vì thấy sự tương tự, tương tục chuyển động nên khởi điên đảo về thường. Vì sự phân biệt đối trị nên khởi điên đảo về lạc, tức phân biệt sai lầm về lạc để làm sự đối trị khổ. Do tập quen nên khởi điên đảo về tịnh. Do chấp thủ toàn bộ nên khởi điên đảo về ngã.

Lại nữa, với sự khổ, ngu si sinh khởi là do không hiểu rõ năm thứ nguyên nhân. Những gì là năm?

Kệ tụng:

Giới biệt, duyên khởi biệt

Vị biệt, thứ đệ biệt

Và tương tục sai biệt

Nên biết mỗi nhiều loại. (kệ 18)

[553a03] Luận giải: (1) *Giới sai biệt* nên có ba thứ khổ: khổ ở Dục giới, khổ ở Sắc giới và khổ ở Vô sắc giới.

(2) *Duyên khởi sai biệt* nên có bảy thứ khổ: 1. Phước duyên; 2. Phi phước duyên; hai duyên này có ở Dục giới; 3. Bất động duyên, có ở Sắc giới và Vô sắc giới; 4. Triền tùy miên duyên, có ở hàng dị sinh; 5. Tùy miên duyên, có ở bậc kiến đế; 6. Hữu hành duyên, không



phải hàng Bồ-tát có duyên này; 7. Trí hành duyên, hàng Bồ-tát có duyên này.

(3) *Vị sai biệt* nên có mười hai thứ khổ:

1. Thuần lạc cụ: là chư thiên.

2. Thuần khổ cụ: là na-lạc-ca, quỷ và một phần bàng sinh.

3. Tạp khổ lạc cụ: là loài người, quỷ và một phần bàng sinh.

4. Bất khổ bất lạc cụ: là từ đệ tứ tinh lự cho đến trời Hữu đảnh.

5. Bất tịnh tịnh xứ: là những sinh xứ không nạn⁴⁰³ trong Dục giới.

6. Tịnh bất tịnh xứ: là các hàng dị sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới.

7. Tịnh tịnh xứ: là các bậc kiến đế ở Sắc giới và Vô sắc giới.

8. Bất tịnh bất tịnh xứ: là trong Dục giới, những sinh xứ có nạn

Và bốn loại nhập thai khổ: 9. Không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 10. Biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 11. Biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 12. Biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ.⁴⁰⁴

403 Tám nạn xứ: tám trường hợp không may mắn, chướng nạn cho sự thấy Phật nghe pháp: 1. Địa ngục; 2. Nga quý; 3. Súc sinh (1,2,3 là ba đường dữ); 4. Bắc cầu lô châu (sống quá sướng); 5. Trời Trường thọ (sống quá lâu); 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thể trí biện thông; 8. Làm người mà sinh trước hay sau Phật xuất thế và nhằm chỗ hay lúc không có Phật pháp. Trường A-hàm, kinh Thập thượng: "Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp: 1. Sống ở giữa nước; 2. Gần thiện hữu; 3. Tự cần thận; 4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước." Chư thiên và nhân loại mà có đủ bốn luân pháp thì có thể phá nát được tám nạn.

404 Trường bộ kinh, kinh Tự hoan hỷ: "Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề nhập thai. Bạch Thế Tôn, có bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ nhất. Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập



(4) *Thứ đệ sai biệt* nên có mười hai thứ khổ: đó là y theo mười hai chi duyên khởi.

(5) *Thứ đệ tương tục sai biệt* nên có vô lượng chủng loại hữu tình tương tục, vô biên sai biệt.

Lại nữa, đối với tất cả khổ có thể liễu tri khắp cả, nên biết có mười tám thứ. Đó là những gì?

Kệ tụng:

Tín giải và tư trạch

Bất loạn, tâm yếm ly

Kiến, tu và cứu cánh

Như trước nói mười một. (kệ 19)

[553a24] Luận giải:

1. Tín giải biến trí⁴⁰⁵: Là văn sở sinh trí.

2. Tư trạch biến trí: Là tư sở sinh trí.

3. Bất tán loạn biến trí: Là thế gian tu sở sinh trí.

4. Yếm ly nhiếp biến trí: Là thuận quyết trạch phần trí của noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất.⁴⁰⁶ Do trí này quán sát tướng tự tâm nên toàn bộ sự yếm ly chuyển.

bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như hai. Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ ba. Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ tư. Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề nhập thai." (HT. Thích Minh Châu dịch)

405 Biến trí = trí biến tri: là trí đoạn trừ phiền não (thô trọng khổ) do nhận thức toàn diện về bốn Thánh đế.

406 Thuận quyết trạch phần là thiện căn được tu tập bởi bốn gia hành: noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất; y chỉ trên bốn tính lự để tu tập.



5. Kiến đạo biến trí: Là y chỉ kiến đạo trí.

6. Tu đạo biến trí: Là y chỉ tu đạo trí.

7. Cứu cánh đạo biến trí: Là trí nhiếp vào vô học đạo.⁴⁰⁷

Và mười một thứ trí đã nói ở trước⁴⁰⁸: 8. Bất thiện thanh tịnh thể tục trí; 9. Thiện thanh tịnh thể tục trí; 10. Thắng nghĩa trí; 11. Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 12. Thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 13. Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; 14. Thành sở tác tiền hành trí; 15. Thành sở tác trí; 16. Thành sở tác hậu trí; 17. Thanh văn trí; 18. Bồ-tát trí.

Như vậy gồm thành mười tám trí để như thật liễu tri *khổ biến trí*.

Lại nữa, biến trí như vậy là dứt hết các khổ. Do biến trí nào dứt hết khổ nào?

Kệ tụng:

Triền, nghi, không ưa rời

Trầm, ác thú, các thú

Hành thấp kém sinh khởi

Khấp, riêng các khổ hết. (kệ 20)

[553b10] Luận giải:

Tín giải biến trí diệt được *cái khổ của các triền*⁴⁰⁹.

Tư trạch biến trí diệt được *cái khổ của nghi ngờ*.

407 Trí thế gian: tín giải biến trí, tư trạch biến trí, bất tán loạn biến trí và yếm ly nhiếp biến trí. Trí xuất thế gian: kiến đạo biến trí, tu đạo biến trí và cứu cánh đạo biến trí.

408 Xem phẩm Thành thiện xảo, phần Thiện xảo đế, kệ 25.

409 Năm triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử (tán loạn), nghi ngờ. Ở đây chỉ cho tham dục và sân hận. Các triền cái khác do các biến trí khác hủy diệt.



Bất tán loạn biến trí diệt được cái khổ của sự không ưa rời xa [tán loạn].

Yếm ly nhiếp biến trí diệt được cái khổ của hôn trầm.

Kiến đạo biến trí diệt được cái khổ của ác thú⁴¹⁰.

Tu đạo biến trí diệt được cái khổ của các thú khác⁴¹¹.

Cứu cánh đạo biến trí diệt được cái khổ của các hành thấp kém sinh khởi, nghĩa là ngoài lạc tốc thông hành, các hành còn lại⁴¹² đều gọi là thấp kém.

Bồ-tát biến trí diệt khắp hết tất cả khổ của mình và người.

Thanh văn biến trí diệt riêng biệt cái khổ của chính mình.

410 Ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh.

411 Các thú khác: nhân loại, trời, rồng, được xoa, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già.

412 Bốn thông hành: Khổ tri thông hành, khổ tốc thông hành, lạc tri thông hành và lạc tốc thông hành. Bốn sự hành trì: (1) Hành trì khổ, chứng trí chậm; (2) Hành trì khổ, chứng trí nhanh; (3) Hành trì lạc, chứng trí chậm; (4) Hành trì lạc, chứng trí nhanh. Hiển dương, quyển 7, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3: “Khổ tri thông hành gọi là hạ phẩm học; khổ tốc thông hành và lạc tri thông hành gọi là trung phẩm học; lạc tốc thông hành gọi là thượng phẩm học.”



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Lăm

Phẩm Sáu

THÀNH KHÔNG

[553b18] Như vậy là đã thành lập sắc thái khổ. Thế nào là thành lập sắc thái không? Nên biết sắc thái không có ba thứ: 1. Sắc thái tự tướng; 2. Sắc thái rất sâu xa; 3. Sắc thái sai biệt.

[553b20] Thế nào là sắc thái tự tướng?

Kệ tụng:

Nếu ở đây không có

Cái còn lại ở đây

Theo hai thứ đạo lý

Nói tướng không: không hai. (kệ 1)

[553b23] Luận giải: *Tự tướng của không* thì không nhất định có hay không nhất định không có.

Không nhất định có: Ở trong các hành, tự tánh của chúng sinh và tự tánh của pháp hoàn toàn không có gì [là thật cả].

Không nhất định không có: Ở trong các hành, chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã là tánh có thật.

Theo hai thứ đạo lý: Ở trong các hành, không có đạo lý hai thứ ngã và có đạo lý hai thứ vô ngã. Theo hai đạo lý này mà nói *tánh không*



không có hai sắc thái: 1. Sắc thái chẳng có, vì không có *hai ngã*; 2. Sắc thái chẳng không, vì có *hai vô ngã*. Vì sao? Không có hai ngã ấy, tức là có hai vô ngã; có hai vô ngã ấy, tức là không có hai ngã; cho nên *tánh không* không nhất định là sắc thái có, không nhất định là sắc thái không có.⁴¹³

Thế nào là *sắc thái rất sâu xa*?

Kệ tụng:

Tướng thậm thâm nên biết

Thủ xả không thêm bớt. (kệ 2ab)

413 Hai thứ đạo lý: (1) hai loại ngã: nhân và pháp đều không có, nhưng (2) hai loại vô ngã: nhân và pháp đều có. Như vậy, tánh không được giải thích, là không thường có (hữu) và cũng chẳng thường không (vô). Đây là sắc thái vô nhị: có và không không hai, vì chúng sinh và pháp không thật có mà pháp tánh vô ngã hiển lộ thì thật có. Cách diễn đạt trong lập luận này rất gần với cách diễn đạt trong A-tỳ-đạt-ma tập tập luận, và cách thức ấy lại rất gần với ý niệm “vô và hữu của vô” (nonexistence and existence of nonexistence) trong Luận Biện trung biên: “Phân biệt có (hữu) và phân biệt chẳng có (vô), mỗi phân biệt là một bên. Phân biệt có là chấp thật có bỏ đặc giả la; vì hủy diệt chấp này mà lập không tánh. Phân biệt chẳng có là đối với vô ngã mà phân biệt là chẳng có. Vì rời phân biệt hai bên như vậy mà nói hành nơi trung đạo, nghĩa là không vì diệt bỏ đặc giả la (ngã) mới lập không tánh, mà không tánh kia bản tánh tự không, tiền tế cũng không, hậu tế cũng không, trung tế cũng không, cho đến nói rộng [trong kinh Đại Bảo Tích]” (tr. 476b27) Xem thêm kinh Tiểu Không, số 121, của Trung bộ để thấy thuyết tánh Không không phải độc quyền của Đại thừa, mà nó đã xuất hiện rất sớm vào thời Phật. Trong kinh này, Đức Thế tôn giảng giải cho tôn giả A-nan phương pháp thiền quán về Không, ngài dạy rằng: “Cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: ‘Cái kia có, cái này có’. Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.” Liên quan đến kinh Tiểu Không, trong kinh Lăng-già A-bạt-đa-la (No. 670, Cầu-na-bạt-đa-la dịch), tr. 488c06~26, có ghi: “Đại Huệ! Kia lược nói bảy thứ không, nghĩa là: tướng không, tánh tự tánh không, hành không, vô hành không, nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh trí đại không, bỉ bỉ không. Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với kia không có cái không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đại Huệ! Thí như nhà của Lộc tử mẫu không có voi, ngựa, trâu, dê v.v..., chẳng phải không chúng Tỳ-kheo, mà nói kia không. Chẳng có nhà mà tánh nhà không; cũng chẳng có Tỳ-kheo mà tánh Tỳ-kheo không, chẳng phải chỗ khác không có voi ngựa. Ấy gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia (các pháp) nơi kia (tinh xá) không kia (voi, ngựa, trâu, dê), ấy gọi là bỉ bỉ không. Đây gọi là bảy thứ không. Cái bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông phải xa lìa.” Bỉ bỉ không chính là tánh Không đề cập trong kinh Tiểu Không. Điều này cũng cho thấy kinh Tiểu Không rất gần gũi với tư tưởng Kiến lập tánh Không của Du-già hành tông.



[553c04] Luận giải: Theo như trên đã nói, không có hai đạo lý, tuy xả các pháp mà không có gì giảm, tuy thủ các pháp mà không có gì tăng.⁴¹⁴ Không thủ, không xả, không tăng, không giảm, là tướng không rất sâu xa.

Thế nào là sắc thái sai biệt?

Kệ tụng:

Sai biệt có nhiều thứ

Như đây kia tuyên thuyết. (kệ 2cd)

[553c08] Luận giải: Nhiều chỗ trong các kinh, tánh không này được đức Bạc-già-phạm hiển thị qua nhiều thứ sai biệt, như thắng nghĩa không, nội không, ngoại không, như vậy thầy⁴¹⁵. Nay hãy phân biệt:

Thắng nghĩa không lấy thắng nghĩa⁴¹⁶ nên trống rỗng, không có gì, nên gọi là thắng nghĩa không. Ở đây hiển thị bốn thứ nghĩa. Những gì là bốn? 1. Nghĩa rời sự lấy ngã làm nhân; 2. Nghĩa rời sự lấy ngã làm tướng; 3. Nghĩa rời sự không có nhân; 4. Nghĩa rời sự không có tự nghiệp mà được.

414 Thủ xả 捨捨: Thủ, tức nhiếp thủ 攝取, là chấp nhận. Xả, tức khí xả 棄捨, là loại bỏ.

415 Luận Biện trung biên, phẩm Biện tướng: “Sự sai biệt của tánh không ấy còn có mười sáu loại, đó là: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, vô tán không, bản tánh không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tánh không và vô tánh tự tánh không.” (tr. 466a03~06)

416 Thắng nghĩa không còn gọi là đệ nhất nghĩa không. Thắng nghĩa: thật tướng của các pháp, là Tâm siêu việt, là chân như, là pháp tánh tách rời ngôn ngữ, siêu việt lĩnh vực tâm tư. Sự xuất thế của Phật là để nói thắng nghĩa ấy, làm cho có người cũng chứng ngộ thắng nghĩa ấy. Hiển dương: “Chân như gọi là thắng nghĩa” (xem phẩm Nhiếp sự). Luận Biện trung biên, phẩm Biện tướng: “Thắng nghĩa, là tu quán đúng với thật tướng, và cảnh sở quán chân thật đây tức là không, nên gọi là thắng nghĩa không.” (466a18)



Do khi sáu xứ⁴¹⁷ sinh khởi, chúng không từ cái ngã mà có, cũng không tụ tập, y chỉ nơi ngã, như vậy gọi là *ngã tách rời ngã làm nhân*. Nếu chấp sáu xứ, lấy ngã làm nhân, thì phải không có phân biệt năm thứ riêng khác.

Lại nữa, do sáu xứ trước không có, nay có; có rồi tán diệt, cho nên [sáu xứ] *rời sự lấy ngã làm tướng*; bởi vì tướng như vậy chẳng phải sở hữu của ngã.

Lại nữa, do có nghiệp làm nhân sinh khởi [quả] dị thực mà đều không có tác giả, không có hữu tình buông bỏ hay kế thừa các uẩn [làm ngã], như vậy gọi là *ngã rời sự không có nhân*.

Lại do nơi *pháp hữu phần*⁴¹⁸ giả lập có một loại hữu tình tương tục, lưu chuyển đến pháp dị thực ở hiện tại, chẳng phải một loại nào khác tương tục, cho nên gọi là *ngã rời sự không có tự nghiệp mà được*.

Lại nữa, làm sao biết bổ-đặc-già-la – ngã không hiện hữu? Nếu có cái ngã chính là uẩn tướng, là trú trong các uẩn, là trú nơi xứ khác, là chẳng phải uẩn tướng.

417 Sáu xứ gồm sáu nội xứ (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn) và sáu ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

418 Đại trí độ luận, quyển 20: “Lại nữa, bốn đại và bốn đại sở tạo sắc (là sắc, hương, vị, xúc) bao bọc chỗ trống không nên gọi là thân. Trong ấy do nhân duyên của nội nhập và ngoại nhập hòa hiệp sanh thức chúng, thân được hòa hiệp với thức chúng ấy mà làm mọi công việc, nói năng, ngồi đứng, đi lại. Nói trong chỗ hư không có sáu đại chúng (đất, nước, gió, lửa, không, thức) hòa hiệp, miễn cưỡng gọi là nam, miễn cưỡng gọi là nữ. Nếu sáu đại chúng là nam, thời phải có sáu nam chứ không thể lấy một làm sáu, sáu làm một; trong địa chúng cũng không có tướng nam nữ, cho đến trong thức chúng cũng không có tướng nam nữ. Nếu trong mỗi địa chúng không có tướng nam nữ, thời trong khi hòa hiệp cũng không thể có. Ví như sáu con chó, mỗi con không thể sanh ra sư tử; sáu con hợp lại cũng không thể sanh, vì vô tự tánh. Hỏi: Vì sao không có nam nữ? Tuy thân ngã không có phân biệt, nhưng chính thân thì có phân biệt nam nữ khác nhau. Thân ấy không thể lia thân phần, thân phần cũng không thể lia được thân; như thấy phần chân của thân, là biết có pháp để có phần ấy (hữu phần pháp); pháp ấy gọi là thân. Phần chân v.v... của thân khác với thân; thân tức là tướng nam nữ? Đáp: Thân ngã đã bị phá trước kia, thì thân tướng cũng bị hoại, nay sẽ nói lại: Nếu có pháp hữu phần ấy gọi là thân, thân ấy có đủ ở trong các phần (của nó) hay là thân phần chia ở khắp các phần? Nếu trong các phần đầy đủ các thân, thời trong phần đầu phải có phần chân, vì có sao? Vì trong phần đầu đầy đủ có thân vậy. Nếu thân phần chia ở khắp trong các phần, thời thân và từng phần không có khác nhau. Thân hữu phần tùy thuộc theo các phần vậy.” (tr. 206b10-26, HT. Thích Thiện Siêu dịch)



Kệ tụng:

Chỉ là giả thành lỗi

Uẩn không ngã thành lỗi

Ngã không thân thành lỗi

Ba ngã không đúng lý. (kệ 3)

[553c25] Luận giải: (1) Nếu ngã được chấp là uẩn tướng, thì nó phải chỉ là giả, trái ngược với tự tông của ông, nên thành lỗi, vì ngay nơi các uẩn giả lập làm ngã.

(2) Nếu [ngã] rời các uẩn, trú chỗ khác, thì ngã phải không có uẩn, do đó cũng thành lỗi, vì không có ngã trú trong các uẩn.

(3) Nếu [ngã] chẳng phải uẩn tướng, thì cái ngã được chấp có lỗi không có thân, vì ngã mà không thân là không đúng đạo lý.

Tóm lại, ba thứ [ngã chấp] đều không hợp lý.

Lại nữa, nếu chấp có thật ngã trú trong các uẩn, điều đó cũng không đúng. Vì sao?

Kệ tụng:

Như chủ, lửa, sáng, không

Hình khác, lỗi y tha

Vô thường, không nghiệp dụng

Chẳng nhân, chẳng có ngã. (kệ 4)

[554a05] Luận giải: Chấp có thật ngã trú trong các uẩn là như người chủ trú trong nhà, như lửa ở nơi củi, như ánh sáng dựa vào đèn, như hư không ở nơi mọi vật. Như vậy tất cả đều không đúng đạo lý. Vì sao? Có năm thứ lầm lỗi. Những gì là năm?



(1) Nếu như người chủ trú trong nhà, thì hình thể phải khác nhau, vì người chủ nhà và căn nhà có hình dáng khác nhau.

(2) Nếu như lửa ở nơi củi, thì có lỗi dựa vào cái khác, vì lửa dựa vào cái lực của củi thì lửa không có tự tại.

(3) Nếu như ánh sáng dựa vào đèn, thì có lỗi vô thường, vì tùy thuộc có đèn hay không đèn mà ánh sáng khởi lên hay diệt mất.

Lại nữa, hai thí dụ trước cũng có lỗi vô thường: (1) Không thấy người chủ nhà có thường trú: Căn nhà tuy có đã lâu mà người chủ căn nhà ấy hoặc đã đi nơi khác, hoặc đã chết mất. (2) Lửa tùy thuộc cái lực của củi: Củi thì bất định khi có, khi không, là tánh vô thường.

(4) Nếu như hư không ở nơi mọi vật, thì phải có nghiệp dụng, có cái lỗi hiển nhiên, vì nghiệp dụng của hư không thì hiển nhiên có được⁴¹⁹, nghĩa là các nghiệp quá khứ, vị lai không bị chướng ngại; ngã thì không phải như vậy, nên thành lỗi.

(5) Lại nữa, chấp ngã mà cho rằng *quả làm nhân* cũng không thể được. Vì sao? Không có cái ngã ở ngoài các chủng tử, v.v... của sự vật, vì quả làm nhân là không thể được. Cho nên chấp ngã trú trong các uẩn, cho rằng quả làm nhân là không đúng đạo lý, cũng không có thể tánh thật ngã để mà chấp.

Hỏi: Nếu chỉ có uẩn, không có cái ngã riêng biệt thì ai thấy, ai nghe, ai nhận biết?

Đáp: Nếu sự thấy, nghe và nhận biết chính là thể của ngã, thì chúng hoặc là nghiệp của ngã, hoặc là đồ dùng của ngã. Chấp ngã bằng cách lấy sự thấy, nghe và nhận biết đều không hợp lý. Vì sao?

419 Hư không hay hư không vô vi là cái không bị chướng ngại và mọi sắc pháp đều vận hành trong đó.



Kệ tụng:

Ngã chỉ là giả lập

Thí dụ không thể được

Bảy dụ vọng phân biệt

Không ba chấp: thấy, v.v... (kệ 4)

[554a25] Luận giải: Nếu ông chấp sự thấy, nghe, hay, biết chính là ngã, lại gọi là người thấy, người nghe, người hay, người biết, thì cái ngã được chấp chỉ nên là giả, tức là ở trên các pháp thấy, nghe, hay, biết, giả lập có ngã. Nếu chấp sự thấy, nghe, hay, biết là nghiệp, là đồ dùng, trường hợp này cũng không đúng, vì không có thí dụ [để so sánh].

Tuy vọng phân biệt qua bảy thứ thí dụ⁴²⁰, nhưng có nhiều lỗi, cho nên ba thứ [ngã chấp]⁴²¹ đều không hợp lý.

Thế nào là có nhiều lỗi?

Kệ tụng:

Như hạt giống vô thường

Người chế tác thành giả

Người thành thực thân thông

Tự tại ở thế tục. (kệ 5)

[554b03] Luận giải: (1) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như hạt giống đối mầm, ngã phải là vô thường, vì hạt giống không thường còn.

420 Bốn thí dụ: người chủ nhà, lửa, ánh sáng, hư không. Và thêm 3 thí dụ ở dưới: hạt giống, người thợ gốm, người có thân thông ở thế gian.

421 Ba thứ ngã chấp: 1. Ngã là uẩn tướng; 2. Ngã rời các uẩn, trú chỗ khác; 3. Ngã không phải uẩn tướng.



(2) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như người thợ gốm đối với đồ gốm, ngã phải là giả. Vì sao? Thế gian hiện thấy *giả danh sĩ phu* có chế tác những đồ dùng, không thấy gì khác.

(3) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như người có thần thông ở thế gian có năng lực làm ra sự biến hóa, tức là ngã phải tương đồng với cái giả lập thế tục kia và nó có lỗi tự tại. Vì sao? Vì lìa cái giả ra, người có thần thông đã không thấy cái khác. Lại hiện thấy người có thần thông đối với sự biến hóa tùy ý tự tại; ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, không mượn duyên khác, phải được tự tại⁴²².

Lại nữa, kệ tụng:

Ngã như địa, như không

Phải vô thường, vô tánh

Phải như hai: vô tác

Phân minh nghiệp có được. (kệ 6)

[554b14] Luận giải: Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì giống như đại địa có khả năng nắm giữ muôn vật, ngã phải là vô thường, vì đất đai không thường còn.

Hoặc như hư không không có chướng ngại nên có sự tác nghiệp là dung chứa; ngã cũng như vậy, dung chứa sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], nên ngã phải vô thể, giống như hư không. Chỉ có sắc [được dung chứa], vô thể, đó là hư không.

⁴²² Nhưng trên thực tế lại không tự tại, cần mượn duyên khác.



Lại như đại địa và hư không với khả năng duy trì, v.v... mà không có *tác dụng động*; ngã cũng như vậy, phải không có tác dụng đối với sự thấy, nghe, hay, biết. Đã không có tác dụng mà chấp sự thấy, nghe, hay, biết làm ngã là không đúng đạo lý.

Lại nữa, đại địa và hư không có hai công năng rõ ràng là duy trì và không chướng ngại; ngã đối với các nghiệp tạo tác của sự thấy, nghe, hay, biết, thì không có công năng nào khác; cho nên không đúng đạo lý.

Lại nữa, nếu chấp sự thấy, nghe, hay, biết là đồ dùng của ngã, điều này cũng không đúng. Vì sao?

Kệ tụng:

Đốt cháy và cắt đứt

Chỉ lửa, dao làm ra

Ngã với đồ thấy, nghe

Không phải như lửa, dao. (kệ 7)

[554b26] Luận giải: Nếu ông chấp rằng, ngã chấp vào đồ dùng thấy để có thể thấy, đồ dùng nghe để có thể nghe, đồ dùng hay để có thể hay, đồ dùng biết để có thể biết⁴²³; giống như người ta chấp lửa có thể đốt cháy, chấp dao có thể cắt đứt; điều đó không đúng đạo lý. Vì sao? Thế gian hiện thấy tách rời người năng chấp, thì lửa tự có năng tánh đốt cháy, dao tự có năng tánh cắt đứt; sự thấy, nghe, hay, biết cũng vậy, tuy không có ngã cũng tự có tác dụng thấy, nghe, hay, biết. Nhưng ông không chấp nhận nên đây không phải thí dụ.

⁴²³ Kiến, văn, giác, tri: thấy, nghe, hay, biết; cái biết của 6 thức: kiến là nhãn, văn là nhĩ, giác là 3 thứ tỷ, thiệt và thân, tri là ý. Ba thức nhãn, nhĩ và ý được khai ra 3 là vì giúp rất nhiều cho bồ đề phần, lại biết cả thể và xuất thể. Ba thức còn lại, tỷ, thiệt và thân không bằng 3 thức trên nên hợp làm một.



Lại nữa, thế gian hợp chung các uẩn, giả tướng mà lập làm ngã, nhân, chúng sinh, đang cầm cái liềm v.v... có thể cắt, có thể chặt, chứ không có thật ngã riêng biệt, cho nên đây không phải thí dụ.

Lại nữa, kệ tụng:

Như ánh sáng soi chiếu

Lìa sáng không dị thể

Cho nên ở trong ngoài

Nghĩa không, vô ngã thành. (kệ 8)

[554c06] Luận giải: Hiện thấy ở thế gian, ngay nơi thể ánh sáng có cái dụng chiếu sáng, nên nói là vật chiếu sáng. Lìa ngoài thể ánh sáng không có cái thể nào khác. Như vậy, mắt, tai, v.v... có cái dụng thấy, nghe, v.v..., nên nói là người thấy, người nghe, người hay, người biết. Vì vậy, các pháp ở trong, ở ngoài đều không phải hữu ngã.

Hỏi: Nếu thật sự vô ngã thì tại sao thế gian có nhiễm, có tịnh?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh đều từ nhân duyên sinh, chẳng phải do thật ngã. Vì sao?

Kệ tụng:

Như ngoại vật thế gian

Lìa ngã có tổn ích

Nội tuy không thật ngã

Nghĩa nhiễm tịnh nên thành. (kệ 9)

[554c14] Luận giải: Như ngoại vật ở thế gian tuy không có ngã nhưng có các thứ sự nghiệp tai họa, thuận ích thành tựu. Như vậy nội pháp tuy không có ngã nhưng có các thứ nghĩa nhiễm tịnh thành tựu; cho nên không có lỗi.



Lại nữa, nếu là vô ngã thì ai thọ quả báo, ai có thể tác nghiệp, ai thoát các khổ.

Kệ tụng:

Vì, tư, phiền não, phần

Là vô thường biến dị

Ngã thường không chuyển đổi

Thọ, tác, thoát nên không. (kệ 10)

[554c20] Luận giải: Cái ngã ông chấp, nơi mùi vị khổ, lạc, v.v..., nơi tư duy thiện, ác, v.v..., nơi phiền não tham, sân, v.v..., trong tất cả thời phần thường không biến đổi. Vì không biến đổi, nên người cảm thọ, người tạo tác, người giải thoát đều không hợp lý. Như trước đã nói, tuy không có thật ngã mà có cái giả thể tục biến đổi trong ba thời gian, cho nên người cảm thọ, người tạo tác, người giải thoát đều thành tựu trong thời phần sai biệt.

Lại nữa, nếu vô ngã thì ai lưu chuyển, ai hoàn diệt?

Kệ tụng:

Pháp tánh từ duyên sinh

Triển chuyển hiện tương tục

Có nhân mà không trú

Biến đổi nên gọi chuyển. (kệ 11)

Như thân, răng, sông, đền

Có các thứ tác dụng

Ngã thường không biến đổi

Chuyển, hoàn không hợp lý. (kệ 12)



[555a01] Luận giải: Không do hữu ngã mà có lưu chuyển hay hoàn diệt. Vì sao? Hiện thấy người lưu chuyển ắt có tướng sinh, trước sau tương tục triển chuyển không dứt, hằng hiện mắt, nhìn thấy rõ ràng. Có nhân không dừng trú mà lại biến đổi, gọi là *lưu chuyển*. Cắt dứt sự tương tục, gọi là *hoàn diệt*. Giống như thân thể, chiếc răng, con sông, ngọn đèn⁴²⁴ có các thứ tác dụng chuyển khởi và có hoàn diệt. Chẳng phải như cái ngã ông chấp thường hằng không biến đổi mà lại có cái dụng lưu chuyển. Ngã ấy lưu chuyển còn không có, huống chi có hoàn diệt sao?

Lại nữa, nếu chỉ các hành không phải hữu ngã, thế gian hiện thấy những loài hữu tình, thì ý tưởng sai biệt về danh phải không có.

Kệ tụng:

Y ngã khởi danh tướng

Thấy hai thứ làm lỗi

Cho nên biến khắp cả

Tánh thật ngã đều không. (kệ 13)

[555a11] Luận giải: Không do ý tưởng về danh mà thật ngã được thành. Vì sao? *Thấy hai thứ làm lỗi*: (1) Nếu người thế gian đối với thật ngã, trước hết khởi các thứ ý tưởng về danh như Phật-cứu, [Đức hữu], v.v...⁴²⁵, thì đối với thân, v.v... các pháp phải không có sự hiểu biết về chúng. (2) Đối với thân, v.v... khởi ý tưởng về danh, thì không nên nói “*ngã có các tác dụng*”. Vì sao? Thế gian hiện thấy khởi các ngôn thuyết, như là *Phật-hữu nhìn thấy*, *Đức-hữu lắng nghe*, v.v...

Lại nữa, *thấy hai thứ làm lỗi*: (1) Nếu chấp ngã mà thấy thể tánh

424 Nội pháp là thân thể. Ngoại pháp là chiếc răng, con sông, ngọn đèn, cỗ xe, v.v...

425 Phật-cứu 佛救: Có lẽ là Phật-thọ 佛授 (Buddhadatta).



là thiện, hiện tiền chuyển vận một cách tự nhiên, mà sinh khởi nhiễm pháp, là không đúng đạo lý. (2) Nếu [thể tánh] là nhiễm ô, thì sự năng chứng thật ngã, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chấp ngã là khi chấp thủ ngã thì là cái ngã năng chấp, hay là cái thấy năng chấp? (1) Nếu nói cái ngã chấp ngã, thì người chấp ngã ở thế gian không nên có khởi nghi hoặc về những gì là hữu vi, những gì là vô vi. Vì sao? Vì hiện thấy cái ngã. (2) Nếu nói cái thấy chấp ngã, thì ông nay không nên nói “*cái ngã năng thủ*”.

Do có các thứ làm lỗi như vậy, cho nên thế gian không có *chân thật ngã*.

Lại nữa, nếu như vậy thì tại sao ở trong chánh pháp kiến lập ý tưởng về danh có các thứ sai biệt?

Kệ tụng:

Vì ngôn thuyết dễ hiểu

Vì tùy thuận thế gian

Vì đoạn trừ sợ hãi

Hiện hai thứ: đức, lỗi. (kệ 14)

[555a27] Luận giải: Tuy không có thật ngã mà kiến lập ý tưởng về danh, về hữu tình sai biệt, có bốn nguyên nhân: 1. Vì làm cho ngôn thuyết được dễ hiểu; 2. Vì tùy thuận thế gian; 3. Vì để người sơ học rời xa sự sợ hãi; 4. Vì hiển thị công đức và tội lỗi của mình người có sai biệt.

Lại nữa, nếu không có ngã thì thế gian không nên vừa mới thấy hình tướng liền đột nhiên khởi lên tri giác về hữu tình, lại cũng không nên lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp.



Kệ tụng:

Đột nhiên **giác loạn khởi**

Thế gian hiện có được

Giác làm đầu tác nghiệp

Có mười thứ làm lỗi. (kệ 15)

[555b06] Luận tụng: Đột nhiên khởi lên tri giác⁴²⁶ thì chẳng chứng minh nguyên nhân của ngã. Vì sao? Vì tâm tri giác thác loạn mà đột nhiên khởi lên thì hiện tại có thể có được, như đối với thân nữ mà khởi tri giác về người nam, đối với thân nam mà khởi tri giác về người nữ; là khúc cây mà khởi tri giác là người, là người mà khởi tri giác là khúc cây.⁴²⁷

Lại nữa, cái ngã ông chấp lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp, có mười thứ làm lỗi. Những gì là mười?

Kệ tụng:

Giác, ngã nhân, công dụng

Tự tại đẳng mỗi hai

Có nhân và không nhân

Phải biết mười thứ lỗi. (kệ 16)

[555b13] (1) Nếu ông chấp tri giác làm nhân khởi các tác nghiệp, tức là chẳng phải ngã có công dụng khởi các nghiệp.

(2) Nếu lấy ngã làm nhân, thì suy nghĩ, tri giác không phải là nhân, thế thì không nên lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp.

426 Đây nói về suất nhĩ tâm hay suất nhĩ đọa tâm 率爾墮心, một trong ngũ tâm, tức là tâm bỗng nhiên khởi lên trong một sát-na đầu tiên khi nhãn thức vừa tiếp xúc ngoại cảnh, chưa có phân biệt thiện ác.

427 Đây gọi là ngã tướng của biến kế sở chấp. Vô số cái biết của ý thức biến kế toàn là cái biết thác loạn (như trong bóng tối thấy làm sợi dây là con rắn) nên nhìn đâu cũng thấy ngã pháp.



Lại nữa, (3) nếu ông chấp lấy ngã làm nhân có công dụng khởi tác nghiệp, thì phải thường xuyên khởi tất cả tác nghiệp. (4) Nếu ngã không phải nhân, tức là ngã không có tạo tác gì cả.

Lại nữa, (5) nếu ông chấp có cái nhân khác, tức có pháp khác làm nhân khởi các tác nghiệp, thì cái ngã được chấp không có tạo tác gì cả. (6) Còn nếu không có nguyên nhân thì cũng phải thường xuyên khởi tất cả tác nghiệp.

Lại nữa, (7 & 8) nếu ông chấp do công dụng bên trong có năng lực tạo tác; đây cũng như trên, có hai thứ làm lỗi⁴²⁸.

Lại nữa, (9) nếu ông chấp rằng, cái ngã có được sự tự tại đối với sự tác nghiệp, tức phải thường tạo tác những gì mình ưa thích và không tạo tác những gì mình không ưa thích. (10) Nếu không có sự tự tại tức là không có ngã tướng.

Như vậy là đã nói sắc thái của không và sự thành lập. Nay sẽ hiển thị *chân trí quán không*, sở tri sai biệt của tát-ca-da kiến⁴²⁹.

Kệ tụng:

Không thăm quyết, biến hành

Tăng ích và vô sự

Với sự sợ vọng kiến

Thí dụ có năm thứ. (kệ 17)

[555b26] Luận giải: Tát-ca-da kiến có năm thứ:

1. *Thấy biết không suy xét sự:* Như thấy làm sợi dây là con rắn.

428 Như hai làm lỗi (4) và (5).

429 Hiển dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Tát-ca-da kiến (: thân kiến), tự thể của nó là tuệ nhiễm ô, là đối với năm thủ uẩn mà kế đạt chấp có ngã, ngã sở. Tát-ca-da kiến sinh khởi do câu sinh hoặc, do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại kiến giải không điên đảo về vô ngã."



2. *Thấy biết biến hành*: Tương ứng với ý nhiễm ô mà vọng có thân kiến, ở trong tất cả thời thường đi theo⁴³⁰, như trong chiêm bao thấy sự thọ dụng. Vì sao? Giống như người nghèo, trong chiêm bao thấy mình thọ dụng cảnh giới khả ái, cũng vậy người ngu trước khi chưa khởi chánh trí về chân như, thường khởi vọng chấp, ngã kiến theo đuổi.

3. *Thấy biết sự tăng ích*: Giống như mong ước mình thuận theo, thuộc về người con gái.

4. *Thấy biết sự không thật*: Giống như trẻ thơ thấy sự huyền hóa.

5. *Thấy biết sự sinh sợ hãi*: Như người vẽ thân dục xoa rồi tự sợ hãi.

Như vậy là đã nói *sở trị sai biệt*, nay sẽ hiển thị *năng trị sai biệt*.

Kệ tụng:

Vô thể và viễn ly

Trừ khử, dựa ba thứ

Đối trị các phược tướng

Mười sáu thứ sai biệt. (kệ 18)

[555c08] Luận giải: Y chỉ ba thứ tự thể: biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật, theo thứ tự thiết lập ba thứ không: 1. Vô thể không; 2. Viễn ly không; 3. Trừ khử không⁴³¹.

430 Ý nhiễm ô là thức thứ bảy Mạt-na. Ngã kiến hay thân kiến huân tập là Mạt-na ý thức A-lại-da lấy làm tự ngã. Ý thức tự ngã này huân tập thành ra chúng tử thấy có mình, có người là những tự thể (sinh mạng) khác nhau, rồi kế đạt chấp có thật ngã. Thuật ngữ gọi là phân biệt ngã kiến.

431 Trừ khiển không 除遣空: Trừ khiển dịch là trừ khử. Kinh Giải thâm mật, quyển 3, phẩm Phân biệt Du-già, thứ 6, nói đến 17 cái Không có thể trừ khử 10 tướng: “Bạch đức Thế tôn, để trừ khử các tướng nên các vị Bồ tát biết pháp tướng nghĩa tướng phải nỗ lực tu tập phương cách trừ khử, vậy có bao nhiêu cái tướng khó trừ khử? Và cái gì trừ khử được? Thiện nam tử, các tướng có mười thứ, và cái Không có thể trừ khử. Mười thứ ấy là những gì? Một là biết pháp biết nghĩa thì có cái tướng văn từ, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi các pháp không [nhất thiết pháp không]. Hai là biết



Lại nữa, ba thứ không này, sai biệt có mười sáu thứ không để đối trị các phược và các tướng.

Các phược có mười bốn thứ tướng phược và thô trọng phược:⁴³²

1. Phược do các căn; 2. Phược do hữu tình bị nhiễm ô; 3. Phược do sở y: dựa vào khí thể gian mà các căn lưu chuyển; 4. Phược do vô trí đối với trí; 5. Phược do vọng cảnh đối với cảnh; 6. Phược do khát ái hậu hữu; 7. Phược do khát ái vô hữu; 8. Phược do chấp vô nhân, bất bình đẳng nhân; 9. Phược do có được thượng mạn; 10. Phược do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 11. Phược do chấp tự tánh các pháp; 12. Phược do chấp tự tánh các pháp được biến trí; 13. Phược do chấp tự tánh bổ-đặc-già-la; 14. Phược do chấp bổ-đặc-già-la được biến trí.

Các tướng là sáu thứ tướng phược. Chán các tướng này nên Bồ-tát y theo cái không mà siêng tu niệm trú khiến tâm giải thoát. Thế nào là sáu thứ tướng phược? (1) Dựa vào thân, thọ, tâm, pháp mà phát khởi *nội tướng*, gọi là tướng phược thứ nhất; (2) dựa vào thân, thọ, tâm,

chân như nơi sự an lập thì có cái tướng sinh trụ diệt và cái tướng liên tục chuyển biến, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi tướng không và vô tiền hậu không [= vô tế không]. Ba là biết nghĩa năng thủ thì có cái tướng luyến tiếc thân thể và cái tướng ngã mạn, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội không và vô sở đắc không. Bốn là biết nghĩa sở thủ thì có cái tướng luyến tiếc tài sản, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi ngoại không. Năm là biết nghĩa hường dụng, trong đó có trai gái phục dịch và đồ dùng thích hợp, thì có cái tướng trong thấy thích thú và cái tướng ngoài thấy tốt đẹp, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội ngoại không và bản tánh không. Sáu là biết nghĩa dụng nên thì có cái tướng thế giới bao la, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi đại không. Bảy là biết không hình sắc thì có cái tướng bên trong vắng lặng giải thoát, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi hữu vi không. Tám là biết chân như nơi các tướng thì có các tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức và tướng thắng nghĩa, bốn cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi cứu cánh không [tất cánh không], vô tánh không, vô tánh tự tánh không và thắng nghĩa không. Chín là biết chân như nơi sự thanh tịnh thì có cái tướng vô vi và cái tướng không biến dịch, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi vô vi không và vô biến dị không. Mười là chính sự tác ý tư duy về cái không để đối trị các cái tướng nói trên thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi không không.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

432 Kinh Giải thâm mật, phẩm Thắng nghĩa: “Thiện thanh tịnh tuệ, nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ hiện nay tất cả dị sinh đã thấy đế lý, đã được niết bàn yên ổn, đã chứng bồ đề tối thượng; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ người đã thấy đế lý không thể trừ khử các hành, không trừ khử các hành thì không thể giải thoát tướng phược, không giải thoát tướng phược thì không thể giải thoát trọng phược, không giải thoát hai phược ấy thì không thể được niết bàn yên ổn, cũng không thể chứng bồ đề tối thượng.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



pháp mà phát khởi *ngoại tướng*, gọi là tướng phược thứ hai; (3) dựa vào thân, thọ, tâm, pháp mà phát khởi *nội ngoại tướng*, gọi là tướng phược thứ ba; (4) vì muốn độ thoát mười phương vô lượng vô số hữu tình giới mà phát khởi đại nguyện, tu các niệm trú; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ tư; (5) chánh quán sát và an trú nơi cảnh giới của thân, thọ, tâm, pháp mà có trí tuệ; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ năm; (6) chánh quán sát và an trú nơi cảnh giới của thân, thọ, tâm, pháp mà có ngã nhân; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ sáu.

Lại nữa, sự quán sát thân, thọ, tâm, pháp, nên biết có mười một thứ tướng phược sai biệt, mà nối tiếp làm thành cho nhau. Những gì là mười một? (1) Nơi thân, thọ, tâm, pháp khởi chánh quán và an trú theo thân, thọ, tâm, pháp; và trong đệ nhất nghĩa, nơi hai đế nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng phân biệt*, gọi là tướng phược thứ nhất; (2) trong đệ nhất nghĩa, nơi nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng hữu tác*, gọi là tướng phược thứ hai; (3) trong đệ nhất nghĩa, nơi nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng vô tác*, gọi là tướng phược thứ ba; (4) trong đệ nhất nghĩa, nơi hữu tác mà khởi cái *tướng lưu chuyển*, gọi là tướng phược thứ tư; (5) trong đệ nhất nghĩa, nơi vô tác mà khởi cái *tướng thường*, gọi là tướng phược thứ năm; (6) nơi lưu chuyển, do khổ biến đổi mà khởi cái *tướng khổ*, gọi là tướng phược thứ sáu; (7) nơi thường pháp mà khởi cái *tướng không biến đổi*, gọi là tướng phược thứ bảy; (8) nơi lưu chuyển, do tự tướng của sinh, trú, dị, diệt, và do những tự tướng ấy có biến đổi, nên khởi cái *tướng tự tướng*, gọi là tướng phược thứ tám; (9) trong đệ nhất nghĩa, nơi hữu biến dị, vô biến dị, nhiệm ô, thanh tịnh mà khởi cái *tướng năng nhiếp thọ tất cả pháp*, gọi là tướng phược thứ chín; (10) nơi tất cả pháp nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng tự ngã sở hữu*



nhiễm ô thanh tịnh; gọi là tướng phược thứ mười; (11) nơi các pháp nhiễm ô, thanh tịnh mà khởi cái *tướng về tự thể, tự tướng*, gọi là tướng phược thứ mười một.

Bồ-tát ma-ha-tát đối với các tướng phược sai biệt, nối tiếp làm thành cho nhau, và cảnh giới của chúng, chánh quán sát rồi, y chỉ nơi cái không, tu các niệm trú khiến tâm giải thoát. Đối với các vọng tướng phược như vậy, khi giải thoát được chúng, nên biết là giải thoát tất cả tướng phược.

[556a15] Mười sáu cái không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô sơ hậu không, vô tổn tận không, tánh không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không.

Lại nữa, nơi cảnh giới của những cái không này, có sáu thứ ngu mà lưu chuyển từ vô thủy. Những gì là sáu?

Kệ tụng:

Tự tánh và chấp trước

Không hiểu rõ, thất niệm

Khấp tất cả, một phần

Ngu sai biệt lưu chuyển. (kệ 19)

[556a22] Luận giải: (1) *Ngu tự tánh*: Tất cả hữu tình lưu chuyển từ vô thủy có sự vô trí. (2) *Ngu chấp trước tự thể*: Sự vô trí được khởi từ các ngoại đạo mà thích ứng với những điên đảo kiến. (3) *Ngu không hiểu ngộ*: Sự vô trí được khởi từ hàng *vô văn dị sinh*⁴³³. (4) *Ngu thất*

433 Vô văn dị sinh = vô văn phàm phu: "Là kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc



niệm: Sự vô trí được khởi từ hàng *hữu văn dị sinh* và các Thánh giả⁴³⁴.
 (5) Ngu khắp tất cả: Sự vô trí được khởi từ hàng *dị sinh* đối với *chúng sinh không* và *pháp không*⁴³⁵. (6) Ngu một phần: Sự vô trí được khởi từ hàng Thanh văn, v.v... nhưng chỉ là vô trí đối với pháp không.

Làm thế nào chúng được cái *lý không* như vậy? Do tám loại trí. Những gì là tám?

Kệ tụng:

Pháp trú, câu tỵ tâm

Trú tỵ tâm, trừ phược

Sợ, không hai, nhiễm, tịnh

Chứng được lý chân không. (kệ 20)

[556b03] Luận giải: 1. *Trí pháp trú*: Trí dựa vào tổ-đát-lãm, v.v...⁴³⁶ để an lập pháp môn; 2. *Trí câu tỵ tâm*: Trí suy tìm tỵ tâm, ở địa vị thuận quyết trạch phân; 3. *Trí trú tỵ tâm*: Trí chứng chân như, ở địa vị kiến đạo; 4. *Trí trừ tâm phược*: Trí đối trị các chướng, ở địa vị tu đạo; 5. *Trí sợ các hành tương ưng*: Trí của hàng Thánh đệ tử [aryaśrāvaka], vì sợ hãi đại khổ não trong sự lưu chuyển; 6. *Trí phân biệt không hai*: Trí của hàng Bồ-tát, vì không phân biệt lưu chuyển và tịch diệt, tội lỗi và công đức⁴³⁷; 7. *Trí bất thiện thanh tịnh*: Trí của hàng Hữu học; 8. *Trí thiện thanh tịnh*: Trí của hàng Vô học.

Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân." (Trung bộ kinh, Kinh Pháp môn căn bản) Nhận thức của họ thường bị chi phối nặng nề bởi phiền não tạp nhiễm, chủ yếu là tham ái, mạn và tà kiến.

434 Chỉ cho bậc hữu học và bậc A-la-hán.

435 Chúng sinh không = ngã không: ngã vô ngã. Pháp không: pháp vô ngã.

436 Tổ-đát-lãm 素怛纒: Kinh. Tỳ-nại-da 毘奈耶: Luật. Ma-đát-lý-ca 摩怛履迦: Luận.

437 Không và có, là hai. Chẳng không và chẳng có, là không hai (vô nhị). Phân biệt hai và không hai đều là tục đế. Chẳng hai và chẳng không hai là chân đế.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Sáu

THÀNH KHÔNG (tiếp theo)

[556b19] Luận giải: Để chứng cái lý không như vậy phải dựa vào sự tu. Tu tập như thế nào?

Kệ tụng:

Tu sai biệt mười tám

Hoặc có độc, không độc

Đối trị năm thứ chấp

Lược hai thứ nên biết. (kệ 21)

[556b22] Luận giải: Sắc thái tu tập có mười tám thứ sai biệt:

1. *Tu tác ý tương ưng Thanh văn [thừa]*: Như có một vị Thanh văn, trú pháp tánh Thanh văn, hoặc chưa nhập *chánh tánh vô sinh*⁴³⁸, hoặc đã nhập chánh tánh vô sinh, chỉ quán sự lợi mình, không quán sự lợi người, dựa vào sự an lập để⁴³⁹ mà tác ý để thể nhập lý chân

438 Chánh tánh vô sinh = chánh tánh lý sinh.

439 An lập 安立, tức là bày đặt các nghĩa sai biệt, cũng tức là dùng lời nói, danh tướng để phân biệt các sự vật khác nhau. Trái lại thì là phi an lập 非安立. Phi an lập là vượt lên trên sự sai biệt tương đối, không dùng lời nói và danh tướng để bày tỏ. Duy thức nhị thập luận thuật ký 唯識二十論述記, quyển thượng, có nêu lên 4 nghĩa an lập, tức là: (1) An trí, là đối với sự lý đã tồn tại, thành lập cái căn cứ tồn tại của sự lý ấy, cũng gọi là kiến lập, thành lập. (2) Thi thiết, là dùng đạo lý rộng rãi đặt bày cái lý thú của giáo pháp. (3) Khai diễn, đối với thuyết cũ đã nói rồi, thì nói thêm cho rộng ra. (4) Khả kiến, là đối với cảnh giới thuộc pháp tánh đã dứt mọi đường nói năng tư lự, thì đem giáo lý tương xứng và dùng lời nói có thể thông suốt cảnh giới ấy để miêu tả. (No. 1834, tr. 980a24~28) Thập địa kinh, quyển 4, [Bồ tát địa thứ năm] thiện xảo thế tục đế, thiện xảo thắng nghĩa đế, thiện xảo tướng đế, thiện xảo sai biệt đế, thiện xảo an lập đế ... Do hiểu rõ sự an lập của uẩn, giới, xứ nên biết an lập



như⁴⁴⁰, nội tâm duyên với pháp hữu lượng hữu phân biệt⁴⁴¹ [làm đối cảnh], khởi tâm yếm ly, vô dục, [ưa thích] giải thoát hành, tu tập tác ý vì chấm dứt sự tham ái của mình. Đó gọi là sự tu tác ý tương ưng Thanh văn [thừa].

[556b29] 2. *Tu tác ý [tương ưng] Bồ-tát*: Như có một vị Bồ-tát, trú pháp tánh Bồ-tát, hoặc chưa nhập chánh tánh vô sinh, hoặc đã nhập chánh tánh vô sinh, quán sự lợi ích mình người, dựa vào sự an lập để và phi an lập để mà tác ý để thể nhập lý chân như, nội tâm duyên với pháp vô lượng vô phân biệt [làm đối cảnh], vì lực đại bi tăng thượng mà khởi các việc lợi người, nhiếp thọ phương tiện hành, đi trên đạo lộ vô thượng⁴⁴², tu tập tác ý vì chấm dứt sự tham ái của mình và người. Đó gọi là sự tu tác ý [tương ưng] Bồ-tát [thừa].

[556c06] 3. *Tu tác ý ảnh tượng*: Là ảnh tượng của tư duy hữu phân biệt mà đồng phần với bản chất cảnh giới pháp trong tỷ-bát-

đế. (tr. 550b01~09) Du-già sư địa luận, quyển 72: “Để có hai, an lập để chỉ bốn Thánh đế; phi an lập để tức chân như.” Ngoài ra, đối với bản chất của lý chân như (chân đế), đặt bày những lời nói danh tướng khác nhau để giải thích, gọi là an lập để; còn lia tất cả lời nói, danh tướng, do lập trường siêu việt tuyệt đối mà thể ngộ lý chân như, thì gọi là phi an lập để. Luận Thành duy thức, quyển 9: “Trong giai vị gia hành này sự hệ phục hồi tưởng chưa bị loại bỏ, hệ phục hồi tưởng cũng chưa bị cắt đứt. Duy chỉ có thể trấn áp trừ diệt hai thủ, vì chúng trái nghịch với kiến đạo. Nhưng hai thủ thuộc loại câu sinh và tùy miện của chúng tâm tâm quán sát thuộc hữu lậu, vì còn có cái để bắt nắm, và vì có phân biệt, do đó, chưa hoàn toàn bị trấn áp và trừ diệt. Trong giai vị này, Bồ tát học quán sát cả nơi an lập để (: bốn đế) và phi an lập để (: nhị không chân như), vì để dẫn phát hai loại kiến đạo trong tương lai, vì trấn áp hai loại chướng thuộc phân biệt, do đó phi an lập để là đối tượng quán sát chính thức, không phải như Nhị thừa chỉ quán sát an lập để.” (tr. 49c04~10) Cũng luận này nói, trong Tướng Kiến đạo, nếu quán phi an lập để, thì có ba phẩm tâm: (1) Bằng duyên trí nội tại loại trừ hữu tình giả mà đoạn trừ các tùy miện phân biệt thuộc tâm yếu. (2) Bằng duyên trí nội tại loại trừ pháp giả mà đoạn trừ tùy phiền não phân biệt thuộc tâm trung. (3) Phổ biến bằng duyên trí loại trừ cả hữu tình và pháp giả mà đoạn trừ tất cả tùy miện thuộc loại phân biệt; còn nếu duyên theo an lập để, thì có 16 tâm: (1) Khổ đế có 4 tâm: Khổ pháp trí nhãn, khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, khổ loại trí. (2) Tập đế có 4 tâm: Tập pháp trí nhãn, tập pháp trí, tập loại trí nhãn, tập loại trí. (3) Diệt đế có 4 tâm: Diệt pháp trí nhãn, diệt pháp trí, diệt loại trí nhãn, diệt loại trí. (4) Đạo đế có 4 tâm: Đạo pháp trí nhãn, đạo pháp trí, đạo loại trí nhãn, đạo loại trí. (tr. 50a11~b06)

440 Là tổng quán bốn đế, tác ý nhân vô ngã, lấy đó làm cánh cửa phương tiện để nhập chứng chân như.

441 Chánh văn là hữu phân lượng pháp 有分量法 = hữu lượng hữu phân biệt pháp 有量有分別法 (đối chiếu Du-già sư địa luận, quyển 67, tr. 668c07). Đối cảnh được tác ý có giới hạn nên gọi là hữu lượng. Chưa lia được pháp chấp nên gọi là hữu phân biệt.

442 Vô thượng tịch = vô thượng tức tịch 無上息跡: con đường tịch tĩnh dẫn đến mục đích tối thượng.



xá-na phẩm và sở hành của tam-ma-địa⁴⁴³; hoặc là ảnh tượng của tư duy vô phân biệt mà đồng phần với bản chất cảnh giới pháp trong xa-ma-tha phẩm và sở hành của tam-ma-địa. Tu tập như vậy gọi là sự tu tác ý ảnh tượng.

[556c10] 4. *Tu tác ý sự cứu cánh*: Là tư duy các pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, [liệt hay thắng,] xa hay gần, [đối với các pháp, thấy được như thật với trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.’]; hoặc là tư duy về tánh sở hữu và tánh tận sở hữu của [thể tánh] chân như của các pháp. Tu tập như vậy gọi là sự tu tác ý sự cứu cánh⁴⁴⁴.

[556c14] 5. *Tu sự thành tựu*: Đã chứng đắc căn bản tĩnh lực⁴⁴⁵ và tam-ma-bát-đề thế gian và xuất thế gian. Tu tập như vậy gọi là sự tu sự thành tựu⁴⁴⁶.

[556c16] 6. *Tu đắc*: Như có một vị dựa vào sơ tĩnh lực, hoặc tu tập tướng về vô thường⁴⁴⁷, hoặc cho đến tu tập tướng về cái chết⁴⁴⁸, thì người ấy không có những tướng thiện khác hiện tiền, hoặc nhiếp vào tự địa, hoặc nhiếp vào hạ địa, và sự tu tập ấy dẫn ra công đức thế gian

443 Tam-ma-địa có năng lực làm cho tâm trú nhất cảnh tánh, lấy tâm pháp làm thể. Sở hành là cảnh sở duyên của định.

444 Sự cứu cánh = sự biên tế 事邊際.

445 Căn bản tĩnh lực bao gồm 4 tĩnh lực, 4 vô lượng tâm và 4 vô sắc định.

446 Sự thành tựu = sở tác thành biện 所作成辦.

447 Tạp A-hàm, kinh Thọ, số 270: “Tu tập tướng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điều mạn, vô minh.” Tạp A-hàm, kinh Vô thường, số 747: “Nếu Tỷ-kheo tu Vô thường tướng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỷ-kheo tu Vô thường tướng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỷ-kheo tâm câu hữu với Vô thường tướng, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xá,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xá.” (Thích Đức Thắng dịch)

448 Như vô thường tướng ở trên, cũng vậy có 20 kinh: Vô thường khổ tướng, Khổ vô ngã tướng, Quán thực tướng, Tất cả thế gian không khả lạc tướng, Tận tướng, Đoạn tướng, Vô dục tướng, Diệt tướng, Hoạn tướng, Tử tướng, Bất tịnh tướng, Thanh ử tướng, Nùng nội tướng, Phùng tướng, Hoại tướng, Thực bất tận tướng, Huyết tướng, Phân ly tướng, Cốt tướng, Không tướng.



hay xuất thế gian, đều làm cho người ấy chuyển tăng, sự thanh tịnh sẽ được sinh khởi mạnh mẽ, chứng được pháp kia, tự tại thành tựu, gọi là sự tu đắc.

[556c22] 7. *Tu tập*: Như có một vị hiện tiền tác ý tư duy về các pháp, khởi tướng thiện về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, và hiện tu tập các thiện pháp khác. Tu tập như vậy gọi là sự tu tập.

[556c25] 8. *Tu trừ khử*: Như có một vị tác ý tư duy các tướng là ảnh tượng [được thấy] trong cảnh sở duyên của tam-ma-địa, để trừ khử cái căn bản của các pháp là tự tánh các tướng, làm cho chúng không biểu hiện trở lại, vận dụng đạo lý lấy chốt tháo chốt, giống như có kẻ dùng cái chốt nhỏ đẩy cái chốt to ra, hoặc giống như dùng thân yên ổn trừ khử thân nặng nề, như trên đã nói⁴⁴⁹, gọi là sự tu trừ khử.

[556c29] 9. *Tu đối trị*: Tư duy về những sự tu tập: yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị, viễn phần đối trị, gọi là sự tu đối trị. Ở đây, *văn tư sở sinh đạo* là yếm hoại đối trị; *xuất thế gian đạo* là đoạn đối trị; chuyển y của quả kia là trì đối trị; *thế gian tu tuệ đạo* là viễn phần đối trị.⁴⁵⁰

[557a04] 10. *Tu thân*; 11. *Tu giới*; 12. *Tu tâm*; 13. *Tu tuệ*. Thứ tự như vậy là dựa vào sự phòng hộ các căn và tu tập ba học. Nên biết, đó là sự tu tập tự tánh của thân, thọ, tâm, pháp.

[557a07] 14. *Tu thiếu phần*: Đối với các pháp, khởi tướng vô thường v.v..., tác ý tư duy theo mỗi tướng thiện và chút phần thiện pháp mà mình tu, gọi là sự tu thiếu phần.

[557a09] 15. *Tu biến hành*: Tư duy tất cả pháp là *nhất vị chân*

449 Xem Trừ khử không, ở phẩm trước.

450 Du-già sư địa, quyển 67: “Ở đây, yếm hoại đối trị là tất cả thế gian thiện đạo, trừ tác ý được dẫn bởi các vô lượng [tâm] và hành giả có du hí thần thông; đoạn đối trị là tác ý duyên đối cảnh là chân như; trì đối trị là từ đây về sau có được thế gian và xuất thế gian đạo, hoặc giải thoát đạo; viễn phần đối trị là phiền não đã đoạn nơi đối trị đạo, càng phải nhiều tu tập, hoặc nhiều tu tập ở thượng địa đạo.” (tr. 669a14~19)



*như*⁴⁵¹. Tu tập như vậy gọi là sự tu biến hành.

[557a11] 16. *Tu hữu động*: Tinh cần phương tiện tu vô tướng mà có sự cách hờ trong khi tu tập hữu tướng⁴⁵², gọi là sự tu hữu động.

[557a13] 17. *Tu công hành*: Tinh cần phương tiện tu vô tướng mà do [hữu] công dụng hành không có cách hờ, thiếu sót, khởi tu vô tướng, gọi là sự tu công hành.⁴⁵³

[557a15] 18. *Tu thành mãn*: Hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Đại thừa mà đã được tất cả chuyển y và chuyển đắc tất cả pháp tự tại. Tu tập như vậy gọi là sự tu thành mãn.⁴⁵⁴

[557a18] Như vậy, các sự tu [ở trên] lược có hai thứ: tu có độc và tu không có độc, vì có xen tạp hay không xen tạp chấp trước ngã, ngã sở.

[557a20] Lại nữa, các sự tu này đối trị năm thứ tà chấp: 1. Tà chấp chúng sinh; 2. Tà chấp pháp; 3. Tà chấp tổn giảm; 4. Tà chấp sai biệt; 5. Tà chấp biến dị.

Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả.

Tà chấp pháp: Như trước có nói, chấp có sắc, v.v... tự thể sai

451 Nhất vị chân như: chỉ cho bản thể các pháp, còn gọi là tánh như sở hữu, tức cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu hay chân như tánh của các pháp. Chân như tánh thì bình đẳng trong tất cả pháp, không có sai biệt.

452 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Giác phần, thứ 21: “Tu tập hữu tướng, là hợp tu ba tướng: tịnh chỉ, sách cử và xả.” Tịnh chỉ là nếu tâm trạo cử hay sợ trạo cử nổi lên thì nên tu tập tịnh chỉ, đối với cảnh sở duyên cực sanh chán ghét. Sách cử là nổi lên sự cảnh giác khi tâm bị hôn trầm, làm cho tâm phần chấn lên. Xả là rời xa hôn trầm, trạo cử, tâm trú nơi xả.

453 Bồ tát khi bước vào các địa là đã được kiến đạo vị. Bồ tát ở mỗi địa có pháp được kiến lập khác nhau, đó là giáo pháp 10 địa, được chia làm 5 giai đoạn là: giải hành, thanh tịnh ý lạc, hữu tướng hành, vô tướng hành và vô công dụng hành. Tùy theo sự phân biệt trí ở từng địa, chư vị bồ tát có sự tu tập thích ứng khác nhau, nhưng đích đến vẫn là hiện hành cái vô tướng thuận với phần thanh tịnh, không còn sự phân biệt.

454 Mười tám sự tu này tương ứng với 16 sự tu trong Du-già sư địa luận, quyển 67, Tu sở thành tuệ địa, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 668b27~669b06.



biệt⁴⁵⁵.

Tà chấp tổn giảm: Chấp tất cả tướng của các pháp.

Tà chấp sai biệt: Chấp các pháp, ngã, vô ngã, v.v... có thể tánh biệt lập.

Tà chấp biến dị: Chấp các pháp trước thật có cái ngã, sau thành vô ngã.⁴⁵⁶

Lại nữa, các sự tu này lược có hai thứ: tu thể gian và tu xuất thể gian.

Lại nữa, kệ tụng:

Tu quả phải nên biết

Ba bờ-đề, công đức

Y chỉ tánh chuyển y

Các việc làm thành tựu. (kệ 22)

[557b01] Do tu cái không nên chứng đắc diệu quả, nghĩa là y chỉ chuyển y mà chứng được ba bờ-đề⁴⁵⁷, được vô lượng công đức [tối thắng]: [Bốn vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ,] vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải, sáu thần thông v.v..., và các việc làm thành tựu viên mãn, tức thành tựu viên mãn sự chuyển y cứu cánh⁴⁵⁸.

455 Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa: "Tự thể sai biệt: Tự thể của sắc có mười sắc xứ sai biệt; tự thể của thọ có ba thọ sai biệt; tự thể của tưởng có sáu tướng sai biệt; tự thể của hành có ba hành sai biệt; tự thể của thức có sáu thức sai biệt. Đại loại như vậy các tự thể sai biệt."

456 Thật tướng của các pháp thì không có ngã tánh, cũng không có vô ngã tánh.

457 Ba bờ-đề: Thanh văn bờ-đề, Độc giác bờ-đề và Phật bờ-đề.

458 Chuyển y cứu cánh là đại bờ-đề và đại niết-bàn. Chuyển y là chuyển bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng, sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả (đại niết-bàn, đại bờ-đề). Chuyển y thì hoạch đắc nhất thiết chủng trí, tức tuệ giác biết tất cả: biết bản thể, hiện tượng, đạo pháp.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Bảy THÀNH VÔ TÁNH

[557b05] Trong phẩm Thành không, đã thành lập chúng sinh vô ngã, chẳng phải pháp vô ngã. Nay vì thành lập pháp vô ngã nên nói phẩm Thành vô tánh.

Kệ tụng:

Ba tự tánh nên biết

Đầu biến kế sở chấp

Tiếp y tha khởi tánh

Sau cùng viên thành thật. (kệ 1)

[557b09] Luận giải: Nên biết vô tánh không là tự tánh, cho nên trước nói nghĩa của ba tự tánh. Như vậy, vì hiển thị mật ý của ba thứ vô tánh mà nói ba tự tánh: tự tánh biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật.

Biến kế sở chấp là các pháp dựa vào ngôn thuyết⁴⁵⁹ làm nhân tố để rồi tự thể được chấp trước. Y tha khởi là các pháp dựa vào các nhân duyên mà sinh ra tự thể. Viên thành thật là các pháp chính là tự thể của chân như.

459 Trong luận Tam vô tánh, No.1617, ngài Chân Đế dịch là danh ngôn. (tr. 867b) Các pháp mà gọi là danh ngôn, là vì các pháp là những khái niệm. Khái niệm là danh ngôn. Danh ngôn có 2 loại: (1) chính khái niệm là biểu thị các pháp, nên gọi nó là danh ngôn hiển cảnh; (2) rồi ngôn ngữ văn tự truyền đạt danh ngôn hiển cảnh thì gọi là danh ngôn biểu nghĩa.



Kệ tụng:

Ba vô tánh nên biết

Không lia ba tự tánh

Do tướng vô, sinh vô

Và thắng nghĩa vô tánh. (kệ 2)

[557b17] Luận giải: Như vậy, nói ba thứ tự tánh chính là cho thấy ba vô tánh.

Ba vô tánh: 1. *Tướng vô tánh*: Chính là tự tánh biến kế sở chấp, vì sắc thái tự thể của tự tánh ấy thì không có; 2. *Sinh vô tánh*: Chính là tự tánh y tha khởi, vì tự tánh ấy được sinh bởi cái lực của duyên tổ, chứ không phải tự nhiên sinh; 3. *Thắng nghĩa vô tánh*: Chính là tự tánh viên thành thật, vì thể của tự tánh ấy là thắng nghĩa.⁴⁶⁰

Lại nữa, vì muốn nói đến vô tánh của các pháp mà [đức Phật mật ý] nói ba thứ tự tánh và ba sắc thái vô tự tánh.⁴⁶¹

Nay sẽ hiển thị sự thành lập đạo lý. Vì sao sắc thái tự thể của biến kế sở chấp hoàn toàn không có?

460 Kinh Giải thâm mật, phẩm Vô tự tánh tướng: “Thắng nghĩa sinh, hãy nhận thức rằng Như lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là tướng vô tánh, sinh vô tánh, thắng nghĩa vô tánh. Tướng vô tánh là thể nào, là chính biến kế chấp tánh của các pháp, tại sao, vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập, nên gọi là tướng vô tánh. Sinh vô tánh là thể nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thể nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Thêm nữa, (một khác), viên thành thật tánh của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, tại pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên (viên thành thật tánh) gọi là thắng nghĩa vô tánh.” (tr. 694a13~b02, HT. Thích Trí Quang dịch)

461 Duy thức tam thập tụng, tụng thứ 23: Tức y thừ tam tánh, lập bỉ tam vô tánh, cố Phật mật ý thuyết, nhất thiết pháp vô tánh. (即依此三性, 立彼三無性, 故佛密意說, 一切法無性. Nương nơi ba tánh kia, lập ba vô tánh này, nên Phật mật ý nói, tất cả pháp vô tánh.)

Kệ tụng:

Năm sự không được nhiếp

Ngoài đây càng không có

Do danh với nghĩa chuyển

Hai luân phiên làm khách. (kệ 3)

[557b27] Luận giải: Tự tánh biến kế sở chấp luôn không có. Vì sao? Vì không được nhiếp trong năm sự; ngoài năm sự ấy càng không có gì. Những gì là năm? 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.⁴⁶²

Hỏi: Nếu biến kế chấp tướng⁴⁶³ không có tự thể, làm sao có thể khởi biến kế chấp?

Đáp: **Do danh với nghĩa chuyển**: theo giả danh với nghĩa mà các pháp lưu chuyển; người ngu thể gian chấp có sắc thái quyết định về danh và nghĩa, gọi là tự tánh chân thật.

Hỏi: Làm sao biết biến kế chấp là tà chấp?

Đáp: Vì **hai luân phiên làm khách**. Vì sao? Vì danh đối với nghĩa không có cái thể tương xứng, nên gọi danh là khách thể. Nghĩa cũng như danh, không có gì cả, nên nói nghĩa là khách thể. Làm sao biết?

Kệ tụng:

Trước có danh, không biết

Nhiều danh và bất định

Nơi hữu nghĩa, vô nghĩa

Chuyển, phi lý, nghĩa thành. (kệ 4)

462 Năm sự này nhiếp tất cả pháp. Xem Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Năm pháp.

463 Tướng (sắc thái) cũng gọi là tánh (tánh cách).



[557c09] Luận giải: (1) Nếu tự thể của nghĩa mà có trước như danh, thì trước khi chưa có danh, sự hiểu biết về nghĩa đã phải có trước. (2) Lại nữa, vì danh có nhiều, một nghĩa phải có nhiều thứ tự thể. (3) Lại nữa, vì danh bất định, tự thể của nghĩa cũng phải bất định. Vì sao? Một danh này cũng có thể thiết lập thêm nghĩa nào khác nữa.

Lại nữa, danh này là do hữu nghĩa chuyển, hay là do vô nghĩa chuyển? (1) Nếu do hữu nghĩa chuyển, thì không đúng đạo lý, vì ở trên có nói ba nhân duyên. (2) Nếu do vô nghĩa chuyển, thì vì ở trên có nói danh và nghĩa làm khách thể của nhau mà đạo lý thành tự.

Lại nữa, nếu chấp nghĩa là thật có, nhờ danh mà hiểu rõ, như đèn soi chiếu sắc, là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Vì thủ rồi lập danh

Chưa hiểu không thủ đắc

Như chúng sinh tà chấp

Tăng ích làm điên đảo. (kệ 5)

[557c20] Luận giải: Trước nắm bắt được nghĩa, sau mới lập danh; không phải chưa nắm bắt được nghĩa mà có thể lập danh tự. Đã thủ đắc nghĩa, còn phải hiểu rõ, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, ngay nơi danh từ này, chưa hiểu danh từ khác thì không thể thủ đắc nghĩa. Ngọn đèn soi sáng sự vật thì không phải như vậy: không phải ngọn đèn này không thể soi sáng sự vật khi chưa có ngọn đèn khác.

Lại nữa, không nên chấp nghĩa khác, danh khác, vì chỉ dựa vào danh mà khởi chấp nghĩa. Thí như chỉ có tự tánh của các hành lưu



chuyển từ vô thủy, vì sức tập quen mà dị sinh đối với mình người tương tục nên khởi *tà chấp chúng sinh*⁴⁶⁴, như vậy ở trong đêm dài [sinh tử] tập quen ngôn ngữ diễn tả, huân tập nơi tâm. Do phương tiện ấy khởi vọng biến kế, chấp có các pháp. *Tà chấp pháp này giống như tà chấp chúng sinh, vì tăng thêm vọng [biến kế] chấp mà biết là điên đảo.*

Sự điên đảo như vậy, làm sao cùng với pháp tạp nhiễm triển chuyển sinh khởi?

Kệ tụng:

Do huân khởi y tha

Y tha sinh điên đảo

Như vậy duyên lẫn nhau

Triển chuyển sinh tương tục. (kệ 6)

[558a03] Luận giải: Do cái lực huân tập của điên đảo này⁴⁶⁵ mà về sau, nơi y tha quả⁴⁶⁶, tự tánh [các pháp] được sinh. Lại nữa, dựa vào quả ấy, thời gian sau lại sinh pháp chấp điên đảo. Như vậy hai pháp⁴⁶⁷ làm duyên cho nhau, vì vậy sinh tử triển chuyển tương tục không gián đoạn.

Đã nói sự thành lập đạo lý, nay sẽ hiển thị sự sai biệt của tự tánh biến kế sở chấp.

464 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành không: “Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả.”

465 Điên đảo của tà chấp chúng sinh và tà chấp pháp.

466 Y tha quả: quả do yếu tố, duyên tố mà có, nó từ chúng tử huân tập mà phát sinh, không cố định là nhiễm hay tịnh.

467 Hai pháp: (1) Chúng tử ngã kiến huân tập sinh y tha; (2) y tha sinh pháp chấp điên đảo.



Kệ tụng:

Tự tánh và sai biệt

Có giác ngộ, tùy miên

Gia hành, gọi biến kế

Lại nên biết năm thứ. (kệ 7)

[558a09] Luận giải: Do có sáu thứ biến kế sai biệt nên tự tánh biến kế sở chấp cũng có sáu thứ. Những gì gọi là sáu thứ biến kế:

1. *Biến kế tự tánh*: Biến kế sắc, v.v... thật có tự tướng.
 2. *Biến kế sai biệt*: Biến kế sắc, v.v... quyết định thật có hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, v.v... các tướng sai biệt.
 3. *Biến kế giác ngộ*: Thông thạo về danh từ, ngôn ngữ mà có biến kế.
 4. *Biến kế tùy miên*: Không thông thạo về danh từ, ngôn ngữ mà có biến kế.⁴⁶⁸
 5. *Biến kế gia hành*: Ở đây lại có năm thứ: (1) Gia hành tham ái; (2) Gia hành sân khuê; (3) Gia hành hợp hội; (4) Gia hành biệt ly; (5) Gia hành tùy xả.
 6. *Biến kế danh*: Ở đây lại có hai thứ: (1) Văn tự được khởi; (2) Phi văn tự được khởi.
- Phi văn tự được khởi*: Như có kế chấp: Đây là vật gì? Vì sao có vật này? Vật này là gì? Vật này làm sao?

468 Nhiếp đại thừa luận bản: "Biến kế lại có 4 thứ: một là biến kế về tự tánh, hai là biến kế về sai biệt, ba là biến kế rất rành (: hữu giác), bốn là biến kế không rành (: vô giác). Rất rành là biết rành danh từ, không rành là không rành danh từ. Do vậy mà biến kế còn có 5 thứ nữa: một là theo tên biến kế nghĩa, rằng cái tên như vậy thì có cái nghĩa như vậy; hai là theo nghĩa biến kế tên, rằng cái nghĩa như vậy thì có cái tên như vậy; ba là theo tên biến kế tên, tức biến kế những cái tên khác của cái tên mà mình chưa biết nghĩa; bốn là theo nghĩa biến kế nghĩa, tức biến kế những cái nghĩa khác của cái nghĩa mà mình chưa biết tên; năm là theo tên và nghĩa mà biến kế tên và nghĩa, tức biến kế danh như vậy và nghĩa như vậy thì thể tánh là như vậy." (No. 1594, tr. 139c11~c18, HT. Thích Trí Quang dịch)

Văn tự được khởi: Như có kế chấp: Đây là vật này? Vật này như vậy: hoặc sắc, cho đến thức, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc thường, vô thường, hoặc thiện, bất thiện, vô ký, đại loại như vậy.

[558a23] Lại nữa, tự tánh biến kế sở chấp còn có năm thứ biến kế. Những gì là năm? 1. Theo danh biến kế tự tánh của nghĩa; 2. Theo nghĩa biến kế tự tánh của danh; 3. Theo danh biến kế tự tánh của danh; 4. Theo nghĩa biến kế tự tánh của nghĩa; 5. Theo danh và nghĩa biến kế tự tánh của danh và nghĩa.

Theo danh biến kế tự tánh của nghĩa: Như có biến kế: Vật này gọi là sắc, ắt phải có thể tánh chân thật của sắc. Vật này gọi là thọ, tưởng, hành, thức, ắt phải có thể tánh chân thật của thọ, tưởng, hành, thức.

Theo nghĩa biến kế tự tánh của danh: Như có biến kế: Vật này gọi là sắc, hay không gọi là sắc; vật này gọi là thọ, tưởng, hành, thức, hay không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Theo danh biến kế tự tánh của danh: Như có biến kế: Không hiểu thể tánh của vật, chỉ biết các danh từ để phân biệt sắc; không hiểu thể tánh của vật, chỉ biết các danh từ để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức.

Theo nghĩa biến kế tự tánh của nghĩa: Như có biến kế: Không biết tên gọi của sắc, chỉ biết căn cứ nơi thể tánh của sắc mà phân biệt các thứ; không biết tên gọi của thọ, tưởng, hành, thức, chỉ biết căn cứ nơi thể tánh của thọ, tưởng, hành, thức mà phân biệt các thứ.

Theo danh và nghĩa biến kế tự tánh của danh và nghĩa: Như có biến kế: Vật này là thể tánh của sắc, gọi đó là sắc; vật này là thể tánh của thọ, tưởng, hành, thức, gọi đó là thọ, tưởng, hành, thức.



Đã nói sự sai biệt của tự tánh biến kế sở chấp. Tự tánh biến kế chấp này do vọng phân biệt sinh ra. Sự phân biệt ấy có sai biệt, nay sẽ nói.

Kệ tụng:

Phân biệt có tám thứ

Năng sinh nơi ba sự

Thể phân biệt nên biết

Hai giới: tâm, tâm pháp. (kệ 8)

[558b14] Luận giải: Tám thứ phân biệt sinh khởi ba sự. Những gì là ba? 1. Sự phân biệt hý luận sở y và sở duyên; 2. Sự [tát-ca-da] kiến và ngã mạn; 3. Sự tham dục, sân khuê, ngu si, v.v...

[558b16] Tám thứ phân biệt:⁴⁶⁹

1. **Phân biệt tự tánh:** Nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., phân biệt sắc, thọ, v.v... có tự tánh.

2. **Phân biệt sai biệt:** Ngay nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., khởi các phân biệt: đây hữu sắc, đây vô sắc, đây hữu kiến, đây vô kiến, đây hữu đối, đây vô đối, [đây hữu lậu, đây vô lậu, đây hữu vi, đây vô vi,

469 Đây là 8 loại biến kế (phân biệt). Nhiếp đại thừa luận bản: “Thống nhiếp tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, là a lại da. Hai là phân biệt đối cảnh, là sắc thức v/v. Ba là phân biệt biểu hiện, là nhân thức và thức của nhân thức v/v. Bốn là phân biệt đối cảnh biến đổi, là biến đổi vì giả v/v, vì cảm giác vui v/v, vì tham v/v, vì thời tiết làm cho tàn tạ v/v, vì những nẻo đường dữ như nại la ca v/v, vì những cõi như cõi Dục v/v. Năm là phân biệt biểu hiện biến đổi, tức những sự biến đổi của những sự biến đổi kể trên. Sáu là phân biệt người khác dẫn ra, tức nghe tà pháp với nghe chánh pháp khác nhau. Bảy là phân biệt không đúng lý, là sự phân biệt của ngoại đạo nghe tà pháp. Tám là phân biệt đúng lý, là sự phân biệt của những người ở trong chánh pháp nghe chánh pháp. Chín là phân biệt chấp trước, là những sự phân biệt thuộc loại tác ý không đúng lý, thích ứng với 62 tà kiến lấy ngã kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, là 10 thứ phân biệt của bỏ tất: thứ 1 là tán động không tưởng, thứ 2 là tán động có tưởng, thứ 3 là tán động thêm lên, thứ 4 là tán động bớt đi, thứ 5 là tán động đồng nhất, thứ 6 là tán động biệt lập, thứ 7 là tán động tự tánh, thứ 8 là tán động sai biệt, thứ 9 là tán động lấy nghĩa theo tên, thứ 10 là tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động như vậy, các kinh của Bát nhã ba la mật đa đều nói đến trí vô phân biệt. Như vậy, cả 2 phần sở trị và năng trị đều thấu nhiếp đủ cả các nghĩa của Bát nhã ba la mật đa.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



đây thiện, đây bất thiện, đây vô ký, đây quá khứ, đây vị lai, đây hiện tại]; đại loại như vậy có vô lượng sai biệt, lấy sự phân biệt tự tánh làm chỗ dựa, phân biệt các thứ sai biệt của nghĩa.

3. **Phân biệt tổng chấp:** Ngay nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., lập ra ngã và hữu tình, mạng giả, sinh giả, v.v..., giả tưởng thiết lập, dẫn ra sự phân biệt. Do tích tụ nhiều pháp, tổng chấp chúng làm nhân tố để sự phân biệt chuyên động. Lại nữa, nơi sự tưởng về nhà cửa, quân lính, cây rừng, v.v... và nơi sự tưởng về sự ăn uống, áo quần, xe cộ, v.v..., giả tưởng thiết lập có nhà cửa, quân lính, v.v..., rồi dẫn đến sự tìm cầu, suy tư.

4. **Phân biệt ngã:** Nếu các sự [kiến xứ] là hữu lậu, hữu thủ⁴⁷⁰, trong thời gian dài lâu tập quen, dồn chứa ngã chấp; do tập quen tà chấp, lấy các sự kiến xứ⁴⁷¹ của mình làm duyên tố để khởi phân biệt hư vọng⁴⁷².

5. **Phân biệt ngã sở:** Nếu các sự kiến xứ là hữu lậu, hữu thủ, trong thời gian dài lâu tập quen, dồn chứa ngã sở chấp; do tập quen tà chấp, lấy các sự kiến xứ của mình làm duyên tố để khởi phân biệt hư vọng.

470 Hữu thủ 有取 (P: upadhi): sanh y, hay hữu y, tức sở y của tái sanh.

471 Trung bộ kinh, Kinh Ví dụ con rắn, số 22: “Này các Tỷ-kheo, có sáu kiến xứ. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc pháp, xem cảm thọ, xem tưởng, xem các hành: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi’, xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi’, và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: ‘Đây là thể giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi’, xem như vậy là: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’”

472 Luận Biện trung biên: “Sự phân biệt hư vọng chính là tâm và tâm sở hệ thuộc tam giới.” (tr. 465a17) Hư vọng chỉ cho cảnh tưởng mà ý thức phân biệt, biến kế ngã pháp, cảnh tưởng có mà có với sự thấy lầm.



6. *Phân biệt ái*: Phân biệt đối cảnh mà duyên với sự tịnh diệu và vừa ý.

7. *Phân biệt bất ái*: Phân biệt đối cảnh mà duyên với sự không tịnh diệu và không vừa ý.

8. *Phân biệt ái bất ái câu tương vi*: Phân biệt đối cảnh mà rời xa các sự duyên với tịnh và không tịnh diệu, vừa ý và không vừa ý.

[558c04] Như vậy lược nói có hai thứ: (1) Phân biệt tự thể; (2) Phân biệt sự sở y và sở duyên.

Ở đây, phân biệt tự tánh, phân biệt sai biệt và phân biệt tổng chấp, ba phân biệt này sinh ra *sự phân biệt hý luận sở y và sự phân biệt hý luận sở duyên*, nghĩa là sự tưởng về sắc, thọ, v.v... làm sở y và sở duyên, được nhiếp trong *danh, tướng, ngôn thuyết*⁴⁷³. Sự danh, tướng, ngôn thuyết được hiển lộ bởi sự phân biệt hý luận, tức nơi sự tưởng ấy phân biệt kể đạt vô lượng chủng loại, đa dạng sai biệt.

Ở đây, phân biệt ngã và phân biệt ngã sở, hai phân biệt này sinh ra *thân kiến*, bao gồm các kiến căn bản⁴⁷⁴ và các mạn căn bản⁴⁷⁵, và sinh ra *ngã mạn*, bao gồm các mạn căn bản.

473 Danh, tướng, ngôn thuyết 名想言說: Hiền dương, quyển 18, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch: Nhân sai biệt, đó là 10 nhân, 4 duyên và 5 quả. Mười nhân: 1. Tùy thuyết nhân; 2. Quán đái nhân; 3. Khiên dẫn nhân; 4. Sinh khởi nhân; 5. Nhiếp thọ nhân; 6. Dẫn phát nhân; 7. Định biệt nhân; 8. Đồng sự nhân; 9. Tương vi nhân; 10. Bất tương vi nhân. Tùy thuyết, là ngôn ngữ quy ước được hình thành bởi sinh hoạt tập quán xã hội. Bồ tát địa tri kinh, quyển 3: "Danh của tất cả các pháp, tướng dẫn đầu bởi danh, và ngôn thuyết được dẫn đầu bởi tướng, đây là tùy thuyết nhân của các pháp ấy." (tr. 903a19) Du-già sư địa luận, quyển 38: "Pháp trong các giới hệ: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, được khái niệm đến, trước hết do danh dẫn khởi tướng; do tướng dẫn khởi ngữ, do ngữ mà tùy theo cái được thấy, được nghe, được cảm, được biết, mà ngôn thuyết được dẫn khởi. Do đó, y trên ngữ y xứ mà lập tùy thuyết nhân." (tr. 301b17~20)

474 Kiến căn bản: là 62 kiến chấp, như tât-ca-da kiến, đoạn kiến, vô nhân kiến, bất bình đẳng nhân kiến, thường kiến, ngã kiến, tà kiến, ác kiến.

475 Mạn căn bản: là 7 loại mạn: 1. Mạn; 2. Quá mạn; 3. Mạn quá mạn; 4. Ngã mạn; 5. Tăng thượng mạn; 6. Ty mạn; 7. Tà mạn.



Ở đây, phân biệt ái, phân biệt bất ái và phân biệt ái bất ái câu tương vi, theo chỗ tương ứng, sinh ra tham dục, sân khuể và ngu si.

Tóm lại, tám thứ phân biệt như vậy làm sinh khởi ba thứ sự này.

Nếu muốn nói sơ lược về thể tánh của sự phân biệt, đó là các tâm, tâm pháp ở ba cõi.

Lại nữa, kệ tụng:

Do hai phược trói buộc

Chấp chấp hai thứ tánh

Khi hai phược giải thoát

Chính vô đắc, vô kiến. (kệ 9)

[558c17] Luận giải: Như trước đã nói, khi khởi các phân biệt thì bị hai phược trói buộc, đó là tướng phược và thô trọng phược.⁴⁷⁶ Do hai phược này mà chấp hai tự tánh: tự tánh y tha khởi và tự tánh biến kể sở chấp. Cho nên khi giải thoát hai phược này rồi, thì đối với hai tự tánh không có thủ đắc gì cả và không có thấy gì cả. Vì sao? Do tự tánh biến kể sở chấp hoàn toàn không có, nên không thể thủ đắc; tự tánh y tha khởi dù là có nhưng không nắm giữ tướng, nên không có thấy gì cả.⁴⁷⁷

Như vậy là đã thành lập tự tánh biến kể sở chấp, vì muốn thành lập tự tánh y tha khởi nên sẽ nói sự thành lập đạo lý.

476 Xem Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành không, nói 16 thứ không để đối trị các phược và các tướng. Các phược có 14 thứ tướng phược và thô trọng phược.

477 Tánh y tha của các pháp, chỉ cho các pháp hữu vi, do chủng tử nơi A-lại-da nhờ các trợ duyên mà hiện hành. Tánh biến kể chấp của các pháp thì vô thể, vì phân biệt hư vọng mà sự biểu hiện của các pháp thật không có. Tánh y tha của các pháp thì hữu thể, vì ở đâu và lúc nào cũng có (dù là giả có), bởi lẽ y tha mà không có thì không có gì nữa: tánh y tha mà không có thì tánh chân thật cũng không có.



Kệ tụng:

Giả có, nhân sở y

Nếu khác, hoại hai thứ

Tạp nhiễm mà có được

Nên biết y tha có. (kệ 10)

[558c27] Luận giải: Không nên tuyên bố: “*Các pháp chỉ là giả có.*” Vì sao? Pháp giả tất phải có nhân làm sở y, nên không thể không có vật thật để có thể quan niệm pháp giả. Nếu khác với nhận định trên, thì không có vật thật, cho nên pháp giả cũng không có, tức là hủy hoại cả hai pháp (: pháp giả và vật thật). Hai pháp mà hủy hoại, thì pháp tạp nhiễm phải không có. Do vì hiện tại có pháp tạp nhiễm, nên biết ắt có tự tánh y tha khởi.⁴⁷⁸

Lại nữa, tự tánh y tha khởi này có những sắc thái gì?

Kệ tụng:

Tướng, thô trọng làm thể

Chúng duyên sinh cho nhau

Chẳng phải tự nhiên có

Nên nói sinh vô tánh. (kệ 11)

478 Luận Thành duy thức: “Trong ba tính này, bao nhiêu giả? bao nhiêu thật? Biện kế sở chấp, do quy định lệch lạc nên có thể nói là giả. Nhưng vì nó không có thể tướng nên không phải giả cũng không phải thật. Y tha khởi tính có giả mà cũng có thật. Do tụ tập, do tiếp nối liên tục, và do tính phần vị, nên nói là giả hữu. Tâm, tâm sở, sắc, được sản sinh từ các duyên, nên nói là thật hữu. Nếu pháp thật không tồn tại, thì pháp giả cũng không, vì giả y trên thật mà thi thiết. Viên thành thật tính duy chỉ là thật hữu, vì được thi thiết mà không y nơi các duyên khác.” (Tuệ Sỹ dịch) A-lại-da là tự tánh y tha khởi. Tự tánh y tha khởi là tổng thể của tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật của nhiễm pháp và tịnh pháp. Niếp đại thừa luận bản: “Sanh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, chỗ dựa của hai phần là y tha. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Các nhân của phần tạp nhiễm là tự tánh biến kế sở chấp, phiền não và ác hạnh. Phần thanh tịnh là tự tánh viên thành thật, tức bản thể vốn thanh tịnh. Chỗ dựa của phần thanh tịnh là y tha nơi viên thành. Phần thanh tịnh hiển lộ gọi là thanh tịnh viên thành.

[559a06] Luận giải: Tự tánh y tha khởi này lấy tướng phược và thô trọng phược làm thể. Vì sao gọi là y tha khởi? Vì hai thứ phược này làm duyên cho nhau mà được sinh, nghĩa là tướng phược làm duyên sinh khởi thô trọng phược, thô trọng phược làm duyên sinh khởi tướng phược. Nếu nói vậy thì sao được gọi là sinh vô tánh? Vì [tự tánh y tha khởi] được sinh bởi cái lực của duyên tố, chứ không phải tự nhiên mà có.

Lại nữa, tự tánh y tha khởi này xác định là có, hay xác định là không có?

Kệ tụng:

Không xác định có, không

Tất cả chúng đều nhận

Thông hai tánh: giả, thật

Thế tục nói là có. (kệ 12)

[559a14] Luận giải: Tự tánh y tha khởi không phải như sự thiết lập nên xác định là có, cũng không phải tất cả nên xác định là không có, vì vậy *tất cả chúng* chẳng phải có, chẳng phải không có. Tuy nhiên, phải đồng ý rằng tất cả chúng đều có thể ngôn thuyết, nghĩa là có, không có, cũng có, cũng không có; chẳng phải có, chẳng phải không có.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi này là thật có, hay là giả có?

Đáp: Nên biết, tánh ấy thông cả giả có và thật có.⁴⁷⁹

479 Luận Thành duy thức: “Y tha khởi tính có giả mà cũng có thật. Do tụ tập, do tiếp nối liên tục, và do tính phần vị, nên nói là giả hữu. Tâm, tâm sở, sắc, được sản sinh từ các duyên, nên nói là thật hữu. Nếu pháp thật không tồn tại, thì pháp giả cũng không, vì giả y trên thật mà thi thiết.” Thuật ký: ba phạm trừ giả. 1. Tụ tập giả, như lu hũ các thứ, nhiều pháp tụ tập mà thành. 2. Tương tục giả, do nhân quả tiếp nối liên tục trong nhiều giai đoạn thời gian, tức như năm uẩn sinh diệt liên tục từng sát na. 3. Phần vị giả, như các bất tương ưng hành, một pháp được nhận thức tồn tại trong một thời điểm nhất định. (Tuệ Sỹ dịch giải)



Hỏi: Là do thể tục mà có, hay là do thắng nghĩa mà có?

Đáp: Nên biết, do thể tục nên nói tánh ấy là có.

Lại nữa, kệ tụng:

Nói ngã, pháp, tác dụng

Đều gọi là thể tục

Nên biết thắng nghĩa để

Gọi bảy thứ chân như. (kệ 13)

[559a23] Luận giải: *Thể tục để*: Là ngã, pháp và tác dụng, đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.⁴⁸⁰

Thắng nghĩa để: Là bảy thứ chân như, đã nói trong phẩm Nhiếp sự.⁴⁸¹

Lại nữa, kệ tụng:

Tự tánh viên thành thật

Hai tối thắng trí nghĩa

Không có các hý luận

Rời xa tánh: nhất, dị. (kệ 14)

[559a28] Luận giải: Thắng nghĩa để ấy chính là tự tánh viên thành thật.⁴⁸²

Hỏi: Vì lý do gì bảy thứ chân như được gọi là thắng nghĩa để?

480 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, [503a15]: “Ngã, pháp và tác dụng chính là thể tục để, và chúng tuy chẳng thật có, nhưng y theo thể tục nên nói có.”

481 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493b10].

482 Luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật: “Thắng nghĩa để cũng có ba thứ: 1. Thắng nghĩa nghĩa, là chân như, tức cảnh giới của thắng trí, gọi là thắng nghĩa; 2. Thắng nghĩa chứng đắc, là niết bàn; niết bàn là thắng quả và nghĩa lợi; 3. Thắng nghĩa chánh hành, là Thánh đạo, vì lấy thắng pháp làm nghĩa. Nên biết, ba thắng nghĩa này được thiết lập dựa vào tánh viên thành thật trong ba chân thật căn bản.” (tr. 469b29)

Đáp: Vì là đối tượng của hai trí tối thắng, đó là trí xuất thế gian và trí hậu đắc thế gian⁴⁸³. Do thắng nghĩa để ấy không có hý luận nên không phải là đối cảnh của trí khác. Lại nữa, thắng nghĩa để ấy không có hý luận nên đối với pháp hữu tướng, rời tánh đồng nhất và tánh dị biệt. Vì sao? Vì chân như ấy đối với pháp hữu tướng thì không thể nói là dị biệt, cũng không phải không dị biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Sở duyên của thanh tịnh

Thường không có biến đổi

Tánh thiện và tánh lạc

Tất cả đều thành tựu. (kệ 15)

[559b07] Luận giải: Do thắng nghĩa để là tánh đồng nhất và tánh dị biệt, nên nó chính là tánh thanh tịnh sở duyên.⁴⁸⁴ Vì sao? Vì duyên với cảnh thanh tịnh mà có được tâm thanh tịnh. Nên biết thắng nghĩa để cũng là thường, vì ở trong tất cả thời gian không có biến đổi. Lại do là thanh tịnh sở duyên mà biết thắng nghĩa để là thiện.⁴⁸⁵ Vì là thường nên biết thắng nghĩa để là lạc.

483 Trí xuất thế gian là trí duyên chân như, thông đạt chân như, nên vô phân biệt (tức phần căn bản của trí vô phân biệt). Trí hậu đắc thế gian là trí duyên các đối tượng khác, tức duyên sự làm đối tượng (còn gọi là duyên sự trí), nên có phân biệt (tức phần hậu đắc của trí vô phân biệt). Luận Thành duy thức: “Bảy thật tính này được bao hàm trong viên thành thật, vì là đối tượng của hai trí căn bản và hậu đắc.” (Tuệ Sỹ dịch).

484 Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, phẩm Tùy tu, tr. 623a03: “Kệ tụng: ‘Đã nói tâm tánh tịnh, Bị khách trần nhiễm ô, Không lìa tâm chân như, Riêng có tâm tánh tịnh.’ Giải thích: Thí như tánh chất của nước vốn là trong nhưng bị cấu bẩn bên ngoài làm cho nước đục. Cũng vậy, tâm tánh bản tịnh, khách trần làm tâm tánh nhiễm ô. Nghĩa này thành lập. Do nghĩa này mà nói, chẳng lìa tâm là chân như mà riêng có cái tâm nào khác, nghĩa là qua sắc thái y tha mà nói tự tánh thanh tịnh. Nơi đây nên biết, nói về tâm hay chân như thì đều gọi là Tâm. Nói cách khác, Tâm ấy là tự tánh thanh tịnh, Tâm ấy tức là a ma la thức.”

485 Nhiếp đại thừa luận bản: “Tại sao gọi là viên thành? Viên thành nghĩa là tánh không biến đổi, lại là đối tượng của tuệ giác thanh tịnh (: thanh tịnh sở duyên), là tối thắng của tất cả thiện pháp: vì cái nghĩa tối thắng này mà gọi là viên thành.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Lại nữa, kệ tụng:

Thật thắng nghĩa vô tánh

Hý luận, ngã không có

Y tha không tướng ấy

Đó thắng nghĩa vô tánh. (kệ 16)

[559b14] Luận giải: Do *thắng nghĩa vô tánh* mà nói tự tánh viên thành thật là vô tánh. Vì sao? Vì không có tánh háy luận về ngã và pháp, nên tự tánh ấy chính là thắng nghĩa, cũng là vô tánh. Nói cách khác, tự tánh viên thành thật là thắng nghĩa, là tánh không có háy luận, nên nói là thắng nghĩa vô tánh.

Nên biết, tự tánh y tha khởi có tướng dị biệt nhưng cũng được thiết lập làm thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì không có *tánh thể tự hữu như là thắng nghĩa*.⁴⁸⁶

Lại nữa, như trước có nói năm thứ tướng: 1. Tướng sở thuyên; 2. Tướng năng thuyên; 3. Tướng tương thuộc của hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.⁴⁸⁷ Lại có ba tướng: 1. Tướng biến kế sở chấp; 2. Tướng y tha khởi; 3. Tướng viên thành thật.

Là năm tướng nhiếp ba tướng, hay là ba tướng nhiếp năm tướng?

486 Thắng nghĩa tánh là tánh thể vô tự tánh. Tự tánh y tha khởi được gọi là thắng nghĩa vô tánh, vì có 2 nghĩa: một là, tự thể của y tha không có tánh thắng nghĩa; hai là, y tha không có tánh tự nhiên sinh. Kinh Giải thâm mật, phẩm Vô tự tánh tướng: “Sinh vô tánh là thể nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thể nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

487 Hiền dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, [536c17].

Kệ tụng:

Nên biết dựa ba tướng

Kiến lập năm thứ tướng

Ba tướng theo thích ứng

Mỗi tướng có năm nghiệp. (kệ 17)

[559b25] Luận giải: Nên biết, dựa vào ba tự tướng mà kiến lập năm tướng. Vì sao? *Tướng sở thuyên* và *tướng năng thuyên* dựa vào ba tự tướng. *Tướng tương thuộc của hai tướng trên* dựa vào tướng biến kế sở chấp. *Tướng chấp trước* dựa vào tướng y tha khởi. *Tướng không chấp trước* dựa vào tướng viên thành thật.

Lại nữa, trong ba tự tướng, mỗi một tướng có năm nghiệp dụng, đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.⁴⁸⁸

Lại nữa, ở phẩm Thành không nói đến sự ngăn chặn chúng sinh chấp. Nay ở phẩm Thành vô tánh này đề cập sự ngăn chặn pháp chấp. Hai thứ chấp này, cái nào đi theo? cái nào sinh khởi?

Kệ tụng:

Vì pháp chấp, người ngu

Khởi chúng sinh chấp kia

Kia trừ, ngộ pháp tánh

Ngộ pháp, ngã chấp đoạn. (kệ 18)

[559c04] Luận giải: Do pháp chấp mà người ngu thể gian khởi chúng sinh chấp. Trừ bỏ sự hiện khởi trói buộc của chúng sinh chấp thì giác ngộ thật tánh của các pháp. Giác ngộ pháp tánh thì pháp chấp

488 Hiền dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [508b12].



vĩnh đoạn. Khi pháp chấp đoạn thì cũng đoạn được tùy miên của chúng sinh chấp.⁴⁸⁹

Lại nữa, tánh nào chưa đoạn mà thành tạp nhiễm? Tánh nào đoạn diệt được thành thanh tịnh?

Kệ tụng:

Y tha chấp biến kế

Huân tập thành tạp nhiễm

Không chấp: viên thành thật

Huân tập thành thanh tịnh. (kệ 19)

Tạp nhiễm: tánh hữu lậu

Thanh tịnh: tánh vô lậu

Đây nên biết chuyển y

Bất tư nghị hai thứ. (kệ 20)

[559c12] Luận giải: Nơi tự tánh y tha khởi chấp trước tự tánh biến kế sở chấp, khởi sự huân tập thì thành tạp nhiễm. Nên biết, với tự

489 Bản thể của các pháp là giả hữu; mê nơi giả hữu nên sinh pháp chấp. Pháp chấp là bản thể căn bản, lại ở trên pháp chấp sinh khởi ngã chấp (nhân chấp, chúng sinh chấp). Có trường hợp chỉ còn pháp chấp mà không có ngã chấp, nhưng nếu còn ngã chấp thì ắt có pháp chấp. Khởi pháp chấp thì sinh sở tri chướng. Khởi ngã chấp thì sinh phiền não chướng.

Thành duy thức luận, quyển 2: “Các pháp chấp, tổng quát, có hai: câu sinh và phân biệt. 1. Pháp chấp câu sinh, kể từ vô thủy đến nay, do ảnh hưởng bởi nhân nội tại được huân tập một cách hư dối, luôn luôn cùng tồn tại với thân; không đợi tà giáo và tà phân biệt, vận chuyển một cách tự nhiên; vì vậy, nó được gọi là câu sinh. Câu sinh này lại có hai: (a) Thường tương tục, tại thức thứ bảy. Thức này duyên vào thức thứ tám mà khởi tướng của tự tâm rồi chấp là thực pháp. (b) Có gián đoạn, tại thức thứ sáu. Thức này duyên vào tướng của uẩn, xứ, giới, vốn là những biến thái của thức; hoặc đặc biệt khởi tướng của tự tâm, rồi chấp là thực pháp. Hai loại pháp chấp này, vì tế nên khó đoạn trừ. Về sau, trong Mười địa, trải nhiều lần tu tập quán pháp không đặc biệt mới có thể trừ diệt. 2. Pháp chấp phân biệt cũng do ảnh hưởng của duyên ngoại tại trong hiện tại, không cùng tồn tại với thân, cần chịu ảnh hưởng của tà giáo và tà phân biệt sau đó mới khởi; vì vậy nói là phân biệt. Nó chỉ tồn tại trong ý thức thứ sáu. Loại pháp chấp này cũng có hai: (a) Duyên và uẩn, xứ, giới được thuyết bởi tà giáo rồi khởi tướng của tự tâm, phân biệt suy diễn, chấp đó là thực pháp. (b) Duyên vào đặc tính của tự tánh v.v. được thuyết bởi tà giáo rồi khởi tướng của tự tâm, phân biệt suy diễn, chấp đó là thực pháp. Hai loại pháp chấp này vì thô nên dễ bị đoạn trừ. Khi nhập sơ địa, quán chân như của pháp không của hết thấy pháp tức thì có thể trừ diệt nó.” (Tuệ Sỹ dịch)



tánh viên thành thật, vì không có chấp trước [tự tánh biến kế sở chấp], khởi sự huân tập thì thành thanh tịnh.⁴⁹⁰ Tạp nhiễm chính là tánh hữu lậu. Thanh tịnh chính là tánh vô lậu. Tánh vô lậu ấy chính là sắc thái chuyển y.

Lại nữa, sắc thái chuyển y ấy thì bất khả tư nghị, và có hai thứ chuyển y.

Thế nào là bất khả tư nghị?

Kệ tụng:

Chân thật và tự thể

Tịch tĩnh và công đức

Tất cả bất tư nghị

Là do bốn đạo lý. (kệ 21)

[559c19] Luận giải: Sắc thái bất khả tư nghị của chuyển y là do bốn đạo lý: 1. Do chân thật, là vì thường trú; 2. Do tự thể, là chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, v.v...; 3. Do tịch tĩnh, là an trú tịch tĩnh; 4. Do công đức, là chuyển y ấy có uy đức.

Lại nữa, sắc thái bất khả tư nghị của chuyển y ấy là do bốn thứ đạo lý mới chứng được, đó là bốn thứ chánh hành⁴⁹¹, bốn thứ tầm tư⁴⁹², bốn như thật trí⁴⁹³, bốn thứ cảnh sự.

490 Y tha là các pháp do nhân duyên mà có, dù là có một cách tương đối, nên có sinh có diệt. Nơi y tha mà thấy ngã, thấy pháp thì đó là biến kế, có mà chỉ có với vọng chấp. Nơi y tha mà ngã pháp biến kế không còn là viên thành, có mà là có với tuệ giác.

491 Bốn thứ chánh hành của quy thú: 1. Thân cận bậc thiện nhân; 2. Lắng nghe chánh pháp; 3. Như lý tác ý; 4. Thực hành pháp và tùy pháp. Lại có bốn thứ chánh hành: 1. Khéo nhiếp các căn khiến không trạo động; 2. Thọ chánh học xứ; 3. Bị mẫn chúng sinh; 4. Thời gian thích ứng như pháp cúng dường Tam bảo. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Kiến lập quy y.

492 Bốn thứ tầm tư: 1. Tầm tư danh; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm tư tự thể giả lập; 4. Tầm tư sai biệt giả lập. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [507c14].

493 Bốn như thật trí: 1. Như thật trí do tầm tư danh dẫn ra; 2. Như thật trí do tầm tư sự dẫn ra; 3. Như



Bốn thứ cảnh sự là: 1. Cảnh biến mãn; 2. Cảnh tịnh hành; 3. Cảnh thiện xảo; 4. Cảnh tịnh hoặc.

(1) *Cảnh biến mãn* lại có bốn thứ: 1. Ảnh tượng có phân biệt; 2. Ảnh tượng không phân biệt; 3. Sự cứu cánh; 4. Sở tác thành tựu.⁴⁹⁴

Ảnh tượng có phân biệt: Đồng phân với cái nghĩa (: sự) đã biết là ẩn tượng của tỳ-bát-xá-na, cảnh giới của tam-ma-địa, [do tác ý thắng giải].

Ảnh tượng không phân biệt: Đồng phân với cái nghĩa đã biết là ẩn tượng của xa-ma-tha, cảnh giới của tam-ma-địa, [do tác ý chân thật].

thật trí do tầm tư tự thể giả lập dẫn ra; 4. Như thật trí do tầm tư sai biệt giả lập dẫn ra. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [507c23].

494 Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già: “Đại bồ tát Từ thị thừa Phật: bạch đức Thế Tôn, Bồ tát do nỗ lực tu hành chỉ quán mà chứng đắc vô thượng bồ-đề là thế nào? Đức Thế Tôn dạy đại bồ tát Từ thị: hiện nam tử, nếu Bồ tát đã được chỉ quán bằng cách căn cứ bảy chân như, đứng như cái pháp đã nghe và đã nghĩ, do tâm trí của chánh định siêu việt mà bên trong tự chánh tư duy về tánh chân như đã khéo thâm định khéo tư lượng và khéo thiết lập, thì vì chánh tư duy chân như nên đối với sự hiện hành của tế tướng tâm trí còn bỏ được, hướng chi đối với sự hiện hành của thô tướng. Tế tướng là ẩn tượng chấp thọ, lãnh nạp, liễu biệt và nhiếp tịnh, là ẩn tượng pháp trong, pháp ngoài và trong ngoài, là ẩn tượng cho rằng mình làm mọi sự lợi ích chúng sinh, là ẩn tượng chánh trí, chân như, là ẩn tượng khổ tập diệt đạo, là ẩn tượng hữu vi, vô vi, là ẩn tượng hữu vi thường, vô thường, là ẩn tượng khổ có biến dị, khổ không biến dị, là ẩn tượng hữu vi đa dạng, hữu vi đồng nhất, là ẩn tượng tất cả được có bờ biết tất cả là tất cả, là ẩn tượng nhân vô ngã, pháp vô ngã, mọi ẩn tượng như vậy tâm trí Bồ tát loại bỏ được cả. Bồ tát ở nhiều trong sự tu hành như thế này nên lúc cũng khéo sửa trị tâm trí của mình trong mọi sự ràng buộc, ngăn che và xao động. Từ đó về sau, đối với bảy chân như có bảy cái trí thông suốt, tự chứng bên trong, được riêng biệt sinh ra, và gọi là Kiến đạo vị. Do được như vậy nên gọi là vị nhập vào chánh tánh ly sanh của Bồ tát, vị sinh vào nhà Như lai, vị chứng đắc Bồ tát địa đầu tiên, vị hưởng dụng mọi thành quả siêu việt của Bồ tát địa này. Bồ tát như vậy, trước đây được chỉ quán bằng cách được đối tượng có phân biệt và đối tượng không phân biệt, nay được Kiến đạo vị là được thêm đối tượng biên tế các pháp (= sự cứu cánh). Rồi các giai đoạn liên tiếp về sau, trong tất cả Bồ tát địa còn lại, thì tiến tu Tu đạo vị, bằng cách tác ý tư duy cả ba đối tượng nói trên. Tựa như có kẻ lấy chốt nhỏ đẩy chốt to ra, vị Bồ tát này, với cách lấy chốt tháo chốt mà trừ khử mọi ẩn tượng có từ bên trong, nên bao nhiêu cái tướng thuộc loại tạp nhiễm đều trừ khử cả, và tướng phược được trừ khử nên trọng phược cũng trừ khử. Vì vấp vểnh hại được tướng phược và trọng phược nên tuần tự trong các Bồ tát địa về sau, vị Bồ tát này y như cách luyện vàng mà luyện tâm mình, cho đến chứng được vô thượng bồ-đề, nghĩa là chứng được đối tượng sở tác thành tựu. Thiện nam tử, như thế đó gọi là Bồ tát từ bên trong tu hành chính xác về chỉ quán nên chứng được vô thượng bồ-đề.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Sự cứu cánh: Là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu.

Sở tác thành tựu: Là chuyển y, và đi theo đây là trí vô phân biệt.⁴⁹⁵

(2) *Cảnh tịnh hành* có năm thứ: 1. Bất tịnh; 2. Từ bi; 3. Duyên khởi; 4. Giới sai biệt; 5. Nhập xuất tức niệm⁴⁹⁶.

(3) *Cảnh thiện xảo* có năm thứ: 1. Thiện xảo uẩn; 2. Thiện xảo giới; 3. Thiện xảo xứ; 4. Thiện xảo duyên khởi; 5. Thiện xảo xứ phi xứ.

(4) *Cảnh tịnh hoặc*: 1. Thế gian đạo: (a) Thô tánh ở hạ địa; (b) Tịnh tánh ở thượng địa; 2. Xuất thế gian đạo: Có bốn Thánh đế: khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Lại nữa, trước có nói hai thứ chuyển y. Những gì là hai? Sai biệt có Thanh văn chuyển y và Bồ-tát chuyển y.

Kệ tụng:

Thanh văn có hai thứ

Tịch tĩnh, hướng bồ-đề

Y chỉ thân biến hóa

***Đến Vô thượng chánh giác.* (kệ 22)**

Các Thanh văn chuyển y

Được nhờ tu yếm ly

Bồ-tát tu phương tiện

***Y chỉ trí không hai.* (kệ 23)**

495 Sở tác thành tựu: đối tượng mà việc làm đã hoàn thành. Chuyển y là chuyển căn bản y (do đệ bát thức): chuyển bỏ phiền não chướng và sở tri chướng mà chuyển được đại bồ-đề và đại niết bàn, nên chuyển y gọi là sở tác thành tựu. Được chuyển y rồi thì đối tượng không còn điên đảo. Đối tượng ấy chính là đệ bát thức đã vô lậu (chân như xuất triền).

496 Nhập xuất tức niệm là niệm thờ ra thờ vào, hay quán niệm hơi thở. Trung bộ kinh, kinh Nhập tức xuất tức niệm, số 118, đức Phật dạy quán niệm hơi thở được tu tập sung mãn khiến bốn niệm xứ được viên mãn; bốn niệm xứ được tu tập sung mãn khiến bảy giác chi được viên mãn; bảy giác chi được tu tập sung mãn khiến minh giải thoát được viên mãn.



Vì không trú sinh diệt

Chư Phật trí vô thượng

Lợi lạc các hữu tình

Bất tự nghị, không hai. (kệ 24)

[560a15] Luận giải: Chuyển y của Thanh văn có hai thứ: 1. Đi đến tịch diệt; 2. Đi đến bồ-đề.⁴⁹⁷

Hỏi: Hàng vô học Thanh văn vĩnh đoạn thân hậu hữu, làm thế nào chứng được A-nậu-đà-la tam-miệu tam-bồ-đề?

Đáp: Dựa vào cái thân biến hóa mà an trú thì chứng được bồ-đề, không phải cái thân nghiệp báo.

Lại nữa, chuyển y của Thanh văn có được là do lấy sự tu ngược dòng lưu chuyển. Chuyển y của Bồ-tát có được là do lấy sự tu phương tiện và lấy *trí không hai*⁴⁹⁸ làm y chỉ.

Thế nào là sự tu phương tiện? Là thông suốt pháp tánh bằng sự không gián cách⁴⁹⁹, vì các pháp là cảnh sở duyên lớn lao; là phát khởi

497 Đi đến tịch diệt là vĩnh đoạn thân hậu hữu. Đi đến [Thanh văn] bồ-đề là an trú nơi cái thân biến hóa thì chứng được bồ-đề.

498 Vô nhị = bất nhị; Nghĩa đen là không hai. Hai là chỉ cho khái niệm đối diện và đối lập lẫn nhau. Khái niệm như vậy là hiện thân của sự thác loạn. Vô nhị là tự siêu việt lấy nó, là pháp tánh phi hữu vi, phi vô vi. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Chân thật: “Vô nhị nghĩa là đệ nhất nghĩa. Năm sắc thái vô nhị được trình bày như sau: (1) Chẳng có, là sự biểu hiện của hai tánh phân biệt và y tha thì không phải thật có, nên nói là không. Chẳng không, là tánh chân thật biểu hiện thì thật có, nên nói là có. (2) Chẳng một, là hai tánh phân biệt và y tha không cùng một thật thể (với tánh chân thật). Chẳng khác, là hai tánh ấy cũng không phải khác thể (với tánh chân thật). (3) Chẳng sanh, chẳng diệt, là vì (chân như thì) vô vi. (4) Chẳng thêm, chẳng bớt, là hai phần tạp nhiễm và thanh tịnh khi sanh khởi hay khi đoạn diệt thì pháp giới các pháp vẫn an trú đúng như vậy. (5) Chẳng sạch, là tự tánh (chân như) vốn vô nhiễm nên chẳng cần tu tập cho thanh tịnh. Chẳng không sạch, là khách trần (phiền não) đã bỏ đi. Đây là năm sắc thái vô nhị, chính là sắc thái đệ nhất nghĩa, cần phải biết.” (tr. 598b24) Tánh phân biệt là tánh biến kể sở chấp. Tánh chân thật là tánh viên thành thật.

499 Câu xá luận: “Từ thế đệ nhất, trực tiếp không gián cách, duyên đến đối tượng là khổ Thánh đế thuộc Dục giới, pháp trí nhân vô lậu phát sinh. Nhân này được gọi là khổ pháp trí nhân (sự nhân khả của trí hiện thực trong sự khổ). Tiếp theo ngay sau nhân, không gián cách, nhận thức hiện thực về khổ Dục giới phát sinh, gọi là khổ pháp trí. Trong đó, nhân được gọi là vô gián đạo, không có gì cản trở để loại trừ phiền não liên hệ. Trí được nói là giải thoát đạo, đã thoát ly hệ phược sau khi đoạn trừ



cần tinh tiến tối thắng, vì đoái thương các hữu tình, vì thấu rõ các hành [vô thường, khổ, không, vô ngã].

Thế nào là trí không hai làm y chỉ? Là không trú lưu chuyển và không trú tịch diệt⁵⁰⁰, vì không quan tâm lưu chuyển, chỉ đoái hoài các hữu tình. Do nhân duyên này, nên biết, trí của Phật là tối thắng, vô thượng. Vì sao? Vì trí khác của hữu tình, hoặc trú lưu chuyển, hoặc trú tịch diệt, cho nên không phải vô thượng.

Lại nữa, trí của chư Phật làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, vì khéo thành mãn sự lợi ích mình người, nên là tối thắng, vô thượng. Trí khác của hữu tình, hoặc chỉ lợi mình, hoặc không lợi ích mình người, nên không phải vô thượng. Vì lý do đó, trí tuệ của chư Phật là bất khả tự nghị, vì không trú hai bên [lưu chuyển và tịch diệt] mà làm được tất cả việc lợi ích cho chúng sinh; lại vì không có hai: niết bàn và không niết bàn, v.v..., toàn do đặc tánh không hai [của trí ấy].

phiền não liên hệ. Bốn Thánh đế Dục giới với 1 nhãn, 1 trí. Sau đó duyên lên thượng giới, loại suy khổ Thánh đế trên đó, phát sinh loại trí và nhân về khổ. Liên tiếp như vậy 16 sát-na, gọi là 16 sát-na hiện quán Thánh đế, tức thể nghiệm và chứng nghiệm Thánh đế.” (Thích Tuệ Sỹ dịch, tr. 121a29)

500 Niết bàn vô trú là chuyển y của bồ tát. Niết bàn vô trú xử là bồ tát nhiệm mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết bàn. Bồ tát chứng đắc cái trí bình đẳng nên chứng được sinh tử tức niết bàn. “Do vậy, đối với sinh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.” Bồ tát chuyển y bằng 6 trạng thái: “Một là chuyển bằng sự bớt sức mạnh thêm khả năng, là do thắng giải lực sống trong đa văn huân tập, lại do có sự hỗ trợ, nên làm cho phiền não chỉ hiện hành một phần ít, còn một phần không hiện hành. Hai là chuyển bằng sự thông đạt, là các vị bồ tát đã nhập đại địa, (từ địa đầu tiên) đến địa thứ sáu, trước mắt chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển bằng sự tu tập, là (từ địa thứ bảy) đến địa thứ mười, còn có chướng ngại, hữu tướng không hiển hiện mà chân thật thì hiển hiện. Bốn là chuyển bằng sự viên mãn, là vĩnh viễn không còn chướng ngại, hữu tướng không hiển hiện, chân thật tối thanh tịnh thì hiển hiện, đã được tự tại đối với hữu tướng. Năm là chuyển một cách thấp kém, là các vị thanh văn chỉ thông đạt được nhân không vô ngã, một bề chống sinh tử, một bề bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng lớn, là các vị bồ tát thông đạt cả pháp không vô ngã, chính nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh, dấu đoạn tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.” (Niếp đại thừa luận bản, HT. Thích Trí Quang dịch)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Tám

THÀNH HIỆN QUÁN (Phần 1)

[560b03] Luận giải: Như vậy đã chánh cần thấu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã. Muốn quán sát gì?

Kệ tụng:

Nên biết hiện sở quán

Hạ, trung, thượng phẩm sự

Hữu lậu và vô lậu

Chưa thấy, chưa thọ, biến. (kệ 1)

[560b07] Luận giải: Đối tượng hiện quán sát là những *sự sở tri* của hạ, trung, thượng phẩm hệ thuộc ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc.⁵⁰¹

Hữu lậu: Là những nghĩa thuộc khổ đế và tập đế.

Vô lậu: Là những nghĩa tăng thượng thuộc diệt đế và đạo đế.

Chưa thấy: Là nhiếp trong bốn đế.

⁵⁰¹ Sở quán là sự tam giới. Năng quán là trí xuất thế. Kinh Giải thâm mật dạy sự tu tập chỉ quán dựa vào pháp, trong đó có pháp riêng biệt (tự tướng), pháp tổng quát (tổng tướng); trong pháp tổng quát còn có nhỏ, có lớn và có vô lượng. Ngoài ra, sự biết về nghĩa của các pháp được trình bày qua 10 sự, 5 sự, 4 sự, 3 sự. Mười sự là: biết tánh tận sở hữu, biết tánh như sở hữu, biết nghĩa năng thủ, biết nghĩa sở thủ, biết nghĩa dụng nên, biết nghĩa hưởng dụng, biết nghĩa đảo ngược, biết nghĩa không ngược, biết nghĩa tạp nhiễm và biết nghĩa thanh tịnh. Năm sự là: sự biến tri, nghĩa biến tri, nhân biến tri, quả biến tri và biết sự ấy. Bốn sự là: chấp thọ, lãnh nạp, liễu biệt và nhiếp tịnh. Ba sự là: văn, nghĩa và giới. Hiểu rộng thì xin xem kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già.



Chưa thọ: Là nhiếp trong diệt đế và đạo đế.

Biến khắp: Là cảnh giới của *pháp trí* và *chủng loại trí*⁵⁰² hoạt động dù là hiện thấy hay không hiện thấy [Thánh đế].

Lại nữa, vì sao hiện quán?

Kệ tụng:

Xuất thế gian thắng trí

Năng trừ kiến sở đoạn

Chứng đắc vô phân biệt

Duy y chỉ tĩnh lự. (kệ 2)

[560b14] Luận giải: Trí xuất thế gian có khả năng tu hiện quán, không phải trí thế gian, bởi vì đoạn trừ *kiến sở đoạn hoặc*⁵⁰³ chỉ ở kiến đạo, không phải ở tu đạo.

Hỏi: Hiện quán có hành nào?

Đáp: *Chứng được vô phân biệt*, nghĩa là hiện tiền chứng được *hành vô phân biệt*, không phải chưa hiện chứng.

⁵⁰² Pháp trí là trí biết rõ trực tiếp chân lý của các pháp Tứ đế và có khả năng dứt sạch mọi phiền não do mê lý Tứ đế ngay ở cõi Dục khởi lên. Loại trí hay chủng loại trí là trí cùng loại tương tự với Pháp trí, có khả năng biết lý Tứ đế của hai cõi trên ngang qua lý Tứ đế của cõi Dục, hoặc nói cách khác là biết lý Tứ đế của hai cõi trên theo cách loại suy với trí biết lý Tứ đế của cõi Dục, do đó có khả năng dứt mọi phiền não do mê lý Tứ đế của hai cõi trên khởi lên.

⁵⁰³ Kiến sở đoạn hoặc 見所斷惑: Cũng gọi là kiến đạo sở đoạn, kiến sở đoạn, kiến đạo. Những phiền não phải đoạn ở giai vị Kiến đạo. Một trong tam đoạn: kiến sở đoạn, tu sở đoạn và phi sở đoạn. Cứ theo luận Câu xá, quyển 2, quyển 19 và Câu xá luận quang ký, quyển 2, thì 88 tùy miên và pháp tương ứng của chúng, cùng với 4 tướng, v.v... đều là Kiến sở đoạn. Nhưng trong 15 tâm Kiến đạo, tùy theo thứ tự thấy lý Tứ đế khác nhau mà chỗ đoạn trừ có bất đồng, tức thấy lý Khổ đế mà đoạn, gọi là Kiến khổ sở đoạn; thấy lý Tập đế mà đoạn, gọi là Kiến tập sở đoạn; thấy lý Diệt đế mà đoạn, gọi là Kiến diệt sở đoạn; thấy lý Đạo đế mà đoạn, gọi là Kiến đạo sở đoạn. Tổng Duy thức chia Tùy miên làm 2 loại là: Phân biệt khởi và Câu sinh khởi; Kiến đạo sở đoạn thuộc về Phân biệt khởi. Cứ theo luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập, quyển 4, thì Kiến, Nghi, Kiến xứ, Nghi xứ nhiếp ô do chỗ phân biệt mà khởi, cho đến thân, ngữ, ý nghiệp do các Kiến phát sinh, cùng với Uẩn, Giới, Xứ của tất cả đường ác đều thuộc về Kiến sở đoạn. Nghĩa này hơi khác với nghĩa được nói trong luận Câu xá. Ngoài ra, tổng Câu xá cho các hoặc (phiền não) Kiến sở đoạn là 88 sự (tùy miên), còn tổng Duy thức thì nói Kiến hoặc có 112 loại. [Tự điển Phật Quang]



Hỏi: Hiện quán y chỉ gì?

Đáp: *Duy y chỉ tĩnh lự ở Sắc giới*, không y chỉ bốn Vô sắc định.⁵⁰⁴

Lại nữa, hiện quán ở chỗ nào?

Kệ tụng:

Rất buồn, chẳng ác thú

Rất vui, chẳng hai trên

Người trời sống cõi Dục

Phật xuất thế hiện quán. (kệ 3)

[560b21] Luận giải: Ở trong ác thú không khởi được hiện quán, vì khổ thọ luôn có mặt, rất đau buồn, không thể chứng được tam-ma-địa. Ở Sắc giới và Vô sắc giới cũng không có hiện quán, vì sự ham thích giảm sút, sự nhàm chán ít ỏi. Tóm lại, [chúng sinh ở] hai giới và ba thú (địa ngục, quỷ thú, bàng sinh) không khởi được hiện quán. Chỉ có [chúng sinh ở] hai thú trời và người ở Dục giới, nơi có đức Phật xuất thế, mới khởi được hiện quán.

Lại nữa, ai có thể hiện quán?

Kệ tụng:

Chưa ly dục, bội ly

Và người đã ly dục

Độc nhất, chứng chánh giác

Tối thắng ngã được sinh. (kệ 4)

504 Du-già sự địa luận, quyển 69: “Duy chỉ vào các tĩnh lự và cận phần vị chí định của sơ tĩnh lự mà vào Thánh để hiện quán, chứ không y trên các Vô sắc định. Vì trong Vô sắc định xa-ma-tha mạnh nhưng tỷ-bát-xá-na yếu. Tỷ-bát-xá-na yếu thì không thể vào Thánh để hiện quán.” (tr. 682b27)



[560b28] Luận giải: Có năm loại bồ-đặc-già-la có thể nhập hiện quán, hay không nhập hiện quán vì [đã thấu rõ thắng nghĩa] vô ngã. Những gì là năm? 1. Người chưa ly dục; 2. Người bội ly dục; 3. Người đã ly dục; 4. Độc giác; 5. Bồ-tát.

Vì sao chỉ có tâm có thể nhập hiện quán, chứ không phải ngã có thể nhập hiện quán?

Kệ tụng:

Phi ngã làm trí nhân

Cũng không tự thủ cảnh

Ngã không tự hiện quán

Vì chấp ái tự ngã. (kệ 5)

Vô thường có cảnh giới

Đội duyên, trí sinh khởi

Đoạn ba: thô trọng, v.v...

Nên y tâm hiện quán. (kệ 6)

[560c07] Luận giải: Nếu chấp có cái ngã đi vào hiện quán, là không đúng đạo lý. Vì sao? Vì ngã làm nhân của trí là không hợp lý. Nếu rời trí thì tự nhiên không thể thủ cảnh giới. Vì sao? Nếu ngã có thể làm nhân của trí, tức ngã là vô thường, hoặc trí phải là thường hiện hữu. Nếu ngã tự nó có thể thủ cảnh giới thì trước khi trí chưa sinh cũng phải thủ cảnh giới.

Lại nữa, chấp có cái ngã đi vào hiện quán, ngã ấy cũng phải tự quán ngã tánh. Nếu như vậy thì phải không có giải thoát, vì [hiện quán mà] duyên với chấp ngã và khởi ái. Vì sao? Không có cái ngã để vin bám và tồn tại thì không sinh khởi ngã chấp và ngã ái.



Nếu nói dựa vào tâm để đi vào hiện quán, là có đạo lý. Vì sao? Tâm là vô thường, có đối cảnh và đợi duyên tố thì có thể sinh trí. Lại nữa, dựa vào tâm, hoặc thô trọng, hoặc ngã chấp, và cùng ngã ái đều có thể đoạn diệt. Vì sao? Vì tâm vô thường, làm nhân sinh trí; vì có đối cảnh, tâm cùng trí đồng thời thủ cảnh giới; vì đợi các duyên nên trí không thường hiện hữu.

Lại nữa, tâm là chỗ dựa của thô trọng. Vì tánh chất ly ngã [của tâm], nếu chứng *biến trí* liền có thể rời xa thô trọng mà sinh [hiện quán], vĩnh viễn trừ diệt ngã chấp và ngã ái.

Đi vào hiện quán, thứ đệ thế nào?

Kệ tụng:

Đã thành thực tương tục

Hoặc lắng nghe chánh pháp

Tự nhiên, cực như lý

Tác ý mà hiện quán. (kệ 7)

Buộc niệm nơi sở duyên

Tinh cần, tu tĩnh định

Tăng thượng, thiện căn lực

Chứng Thánh giác đạo phần. (kệ 8)

[560c26] Luận giải: Người tu hiện quán trước phải tự thành thực sự tương tục, sau đó, hoặc lại lắng nghe chánh pháp, gọi là Thanh văn thừa; hoặc lại tự nhiên, gọi là Bồ-tát và Độc giác; [tất cả] nơi tự nội tâm tác ý cực thiện mà có thể đi vào hiện quán.

Tiếp theo, *buộc niệm nơi sở duyên* bằng bốn niệm trú; *tin cần* bằng bốn chánh đoạn; *tu tĩnh định* bằng bốn thần túc; *thiện căn tăng*



thượng, là trước chứng được tư lương tăng thượng: tín, tiến, niệm, v.v...; *sức thiện căn ấy* đối trị được các chướng: bất tín, giải đãi, phóng dật, v.v..., không cho xen tạp [nơi nội tâm]; *chứng Thánh giác phần*, là dựa vào sức thiện căn ấy mà chứng biến giác chi; và *chứng Thánh đạo phần*, là chứng tám Thánh đạo chi. Như vậy là thứ đệ vào được hiện quán.

Lại nữa, ngang đâu nên nói là chánh nhập hiện quán?

Kệ tụng:

Từ đó nhập kiến đạo

Vô lậu chánh kiến khởi

Vĩnh đoạn nơi ba kết

Chứng hiện quán, nên biết. (kệ 9)

[561a08] Luận giải: Từ trước đã tu *như lý tác ý*⁵⁰⁵, nên ở kiến đạo vị, chánh kiến xuất thế gian được sinh. Do chánh kiến nên ba kết vĩnh đoạn, đó là: tât-ca-da kiến, giới cầm thủ và nghi. Ngang giai vị như vậy nên nói là đã nhập hiện quán. Ở giai vị này, tất cả pháp tạp nhiễm của nẻo ác đều được trừ khử.

Vi sao chỉ nói “vĩnh đoạn ba kết”?

Kệ tụng:

Dù ác thú tạp nhiễm

Chấp đã khởi, hoặc đoạn

Cảnh, kiến, đạo sư v.v...

Tùy sinh ba được nhiếp. (kệ 10)

505 Như lý tác ý: là sự tác ý của những người ở trong chánh pháp nghe chánh pháp. Trung bộ kinh, kinh Nhất thiết lậu hoặc: “Này các tỷ kheo, do phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các tỷ kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.”



[561a15] Luận giải: Do tát-ca-da kiến mà mê lầm nơi cảnh giới. Do giới cấm thủ mà mê lầm nơi nhận thức. Do hoài nghi mà sinh mê lầm đối với Phật, đối với chánh pháp được tuyên thuyết bởi bậc đạo sư, đối với chúng Tăng thực hành chánh pháp. Cho nên theo cấp độ mà nói vĩnh đoạn ba kết.

Lại nữa, hiện quán có những sắc thái gì?

Kệ tụng:

Trước có thể gian trí

Giản trạch để rốt ráo

Nơi để không gia hành

Quyết định sinh khởi tướng. (kệ 11)

Trí cảnh hòa hợp tướng

Nơi sở tri cứu cánh

Nên biết để hiện quán

Nơi mùi thứ quyết định. (kệ 12)

[561a23] Luận giải: *Trước có thể gian trí*: Từ văn sở sinh trí, cho đến thế gian đệ nhất pháp trí.

Giản trạch để rốt ráo: Đã giản trạch rốt ráo về các đế thì không có gia hành nơi các đế.

Quyết định sinh khởi tướng: Trong đối cảnh của các đế được quán sát, không do công dụng của gia hành, [trí] quyết định sinh khởi ẩn tượng, đó là ẩn tượng của hiện quán.

Lại nữa, trí quyết định này và đối cảnh hòa hợp hoàn toàn với ẩn tượng được thấy [trong định]. Vì sao? Trừ ẩn tượng này, ngoài ra không có cảnh nào khác cần phải tìm cầu, cho nên sự quán này gọi là *hiện quán*.



Nên biết, sắc thái quyết định này lại có mười thứ. Những gì là mười?

Kệ tụng:

Ngã, tánh không, ba có

Bất diệt, không có hai

Vô phân biệt, không sợ

Tự tại: quyết định đoạn. (kệ 13)

[561b04] Luận giải: Mười thứ quyết định là:

1. Với chúng sinh, quyết định là không có ngã.
2. Với tự tánh biến kế sở chấp, quyết định là không thật có.
3. Với vô ngã, quyết định là có.
4. Với các tướng, quyết định là có.
5. Với thô trọng, quyết định là có.
6. Với bất diệt, quyết định là: (1) Vì không có chúng sinh ngã và pháp ngã nên bất diệt; (2) Vì có hai vô ngã [là chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã] nên bất diệt.
7. Với sắc thái không hai, quyết định pháp và pháp không thì không có sai biệt.
8. Với cái không, quyết định là vô phân biệt.
9. Với pháp tánh, quyết định không sợ: kẻ phàm ngu sống trong pháp tánh mà sinh các sợ hãi, còn người trí sống trong pháp tánh không có sợ hãi.
10. Với sự tự tại, quyết định có khả năng đoạn dứt: “*Tôi không còn phụ thuộc vào người khác để cầu phương tiện đoạn dứt [phiền não].*”

Lại nữa, hiện quán như vậy, thứ đệ tu tập thế nào?



Kệ tụng:

Phát khởi, chứng, đấng lưu

Thành mãn: bốn thứ đệ

Lại trí pháp trú, v.v...

Tám thứ đệ, nên biết. (kệ 14)

[561b17] Luận giải: Thứ đệ của hiện quán có bốn, có tám hay có bảy thứ.

Những gì là bốn: 1. Phát khởi: là từ *văn sở sinh trí* cho đến *thế đệ nhất pháp*; 2. Chứng đắc: là kiến đạo; 3. Đấng lưu: là tu đạo; 4. Thành mãn: là cứu cánh đạo.

Thế nào là tám? Là *trí pháp trú* cho đến *trí thiện thanh tịnh*, như trước đã nói.⁵⁰⁶

Thế nào là bảy thứ?

Kệ tụng:

Vô hồi, trú sở duyên

Như thật thấy cảnh giới

Đạo sở y vô hoặc

Thuần, sai biệt, hành đoạn. (kệ 15)

[561b24] Luận giải: Thứ đệ có bảy thứ, từ *thi-la thanh tịnh* cho đến *hành đoạn trí kiến thanh tịnh*⁵⁰⁷: (1) Do thi-la thanh tịnh nên không

506 Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành không, [556b03]: 1. Trí pháp trú; 2. Trí cầu tự tâm; 3. Trí trú tự tâm; 4. Trí trừ tâm phược; 5. Trí sợ các hành tương ưng; 6. Trí phân biệt không hai; 7. Trí bất thiện thanh tịnh; 8. Trí thiện thanh tịnh.

507 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Chín thứ thanh tịnh, [495c09]: 1. Thi-la thanh tịnh; 2. Tâm thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Độ nghi thanh tịnh; 5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh; 6. Hành trí kiến thanh tịnh; 7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh; 8. Vô duyên tịch diệt thanh tịnh; 9. Quốc độ thanh tịnh.

có hồi hận⁵⁰⁸; (2) Do không hồi hận nên tâm định, trú cảnh; (3) Do tâm định nên nơi cảnh sở tri có được *như thật kiến*; (4) Kế đó, lấy Phật, Pháp, Tăng bảo làm chỗ y chỉ, có được *trí kiến như thật về đạo*, nên rời xa nghi hoặc, được cái *trí câu sinh với bốn chứng tịnh*⁵⁰⁹. (5) Tiếp theo, đối với sở chứng và sở thuyết của đức Thiện thế có được cái *trí quyết định*, nghĩa là chỉ trong chánh pháp của Phật mới có đạo thuần tịnh, xuất ly khổ, chứ không có ở pháp khác. (6) Kế đến, nơi đạo ấy có được cái *trí của các hành sai biệt*, nghĩa là *khổ tri thông hành* là hạ phẩm, *lạc tốc thông hành* là thượng phẩm, hai hành còn lại là trung phẩm.⁵¹⁰ (7) Kế nữa, dựa vào chánh hành thượng phẩm, nơi những sự đoạn diệt khác, phát sinh *trí kiến thù thắng*.

Lại nữa, bảy thanh tịnh này: thi-la thanh tịnh, v.v..., nếu lược nói thì nhiếp trong ba học, cũng nhiếp trong ba tịnh.

Kệ tụng:

Ba tịnh nhiếp bảy thứ

Giới tịnh và tâm tịnh

Cảnh giới, y chỉ, đạo

Nói là tuệ thanh tịnh. (kệ 16)

[561c08] Luận giải: Ba thứ tịnh là: giới tịnh, tâm tịnh và tuệ tịnh.

Trong tuệ thanh tịnh lại có ba thứ: 1. Tuệ đối với cảnh giới; 2. Tuệ làm y chỉ cho đạo; 3. Tuệ là tự thể của đạo.

508 Biến hồi 變悔 (P: avippaṭisāro).

509 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bốn chứng tịnh, [496a04]: 1. Phật chứng tịnh; 2. Pháp chứng tịnh; 3. Tăng chứng tịnh; 4. Thánh sở ái giới chứng tịnh.

510 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bốn thứ hành, [490b07]: 1. Khổ tri thông hành; 2. Khổ tốc thông hành; 3. Lạc tri thông hành; 4. Lạc tốc thông hành. Hiền dương, quyển 7, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3: "Khổ tri thông hành gọi là hạ phẩm học; khổ tốc thông hành và lạc tri thông hành gọi là trung phẩm học; lạc tốc thông hành gọi là thượng phẩm học."



Trong tự thể của đạo, nên biết, lại có ba thứ: thuần, sai biệt và hành đoạn.

Lại nữa, trong các thứ đệ như vậy, thứ đệ đi vào hiện quán như thế nào?

Kệ tụng:

Biết thân, thọ, ... nhân duyên

Khéo thấu nơi ba đời

Kể hiểu rõ bốn khổ

Còn tám khổ nên biết. (kệ 17)⁵¹¹

[561c15] Luận giải: (1) Trước hết, ở giai vị bốn niệm trú phải khéo liễu tri bốn thứ nhân duyên: thân, thọ, tâm, pháp; nghĩa là do thức ăn tập khởi⁵¹² nên thân tập khởi, xúc tập khởi nên thọ tập khởi, danh

511 Kệ tụng 17 đây nói về trí pháp trú, tức là trí y theo tu-đa-la, v.v. để an lập pháp môn. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiện thánh, kệ tụng: “Y dĩ tu thành chỉ, Vi quán tu niệm trú, Dĩ tự tướng cộng tướng, Quán thân thọ tâm pháp. Tự tánh văn đẳng tuệ, Dư tương tạp sở duyên, Thuyết thứ đệ tùy sinh, Trì đảo cố duy tử. Bỉ cư pháp niệm trú, Tổng quán tử sở duyên, Tu phi thường cập khổ, Không phi ngã hành tướng.” (依已修成止, 為觀修念住, 以自相共相, 觀身受心法, 自性聞等慧, 餘相雜所緣, 說次第隨生, 治倒故唯四. Nương vào chỉ đã được tu thành để tu quán bằng các niệm trú. Dùng tự tướng và cộng tướng quán thân, thọ, tâm, pháp. Niệm trú tự tánh là văn tuệ, v.v... Còn lại niệm trú tương tạp và niệm trụ đối tượng duyên. Thứ tự của chúng là thứ tự chúng sinh khởi để đối trị điên đảo nên chỉ có bốn loại. Hành giả trụ ở pháp niệm trụ quán chung bốn đối tượng duyên, tu các hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã. Hành giả trụ ở pháp niệm trụ quán chung bốn đối tượng duyên, tu các hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã. – Đạo Sinh dịch)

512 Tạp A-hàm, kinh Câu-hi-la, số 344: “Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn, đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thực là như vậy. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thực là như vậy. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thầy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.” (Thích Đức Thắng dịch)



sắc tập khởi nên thức tập khởi, tác ý tập khởi nên pháp tập khởi.⁵¹³

(2) Kế đó, nơi thân, thọ, tâm, pháp, ở trong ba đời phải khéo liễu tri; nghĩa là ở đời vị lai, [an trú] tùy quán sự tập khởi của pháp; ở đời quá khứ, tùy quán sự diệt tận của pháp; ở đời hiện tại, tùy quán sự tập khởi và diệt tận của pháp.

(3) Kế nữa, phải liễu tri rằng chính thân, thọ, tâm, pháp ấy là cái khổ của bốn thứ khổ, đó là: khổ nhận chịu gánh nặng, khổ vì địa vị biến hoại, khổ [phiền não] thô trọng và khổ sinh tử.⁵¹⁴ Lấy thiện pháp và bất thiện pháp làm nhân tố chiêu cảm *tử khổ* và *sinh khổ* trong dòng lưu chuyển, cho nên hiểu rõ hai khổ tử sinh chính là hiểu rõ *cái khổ của pháp*⁵¹⁵.

(4) Từ đây quán bốn để không cách hờ, mà trước hết là quán tám thứ khổ pháp của khổ đế, đó là: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ,

513 Tạp A-hàm, kinh Tập, số 609: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ? Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập-diệt của thân là sống với sự không sợ y, đối với các thể gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sợ y, đối với tất cả pháp thể gian đều không chấp thủ. Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp là sống với sự không sợ y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Ưc niệm tập thì pháp tập, ực niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sợ y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

514 Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành khổ. Thân, thọ, tâm, pháp sai biệt nên có 4 thứ khổ.

515 Tạp A-hàm, kinh Sa-môn Bà-la-môn, số 352: “Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đứng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’” (Thích Đức Thắng dịch)



khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, khổ vì mong muốn mà không được, khổ vì nắm thủ uẩn.⁵¹⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Từ đây chánh quán để

Khởi mười sáu hành trí

Vì trị bốn điên đảo

Chỗ dựa cho cái sau. (kệ 18)

[561c28] Luận giải: (5) Sau khi biết tám thứ khổ, kế đó chánh quán sát bốn thứ đế lý, khởi quán trí qua mười sáu hành, mà hành ở trước làm chỗ y chỉ cho các hành ở sau: (a) Vì đối trị bốn điên đảo nên khởi bốn hành của khổ đế: 1. Vì đối trị điên đảo về *thường* mà khởi *vô thường hành*; 2. Vì đối trị điên đảo về *lạc* và *tịnh* mà khởi *khổ hành*; 3. Vì đối trị điên đảo về *ngã* mà khởi *không hành*; 4. Vì đối trị không hành mà khởi *vô ngã hành*.⁵¹⁷ Vì sao? Vì tách rời các hành còn có cái không của ngã, tức là thể của các hành không phải ngã tánh. (b) Lại đối với bốn ái của tập đế: thường, lạc, ngã, tịnh, khởi bốn hành: *nhân, tập, sinh, duyên*.⁵¹⁸ (c) Lại đối với bốn ái đoạn của diệt đế, khởi bốn hành: *diệt, tĩh, diệu, ly*.⁵¹⁹ (d) Lại đối với [quán trí]

516 Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành khổ, mục Đế sai biệt có 8 thứ khổ.

517 Thành thật luận, phẩm Thánh hành: “Có hai hành: không hành và vô ngã hành. Đối với ngũ ấm không thấy chúng sinh, gọi là không hành; thấy ngũ ấm cũng không có, là vô ngã hành. Vì sao biết? Trong kinh nói: “Thấy sắc không có thể tánh, thấy thọ, tưởng, hành, thức đều không có thể tánh”. (No. 1646, tr. 365b18-21)

518 Nhân, tập, sinh, duyên 因集生緣: Bốn hành tướng của tập đế trong 16 hành tướng của tứ đế; tức khi quán xét về tập đế thì trước hết quán tất cả hoặc nghiệp đều là nhân sinh ra quả khổ, gọi là nhân; thu tập các quả khổ và làm cho chúng hiện khởi, gọi là tập; khiến cho quả khổ nổi nhau không dứt, gọi là sinh; tập thành quả khổ và làm cho quả khổ thành tựu, gọi là duyên.

519 Diệt, tĩh, diệu, ly 滅靜妙離: Diệt là các khổ đã chấm dứt. Tĩh là ba thứ lừa tham, sân, si đều tắt. Diệu là hoạn nạn không còn. Ly là thoát khỏi các tai ương. Có chỗ giải thích: Không còn sự tương tục là diệt. Rời ba hữu làm tướng là tĩh. Thắng nghĩa thiện là diệu. Cực an ổn là ly. Hoặc là: Lưu chuyển đoạn là diệt. Các khổ dứt là tĩh. Niết bàn tịch tĩh là diệu. Không còn thoái chuyển là ly.



năng chứng diệt của đạo đế, khởi bốn hành: đạo, *như*, hành, *xuất*.⁵²⁰

Lại nữa, kệ tụng:

Từ đây chuyển tu tập

Nơi tâm tổng yếm ly

Để giản trạch, quyết định

Cứu cánh giác sinh khởi. (kệ 19)⁵²¹

[562a10] Luận giải: (6) Sau mười sáu hành trí còn có sự chuyển tu tập [bốn thiện căn]: (a) Trước hết, duyên tự tâm, *trí tổng yếm tâm* sinh khởi, đây gọi là *noãn*; (b) Từ đây trở lên, *trí để giản trạch* sinh khởi, đây gọi là *đánh*; (c) Từ đây trở lên, *trí quyết định* giác sinh khởi, đây gọi là *nhẫn*; (d) Từ đây trở lên, *trí cứu cánh giác* sinh khởi, đây gọi là *thế đệ nhất pháp*.⁵²²

520 Đạo, như, hành, xuất 道如行出: Thấy rõ nghĩa của các hành là đạo. Khế hợp với chánh lý là như. Thủ hướng chính xác là hành. Khả năng vượt qua vĩnh viễn là xuất. Hoặc là: Đối trị tà đạo là đạo. Đối trị bất như là như. Thủ nhập cung điện niết bàn là hành. Trừ bỏ tất cả hữu là xuất.

521 Kệ tụng 18 và 19 nói về trí cầu tự tâm, tức là trí tâm tự tâm ở giai đoạn Thuận quyết trạch phần. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiển thánh, kệ tụng: “Tòng thủ sinh Noãn pháp Cụ quán tứ Thánh đế Tu thập lục hành tướng Thứ sinh Đảnh diệt nhiên Như thị nhị thiện căn Giai sơ pháp hậu tứ Thứ Nhẫn duy pháp niệm Hạ trung phẩm đồng Đảnh Thượng duy quán dục khổ Nhất hành nhất sát na Thế đệ nhất diệt nhiên Giai tuệ ngũ trừ đắc.” (從此生煖法, 具觀四聖諦, 修十六行相, 次生頂亦然。如是二善根, 皆初法後四, 次忍唯法念, 下中品同頂。上唯觀欲苦, 一行一剎那, 世第一亦然, 皆慧五除得。Tu pháp quán này sẽ sinh khởi Noãn pháp. Quán đủ bốn Thánh đế. Tu mười sáu hành tướng. Kế đó sẽ sinh khởi Đảnh cũng như vậy. Hai thiện căn trên đây, lúc đầu đều nương pháp niệm trú, về sau nương cả bốn loại. Kế đến là Nhẫn, chỉ nương pháp niệm trú. Hạ và trung phẩm giống như Đảnh. Thượng phẩm chỉ quán dục khổ, một hành tướng một sát-na. Thế đệ nhất pháp cũng vậy, đều là tuệ, nắm uẩn, loại trừ đắc. – Đạo Sinh dịch)

522 Noãn 煖 nghĩa là ấm, là giai đoạn báo trước, báo hiệu sắp có lửa hay ánh sáng của thánh đạo. Ở noãn vị, hành giả quán pháp tự tướng và cộng tướng chỉ là ý ngôn, hoạch đắc trí pháp minh, quán sát chân xác cảnh sở duyên của các pháp.

Đảnh 頂 là đánh đầu hay đánh núi. Luận Câu xá, quyển 23 tr. 119c15: “Noãn thiện căn đây, hạ trung thượng phẩm, lần lượt tăng trưởng cho đến khi thành mãn, có thiện căn sanh tên là đánh pháp. Do sự chuyển thắng này nên lập tên khác; trong thiện căn động, pháp đây tối thắng, như là đánh đầu nên gọi đánh pháp; hoặc do từ đây có sự tiến thoái hai bên, như đang ở đánh núi, gọi tên là đánh.” Thiện căn động (có thể thoái động) là nói thuận quyết trạch phần có 2 loại: 1. Có thể thoái; 2. không thể thoái. Có thể thoái thì hạ phẩm là noãn vị, thượng phẩm là đánh vị. Không thể thoái thì hạ phẩm là nhẫn vị, thượng phẩm là thế đệ nhất pháp vị.

Nhẫn 忍 là xác nhận (nhẫn khả) các pháp toàn là duy tâm, và trong sự xác nhận này không còn có sự thoái đọa nữa.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Tám

THÀNH HIỆN QUÁN (Phần 2)

[562a23] Luận giải: Như vậy đã có được các thiện căn: noãn, đảnh, nhãn, thể đệ nhất pháp. Nên biết từ đây đi vào hiện quán.

Kệ tụng:

Từ đây không gia hành

Giải thoát trí ba tâm

Có một trăm mười hai

Phiền não đoạn, mười nhiếp. (kệ 20)

[562a27] Luận giải: (7) Từ đây không gián cách, không có gia hành, giải thoát kiến đạo, đã đoạn các tùy miên, *trí của ba tâm* sinh khởi: 1. Trí nội tại loại trừ hữu tình giả duyên;⁵²³ 2. Trí nội tại loại trừ

Thể đệ nhất pháp 世第一法: Thể gian là pháp hữu lậu; trong pháp hữu lậu, hiện quán của hành giả này hơn cả nên gọi là thể đệ nhất pháp. Ở đây, ví ấy ngộ nhập cảnh không nên thức không phát sanh, tức thức y tha cũng diệt. Thể đệ nhất pháp là hậu niệm của thượng phẩm nhãn pháp, và là điều kiện đưa đến cái định vô gián để phát sanh trí vô lậu (tức nhập kiến đạo). Sự thù thắng của thể đệ nhất pháp là đưa hành giả thú nhập chánh tánh ly sanh. Chánh tánh ly sanh thuộc kiến đạo vị; chánh tánh là vô lậu tuệ, ly sanh là lìa phiền não (loại phân biệt). Phiền não này gọi là sanh vì như đồ ăn sống, ăn vào sanh bệnh, phiền não này sanh ra chúng sanh nên gọi là sanh. Vô lậu tuệ đoạn trừ cái sanh ấy nên gọi là chánh tánh ly sanh.

523 Nội kiến hữu tình giả duyên trí 內遣有情假緣智: Nội kiến: là duyên nội thân mà loại trừ. Hữu tình giả: nhận thức hữu tình chỉ là khái niệm sai lầm. Duyên trí: chỉ cho sở duyên pháp trí, tức nhận thức hiện thực mà đối tượng là khái niệm giả danh về chúng sanh và pháp.



các pháp giả duyên; 3. Trí phổ biến loại trừ cả hữu tình và các pháp giả duyên. Ở đây, hai trí trước là pháp trí, trí thứ ba là chủng loại trí.⁵²⁴

Ba trí như vậy có năng lực đoạn trừ một trăm mười hai phiền não [thuộc kiến sở đoạn]. Phiền não như vậy được nhiếp trong mười thứ⁵²⁵.

Một trăm mười hai phiền não: Dục giới, kiến sở đoạn phiền não của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế, mỗi đế đều có mười thứ; Sắc giới và Vô sắc giới, kiến sở đoạn phiền não của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế, mỗi đế đều có chín thứ, trừ sân; tổng cộng là một trăm mười hai phiền não.

Những gì được nhiếp trong mười thứ phiền não? Đó là *năm kiến tự tánh* và *năm phi kiến tự tánh*, như trước đã nói.⁵²⁶

524 Thành duy thức luận: “Quán chân đế phi an lập có ba phẩm tâm: (1) Bằng duyên trí nội tại loại trừ hữu tình giả mà đoạn trừ các tùy miên phân biệt thuộc tầm yếu. (2) Bằng duyên trí nội tại loại trừ pháp giả mà đoạn trừ tùy phiền não phân biệt thuộc tầm trung. (3) Phổ biến bằng duyên trí loại trừ cả hữu tình và pháp giả mà đoạn trừ tất cả tùy miên thuộc loại phân biệt. Hai trí đầu gọi là pháp trí, vì duyên đến đối tượng riêng rẽ. Trí thứ ba được gọi là loại trí, vì duyên tổng hợp.” (Thích Tuệ Sỹ dịch giải) Và được chú thích: “Pháp trí và loại trí: Câu-xá 23, tr. 121a29: Từ thể đệ nhất, trực tiếp không gián cách, duyên đến đối tượng là khổ Thánh đế thuộc Dục giới, pháp trí nhãn vô lậu phát sinh. Nhãn này được gọi là khổ pháp trí nhãn: sự nhãn khả của trí hiện thực trong sự khổ). Tiếp theo ngay sau nhãn, không gián cách, nhận thức hiện thực về khổ Dục giới phát sinh, gọi là khổ pháp trí. Trong đó, nhãn được gọi là vô gián đạo, không có gì cản trở để loại trừ phiền não liên hệ. Trí được nói là giải thoát đạo, đã thoát ly hệ phược sau khi đoạn trừ phiền não liên hệ. Bốn Thánh đế Dục giới với 1 nhãn, 1 trí. Sau đó duyên lên thượng giới, loại suy khổ Thánh đế trên đó, phát sinh loại trí và nhãn về khổ. Liên tiếp như vậy 16 sát-na, gọi là 16 sát-na hiện quán Thánh đế, tức thể nghiệm và chứng nghiệm Thánh đế. Cf. Tạp tập 9, tr. 735b17: Các nhà Duy thức cho rằng khổ pháp trí nhãn là nhận thức sự khổ y theo giáo pháp mà Phật mô tả, tức chân lý về khổ theo nhận thức cá biệt. Tiếp theo đó, tuệ vô lậu vô giá phát sinh đối với khổ pháp trí, đó là loại trí, nhận thức sự khổ là chân lý trong tất cả Thánh pháp, tức chân lý phổ quát. Du-già luận ký, quyển 9, tr. 501c20: Tiểu thừa, kiến đạo chỉ có 2 tâm. Đại thừa Bồ tát, trong kiến đạo có 3 tâm: thứ nhất vô ngại (= vô gián) đạo với sinh không trí, thứ hai vô ngại đạo với pháp không trí, thứ ba giải thoát đạo với cả hai. Do đó, kiến đạo của Tiểu thừa có 16 tâm, của Bồ tát có 3 tâm.”

525 Mười thứ phiền não: 1. Tát-ca-da kiến; 2. Biên chấp kiến; 3. Tà kiến; 4. Kiến thủ; 5. Giới cấm thủ; 6. Tham; 7. Khúe; 8. Mạn; 9. Vô minh; 10. Nghi. Năm phiền não đầu là 5 kiến tự tánh phiền não (: ngũ lợi sử phiền não); 5 phiền não sau là 5 phi kiến tự tánh phiền não (: ngũ độn sử phiền não). (Xem Du-già sư địa, quyển 58, tr. 621b02-622a19.)

526 Mười phiền não này được giải thích ở quyển 1, phẩm Nhiếp sự.



Lại nữa, kệ tụng:

Đây chứng bồ-đề phân

Sáu thứ tịnh trí tương

Vì hành vô phân biệt

Theo sở tác kiến lập. (kệ 21)

[562b10] Luận tụng: Nên biết trí ấy⁵²⁷ là chân chứng giác phần, không phải phương tiện vị, cũng là sáu thứ sắc thái của thanh tịnh trí, đó là: pháp trí, chủng loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.⁵²⁸ Sáu trí này thuộc vô phân biệt [trí], chỉ theo sở tác mà kiến lập sáu sắc thái của trí, chứ không do hành sai biệt mà kiến lập sáu thứ trí.

Lại nữa, kệ tụng:

Bồ-tát tại vị này

Trước tu sức thắng nhân

Khổ nơi thân mình người

Khởi bình đẳng tâm tánh. (kệ 22)

527 Trí để hiện quán ở Kiến đạo.

528 Du-già sư địa luận, quyển 55: “Trong gia hành đạo, trước tiên do sự tích tập tư lương đã được cực kỳ hoàn hảo, lại bằng thiện phương tiện mài luyện tâm, từ thiện căn biên tế thuộc thế gian thuận quyết trạch phần, một cách trực tiếp vô gián, phát sinh tâm thứ nhất có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về hữu tình vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ các phiền não thô trọng bậc thấp thuộc loại kiến sở đoạn. Từ đó vô gián phát sinh tâm thứ hai có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về các pháp vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ phiền não thô trọng bậc trung thuộc loại kiến sở đoạn. Từ đó vô gián phát sinh tâm thứ ba có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về hữu tình và các pháp vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ tất cả phiền não thô trọng thuộc loại kiến sở đoạn. Hiện quán này chính là kiến đạo, cũng được gọi là song vận đạo (vận hành song song chỉ và quán). Trong đó tuy có ba phẩm tâm của tỳ-bát-xá-na (quán) và ba phẩm tâm của xa-ma-tha (chỉ), nhưng do song vận mà lập chỉ ba tâm, vì trong một tâm có thể vừa chỉ vừa quán. Nên biết, các tâm này chỉ duyên đến cảnh đối tượng là phi an lập đế. Lại nữa, hai tâm đầu tương ưng với pháp trí; tâm thứ ba tương ưng với loại trí. Lại nữa, chính do thể lực của tâm này, trong các an lập để kể từ khổ phát sinh khổ trí v.v. thuộc giai đoạn hiện quán thứ hai, thanh tịnh vô ngại. Nên biết, y chỉ trí này mà thành lập bốn trí khổ, tập, diệt, đạo. Tức ba tâm trước cùng với chỉ quán phẩm chứng đắc sự tịch diệt do diệt trừ phiền não thuộc kiến đoạn, đạt đến xuất thế gian đạo, vĩnh viễn diệt trừ hết thảy phiền não và sở y sự. Đó là hiện quán trí để hiện quán.” (tr. 605c17~606a05)

[562b17] Luận giải: Các Bồ-tát ở địa vị hiện quán, do trước tu tập sức thắng tư lương, ở trong sự tương tục khổ của mình người, khởi năm thứ tâm bình đẳng: tâm bình đẳng vô ngã, tâm bình đẳng thô trọng, tâm bình đẳng tinh tiến đoạn, tâm bình đẳng tinh tiến không ái vị và tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát hiện quán.⁵²⁹

Lại nữa, kệ tụng:

Là ý lạc đại ngã

Nơi tự tánh vô đắc

Và ý lạc quảng đại

Hai tánh vô phân biệt. (kệ 23)⁵³⁰

[562b24] Luận giải: Nên biết, các tâm tánh bình đẳng này chính là a-thế-da đại ngã và a-thế-da quảng đại.⁵³¹ Do a-thế-da đại ngã mà đối với tự tánh biến kế sở chấp không có gì thủ đắc. Do a-thế-da quảng

529 Tương đương 5 tâm bình đẳng: vô ngã, hữu khổ, sở tác, bất cầu và đồng đắc. Đại thừa Trang nghiêm Kinh Luận, phẩm Giáo thọ, tr. 625b24: “Bồ-tát ở địa đầu tiên có được sự thông đạt về pháp giới bình đẳng. Do sự thông đạt này, bồ-tát có thể quán thân người tức là thân mình, cũng được tâm bình đẳng. Hỏi: Bấy giờ bồ-tát có được mấy thứ tâm bình đẳng? Đáp: Bình đẳng có năm thứ, Năm không có sai biệt: Những gì là năm? 1. Bình đẳng vô ngã: nơi sự tương tục của mình và người, không thấy có ngã, không có sai biệt; 2. Bình đẳng có khổ: nơi sự tương tục của mình và người đều có tự tánh khổ, không có sai biệt; 3. Bình đẳng việc làm: nơi sự tương tục của mình và người, muốn làm việc đoạn khổ, không có sai biệt; 4. Bình đẳng không cầu: nơi việc làm của mình và người, không cầu báo đáp, không có sai biệt; 5. Bình đẳng cùng được: như bồ-tát khác đã được như thế, tôi cũng sẽ được như thế, không có sai biệt.” Bình đẳng vô ngã và bình đẳng có khổ là cùng thông hiểu khổ đế. Bình đẳng việc làm là cùng đoạn trừ tập đế. Bình đẳng không cầu là cùng tu tập đạo đế và hiện chứng diệt đế. Bình đẳng cùng được là cùng ngộ nhập sơ địa. Kim cương Bát-nhã luận, No. 1510, tr. 764a20-28: “Khi nhập chứng đạo, đắc trí tuệ nên ly mạn. Thế nào là đắc trí? Vì có hai thứ trí: 1. Trí nhiếp chủng tánh; 2. Trí bình đẳng. ..., Trí bình đẳng lại có 5 thứ nhân duyên bình đẳng: 1. Bình đẳng thô ác; 2. Bình đẳng pháp vô ngã; 3. Bình đẳng đoạn tương ưng; 4. Bình đẳng vô hy vọng tâm tương ưng; 5. Bình đẳng nhất thiết bồ-tát chứng đạo.”

530 Kệ tụng 20, 21, 22 và 23 nói về trí tự tâm, tức là trí chứng chân như ở giai đoạn Kiến đạo. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiện thánh, kệ tụng: “Tiền thập ngũ kiến đạo, Kiến vị tăng kiến cổ.” (前十五見道, 見未曾見故. Mười lăm tâm trước là kiến đạo vì thấy được điều chưa từng thấy. – Đạo Sinh dịch).

531 A-thế-da đại ngã = ý lạc đại ngã: Đại ngã là sắc thái của pháp giới, là tự tánh của vô lậu giới. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Bồ-đề: “Chư Phật thì ngã tịnh, nên Phật danh đại ngã: Ngã ấy của Phật thì cực kỳ thanh tịnh cho nên mệnh danh Phật là bậc đại ngã. Từ ý nghĩa này, chư Phật nơi vô lậu giới mà kiến lập đệ nhất ngã, đó là sắc thái đại ngã của pháp giới.”



đại mà đối với hai tánh hữu lậu và vô lậu, tội lỗi và công đức không có gì thù đắc, vì không có phân biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Trở lên mười sáu hành

Thanh tịnh thể gian trí

Vì đối trị giới địa

Cứu cánh sự thành tựu. (kệ 24)⁵³²

[562c01] Luận giải: (8) Từ để hiện quán này trở lên, trong tu đạo có trí thể xuất thể thanh tịnh sinh khởi ngang qua mười sáu hành: Nơi khổ để thuộc Dục giới, sinh hai trí: 1. *Trí hiện quán thâm sát*; 2. *Trí hiện quán quyết định*. Nơi khổ để thuộc Sắc giới và Vô sắc giới cũng có hai trí như vậy. Khổ để [của cả ba giới] có bốn trí; nơi tập để, diệt để và đạo để, mỗi để có bốn trí; như vậy gồm có mười sáu thứ trí.⁵³³

(9) Lại nữa, trí hiện quán như vậy, nếu hàng Thanh văn, Độc giác có được trí ấy là để đối trị tạp nhiễm nơi ba giới: Dục, Sắc và Vô sắc; nếu hàng Bồ-tát có được trí ấy là để đối trị *mười thứ địa chướng*⁵³⁴.

532 Kệ tụng 24 nói về trí trừ tâm phược, tức là trí đối trị chướng ở giai đoạn Tu đạo. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiền thánh, kệ tụng: “Chí đệ thập lục tâm, Tùy tam hướng trụ quả, Danh tín giải kiến chí, Diệc do độn lợi biệt. ... Địa địa thất đức cứu, Hạ trung thượng các tam.” (至第十六心, 隨三向往果, 名信解見至, 亦由鈍利別. ... 地地失德九, 下中上各三. Đến tâm thứ mười sáu trong ba quả, hướng đến quả nào thì trụ ở quả đó được gọi là Tín giải, Kiến chí cũng do căn độn, lợi khác nhau. ... Mỗi địa đều có chín lỗi và chín công đức. Ba nhóm hạ, trung, thượng đều có ba loại. – Đạo Sinh dịch)

533 Du-già sư địa luận, quyển 55: “Trí đạt được sau hiện quán, gọi là hiện quán biên trí. Chỉ sau khi từ tâm thứ ba vô gián ra khỏi kiến đạo, trí này mới hiện tiền. Nó duyên đến đối tượng là trí mà đời trước đã từng quán sát hai giới địa hạ (Dục giới) và thượng (hai giới trên) và hai tầng thượng an lập để. Nó là trí tương tự pháp và loại trí, thuộc thể tục, thông với cả xuất thế, tức là thể gian hậu đắc trí. Theo thứ tự, mỗi một để phát sinh hai thứ trí, đó là trí nhãn khả dục lạc (= trí hiện quán thâm sát) và trí hiện quán quyết định. Như vậy, y hiện quán nói trước đó, sau khi nó sinh khởi, trong các để thuộc hạ và thượng địa, cặp hai trí phát sinh. Đây gọi là hiện quán biên trí hiện quán.” (tr. 606a06~a13) Hiện quán là sự chứng nghiệm bằng bản thân; sự lý giải thông suốt; cũng dịch là hiện chứng, thông đạt.

534 Theo Duy thức luận, các Bồ tát phải trải qua 4 địa vị: 1. Tư lương vị (10 tín, 10 hành, 10 hướng) và Gia hành vị (4 gia hành); 2. Thông đạt vị (tức Kiến đạo vị), chỉ cho nhập tâm của sơ địa; 3. Tu tập vị (tức Tu đạo vị), gồm có trú tâm của sơ địa cho đến xuất tâm của thập địa; 4. Cứu cánh vị, chỉ cho Phật địa. Thành duy thức luận nói đến 10 trọng chướng: 1. Chướng bởi dị sinh tánh; 2. Chướng



Như vậy, các sự đã làm được thành tựu rất ráo, nên gọi là *chuyển y cứu cánh*, còn gọi là *hiện quán trí cứu cánh*, cũng gọi là *cứu cánh hiện quán*.

Lại nữa, kệ tụng:

Hiện quán ấy sai biệt

Có sáu hoặc mười tám

Tướng thắng lợi có nhiều

Theo kinh luận đã nói. (kệ 25)

[562c13] Luận giải: Hiện quán lại có sáu thứ sai biệt: 1. Tư hiện quán; 2. Tín hiện quán; 3. Giới hiện quán; 4. Hiện quán trí để hiện quán; 5. Hiện quán biên trí để hiện quán; 6. Cứu cánh hiện quán.⁵³⁵

bởi tà hành; 3. Chướng bởi ám độn; 4. Chướng bởi hiện hành phiền não vi tế; 5. Chướng bởi niết bàn hạ thừa; 6. Chướng bởi thô tướng hiện hành; 7. Chướng bởi tế tướng hiện hành; 8. Chướng bởi tác gia hành trong vô tướng; 9. Chướng bởi không muốn hành lợi tha; 10. Chướng bởi chưa tự tại với các pháp. Vì văn rất dài, muốn hiểu rõ, xin xem Thành duy thức luận, chương VIII, phần Tu tập vị, mục Mười trọng chướng, Tuệ Sỹ dịch và chú. Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già, tr. 701c28~702a13: “Bạch đức Thế tôn, từ Bồ tát địa đầu tiên cho đến Như lai địa, chỉ quán như thế này đối trị được những sự chướng ngại nào? Thiện nam tử, chỉ quán như thế này trong Bồ tát địa đầu tiên thì đối trị được sự chướng ngại vì hoặc nghiệp sinh tạp nhiễm của ác đạo, trong Bồ tát địa thứ hai thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của sự làm lỡ vị phạm rất nhỏ, trong Bồ tát địa thứ ba thì đối trị được sự chướng ngại vì tham lam của dục, trong Bồ tát địa thứ tư thì đối trị được sự chướng ngại vì định ái và pháp ái, trong Bồ tát địa thứ năm thì đối trị được sự chướng ngại vì một chiều chống sinh tử hướng niết bàn, trong Bồ tát địa thứ sáu thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành nhiều của thô tướng, trong Bồ tát địa thứ bảy thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của tế tướng, trong Bồ tát địa thứ tám thì đối trị được sự chướng ngại vì phải đa công dụng đối với vô tướng và không tự tại đối với hữu tướng, trong Bồ tát địa thứ chín thì đối trị được sự chướng ngại vì không tự tại đối với ngôn từ khéo léo về mọi chủng loại, trong Bồ tát địa thứ mười thì đối trị được sự chướng ngại vì không chứng đắc pháp thân viên mãn. Và chỉ quán như thế này, trong Như lai địa thì đối trị được phiền não chướng và sở tri chướng cực vi tế; và tối cực vi tế, vì vịnh viễn hại được hai chướng như vậy nên chứng được một cách cứu cánh cái trí thấy biết hoàn toàn, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, lại do đối tượng sở tác thành tựu (của cái trí nói trên) nên lập ra pháp thân tối cực thanh tịnh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

535 Thành duy thức luận, tr. 50c01~c11: Sáu hiện quán:

1. Tư hiện quán: Đó là tuệ được tác thành bởi tư, tối thượng phẩm tương ưng hỷ thọ. Nó quán sát cộng tướng của các pháp, dẫn sinh noãn v.v... Trong gia hành đạo, tác dụng quán sát các pháp của nó mãnh liệt nhất, nên đặc biệt lập thành hiện quán. Các pháp như noãn v.v... không phân biệt pháp một cách chi tiết, lại cũng chưa chứng nghiệm thật lý, do đó không phải là hiện quán.
2. Tín hiện quán: Đó là tịnh tín quyết định thuộc thể gian và xuất thể gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo. Nó hỗ trợ hiện quán để không thối chuyển, do đó được lập làm hiện quán.



Hỏi: Tư hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tuệ thượng phẩm được tác thành bởi tư làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Tín hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tịnh tín thượng phẩm thuộc thế gian và xuất thế gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Giới hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy nghiệp thân, ngữ, ý được các bậc Thánh ưa thích làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy Thánh tuệ duyên đối tượng là phi an lập để làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy Thánh tuệ duyên đối tượng là an lập để làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tận trí, vô sinh trí v.v... làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.⁵³⁶

[562c27] Lại nữa, hiện quán ấy còn có mười tám thứ sai biệt: (1)

3. Giới hiện quán: Đó là vô lậu giới. Nó trừ diệt cấu bẩn của sự phá giới, khiến quán được thêm sáng, do đó cũng được gọi là hiện quán.

4. Hiện quán trí để hiện quán: Đó là trí vô phân biệt căn bản và hậu đắc, một cách triệt để, duyên phi an lập làm đối tượng.

5. Hiện quán biên trí để hiện quán: Đó là trí thế xuất thế gian, duyên các an lập làm đối tượng, sau hiện quán trí để hiện quán.

6. Cứu cánh hiện quán: Trí thuộc giai đoạn cứu cánh, tức tận trí v.v...

536 Du-già sư địa luận, quyển 71, Thanh văn địa, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 691a19~b01.

Hiện quán văn sở sinh trí; (2) Hiện quán tư sở sinh trí; (3) Hiện quán tu sở sinh trí; (4) Hiện quán thuận quyết trạch phần trí; (5) Hiện quán kiến đạo; (6) Hiện quán tu đạo; (7) Hiện quán cứu cánh đạo; (8) Hiện quán bất thiện thanh tịnh thể tục trí; (9) Hiện quán thiện thanh tịnh thể tục trí; (10) Hiện quán thắng nghĩa trí; (11) Hiện quán bất thiện thanh tịnh hành hữu phân biệt trí; (12) Hiện quán thiện thanh tịnh hành hữu phân biệt trí; (13) Hiện quán thiện thanh tịnh hành vô phân biệt trí; (14) Hiện quán thành sở tác tiền hành trí; (15) Hiện quán thành sở tác trí; (16) Hiện quán thành sở tác hậu trí; (17) Hiện quán Thanh văn trí [và Độc giác trí]; (18) Hiện quán Bờ-tát trí [và tối cực thanh tịnh trí].

Lại nữa, sắc thái hiện quán như vậy, theo các kinh luận, có nhiều thứ lợi ích thù thắng.

Hỏi: Tư hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu tư hiện quán thì người ấy thấu suốt chính xác rằng các hành là vô thường, các hành đều là khổ, các pháp là vô ngã, niết bàn là tịch tĩnh. Tuy người ấy trú trong địa vị dị sinh mà vẫn có thể hiểu rõ tất cả, quyết định như vậy. Các sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, ma vương, Phạm vương cùng với loài người không thể dẫn dắt, chiếm đoạt đúng pháp.

Hỏi: Tín hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu tín hiện quán, hoặc trú địa vị dị sinh, hoặc trú địa vị phi dị sinh, mà trong đời này hay đời sau, trọn không tuyên xưng vị thầy nào khác ngoài bậc Đại sư, không pháp nào khác ngoài pháp được thiện thuyết, không người tu nào khác ngoài Tăng chánh hành.

Hỏi: Giới hiện quán có sắc thái gì?



Đáp: Nếu có người thành tựu giới hiện quán, thì trọn không cố ý giết hại mạng người, cho đến súc sinh; không lấy của không cho; không làm việc tà hạnh vì phóng túng; biết mà vọng ngữ; không uống những loại rượu mạnh⁵³⁷ như: rượu tốt-la⁵³⁸, rượu mê-lê-da⁵³⁹, không buông thả rượu chè.

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán trí để hiện quán, thì trọn không nương tựa dị kiến mà khởi nghiệp tạo tác; không khởi nghi hoặc với pháp tự sở chứng; không đắm nhiễm trong các nẻo đường sinh tử; không chấp những ảnh tượng tốt lành hiện hành [trong định] cho là thanh tịnh; không phỉ báng ba thừa là nhân tạo nghiệp đường ác; không tạo các nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp Tăng, gây thương tích nơi Phật; trọn không tái sinh lần thứ tám⁵⁴⁰.

Hỏi: Hiện quán biên⁵⁴¹ trí để hiện quán có sắc thái gì?

537 Mạt-đà 末陀 (S. Madhya): Còn gọi là mạt-đồ 末途, ma-thâu 摩偷. Hán dịch là tửu, chỉ cho những loại rượu có nồng độ cồn rất mạnh như: rượu tốt-la, mê-lê-da ... tương đương với rượu Bồ đào của Trung quốc.

538 Tốt-la 率羅 (S. Surā): Cũng gọi là tô-la 蘇羅, tốt-lợi 率利. Hán dịch là tửu, mễ tửu, cốc tửu, chỉ cho rượu nấu bằng ngũ cốc. Theo Pháp uẩn túc luận, quyển 1, nếu dùng các vật liệu như gạo, lúa mì ... chưng nấu đúng phương pháp, khuấy chung với men rượu và các vị thuốc, ủ lâu ngày thì thành loại rượu có màu sắc đẹp, hương vị thơm ngon vào bậc thượng hạng, gọi là rượu tốt-la.

539 Mê-lê-da 迷隸耶 (S. Maireya): Cũng gọi là mê-lê-da 迷麗耶, muội-na-dã 昧娜也. Hán dịch là một tửu, chỉ loại rượu được chưng cất từ rễ, thân và hoa quả của các loại thực vật. Rượu mê-lê-da đầy đủ hương thơm, mùi vị, uống vào làm người say khướt. Theo Luật Tứ phần, quyển 16, rượu mê-lê-da gồm các loại như: rượu nước trái lê, rượu quả Diêm-phù 閻浮, rượu mía, rượu quả Xá-lâu-già 舍樓伽, rượu nước hoa cỏ, rượu nho.

540 Trung A-hàm, kinh Đa giới nói bậc Thánh kiến đạo viên mãn không tái sinh lần thứ 8 (đệ bát hữu): “A-nan, nếu người thấy để lý mà tái sinh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phụ tái sinh lần thứ tám, trường hợp này tất có.” Trong kinh thường thí dụ “Tu-đà hoàn tái sinh lần thứ tám” để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra.

541 Hiện quán biên: Hiện quán là tuệ giác vô lậu chứng được chân thật; đang là phương tiện của tuệ giác, gần được tuệ giác ấy, thì gọi là bên cạnh hiện quán.



Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán biên trí để hiện quán, thì đối với pháp tự sở chứng, nếu ai vẫn nạn trọn không khiếp sợ.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu cứu cánh hiện quán, thì trọn không rơi vào năm xứ phạm⁵⁴²; trọn không cố giết sinh mạng chúng sinh; không lấy của không cho; không tập gần sự dâm dật, là pháp phi phạm hạnh; không cố ý nói dối; không chứa cất của cải, tiền bạc, thọ dụng các dục; lại trọn không khiếp sợ đối với những sự không thể ký luận; trọn không chấp trước: khổ lạc do tự tác, khổ lạc do tha nhân tác, khổ lạc do vừa tự vừa tha nhân tác, khổ lạc chẳng phải vừa tự vừa tha nhân tác mà vô nhân sinh.⁵⁴³

Những loại như vậy gọi là sắc thái của hiện quán. Nên biết, đây chính là lợi ích thù thắng của hiện quán, mà theo kinh, theo luận, như trên đã nói rộng.

542 Năm xứ mà một tỳ-kheo phải xa lìa: nhà giặc cướp, nhà chiêm-đà-la (thịt chó), nhà đồ tể, nhà dâm nữ, nhà bán rượu (: nhà quan, nhà đồ tể, nhà bán rượu, nhà ca kỹ, nhà chiêm-đà-la). Thập tụng luật 49 (tr.359b17), “Phật nói, tỳ-kheo có năm chỗ không nên lai vãng: phụ nữ chưa chồng, đàn bà goá, phụ nữ có chồng, dâm nữ, tỳ-kheo-ni.”

543 Tập A-hàm, kinh Phù-di, số 343: “Chúng xuất gia ngoại đạo lại hỏi: ‘Thế nào, Tôn giả Phù-di, khi chúng tôi hỏi có phải khổ lạc là do tự tác; thì bảo là không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải do tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, thì bảo rằng không khẳng định. Vậy hiện tại Sa-môn Cù-đàm nói khổ lạc được sanh ra như thế nào?’ Tôn giả Phù-di đáp: ‘Ngày chúng xuất gia ngoại đạo, Đức Thế Tôn bảo khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.’”



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Chín

THÀNH DU GIÀ

[563b05] Luận giải: Đã nói “*Bồ-tát tại vị này, trước tu sức thắng nhân, v.v...*”, như thế nào là trước tu sức thắng nhân?

Kệ tụng:

Bát-nhã độ du-già

Đẳng chí, vô phân biệt

Tất cả, tất cả chúng

Vì không có phân biệt. (kệ 1)

[563b09] Luận giải: Y chỉ tam-ma-bát-đề (: đẳng chí) khởi tu Du-già thắng hạnh⁵⁴⁴ để phát sinh bát-nhã ba-la-mật-đa, tức chánh tuệ này có năng lực đến-bờ-bến-kia. Thắng hạnh ấy là phương tiện tối thắng của đại bồ-đề, nên gọi là du-già. Chỗ y chỉ của trí ấy là đẳng chí (: định) mà không có phân biệt, cho nên đối với tất cả pháp và tất cả chúng [hành tướng] là vô phân biệt.

Thế nào là tất cả pháp và tất cả chúng [hành tướng]?

544 Du-già (yoga) dịch nghĩa là tương ưng (thích ứng với nhau), chính yếu là chỉ (xa-ma-tha) và quán (tý-bát-xá-na). Chỉ quán song hành thì đưa đến trí xuất thế vô phân biệt, tức bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn hiểu rõ thì xin xem phẩm Phân biệt Du-già, kinh Giải thâm mật.



Kệ tụng:

Tất cả, tất cả chúng:

Ba tướng và ba luân

Gọi danh tướng, nhiễm tịnh

Và không cả hai thứ. (kệ 2)

[563b16] Luận giải: *Tất cả pháp*: Là ba luân: 1. Cảnh sở tri; 2. Trí năng tri; 3. Người năng tri.

Tất cả chúng [hành tướng]: Là ba tướng: 1. Tướng của danh; 2. Nhiễm tịnh; 3. Không phải cả hai (nhiễm tịnh).

Danh: Là mười hai thứ danh: giả lập danh, v.v...⁵⁴⁵

Tướng của danh: Là tự tướng và cộng tướng.

Nhiễm: Là pháp nhiễm ô.

Tịnh: Là các pháp thiện.

Không phải cả hai: Là pháp vô phú vô ký.

Lại nữa, như vậy là đã nói về vô phân biệt. Nơi những pháp nào mà nói là vô phân biệt?

Kệ tụng:

Nơi pháp và pháp không

Không hai thứ hý luận

Vô phân biệt, vô cùng

Trên đây không đúng lý. (kệ 3)

545 Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Danh thân: “Danh thân lược nói có mười hai thứ: 1. Giả lập danh; 2. Thật danh; 3. Tổng danh; 4. Biệt danh; 5. Tùy nghĩa danh; 6. Hý luận danh; 7. Dị danh; 8. Nan danh; 9. Hiển danh; 10. Ẩn danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.”



[563b24] Luận giải: Pháp và *pháp không*, cả hai không có hai thứ hý luận. Thế nào là hai? Là có và không có.⁵⁴⁶ Vì sao? Sắc chẳng phải có, vì tướng biến sở chấp không có; cũng chẳng phải không có, vì các pháp vô ngã có sự hiển lộ. Giống với sắc, *sắc không* cũng như vậy; đối với tất cả pháp và pháp không cũng nên biết như vậy.

Không phải tách rời các pháp và pháp không mà có cảnh nào khác có thể thủ đắc, cho nên chỉ nói hai vô phân biệt, chứ không phải vô phân biệt rồi lại vô phân biệt, là có cái lỗi vô cùng, vì trên cái vô phân biệt đây thì không có cảnh sở tri.

Lại nữa, kệ tụng:

Nếu toàn không gì thủ

Không tuệ cũng không độ

Cùng thành, thủ ly ngôn

Là thuận, chẳng không dụng. (kệ 4)

[563c06] Luận giải: Đây nếu không có hai thứ phân biệt, thì tức không có thủ. Hoàn toàn không có thủ thì thể của tuệ còn không có, huống là đến-bờ-bến-kia, cho nên có cái thủ ly ngôn tương. Do có thủ ấy nên tuệ và đến-bờ-bến-kia, cả hai cùng thành tựu. Vì sao? Vì Thánh tuệ này không thủ đặc tánh như được ngôn thuyết mà thủ đặc tánh ly ngôn thuyết.

Hỏi: Nếu Thánh tuệ ấy không thủ đặc tánh như được ngôn thuyết, thì sự tuyên thuyết chánh pháp phải không có chỗ dùng?

Đáp: Không đúng. Vì tùy thuận vậy. Vì sao? Vì muốn tùy thuận cái tánh ly ngôn [của các pháp] mà có thủ, vì vậy mà đức Như lai tuyên thuyết chánh pháp.

⁵⁴⁶ Pháp và pháp không không có hai thứ hý luận: có và không có, cho nên gọi là vô phân biệt.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Mười

THÀNH BÁT TƯ NGHỊ

[563c14] Luận giải: Chính yếu là phải tư duy mới đi vào được hiện quán, cho nên phải lia phương tiện là sự tư duy về những bất khả tư nghị xứ.

Kệ tụng:

Chín sự bất tư nghị

Do y chỉ năm sự

Vì có năm lý do

Được, mắt đều ba thứ. (kệ 1)

[563c19] Luận giải: Có chín sự bất khả tư nghị: 1. Ngã; 2. Hữu tình; 3. Thế giới; 4. Nghiệp báo; 5. Cảnh giới của bậc tịnh lự; 6. Cảnh giới của chư Phật;⁵⁴⁷ 7. Mười bốn sự không thể xác định⁵⁴⁸;

⁵⁴⁷ Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Lý thú bất khả tư nghị: "Lược có sáu sự bất khả tư nghị: 1. Ngã thì bất khả tư nghị; 2. Hữu tình thì bất khả tư nghị; 3. Thế gian thì bất khả tư nghị; 4. Tất cả nghiệp báo của hữu tình thì bất khả tư nghị; 5. Bậc chứng tịnh lự và cảnh giới tịnh lự thì bất khả tư nghị; 6. Chư Phật và cảnh giới của chư Phật thì bất khả tư nghị." Giải rộng thì xem Du-già sư địa luận, quyển 64, Nhiếp quyết trích phần, Tư sở thành tuệ địa, tr. 655a07~b04.

⁵⁴⁸ Luận Đại trí độ, quyển 2: "Hỏi: Có mười bốn nạn vấn mà Phật không đáp, nên biết không phải là bậc Nhất thiết trí. Mười bốn nạn vấn là những gì? Là: (1-4) Thế giới và ngã là thường, hay vô thường? hay cũng thường cũng vô thường? hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường? (5-8) Thế giới và ngã có biên, hay không biên? vừa cũng có biên cũng không biên? vừa chẳng phải có biên chẳng phải không biên? (9-12) Sau khi chết có linh hồn đi đến đời sau hay không có linh hồn đi đến đời sau? hay cũng có linh hồn cũng không linh hồn đi đến đời sau? hay cũng chẳng phải có linh



8. Phi chánh pháp; 9. Sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

Nếu có tư duy chín sự như vậy thì ắt phải y chỉ năm xứ mới khởi tư duy: 1. Kiến⁵⁴⁹; 2. Nhãn khả; 3. Suy tìm; 4. Lợi dưỡng; 5. Tán loạn. Y chỉ các kiến, tư duy về ngã và hữu tình. Y chỉ sự nhãn khả, tư duy về thế giới. Y chỉ sự suy tìm, tư duy về nghiệp báo, cảnh giới của bậc tỉnh lự, cảnh giới của chư Phật và mười bốn sự không thể xác định. Y chỉ sự lợi dưỡng, tư duy về phi chánh pháp. Y chỉ sự tán loạn, tư duy về sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

Hỏi: Lý do gì chín sự như vậy không nên tư nghị?

Đáp: Có năm lý do: 1. Ngã và hữu tình không có tự tướng, không nên tư nghị; 2. Thế giới là tướng hiện thành, không nên tư nghị;

hồn chẳng phải không linh hồn đi đến đời sau? (13-14) Thân là linh hồn? hay thân khác linh hồn? Nếu Phật là bậc Nhất thiết trí, vì sao không đáp mười bốn nạn vấn này?

Đáp: Việc ấy không thật nên không đáp. Các pháp là thường, không có lẽ đó. Các pháp là đoạn diệt, cũng không có lẽ đó; vì vậy nên Phật không đáp. Ví như có người hỏi vắt sừng trâu được mấy đầu sữa. Đó không phải câu hỏi không cần đáp.

Lại nữa, thế giới vô cùng như bánh xe, không đầu, không cuối.

Lại nữa, đáp vấn nạn ấy, không có lợi mà có hại, là rơi vào tà ác. Phật biết mười bốn nạn vấn ấy che lấp Tứ đế, che lấp Thật tướng các pháp. Như chỗ đi qua có ác thú, không nên dẫn người đi qua, chỗ an ổn không hoạn nạn, có thể chỉ cho người đi qua.

Lại nữa, có người nói việc ấy không phải là bậc Nhất thiết trí thời không thể hiểu. Vì người không thể hiểu nên Phật không đáp.

Lại nữa, nếu người, việc không nói có, việc có nói không, ấy gọi không phải là bậc Nhất thiết trí. Bậc Nhất thiết trí thì việc có nói có, việc không nói không. Đức Phật, việc có chẳng nói không, việc không chẳng nói có, chỉ nói: „Thật tướng các pháp, sao lại không gọi là bậc Nhất thiết trí? Ví như mặt trời, bình đẳng chiếu khắp, không tạo nên chỗ cao thấp, cũng không tạo nên bình địa. Phật cũng như thế, không khiến cho có làm thành không, không làm thành có, mà thường nói về trí tuệ chọn thật chiếu soi các pháp. Như có một đạo nhân hỏi Phật: „Mười hai nhân duyên do Phật làm hay do người khác làm.” Phật nói: „Ta không làm Mười hai nhân duyên, người khác cũng không làm.” Dù có Phật hay không có Phật, thì sanh vẫn làm nhân duyên cho già chết, pháp ấy quyết định thường trú. Phật thường nói sanh làm nhân duyên cho già chết, cho đến Vô minh làm nhân duyên cho các Hành.

Lại nữa, trong mười bốn nạn vấn, nếu trả lời thì sai lầm. Như có người hỏi đứa con hay do người lại cái, của con gái đá là cao hay thấp, đẹp hay xấu? Điều ấy không nên trả lời vì không có đứa con ấy. Lại nữa, mười bốn nạn vấn ấy là tà kiến không chân thật. Phật chỉ nói những gì chân thật, nên bỏ qua không đáp.

Lại nữa, bỏ qua không đáp tức là đáp. Có bốn cách đáp: Một là quyết định đáp, như nói Phật là an ổn nhất trong Niết-bàn. Hai là giải nghĩa đáp. Ba là đáp bằng cách hỏi trở lại. Bốn là bỏ qua không đáp.” (HT. Thích Thiện Siêu dịch)

549 Kiến: Chủ yếu là thân kiến, nói rộng là 62 kiến, như trong kinh Phạm võng đề cập.



3. Nghiệp báo và hai cảnh giới [của bậc tỉnh lự và chư Phật] là những sắc thái sâu xa, không nên tư nghị; 4. Mười bốn sự không thể xác định không phải là tướng trạng nhất định, không nên tư nghị; 5. Phi chánh pháp và sự được dẫn nhiếp bởi các phiền não thì đưa đến trạng huống vô nghĩa lợi, không nên tư nghị.

Nếu có tư nghị những sự như vậy thì có thể dẫn đến ba thứ tội lỗi và công đức: 1. Tội lỗi khởi tâm loạn; 2. Tội lỗi sinh phi phước đức; 3. Tội lỗi không được điều thiện. Nếu không tư nghị những sự như vậy thì có thể dẫn đến ba thứ công đức, trái ngược với ba thứ tội lỗi ở trên.

Lại nữa, kệ tụng:

Không nghĩ, không xác định

Nên biết do bốn nhân

Chẳng nhất định, sâu xa

Dẫn vô nghĩa, tướng trú. (kệ 2)

[564a10] Luận giải: Nói sơ lược thì có bốn lý do mà tự mình không nên tư duy về sự không thể tư nghị, cũng không nên xác định sự ấy với người khác: 1. Ngã và hữu tình là có hoặc không có, không gì nhất định, nên không thể tư duy, không thể xác định; 2. Nghiệp báo và hai cảnh giới [của bậc tỉnh lự và chư Phật] đều sâu xa, nên không thể tư duy, không thể xác định; 3. Thế giới, [mười bốn] sự không thể xác định, phi chánh pháp và sự được dẫn nhiếp bởi các phiền não, tất cả đều dẫn đến vô nghĩa lợi, nên không thể tư duy, không thể xác định; 4. Chân như nơi các pháp: hành, v.v... không dính líu không tách rời⁵⁵⁰,

550 Bất tức bất ly 不即不離: không dính líu không tách rời; không tương tức không tương ly. Cũng gọi Bất nhất bất dị (chẳng phải một, chẳng phải khác). Như nước với sóng, hai thứ có khác nhau, nên nói bất tức; tánh chất của nước và sóng không khác (cùng một tính ướt) nên nói bất ly. Kinh Viên giác: “Các vị bồ tát, và người sau này, tu tập mà thành đạt viên giác như vậy, thì đối với chính viên giác ấy đã không tu tập và không thành đạt, chiếu sáng một cách tròn đầy mà trong lặng, không



tướng của chúng là *pháp nhĩ an trú*⁵⁵¹, nên không thể tư duy, không thể xác định.

Lại nữa, kệ tụng:

Không nghĩ ngã có – không

Vì thành hai làm lỗi

Với người cũng hai lỗi

Không nên nghĩ: một – khác. (kệ 3)

[564a20] Luận giải: Không nên tư duy rằng ngã là có hay không có. Vì sao? Vì thành hai làm lỗi. (1) Nếu nghĩ ngã là có, tức nơi cái nghĩa chẳng thật có, khởi chấp tăng ích⁵⁵², thành lỗi. (2) Nếu nghĩ ngã là không có, tức nơi cái nghĩa giả có, khởi chấp tổn giảm⁵⁵³, thành lỗi.

Đối với hữu tình khác [so với mình], nếu chấp là đồng nhất hay dị biệt, thì cũng thành hai lỗi. (1) Nếu chấp là đồng nhất, mà hữu tình

có những khái niệm đối lập lẫn nhau. Chính trong cái trạng thái chiếu sáng này mà thấy hằng sa thể giới y như hoa đóm nổi lên hay mất đi với bao nhiêu là hình thái, thấy các pháp không dính líu không tách rời (bất tức bất ly), không trôi buộc không cời mờ, thấy chúng sinh vốn là Phật đà, sinh tử với niết bàn đều như giấc mộng. Vì đều như giấc mộng nên đối với sinh tử và niết bàn thì thấy không nổi không tan, không đến không đi; đối với chân lý sở chứng thì thấy không được không mất, không lấy không bỏ; đối với tuệ giác năng chứng thì thấy không làm không ngưng, không buông không dứt; đối với sự chứng ngộ thì thấy không năng chứng không sở chứng, cứu cánh không có sự chứng ngộ và người chứng ngộ. Thấy như vậy là vì toàn bộ các pháp đều bình đẳng và không phá hoại nhau." (HT. Thích Trí Quang dịch)

551 Pháp nhĩ 法爾: Các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt), là "Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú." Như nói, tâm thể thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt.

552 Tăng ích: thêm vào, thêm thắt. Chấp tăng ích là vọng chấp các pháp là thật có, tức thêm cái giá trị có vào các pháp vốn hư giả; là nơi tánh y tha của các pháp mà thấy ngã pháp, tức có mà chỉ có với biến kế sở chấp.

553 Chấp tổn giảm là vọng chấp các pháp toàn không, tức nơi tánh y tha của các pháp mà cho là không có, và y tha mà không có thì không có gì nữa, tức thành cái lỗi không có nhiệm và tịnh, tức không có tánh viên thành thật.



thì đa dạng, thành lỗi. (2) Nếu chấp là dị biệt, mà chẳng có sáu xứ [khác nhau]⁵⁵⁴, thành lỗi.

Lại nữa, kệ tụng:

Hai tuy không y kiến

Thành nên không phải nghĩ

Không nghĩ sinh như vậy

Vì ba lỗi đi theo. (kệ 4)

[564a27] Luận giải: Hữu tình thế giới và khí thế giới, cả hai thế giới này mặc dù không y theo kiến nhưng cũng không nên nghĩ. Vì sao? Người thế gian đều hiểu biết *tướng hiện thành* của chúng.

Hỏi: Vì sao không nghĩ sự thể ấy sinh ra như vậy, hay không đúng như vậy?

Đáp: Nếu người suy nghĩ như vậy, thì sẽ nhận định: đúng là như vậy, hoặc khác biệt như vậy, hoặc không có như vậy. Ba lỗi này luôn đi theo.

Lại nữa, kệ tụng:

Thiện thú và ác thú

Hai tác giả chẳng định

Quá khứ nghiệp thiện ác

Xứ, sự v.v... khó nghĩ. (kệ 5)

[564b05] Luận giải: Đối với nghiệp báo, không nên nghĩ bàn rằng người tu phước hành thì nhất định sinh thiện thú, người làm ác hành thì nhất định sinh ác thú, vì không quyết định.

554 Sáu xứ: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Cùng là thấy nhưng mỗi sinh loài có cái thấy khác nhau, như nước mà người thấy nước, quỷ thấy máu, trời thấy cung điện.



Lại nữa, đối với nghiệp tịnh và bất tịnh ở đời quá khứ, hoặc xử sở [sai biệt], hoặc sự [sai biệt], hoặc nhân [sai biệt], hoặc quả báo [sai biệt], đều không thể tư nghị.

Lại nữa, kệ tụng:

Chân như, tánh vô lậu

Thành sở tác nghĩa lợi

Bậc tĩnh lự, Như lai

Vì không dụ, tự tại. (kệ 6)

[564b11] Luận giải: Trong hai cảnh giới của bậc tĩnh lự và chư Phật, chân như và tánh vô lậu đều không thể tư nghị.

Lại nữa, cái nghĩa *thành sở tác* của chư Phật, v.v... là sự làm lợi ích cho chúng sinh cũng không thể tư nghị. Vì sao? Vì không có thí dụ: tất cả thế gian không có việc nhỏ nào có thể thí dụ cho hai cảnh giới sâu xa. Lại vì tự tại: chư Như lai, v.v... do nội chứng đắc tâm tự tại, nên khởi làm bất cứ điều gì ở thế gian đều có tác dụng. Nếu tách rời nhân và duyên hòa hợp thì không được thấy [tác dụng].

Lại nữa, kệ tụng:

Tuyên thuyết của ngoại đạo

Dẫn đến không nghĩa lợi

Phi lý, rời bốn xứ

Vô ký không nên nghĩ. (kệ 7)

[564b20] Luận giải: Không nên tư nghị về tất cả *sự không thể xác định*, vì là những tà thuyết của các ngoại đạo, vì có thể dẫn đến các sự không nghĩa lợi, vì không đúng chánh lý, và vì rời xa bốn chánh tư duy xứ: nhân tư duy xứ, quả tư duy xứ, tạp nhiễm tư duy xứ và thanh tịnh tư duy xứ.



Lại nữa, như trên đã nói, nếu tư duy về những điều ấy thì có ba thứ tội lỗi. Làm sao mà có?

Kệ tụng:

Phi xử siêng dụng công

Hủy báng nghĩa đại ngã

Không tu thanh tịnh thiện

Nên thành ba lầm lỗi. (kệ 8)

[564b27] Luận giải: Tội lỗi thứ nhất là do nơi *phi xử*⁵⁵⁵ mà siêng năng dụng công thì khởi tâm loạn. Tội lỗi thứ hai là do nơi bậc có được tĩnh lự và chư Phật Thế tôn mà hủy báng công đức tối thắng thì phát sinh *phi phước*. Tội lỗi thứ ba là do không phát khởi *pháp thiện thanh tịnh* thì không có được điều thiện.

Lại nữa, kệ tụng:

Rời xa không tư nghị

Nghĩ khả tư nghị xứ

Đủ tám thứ công đức

Nên như lý tư duy. (kệ 9)

[564c04] Luận giải: Đối với *bất tư nghị xứ* mà gắng gượng tư nghị thì có tội lỗi như vậy, cần phải rời xa. Đối với *khả tư nghị xứ* thì cần tư duy đúng lý. Tư duy như vậy thì có đủ tám công đức: 1. Có thể khéo hiểu rõ ám thuyết và đại thuyết⁵⁵⁶; 2. Y theo nghĩa mà tư duy, chứ không y theo văn tự; 3. Tịnh tín dù ít cũng tín giải được; 4. Tuệ quán

555 Phi xử: nhân quả ác.

556 Ám thuyết 闇說 là những luận thuyết của ngoại đạo như phái Số luận, v.v... Đại thuyết 大說 là những lời đức Phật dạy. Du-già sư địa luận dùng hắc thuyết đại thuyết 黑說大說. Hắc thuyết, có chỗ hiểu là mặc thuyết 默說, như đức Phật thuyết 1 bài pháp ngắn, gọi là mặc thuyết, chứ tỳ kheo nghị luận rộng ra, gọi là đại thuyết. Ở đây ám thuyết nên hiểu là mặc thuyết.



dù ít cũng quán sát được; 5. Tư duy kiên cố; 6. Tư duy thẩm sát để lý; 7. Thường chuyên cần tư duy; 8. Những gì được tư duy phải khéo tư duy rất ráo, không có biếng nhác, thoái lui.⁵⁵⁷

Lại nữa, kệ tụng:

Giáo pháp chư Phật thuyết

Biển tri, đoạn ... không trái

Vì năm nhân, hai nhân

Ở đây không nên nghi. (kệ 10)

[564c13] Luận giải: Không nên ưa thích tư nghị về bất tư nghị xứ, vì có năm nguyên do: những lời chư Phật dạy và bốn đế: biển tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, không có chống trái nhau. Lại nữa, lược có hai nguyên do là *giáo* và *chứng*, nghĩa là (1) những lời chư Phật dạy [gọi là giáo], và (2) biển tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo [gọi là chứng].⁵⁵⁸

557 Du-già sư địa luận, quyển 16, Bản địa phần, Tư sở thành địa: “Thế nào là tự tánh thanh tịnh? Do 9 sắc thái: 1. Như có người một mình nơi chỗ vắng, tư duy thật sâu những điều đã được nghe, những điều đã nghiên ngẫm, thấu suốt đạo lý các pháp; 2. Xa lìa tất cả bất tư nghị xứ và tư duy thật sâu những gì nên tư duy; 3. Năng khéo rõ biết về mặc thuyết và đại thuyết; 4. Phạm điều tư duy chỉ nương nơi nghĩa, không nương nơi văn; 5. Đối với pháp chỉ sanh tín giải ít phần, thì ở nơi ít phần pháp ấy hãy dùng tuệ quán sát; 6. Bền bỉ tư duy; 7. An trú tư duy; 8. Tương tục tư duy; 9. Đối với điều đã tư duy năng khéo rất ráo, trọn không giữa đường nhàm chán, sợ hãi, thối chí, khuất phục. Do 9 sắc thái đây gọi là thanh tịnh thiện tịnh tư duy.” (tr. 361b21~29)

558 A-tỳ-đạt-ma Thuận chánh lý luận: “Thế chánh pháp của Thế tôn có hai: giáo và chứng. Giáo là khế kinh, điều phục và đối pháp (kinh, luật và luận). Chứng là các vô lậu đạo của ba thừa.” (tr. 775b01)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 1)

[564c18] Luận giải: Như vậy là đã rời xa bất tư nghị xứ, có được phương tiện tư duy, đối với *chín sự*⁵⁵⁹ nên lấy mười tướng để phát khởi các thứ quyết trạch tối thắng. Những gì là mười?

Kệ tụng:

Số, tướng, biệt, hữu, xứ

Biên tế và sinh khởi

Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...

Các sự thắng quyết trạch. (kệ 1)

[564c23] Luận giải: Mười tướng là: 1. Số; 2. Tướng; 3. Sai biệt; 4. Hữu tánh; 5. Xứ sở; 6. Biên tế; 7. Sinh khởi; 8. Tướng; 9. Thiện xảo; 10. Nhiếp v.v....

Số: Là sắc số, có mười lăm loại, như vậy thấy.⁵⁶⁰

Tướng: Là giả lập tướng, tự tướng và cộng tướng. Ở đây, *sự* cũng gọi là tướng, vì là sở tướng⁵⁶¹. *Danh* cũng gọi là tướng; *tương*

559 Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tạp nhiễm; 4. Đế; 5. Y chỉ; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức.

560 Sắc pháp có 15 loại: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.

561 Sở tướng: Cái được đặc trưng.



ung cũng gọi là tướng, chúng đều là công cụ của năng tướng⁵⁶². Như lửa và sắc tương *ung*⁵⁶³ biểu lộ, biết có hơi ấm. Đại loại như vậy, chúng sinh cũng gọi là tướng, vì là đối tượng; thủ⁵⁶⁴ cũng gọi là tướng, vì là thể của năng tướng.

Sai biệt: Là hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, v.v... sai biệt.

Hữu tánh: Là giả hữu tánh, thật hữu tánh và thắng nghĩa hữu tánh.⁵⁶⁵

Xứ sở: Là bốn đại triển chuyển, cùng với tạo sắc đồng trú một xứ; lại nữa, sắc và tâm, v.v... đồng một xứ sở; lại nữa, dựa vào cái thân ở Dục giới, triển chuyển an trú tâm ở Sắc giới, Vô sắc giới.

Biên tế: Là biên tế của sắc, cho đến biên tế của Sắc giới, và cực vi⁵⁶⁶; là biên tế của lạc thọ, cho đến biên tế của đệ tam tĩnh lự⁵⁶⁷; đại loại như vậy.

Sinh khởi: Là do nhân duyên như vậy, pháp như vậy sinh khởi, như [các động từ:] dẫn đến, thể lực, phát sinh, v.v...

Tướng: Là cú, mê hoặc, v.v...⁵⁶⁸

562 Năng tướng: tánh chất của hữu vi.

563 Như hòn sắt nung đỏ.

564 Thủ: Năng thủ và sở thủ.

565 Hữu tánh: Lý tánh của pháp hiện hữu. Còn gọi là giả tự tánh, thật tự tánh và thắng nghĩa tự tánh.

566 Cực vi được quan niệm như là biên tế của sắc.

567 Lạc chỉ có mặt từ đệ tam tĩnh lự trở xuống Dục giới. Hiển dương, quyển 2: "Như trong kinh nói, 'Ngay trong thân này có lạc do ly hỷ, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,' đó là cận phần của đệ tam tĩnh lự. Kinh lại nói, 'Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, lạc do ly hỷ không chỗ nào không biến mãn,' đó là căn bản của đệ tam tĩnh lự."

568 Kệ tụng trong phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Cú, mê hoặc, hỷ luận/ Trú, chân thật, tịnh, diêu/ Tịch tĩnh, tánh, đạo lý/ Giả thi thiết, hiện quán/ Phương sở, vị, phân biệt/ Tác, chấp trì, tăng giám/ Âm, ngữ, sở giác, thượng/ Viễn ly, chuyển, tàng hộ/ Giản trạch và hiện hành/ Thụy miên và tương thọ/ Các tương nhiếp, tương ứng/ Thuyết, nhiệm tri, thứ đệ/ Sở tác, cảnh, Du-già/ Xa-ma-tha và quán/ Chư tác ý, giáo thọ/ Đức, bồ-đề, thánh giáo."



Thiện xảo: Là thiện xảo uẩn, v.v...⁵⁶⁹

Nhiếp v.v...: Là nhiếp⁵⁷⁰, tương *ung*⁵⁷¹, y⁵⁷², duyên⁵⁷³ và vấn luận.

Vấn luận lại có nhiều thứ: nhất hành, thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ câu, vô sự cú.⁵⁷⁴ Nếu có thể khéo hiểu biết như vậy gọi là khéo vấn ký⁵⁷⁵.

Lại nữa, nơi *sự nhất thiết pháp* nên khởi các thứ quyết trạch tối thắng. Nay sẽ nói trước quyết trạch về *sự tâm*⁵⁷⁶.

Kệ tụng:

Tâm tánh có hai thứ

Di thực tâm, chuyển tâm

569 Bảy thứ thiện xảo: 1. Thiện xảo uẩn; 2. Thiện xảo giới; 3. Thiện xảo xứ; 4. Thiện xảo duyên khởi; 5. Thiện xảo xứ phi xứ; 6. Thiện xảo căn; 7. Thiện xảo đế.

570 Hiển dương, quyển 14, phẩm Thành thiện xảo, tr. [547b11]: "Thiện xảo chủng chủng nhiếp có mười một thứ: 1. Nhiếp giới; 2. Nhiếp tướng; 3. Nhiếp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị; 5. Nhiếp bất tương ly; 6. Nhiếp thời; 7. Nhiếp phương; 8. Nhiếp toàn phần; 9. Nhiếp nhất phần; 10. Nhiếp thắng nghĩa; 11. Nhiếp hổ tương."

571 Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Tương *ung*: Có năm thứ [đồng hành tương *ung*]: 1. Cùng tha tánh tương *ung*, chẳng phải tự tánh; 2. Trong tha tánh tương *ung*, cùng pháp bất tương vi tương *ung*, chẳng phải pháp tương vi; 3. Trong pháp bất tương vi tương *ung*, cùng hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương *ung*, chẳng phải không tương tự; 4. Trong hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương *ung*, cùng đồng thời tương *ung*, chẳng phải dị thời; 5. Trong đồng thời tương *ung*, cùng đồng [phần giới] địa tương *ung*, chẳng phải dị [phần giới] địa."

572 Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, tr. [509b10]: "Sự nghe: Phân biệt có sáu thứ: 1. Y xứ; 2. Y nhiếp; 3. Y thanh tịnh; 4. Y hành; 5. Y lý thú; 6. Y nghĩa." Quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Lại có bốn ý: 1. Y theo pháp, không y theo chúng sinh; 2. Y theo nghĩa, không y theo văn; 3. Y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa; 4. Y theo trí, không y theo thức."

573 Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Lại có bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên."

574 Hiển dương, quyển 14, phẩm Thành thiện xảo, tr. [547b23]: "Thiện xảo chủng chủng luận: Đối với uẩn, giới, xứ, có phương tiện thiện xảo là nhiều thứ hỏi đáp, như lấy nhất hành làm câu hỏi, và nên lấy thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ cú, vô lượng cú làm câu trả lời."

575 Bốn vấn ký (ký luận): 1. Quyết định ký; 2. Phân biệt ký; 3. Phân cật ký; 4. Mặc trí ký. Xem quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8.

576 Sự thứ nhất trong 9 sự là sự nhất thiết pháp. Nhất thiết pháp gồm có: sự tâm, sự tâm sở hữu và sự sắc.



Đầu a-lại-da thức

Chứng tử, hai nên biết. (kệ 2)

[565a15] Luận giải: Lược nói tâm tánh có hai thứ: 1. Tâm dị thực; 2. Tâm chuyển.

1. **Tâm dị thực:** chính là thức a-lại-da, cũng gọi là thức nhất thiết chủng tử. Ở đây lại có hai thứ nên biết: 1. Chứng thành; 2. Kiến lập.

(1) Thế nào là **chứng thành**?

Kệ tụng:⁵⁷⁷

Chấp thọ, sơ, minh liễu

Chứng tử, nghiệp, thân thọ

Vô tâm định, mạng chung

Vô đều không đúng lý. (tụng 1)

[565a21] Luận giải: Do tám sắc thái chứng minh thức a-lại-da chắc chắn là có. Nếu không có thức a-lại-da, thì (1) *sự y chỉ chấp thọ* phải không có được; (2) *thức đầu tiên sinh khởi* chắc chắn không có được; (3) *tánh chất minh liễu sinh khởi* phải không có được; (4) *chứng tử các pháp* phải không có được; (5) *bốn thứ nghiệp dụng* phải không có được; (6) *các thứ thân thọ* phải không có được; (7) *hai vô tâm định* phải không có được; (8) *cái thức khi mạng chung* phải không có được.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì sự y chỉ⁵⁷⁸ [cho các chuyển thức] chấp thọ⁵⁷⁹ không thể có được?

577 Từ kệ tụng này trở xuống đến hết quyển 17 thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 51, Nhiếp quyết trích phần, Năm thức thân tương ưng địa, Ý địa (phần 1), tr. 579a18~582a12.

578 Y chỉ: Sáu chuyển thức đầu đều lấy thức a-lại-da làm sở y trực tiếp chung.

579 Chấp thọ tức thủ (chấp thủ, trong thủ uẩn). Nó là tập khí của phân biệt ngã chấp và phân biệt của pháp chấp.

Đáp: Do năm lý do. Những gì là năm? (1) Thức a-lại-da làm nhân cho những hành nghiệp tạo tác ở đời trước sinh khởi; các chuyển thức ở đời nay sinh khởi [tùy thuộc] các duyên làm nhân tố. Như kinh nói: “*Căn, cảnh và lực tác ý [hòa hợp] nên các chuyển thức phát sinh,*” cho đến nói rộng. Đó là lý do thứ nhất. (2) Sáu thức thân có thể có tánh thiện và bất thiện, đó là lý do thứ hai. (3) Sáu thức thân mà được nhiếp vào một loại dị thực, vô ký, ắt không thể được, đó là lý do thứ ba. (4) Sáu thức thân, mỗi thức có sở y riêng biệt mà chuyển. Nếu dựa vào chỗ này, chỗ kia mà thức này, thức kia chuyển, thì các chỗ dựa ấy phải có sự chấp thọ. Không có sự chấp thọ là không đúng đạo lý. Dẫu chấp nhận [chỗ dựa] có tánh năng chấp cũng không đúng đạo lý, vì các thức tách rời [chỗ dựa ấy]. Đó là lý do thứ tư. (5) Chỗ y chỉ mà thành nhiều lần chấp thọ, thì có cái lỗi. Vì sao? Nhãn thức có lúc chuyển, có lúc không chuyển; các thức khác cũng như vậy. Đó là lý do thứ năm.

Như vậy, [các chuyển thức do] nhân tố của hành nghiệp đời trước sinh ra và nhân tố của các duyên hiện tại sinh ra; có tánh thiện và bất thiện; là một loại không thể có được; có sở y riêng biệt; mắc cái lỗi nhiều lần chấp thọ; tất cả đều không đúng đạo lý.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì thức đầu tiên sinh khởi không có được?

Đáp: Giả sử có người chất vấn rằng: “*Nếu có thức a-lại-da thì phải có hai thức đồng thời sinh khởi?*” Nên bảo người kia rằng: “Ông từ chỗ không lỗi mà sinh ý tưởng hư vọng thành lỗi, vì chấp nhận có hai thức đồng thời chuyển. Vì sao? Vì như có một người đồng thời muốn thấy, muốn nghe, muốn hay, muốn biết, mà theo riêng một thức đầu tiên sinh khởi, là không đúng đạo lý. Vì sao? Vì vào lúc đó, người



kia có sự tác ý không có sai biệt, [hơn nữa] căn và cảnh không có biến mất ở hiện tiền, thì lý do gì các thức không đồng thời chuyển?”

Hỏi: Vì sao không có các thức cùng chuyển, tức năm thức đồng hành với ý thức, thì tánh chất minh liễu⁵⁸⁰ sinh khởi không có được?

Đáp: Nếu có định chấp rằng ý thức không cùng sinh khởi với năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, khi chúng đồng hành một cảnh với ý thức, thì tánh chất minh liễu (phân biệt rõ ràng) phải không có. Vì sao? Nếu khi duyên với cảnh quá khứ, sinh khởi sự nhớ nghĩ, bấy giờ ý thức bất minh liễu hiện hành ở trước, chứ không phải cái ý thức hiện cảnh hiện hành, nên mới có cái ẩn tượng không rõ ràng như vậy. Vì vậy phải chấp nhận có các thức cùng chuyển, hoặc phải chấp nhận ý thức thứ sáu kia có tánh không rõ ràng. [Không chấp nhận] tức là có lỗi.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì chủng tử các pháp không có được?

Đáp: Sáu chuyển thức thân đều khác biệt nhau. Vì sao? Sáu chuyển thức ấy từ thiện không gián đoạn, tánh bất thiện sinh; từ bất thiện không gián đoạn, tánh thiện lại sinh; từ hai tánh không gián đoạn, tánh vô ký sinh. Liệt giới không gián đoạn, trung giới sinh; trung giới không gián đoạn, diệu giới sinh. Cứ như vậy, diệu giới không gián đoạn, liệt giới sinh, v.v... Hữu lậu không gián đoạn, vô lậu sinh; vô lậu không gián đoạn, hữu lậu sinh. Thế gian không gián đoạn, xuất thế sinh; xuất thế không gián đoạn, thế gian sinh. Các

580 Ý thức có hai loại: 1. Ý thức độc đầu: chỉ một mình ý thức khởi lên, không có chung cùng với năm thức trước. Như khi mắt không thấy cảnh, tai chẳng nghe tiếng v.v... mà vẫn khởi vọng tưởng phân biệt các cảnh vật. 2. Ý thức ngũ câu: ý thức chung cùng với năm thức trước khởi, cũng gọi là ý thức minh liễu (ý thức phân biệt rõ ràng).



trạng thái như vậy không phải là thể của chủng tử⁵⁸¹, không đúng đạo lý.

Lại nữa, các chuyển thức ấy có thể bị gián đoạn trong thời gian dài⁵⁸², [trong khi chủng tử] liên tục trải qua một thời gian dài, lưu chuyển không ngưng nghỉ, mà nói các chuyển thức có khả năng duy trì chủng tử là không đúng đạo lý.

[565c02] Hỏi: Vì sao không các thức cùng chuyển thì các nghiệp không có được?

Đáp: Không có các thức đồng thời sinh khởi mà các nghiệp dụng cùng chuyển, là không đúng đạo lý. Vì sao? Lược nói, nghiệp dụng có bốn thứ: 1. Nghiệp dụng liễu biệt khí; 2. Nghiệp dụng liễu biệt y; 3. Nghiệp dụng liễu biệt ngã; 4. Nghiệp dụng liễu biệt cảnh. Bốn thứ nghiệp dụng liễu biệt như vậy, chúng chung cùng hoạt động trong từng sát-na, chứ không phải một thức trong một sát-na có những nghiệp dụng khác nhau như vậy. Vì vậy ắt có các thức cùng khởi.

[565c08] Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì thân thọ⁵⁸³ không có được?

Đáp: Như có người tư duy đúng lý, hoặc tư duy không đúng lý, hoặc có suy tìm, [hoặc không có suy tìm], hoặc tâm ở trong định, hoặc tâm không ở trong định, luôn có nhiều thứ thân thọ sinh khởi, chứ

581 Các chuyển thức dễ biến mất, dễ xuất hiện vì tùy thuộc căn, cảnh, tác ý; và các trạng thái như trong 3 tánh: thiện, bất thiện, vô ký; trong 3 giới: hạ, trung, thượng; trong hữu lậu và vô lậu; trong thế gian và xuất thế gian. Chúng không thể bị huân tập, không thể duy trì chủng tử, không phải là tâm tập khởi của chủng tử nhiễm và tịnh, như thức a-lại-da.

582 Các chuyển thức đều bị gián đoạn trong trạng thái vô tâm như ngủ say, bất tỉnh, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực.

583 Ba thọ (khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ) được chia làm hai: 1. Tương ưng với thân gọi là thân thọ (cảm thọ của thân), vì cá biệt y trên thân, đó là cảm thọ tương ưng với 5 thức; 2. Tương ưng với ý thức gọi là tâm thọ, vì duy chỉ y trên tâm.



không phải một thứ. Nếu không có thức này thì phải không có được những thân thọ như vậy; nhưng hiện tại có thân thọ, cho nên quyết chắc có thức a-lại-da.

[565c13] Vì sao không có thức a-lại-da thì các vô tâm định không có được?

Đáp: Như đức Bạc-già-phạm dạy: “*Nhập vô tướng định*⁵⁸⁴ và diệt tận định⁵⁸⁵, *bấy giờ thức không rời thân.*” Nếu không có thức này thì bấy giờ [ở trong định] thức phải rời thân. Thức nếu rời thân thì phải như xả mạng⁵⁸⁶, chẳng gọi là ở trong định.⁵⁸⁷

584 Vô tướng định = Vô tướng tâm định (animitta-cetosamādhī). Du-già sư địa luận, quyển 12, giải thích: “Sao gọi là vô tướng tâm tam-ma-địa? Tức là đối với sự diệt của các thủ uẩn kia, tư duy tĩnh lặng, tâm trụ vào một duyên. Như kinh nói: Vô tướng tâm tam-ma-địa không xuống thấp không lên cao ... Lại do hai nhân duyên mà nhập vô tướng định: 1. Vì không tư duy về tất cả tướng; 2. Vì chánh tư duy về vô tướng giới. Do không tư duy về tất cả tướng nên đối với các tướng kia không có sự chán bỏ, không phá hủy, chỉ không tác ý tư duy thêm, nên gọi là không xuống thấp. Do chánh tư duy về vô tướng giới, đối với vô tướng kia không cố chấp, nên gọi là không lên cao.” (tr. 337b16~23) Xem Tập A-hàm, Vô tướng tâm tam muội là trí quả và trí công đức, qua các kinh số 556-559.

585 Diệt tận định = Diệt thọ tướng định: Nhập định này thì cảm giác (thọ) và tư tưởng (tướng) đều không còn hiện hành. Tiểu thừa thì bậc hữu học A-na-hàm sắp lên, đại thừa thì bồ-tát bất thoái sắp lên, mới nhập được định này.

586 Tập A-hàm, kinh Già-ma, số 568: “Trường giả Chất-đa-la lại hỏi Tôn giả Già-ma: - Người chết và người nhập chánh thọ Diệt tận có khác nhau không? - Xả thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận định, thân, khẩu, ý hành diệt, nhưng không xả thọ mạng, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận định.”

587 Nhiếp đại thừa luận bản, tr. 137a02~14: “Nhập diệt định thì thức vẫn không rời thân, Phật đã dạy như vậy. Ở đây thức dị thực mới thích đáng không rời thân, vì không do đối trị thức ấy mà có diệt định. Cũng không phải xuất diệt định thì ý thức sinh lại, bởi vì ngay như thức dị thực mà gián đoạn rồi, có nghĩa tách rời kiết sinh liên tục rồi, thì cũng không có sự sinh lại. Nếu ai chấp rằng ý có ý thức nên nói diệt định có tâm, thì cái tâm ấy bất thành, vì (có ý thức thì) diệt định đáng lẽ không thành; vì đối cảnh và cái biết đối cảnh thì diệt định không có, (mà ý thức thì có rất rõ); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ phải có cái lỗi thích ứng với tâm sở thiện, còn ác với vô ký thì không hợp lý rồi; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi là 2 tâm sở thọ và tướng đều hiện hành, (không thể gọi là diệt thọ tướng định); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cả tâm sở xúc, trong định đáng lẽ có cái khả năng ấy; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi chỉ diệt tâm sở tưởng mà thôi, (không được gọi là diệt thọ tướng định); lại đáng lẽ có cả cái lỗi tư tâm sở, tín tâm sở, v/v, hiện hành; nếu nói bạt nhỏ cái năng y (là tâm sở) tách rời cái sở y (là ý thức, và cái sở y vẫn còn) thì không hợp lý; vì có sự ví dụ (ví như vô tướng định, cái tướng năng y bị diệt thì cái ý thức sở y cũng không còn); vì, (nếu nói ví như ở tứ thiền, hơi thở năng y không còn mà cái thân sở y vẫn còn, thì không đúng, bởi hơi thở) không biến hành, còn thọ và tướng (là biến hành), không có sự không biến hành. Lại nữa, nói trong diệt định do có ý thức nên nói có tâm, thì tâm ấy đầu thiện, đầu ác, đầu vô ký, đều bất thành cả, nên không hợp lý.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



[565c17] Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì cái thức khi mạng chung không có được?

Đáp: Như có người đến lúc mạng chung, từ thân phần trên [đi xuống] hay từ thân phần dưới [đi lên], thức dần dần rời bỏ, cảm xúc lạnh dần dần khởi lên, ý thức của người ấy phải có lúc không chuyển, cho nên biết chỉ có thức a-lại-da mới có khả năng chấp trì thân. Thức này nếu rời bỏ thì chỉ còn cảm xúc lạnh nơi thân phần của người ấy, thân không còn cảm thọ nhận biết, ý thức cũng vậy. Cho nên nói không có thức này là không đúng đạo lý.⁵⁸⁸

Như vậy đã nói đạo lý chứng thành về thức a-lại-da.

(2) Thế nào là *kiến lập*?

Kệ tụng:

Sở duyên cảnh, tương ưng

Hỗ tương hai nhân tánh

Các thức cùng lưu chuyển

Tạp nhiễm ô hoàn diệt. (tụng 2)

588 Du già sư địa luận, quyển 1, tr. 282a08~12: “Lại lúc sắp mạng chung, kể tạo nghiệp ác thì nơi cái thân sở y, thức xả bỏ từ phần trên, tức từ phần trên cảm giác lạnh lẽo theo thức dấy khởi. Như thế dần dần xả bỏ cho đến trái tim. Người tạo nghiệp thiện, thì nơi cái thân sở y, thức xả bỏ từ phần dưới, tức từ phần dưới cảm giác lạnh lẽo theo thức dấy khởi. Như vậy dần dần xả bỏ cho tới trái tim. Nên biết, nơi thức xả bỏ sau cùng chính là trái tim. Từ nơi đó cảm giác lạnh lẽo lan khắp toàn thân.” Nhiếp Đại thừa luận bản, tr. 136b03~05: “Lại nữa, khi chết thì tùy điều thiện hay điều ác đã làm mà cái thân sở y, hoặc bắt đầu từ dưới trở lên, hoặc bắt đầu từ trên sắp xuống, dần dần phát lạnh. Nếu không tin có a lại da thì sự thể như vậy không thể có được. Do vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực thì sinh tạp nhiễm cũng bất thành.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Câu xá luận, quyển 10, tr. 56b12~18: “Ở giai đoạn mạng chung, nơi phần nào của thân có cái thức diệt sau cùng? Khi mạng chung đột ngột, thì ý thức và thân căn cùng lúc diệt tức thì. Nếu như cái chết diễn ra từ từ, thì thức sẽ diệt ở chân, ở rốn, ở tim, tùy theo đó mà chúng sinh ‘đi xuống’ (vãng hạ), sinh làm người, sinh làm trời hay không tái sinh (bất sinh). Bị đọa ác thú, nên gọi là ‘đi xuống’, cái thức diệt sau cùng ở nơi chân. Nếu sinh làm người, thì thức diệt ở rốn. Nếu sinh làm trời thì thức diệt ở tim. Các vị A-la-hán, cũng gọi là bậc Bất sinh, cái tâm sau cùng của chư vị ấy cũng diệt ở tim. Nhưng một số luận sư cho rằng thức diệt ở đầu.”



[565c26] Luận giải: Nếu lược nói thì thức này được kiến lập bởi năm sắc thái: 1. Sắc thái cảnh sở duyên; 2. Sắc thái tương ưng chuyển; 3. Sắc thái làm nhân duyên cho nhau; 4. Sắc thái cùng chuyển; 5. Sắc thái nhiễm ô hoàn diệt. Nên biết, bốn sắc thái trước là sự kiến lập lưu chuyển, sắc thái nhiễm ô hoàn diệt là sự kiến lập hoàn diệt.

[566a01] Hỏi: (1) **Thế nào là kiến lập sắc thái cảnh sở duyên?**

Đáp: Nếu lược nói thì thức này do liễu biệt (: nhận thức) hai thứ cảnh sở duyên nên chuyển vận: 1. Do liễu biệt đối tượng nội giới là chấp thọ; 2. Do liễu biệt đối tượng ngoại giới là vô phân biệt tướng của khí thể gian.

Liễu biệt đối tượng nội giới là chấp thọ: Là liễu biệt tập khí vọng chấp của tự tánh biến kế sở chấp, liễu biệt các sắc căn và sở y xứ của căn.⁵⁸⁹ Đây là ở hữu sắc giới. Ở vô sắc giới chỉ có liễu biệt tập khí chấp thọ.

Liễu biệt đối tượng ngoại giới là vô phân biệt tướng của khí thể gian: Là liễu biệt y chỉ⁵⁹⁰, tức là thức a-lại-da duyên chấp thọ nội tại, nên ở tất cả thời gian không có gián đoạn các tướng của khí thể giới. Ví như cây đèn đang cháy, trong giữ chặt tim đèn, ngoài phát ra ánh sáng; thức a-lại-da cũng vậy, bên trong duyên cảnh chấp thọ, bên ngoài duyên cảnh khí thể giới. Đạo lý sinh khởi nên biết cũng như vậy.

589 Hiền dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Thức này có năng lực chấp thọ sắc căn, liễu biệt căn sở y xứ và huân tập các thứ hý luận." (480c03)

590 Thành duy thức luận: "Y, có nghĩa là duyên. Kể từ vô thủy, thức chấp trì là y chỉ của hết thảy các pháp, nên nó được nói là duyên. Vì nó nắm giữ, duy trì các chủng tử; vì nó là sở y cho cho hết thảy pháp hiện hành; nó biến thái thành chúng và làm sở y cho chúng. Biến thái thành chúng, tức biến thành thể giới khí cụ và thân hữu căn. Làm sở y cho chúng, là làm sở y cho các chuyển thức. Vì nó chấp thọ năm sắc căn; thức con mắt v.v... y trên đó mà hoạt động. Và lại nó cũng là chỗ y chỉ cho mắt-na; thức thứ sáu y trên đó mà hoạt động. Vì mắt-na và ý thức đều là các chuyển thức nên đều y chỉ trên căn cấu hữu, như thức con mắt các thứ. Thức thứ tám, về lý tính, mà tự tính là thức, cũng phải lấy thức thứ bảy làm sở y cấu hữu." (tr. 14a18~27, Thích Tuệ Sỹ dịch)



Lại nữa, thức này duyên cảnh một cách vi tế, người thông tuệ thế gian rất khó để nhận biết.

Lại nữa, thức này duyên cảnh không lúc nào ngưng, không thay đổi từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến khi mạng chung, chỉ có một hành tướng là liễu biệt trong dòng lưu chuyển.

Lại nữa, thức này sinh diệt trong từng ý niệm đối với cảnh sở duyên, lưu chuyển trong từng sát-na liên tục, chẳng phải thường, chẳng phải một.

Lại nữa, thức này ở trong Dục giới thì duyên cảnh chấp thọ nhỏ hẹp, ở trong Sắc giới thì duyên cảnh chấp thọ rộng lớn; ở trong Vô sắc giới, thuộc Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ thì duyên cảnh chấp thọ vô lượng, thuộc Vô sở hữu xứ thì duyên cảnh chấp thọ vi tế, thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ thì duyên cảnh chấp thọ cực vi tế.

Như vậy, liễu biệt hai thứ cảnh sở duyên, liễu biệt cảnh sở duyên một cách vi tế, liễu biệt tương tự, liễu biệt sát-na, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ nhỏ hẹp, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ rộng lớn, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ vô lượng, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ vi tế, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ cực vi tế, tất cả kiến lập *sắc thái cảnh sở duyên* của thức a-lại-da.

[566a24] Hỏi: (2) **Thế nào là kiến lập sắc thái tương ưng chuyển?**

Đáp: Thức a-lại-da này thường xuyên tương ưng với năm tâm pháp biến hành, đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư.⁵⁹¹ Năm pháp như vậy

591 Thành duy thức luận, quyển 3, tr. 11c28: "Xúc v.v... năm tâm sở này tuy có hành tướng khác nhau với thức dị thực, nhưng thời và y tương đồng, sở duyên và sự tương tự, do đó nói là tương ưng." Sở là ảnh tượng tương phản. Sự là thể của thọ. Thời là sát-na. Y là y căn. Du-già sư địa luận, quyển 55, tr. 602a24: "Do tương tự về sự, về xứ, về thời và sở tác nên nói là tương ưng."



niếp thuộc thức dị thực, tối cực vi tế, người thông tuệ thế gian rất khó để nhận biết. Những tâm pháp như vậy cũng thường chuyển dịch theo đối tượng đồng nhất loại.

Lại nữa, thức này tương ứng với một chiều bất khổ bất lạc thọ, mà nhiếp vào tánh vô ký⁵⁹². Nên biết, đặc tánh của những tâm sở pháp [biến hành] còn lại cũng như vậy.

Như vậy thức này tương ứng với tâm pháp biến hành, bao gồm: tương ứng với nhất loại dị thực, tương ứng với tối cực vi tế, tương ứng với sự thường sinh khởi theo đối tượng đồng nhất loại, tương ứng với bất khổ bất lạc, tương ứng một chiều vô ký, đó gọi là kiến lập *sắc thái tương ứng chuyển* của thức a-lại-da.

[566b05] Hỏi: (3) ***Thế nào là kiến lập sắc thái làm nhân duyên cho nhau?***

Đáp: Thức a-lại-da làm hai duyên tánh cho các chuyển thức: 1. Duyên tánh làm chủng tử; 2. Duyên tánh làm sở y chỉ.⁵⁹³

Duyên tánh làm chủng tử: Các chuyển thức khi sinh khởi, dù có tánh thiện, bất thiện hay vô ký⁵⁹⁴, tất cả đều nhờ chủng tử của thức a-lại-da mà sinh khởi.

Duyên tánh làm sở y chỉ: Là do thức a-lại-da chấp thọ [năm] sắc căn, và năm thức thân y chỉ sự chấp thọ đó mà chuyển vận, chẳng phải không có chấp thọ. Lại nữa, do có thức này nên có được ý căn. Do ý căn này làm y chỉ nên ý thức được sinh. Ví như y chỉ năm sắc căn: nhãn căn, v.v... mà năm thức thân chuyển vận,

592 Thức a-lại-da không mang tánh chất thiện hay ác nên nó là vô ký.

593 Thức a-lại-da làm chủng tử cho các chuyển thức sinh khởi, gọi là nhân duyên tánh. Thức a-lại-da làm sở y cho các chuyển thức, gọi là tăng thượng duyên tánh.

594 Vì chủng tử của các chuyển thức thông cả 3 tánh: thiện, ác, vô ký.



chẳng phải không có năm căn. Ý thức cũng vậy, chẳng phải không có ý căn.

Lại nữa, các chuyển thức cũng làm hai duyên tánh cho thức a-lại-da: 1. Trong đời hiện tại, các chuyển thức nuôi lớn chủng tử cho thức a-lại-da; 2. Trong đời sau, các chuyển thức làm sinh sôi chủng tử của thức a-lại-da dẫn đến tái sinh.⁵⁹⁵

Trong đời hiện tại, các chuyển thức nuôi lớn chủng tử cho thức a-lại-da: Y chỉ theo thức a-lại-da, các chuyển thức với tánh thiện, bất thiện, vô ký sinh khởi như vậy, như vậy. Nơi một y chỉ đồng sinh đồng diệt, các chuyển thức huân tập thức này như vậy, như vậy. Do nhân duyên tánh ấy, các chuyển thức với tánh thiện, bất thiện, vô ký lần lượt chuyển, rồi chuyển thêm lên, rồi chuyển mạnh mẽ, rồi tánh chất minh liễu (phân biệt rõ ràng) của chúng được sinh khởi.

Trong đời sau, chúng làm sinh sôi chủng tử của thức a-lại-da dẫn đến tái sinh: Các chuyển thức huân tập chủng loại (thiện, bất thiện, vô ký) nơi thức a-lại-da để dẫn nhiếp quả dị thực vô ký ở đời vị lai.

Như vậy, duyên tánh làm chủng tử, duyên tánh làm y chỉ, nuôi lớn chủng tử, sinh sôi chủng tử, đó gọi là kiến lập *sắc thái làm nhân duyên cho nhau* của thức a-lại-da và các chuyển thức.

[566b24] Hỏi: (4) ***Thế nào là kiến lập sắc thái cùng chuyển của thức a-lại-da?***

Đáp: Thức a-lại-da có lúc chỉ cùng khởi với một chuyển thức đó là ý căn⁵⁹⁶. Vì sao? Vì ý căn này luôn tương ứng với ngã kiến, ngã mạn, ngã ái và ngã si, hoạt động với tánh tự thị cao cử.

595 Duyên tánh thứ nhất là nhân duyên. Duyên tánh thứ hai là tăng thượng duyên.

596 Ý căn = thức mạn-na.



Hữu tâm vị và vô tâm vị thường cùng thức này đồng thời sinh khởi.⁵⁹⁷

Lại nữa, ý căn luôn duyên với thức a-lại-da làm cảnh giới của nó, rồi chấp ngã, khởi mạn, hoạt động với tánh tự thị cao cử.

Lại nữa, thức này có lúc cùng hai chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức; hoặc có lúc cùng ba chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức, tùy theo một thức nào trong năm thức thân khởi; hoặc có lúc cùng bốn chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức, tùy theo hai thức nào trong năm thức thân khởi. Như vậy, hoặc có lúc thức này cùng bảy chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn, ý thức và cả năm thức thân cùng hòa hợp khởi.⁵⁹⁸

Lại nữa, trước có nói ý thức dựa vào ý nhiễm ô mà sinh khởi. Khi ý nhiễm ô (mạt-na) chưa diệt thì triền phược đối với sự liễu biệt [của ý thức] về các tướng chưa thể được giải thoát. Sau khi ý nhiễm ô diệt, sự triền phược bởi tướng⁵⁹⁹ mới được giải thoát.⁶⁰⁰

Lại nữa, ý thức này có thể duyên với tha cảnh và duyên với tự

597 Hữu tâm vị: chỉ cho lúc tâm thức khởi tác dụng. Đối lại là vô tâm vị. Cứ theo Du-già sư địa luận, quyển 13, thì trừ 6 vị là vô tâm thụ miên vị, vô tâm muộn tuyệt vị, vô tưởng định vị, vô tưởng sinh vị, diệt tận định vị và vô dư niết bàn giới vị ra, còn tất cả các vị khác đều là hữu tâm vị. Ngoài ra, tông Duy thức cho rằng 8 thức cùng khởi, nhưng thức thứ 7, thức 8 thường nối nhau không gián đoạn, còn lại 5 thức trước, lúc khởi tác dụng thì tất nhiên cùng khởi với thức thứ 6, vì thế tông Duy thức chỉ căn cứ vào thức thứ 6 có khởi hay không mà nhận định hữu tâm hay vô tâm. Nhưng tông Câu xá không thừa nhận 2 tâm cùng khởi một lúc, nên cho rằng bất cứ một thức nào trong 6 thức khởi tác dụng thì đều gọi là Hữu tâm vị. Du-già sư địa luận quyển 51, Nhiếp quyết trích phần, tr. 582a8-12, nêu bốn trường hợp: 1. Thành tựu a-lại-da chứ không chuyển thức: các trường hợp của trạng thái vô tâm vị; 2. Thành tựu chuyển thức, không a-lại-da: A-la-hán, Độc giác, Bồ tát hàng bất thối, và các Như lai trụ hữu tâm vị; 3. Thành tựu cả hai: các hạng hữu tình còn lại trụ hữu tâm vị; 4. Không cả hai: A-la-hán, Độc giác, Bồ tát bất thối và các Như lai nhập diệt tận định, trụ vô dư y niết bàn giới.

598 Du-già sư địa luận, quyển 63: Thức có 2 loại: A-lại-da và chuyển thức. Chuyển thức có 7. (tr. 651b15)

599 Triền phược bởi tướng = tướng phược: đối với tướng của cảnh mà không thể thông hiểu sự như huyễn.

600 Đoạn này dẫn từ Du-già sư địa luận, quyển 51, tr. 580c10.



cảnh. *Duyên với tha cảnh*: là duyên với đối tượng của năm thức thân, hoặc duyên chung, hoặc duyên riêng, [hoặc tức khắc, hoặc thông thả]. *Duyên với tự cảnh*: là duyên pháp cảnh⁶⁰¹.

Lại nữa, thức a-lại-da hoặc có lúc cùng chuyển với khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Các cảm thọ này cùng các chuyển thức tương ứng, dựa vào các chuyển thức mà sinh khởi, từ chủng tử của thức này phát sinh. Ở trong loài người, hoặc chư thiên Dục giới, hoặc ở một phần quỷ thú, bàng sinh, đều phát sinh bất khổ bất lạc thọ. Các chuyển thức thân tương ứng với khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Các cảm thọ ấy liên tục đan xen nhau nhất thời cùng chuyển. Ở trong địa ngục thú vì bị cảm thọ khác lần áp bất khổ bất lạc thọ, nên các chuyển thức thân chỉ tương ứng và cùng chuyển với cảm thọ thuần khổ, không có cảm thọ khác liên tục đan xen. Nên biết, những cảm thọ nào bị lần áp thì khó có thể nhận biết chúng. Như trong địa ngục thú thì một chiều khổ thọ cùng chuyển. Như vậy, từ đệ tam tinh lự địa trở xuống thì một chiều lạc thọ cùng chuyển; ở đệ tứ tinh lự địa cho đến hữu đảnh địa thì một chiều bất khổ bất lạc thọ cùng chuyển.

[566c21] Lại nữa, thức a-lại-da hoặc có lúc cùng các chuyển thức tương ứng với các tâm pháp: thiện, bất thiện, vô ký, đồng thời chuyển vận.

Như vậy, thức a-lại-da cùng các chuyển thức nhất thời cùng chuyển, cũng cùng các khách thọ và các tâm pháp làm khách: thiện, bất thiện, vô ký cùng chuyển, nhưng không nên nói thức a-lại-da tương ứng với các chuyển thức. Vì sao? Vì thức a-lại-da và các chuyển thức không có chung một duyên để chuyển vận. Giống như nhãn thức và

601 Pháp cảnh không qua năm thức thân mà do ý thức trực tiếp cảm nhận, tức do tác dụng suy lý phán đoán rồi lấy hình thái tạm khái niệm được làm đối tượng.



nhân căn tuy cùng chuyển, nhưng không tương ưng. Ở đây cũng như vậy, vì có chút phần tương tự pháp kia nên lấy làm thí dụ. Đạo lý của thí dụ nên biết như vậy.

Lại nữa, về các tâm pháp, tuy thể của các tâm pháp không có sai biệt, nhưng tướng trạng có khác nhau, nên ở trong một thân thể, chúng cùng chuyển, không chống trái nhau. Như vậy, thức này và các chuyển thức cùng chuyển, cũng không chống trái nhau.

Lại nữa, như dòng thác lũ có nhiều ngọn sóng lớp lớp cùng khởi, không chống trái nhau. Lại như y chỉ mặt gương trong sáng, nhiều loại hình ảnh đồng thời cùng khởi, không chống trái nhau. Cũng vậy, y chỉ thức a-lại-da có nhiều chuyển thức cùng khởi, cũng không chống trái nhau.

Lại nữa, như một nhãn thức có lúc đối với một sự cảnh, chỉ nắm giữ một loại sắc tướng, không có sắc tướng khác; hoặc có lúc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại sắc tướng, chẳng phải một loại. Như nhãn thức đối với sắc, cũng vậy nhĩ thức đối với thanh, cho đến thân thức đối với xúc, ở một thời gian, đối với một sự cảnh, hoặc nắm giữ một cảnh tướng, hoặc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại cảnh tướng. Như vậy, ý thức phân biệt, ở một thời gian, hoặc nắm giữ một cảnh, hoặc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại cảnh giới, nên biết, cũng không chống trái nhau.

[567a10] Lại nữa, như trước đã nói, ý căn thường cùng chuyển với thức này, ở trong tất cả thời, cho đến khi chưa đoạn. Ý căn luôn chuyển vận một cách tự nhiên, cùng sinh khởi, tương ưng với bốn thứ phiền não: tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Bốn phiền não này, hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa, thường xuyên hoạt động



không chống trái với pháp thiện, v.v..., vì thuộc tánh *hữu phú vô kỳ*⁶⁰².

Như vậy, thức này cùng chuyển với các chuyển thức, cùng chuyển với các thọ, cùng chuyển với thiện, v.v..., đó gọi là kiến lập *sắc thái cùng chuyển* của thức a-lại-da.

[567a17] Hỏi: (5) ***Thế nào là kiến lập sắc thái nhiễm ô hoàn diệt của thức a-lại-da?***

Đáp: Lược nói thì thức a-lại-da là căn bản của tất cả pháp tạp nhiễm. Vì sao? Thức a-lại-da này cũng là căn bản cho hữu tình thế gian sinh khởi, vì năng sinh các căn, sở y xứ của căn và các chuyển thức; cũng là căn bản của khí thế gian, vì năng sinh khí thế gian.⁶⁰³

Lại nữa, thức này cũng là căn bản cho tất cả hữu tình hỗ tương sinh khởi, vì tất cả hữu tình làm tăng thượng duyên cho nhau. Vì sao? Không có chúng sinh nào khi thấy, nghe, hay, biết, mà không thọ dụng nơi chúng sinh khác, để sinh khởi mọi cảm thọ khổ, vui, v.v... Do nghĩa này, nên biết, chúng sinh giới làm tăng thượng duyên cho nhau.⁶⁰⁴

[567a26] Lại nữa, thức a-lại-da có đủ tất cả chủng tử [các pháp], nên ở đời hiện tại nó là thể của khổ đế; ở đời vị lai nó là nhân phát sinh khổ đế. Nó cũng là nhân sinh tập đế ở đời hiện tại.

602 Vì bốn phiền não này là các pháp nhiễm ô, chương ngại Thánh đạo, che khuất tự tâm; cho nên nói là hữu phú. Vì chúng không phải thiện hay bất thiện, nên nói là vô kỳ.

603 Thức a-lại-da, do ảnh hưởng của nhân duyên, khi tự thể sinh, bên trong biến thái (năng biến) thành chủng tử và thân có căn; bên ngoài biến thái thành khí thế gian (tự nhiên giới). Rồi nó lấy ngay những gì được biến thái đó làm sở duyên và hành tướng, dựa vào đó mà sinh khởi. A-tỳ-đạt-ma tập luận (No. 1606), quyển 7, tr. 729a6: "Công nghiệp là gì? Nghiệp dẫn đến sự sai biệt đa dạng của thế giới tự nhiên (khí thế gian). Bất cộng nghiệp là gì? Nghiệp dẫn đến sự sai biệt đa dạng của thế giới sinh vật (hữu tình thế gian)."

604 Cần phải xác nhận có sự tồn tại của bản thân và thế giới của các hữu tình khác mà các thức thứ tám, của hữu tình và các hữu tình khác, có thể hỗ tương thọ dụng. Không có hữu tình nào tồn tại đơn độc, do đó có sự thọ dụng hỗ tương bởi thức của hữu tình này và của nhiều hữu tình khác. Tức có sự hỗ tương cộng đồng biến thái, tương tác biến thái. Do tương tác biến thái, thức thứ tám cũng cần có điều kiện ngoại tại để sinh khởi và hoạt động, tức có sở duyên duyên. Cộng nghiệp, hay nghiệp do tạo tác cộng đồng, dẫn đến cộng đồng biến thái.



Như vậy, căn bản phát sinh hữu tình thể gian, căn bản phát sinh khí thể gian, là thể khổ để ở đời hiện tại, năng sinh khổ để ở vị lai, năng sinh tập để ở hiện tại, qua đó mà biết, thức a-lại-da là căn bản của tất cả tạp nhiễm.

[567b03] Lại nữa, thức a-lại-da duy trì chủng tử các thiện pháp của thuận giải thoát phần và thuận nhiếp trạch phần. Đây không phải là nhân của tập để, vì các thiện pháp của thuận giải thoát phần, v.v... đi ngược sự lưu chuyển. Bao nhiêu thiện pháp thuộc thể gian nhân thức này mà sinh ra, rồi chuyển động trở nên trong sáng. Vì sao? Do nhân duyên đây, thức a-lại-da duy trì chủng tử tự loại⁶⁰⁵, chuyển sinh tác dụng, chuyển sinh thể lực, tăng trưởng mà được thành lập chủng tử. Do những chủng tử này mà các thiện pháp kia chuyển sinh trong sáng. Lại nữa, thức a-lại-da có khả năng chiêu cảm quả dị thực khả ái tăng thượng ở đời sau.

Lại nữa, dựa vào thức nhất thiết chủng tử a-lại-da này, đức Bạc-già-phạm nói: “*Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,*” cho đến “*ý giới, pháp giới, ý thức giới*”, vì ở trong thức a-lại-da có đa dạng giới⁶⁰⁶. Lại

605 Chủng tử tự loại (cùng loại) nối tiếp nhau, nhân của niệm trước sinh ra quả của niệm sau, vì thời gian có khác nhau nên gọi là nhân quả dị thời. Tức sự quan hệ giữa chủng tử sinh chủng tử là nhân quả khác thời. Còn chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử, thì chủng tử và hiện hành có quan hệ nhân quả lẫn nhau là nhân quả đồng thời. Tức nhân trước quả sau của 1 pháp là nhân quả khác thời, còn 2 pháp và 3 pháp làm nhân quả lẫn cho nhau, như bắc đèn và ngọn lửa... là nhân quả cùng thời. Luận Thành duy thức, quyển 2, tr. 9b12: “Hiện hành và chủng tử tuy khác loại nhưng không trái ngược nhau, trong một thân cùng lúc có tác dụng năng sinh; chứ không giống như chủng tử tự loại tuy tương sinh nhưng có trước sau khác nhau, ắt không cùng có một lúc.”

606 Chủng tử chủng giới: Đại thừa trang nghiêm kinh luận, phẩm Chủng tánh, tr. 594b09: “Giới sai biệt, là chủng sanh có đa dạng giới vô lượng sai biệt, như kinh Đa giới đề cập. Do giới sai biệt mà biết chủng tánh của ba thừa có sai biệt.” Kinh Đa giới (Bahudhātuka-sūtra) là kinh số 115 của Trung bộ kinh hay kinh số 181 của Trung A-hàm. Về giới, kinh Đa giới nói đến: 18 giới: nhãn, sắc, nhãn thức, nhĩ, thanh, nhĩ thức, tỷ, hương, tỷ thức, thiệt, vị, thiệt thức, thân, xúc, thân thức, ý, pháp và ý thức; 6 giới: địa, thủy, phong, hỏa, không và thức; 6 giới: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả và vô minh; 6 giới: dục, ly dục, sân, vô sân, hại và bất hại; 3 giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới; 2 giới: hữu vi giới và vô vi giới. Giới (界) là tên gọi khác của chủng tử, tức chủng tử của thức a-lại-da. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (chưa có Hán dịch) có bài chính cú, dẫn bởi Nhiếp luận thích: “Giới, từ vô thí đến nay, là sở y của hết thảy pháp. Do đó mà có sự luân hồi trong mọi đường lành đường dữ và có sự chứng đắc quả niết



như trong khế kinh có nói cái thí dụ “đồng ác-xoa”⁶⁰⁷, vì ở trong thức a-lại-da không chỉ có một giới. Cho nên biết rằng, căn bản của tạp nhiễm chính là thức a-lại-da qua sự tu tập thiện pháp mà liền được chuyển diệt.

Lại nữa, sự tu tập thiện pháp này, nếu hàng dị sinh lấy sự tác ý duyên đối cảnh là các chuyển thức, [đặc biệt là ý thức], làm phương tiện trú tâm, thì có khả năng đi vào Thánh để hiện quán đầu tiên. Người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa được pháp nhãn, thì không thể thông đạt thức nhất thiết chủng tử a-lại-da. Người chưa kiến đế này tu quán như vậy rồi, hoặc nhập chánh tánh ly sinh của Thanh văn, hoặc nhập chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; thông đạt tất cả pháp giới rồi, cũng có khả năng thông đạt thức a-lại-da. Ngay lúc bấy giờ, tổng quán sát riêng biệt tất cả tạp nhiễm nơi tự nội, và còn hiểu rõ tự thân: bên ngoài bị *tướng phược* trôi buộc, bên trong bị *thô trọng phược* trôi buộc.⁶⁰⁸

[567b23] Lại nữa, hành giả tu quán này nhận biết thức a-lại-da chính là tất cả hý luận⁶⁰⁹ nhiếp hết chư hành giới (chủng tử của các hành). Thu tóm [chủng tử] các hành ấy nơi thức a-lại-da làm thành một

bàn.” (Vô thủy thời lai giới/ Nhất thiết pháp đẳng y/ Do thử hữu chư thú/ Cập niết bàn chứng đắc, 無始時來界, 一切法等依, 由此有諸趣, 及涅槃證得)

607 Kinh Đại tập, phẩm 12, Vô Tận Ý bồ tát, có ghi: “Hết thảy hữu tình, từ vô thí đến nay, có đa dạng giới, như đồng ác xoa, tồn tại một cách tự nhiên như vậy.” Ác-xoa tự 惡叉聚 (S. Awka), dịch ý là diện quán châu, kim cương tử. Tên cây, cũng là tên quả cây. Tên khoa học: Eleocarpus Ganitrus. Quả ác xoa màu đỏ tươi, người Ấn Độ phần nhiều lấy làm thuốc nhuộm hoặc để ép dầu, hạt của nó có thể dùng làm tràng hạt. Ác-xoa có hình dạng như hạt vô thực tử 無食子, khi rụng, chúng tự nhóm lại thành đồng, cho nên gọi là ác-xoa tụ, dùng để thí dụ cho hoặc, nghiệp, khổ liên quan chặt chẽ với nhau. Ngoài ra, trong các kinh luận thường dẫn ra để thí dụ số nhiều. Du-già sư địa luận, quyển 96, tr. 846c26: “Ví như đồng ác-xoa ở thế gian, trong đồng này có nhiều phẩm loại.”

608 Xem chú thích về tướng phược và thô trọng phược, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Ba pháp, tr. [507b02].

609 Hý luận chính là khái niệm nhị biên được huân tập nơi thức a-lại-da, được gọi là chủng tử của danh ngôn huân tập. Chủng tử ấy là chất liệu tạo thành các pháp có biệt thể khác nhau. Từ vô thí chủng tử ấy lưu chuyển các thứ hý luận. Trong đối tượng của nhận thức gồm có đối tượng (tướng) và sự biểu thị của nó (danh), cùng với nhận thức của đối tượng (phân biệt), như vậy, toàn là sự biểu hiện đồng nghĩa với sự hý luận, nên gọi là danh ngôn hý luận.



cục, một đồng, một khối. Làm thành một khối rồi, dùng trí duyên với đối tượng là chân như, khéo tu tập, nhiều tu tập, nên có được chuyển y chỗ y chỉ⁶¹⁰. Chuyển y không gián đoạn, nên biết là đã đoạn thức a-lại-da. Do đoạn thức a-lại-da mà biết là đã đoạn tất cả tạp nhiễm.

[567b28] Lại nữa, sự chuyển y này trái ngược với thức a-lại-da, nên năng trị thức a-lại-da.⁶¹¹

Lại nữa, thể của thức a-lại-da là vô thường, có tánh *thủ thọ*⁶¹²; sự chuyển y là thường, không có tánh thủ thọ, nên khi nó duyên với đối tượng là chân như thì Thánh đạo mới có được sự chuyển y.

Lại nữa, thức a-lại-da luôn có thô trọng đi theo, còn sự chuyển y thì hoàn toàn rời xa tất cả thô trọng.

Lại nữa, thức a-lại-da là nhân phiền não sinh, là nhân Thánh đạo không sinh. Sự chuyển y là nhân phiền não không sinh, là nhân Thánh đạo sinh. Đây là tánh chất của *kiến lập nhân*⁶¹³, không phải là tánh chất của *sinh nhân*⁶¹⁴.

Lại nữa, thức a-lại-da làm cho không được tự tại nơi pháp thiện

610 Du-già luận ký, tr. 604b19: “Chuyển y có ba thứ: 1. Tâm chuyển y: chân như chuyển làm sở y; 2. Đạo chuyển: Là trí vô phân biệt, đây là năng chuyển; 3. Diệt tánh: Là trạch diệt vô vi, sở duyên của thức a-lại-da chính là trạch diệt.”

611 Có được chuyển y thì không có thức a-lại-da (danh từ a-lại-da). Thức thứ tám vì trải qua 3 giai đoạn, nên có 3 tên khác nhau: 1. Từ phạm phu cho đến mãn địa thứ bảy, thì gọi thức này là tầng thức, a-lại-da thức hay dị thực thức; 2. Từ địa thứ tám đến Đẳng giác, thì không còn gọi là tầng thức hay a-lại-da thức nữa mà chỉ gọi là dị thực thức; 3. Đến quả vị Phật, thì tên dị thực cũng không còn, mà chỉ gọi là vô cấu thức hay bạch tịnh thức.

612 Du-già luận ký, tr. 604b26: “Huệ Cảnh nói: Thức a-lại-da từ thủ được sinh, lại sinh ra nơi thủ. Khuy Cơ nói: Có tánh thủ thọ, tức là thủ cộng với quả (của nó).”

613 Kiến lập nhân: Như nhân với nhân thức là kiến lập nhân, không phải là sinh nhân. Chuyển y và Thánh đạo chỉ là tăng thượng duyên và sở duyên duyên, chứ không phải là nhân duyên.

614 Sinh nhân: Sắc tâm liên tục không gián đoạn, cái trước tiếp nối cái sau sinh khởi, đó là chủng tử của các pháp, và đó cũng là nguyên nhân sản sinh (sinh nhân) của các pháp hữu vi. Chuyển y để tiếp cận Thánh đạo chỉ là tăng thượng duyên và sở duyên duyên, chứ không phải là nhân duyên.



tịnh và vô ký. Sự chuyển y làm cho được sự tự tại lớn lao nơi tất cả pháp thiện tịnh và vô ký.⁶¹⁵

Lại nữa, sắc thái đoạn diệt của thức a-lại-da: Thức a-lại-da này chánh thức đoạn diệt thì liền xả hai thứ chấp thủ, tuy chúng trú nơi thân mà giống như biến hóa. Vì sao? Vì đoạn cái khổ hậu hữu ở vị lai, nên xả chấp thủ hậu hữu ở vị lai. Vì đoạn tất cả phiền não ở hiện pháp, nên xả chấp thủ sở y của tất cả tạp nhiễm⁶¹⁶ ở hiện tại. Tất cả thô trọng vĩnh viễn rời xa⁶¹⁷, chỉ có *mạng duyên*⁶¹⁸ tạm trú. Do có sự thể này, nên trong kinh Phật dạy: “*Bấy giờ chỉ lãnh thọ giới hạn thọ dụng của sắc thân, giới hạn thọ dụng của mạng căn*”, nói rộng là ngay nơi hiện pháp tất cả sự thọ dụng hoàn toàn diệt tận.

Như vậy, kiến lập căn bản của tạp nhiễm, tu tập tác ý để thú nhập và thông đạt, kiến lập chuyển y, đó gọi là kiến lập *sắc thái nhiễm ô hoàn diệt* của thức a-lại-da.

Như vậy, theo đạo lý thắng nghĩa, đã kiến lập [danh, nghĩa và sai biệt của] tâm ý thức⁶¹⁹. Từ đạo lý đã nói, theo đó hiểu rõ đạo lý tạp nhiễm và đạo lý thanh tịnh của tâm ý thức ở trong ba cõi. Ở chỗ khác, đạo lý tâm ý thức nếu được trình bày thì chỉ vì sự giáo hóa hữu tình mà

615 Du-già luận ký, tr. 604b26: “Huệ Cảnh nói: Vì còn có tạp nhiễm chướng nên ở trong định, nơi các thiện pháp và nơi quả của thiên định là sự biến hóa vô ký đều không được tự tại. Khuy Cơ nói: được chuyển y rồi, thủ xả ba tánh (biến kế, y tha và viên thành) nên pháp được tự tại; nếu không thể thủ xả thì không được tự tại.”

616 Sở y là thân thể, cùng với y xứ của nó là danh và sắc (gồm các căn). Nói rộng thì sự giới (trong 9 sự) là sở y của tạp nhiễm, tức là 3 giới: Dục, Sắc và Vô sắc – thể giới của chúng sinh cư trú.

617 Thức a-lại-da từ vô thủy, hằng chuyển như dòng thác, cho đến địa vị A-la-hán nó mới hoàn toàn bị xả. A-la-hán là các Thánh giả khi đã đoạn tận một cách rất ráo các phiền não chướng. Lúc bấy giờ các phiền não thô trọng của thức này vĩnh viễn bị diệt trừ, đó gọi là xả.

618 Mạng duyên 命緣 (S. jīvita-pariṣkāra): Những nhu cầu, điều kiện cần thiết để duy trì mạng căn.

619 Tâm ý thức: Ba tầng tâm thức, chỉ cho 8 thức tâm vương. Luận Câu xá, quyển 4: “Tập khởi gọi là tâm; tư lương gọi là ý; liễu biệt gọi là thức. Lại có giải thích: Các chủng loại tịnh và bất tịnh khác nhau nên gọi là tâm; chính tâm này làm sở y chỉ cho tâm kia nên gọi là ý; làm năng y chỉ gọi là thức. Do vậy, tâm, ý, thức, ba tên gọi cùng chỉ một nội hàm, tuy khác nhau nhưng thể chỉ là một.” (tr. 21c20)



có sai khác. Sự giáo hóa hữu tình phải dựa theo cái tuệ của kẻ ngu phu mà quyền thuyết phương tiện cho họ dễ đi vào giáo pháp.

[567c23] Hỏi: Có phải thành tựu thức a-lại-da thì cũng thành tựu chuyển thức? Giả sử thành tựu chuyển thức thì có thành tựu thức a-lại-da chăng?

Đáp: Ở đây có bốn câu: (1) Thành tựu thức a-lại-da, không phải chuyển thức: vô tâm thuy miên, vô tâm muộn tuyệt, nhập vô tướng định, sinh vô tướng thiên. (2) Có thành tựu chuyển thức, nhưng không thành tựu thức a-lại-da, đó là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát hàng bất thối và các Như lai trú hữu tâm vị. (3) Thành tựu cả hai: các hàng hữu tình còn lại trụ hữu tâm vị. (4) Không thành tựu cả hai, đó là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát hàng bất thối và các Như lai nhập diệt tận định, trú vô dư y niết bàn giới.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Tám

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 2)

[568a11] 2. Lại nữa, *sắc thái tâm sai biệt* được kiến lập, nên biết.

Kệ tụng:

Sở y, cảnh giới lực

Kiến lập tâm sai biệt

Lại do bảy hành tướng

Sai biệt khó biết rõ. (kệ 3)

[568a14] Luận giải: Sắc thái tâm sai biệt lại do lực sở y và lực sở duyên mà được kiến lập.

Lực sở y: Lập nhãn thức, cho đến ý thức.

Lực sở duyên: Lập sắc thức, cho đến pháp thức⁶²⁰; thanh thức, hoàng thức, cho đến khổ thức, lạc thức⁶²¹, đại loại như vậy.

Lại nữa, có bảy thứ hành tướng để hiểu biết về sự sai biệt của các tâm khó nhận biết: 1. Tướng khí thể gian sai biệt có tánh tương tục và cửu trụ bất khả tri; 2. Tướng nhiều thứ tướng cảnh sai biệt; 3.

620 Sắc thức = sắc cảnh. Như vậy, có thanh thức, hương thức, vị thức, xúc thức và pháp thức làm tướng phần cho nhãn thức, v.v... ý thức.

621 Thanh, hoàng, trường, đoãn, nam, nữ, oán, thân, khổ, lạc 青, 黃, 長, 短, 男, 女, 怨, 親, 苦, 樂: xanh, vàng, dài, ngắn, trai, gái, oán, thân, khổ, vui v.v... các đối tượng sai biệt được nhận thức, tư duy.



Tướng pháp câu hữu sai biệt⁶²²; 4. Tướng năng trị, sở trị sai biệt có sự hồi chuyển mau lẹ; 5. Tướng tập khí sai biệt⁶²³; 6. Tướng tục sinh sai biệt⁶²⁴; 7. Tướng tâm giải thoát sai biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Sở duyên không tự tại

Trú ác sở y chỉ

Tùy duyên lực sở chuyển

Tâm trói buộc nên biết. (kệ 4)

[568a24] Luận giải: Do ba lý do mà nói tâm bị trói buộc: 1. Không tự tại với cảnh sở duyên; 2. An trú ứ ác làm chỗ y chỉ; 3. Chuyển biến theo lực của các duyên.

Ở đây, *không tự tại với cảnh sở duyên*: Là nơi sự chế phục, nơi sự hóa độ, nơi biến hóa, v... không được tự tại trú cảnh như ý muốn.

Lại nữa, kệ tụng:

Tán loạn có sáu thứ

An trú mười lăm thứ

Duyên cảnh giới: sáu v.v...

Sở trị tâm chẳng một. (kệ 5)

622 Pháp câu hữu: Những yếu tố sắc tâm khi xuất hiện đồng thời xuất hiện cùng lúc với các yếu tố khác. Các yếu tố này tương tác và hợp tác, tổ chức thành một cơ cấu tồn tại và hoạt động của sắc và tâm.

623 Các chủng tử được tàng trữ trong kho chứa thức. Các chủng tử chính là ấn tượng được tích lũy từ những hành nghiệp quá khứ từ vô thủy. Các chủng tử là tâm, vì tâm tích lũy vô số tập khí sai biệt từ vô thủy. Vô số tập khí này được bao hàm trong hai nhóm: tập khí của nghiệp và tập khí của hai thủ. Hai thủ là năng thủ và sở thủ, chủ thể và đối tượng của nhận thức. Bởi vì mỗi khi thức xuất hiện là tự nó phân đôi thành chủ thể và đối tượng tương ứng.

624 Tục sinh 續生, cũng dịch là kết sinh tương tục: sát na tối sơ của sinh hữu, nối kết hai đời sống quá khứ và hiện tại. A-tỳ-đạt-ma Đại tỳ bà sa, No. 1545, tr. 119a05: "Thức là gì? Là tâm tục sinh và các trợ bạn của nó." Và quyển 72, tr. 371b16: "Tục sinh là nghiệp dụng của thức." Du-già sư địa luận, quyển 1, tr. 283a01~10: "Khi tham ái của cha mẹ đến cực điểm, mỗi bên phóng xuất một giọt tinh huyết. Cả hai hợp thành một, như giọt sữa đặc. Dị thực của tất cả chủng tử được chứa trong đó... Giai đoạn này được gọi là kiết-la-lam." (羯羅藍, kalalama, phôi mới kết).



[568b01] Luận giải: Tâm tán loạn có sáu thứ, tâm an trú có mười lăm thứ, tâm duyên cảnh có sáu thứ mà trong đó có nhiều sai biệt, sở đối trị tâm cũng chẳng phải có một thứ.

[568b04] *Tâm tán loạn có sáu thứ:*

1. Tác ý tâm tán loạn: Các Bồ-tát xả bỏ những tác ý hợp với Đại thừa mà rơi vào những tác ý thấp kém hợp với Thanh văn, Độc giác.

2. Ngoại tâm tán loạn: Những tìm cầu nào xuôi theo phiền não khi đối trước năm thứ dục lạc tuyệt hảo và những tướng trạng nào động bên ngoài; buông thả tâm trí ra mà tràn ngập vào ngoại cảnh.

3. Nội tâm tán loạn: Nội tâm xao động, tầm tức không yên ổn, vì hôn trầm và thụy miên, vì thấp kém⁶²⁵, vì đam mê về thiền định, vì sự nhuốm bản của một tùy phiền não nào đó trong khi tu các định.

4. Cảnh tướng tâm tán loạn: Dựa vào cảnh tướng ngoài định mà tác ý tư duy là cảnh tướng của định bên trong.

5. Thô trọng tâm tán loạn: Những cảm thọ do tác ý bên trong sinh ra mà cho là do cái thân thô trọng nên chấp tự ngã và ngã sở.⁶²⁶

6. Tự tánh tâm tán loạn: Là năm thức thân.

Tâm an trú có mười lăm thứ:

1. Sơ phát an trú tâm: Là tu tam-ma-địa làm phương tiện.

2. Chứng đắc an trú tâm: Là đã được vị chí tam-ma-địa⁶²⁷.

3. Viên mãn an trú tâm: Là đã được căn bản tĩnh lự tam-ma-địa.

625 Thấp kém: Chỉ cho sự thiếu tự tin, ngại tu chỉ quán, khác với hôn trầm là thân tâm nặng nề.

626 Kinh Giải thâm mật, quyển 3, phẩm Phân biệt Du-già: "Bạch đức Thế tôn, Bồ tát khi chỉ quán đã hiện ra thì phải biết có mấy thứ làm cho tâm tán động? Thiện nam tử, phải biết có năm thứ: 1. Tác ý tán động; 2. Ngoại tâm tán động; 3. Nội tâm tán động; 4. Cảnh tướng tán động; 5. Thô trọng tán động. ..." (tr. 701c14~28) Xem Du-già sư địa luận, quyển 77, tr. 727b15~29.

627 Cận phần định của Sơ tĩnh lự còn được gọi là vị chí định (tam-ma-địa).



4. Tự tại an trú tâm: Là từ tam-ma-địa có được những gì theo ý muốn.
5. Hữu động an trú tâm: Là từ đệ tam tĩnh lực trở xuống.
6. Vô động an trú tâm: Là đệ tứ tĩnh lực.
7. Từ vô động trở lên tịch tĩnh an trú tâm: Là tịch tĩnh Vô sắc nên giải thoát.⁶²⁸
8. Tối thắng tịch tĩnh an trú tâm: Là tướng thọ diệt nên giải thoát.⁶²⁹
9. Tín giải an trú tâm: Là *văn sở sinh trí*.
10. Quyết định an trú tâm: Là *tư sở sinh trí*.
11. Ảnh tượng an trú tâm: Là *thế gian tu sở sinh trí*.
12. Thành thật an trú tâm: Là *xuất thế gian tu sở sinh trí*.
13. Hữu tăng thượng mạn xuất ly an trú tâm: Là thế gian tĩnh lực Vô sắc.
14. Vô tăng thượng mạn xuất ly an trú tâm: Là xuất ly thế gian tĩnh lực Vô sắc.
15. Ba hành tạp nhiễm an trú tâm: Là thức tùy sắc mà trú, duyên sắc mà trú, y sắc mà trú. Như vậy cho đến tùy hành mà trú, duyên hành mà trú, y hành mà trú.

Ở đây, *tùy sắc mà trú*: Là sở y của chấp thọ. *Duyên sắc mà trú*: Là cảnh giới của thủ. *Y sắc mà trú*: Là do thô trọng. Như vậy cho đến tùy hành mà trú, v.v... Nên biết, thức không có thức trú,

628 Bốn Vô sắc giải thoát: 1. Không vô biên xứ giải thoát; 2. Thức vô biên xứ giải thoát; 3. Vô sở hữu xứ giải thoát; 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát. Bốn vô sắc giải thoát này lấy bốn thiền định cõi Vô sắc làm thể.

629 Diệt thọ tướng định giải thoát, thân tác chứng cụ túc, nói tắt là Diệt tận định. Định này chủ yếu chán bỏ hai tâm thọ và tưởng, vĩnh viễn an trú vô tâm nên gọi là giải thoát.



duyên tự thể của tâm và tâm sở thì có khả năng đoạn hết tham ái.⁶³⁰

Duyên cảnh giới có sáu v.v...: 1. Duyên cảnh thường; 2. Duyên cảnh phi thường; 3. Duyên cảnh biến mãn; 4. Duyên cảnh tịnh hành; 5. Duyên cảnh thiện xảo; 6. Duyên cảnh tịnh hoặc. Trước hết là duyên cảnh như vậy.

Lại có nhiều thứ duyên cảnh giới khác: Dục giới hệ tâm⁶³¹ duyên cảnh Dục, cảnh Sắc, cảnh Vô sắc và cảnh Bất hệ. Cũng vậy, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm, mỗi tâm duyên bốn thứ cảnh [ở trên].

Lại nữa, dựa vào Dục giới hệ tâm mà khởi Dục giới hệ tâm, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm. Dựa vào Sắc giới hệ tâm mà khởi Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm. Dựa vào Vô sắc giới hệ tâm mà khởi Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm.

Lại nữa, tâm quá khứ duyên quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, tâm vị lai và tâm hiện tại cũng duyên ba thời gian.

630 Thức tùy 4 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành) mà trú, duyên 4 uẩn mà trú, y 4 uẩn mà trú. Thức không có thức trú, bởi vì có thức mới lập thức trú, và vì thức là chủ thể nhận thức nên phải có đối tượng nhận thức (4 uẩn) để tùy, duyên và y. Thức tùy, duyên, y vào đối cảnh thì đều là thủ, mà thể của thủ là phiền não. Cho nên để tâm an trú thì thức phải trú vào bên trong, tức nhận biết được tự thể của các tâm và tâm sở pháp toàn là bản sắc của trí. Sự chứng nghiệm tự thể ấy là không suy lý phân biệt, là không lầm lạc, do đó nó là hiện lượng, không có phiền não. Trung A-hàm, kinh Phân biệt quán pháp: "Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn? Này chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc của sắc tướng, thức không bị trôi buộc bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn." ... "Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô tưởng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong." (Thích Tuệ Sỹ dịch)

631 Có 4 loại tâm: Dục giới hệ tâm, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm. Hệ tâm là tâm hệ thuộc hay tâm trôi buộc. Dục giới hệ tâm là tâm hệ thuộc Dục giới. Bất hệ tâm là tâm không hệ thuộc tam giới, không trôi buộc nơi tam giới.



Lại nữa, tâm thiện duyên thiện, bất thiện và vô ký. Cũng vậy, tâm bất thiện và tâm vô ký đều duyên ba tánh.

Lại nữa, *lạc câu hành tâm* duyên ba thứ cảnh giới: lạc câu hành, khổ câu hành và bất khổ bất lạc câu hành. Cũng vậy, *khổ câu hành tâm* và *bất khổ bất lạc câu hành tâm* đều duyên ba thứ cảnh giới.

Lại nữa, tâm tương ưng tham, tâm tương ưng sân và tâm tương ưng si, mỗi tâm duyên ba thứ cảnh giới tương ưng tham, sân, si.

[568c15] Lại nữa, *sở trị tâm chẳng một*: Dục giới hệ tâm có năm thứ tâm: 1. Kiến khổ sở đoạn tâm; 2. Kiến tập sở đoạn tâm; 3. Kiến diệt sở đoạn tâm; 4. Kiến đạo sở đoạn tâm; 5. Tu đạo sở đoạn tâm. Cũng vậy, Sắc giới hệ tâm và Vô sắc giới hệ tâm đều có năm thứ tâm. Hợp cùng với vô lậu tâm thành mười sáu thứ tâm.

Lại nữa, có hai mươi thứ tâm:

Dục giới hệ tâm có tám tâm: 1. Sinh đắc thiện tâm; 2. Phương tiện thiện tâm; 3.; 4. Hữu phú vô ký tâm; và vô phú vô ký tâm, phân làm bốn tâm: 5. Dị thực sinh tâm; 6. Uy nghi lộ tâm; 7. Công xảo xứ tâm; 8. Biến hóa tâm.

Sắc giới hệ tâm có sáu tâm: Giống Dục giới hệ tâm, trừ bất thiện tâm và công xảo xứ tâm.

Vô sắc giới hệ tâm có bốn tâm: Giống Dục giới hệ tâm, trừ bất thiện tâm, uy nghi lộ tâm, công xảo xứ tâm và biến hóa tâm.

Bất hệ tâm có hai tâm: Hữu học tâm và Vô học tâm.

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *tâm sở hữu sự*.



Kệ tụng:

Dựa nhiều cảnh liễu biệt

Đều là tự nghiệp sinh

Tâm pháp, không nên nghi

Vì tương tự cảnh chuyển. (kệ 6)

[568c27] Luận giải: Tâm sở hữu pháp y chỉ tám thức nên có thể duyên nhiều cảnh tướng. Mỗi tâm sở tạo tác tự nghiệp mà khởi, nương theo tâm mà có, cho nên gọi là tâm sở hữu pháp. Không nên tư duy thêm về cảnh sở duyên của chúng, vì các tâm sở hữu pháp và các thức duyên với nhau mà chuyển. Như khế kinh có nói: “*Nơi nào nếu có thọ, nơi đó có tư. Nơi nào nếu có tư, nơi đó có tưởng. Nơi nào nếu có tưởng, nơi đó có liễu biệt.*”⁶³²

Lại nữa, nay sẽ lược nói về sự tác nghiệp của năm tâm pháp biến hành: tác ý, xúc, thọ, tưởng và tư.

Kệ tụng:

Dẫn tâm, ba phân biệt

Lãnh vị, thâm liễu tướng

Đắc thất v.v... hoạt động

Gọi nghiệp: tác ý, v.v... (kệ 7)

632 Trung A-hàm, kinh Mật hoàn dụ, số 115: “Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.” (Thích Tuệ Sỹ dịch, Cf. Trung bộ, kinh Mật hoàn). Trung A-hàm, kinh Đại Câu-hy-la, số 211: “Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết ba pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng: Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.” (Cf. Trung bộ, kinh Đại kinh Phương quang, số 43)



[569a06] Luận giải: (1) Dẫn tâm, phát khởi tâm [hướng đến đối tượng] là nghiệp dụng của tác ý. (2) Sự phân biệt [biến dị] trong tổ hợp ba (căn, cảnh và thức) là nghiệp dụng của xúc⁶³³. (3) Lãnh nạp [các hình thái đối tượng] nghịch, thuận, hay không có cả hai⁶³⁴ là nghiệp dụng của thọ. (4) Xét đoán, hiểu rõ ảnh tượng nơi đối tượng là nghiệp dụng của tưởng. (5) Chế tác công đức, tội lỗi, hay không có cả hai là nghiệp dụng của tư.

Nghiệp dụng của những tâm pháp khác đã nói rộng ở trước.⁶³⁵

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về **sự sắc pháp**.

Kệ tụng:

Thượng giới không hương, vị

Đại tạo tùy khả đắc

Cực vi không tự thể

Chẳng thật có bẫy sự. (kệ 8)

[569a12] Luận giải: **Thượng giới không hương, vị**: Dục giới trở lên không có hương và vị.

Đại tạo tùy khả đắc: Bốn đại và sở tạo sắc hiện khởi tùy theo sự tụ hợp. Khả đắc, là tự tướng có mặt. Bất khả đắc, là không có tự tướng.

Cực vi không tự thể: Các cực vi chỉ được giả lập bằng giả tướng, thật sự không có tự thể.

Chẳng thật có bẫy sự: Bảy thứ sự không có thật thể: 1. Biểu sắc;

633 Tự tánh của xúc là làm cho tâm và tâm sở tiếp xúc với cảnh. Chức năng của nó là làm sở y cho thọ, tưởng các thứ. Ba sự (căn, cảnh và thức) đều có công năng dẫn đến sự sinh khởi của tâm sở, đó gọi là biến dị. Xúc sinh khởi tương tự với sự biến dị ấy được gọi là phân biệt.

634 Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

635 Xem Hiển dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1.



2. Hình sắc; 3. Ảnh tượng; 4. Hưởng âm; 5. Xúc xúc tạo sắc; 6. Luật nghi sắc; 7. Bất luật nghi sắc.⁶³⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Vì hòa hợp không rời

Thiện ác không tự nhiên

Ba tướng, tướng ngoài không

Pháp xứ sắc mười hai. (kệ 9)

[569a21] Luận giải:

Vì hòa hợp không rời: Các tạo sắc xúc (bao gồm năng tạo và sở tạo) thường dựa vào các đại cực vi⁶³⁷, không tách rời chúng. Còn lại các xúc khác, các sắc hòa hay hợp thì cũng không tách rời nhau.

Thiện ác không tự nhiên: Sắc không phải là tự thể có tánh thiện, ác. Tùy theo cái tâm phát sinh mà giả thuyết là thiện hay ác.

Ba tướng, tướng ngoài không: Ngoài ba tướng sắc: hữu kiến hữu đối sắc, vô kiến hữu đối sắc và vô kiến vô đối sắc, thì không có sắc nào cả. Ngoài ba tướng sở hành sắc: sắc tướng, hữu đối tướng và chủng chủng biệt dị tướng, thì cũng không có sắc nào cả.

Pháp xứ sắc mười hai: Là pháp xứ sở nhiếp sắc⁶³⁸; lược nói có

636 Biểu sắc (hình thái), là những động tác như đi, đứng, ngồi, nằm, lấy, bỏ, co, duỗi v.v... Hình sắc (hình dạng), như dài ngắn vuông tròn, to nhỏ lớn bé, thẳng cong cao thấp v.v., là những tướng trạng của các sắc pháp. Ở đây, hình sắc được hiểu là: nghiệp và phi nghiệp; nghiệp là biểu sắc. Biểu sắc còn được hiểu là hư không – một trong hiển sắc (: xanh vàng đỏ trắng, ánh sáng bóng tối, mây khói bụi sương và hư không). Ảnh tượng là ấn tượng, hình ảnh được khởi bởi tánh biến kế sở chấp, chỉ là giả có. Hưởng âm là tiếng dội. Xúc xúc tạo sắc là thân căn được chấp thủ bởi 22 sở tạo xúc (: trơn, nhám, nhẹ, nặng, mềm, ẩm, gập, lạnh, đói, khát, no, lực, yếu, bí, ngứa, dính, bệnh, già, chết, mệt, nghỉ, mạnh), toàn là giả có. Luật nghi sắc và bất luật nghi sắc được giải thích ở quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1, mục Pháp xứ sở nhiếp sắc.

637 Đại cực vi: Cực vi của bốn đại hay năm đại (địa, thủy, hỏa, phong, không).

638 Pháp xứ sở nhiếp sắc: Loại sắc không thuộc sắc pháp, mà thuộc pháp xứ hay pháp giới, vì không phải là hiển sắc hay là hình sắc.



mười hai thứ tướng: 1. Tướng ảnh tượng; 2. Tướng sở tác thành tựu; 3. Tướng vô kiến; 4. Tướng vô đối; 5. Tướng không phải thật đại chủng sinh ra; 6. Tướng thuộc tâm [ý thức]; 7. Tướng thể gian; 8. Tướng bất khả tư nghị; 9. Tướng thể gian tam-ma-địa quả; 10. Tướng xuất thể gian tam-ma-địa quả; 11. Tướng tự địa, hạ địa cảnh giới; 12. Tướng chư Phật, Bồ-tát tùy tâm tự tại chuyển biến bất tư nghị [cảnh giới].

Lại nữa, nay sẽ nói thẳng quyết trạch về *tâm bất tương ưng hành*.

Kệ tụng:

Nên biết bất tương ưng

Đều giả thi thiết có

Sáu thứ tánh giả có

Thấy đều có ba lỗi. (kệ 10)

[569b08] Luận giải: Tâm bất tương ưng hành đều là giả có.⁶³⁹

Tánh chất của giả có, lược có sáu thứ. Vì sao là sáu? Sự vật nào mà khởi lên sáu thứ ngôn luận. Những gì là sáu thứ ngôn luận? 1. Ngôn luận thuộc chủ tương ưng; 2. Ngôn luận rời xa đây kia; 3. Ngôn luận chúng cộng thi thiết; 4. Ngôn luận chúng pháp tụ tập; 5. Ngôn luận không biến khắp tất cả; 6. Ngôn luận không phải thường.

(1) ***Ngôn luận thuộc chủ tương ưng***: Các ngôn luận mà phải kết hợp, tương thuộc với chủ mới hiểu được hành tướng của nó, không phải không thuộc chủ. Như khi nói về “sinh”, thì là sự sinh khởi cái gì? Xem xét sở thuộc chủ mới khởi ngôn luận rằng: sự sinh khởi của sắc, sự sinh khởi của thọ, tướng, hành, thức. Không phải như khi nói

639 Luận Câu xá, quyển 4, tr. 22a04~09: “Thế nào là các hành không tương ưng tâm? Đắc, phi đắc, đồng phần, v.v..., các pháp này không tương ưng với tâm; chúng cũng không phải là sắc; được nhiếp trong hành uẩn, vì vậy nói là tâm bất tương ưng hành.” Kinh bộ và Nhất thiết hữu bộ cho rằng tâm bất tương ưng hành là giả.



về “sắc”, thì là sắc của ai? Xem xét sở thuộc chủ mới khởi ngôn luận rằng: sinh như vậy, trú, di, vô thường, v.v... các loại tâm bất tương ưng hành. Theo chỗ thích hợp, phải nên biết hết. Đó là ngôn luận thuộc chủ tương ưng. Sự thể nào mà có thể khởi ngôn luận như vậy, nên biết đây là giả tướng.

[569b20] (2) ***Ngôn luận rời xa đây kia***: Các ngôn luận mà không phải lấy đây hiển thị đây, cũng không phải lấy kia hiển thị kia. Đó gọi là ngôn luận rời xa đây kia.

Ngôn luận lấy đây hiển thị đây: Là những ngôn luận ở nơi thật tướng chuyển khởi, cũng ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Ngôn luận lấy kia hiển thị kia: Là những ngôn luận ở nơi thật tướng chuyển khởi, cũng ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Ngôn luận không lấy đây hiển thị đây, cũng không lấy kia hiển thị kia: Là những ngôn luận chỉ một chiều ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Thế nào là ngôn luận lấy đây hiển thị đây, ở nơi thật tướng chuyển khởi? Như nói sự cứng chắc của đất.

Thế nào là ngôn luận lấy đây hiển thị đây, ở nơi giả tướng chuyển khởi? Như nói sự tròn trịa của đá.

Như sự cứng chắc của đất, sự tròn trịa của đá, cũng vậy là sự ẩm ướt của nước, sự giọt của dầu, sự ấm của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự lay động của gió, sự khua của gió lốc, nên biết cũng vậy.

Thế nào là ngôn luận lấy kia hiển thị kia, ở nơi thật tướng chuyển khởi? Như nói nhận thức của con mắt, cảm xúc của thân thể, đại loại như vậy.

Thế nào là ngôn luận lấy kia hiển thị kia, ở nơi giả tướng chuyển



khởi? Như nói đồ uống ăn, y phục, đồ trang sức của Phật-thọ, Đức hữu, đại loại như vậy.

Thế nào là ngôn luận không lấy đây hiển thị đây, cũng không lấy kia hiển thị kia, chỉ một chiều ở nơi giả tướng chuyển khởi? Như nói cửa của nhà, tường của nhà, cổ của vò, bụng của bình, xe của quân, cây của rừng, mùi của một trăm, ba của mười, đại loại như vậy.

Đó gọi là ngôn luận rời xa đây kia.

(3) **Ngôn luận chúng cộng thi thiết**: Là sáu sắc thái làm tự thể cho ngôn thuyết. Thiết lập ngôn thuyết qua sáu sắc thái: 1. Sắc thái sự; 2. Sắc thái sở thức; 3. Sắc thái tịnh diệu; 4. Sắc thái nhiều ích; 5. Sắc thái ngôn thuyết; 6. Sắc thái tà hành.

Sắc thái sự: Là sở thủ của thức.

Sắc thái sở thức: Là sở thủ của tác ý, cho nên khởi nơi thức.

Sắc thái tịnh diệu: Là sở thủ của xúc.

Sắc thái nhiều ích: Là sở thủ của thọ.

Sắc thái ngôn thuyết: Là sở thủ của tưởng.

Sắc thái tà hành: Là sở thủ của tư.

[569c14] (4) **Ngôn luận chúng pháp tụ tập**: Là ngôn luận an lập tự thể do nhiều pháp hòa hợp. Như nơi nội sắc gồm thọ, tưởng, hành, thức, có những ngôn luận về ngã, v.v...; nơi ngoại sắc gồm thanh, hương, vị, xúc, có những an lập [những tự thể] sai biệt cho nên có những ngôn luận về nhà cửa, cái vò, chiếc bình, quân lính, cây rừng v.v...

[569c17] (5) **Ngôn luận không biến khắp tất cả**: Là những ngôn luận có lúc tùy chuyển, có lúc rút lại. Như với nhà cửa, có ngôn



luận về nhà cửa, chỉ tùy chuyển nơi nhà cửa, còn thôn xóm, đình làng, v.v... thì rút lại [không dùng]; với cái vò, có ngôn luận về cái vò, chỉ tùy chuyển nơi cái vò, còn những đồ đựng nước khác thì rút lại [không dùng]; với quân lính, có ngôn luận về quân lính, chỉ tùy chuyển nơi quân lính, còn nam, nữ, v.v... khác nhau thì rút lại [không dùng]; với cây rừng, có ngôn luận về cây rừng, chỉ tùy chuyển nơi cây rừng, còn những cái khác như gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả v.v... thì rút lại [không dùng].

[569c22] (6) **Ngôn luận không phải thường**: Nên biết có bốn thứ nhân: 1. Do phá hoại; 2. Do không phá hoại; 3. Do gia hành; 4. Do biến đổi.

Do phá hoại: Như bình lọ bị vỡ rồi, thì bỏ ngôn luận bình lọ, sinh ngôn luận miếng, mảnh.

Do không phá hoại: Như các thứ dược phẩm hòa trộn với nhau, làm thành dạng viên, hoặc dạng bột, thì bỏ ngôn luận các thứ dược phẩm, sinh ngôn luận dược phẩm viên hay bột.

Do gia hành: Như có một miếng vàng, khởi các gia hành chế tác thành đồ trang sức khác nhau như nhẫn, vòng tay v.v..., bấy giờ bỏ ngôn luận vàng miếng, sinh ngôn luận nhẫn, vòng tay v.v...

Do biến đổi: Như đồ ăn uống khi được biến đổi, bấy giờ bỏ ngôn luận đồ ăn uống, sinh ngôn luận phần, tiểu, v.v...

Đại loại như vậy gọi là ngôn luận không phải thường.

Theo các sự vật, phát khởi sáu thứ ngôn luận như vậy, nên biết các sự vật ấy đều là giả có.⁶⁴⁰

640 Phần giải thích 6 thứ ngôn luận nằm trong Du-già sư địa luận, quyển 16, Tư sở thành địa, mục "giả tướng hữu pháp", tr. 362a01~b28.



Hỏi: Các tâm bất tương ưng hành đều là giả có, nên hiểu thế nào?

Đáp: Do có hai lầm lỗi: 1. Lầm lỗi về nhân; 2. Lầm lỗi về thể.

Lầm lỗi về nhân: Nếu nói *sinh khởi nhân* là sự sinh, vì năng sinh ra sự sinh nên gọi là sinh, tức là không thể có quả nào khác sinh ra. Sự sinh này là gì? *Năng sinh nhân* nên nói là sinh.

Lầm lỗi về thể: Nếu nói *sinh khởi thể* là sự sinh, tức là từ cái khác sinh ra, thì không thể nói là năng sinh.

Như vậy, các tâm bất tương ưng hành khác, theo lý nên biết.

Lại nữa, các tâm sở khác và tâm bất tương ưng hành có tánh chất làm nhân cho các pháp hữu vi. Nay sẽ nói quyết trách về *tánh chất làm nhân*.

Kệ tụng:

Ba lỗi nhân, chẳng năm

Nhân tướng lược: hệ, hợp

Tướng, y xứ, sai biệt

Kiến lập: có nhiều thứ. (kệ 11)

[570a12] Luận giải: Có một thuyết khác lập ra sáu thứ nhân: 1. Đồng loại nhân; 2. Biến hành nhân; 3. Câu hữu nhân; 4. Tương ưng nhân; 5. Dị thực nhân; 6. Năng tác nhân.⁶⁴¹

641 Hiển dương bác bỏ cả 6 nhân theo quan điểm của Hữu bộ (Câu xá) vì cho rằng không có tánh nhân duyên. **Đại cương Câu xá luận, HT. Thích Thiện Siêu giải thích:**

1. Đồng loại nhân: Tánh đồng loại liên tục trong sự vật là nguyên nhân cho sự sanh thành của vật. Như niệm lành trước làm nhân cho niệm lành sau, niệm ác trước làm nhân cho niệm ác sau, nhiệt độ trong nước mới tăng dần thì nước mới sôi, nếu cứ đứt đoạn tăng giảm không chừng thì không thể nào sôi được. Như tục ngữ nói: „*Có công mài sắc, có ngày thành kim*“. Đồng loại nhân là nguyên nhân của sự đồng loại tương tục tự nội.

2. Biến hành nhân: Biến hành đồng nghĩa với *đồng loại*. Nó là một phần của đồng loại. Nhưng đồng loại nhân có phạm vi quán thông cả vũ trụ, còn biến hành nhân này chỉ giới hạn ở mười một phiến não biến hành đó là bảy món: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, vô

Sáu thứ nhân như vậy, trừ dị thực nhân, năm nhân tánh còn lại là không hợp đạo lý, vì có ba thứ lầm lỗi. Những gì là ba?

minh trong mười hoặc (phiến não) do mê lý Khổ để sinh ra, cộng với bốn món: tà kiến, kiến thủ, nghi, vô minh trong bảy hoặc (phiến não) do mê lý Tập để sinh ra. Nó có tác dụng làm nhân phát sinh tất cả phiến não, nên gọi là biến hành nhân.

3. Câu hữu nhân: Thông thường về mặt thời gian, luôn luôn nhân trước quả sau, nhân quả khác thời; nhưng về mặt không gian, nhân quả lại đồng thời, cùng có một lúc, một chỗ nên gọi là câu hữu nhân. Có hai thứ:

a. *Hỗ vi quả câu hữu nhân:* (nguyên nhân hỗ tương), không có vật nào đứng riêng rẽ mà thành, phải từ hai vật trở lên nương nhau đáp đối làm nhân làm quả thì mới thành được. Như sự hỗ tương giữa bốn đại. Như tục ngữ nói: „*Cây đa cây thân, thân cây cây đa*“.

b. *Đồng nhất quả câu hữu nhân:* (Nguyên nhân hiệp đồng), một người không thể tổ chức thành một xã hội, nhiều người có cùng mục đích mới tổ chức thành xã hội. Hạt giống, đất, nước, phân,... tuy khác nhau, nhưng cùng chung tạo ra kết quả là cây lúa, bốn đại hợp nhau mới tồn tại và tạo ra sự vật. Như tục ngữ nói: „*Ba cây chụm lại thành hòn núi cao*“.

4. Tương ưng nhân: Tương ưng có nghĩa như câu hữu, vì nó là một phần của câu hữu nhân, chỉ khác là câu hữu nhân có phạm vi quán thông cả vũ trụ vạn hữu sắc tâm, còn tương ưng nhân thì chỉ giới hạn ở tâm vương và tâm sở. Hiện tượng tâm vương, tâm sở không thể tách rời mà phải tương ưng thuận hợp tư trợ cho nhau để phát sinh. Vậy chính sự tương ưng đó cũng là nguyên nhân. Giữa tâm vương và tâm sở có đủ năm sự đồng nhau mới thành tương ưng, như đã nói trên.

5. Dị thực nhân: Nhân và quả khác loại, khác tánh với nhau, hoặc biến đổi đưa đến quả thành thực, là nguyên nhân đưa đến quả báo dị thực, gọi là dị thực nhân. Do nhân thiện ác mà cảm quả dị thực vô ký. Như do nhân thiện mà cảm quả báo vui, do nhân ác nghiệp mà cảm quả báo khổ. Nhưng vui là vui, khổ là khổ, không thể bảo tự thân sự vui khổ là thiện hay ác, mặc dù đã báo vui khổ là do nghiệp nhân thiện ác gây ra. Đây là tâm của lý nhân quả. Tóm lại, nguyên nhân của vạn pháp tuy rộng lớn vô cùng, nhưng tóm lại không ngoài hai loại nhân quả đồng thời và nhân quả dị thời. Nguyên nhân đồng thời là xét về mặt không gian, các sự vật cùng nương nhau, giúp nhau phát khởi, như A-B nương nhau sinh tồn. Nguyên nhân dị thời là nhìn về mặt thời gian trước sau tiếp tục giúp nhau khởi, như hạt lúa trước sanh cây sanh lúa sau.

6. Năng tác nhân: Nhân là năng tác, quả là sở tác. Năng tác tức nhân, nên gọi là năng tác nhân. Bất kỳ dữ kiện nào dù không liên hệ trực tiếp, nhưng nếu có sự trợ giúp cho kết quả được sanh thành đều gọi là năng tác nhân. Nhân này có hai thứ:

a. *Hữu lực năng tác nhân:* Hữu lực là có sức giúp một cách tích cực. Như nhân căn đối với nhân thức, đất giúp cây cỏ mọc. Chỉ pháp hữu vi mới có tánh cách hữu lực năng tác nhân này; pháp vô vi thì không.

b. *Vô lực năng tác nhân:* Vô lực là chỉ giúp một cách tiêu cực. Nói cách khác, là không giúp gì cả, chỉ không làm trở ngại cho sự sanh thành của kết quả. Như hư không không làm trở ngại mọi vật phát sanh, tảng đá trên núi không làm trở ngại cây lúa mọc dưới đồng, v.v...

Pháp vô vi vô tướng, không làm chướng ngại gì, nên cũng thuộc vô lực năng tác nhân này. Như vậy, năng tác nhân có phạm vi rất rộng rãi, bao gồm cả hữu vi và vô vi, nhưng trừ tự thân của mỗi pháp chính nó, vì tự thân không thể làm nhân cho tự thân.

Hỏi: Nếu vậy, năm nhân kia cũng làm năng tác nhân được chứ?

Đáp: Được, nhưng vì năm nhân kia còn có công dụng khác và đã có tên gọi khác, nên không gọi chúng là năng tác nhân.

Trong sáu nhân này, hai nhân *câu hữu* và *tương ưng* thuộc về *nguyên nhân đồng thời*, dù câu hữu nhân thông cả vũ trụ vạn hữu và tương ưng nhân chỉ giới hạn ở tâm và tâm sở. Ba nhân *đồng loại*, *biến hành*, *dị thực* đều thuộc về *nguyên nhân dị thời*, dù đồng loại nhân thông cả vũ trụ vạn hữu, biến hành nhân chỉ giới hạn ở lãnh vực của tâm, dị thực nhân thì nhắm vào tánh nhân quả bất đồng mà nói. Chỉ riêng *năng tác nhân* là nguyên nhân bao trùm tất cả, không luận đồng thời, dị thời, nội tâm, ngoại vật, hữu vi vô vi đều có thể trở thành năng tác nhân cho nhau được cả.



Như là đồng loại nhân có ba lầm lỗi:

(1) Nếu nói cái nhân của sự đồng loại, gọi là đồng loại nhân, là đã thành lỗi. Vì sao? Nếu các pháp thiện v.v... trước đã thành tựu thể tánh thiện v.v... thì chúng cần gì nhân?

(2) Nếu nói sự đồng loại chính là nhân, gọi là đồng loại nhân, thì tức là không có quả, thế là có lỗi bất định. Vì sao? Không hiển thị cái quả thì cái gì là nhân? Lại nữa, không xác định thể của nhân là đồng loại thì pháp không tương tự cũng có thể làm nhân.

(3) Nếu nói không phải đồng loại chính là nhân, cũng tức là nói cái nhân của không phải đồng loại, thì có lỗi thiết lập trống rỗng. Đồng loại nhân mà nói không có chủ, thế là thiết lập vô ích. Như vậy, với bốn nhân còn lại, mỗi nhân cũng có ba thứ lầm lỗi, nên như lý nói rộng.

[570a24] Lại nữa, đã phá bỏ cái nhân không đúng lý, nay sẽ thiết lập sắc thái của cái nhân đúng lý. Nếu lược nói thì có hai thứ nhân: 1. Nhân hệ phục tượng; 2. Nhân hòa hợp tượng.

Nhân hệ phục tượng: Là phiền não tùy miên. Ở đây là dựa vào năng sinh *hệ hữu* mà nói.

Nhân hòa hợp tượng: Là nhân duyên hòa hợp mà pháp này, pháp kia sinh. Đây là dựa vào năng sinh ở thời hiện tại mà nói.

[570a29] Sau đây là lược nói về nhân: “*Twóng, y xư, sai biệt và kiến lập lại có nhiều thứ*”:⁶⁴²

[570b02] (1) *Twóng*: Nếu do cái này dẫn đầu, cái này làm kiến lập, cái này hòa hợp, thì các pháp này, pháp kia sinh, hoặc có được,

hoặc thành lập, hoặc hoàn thành, hoặc khởi tác dụng. Nên biết, nói cái này chính là nói cái nhân của pháp kia.

[570b05] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì sinh?

Đáp: Tự chủng tử dẫn đầu. Trừ sở y chung, các thứ khác như sắc sở y, phi sắc sở y⁶⁴³ và nghiệp, lấy đó làm kiến lập. Trợ bạn và sở duyên cảnh làm hòa hợp. Cho nên, theo sự thích ứng, các pháp sinh ở Dục hệ, Sắc hệ, Vô sắc hệ và Bất hệ [tam giới].

Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì có được?

Đáp: Chủng tánh của Thanh văn, Độc giác và Như lai dẫn đầu. Lực của nhân tố bên trong làm kiến lập. Lực của nhân tố bên ngoài làm hòa hợp. Cho nên phiền não ly hệ⁶⁴⁴, chứng đắc niết bàn.

Ở đây, *lực của nhân tố bên trong*: Phần thiện pháp bên trong là như lý tác ý, thiếu dục, tri túc, v.v... Lại có được thân người, sinh chỗ có bậc Thánh, các căn không khiếm khuyết, không có các nghiệp chướng, đối với Như lai có đủ tín tâm thanh tịnh. Các pháp đại loại như vậy gọi là lực của nhân tố bên trong.

Lực của nhân tố bên ngoài: Là chư Phật xuất thế, tuyên thuyết diệu pháp; những người trú chánh pháp cùng làm bạn bè; người đầy đủ bi tín lấy làm thí chủ. Các pháp đại loại như vậy gọi là lực của nhân tố bên ngoài.

[570b18] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì thành lập?

643 Sắc sở y: Đại chủng. Phi sắc sở y: Thức giới.

644 Phiền não gọi là hệ phục. Phiền não diệt gọi là ly hệ. Trạch diệt là sự ly hệ (dứt trừ kết phục), tức là diệt đạt được do tuệ giải trạch.

642 Xem thêm Du-già sư địa luận, quyển 5, mục Nhân duyên quả kiến lập giới: “Lược có 4 thứ: Do twóng, do sở y, do sai biệt, do kiến lập”, tr. 301a03-302b18.



Đáp: Ưa thích thắng giải đối với các pháp sở tri dẫn đầu. Tông, nhân và thí dụ lấy làm kiến lập. Không trái nghịch với đại chúng và người đối luận làm hòa hợp. Nghĩa muốn thiết lập mới được thành lập.

[570b22] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì hoàn thành?

Đáp: Trí công xảo dẫn đầu. Theo trí ấy siêng năng chịu khó làm kiến lập. Các công cụ trong công xảo nghiệp xứ làm hòa hợp. Các loại công xảo nghiệp xứ hoàn thành. Lại nữa, ái dẫn đầu. Người sống nhờ ăn làm kiến lập. Bốn loại thức ăn⁶⁴⁵ làm hòa hợp. Hữu tình đã sinh, tồn tâm dưỡng tánh mà an trú.

[570b27] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì khởi tác dụng?

Đáp: Tự chủng dẫn đầu. Đời sống trước kia làm kiến lập. Duyên với đời sống trước kia làm hòa hợp. Người tự tác nghiệp là tự mình khởi tác dụng để được hoàn thành.

Tự tác nghiệp: Như nghiệp thấy của con mắt, như vậy các căn khác đều có những tác nghiệp riêng biệt. Lại như đất có tác dụng nắm giữ, nước có tác dụng thổi rửa, lửa có tác dụng thiêu đốt, gió có tác dụng khô ráo. Đại loại như vậy gọi là pháp ở ngoài, mỗi pháp có tác nghiệp riêng biệt.

[570c04] (2) *Y xứ*: Có mười lăm thứ sở y xứ cho nhân duyên: 1. Ngũ; 2. Lãnh thọ; 3. Tập khí; 4. Hữu nhuận chủng tử; 5. Vô gián diệt; 6. Cảnh giới; 7. Căn; 8. Tác dụng; 9. Sĩ phu dụng; 10. Chân thật kiến;

645 Bốn loại thức ăn: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực.



11. Tùy thuận; 12. Sai biệt công năng; 13. Hòa hợp; 14. Chướng ngại; 15. Bất chướng ngại.⁶⁴⁶

(3) *Sai biệt*: Là mười nhân, bốn duyên và năm quả.

Mười nhân: 1. Tùy thuyết nhân; 2. Quan đãi nhân; 3. Khiên dẫn nhân; 4. Sinh khởi nhân; 5. Nhiếp thọ nhân; 6. Dẫn phát nhân; 7. Định biệt nhân; 8. Đồng sự nhân; 9. Tương vi nhân; 10. Bất tương vi nhân.

Bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

646 Thành duy thức luận, tr. 41b14~c17:

(1) Ngũ y xứ, tính thể của ngôn ngữ được dẫn khởi bởi pháp, danh, tướng. Y trên cơ sở này mà lập tùy thuyết nhân. Theo đó, y trên ngữ này mà nói lên ý nghĩa của những gì được thấy, được nghe các thứ. Đây là cái nói làm nhân cho cái được nói. Luận giải khác nói, đó là danh, tướng và thấy. Tức là tùy theo danh tự, tướng được nắm bắt, được chấp chặt, mà tùy theo đó ngôn thuyết khởi lên. Theo luận giải này, vậy nhân này là y xứ của ngữ.

(2) Lãnh thọ y xứ, đó là tánh chất quan hệ tương tác giữa cái lãnh thọ và cái được lãnh thọ. Y trên cơ sở này mà lập quan đãi nhân. Tức là, do quan hệ tương tác với cái này mà các sự vật kia hoặc sinh, hoặc trụ, hoặc thành, hoặc đắc. Cái này là quan đãi nhân của cái kia.

(3) Tập khí y xứ, đó là chủng tử, hoặc nội tại hoặc ngoại tại, chưa đến giai đoạn chín muồi; y trên cơ sở này mà lập khiên dẫn nhân. Vì nó lôi kéo dẫn đến kết quả của chính nó.

(4) Hữu nhuận chủng tử y xứ, đó là các loại chủng tử nội hay ngoại tại đã đến giai đoạn chín muồi; y trên cơ sở này mà lập sinh khởi nhân; vì nó sản sinh kết quả gần của chính nó.

(5) Vô gián diệt y xứ, đó là đẳng vô gián duyên của tâm, tâm sở các thứ.

(6) Cảnh giới y xứ, đó là sở duyên duyên của tâm, tâm sở các thứ.

(7) Căn y xứ, đó là sáu căn làm sở y cho tâm, tâm sở.

(8) Tác dụng y xứ, đó là tác dụng công cụ đối với nghiệp được tạo tác. Tức trừ chủng tử, các duyên khác hiện diện trợ lực.

(9) Sĩ dụng y xứ, đó là tác dụng của tác giả đối với nghiệp được tạo tác. Tức trừ chủng tử, các duyên khác hiện diện tác thành.

(10) Chân thật kiến y xứ, đó là kiến vô lậu; trừ việc dẫn sinh chủng tử của chính nó, những gì hỗ trợ, dẫn sinh, chứng đắc pháp vô lậu. Y trên tổng thể sáu cơ sở này lập nhiếp thọ nhân. Tức là, năm điều kiện nhiếp thọ trợ lực hoàn thành pháp hữu lậu, và đủ cả sáu điều kiện nhiếp thọ trợ lực hoàn thành vô lậu.

(11) Tùy thuận y xứ, đó là các hành, bao gồm cả chủng tử và hiện hành, với các tánh chất vô ký, nhiễm, thiện; chúng tùy thuận các pháp đồng loại có ưu thế hơn. Y trên cơ sở này lập dẫn phát nhân.

(12) Sai biệt công năng y xứ, đó là các pháp hữu vi, mà mỗi thứ, có thể lực khiến phát khởi hay chứng đắc quả của chính nó; y trên cơ sở này lập định dị nhân. Tức là, mỗi thứ sản sinh quả trong giới hệ của nó, và khiến đạt được quả trong Thừa của nó.

(13) Hòa hiệp y xứ, lực hòa hiệp của các y xứ, từ lãnh thọ cho đến sai biệt công năng y xứ, trong sự sản sinh, tồn tại, hoàn thành, đạt quả. Y trên cơ sở này lập đồng sự nhân. Tức là, từ quan đãi nhân cho đến định dị nhân, các nhân này đều cùng chung hoạt động như sản sinh, tồn tại, v.v...

(14) Chướng ngại y xứ, đó là pháp gây chướng ngại trong quá trình sản sinh, tồn tại, hoàn thành, đạt quả. Y trên cơ sở này lập tương vi nhân. Vì nó vi nghịch các sự kiện sinh v.v...

(15) Bất chướng ngại y xứ, đó là pháp không gây chướng ngại trong quá trình sinh, trụ, thành, đắc. Y trên cơ sở này lập bất tương vi nhân. Vì nó không vi nghịch sự kiện sinh v.v... (Thích Tuệ Sĩ dịch)



Năm quả: 1. Dị thực quả; 2. Đẳng lưu quả; 3. Ly hệ quả; 4. Sĩ dụng quả; 5. Tăng thượng quả.

[570c14] Ở đây, tùy theo danh của tất cả pháp dẫn đầu nên tưởng, tưởng dẫn đầu nên ngôn thuyết, đó gọi là *tùy thuyết nhân* của các pháp kia.

Nếu quan sát đối đãi (quan đãi) với cái này, hay cái này làm nhân, thì có mong cầu, hay có thủ đắc đối với các sự kia, gọi đó là quan đãi nhân. Như quan đãi bàn tay, bàn tay làm nhân, khởi tác dụng cầm nắm. Quan đãi đôi chân, đôi chân làm nhân, khởi tác dụng đi đứng. Quan đãi khớp xương, khớp xương làm nhân, khởi tác dụng co duỗi. Quan đãi đói khát, đói khát làm nhân, mong cầu đồ ăn uống. Theo những loại như vậy có vô lượng thọ dụng, đều gọi là *quan đãi nhân*.

Nếu chủng tử ở tự quả tối hậu thì gọi là *khiên dẫn nhân*, tức là chủng tử ấy là *sinh khởi nhân* của tự quả. Trừ chủng tử ra, các duyên khác là *niếp thọ nhân*. Quả được sinh bởi chủng tử ấy chính là quả được khiên dẫn bởi chủng tử sau cùng, gọi là *dẫn phát nhân*. Nhân khác biệt có khả năng tạo tác các thứ dị loại, gọi là định biệt nhân.

Hoặc quan đãi nhân, hoặc khiên dẫn nhân, hoặc sinh khởi nhân, hoặc nhiếp thọ nhân, hoặc dẫn phát nhân, hoặc định biệt nhân, tổng nhiếp các nhân như vậy gọi là đồng sự nhân.

Nếu quả sinh rồi, có thể làm sự chướng ngại [cho cái khác], gọi là *tương vi nhân*; hoặc tách rời sự chướng ngại, gọi là *bất tương vi nhân*.

[570c28] Chủng tử của các pháp, đó là *nhân duyên*.⁶⁴⁷

Đẳng vô gián duyên: Nếu từ thức này (a-lại-da) mà đồng đẳng (:

647 Chỉ chủng tử mới có tánh nhân duyên.



trực tiếp) không gián cách, thì các thức v.v... quyết định sinh khởi. Đây là đẳng vô gián duyên của các thức v.v....⁶⁴⁸

Cảnh sở duyên của các tâm và tâm sở hữu pháp, gọi là *sở duyên duyên*.

Tăng thượng duyên: Trừ chủng tử ra, các sở y khác như nhân và các pháp cộng hữu đối với nhân thức v.v... Như vậy các căn khác v.v... đối với các thức khác v.v... Lại nữa, pháp thiện, pháp bất thiện nhiếp thọ quả ái, quả bất ái. Đại loại như vậy gọi là tăng thượng duyên.

Các pháp bất thiện chiêu cảm quả báo ác thú, các pháp thiện hữu lậu chiêu cảm quả báo thiện thú, đó gọi là *dị thực quả*.

Do tập quen pháp bất thiện, ưa trú pháp bất thiện, pháp bất thiện thêm nhiều; hoặc do tu tập pháp thiện, ưa trú pháp thiện, pháp thiện thêm nhiều; lại nữa, tương tự với nghiệp đời trước, quả đời sau tùy chuyển; gọi là đẳng lưu quả.

Do Thánh đạo tám chi⁶⁴⁹ mà các phiền não diệt, gọi là *ly hệ quả*. Sự diệt trừ các phiền não diệt bằng thể gian đạo của phàm phu, đó không phải cứu cánh chuyển, không phải ly hệ quả.

Người thế gian ở hiện tại, theo học một loại công xảo nghiệp xứ để khởi năng lực tác dụng của sĩ phu, như canh nông, thương mại, quan chức vua làm các việc như chép sách, kế toán, bói toán, thuật số, thủ ấn v.v... Do y theo nghề nghiệp đây mà hoa màu sung túc, gặt hái lợi ích thương mại v.v... thành tựu quả pháp. Đó gọi là *sĩ dụng quả*.

648 Du-già sư địa luận, quyển 52: "Nếu các tâm, tâm sở này không gián cách các tâm tâm sở tiếp theo sinh khởi, đó là đẳng vô gián duyên. Nếu sáu thức này làm điều kiện đẳng vô gián cho sáu thức kia, căn cứ theo đó gọi thức này là y căn." (tr. 584b28)

649 Thánh bát chi đạo聖八支道: Bát Thánh đạo còn được gọi là con đường Thánh gồm có tám chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.



[571a18] Hỏi: (4) **Kiến lập** là thế nào?

Đáp: Y trên ngữ làm y xứ cho nhân, để kiến lập tùy thuyết nhân. Vì sao? Do kiến lập pháp ở Dục giới hệ, pháp ở Sắc và Vô sắc giới hệ, và pháp ở Bất hệ, lấy danh dẫn đầu nên tướng chuyển, tướng dẫn đầu nên khởi sinh ngôn ngữ. Do có ngôn ngữ nên theo cái thấy, theo cái nghe, theo cái hay, theo cái biết mà khởi các ngôn thuyết. Đó là dựa vào *ngữ y xứ* để kiến lập *tùy thuyết nhân*.

[571a23] Y trên lãnh thọ làm y xứ cho nhân, để kiến lập quan đãi nhân. Vì sao? Những người mong cầu sự vui của Dục giới hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các dục đủ loại, hoặc vì cầu được, hoặc cầu tích tập, hoặc cầu thọ dụng. Những người mong cầu sự vui của Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các duyên của sự vui kia, hoặc vì cầu được, hoặc cầu thọ dụng. Những người mong cầu sự vui của Bất hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các duyên của sự vui kia, hoặc vì cầu được, hoặc cầu thọ dụng. Những người không muốn khổ, họ quan sát đối đãi đây, đối với duyên sinh khổ, đối với duyên đoạn khổ, hoặc cầu rời xa, hoặc cầu thọ dụng. Đó là y trên *lãnh thọ y xứ* để kiến lập *quan đãi nhân*.

[571b02] Y trên tập khí làm y xứ cho nhân, để kiến lập khiên dẫn nhân. Vì sao? Do huân tập nghiệp tịnh, bất tịnh qua các hành trong ba giới, ở trong các thú khả ái hay bất khả ái, cảm được tự thân khả ái hay bất khả ái. Lại nữa, do lực tăng thượng này mà các của cải, đồ dùng ngoài thân thành mãn hay tổn giảm. Đó là y trên *tập khí y xứ* của nghiệp tịnh, bất tịnh qua các hành để kiến lập *khiên dẫn nhân*.

[571b07] Y trên chủng tử hữu nhuận làm y xứ cho nhân, để kiến lập sinh khởi nhân. Vì sao? Các pháp hệ thuộc Dục giới, các pháp hệ

thuộc sắc giới và Vô sắc giới, mỗi pháp tử chủng tử của nó mà được sinh khởi. Ái, là năng nhuận; *chủng tử*, là sở nhuận. Do những chủng tử được chín muồi (sở nhuận) này, trước được dẫn dắt, nay tự thể khác nhau được sinh khởi. Như kinh nói: “*Nghiệp làm cảm sinh nhân*⁶⁵⁰; *ái làm sinh khởi nhân*.” Đó là y trên *chủng tử hữu nhuận y xứ* để kiến lập *sinh khởi nhân*.

[571b13] Y trên vô gián diệt làm y xứ cho nhân, và cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, chân thật kiến làm y xứ cho nhân, để kiến lập nhiếp thọ nhân. Vì sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới là do vô gián diệt nhiếp thọ, cảnh giới nhiếp thọ, căn nhiếp thọ, tác dụng nhiếp thọ, sử dụng nhiếp thọ, mà chư hành chuyển động. Như chư hành ở Dục giới hệ, chư hành Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ cũng như vậy. Nếu do chân thật kiến nhiếp thọ thì ở Bất hệ chư hành chuyển. Đó là y trên *vô gián diệt, cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, chân thật kiến* làm y xứ để kiến lập *nhiếp thọ nhân*.

[571b20] Y trên tùy thuận làm y xứ cho nhân, để kiến lập dẫn phát nhân. Vì sao? Pháp thiện ở Dục giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Dục giới hệ. Cũng vậy, pháp thiện ở Dục giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ. Đó là do tùy thuận nơi nhân.

Như pháp thiện ở Dục giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Sắc giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ, hoặc các pháp thắng thiện ở Bất hệ.

Như pháp thiện ở Sắc giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Vô sắc giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Vô sắc giới hệ và pháp thiện ở Bất hệ.

650 Cảm sinh nhân = khiên dẫn nhân.



Như pháp thiện ở Vô sắc giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Bất hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Bất hệ và năng dẫn phát pháp tác chứng vô vi.

Lại nữa, pháp bất thiện năng dẫn phát pháp thắng bất thiện: Như dục tham năng dẫn phát sân, si, mạn, kiến, nghi, thân ác hành, ngữ ác hành, ý ác hành. Như dục tham, cũng vậy sân, si, mạn, kiến, nghi, theo sự thích hợp nên biết hết [khả năng dẫn phát của chúng].

Lại nữa, pháp vô ký năng dẫn phát pháp thiện, bất thiện và vô ký; đó là thức a-lại-da năng duy trì chủng tử thiện, bất thiện và vô ký.

Lại nữa, pháp vô ký năng dẫn phát pháp thắng vô ký đồng loại: Sự đoàn thực năng dẫn phát hữu tình đã sinh khiến an trú, không hủy hoại, và năng dẫn phát hữu tình vui thích, mạnh khỏe, làm cho tăng trưởng. Đó là do tùy thuận nơi nhân.

Đó là y trên *tùy thuận nhân y xứ* để kiến lập *dẫn phát nhân*.

[571c07] Y trên *công năng sai biệt* làm y xứ cho nhân, để kiến lập định biệt nhân. Vì sao? Do các pháp ở Dục giới hệ, công năng của tự thể có sai biệt, nên sinh khởi đa dạng pháp tự thể sai biệt. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Đó là y trên *công năng sai biệt y xứ* để kiến lập định biệt nhân.

Y trên *hòa hợp* làm y xứ cho nhân, để kiến lập đồng sự nhân. Vì sao? Chính yếu phải có được sự tự sinh hòa hợp mà các pháp ở Dục giới hệ sinh khởi. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như sinh hòa hợp, như vậy đắc hòa hợp, thành lập hòa hợp, hoàn thành hòa hợp, tác dụng hòa hợp cũng vậy. Đó là y trên *hòa hợp y xứ* để kiến lập đồng sự nhân.



[571c16] Y trên *hữu chướng ngại* làm y xứ cho nhân, để kiến lập tương vi nhân. Vì sao? Các pháp ở Dục giới hệ khi tương sinh, nếu hiện tại có chướng ngại thì không sinh khởi được. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như vì muốn sinh, như vậy vì muốn đắc, vì muốn thành lập, vì muốn hoàn thành, vì muốn tác dụng cũng vậy. Đó là y trên *hữu chướng ngại y xứ* để kiến lập *tương vi nhân*.

Y trên *vô chướng ngại* làm y xứ cho nhân, để kiến lập bất tương vi nhân. Vì sao? Các pháp ở Dục giới hệ khi tương sinh, nếu hiện tại không có chướng ngại thì sinh khởi được. Như các pháp ở Dục giới hệ, các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như sự sinh, như vậy sự đắc, thành lập, hoàn thành, tác dụng cũng vậy. Đó là y trên *vô chướng ngại y xứ* để kiến lập *bất tương vi nhân*.

[571c26] Lại nữa, y trên *chủng tử* làm y xứ cho duyên, để kiến lập *nhân duyên*. Y trên *vô gián diệt* làm y xứ cho duyên, để kiến lập đẳng vô gián duyên. Y trên *cảnh giới* làm y xứ cho duyên, để kiến lập sở duyên duyên. Y trên *vô gián diệt* làm y xứ cho duyên để kiến lập đẳng vô gián duyên. Y trên *ngữ, lãnh thọ, căn, tác dụng, sĩ dụng, chân thật kiến, tùy thuận, sai biệt công năng, hòa hợp, chướng ngại, bất chướng ngại* làm y xứ cho duyên, để kiến lập *tăng thượng duyên*.

[571c29] Lại nữa, y trên *tập khí* và *tùy thuận* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *dị thực quả* và đẳng lưu quả. Y trên *chân thật kiến* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *ly hệ quả*. Y trên *sĩ dụng* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *sĩ dụng quả*. Y trên *ngữ, lãnh thọ, vô gián diệt, cảnh giới, căn, tác dụng, sai biệt công năng, hòa hợp, chướng ngại,*



bất chương ngại làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *tăng thượng quả*.

[572a04] Lại nữa, nghĩa của thuận ích là nghĩa của nhân. Nghĩa của kiến lập là nghĩa của duyên. Nghĩa của hoàn thành là nghĩa của quả.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có năm sắc thái: 1. Năng sinh nhân; 2. Phương tiện nhân; 3. Câu hữu nhân; 4. Vô gián diệt nhân; 5. Cữu viễn ly nhân.

Năng sinh nhân là sinh khởi nhân.

Phương tiện nhân là tùy thuyết nhân, quán đãi nhân, lãnh thọ nhân, dẫn phát nhân, định biệt nhân, đồng sự nhân, tương vi nhân, bất tương vi nhân.

Câu hữu nhân là một phần của *nhiep thọ nhân*. Như nhãn đối với nhãn thức; như vậy, nhĩ, tỷ v.v... đối với các thức tương ứng.

Vô gián diệt nhân là sinh khởi nhân.

Cữu viễn ly nhân là khiên dẫn nhân.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có năm sắc thái: 1. Khả ái nhân; 2. Bất khả ái nhân; 3. Tăng trưởng nhân; 4. Lưu chuyển nhân; 5. Hoàn diệt nhân.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có bảy sắc thái:

(1) Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường được gọi là nhân vì nó làm nhân sinh, làm nhân đắc, làm nhân thành lập, làm nhân hoàn thành, làm nhân tác dụng.

(2) Tuy pháp vô thường làm nhân cho pháp vô thường, những cũng cùng tánh chất khác làm nhân, không phải tánh chất của chính nó, cũng cùng tự tánh sau đó làm nhân, không phải ngay nơi sát-na này.



(3) Khi cùng tánh chất khác làm nhân và tự tánh sau đó làm nhân, thì ắt đã sinh chưa diệt, không phải chưa sinh đã diệt.

(4) Khi đã sinh chưa diệt làm nhân, thì ắt có được những duyên khác, không phải không có được.

(5) Khi có được những duyên khác, thì ắt phải thành biến dị, không phải chưa thành biến dị.

(6) Khi thành biến dị, thì ắt có công năng tương ứng, không phải công năng thối lui.

(7) Khi có công năng tương ứng, thì ắt tương xứng, tùy thuận, không phải không tương xứng, không tùy thuận.

Như vậy là bảy sắc thái của nhân, theo chỗ thích hợp mà các nhân được kiến lập.

Lại nữa, nay sẽ nói quyết trạch về *vô vi*.

Kệ tụng:

Là tâm sở duyên v.v...

Là thanh tịnh sở duyên

Là bốn thứ ly hệ

Kiến lập tám vô vi. (kệ 12)

[572a25] Luận giải: Tám thứ vô vi, như phẩm Nhiếp sự đã nói.⁶⁵¹

Hư không vô vi: Do đặc tánh của cảnh sở duyên của tâm thì tương tự nên lập là thường; không phải duyên tâm kia, vì duyên cảnh giới [tương tự] kia có lúc biến đổi.

Do *thanh tịnh sở duyên* mà kiến lập chân như. Do chân như ấy, như thể tướng sở duyên khi thanh tịnh, vì thường an trú như vậy.

651 Hiền dương, phẩm Nhiếp sự, phần 1, mục Vô vi, [484b28]. Vô vi, có tám loại: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như.



Do *bốn thứ ly hệ* mà kiến lập bốn vô vi: phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt.

Bốn thứ ly hệ: (1) Do duyên sai thoát mà hoàn toàn ly hệ (phi trạch diệt vô vi); (2) do trạch diệt phiền não mà hoàn toàn ly hệ (trạch diệt vô vi); (3) do khổ lạc tạm thời ly hệ (bất động vô vi); (4) tâm tâm pháp tạm thời ly hệ (tướng thọ diệt vô vi).⁶⁵²

Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự nhất thiết*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự giới*.

Kệ tụng:

Ba giới phải nên biết

Mười hai tướng sai biệt

Sở trị và năng trị

Chỉ làm tổn phục chúng. (kệ 13)

[572b07] Luận giải: Nên biết ba giới: Dục, Sắc, Vô sắc, có mười hai thứ tướng sai biệt:

1. Đa chủng sai biệt: Đây lại có sáu thứ: đa chủng sở y, đa chủng tướng trạng, đa chủng xứ sở, đa chủng cảnh giới, đa chủng phiền não và đa chủng tác nghiệp.

2. Thú sai biệt.

3. Khổ, lạc, bất khổ bất lạc câu hành sai biệt.

4. Hữu nạn, vô nạn sai biệt: Dục giới hoặc có hữu nạn [xứ], hoặc vô nạn [xứ]. Hai giới ở trên (Sắc giới và Vô sắc giới) ít có khả năng có hữu nạn [xứ].⁶⁵³

652 Bất động và tướng thọ diệt tạm thời ly hệ nên bao hàm trong phi trạch diệt.

653 Hữu nạn: chỉ cho bát nạn. Bát nạn: Tám chỗ chướng nạn cho sự thấy Phật và nghe pháp, cũng gọi là tám chỗ không rành hờ mà tu hành. Đó là: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh; 4. Làm người mà sống ở đại châu Bắc cầu lô, sống quá sướng; 5. Trời Trường thọ, sống quá lâu; 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thể trí biện thông, thông minh lý luận theo trí thức



5. Bất thanh tịnh xứ, bất thanh tịnh thân, v.v... sai biệt: (1) Hoặc có xứ bất thanh tịnh mà thân thanh tịnh: thọ sinh vô nạn xứ ở Dục giới. (2) Hoặc có xứ thanh tịnh, chẳng phải thân thanh tịnh: dị sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới. (3) Hoặc có xứ bất thanh tịnh mà thân bất thanh tịnh: thọ sinh hữu nạn xứ ở Dục giới. (4) Hoặc có xứ thanh tịnh và thân thanh tịnh: bậc đã kiến đế ở Sắc giới và Vô sắc giới.

6. Thọ dụng sai biệt: Ở Dục giới có sự thọ dụng cảnh giới ngoại môn và sự thọ dụng bốn thức ăn. Hai giới ở trên có sự thọ dụng cảnh giới nội môn và sự thọ dụng ba thức ăn.

7. Thiện căn thẳng liệt sai biệt.

8. Thiện căn xen tạp ác hành, không xen tạp ác hành sai biệt.

9. Thô trọng [phiền não] dày mỏng sai biệt.

10. Sự sinh sai biệt.⁶⁵⁴

11. Đắc tự thể sai biệt: Dục giới có đủ bốn thứ đắc tự thể. Hai giới ở trên chỉ có một thứ đắc tự thể, do hai giới này không bị hủy hoại bởi chính mình, cũng không bị hủy hoại bởi người khác.⁶⁵⁵

thế gian; 8. Làm người mà sinh trước hay sau Phật xuất thế hoặc sống ở nơi không có Phật pháp.

654 Bốn cách sinh: noãn, thai, thấp, hóa. Dục giới có cả 4; Sắc giới và Vô sắc giới chỉ có hóa sinh.

655 Câu xá luận, quyển 5, Phân biệt căn, tr. 26c12~27a01: “Theo kinh có bốn trường hợp thành tựu đời sống, loại đời sống có thể bị hủy hoại bởi chính mình chứ không phải bởi người khác, v.v...: (1) Chỉ bị chính mình hủy hoại; đây là trường hợp của các chúng sinh ở các cõi Hỷ vọng niệm thiên (Kṛīḍāpradūṣika) và Ý phần nhuế thiên (Manahpradūṣika) thuộc Dục giới, tự hủy hoại mình bằng sự vui chơi hoặc sân hận quá độ; ở đây cần nói thêm trường hợp các vị Phật tự mình nhập vào Niết-bàn; (2) Chỉ vì người khác hủy hoại; đây là trường hợp các chúng sinh nằm trong thai hoặc trứng; (3) Bị chính mình và người khác hủy hoại; đây là trường hợp chung của các chúng sinh ở Dục giới; ở đây cần nói thêm trường hợp các chúng sinh ở địa ngục (nāraka) và trung hữu, v.v.; (4) Không bị chính mình hoặc người khác hủy hoại; đây là trường hợp của các chúng sinh ở trung hữu, tất cả chúng sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới, một phần chúng sinh ở Dục giới, các chúng sinh ở địa ngục và ở Bắc cầu-lư châu (Uttarakuru), những người đang ở kiến đạo, đang nhập Tứ định, Vô tướng định, Diệt tận định, các vương tiên (rājaraṣi) tức các chuyển luân thánh vương đã từ bỏ đời sống phạm tục, các sứ giả của Phật, những người đã được Phật thọ ký như Đạt-nhị-la (Dharmila), Ó-đát-la (Uttara), Khắc-kỳ-la (Gangila), những người con trai của trưởng giả Da-xá, Cư-ma-la (Yaśas, Kumāra), Thời-bà (Jīvaka), các Bồ-tát ở đời sống cuối cùng, các người mẹ đang mang thai các vị Bồ-tát này, các chuyển luân vương, các người mẹ đang mang thai các vị chuyển luân vương này. (Hỏi) Nếu vậy tại sao khi Xá-lợi-tử hỏi Phật: “Những chúng sinh nào mà đời sống của họ (tự thể, ātmabhāvapratiḷambha) không thể bị hủy hoại bởi chính mình cũng như bởi người khác?” thì Phật đã



12. Ngôn thuyết sai biệt: Ở Dục giới có đủ bốn thứ ngôn thuyết⁶⁵⁶. Sắc giới không có giác, không có suy đạc. Vô sắc giới không có ngôn thuyết nào cả.

Lại nữa, ba giới này có năng trị và sở trị sai biệt: Dục giới là sở trị; Sắc giới là năng trị, Sắc giới là sở trị; Vô sắc giới là năng trị.

Lại nữa, hạ địa là sở trị, thượng địa là năng trị. Như vậy, sự đối trị chỉ là đối trị chung tử tồn phục⁶⁵⁷, làm cho suy yếu, không phải vĩnh viễn hư hoại để tái sinh.

Lại nữa, kệ tụng:

Pháp vương, vị nước biển

Muốn ác thú trường thọ

Nhiều thế giới chung một

Mỗi hai thứ nhân duyên. (kệ 14)

[572c02] Luận giải: Vì nhân duyên gì quý vương Diêm Ma được gọi là Pháp vương? Do nhiếp ích chúng sinh kia. Có hai nguyên nhân

trả lời rằng: “Đó là những chúng sinh ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ”, tức ở Hữu đảnh là tầng trời cao nhất của Vô sắc giới. Như vậy theo đoạn kinh trên làm sao có thể nói rằng đời sống của tất cả chúng sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới đều không bị hủy hoại bởi chính mình cũng như người khác? (Đáp) Truyền thuyết (Vibhāṣā, 151, 12) cho rằng đời sống của chúng sinh ở Sắc giới và ba tầng đầu của Vô sắc giới có thể bị làm tổn hại bởi chính mình - tức bởi Thánh đạo thuộc tự địa - và cũng có thể bị làm tổn hại bởi người khác - tức bởi Thánh đạo nằm ở gần (cận phần, sāmāntaka) tầng cao hơn. Tuy nhiên ở tầng cuối cùng của Vô sắc giới (Hữu đảnh) vì không có Thánh đạo thuộc về tầng này, cũng không có Thánh đạo thuộc về tầng cao hơn cho nên đời sống của các chúng sinh ở đây không bị làm tổn hại bởi chính mình cũng như bởi người khác.” (Đạo Sinh dịch)

656 Ngôn thuyết (nói năng) xuất từ thấy, nghe, hay, biết (kiến, văn, giác, tri), còn gọi là tứ chủng ngôn thuyết thức. Tất cả pháp xứ đều là đối tượng của nhận thức: kiến, văn, giác, tri, tức là cái biết của 6 thức: kiến là nhãn thức, văn là nhĩ thức, giác là 3 thứ tỷ thức, thiết thức và thân thức, tri là ý thức. Du-già sư địa luận, quyển 2: “Bốn thứ ngôn thuyết: Dựa vào sự thấy, nghe, hay, biết mà có ra ngôn thuyết. 1. Ngôn thuyết dựa vào cái thấy: y theo nhãn nên hiện thấy ngoại sắc; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 2. Ngôn thuyết dựa vào cái nghe: Nghe từ người khác; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 3. Ngôn thuyết dựa vào cái hay: không thấy, không nghe, chỉ tự tư duy, đo lường, quán sát; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 4. Ngôn thuyết dựa vào cái biết: bên trong tự có cảm thọ, chứng nghiệm, tiếp xúc, thủ đắc, mỗi đối tượng riêng biệt, do nhân duyên này mà nói năng cho người khác.” (tr. 289b13~b21)

657 Tồn phục chủng 損伏種: Chủng tử phiền não tạm thời bị đè ép là nhờ năng lực của đạo hữu lậu, nhưng nếu gặp duyên (điều kiện thuận lợi) thì lập tức chúng hiện hành trở lại, vì thế gọi là tồn phục.



có thể làm nhiếp ích: 1. Làm cho chúng sinh kia nhớ nghĩ những việc tạo tác ở đời trước, khiến họ tự trách và chán ghét ác nghiệp đời trước; 2. Làm cho họ ở chốn địa ngục không còn tạo thêm ác nghiệp khác, từ đó mau được ra khỏi địa ngục.

Vì nhân duyên gì nước trong các biển lớn đều có vị mặn [và đau buồn]? Do hai nguyên nhân: 1. Chúng sinh dưới nước tăng thêm phước lực, khiến chúng sinh khác không thể thú nhập; 2. Chúng sinh trên cạn tăng thêm phi phước, khiến họ không vào được [đáy biển] để lấy châu báu.

Vì nhân duyên gì một số chúng sinh nơi cõi địa ngục hay súc sinh có thọ lượng dài lâu, không phải chúng sinh ở thiện thú nơi Dục giới? Ác thú mà trường thọ là do hai nguyên nhân: 1. Pháp thiện ở Dục giới cần phải tư trạch và nỗ lực mới sinh khởi được; 2. Các pháp bất thiện nhiệm vận sinh khởi, không do tư trạch.

Vì nhân duyên gì trong ba ngàn thế giới đại thiên có nhiều thế giới, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh⁶⁵⁸, thế mà đồng nói là một thế giới chỉ đến trời Phạm thế⁶⁵⁹? Do hai nguyên nhân: 1. Vì cùng thành hoại; 2. Vì kiến lập chúng hội.

658 Sắc cứu cánh thiên 色究竟天 (S: Akanīṣṭha). Hán âm: A-ca-ni-tra, A-ca-ni-su-tra, A-ca-ni-tra, A-ca-ni-sát-trá. Cũng gọi Ngại cứu cánh thiên, Chất ngại cứu cánh thiên, Nhất cứu cánh thiên, Nhất thiện thiên, Vô kết ái thiên, Vô tiểu thiên. Tầng trời cao nhất trong Tứ thiên thiên thuộc cõi Sắc, 1 trong 18 tầng trời cõi Sắc, 1 trong Ngũ tịnh cư thiên. Người tu Tứ thiên tối thượng phẩm được sinh về cõi trời này, quả báo ở đây thủ thắng nhất trong cõi Sắc.

659 Phạm thế 梵世 (S: Brahmāloka): Cũng gọi Phạm sắc giới, Phạm thế thiên, Phạm thế giới, Phạm giới (bao gồm các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm). Chỉ cho thế giới do Phạm thiên vương thống lãnh, chi phối. Từ ngữ này cũng có thể được dùng để gọi chung các vị trời ở cõi Sắc, vì những người sống ở thế giới này đã dứt bỏ dâm dục, nên xưa nay ở Ấn Độ hạnh ly dục, thanh tịnh được gọi là Phạm hạnh.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Chín

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 3)

[572c24] Luận giải: Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự giới*. Trong thắng quyết trạch về *sự tạp nhiễm*⁶⁶⁰, (1) Nay sẽ nói thắng quyết trạch về *phiền não tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Ý tương ưng bốn hoặc

Biển hành mà cùng khởi

Vô ký, tối hậu diệt

Theo đó sinh tánh kia. (kệ 15)

[572c28] Luận giải: Ý (: thức mặt-na) tương ưng với phiền não thì biến hành tất cả vị, hiện hành cùng lúc với tất cả tâm hữu lậu thiện v.v..., không có trái nghịch

Lại nữa, phiền não này đều là câu sinh, không phải do phân biệt mà sinh khởi. Nó có tánh hữu phú vô ký, không phải là tánh bất thiện, được đoạn diệt tức khắc ở giai đoạn tối hậu là kim cang dụ định⁶⁶¹.

Lại nữa, phiền não này có bốn thứ: vô minh, sát-ca-da kiến, ngã

660 Sự tạp nhiễm, có 3: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm.

661 Theo Câu xá luận, tr. 126b20: Kim cang dụ định thuộc vô gián đạo thứ chín, đoạn trừ tu hoặc phiền não phẩm 9 thuộc Hữu danh; vị này được gọi là A-la-hán hướng. Tiếp theo là giải thoát đạo, tận trí xuất hiện, đặc quả Vô học A-la-hán.



mạn và ngã ái. Tùy theo bồ-đặc-già-la được sinh trong một giới địa, và ý này tương ưng với phiền não, tức là nói ý này được nhiếp vào thể tánh của giới địa ấy.

Lại nữa, kệ tụng:

Tất cả, sinh tương tục

Hiện khởi và với duyên

Tùy miên, cảnh, thô trọng

Mỗi sai biệt hai mươi. (kệ 16)

[573a08] Luận giải: Nếu sinh ở giới này, địa này, thì tức là trong giới địa ấy, tất cả phiền não sinh khởi liên tục.

Lại nữa, phiền não tạp nhiễm này hoặc hiện hành, hoặc duyên, hoặc tùy miên, hoặc cảnh sở duyên, hoặc thô trọng, mà mỗi thứ có hai mươi sắc thái.

Phiền não hiện hành có hai mươi thứ: 1. Phiền não hiện hành theo những ham muốn: là người tại gia; 2. Phiền não hiện hành không theo những ham muốn: là người xuất gia; 3. Phiền não hiện hành do không biết rõ: là người sống với pháp [luật] được thuyết một cách tệ hại; 4. Phiền não hiện hành do có biết rõ: là người sống với pháp [luật] được thuyết một cách khéo léo; 5. Phiền não hiện hành hổ tương tăng thượng: là người tham hành, sân hành và si hành; 6. Phiền não hiện hành đều bình đẳng: là người đặng phần hành; 7. Phiền não hiện hành nhỏ nhẹ: là người bạc trần hành;⁶⁶² 8. Phiền não hiện hành ngoại môn: là người chưa ly dục; 9. Phiền não hiện hành nội môn: là người ly dục bởi thể gian đạo; 10. Phiền não hiện hành tăng thượng: là các dị sinh;

662 Xem Hiển dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bảy hạng người: Nhuyến căn, lợi căn, tham hành, sân hành, si hành, đặng phần hành, bạc trần hành.



11. Phiền não hiện hành do thất niệm: là các bậc hữu học; 12. Phiền não hiện hành do phân biệt: là người chấp trước cứng chắc; 13. Phiền não hiện hành do câu sinh⁶⁶³: là người không chấp trước cứng chắc; 14. Phiền não hiện hành do quán sát (: tầm tư): là người ưa thích quán sát; 15. Phiền não hiện hành do không tự tại: là người thùy miên⁶⁶⁴; 16. Phiền não hiện hành do tự tại: là người giác ngộ; 17. Phiền não hiện hành bất khả cứu: là người không có pháp đưa đến niết bàn; 18. Phiền não hiện hành khả cứu: là người có pháp đưa đến niết bàn;⁶⁶⁵ 19. Phiền não hiện hành do nắm giữ các tướng: là người tầm tư tùy pháp quán mà nắm giữ các tướng; 20. Phiền não hiện hành do không nắm giữ các tướng: là người tầm tư tùy pháp quán mà không nắm giữ các tướng.⁶⁶⁶

Duyên của phiền não có hai mươi thứ: 1. Khổ; 2. Lạc; 3. Bất khổ bất lạc; 4. Dục; 5. Tầm; 6. Xúc; 7. Tập quen từ đời trước; 8. Tùy miên; 9. Không thân cận thiện hữu; 10. Không lắng nghe chánh pháp; 11. Không như lý tác ý; 12. Bất tín; 13. Giải đãi; 14. Thất niệm; 15. Tán loạn; 16. Bất chánh tri; 17. Phóng dật và phiền não; 18. Dị sinh tánh; 19. Chưa ly dục; 20. Do thọ sinh.⁶⁶⁷ [Dựa vào các duyên này mà phiền não hiện hành.]

[573b02] **Tùy miên của phiền não** có hai mươi thứ: 1. Tùy miên ở Bất định địa; 2. Tùy miên ở Định địa; 3. Tùy miên theo tự cảnh; 4. Tùy miên theo tha cảnh; 5. Tùy miên bị tổn; 6. Tùy miên chưa bị tổn;

663 Phiền não sinh khởi một cách tự nhiên.

664 Thùy miên: đó là sự muội lược khiến cho thân không được tự tại, tâm cực kỳ u tối. Nó cản trở cho sự tu quán.

665 Xem Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Khả cứu, bất khả cứu sai biệt.

666 Du-già sư địa luận, quyển 59, tr. 629b13~c08: "Hiện hành phiền não có 20 thứ, nghĩa là 20 loại bổ-đặc-già-la dựa vào 20 duyên để sinh khởi 20 thứ phiền não hiện hành."

667 Du-già sư địa luận không có duyên thọ sinh. Duyên phóng dật và duyên phiền não tách riêng ra.



7. Tùy miên tăng theo; 8. Tùy miên không tăng theo; 9. Tùy miên đầy đủ; 10. Tùy miên giảm thiểu; 11. Tùy miên có thể hại; 12. Tùy miên không thể hại; 13. Tùy miên thêm lên; 14. Tùy miên bình đẳng; 15. Tùy miên nhỏ nhẹ; 16. Tùy miên được giác ngộ; 17. Tùy miên không được giác ngộ; 18. Tùy miên sinh nhiều khổ; 19. Tùy miên sinh ít khổ; 20. Tùy miên không sinh khổ.⁶⁶⁸

668 Phiền não là chỉ cho các pháp tối tâm, phiền muộn như: Kiến, tư, vô minh... làm não loạn tâm thân. Tùy miên là những phiền não đeo đuổi chúng sinh, ngủ ngầm trong thức A-lại-da, khi đủ nhân duyên thì hiện khởi. Hai mươi loại phiền não tùy miên là: 1. Bất định địa tùy miên: Phiền não ở cõi Dục. Bất định địa chỉ cho cõi Dục, là cõi tán loạn; nghĩa là người ở cõi Dục vì không tu thiền định nên bị phiền não của các căn theo đuổi không bỏ. 2. Định địa tùy miên: Định địa chỉ cho cõi Sắc và cõi Vô sắc; nghĩa là người ở 2 cõi này tuy tu thiền định, xa lìa các khổ của cõi Dục, nhưng vẫn còn bị các phiền não: tham, si, ái và mạn theo đuổi, không bỏ. 3. Tùy tự cảnh tùy miên: Phiền não theo đuổi tự cảnh. Trong 3 cõi, mỗi cõi đều có cảnh sở nhiếp riêng, tùy theo các căn khởi diệt mà sinh ra các phiền não kiến chấp, đeo đuổi liên tục không ngừng. 4. Tùy tự tha cảnh tùy miên: Phiền não theo đuổi cảnh khác. Nghĩa là ở cõi Sắc mà khởi phiền não cõi Dục, hoặc ở cõi Vô sắc mà khởi phiền não cõi Sắc, hoặc ở cõi Dục mà ưa thích thiền định của 2 cõi trên, sinh ra đả trước, không biết xa lìa. 5. Bị tổn tùy miên: Bị tổn hại bởi tùy miên; nghĩa là chúng sinh luôn luôn bị các phiền não của cõi Dục làm tổn hại, vì các phiền não ấy thường ngấm ngấm theo đuổi không thôi. 6. Bất bị tổn tùy miên: Không bị tổn hại bởi tùy miên; nghĩa là người đã sinh lên cõi Sắc nên không còn bị phiền não của cõi Dục làm tổn hại; hoặc chưa lìa cõi Dục, tuy phiền não thường ngấm ngấm đeo đuổi nhưng không gây tổn hại. 7. Tùy tăng tùy miên: Tùy miên tăng theo; nghĩa là chúng sinh trong 3 cõi đều khởi phiền não ở nơi cảnh của mình, tùy thời mà các phiền não ấy tăng trưởng, đeo đuổi ngấm không thôi. 8. Bất tùy tăng tùy miên: Tùy miên không tăng theo; nghĩa là người trong thiền định ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, không theo cảnh khác nên phiền não không tăng thêm, nhưng vì phiền não chưa bị đoạn trừ nên vẫn ngấm đeo đuổi, không rời bỏ. 9. Cụ phần tùy miên: Tùy miên toàn phần; nghĩa là chúng sinh đối với tất cả trần cảnh khởi lên đủ các phiền não tham, sân, si... không thiếu một phần nào. 10. Bất cụ phần tùy miên: Tùy miên không đủ phần; nghĩa là bậc Thánh Sơ quả Thanh văn (quả Tu đà hoàn) tuy đã dứt hết Kiến hoặc trong 3 cõi, nhưng còn Tư hoặc thì chưa dứt được toàn phần, nên gọi là Bất cụ phần tùy miên. 11. Khả hại tùy miên: Tùy miên có thể gây hại; nghĩa là bậc Thanh văn tu đạo phẩm (37 đạo phẩm), tuy đã dứt hết Kiến hoặc và Tư hoặc mà chứng niết bàn, nhưng tập khí vô minh vẫn còn đeo đuổi ngấm, không rời, nên có thể gây tổn hại. 12. Bất khả hại tùy miên: Tùy miên không thể hại; nghĩa là chúng sinh phạm phu không tu 37 đạo phẩm, không đoạn trừ phiền não hoặc nghiệp, cho nên phiền não theo đuổi không thôi. 13. Tăng thượng tùy miên: Tùy miên thêm lên; nghĩa là các phiền não tham, sân, si ... dần dần tăng thêm lên, theo đuổi không rời. 14. Bình đẳng tùy miên: Tùy miên bình đẳng; nghĩa là các phiền não tham, sân, si... cùng khởi lên 1 lúc, theo đuổi không ngừng. 15. Hạ liệt tùy miên: Tùy miên thấp kém (nhỏ nhẹ); nghĩa là người tu hành cầu ra khỏi cõi Dục, tầm niệm đối với các trần cảnh yếu kém, nên gọi là Hạ liệt tùy miên. 16. Giác ngộ tùy miên: Tùy miên được giác ngộ; nghĩa là người có khả năng biết tất cả phiền não và nghiệp quả đồng thời trôi lăn, tuy biết như thế nhưng chưa thể đoạn trừ được, cho nên gọi là Giác ngộ tùy miên. 17. Bất giác ngộ tùy miên: Tùy miên không được giác ngộ; nghĩa là hết thấy phiền não trôi buộc, đeo đuổi căn thức, không lìa bỏ nhau, vậy mà con người không hề hay biết nên gọi là Bất giác ngộ tùy miên. 18. Năng sinh đa khổ tùy miên: Tùy miên hay sinh nhiều khổ; nghĩa là các phiền não tham, sân ...



[573b10] *Cảnh sở duyên của phiền não* có hai mươi thứ: 1. Duyên cảnh hữu sự; 2. Duyên cảnh vô sự;⁶⁶⁹ 3. Duyên cảnh tự tướng; 4. Duyên cảnh cộng tướng; 5. Duyên cảnh hiện thấy; 6. Duyên cảnh không hiện thấy;⁶⁷⁰ 7. Duyên cảnh ngoại môn; 8. Duyên cảnh nội môn;⁶⁷¹ 9. Duyên cảnh phiền não tự loại; 10. Duyên cảnh phiền não tha loại;⁶⁷² 11. Duyên tự cảnh; 12. Duyên tha cảnh;⁶⁷³ 13. Duyên vô cảnh⁶⁷⁴; 14. Duyên cảnh hữu lậu; 15. Duyên cảnh vô lậu; 16. Duyên cảnh hữu vi; 17. Duyên cảnh vô vi; 18. Duyên cảnh tự tâm phân biệt⁶⁷⁵; 19. Duyên cảnh ức niệm phân biệt⁶⁷⁶; 20. Duyên cảnh sự tướng⁶⁷⁷.

Thô trọng của phiền não có hai mươi thứ: 1. Thô trọng tánh chấp; 2. Thô trọng tánh phiền não; 3. Thô trọng tánh nghiệp; 4. Thô

của cõi Dục hay sinh ra nhiều đau khổ. 19. Năng sinh thiếu khổ tùy miên: Tùy miên hay sinh ít khổ; nghĩa là người ở trong thiền định của cõi Sắc và cõi Vô sắc tuy không có các khổ của cõi Dục, nhưng vẫn còn tâm ưa thích cõi trên, nhàm chán cõi dưới, đó cũng là phiền não, cho nên gọi là Năng sinh thiếu khổ tùy miên. 20. Bất năng sinh khổ tùy miên: Tùy miên không thể sinh khổ; nghĩa là hàng Bồ tát tuy đã lìa các khổ, nhưng vẫn còn tâm tự hành lợi tha và đó cũng là phiền não.

669 Duyên cảnh hữu sự: là duyên đối tượng của tham dục. Duyên cảnh vô sự là duyên đối tượng của các kiến và mạn, vì trong các hành thật không có ngã mà có sự phân biệt. Đối tượng của vô minh và nghi thì gồm trong hữu sự và vô sự.

670 Cảnh hiện thấy là cảnh hiện tại. Cảnh không hiện thấy là cảnh quá khứ và vị lai.

671 Duyên cảnh ngoại môn là duyên năm thứ dục lạc. Duyên cảnh nội môn là duyên 6 xứ ở Bất định địa và Định địa mà sinh phiền não.

672 Tự thân một phiền não nào đó là tự loại phiền não. Một phiền não khác đối với phiền não này là tha loại phiền não. Như đang duyên với cảnh tham, rồi quay sang duyên với cảnh sân.

673 Duyên tự cảnh là duyên cảnh giới sở duyên của 5 thức thân, hoặc trực tiếp, hoặc không trực tiếp. Duyên tha cảnh là duyên pháp cảnh, đối tượng của ý thức. Lại nữa, tự cảnh là duyên các hành của chính Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới; tha cảnh là Sắc giới duyên Dục giới, Vô sắc giới duyên Sắc giới.

674 Như khi duyên cảnh tượng quá khứ, vị lai và cảnh trong mộng, cảnh không thật như không hoa, lông rùa, sừng thỏ; chúng không phải cảnh thật mà thức vẫn hiện thấy có.

675 Tất cả các pháp tánh đều là cảnh giới của tự tâm phân biệt, hàng phàm phu không thể hiểu rõ.

676 Ưc niệm phân biệt còn gọi là tùy niệm phân biệt, đó là sự nhớ nghĩ, phân biệt cảnh giới quá khứ. v.v... mà sinh ra các hý luận. Sự phân biệt có 3 loại: danh ngôn phân biệt, tự tánh phân biệt và sai biệt phân biệt.

677 Cảnh sự tướng là cảnh giới của 6 trần, đối tượng của ý thức liễu biệt.



trọng phiền não chướng; 5. Thô trọng sở tri chướng; 6. Thô trọng định chướng; 7. Thô trọng nghiệp chướng; 8. Thô trọng báo chướng; 9. Thô trọng triền cái chướng; 10. Thô trọng tư duy không chính xác; 11. Thô trọng sầu não; 12. Thô trọng sợ hãi; 13. Thô trọng mệt mỏi; 14. Thô trọng bốn thức ăn; 15. Thô trọng chiêm bao; 16. Thô trọng dâm dục; 17. Thô trọng đại chúng chống trái; 18. Thô trọng thời phần biến đổi; 19. Thô trọng sự chết; 20. Thô trọng biến hành.

Lại nữa, nói, sự hiểu biết sơ lược về phiền não thì nó có năm sắc thái: sắc thái tự thể, sắc thái nguyên nhân, sắc thái phẩm loại, sắc thái tâm tán loạn khi đối cảnh và sắc thái kết quả.

Lại nữa, ngang đầu để biết phiền não tùy miên và bất thiện?

Kệ tụng:

Là tùy thuận tự sinh

Chủng tử, tăng thượng sự

Và sinh bốn làm lỗi

Là bất tịnh ba nhân. (kệ 17)

[573c01] Luận giải: Có bốn lý do để gọi là tùy miên: 1. Tùy thuận tự sinh: khi phiền não sự⁶⁷⁸ tùy thuận phiền não này; 2. Chủng tử

678 Sự là nguyên nhân. Phiền não sự là nguyên nhân của phiền não. Du-già sự địa luận, quyển 55: "Hỏi: Lúc phiền não sinh khởi, do bao nhiêu phiền não sự để được sinh? Đáp: Tham do 10 sự: 1. Thủ uẩn; 2. Các kiến; 3. Cảnh giới chưa được; 4. Cảnh giới đã được 5. Cảnh giới quá khứ đã thọ dụng; 6. Ác hạnh; 7. Nam nữ; 8. Thân hữu; 9. Cửa cái; 10. Hậu hữu và vô hữu ... Sân cũng có 10 sự: 1. Thân minh; 2. Những tình hữu tình yêu thích; 3. Những gì hữu tình không yêu thích; 4. Oán thân quá khứ; 5. Oán thân vị lai; 6. Oán thân hiện tại; 7. Cảnh không vừa ý; 8. Tật đổ; 9. Tập quen đời trước; 10. Tha kiến ... Vô minh nương 7 sự mà khởi: 1. Sự đời; 2. Sự an lập thế gian; 3. Sự chuyển vận; 4. Sự tối thắng; 5. Sự chân thật; 6. Sự tạp nhiễm và thanh tịnh; 7. Sự tăng thượng mạn ... Mạn nương 6 sự mà sinh: 1. Hữu tình kém hơn; 2. Hữu tình ngang bằng; 3. Hữu tình vượt hơn; 4. Nội thủ uẩn; 5. Đã đắc, chưa đắc điên đảo; 6. Công đức điên đảo. Nương 6 sự đầy sinh 7 chủng mạn là mạn, quá mạn, v.v... Nên biết hai mạn đầy nương sự vượt hơn hữu tình mà phát khởi; còn lại mỗi mạn nương một sự mà phát khởi ... Kiến nương 2 sự mà sinh: 1. Sự tăng thêm; 2. Sự tổn giảm ... Nghi nương 6 sự mà sinh: 1. Không được nghe chánh pháp; 2. Gặp thầy hành tà kiến; 3. Đã có tín thọ mà ý kiến sai khác; 4. Tánh tự ngu muội; 5. Pháp tánh thâm sâu; 6. Giáo pháp rộng sâu." (tr. 603b08~c23)



theo đuổi trời buộc; 3. Do sự thêm lên chủng tử; 4. Sinh bốn lầm lỗi.

Bốn lầm lỗi: 1. Lầm lỗi không tịch tĩnh; 2. Lầm lỗi sai biệt (: nội ngoại biến đổi)⁶⁷⁹; 4. Lầm lỗi phát khởi ác hành; 4. Lầm lỗi nhiếp thọ nhân.⁶⁸⁰ Ở đây, lầm lỗi thứ nhất do thứ hai hiển thị, và cả ba lầm lỗi do lầm lỗi thứ tư hiển thị.

Hỏi: Ngang đầu để biết sắc thái của phiền não bất thiện?

Đáp: Do ba lý do: 1. Cường thịnh; 2. Tán loạn hữu tình; 3. Chướng ngại điều thiện.

(2) Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trách về *nghiệp tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Nghiệp tư, nghiệp dã tư

Sai biệt có mười ba

Quả ấy sáu, ba vị

Năm thứ nghiệp quyết định. (kệ 18)

[573c11] Luận giải: Nói sơ lược thì nghiệp có hai thứ: nghiệp tư và nghiệp dã tư.⁶⁸¹

679 Quy Sơn cảnh sách: “Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoàng bất tranh chi đức.” (Trong thi siêng về công phu khắc niệm, ngoài thì bữa ra đức tính không tranh)

680 Du-già sư địa luận, quyển 56: “Lầm lỗi thứ nhất gây ra sự quấy nhiễu hiện hành. Lầm lỗi thứ hai gây ra các phiền não sự theo đuổi phiền não. Lầm lỗi thứ ba gây ra nhân duyên cho phiền não. Lầm lỗi thứ tư gây ra sự dẫn phát hậu hữu.” (tr. 608a18-21)

681 Tư nghiệp cập tư dĩ nghiệp 思業及思已業: Nghiệp được tư duy, và nghiệp sau khi tư duy rồi hành động bởi thân, miệng và ý. Trung A-hàm, phẩm Lâm, kinh Đạt phạm hạnh, số 111: “Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp tư và nghiệp dã tư. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết từ do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sanh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp sanh vào địa ngục, có nghiệp sanh vào súc sanh, có nghiệp sanh vào ngạ quỷ, có nghiệp sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp sanh vào cõi người. Đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỷ-kheo biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp,



Nghiệp lại có mười ba thứ sai biệt: 1. Nghiệp thân; 2. Nghiệp ngữ; 3. Nghiệp ý; 4. Nghiệp luật nghi sở nhiếp; 5. Nghiệp bất luật nghi sở nhiếp; 6. Nghiệp phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp;⁶⁸² 7. Nghiệp phước; 8. Nghiệp phi phước; 9. Nghiệp bất động;⁶⁸³ 10. Nghiệp hắc hắc dị thực; 11. Nghiệp bạch bạch dị thực; 12. Nghiệp hắc bạch bạch dị thực; 13. Nghiệp phi hắc bạch vô dị thực, có năng lực đoạn tận các nghiệp.⁶⁸⁴

Các nghiệp như vậy có sáu quả và ba vị.

biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Người ta thường dùng từ “nghiệp dĩ” để nói cái nghiệp đã trôi làm, đã trôi mang, vốn như thế.

682 Ba thứ nghiệp được chia loại theo luật nghi: 1. Luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Luật nghi nhiếp), có 3 thứ: Nghiệp được nhiếp vào Biệt giải thoát luật nghi, nghiệp được nhiếp vào Tinh lự đẳng chí quả đoạn luật nghi và nghiệp được nhiếp vào Vô lậu luật nghi. 2. Bất luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Bất luật nghi nghiệp): Du-già sư địa luận, quyển 9 liệt kê 12 thứ Bất luật nghi sở nhiếp nghiệp là: Giết dê, bán gà, bán lợn, bắt chim, bẫy thỏ, trộm cắp, đồ tể, giữ ngục, dèm pha, cai ngục, bắt voi, dùng chú thuật hại rồng. 3. Phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Phi luật nghi phi bất luật nghi nghiệp): Trừ Luật nghi nghiệp và Bất luật nghi nghiệp nói trên, tất cả thiện nghiệp, bất thiện nghiệp và vô ký nghiệp còn lại đều thuộc Phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp nghiệp.

683 Ba thứ nghiệp được chia loại theo cảnh giới trên dưới và cảm quả đáng ưa, không đáng ưa khác nhau. Đó là: 1. Nghiệp phước: Nghiệp chiêu cảm quả thiện cõi Dục; nghiệp này có công năng mang lại quả đáng ưa, có ích cho hữu tình. 2. Nghiệp phi phước: Cũng gọi Tội nghiệp, là nghiệp chiêu cảm quả ác ở cõi Dục; nghiệp này có công năng mang lại quả không đáng ưa, gây tổn hại cho hữu tình. 3. Nghiệp bất động: Nghiệp chiêu cảm quả thiện ở cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nghiệp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, nhờ sức định nên nghiệp Sơ thiên chắc chắn cảm quả Sơ thiên, nghiệp Nhị thiên nhất định cảm quả Nhị thiên, nghiệp và quả này đều không biến động, vì thế gọi là bất động; trái lại, nghiệp cõi Dục thì thường bị các duyên khác làm cho biến động, cho nên gọi là động nghiệp.

684 Nhiều phẩm Kinh gọi các nghiệp thiện là bạch nghiệp (nghiệp trắng), gọi nghiệp ác là hắc nghiệp (nghiệp đen), gọi các hành động duy tác của các bậc Thánh là phi hắc, phi bạch (nghiệp không trắng, không đen). Nếu phân loại về tánh chất của nghiệp thì có thuyết Bốn nghiệp, đó là: Hắc hắc dị thực nghiệp, Bạch bạch dị thực nghiệp, Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp, Phi hắc phi bạch vô dị thực nghiệp. Thứ nhất, Hắc hắc dị thực nghiệp là nghiệp tự nó là đen (tức là ác), do đó mà chiêu cảm quả dị thực ở ác thú. Thứ hai, Bạch bạch dị thực nghiệp là thiện nghiệp ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ. Thứ ba, Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp là thiện nghiệp ở Dục giới hệ, chủ yếu cảm chiêu quả báo ở cõi người, cõi trời. Thứ tư, Phi hắc phi bạch vô dị thực nghiệp là nghiệp vô lậu không cảm dị thực, tức là chỉ cái công dụng của sự đã vĩnh viễn đoạn diệt nghiệp hữu lậu. Trong bốn nghiệp, có thể nói thứ tư là nghiệp giải thoát và đứng trên lập trường tu dưỡng. Bạch bạch dị thực nghiệp nếu ngưng ở ba cõi thì vẫn là còn chướng ngại đạo giải thoát. Vì vậy trong kinh gọi tắt phiền não chướng, nghiệp chướng và dị thực chướng là ba chướng chính ngăn ngại Thánh đạo và các thiện căn gia hạnh trước đó. Xuất xứ của bốn nghiệp này ở Trung A-hàm, quyển 27, kinh Đạt Phạm hạnh (Đại chính, 1, tr. 690, thượng). Tập dĩ môn túc luận, quyển 7 (Đại chính, 26, tr. 396, thượng); Bà sa, quyển 114 (Đại chính, 27, tr. 599, hạ); Câu xá, quyển 17; Thành Thật, quyển 8 (Tứ nghiệp phẩm 107).



Sáu quả: 1. Quả khả ái; 2. Quả không khả ái; 3. Quả thanh tịnh; 4. Quả dị thực; 5. Quả đặng lưu; 6. Quả tăng thượng.

Ba vị: 1. Tác dụng vị; 2. Tập khí vị; 3. Dự quả vị.

Lại nữa, các nghiệp như vậy có năm thứ quyết định: 1. Quyết định hiện pháp thọ; 2. Quyết định sinh thọ; 3. Quyết định hậu sai biệt thọ;⁶⁸⁵ 4. Quyết định thọ báo; 5. Quyết định tác nghiệp.⁶⁸⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Tự nghiệp v.v... bốn thứ

Đây tiên thực cũng bốn

Lại chín thứ nên biết

Tức hai thứ sai biệt. (kệ 19)

[573c25] Luận giải: Như đức Bạc-già-phạm dạy: “*Ma-nạp-bà*⁶⁸⁷ nên biết, tất cả hữu tình tạo tác tự nghiệp, nghiệp là gốc rễ tranh cãi, từ nghiệp được sinh ra, nghiệp làm chỗ y thú.”⁶⁸⁸

685 Ba quyết định đầu là thuận hiện nghiệp (nghiệp thiện ác tạo tác ở đời hiện tại chịu quả báo ngay ở đời hiện tại), thuận sinh nghiệp (nghiệp thiện ác tạo tác trong đời hiện tại sẽ chịu quả báo ở đời sau) và thuận hậu nghiệp (nghiệp đời này tạo tác đến đời thứ 3 về sau mới chịu quả báo).

686 A-tỳ-đạt-ma tập luận, quyển 7, tr. 679a21, nêu ra 3 thứ quyết định thọ nghiệp là: Tác nghiệp quyết định, Thọ dị thực quyết định và Phần vị quyết định, rồi luận này giải thích: 1. Tác nghiệp quyết định: Do sức nghiệp ở đời trước mà ở trong đời này nhất định sẽ tạo tác một loại nghiệp nào đó; 2. Thọ dị thực quyết định: Quả báo phải chịu đã quyết định; 3. Phần vị quyết định: Thời gian chịu quả và quả của Thuận hiện, Thuận sinh và Thuận hậu đã quyết định.

687 Ma-nạp-bà 摩訶婆 (S: Mānavaka): Cũng gọi Ma-nạp-phước-ca 摩訶縛迦, Ma-na-bà 摩那婆. Hán dịch: Nho đồng, Thiểu niên, Nhân đồng tử, Niên thiếu, Niên thiếu tịnh hành, Tịnh trí. Tức là thanh thiếu niên, đặc biệt chỉ cho thanh thiếu niên bà-la-môn.

688 Trung bộ kinh, Tiểu kinh Nghiệp phân biệt, số 135: “Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.” (HT. Thích Minh Châu dịch) Kinh Bốn sự 本事經, No. 765: “Từ đức Thế Tôn tôi được nghe lời như vậy: ‘Các Bì-sô nên biết, tất cả hữu tình đều do tự nghiệp, nghiệp là người bạn, nghiệp là cửa thọ sinh, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là chỗ y thú. Nghiệp phân định được các phẩm loại thấp, vừa và cao của tất cả hữu tình. Cho nên các ông phải nên khéo biết về tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại của các nghiệp, dị thực của các nghiệp.’” (tr. 663b01~04) Tránh bốn 諍本: gốc rễ tranh cãi. Tự nghiệp: Tự tác nghiệp, trở lại tự thọ quả báo dị thực.



Như vậy, nghiệp là nghiệp tự mình tạo tác, có bốn đặc điểm nên biết: đối với sự tự tương tục, nghiệp (1) có năng lực đưa đến quả; (2) năng trị và sở trị ở ngay hiện tại; (3) từ đời quá khứ sinh đời hiện tại, chiêu cảm hữu ở vị lai; (4) làm nghiệp [năng dẫn] dứt hết; gọi nghiệp là chỗ y thú.

Lại nữa, về nghiệp báo nên biết có bốn thứ nghiệp báo thực trước sau: (1) Trọng nghiệp báo thực; (2) Tội cận nghiệp báo thực; (3) Quán tập nghiệp báo thực; (4) Tác nghiệp báo thực.⁶⁸⁹

Lại nữa, về nghiệp bất khả đoạn nên biết là dị thực quyết định⁶⁹⁰.

689 Tùy theo thứ tự ưu tiên của quả dị thực, nghiệp được phân làm 4 loại như sau:

(1) Trọng nghiệp: Đây là loại nghiệp tạo ra dị thực quả của nó ngay trong kiếp này hay kiếp kế. Về phương diện thiện của nghiệp này, thì các trạng thái tâm vi tế hay tâm thiền là trọng nghiệp. Bởi vì chúng tạo ra quả dị thực lạ hơn những trạng thái tâm thô thông thường. Ngược lại, năm loại trọng tội cho quả tức thời, được gọi là trọng nghiệp. Năm trọng tội đó là: giết cha, giết mẹ, giết một vị A-la-hán, làm thân Phật ra máu và phá hoại hợp Tăng.

(2) Cận tử nghiệp: Nghiệp này là hành động mà người ta thực hiện lúc lâm chung hoặc bằng thân hay bằng tâm; bằng tâm là nghĩ đến những hành động thiện hay ác mà họ đã làm trước đây, hay có những ý nghĩ tốt hoặc xấu. Đây chính là loại nghiệp, mà nếu không có trọng nghiệp, nó sẽ quyết định điều kiện tái sanh.

(3) Thường nghiệp (tập quán nghiệp): Là nghiệp mà người ta thường xuyên làm trong kiếp sống. Nghiệp này trong trường hợp không có cận tử nghiệp, sẽ tạo ra hay quyết định sự tái sanh.

(4) Tích lũy nghiệp: Là nghiệp sau cùng trong thứ tự ưu tiên của quả dị thực. Đây là nghiệp không dùng cạn của một chúng sanh đặc biệt, và nó tạo điều kiện cho lần sanh kế tiếp, nếu không có thường nghiệp tác động.

690 Nghiệp quyết định chịu quả dị thực và quyết định thời phần chịu quả dị thực. Luận Câu xá, quyển 15, chia nghiệp quyết định làm 3 loại:

1. Thuận hiện pháp thọ nghiệp (Thuận hiện nghiệp): Nghiệp được tạo tác ở đời này tăng trưởng thì ở đời này chịu quả báo dị thực.

2. Thuận thứ sinh thọ nghiệp (Thuận thứ nghiệp, Thuận sinh nghiệp): Nghiệp tạo tác ở đời này tăng trưởng, qua đời thứ 2 mới chịu quả báo dị thực.

3. Thuận hậu thứ thọ nghiệp (Thuận hậu nghiệp): Nghiệp đời này tạo tác tăng trưởng, đến đời thứ 3, đời thứ 4 hoặc trong nhiều đời sau nữa mới chịu quả báo dị thực.

Cứ theo luận Đại tỷ bà sa, quyển 114, thì các nhà Thí dụ cho rằng tất cả nghiệp đều có thể chuyển, kể cả nghiệp vô gián, tức 3 loại nghiệp Thuận hiện, v.v... nói trên đều là nghiệp bất định. Tuy nhiên, A-tỳ-đạt-ma luận sư thì chủ trương 3 nghiệp Thuận bất định thọ là có thể chuyển. Luận Đại tỷ bà sa còn cho biết có các Luận sư khác lập các thuyết Ngũ nghiệp, Bát nghiệp ... Ngũ nghiệp là ngoài 3 loại Định nghiệp ra, Bất định nghiệp được chia làm 2 thứ là: nghiệp Dị thực quyết định và nghiệp Dị thực bất quyết định, cộng chung thành 5 thứ nghiệp, trong đó chỉ có nghiệp Dị thực bất quyết định là có thể chuyển. Còn thuyết Bát nghiệp là 4 nghiệp Thuận hiện, Thuận sinh, Thuận hậu, Thuận bất định, mỗi nghiệp được chia làm 2 thứ là Dị thực quyết định và Dị thực bất quyết định, trong đó, các nghiệp Dị thực quyết định đều không thể chuyển, còn các Dị thực bất quyết định thì đều có thể chuyển được. Tám thứ nghiệp này lại được phân biệt làm 4 câu: “Thời phần quyết định dị thực bất định, Dị thực quyết định thời phần bất định, Thời phần quyết định dị thực diệt định và Thời phần



Nếu là *ngiệp bất định báo* thì đối với sự ly dục đoạn, nó không thể làm chướng ngại.

Lại nữa, có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Tùy theo các nghiệp mà chúng sinh tạo tác, hoặc là lạc câu hành, hoặc là khổ câu hành; quả báo dị thực nhận chịu cũng lại như vậy, [hoặc là lạc câu hành, hoặc là khổ câu hành].

Kiến luận của các ngoại đạo ấy đều là vọng chấp. Vì sao? Vì có đủ hai thọ, nghĩa là các nghiệp thiện vừa thọ khổ báo vừa thọ lạc báo, các nghiệp bất thiện cũng lại như vậy, [vừa thọ khổ báo vừa thọ lạc báo].

Lại nữa, nên biết nghiệp dựa vào hai căn nên thành tánh thiện và tánh bất thiện: dựa vào thiện căn nên khởi các nghiệp thiện, và dựa vào bất thiện căn nên khởi các nghiệp bất thiện.

Lại nữa, sắc thái sai biệt của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện do chín thứ nhân:

1. Do nhân và ruộng: Do thiện căn, bất thiện căn và các thửa ruộng: tôn trọng, v.v...⁶⁹¹ có sai biệt.

2. Do sự: Do sự viên mãn và sự không viên mãn.

3. Do phương tiện: Do [tu hành] không gián đoạn *phương tiện ân trọng*⁶⁹².

bất định dị thực diệt bất định". [X. luận Du-già sư địa Q.9, 60; luận Hiển dương thánh giáo Q.19; luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập Q.4, 7; luận A-tỳ-đạt-ma thuận chính lý, Q.40; Câu xá luận quang ký, Q.15; Câu xá luận bảo sơ, Q.15; Thành duy thức luận liễu nghĩa đấng, Q.5, phần cuối]. (Tự điển Phật Quang)

691 Thửa ruộng tôn trọng là sư trưởng và cha mẹ. Thửa ruộng công đức là Tam bảo, tam thừa, các Thánh giả.

692 Ân trọng phương tiện 殷重方便: Do ưa thích một cách mạnh mẽ, cung kính một cách sâu xa mà có được tam-ma-địa.



4. Do y chỉ: Do y chỉ tịnh hay bất tịnh.
 5. Do tác ý: Do tịnh tín một cách mãnh lợi và triển cái thêm lên.
 6. Do muốn hiểu: Do hồi hướng, nguyện cầu quả báo hơn kém.
 7. Do trợ bạn: Do các pháp thiện hay bất thiện khác được nhiếp thọ.
 8. Do nhiều tu tập: Tự mình tu hành, cũng dạy bảo người khác tán thán, tùy hỷ, thấy người đồng pháp [tu] thì tâm sinh vui mừng.
 9. Do nhiều người: Cùng với nhiều người chung làm nghiệp này.
- (3) Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sinh tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Mạng chung: định, bất định

Chết trẻ do sáu nhân

Biết rõ vị ba tâm

Trung hữu có hoặc không. (kệ 20)

[574a23] Luận giải: Có hai loại mạng chung: 1. Quyết định: là [hữu tình ở] Bắc thắng thượng châu⁶⁹³; 2. Không quyết định: là [hữu tình ở] tất cả xứ còn lại.⁶⁹⁴

693 Bắc Thắng thượng châu 北勝上洲 = Bắc câu lô châu 北俱盧洲 (S: Uttara-kuru): Một trong bốn châu Tu di, cũng gọi Bắc châu, Bắc đôn việt, Uất đôn việt, Bắc uất đôn việt, Úc-đa-la cừu-lưu, Ót-đát-la củ-lồ. Dịch ý là Thắng xứ, Thắng sinh, Cao thượng.

694 Du-già sư địa luận, quyển 4: "Người Nam thiêm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Ở cõi người lấy 30 ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 tuổi, hoặc có lúc thọ vô lượng tuổi, hoặc có lúc thọ 80.000 tuổi, hoặc có lúc tuổi thọ giảm dần cho đến 10 tuổi. Người Đông tỳ-đê-ha châu tuổi thọ nhất định là 250 tuổi. Người Tây cù-đa-ni châu tuổi thọ nhất định là 500 tuổi. Người Bắc câu-lô châu tuổi thọ nhất định là 1.000 tuổi. Lại 50 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tứ đại vương chúng. Lấy ngày đêm đây tính 30 ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 500 tuổi. Lại 100 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tam thập tam, lấy ngày đêm đây như trước đã thuyết, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 1.000 năm. Như vậy, các cõi trời còn lại cho đến trời Tha hóa tự tại, ngày đêm và tuổi thọ cứ dần dần tăng gấp đôi so với cõi trời trước. Lại trời Tứ đại vương chúng đầy đủ tuổi thọ là 500 năm, thì địa ngục Đấng hoạt là 1 ngày 1 đêm. Tức lấy ngày đêm đây tính 30 ngày làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm thì địa ngục kia tuổi thọ 500 năm. Như lấy tuổi thọ của Tứ đại vương chúng thành tuổi thọ của địa ngục Đấng hoạt, thì lấy tuổi thọ của trời Tam thập tam thành tuổi thọ của địa ngục Hắc thắng; lấy tuổi thọ của trời Thời phân thành tuổi thọ của địa ngục Chúng hợp; lấy tuổi thọ của trời Tri túc thành tuổi thọ của địa ngục Hiệu khiêu; lấy tuổi thọ



Lại nữa, sự chết trẻ do sáu thứ nhân: 1. Không tránh né, không bình đẳng; 2. Niệm quên mất; 3. Ý tức giận; 4. Thọ mạng hết; 5. Nghiệp hết; 6. Phước hết.

Lại nữa, khi mạng chung có ba thứ tâm: 1. Tâm thiện; 2. Tâm bất thiện; 3. Tâm vô ký. Đây là trường hợp tâm còn phân minh. Nếu đến lúc tâm không còn phân minh thì chắc chắn chỉ có tâm vô ký.

Lại nữa, sau khi mạng chung, hoặc có giai đoạn *trung hữu*, vì sẽ sinh vào cõi hữu sắc; hoặc không có giai đoạn *trung hữu*, vì sẽ sinh vào cõi vô sắc.

Lại nữa, kệ tụng:

Dựa sở duyên hữu khác

Tâm nhiệm ô sinh khởi.

Ở trong bốn loài sinh

Và ba giới, năm thú. (kệ 21)

[574b04] Luận giải: Dựa vào trung hữu khác, duyên *sinh xứ* làm cảnh, tâm nhiệm ô sinh khởi để *sinh hữu* tương tục.⁶⁹⁵

của trời Hóa lạc thành tuổi thọ của địa ngục Đại hiệu khiêu; lấy tuổi thọ của trời Tha hóa tự tại thành tuổi thọ của địa ngục Thiêu nhiệt, nên biết cũng vậy. Hữu tình của địa ngục Cực thiêu nhiệt thọ nửa trung kiếp. Hữu tình của địa ngục Vô gián thọ 1 trung kiếp. Không phải thọ lượng cõi trời như trời Tam thập tam chư thiên, bàng sanh và ngạ quỷ có tuổi thọ không nhất định. Lại ở trong địa ngục Hàn, các địa ngục theo thứ lớp tiếp cận nhau có tuổi thọ giảm dần bằng một nửa. Lại hữu tình thọ sanh ở địa ngục Cận biên là địa ngục độc nhất có tuổi thọ không nhất định. Lại hữu tình của trời Phạm chúng thọ mạng một kiếp là 20 trung kiếp. Hữu tình của trời Phạm thiên thọ mạng một kiếp là 40 trung kiếp. Hữu tình của trời Đại phạm thọ mạng một kiếp là 60 trung kiếp. Hữu tình của trời Thiểu quang thọ mạng hai kiếp là 80 trung kiếp. Từ đây trở lên, cõi trời Sắc giới còn lại thọ mạng so với nhau mỗi lần dần tăng gấp bội. Chỉ trừ Vô vân, nên biết trời ấy thọ mạng giảm 3 kiếp. Không vô biên xứ thọ 20.000 kiếp. Thức vô biên xứ thọ 40.000 kiếp. Vô sở hữu xứ thọ 60.000 kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ 80.000 kiếp. Trừ Bắc câu-lô châu, tất cả xứ còn lại đều có trường hợp chết trẻ. Lại loài người, quỷ, bàng sanh thú khi chết có thân cận bã còn sót lại. Cõi trời và địa ngục thì thân và thức đều mất, không còn sót lại thân cận bã.” (tr. 295b03~c06)

695 Trong một chu kỳ sinh tử, phân làm ba giai đoạn; sát na thứ nhất là sinh hữu; từ sát na thứ hai trở đi, bản hữu; sát na cuối cùng, tử hữu. Trung gian giữa tử hữu đời này và sinh hữu đời sau là trung hữu.



Lại nữa, ở trong bốn loài sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, thọ các sinh tử. Lại ở trong ba giới: Dục, Sắc, Vô sắc, và ở trong năm thú: địa ngục, quỷ, súc sinh, nhân và thiên, thọ các sinh tử.

Như vậy, hoặc tử, hoặc sinh, hoặc xứ sở, đã hiển thị sự quyết trạch về *sinh tạp nhiễm*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự đế*.

Kệ tụng:

Nên biết thế tục đế

Ý giải nghĩa và thuyết.

Tịnh sở duyên, tánh tịnh

Phương tiện gọi thắng nghĩa. (kệ 22)

[574b12] Luận giải: Tất cả ngôn thuyết và nghĩa được ý giải ngang qua ngôn thuyết đều gọi là thế tục đế.

Thanh tịnh sở duyên, tánh thanh tịnh hay phương tiện của thanh tịnh đều gọi là thắng nghĩa đế.

Thanh tịnh sở duyên: Là bốn Thánh đế và chân như.

Tánh thanh tịnh: Là diệt đế thanh tịnh.

Phương tiện: Là đạo đế.

Lại nữa, kệ tụng:

Nên biết là bốn thứ

Nhiễm và tịnh được nhiếp

Chưa thấy, chưa cảm nhận

Như bệnh, bệnh diệt nhân. (kệ 23)



[574b19] Luận giải: Nên biết hai pháp nhiễm ô và thanh tịnh được nhiếp trong bốn đế. Nhiễm ô có hai thứ: quả và nhân; thanh tịnh cũng vậy. Như vậy bốn đế, từ vô thủy đến nay tất cả hữu tình chưa như thật thấy hai đế diệt và đạo, cũng chưa trải nghiệm, cảm nhận.

Lại nữa, như bệnh và bệnh diệt, cùng hai nguyên nhân của chúng, qua đó thiết lập bốn đế: khổ đế như bệnh, tập đế như nguyên nhân của bệnh, diệt đế như bệnh diệt, đạo đế như nguyên nhân của bệnh diệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Nên biết tứ đế ấy

Mỗi bốn tướng, bốn hành

Biến tri v.v... bốn thứ

Tánh nhân quả phân biệt. (kệ 24)

[574b27] Luận giải: Nên biết bốn Thánh đế, mỗi đế có bốn tướng:

Khổ đế có bốn tướng: 1. Khổ khởi; 2. Khổ nội duyên; 3. Khổ ngoại duyên khổ; 4. Khổ thô trọng khổ. *Khổ khởi* là sinh khổ. *Khổ nội duyên* là già, bệnh, chết khổ. *Khổ ngoại duyên* là oán ghét mà phải gặp nhau khổ, yêu thương mà bị xa lìa khổ, mong muốn mà không được khổ. *Khổ thô trọng* là ngũ thủ uẩn khổ.

Tập đế có bốn tướng: 1. Luyến ái; 2. Ái hậu hữu; 3. Ái câu hành với hỷ và tham; 4. Hỷ ái chỗ này chỗ kia.

Diệt đế có bốn tướng: 1. Ái tận; 2. Ly dục; 3. Diệt; 4. Niết bàn.

Đạo đế có bốn tướng: 1. Khổ tri thông hành; 2. Khổ tức thông hành; 3. Lạc tri thông hành; 4. Lạc tức thông hành; đó là bốn thứ hành tích đã nói ở trước.⁶⁹⁶

696 Hiền dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2, [490b07], mục Bốn thứ hành.



Lại nữa, mỗi đế có bốn hành, như phẩm Thành hiện quán đã nói.⁶⁹⁷

Lại nữa, nơi các đế có biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng và tu đạo; là thể tánh của nhân quả. Biến tri, vĩnh đoạn và tác chứng là quả. Tu đạo là nhân: biến tri nhân của khổ, vĩnh đoạn nhân của tập và tác chứng nhân của diệt.

[574c09] Vì sao thế tục, v.v... gọi là đế?

Kệ tụng:

Hiểu biết không chống cãi

Pháp nhĩ chứng cũng vậy

Đế: ba thứ, chỉ thiện

Lại hai thứ nên biết. (kệ 25)

[574c12] Luận giải: **Hiểu biết không chống cãi pháp nhĩ**: Phạm phu ngu si v.v... ở thế gian, do pháp nhĩ⁶⁹⁸ nên hiểu biết về các pháp mà không có chống cãi⁶⁹⁹, gọi là thế tục đế.

Pháp nhĩ chứng cũng vậy: Pháp tánh mà chư vị đã kiến đế chứng ngộ thì không có chống cãi, gọi là thắng nghĩa đế. Do đạo lý

697 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành hiện quán, phần 1, [561c28], trí quán bốn đế qua mười sáu hành: 1. Khổ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã; 2. Tập đế: nhân, tập, sinh, duyên; 3. Diệt đế: diệt, tĩnh, diệu, ly; 4. Đạo đế: đạo, như, hành, xuất.

698 Pháp nhĩ: Các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt). Như nói, tâm thế thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt.

699 Quai tránh 乖諍: chống cãi. Dịch sát là chống chọi, cãi cọ. Chống cãi là từ ngữ gọi thế giới luân hồi, bao gồm tất cả hoặc, nghiệp, khổ, vì toàn những thứ có tánh chất chống cãi. Còn pháp nhĩ hay pháp tánh thì không thể chống cãi. Trong Tăng chi bộ kinh, phẩm Kế chiến thắng, kinh Xuất hiện, số 134, có ghi rằng: Dù các Như lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn có cái được an trú, đó là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ, và tất cả các pháp là vô ngã. Như lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị.



này, đức Bạc-già-phạm nói: “*Tất cả bậc Thánh lấy pháp tánh làm đế nên gọi là Thánh đế.*”⁷⁰⁰

Lại nữa, bốn đế: khô, tập, diệt, đạo; trong đó, khô và tập thông ba tánh: thiện, bất thiện và vô ký; diệt và đạo chỉ có tánh thiện.

Lại nữa, thiện có hai thứ: thế gian thiện và xuất thế gian thiện. Ở đây, lại có hai thứ được nhiếp [trong xuất thế gian thiện] là đoạn và đạo.⁷⁰¹

Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự đế*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự y chỉ*.

Kệ tụng:

Nên biết bảy y chỉ

Ba thứ tánh sở y

Kia có hai thiện xảo

Tứ cú phân biệt rộng. (kệ 26)

700 Du-già sư địa luận, quyển 95: “Các bậc Thánh biết đây chính là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết ở đây do hai lý do được gọi là đế: 1. Pháp tánh: do nghĩa chân thật nên gọi là đế; 2. Thắng giải: do đối với nghĩa chân thật ấy khởi thắng giải chắc chắn nên gọi là đế. Tất cả ngu phu chỉ qua pháp tánh mà được gọi là đế, chẳng phải qua thắng giải. Nếu các thánh giả thì đủ hai thứ nên được gọi là đế; khéo nói về điều đó nên gọi là thánh đế.” (tr. 845a28~b05) Tập A-hàm, kinh Như như, số 417: “Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn nói khổ Thánh đế, con đều đã thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thâm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó là Khổ Thánh đế. Thế Tôn dạy về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tịch Thánh đế, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thâm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều đã thọ trì.” (Thích Đức Thắng dịch)

701 Đoạn là tứ ý đoạn (tứ chánh cần, tứ chánh đoạn). Đạo là 37 phẩm trợ đạo. Tăng nhất A-hàm, quyển 18, phẩm Tứ ý đoạn: “Trong các pháp thiện là ba mươi bảy đạo phẩm, pháp không phóng dật thật là đệ nhất. Nếu không phóng dật, thì Tỳ-kheo phải tu Tứ ý đoạn. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tặc chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp tặc đã sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, lại khiến tăng thêm nhiều nữa, trọn không quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý chẳng quên. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy tu Tứ ý đoạn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!” (HT. Thích Thanh Từ dịch)



[0574c22] Luận giải: Nên biết do ba tánh chất sở y mà đức Bạc-già-phạm nói bảy y chỉ⁷⁰². Những gì gọi là ba thứ sở y? 1. Sở y của lậu tận; 2. Sở y của công đức phát khởi; 3. Sở y của hiện pháp lạc trú.

Lại nữa, y chỉ này có hai thứ thiện xảo: 1. Thiện xảo tam-ma-địa (đẳng tri); 2. Thiện xảo tam-ma-bát-đề (đẳng chí).

Ở đây có tứ cú để rộng phân biệt, như đức Bạc-già-phạm nói ôn-đà-nam già-tha:

Có bậc tu tinh lực

Thiện xảo tam-ma-địa

Hay tam-ma-bát-đề

Cả hai, không cả hai.

[575a01] (1) Vì sao thiện xảo tam-ma-địa không phải là thiện xảo tam-ma-bát-đề? Vì thiện xảo về ba tam-ma-địa: không, vô nguyện và vô tướng, thì không phải là thiện xảo về thắng xứ⁷⁰³, biến xứ⁷⁰⁴ hay diệt tận định v.v...

702 Bảy y chỉ: Chỉ cho 4 tinh lực và 3 định Vô sắc (Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định). Phi tưởng phi phi tưởng xứ định thuộc định thế gian nên không kể.

703 Tám thắng xứ: Là 8 chỗ thiên quán pháp sinh khởi thắng tri, thắng kiến để trừ bỏ lòng tham ái: 1. Trong có sắc tướng quán ngoại sắc ít, nghĩa là nội tâm có sắc tướng và vì quán đạo chưa tăng trưởng, nếu quán nhiều sắc sợ tán loạn, nên quán chút ít, chỉ quán nội thân bất tịnh, hoặc quán chút ít ngoại sắc thanh tịnh. 2. Trong có sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, là quán đạo tạm thuần thực, quán nhiều ngoại sắc cũng không ngại, như quán nội tử thì cho đến quán mười, trăm, ngàn, vạn tử thi, hoặc quán rộng ngoại sắc thanh tịnh cũng không ngại. 3. Trong không sắc tướng quán ngoại sắc ít, là quán đạo tạm thù diệu, tuy quán ngoại sắc mà nội tâm không có sắc tướng; còn “quán chút ít sắc” thì nghĩa như trên nói. 4. Trong không sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, là trong không còn sắc tướng mà quán ngoại sắc như trên. Hai thứ 3 & 4 thì quán tịnh bất tịnh xen lẫn. 5. Thắng xứ xanh là quán sắc xanh chuyển biến tự tại khiến ít làm nhiều, nhiều làm ít, không khởi tâm pháp ái đối với sắc xanh. 6. Thắng xứ vàng. 7. Thắng xứ đỏ. 8. Thắng xứ trắng; cũng quán như thắng xứ xanh.

704 Mười biến xứ: Cũng gọi là mười nhất thiết xứ, là quán 10 thứ sau đây mỗi biến khắp tất cả nơi, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức. Trước quán xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi biến khắp, lại suy nghĩ bốn sắc này nương đâu, biết rằng nương bốn đại, nên tiếp quán đất, nước, lửa, gió mỗi mỗi biến khắp mọi nơi. Lại suy nghĩ bốn đại nương đâu mà rộng lớn, biết nương hư không, nên tiếp quán hư không biến khắp mọi nơi. Lại suy nghĩ hay biết quán nương đâu, biết nương nơi thức, nên tiếp quán thức biến khắp mọi nơi.



(2) Vì sao thiện xảo tam-ma-bát-đề không phải là thiện xảo tam-ma-địa? Vì thiện xảo tam-ma-bát-đề để nhập hay xuất đối với thắng xứ, biến xứ hay vô tướng định v.v..., thì không phải là thiện xảo về ba tam-ma-địa.

(3) Vì sao thiện xảo cả hai? Vì thiện xảo cả hai: tam-ma-địa và tam-ma-bát-đề, được nói sai biệt ở trên.

(4) Vì sao không thiện xảo cả hai? Vì không thiện xảo cả hai: tam-ma-địa và tam-ma-bát-đề, được nói sai biệt ở trên.

Lại nữa, thiện xảo tam-ma-địa không phải là thiện xảo tam-ma-bát-đề: Khéo biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân để nhập tam-ma-địa, không phải khéo biết rõ các hành, trạng, tướng để nhập tam-ma-bát-đề.

Thiện xảo tam-ma-bát-đề không phải là thiện xảo tam-ma-địa: Như có một người khéo biết rõ các hành, trạng, tướng để nhập tam-ma-địa; nhưng nhập định ấy mà không khéo biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân của tam-ma-địa, nói rằng: *“Tôi nay nhập như vậy, như vậy là tam-ma-địa.”*

Lại nữa, có vị Bồ-tát nhập được một trăm tam-ma-địa, hoặc một ngàn tam-ma-địa; tuy nhiên vị ấy không có khả năng biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân của những định ấy, nói rằng: *“Tôi nay nhập như vậy, như vậy là tam-ma-địa,”* cho đến chưa được nghe [pháp] từ chư Phật và từ các đại Bồ-tát đã được đệ nhất cứu cánh, hoặc tự thân chưa được đệ nhất cứu cánh.

[0575a19] Hỏi: Thế nào là trú định?

Đáp: Như có một người năng nhập định, khéo nắm biết các hành, trạng, tướng. Vì khéo nắm biết nên khi nào muốn trú thì có thể nhập



định. Đối với các tam-ma-địa một khi đã đi vào thì không có thoái mất. Như vậy có hai loại trú: 1. An trú nơi định nên gọi là trú; 2. Khả năng không có thoái mất nên gọi là trú.

Hỏi: Thế nào là xuất định?

Đáp: Như có một người năng nhập định nhưng không tư duy các hành, trạng, tướng; chỉ lấy sự tác ý tư duy cái tướng phân biệt của bất định địa, tức các pháp không đồng loại lại nhiếp ở định địa, từ đó xuất ly tam-ma-địa: hoặc do việc làm tùy thuộc nên xuất định, hoặc do việc làm nhất định nên xuất định, hoặc do việc làm theo mong cầu nên xuất định.

Việc làm tùy thuộc: Là nghiệp y bát và các vật dụng cần thiết.

Việc làm nhất định: Là các hoạt động đại tiện, tiểu tiện, cung kính sư trưởng, khát thực, v.v...

Việc làm theo mong cầu: Như có người hứa hẹn làm việc gì cho ai, hoặc vì muốn nhập định khác nên phải xuất định này.

Hỏi: Thế nào là các hành?

Đáp: Nơi cảnh sở duyên tạo tác các loại hành để đi vào định, gọi là hành; nghĩa là dựa vào các hành: thô, tinh, bệnh, ung nhọt, gai nhọn, vô thường, khổ, không, phi ngã để khởi tam-ma-địa.

Hỏi: Thế nào là trạng?

Đáp: Khi người sắp nhập định, bấy giờ chắc chắn có định tướng⁷⁰⁵ sinh khởi. Do định tướng nên hành giả tự biết: *“Tôi không lâu sẽ nhập định với tướng trạng như vậy, như vậy.”* Hoặc đã chánh nhập.

705 Trung bộ kinh, Tiểu kinh Phương quảng: “- Thưa Ni sư (Dhammadinna) thế nào là định, thế nào là định tướng (samadhinimitte), thế nào là định tư cụ, thế nào là định tu tập? - Hiền giả Visakha, nhất tâm là định, bốn niệm xứ là định tướng, bốn tinh cần là định tư cụ; sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.” (HT. Thích Minh Châu)



Lại nữa, vị giáo thọ sư cũng biết hành giả này có tướng trạng như vậy, như vậy sinh khởi, không lâu sẽ nhập định như vậy, như vậy.

[575b08] Thế nào gọi là tướng?

Đáp: Tướng có hai thứ: 1. Cảnh tướng; 2. Nhân tướng⁷⁰⁶.

Cảnh tướng: Là tướng phân biệt. Do duyên đây mà nhập vào định.

Nhân tướng: Là tư lương để nhập vào định, như là: tùy thuận ngôn giáo⁷⁰⁷, tích tập sở hành tư lương của các định, tu tâm ưa thích và yếm ly, rất khéo biết rõ các tướng tán loạn và không tán loạn, không bị xúc não gây ra bởi người, phi nhân, âm thanh hay dụng công.

[575b14] Thế nào là điều thuận?

Đáp: Tam-ma-địa bị câu chấp bởi các hành tướng thì giống như nước bị giữ lại. Pháp tánh bị câu chấp thì sự vắng lặng không có, sự nhiệm màu không có, đó là con đường không an ổn, không thể chứng được tâm định một cảnh. Nên biết, bấy giờ tam-ma-địa này không được gọi là điều thuận, vì không tùy ý an trú. Trái ngược đây gọi là điều thuận.

[575b18] Thế nào là sở hành?

Đáp: Đối với cảnh giới tam-ma-địa đã chứng đắc, nếu vượt qua cảnh giới định này thì không thể biết [cảnh giới định sau đó]; như nhập sơ tĩnh lự thì không thể thấy biết các việc của đệ nhị tĩnh lự⁷⁰⁸. Như vậy, đối với trạng huống của các căn [tánh] và trạng huống của các bổ-đặc-già-la cũng không thể thấy biết.

[575b21] Thế nào là dẫn phát?

706 Du-già sư địa: Sở duyên tướng và Nhân duyên tướng.

707 Ngôn giáo: Chỉ cho giáo giới và giáo thọ.

708 Các việc: chỉ cho tâm và tâm sở hữu pháp.



Đáp: Khả năng tóm lược nghĩa rộng của văn thân, cú thân, và khả năng phát khởi các công đức thù thắng.

[575b23] Hỏi: Trong tam-ma-địa, những gì được gọi là khả ái?

Đáp: Có đủ tầm quý, ái kính, tịnh tín, như lý tác ý, ức niệm (: chánh niệm), chánh tri, thủ hộ các căn, trì giới, vô hối, cho đến lạc là tối hậu, theo cái lạc đó mà nhập tam-ma-địa. Nên biết, trái ngược đây gọi là bất khả ái.

[575b27] Thế nào là khả ái: tầm quý v.v... và bất khả ái: vô tầm quý, v.v..., có ít phần thành tựu và có ít phần không thành tựu?

Đáp: Có đủ tầm quý, không có tương ưng với ái kính, v.v... cho đến nói rộng.

[575c01] Hỏi: Thế nào là tăng?

Đáp: Có được tam-ma-địa, rồi [càng thêm] tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là giảm?

Đáp: Có được tam-ma-địa, rồi [lại dần] thoái mất.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Con đường dẫn đến hai sự ở trên.⁷⁰⁹

[575c04] Hỏi: Thế nào là xa-ma-tha?

Đáp: Sắc thái tác ý ảnh tượng mà không có phân biệt.

[575c05] Hỏi: Thế nào là chấp thọ?

Đáp: Tùy theo ấn tượng là thanh tịnh hay là ánh sáng mà sinh khởi chấp thủ ấn tượng.

[575c07] Thế nào là khí xả (: vất bỏ)?

709 Từ ôn-đà-nam: "Có bậc tu tĩnh lự ..." cho đến câu này, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 13, tr. 341b24~342b03.



Đáp: Đã được cái tâm bình đẳng thì xả bỏ thêm nữa đối với thiện phẩm.

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sự y chỉ các tinh lự*.

Kệ tụng:

Tinh lự: số, chương, phần

Chúng được kiến lập rộng

Rời xa nơi khổ, động

Về sau phân thắng dị. (kệ 27)

[575c11] Luận giải: Ở trên đã nói về bốn thứ tinh lự.

Hỏi: Vì sao chỉ có bốn thứ tinh lự, không nhiều hơn, không ít hơn?

Đáp: Vì sự cứu cánh là xuất ly khổ lạc. Vì sao? Tuần tự [tu định từ sơ tinh lự] cho đến đệ tứ tinh lự thì [tuần tự] vượt qua được ưu, khổ, hỷ, lạc [mới đạt đến cứu cánh].

[575c14] Các chương phải được đối trị ở sơ tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Dục tầm, sân tầm và hại tầm⁷¹⁰; 2. Khổ; 3. Ưu; 4. Phạm giới; 5. Tán loạn.

710 Tầm là sự tập trung của tâm. Nó có đặc tính của sự gắn tâm trên đối tượng. Nhờ nó, tâm được gắn chặt trên đối tượng. Ví như một người leo được lên cung điện của Đức Vua nhờ vào một người trong hoàng tộc hoặc một người bạn thân thiết của Vua, tâm cũng vậy, gắn được trên đối tượng nhờ vào tầm. Trong sơ thiền, tầm là yếu tố hướng tâm đến ảnh tượng. Trong tự thân, tầm không thiện cũng không bất thiện. Bản chất của nó là bất định và chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ hướng tâm và các pháp đồng sinh khởi của tâm vào đối tượng. Khi tầm kết hợp với các bất thiện căn như tham, sân và si, nó trở thành bất thiện tầm (akusalavitakka); khi tầm kết hợp với các thiện căn như vô tham, vô sân, vô si, nó trở thành thiện tầm (kusalavitakka). Trong Kinh Điển, các bất thiện tầm này được phân thành ba loại là dục tầm (kāmavitakka), sân tầm (byāpādavītakka) và hại tầm (vihimsāvītakka). Dục tầm là tư duy hay tầm bắt nguồn từ căn tham; sân tầm và hại tầm là những bậc lộ khác nhau của tư duy bắt nguồn từ căn sân. Các bất thiện tầm cũng còn gọi là các bất thiện tư duy. Trung bộ kinh, Kinh An trú tâm, số 20: "Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tầm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh." (HT. Thích Minh Châu dịch)



[575c16] Các chương phải được đối trị ở đệ nhị tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Tham của sơ tinh lự; 2. Tầm tứ; 3. Khổ; 4. Trạo cử; 5. Tánh thấp kém của định (: sơ tinh lự).

[575c19] Hỏi: Các chương phải được đối trị ở đệ tam tinh lự là gì?

Đáp: Có bốn thứ, nên biết: 1. Tham của đệ nhị tinh lự; 2. Hỷ; 3. Xao động⁷¹¹; 4. Tánh thấp kém của định (: đệ nhị tinh lự).

[575c21] Hỏi: Các chương phải được đối trị ở đệ tứ tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Hơi thở vào, hơi thở ra; 2. Tham của đệ tam tinh lự; 3. Lạc; 4. Tác ý vin nơi lạc; 5. Tánh thấp kém của định (: đệ tam tinh lự).

[575c24] Hỏi: Mỗi tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Sơ tinh lự có năm chi. Những gì là năm? 1. Tầm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh.

Đệ nhị tinh lự có bốn chi: 1. Nội đẳng tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm nhất cảnh tánh.

Hỏi: Nội đẳng tịnh lấy pháp gì làm thể?

Đáp: Lấy niệm, chánh tri và xả làm thể.

Đệ tam tinh lự có năm chi: 1. Niệm; 2. Chánh tri; 3. Xả; 4. Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh.

Đệ tứ tinh lự có bốn chi: 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Bất khổ bất lạc; 4. Tâm nhất cảnh tánh.

Hỏi: Tất cả xứ đều có niệm, chánh tri và xả, vì lý do gì không đề cập đến chúng trong sơ tinh lự, v.v...?

711 Dững dưng 踴躍: nhảy nhót, xao động, phấn chấn, hân hoan. Dững dưng là khi có hỷ mà kết hợp với tác ý thì sinh tán động.



Đáp: Ở sơ tĩnh lự, tầm tứ là cửa ngõ dẫn phát ra niệm, chánh tri và xả, tuy chúng có mặt nhưng không đề cập đến.⁷¹²

Ở đệ nhị tĩnh lự, có sự tác nghiệp của tự thể niệm, chánh tri và xả, nhưng nội tâm vẫn có sự xao động do có chút ít phiền não trôi buộc, che lấp, cho nên gọi chung là *nội đẳng tịnh*.

Ở đệ tam tĩnh lự, chút ít phiền não đều viễn ly, cho nên nhấn mạnh đến tự tướng của tâm, như trong kinh thường nói là “*viễn ly cái tham hỷ*”. Ở sơ tĩnh lự tuy đã rời dục tham⁷¹³, nhưng chưa rời cái tham hỷ. Ở đệ nhị tĩnh lự, tuy đã rời cái tham tầm tứ, nhưng chưa rời cái tham hỷ.

Ở đệ tứ tĩnh lự, “*xả niệm cực thanh tịnh*” hiển thị cho nội tâm ở cấp độ này.⁷¹⁴

Như vậy, theo chỗ thích hợp mà biết sự [tùy chuyển] sai biệt của các tĩnh lự.

[576a11] Hỏi: Vì sao ở bốn tĩnh lự kiến lập bốn chi hay năm chi?

Đáp: (1) Vì trú sở y, vì trú thuận ích và vì trú tự thể.⁷¹⁵

(2) Lại nữa, vì tư duy cảnh giới, vì thọ dụng cảnh giới, và vì ở nơi cảnh [sở duyên] không có tán loạn.⁷¹⁶

712 Sơ tĩnh lự sinh khởi khi hội đủ 5 chi: tầm, tứ, hỷ, lạc và định. Năm chi này phát triển vững mạnh, trở thành 5 chi thiền.

713 Dục tham (P: kāmaccanda): Những khoái lạc của giác quan.

714 “Ly hỷ trú xả, chánh niệm tĩnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú đệ tam tĩnh lự.” Do xả hỷ mà hành giả đạt tới cảnh giới “xả niệm lạc trú”, thế nhưng hành giả nhận thấy, bỏ hỷ vẫn còn lạc, còn động tâm, dù là một động tâm rất nhỏ nhiệm vi tế, cho nên, hành giả xả lạc, để chứng đệ tứ tĩnh lự “không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.”

715 Trú: là định trú nhất cảnh. Trú sở y: là do chi đối trị có khả năng đoạn định chướng, làm định sinh khởi, làm chỗ dựa cho định. Thuận ích: là chi lợi ích, là nội tâm có hỷ lạc, đi vào định trọn vẹn. Tự thể: là tự thể của định. (Du-già luận ký, tr. 701c29)

716 Tư duy cảnh giới: là quán các chướng được đối trị mà sinh yếm ly, đó là chi đối trị. Thọ dụng cảnh giới: là hỷ lạc khi đối duyên mà có sự thọ dụng, đó là chi lợi ích. Nơi cảnh sở duyên không có tán loạn: là chi tâm nhất. (Du-già luận ký, tr. 702a04)



(3) Lại nữa, vì làm sở y cho thuận ích, vì làm sở y cho tăng thượng tâm, vì làm sở y cho tăng thượng tuệ.⁷¹⁷

(4) Lại nữa, vì đối trị cái chướng của ba thứ trú não loạn.

Ba thứ trú não loạn: 1. Trú nhiễm ô; 2. Trú khổ não; 3. Trú mê loạn.

(5) Lại nữa, như người thọ dụng năm dục thì có ba việc làm căn bản để hiển thị người kia thọ dụng các dục: 1. Cầu sự thọ dụng bằng phương tiện; 2. Cầu được rồi thì thọ dụng; 3. Tự tại tùy chuyển. Như vậy, người tu tĩnh lự cũng dựa vào ba việc làm căn bản⁷¹⁸, theo đó kiến lập các chi phân thích hợp.

(6) Lại nữa, vì đối trị các hạnh tự khổ não mà người tu tĩnh lự kiến lập các chi phần. Ở đây có ba thứ đối trị: 1. Đối trị ly dục; 2. Đối trị ngưng dứt sự bức não thân tâm; 3. Đối trị tâm tán loạn, không vắng lặng nơi ngoại cảnh.

Hỏi: Vì sao ở sơ tĩnh lự đã nói “*ly dục*” mà còn nói “*viễn ly ác bất thiện pháp*”?

Đáp: Vì hiển thị tự tướng của các dục và hiển thị sắc thái quá hoạn của các dục.

Sắc thái quá hoạn của các dục: Do các dục mà khởi ác hành, rồi rơi xuống cõi rất thấp, nên gọi là ác. Trái ngược với thiện pháp sinh, nên gọi là bất thiện.

Lại nữa, vì hiển thị khả năng đoạn *phiền não tạp nhiễm*, và vì hiển thị khả năng đoạn *nghiệp tạp nhiễm* tích tập từ đời trước.

717 Sở y cho thuận ích: do đối trị chướng làm sở y nên lợi ích cho định. Sở y cho tăng thượng tâm: hỷ lạc v.v... làm chỗ dựa cho tăng thượng định. Sở y cho tăng thượng tuệ: định làm chỗ dựa cho tuệ. (Du-già luận ký, tr. 702a07)

718 Ba việc làm căn bản: chi đối trị, chi lợi ích và chi tâm nhất.



Lại nữa, vì hiển thị người tại gia đoạn các dục được sinh do sự thọ dụng, và hiển thị người xuất gia đoạn các pháp được sinh do tâm tứ.

Lại nữa, vì hiển thị sự đoạn dục tâm, và hiển thị sự đoạn sân tâm, hại tâm.

Lại nữa, vì hiển thị tướng sở đắc giống với các tiên ngoại đạo, và vì hiển thị sự đoạn việc thoái lui rồi khởi ác chú của họ.

[576b03] Hỏi: Vì sao nói ở sơ tĩnh lự chưa có đoạn khổ căn?

Đáp: Vì ở sơ tĩnh lự, chưa viễn ly thô trọng phẩm.⁷¹⁹ Nếu ở sơ tĩnh lự mà đã đoạn được thô trọng phẩm của khổ căn, thì khi trú đệ nhị tĩnh lự phải không có khác biệt. Nên biết ở sơ tĩnh lự chưa đoạn được thô trọng phẩm của khổ căn.

Hỏi: Các pháp như tâm, tứ, v.v... ở trong sơ tĩnh lự, v.v... đều đưa tới thuận ích [cho tam-ma-địa], nhiếp thọ tự địa khiến được thanh tịnh, vì sao đức Như lai nói những pháp ấy là xao động?

Đáp: So sánh với tha địa nên nói là xao động, chứ không phải so sánh với tự địa.

[576b10] Hỏi: Vì sao từ Dục giới trở lên, ở sơ tĩnh lự, v.v... kiến lập các chi phần ở sau hơn hẳn các chi phần ở trước?

Đáp: Lược có ba lý do: 1. Vì năng trị, sở trị; 2. Vì chứng lợi ích; 3. Vì chứng tự thể. Ba lý do như vậy, theo chỗ thích hợp, được nhiếp vào năm chi của bốn tĩnh lự.

Hỏi: Đệ nhị tĩnh lự so với sơ tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì tam-ma-địa viên mãn.

⁷¹⁹ Khổ thọ tuy không có nhưng còn có khổ thô trọng. Thô trọng chính là tánh chưa điều nhu, tánh chưa an ổn của khổ căn. Ở sơ tĩnh lự, vì có hỷ mà chưa đầy đủ nên chủng tử khổ căn vẫn còn.



Hỏi: Đệ tam tĩnh lự so với đệ nhị tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì thuận ích viên mãn.

Hỏi: Đệ tứ tĩnh lự so với đệ tam tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì thanh tịnh viên mãn.⁷²⁰

Lại nữa, kệ tụng:

Cận phần hỷ có động

Chỉ sơ dứt hết lậu

Và hai thứ duyên thanh

Tám đẳng chí xả tám. (kệ 28)

[576b20] Luận giải: Hỷ của sơ cận phần và sơ tĩnh lự thì có xao động, không phải như hỷ của các căn bản tĩnh lự.⁷²¹

Lại nữa, sơ cận phần hay vị chí định⁷²² được nhiếp vào định mà có khả năng đoạn tận các lậu không còn dư tàn.

⁷²⁰ Từ kệ tụng cho đến đây thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 63, Tam-ma-hi-địa địa, tr. 649a16~650a04.

⁷²¹ Thành duy thức luận, Năm thọ: “Cảm thọ thích ý khoan khoái tương ứng với năm thức luôn luôn được gọi là lạc. Tương ứng với ý, nếu ở trong Dục giới, trong cận phần của hai tĩnh lự đầu, cảm thọ này được gọi là hỷ; vì đó duy hỷ là sự khoan khoái của tâm. Nếu trong căn bản hai tĩnh lự đầu, nó được gọi là lạc và hỷ, vì đó là sự khoan khoái của thân và tâm. Nếu trong cận phần và căn bản của tĩnh lự thứ ba, cảm thọ này được gọi là lạc, vì không phân biệt an tĩnh và trầm trọng. Cảm thọ bậc bách tương ứng với năm thức luôn luôn được gọi là khổ.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Hiển dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2: “Như trong kinh nói, ‘Ngay trong thân này có hỷ lạc do đẳng tri phát sinh, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,’ đó là cận phần của đệ nhị tĩnh lự. Kinh lại nói, ‘Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, hỷ lạc do đẳng tri sinh không chỗ nào không biến mãn,’ đó là căn bản của đệ nhị tĩnh lự.”

⁷²² Có 8 cận phần định là nhập môn cho 8 căn bản định (4 Sắc giới tĩnh lự và 4 Vô sắc định). Trong cận phần định thì, cận phần của sơ tĩnh lự gọi là sơ cận phần hay vị chí định (chưa vào định, trình độ gần đạt mức căn bản), và 7 giai đoạn chuẩn bị vào 7 căn bản định còn lại thì gọi là cận phần định. Ngoài ra, giữa cận phần định của sơ tĩnh lự và đệ nhị tĩnh lự có giai đoạn trung gian, gọi là trung gian tĩnh lự hay trung gian định; người nào tu tập định này thì được sinh lên Trời Đại phạm. Như vậy, nói một cách tổng quát thì định gồm có: 8 định căn bản, 7 cận phần định, vị chí định (sơ cận phần) và trung gian định. Phật giáo căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của hai tâm sở tâm và tứ mà phân chia thành ba loại định: 1. Tam-ma-địa có tâm có tứ: vị chí định và sơ tĩnh lự; 2. Tam-ma-địa không tâm có tứ: trung gian định; 3. Tam-ma-địa không tâm không tứ: đệ nhị tĩnh lự trở lên.



Lại nữa, sơ cận phần có hai thứ: 1. Sơ cận phần thuộc thể gian; 2. Sơ cận phần thuộc xuất thể gian. Các cận phần khác chỉ thuộc thể gian. Do sơ căn bản tịnh lự đã được vô lậu, nên các cận phần định ở thượng địa không có vô lậu hiện tiền.

Lại nữa, ở trong định xứ, khi thủ đắc (: nghe) âm thanh ở ngoài, nên biết do hai thứ thủ: 1. Do biết rõ cảnh sở duyên của định và các thứ cảnh sở duyên của ý thức;⁷²³ 2. Do nhĩ thức câu sinh với định.

Tám đẳng chí xả tám: Tám thứ tam-ma-bát-đề có thể xả bỏ tám sự. Xả tám sự gì? Xả ngữ, tầm, hỷ và lạc, nên chứng bốn tĩnh lự tam-ma-bát-đề; xả các tướng về sắc, không, thức và vô sở hữu xứ, nên chứng bốn Vô sắc tam-ma-bát-đề.

Lại nữa, kệ tụng:

Hiện pháp trú an lạc

Năng nhập nơi hiện quán

Tán thuyết, tưởng giải thoát

Bốn thứ nhân nên biết. (kệ 29)

[576c04] Luận giải: Chỉ có các tĩnh lự là có tánh chất của sự trú an lạc nơi hiện pháp, tức có đủ hai thứ: thân an và tâm an; không như Vô sắc định không có thân an.

723 Kinh Giải thâm mật: “Như vậy nếu một lúc nào đó chỉ có một thức phát sinh thì lúc đó chỉ có một ý thức cùng phát sinh với một thức ấy, nếu một lúc nào đó có hai đến năm thức phát sinh thì lúc đó cũng chỉ có một ý thức cùng phát sinh với hai đến năm thức ấy. Ví như dòng nước chảy vừa mạnh vừa lớn, nếu có duyên tổ nổi một cơn sóng thì một cơn sóng nổi lên, nếu có duyên tổ nổi hai đến nhiều cơn sóng thì hai đến nhiều cơn sóng nổi lên, nhưng bản thân dòng nước vẫn chảy mãi, không đứt không hết. Lại như mặt gương tốt và sáng, nếu có duyên tổ hiện một hình ảnh thì chỉ một hình ảnh hiện ra, nếu có hai đến nhiều duyên tổ hiện hai đến nhiều hình ảnh thì hai đến nhiều hình ảnh hiện ra, nhưng không phải mặt gương biến thành hình ảnh, cũng không có sự hết hiện hình ảnh. Tương tự như vậy, do dòng nước a đã na thức làm nền tảng và xây dựng, nên một lúc nào đó có duyên tổ phát sinh của một thức thì lúc đó một thức phát sinh, nếu một lúc nào đó có duyên tổ phát sinh của hai đến năm thức thì lúc đó có hai đến năm thức phát sinh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Lại nữa, dựa vào các tịnh lự thì có khả năng đi vào hiện quán, không phải dựa vào Vô sắc định, bởi vì tỳ-bát-xá-na của các tĩnh lự thì cực kỳ nhạy bén.

Lại nữa, người tu tĩnh lự và các định thường nhập, thường xuất ở [bốn] Vô sắc giải thoát⁷²⁴, vì vậy tán thuyết hành tướng ấy là cực kỳ tịch tĩnh. Lại nữa, các ngoại đạo đối với Vô sắc định khởi ý tưởng giải thoát, cho nên thường xuyên tán thuyết.

Lại nữa, dựa vào *hữu tướng tam-ma-địa giải thoát* thì dứt hết các lậu, cho đến [dựa vào] *vô sở hữu xứ tam-ma-địa* cực kỳ nhạy bén. Cho nên đức Bạc-già-phạm nói: “*Chỉ dựa vào hữu tướng tam-ma-bát-đề thì lãnh ngộ, thông đạt [các pháp], không phải ở địa nào khác.*”

Bốn thứ nhân tố: Các tam-ma-bát-đề làm được bốn thứ *nhân tố dựa vào*, theo thứ tự là: trú an lạc nơi hiện pháp, khả năng đi vào hiện quán, tán thuyết và giải thoát các tướng.

Lại nữa, kệ tụng:

Ái vị, v.v... nên biết

Mười thứ, sáu, ba thứ

Thoái tương tục chương trị

Mỗi nhiều thứ sai biệt. (kệ 30)

[576c17] Luận giải: Các tĩnh lự tương ưng ba tánh chất: ái vị, thanh tịnh và vô lậu, theo thứ tự có mười thứ, sáu thứ và ba thứ.

Thế nào là *mười thứ ái vị*? Như trong phẩm Nhiếp sự đã nói.⁷²⁵

724 Bốn Vô sắc giải thoát: Không vô biên xứ giải thoát, Thức vô biên xứ giải thoát, Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

725 Hiền dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2: “Tập nhiễm, là đối với thượng tĩnh lự khởi sáu ái vị, kiến, mạn và nghi. Ái vị, có mười thứ: 1. Ái vị do tác ý câu sinh; 2. Ái vị do tác ý phân biệt sở khởi; 3. Ái vị do tác ý tự địa; 4. Ái vị do tác ý tha địa; 5. Ái vị quá khứ; 6. Ái vị vị lai; 7. Ái vị hiện tại; 8.



Thế nào là *sáu thứ thanh tịnh*? 1. Dẫn phát thanh tịnh; 2. Thượng luyện thanh tịnh; 3. Hậu đắc thanh tịnh; 4. Cấu nhiễm thanh tịnh; 5. Sở nhiếp thanh tịnh; 6. Kham nhiệm thanh tịnh.

Thế nào là *ba thứ vô lậu*? 1. Xuất thế gian vô lậu; 2. Ly hệ vô lậu; 3. Hậu đắc vô lậu.

[576c23] Lại nữa, từ sự ly dục, thoái lui sự liên tục ly dục, thoái lui sự đối trị chướng ngại của ly dục, có nhiều trường hợp:

Hoặc do nương tựa vị Bất bình đẳng⁷²⁶ nên thoái lui.

Như có người mắc phải chứng bệnh nặng nên thoái mất nơi định.

Như tôn giả Phạt-lặc-ca-lê⁷²⁷ nói: “*Nay tôi không thể chứng nhập tam-ma-địa này, sẽ không trú trong tam-ma-địa này, do có nhiều thô trọng mà thoái mất chẳng?*”

Lại như có người do tập khí đời trước nên tâm tánh có nhiều thô trọng; do tâm tánh có nhiều thô trọng nên thoái mất tam-ma-địa.

Hoặc do cảnh giới thắng diệu nên thoái mất: như có người có được cảnh giới thắng diệu ở hiện tiền nên thoái mất định. Như nghe có một tiên nhân ngoại đạo đạt được phi tướng phi phi tướng xứ định, do xúc chạm thân thiếu nữ đẹp đẽ khả ái nên thoái mất định kia.

Hoặc do kính dưỡng nên thoái mất: như có một người hiện tiền được sự kính dưỡng thắng diệu liền thoái mất định, như được so sánh bằng ông trời.

Ái vị bậc thấp; 9. Ái vị bậc vừa; 10. Ái vị bậc cao. Khiết bạch, là tịnh và vô lậu. Tịnh, lại có ba thứ: 1. Dẫn phát; 2. Thượng luyện; 3. Trừ cấu, sở nhiếp và kham nhiệm. Vô lậu, cũng có 3 thứ: 1. Xuất thế gian vô lậu; 2. Đẳng lưu vô lậu; 3. Ly hệ vô lậu.”

726 Bất bình đẳng chỉ cho vị Tự tại thiên (hay Thượng đế) mà tự thể là thật, phổ biến, thường hằng, sanh ra các pháp (từ hành cho đến lão tử).

727 Phạt-lặc-ca-lê 伐勒迦梨 (Balakṛti): tên một vị Tỳ-kheo, Hán dịch là Đẩu Lực 鬪力.



Hoặc do khinh chê nên thoái mất: như có người bị người khác nóng giận, chê bai, mắng trách liền thoái mất định, và như các tiên nhân ngoại đạo giận dữ nên thoái mất định, rồi hành các ác chú.

Hoặc do kiêu mạn nên thoái mất: như có người đã được định mà đề cao mình, khinh chê người, nên thoái mất nơi định.

Hoặc do tăng thượng mạn nên thoái mất: như có người đã được định, đối với cái định chưa được mà khởi tăng thượng mạn nói rằng đã đạt được, nên thoái mất cái định đã được.

Hoặc do không tác ý nên thoái mất: như có người trước do có các hành - trạng - tướng như vậy mà được nhập các định; người ấy về sau không tư duy về các hành - trạng - tướng này, nên thoái mất nơi định.

Hoặc do không thuần thực nên thoái mất: như có người tu tập nghiệp ban đầu là xây dựng, phát huy thiện phẩm, [nhưng do không thuần thực nên thoái mất định].

Hoặc do mình có nhiều phiền não trong đời sống hiện tại nên thoái mất định: như có người ưa thích thượng tinh lự, rồi thì nghi ngờ thượng tinh lự, nên thoái mất định.

Hoặc do thọ mạng hết, phước hết, nghiệp hết nên thoái mất: như có người từ sinh xứ thượng địa, xả mạng thì sinh xuống hạ địa.

Lại nữa, (1) nếu bồ-đặc-già-la có phiền não hạ phẩm, thiện căn hạ phẩm, thì do nhiều sát-na dụng công mới thoái mất định, do nhiều sát-na dụng công mới được nhập định. (2) Nếu bồ-đặc-già-la có phiền não hạ phẩm, thiện căn thượng phẩm, thì do nhiều sát-na dụng công mới thoái mất định, do một sát-na dụng công mau được nhập định. (3) Nếu bồ-đặc-già-la có phiền não thượng phẩm, thiện căn hạ phẩm, thì



do một sát-na mau thoái mất định, do nhiều niệm dụng công mới được nhập định. (4) Nếu bổ-đặc-già-la có phiền não thượng phẩm, thiện căn thượng phẩm, thì do một sát-na mau thoái mất định, do một sát-na mau được nhập định.

Lại nữa, kệ tụng:

Lợi căn và sinh chuyển

Nên biết không có thoái

Y hạ địa phát định

Ly dục về sau sinh. (kệ 31)

[577a26] Luận giải: Người lợi căn thì không thoái mất định. Nếu chuyển thành dị sinh, tuy là người độn căn cũng không có thoái mất.

Lại nữa, các tĩnh lự, các định trước phải dựa vào hạ địa phát khởi, bởi trước ở giai đoạn này nhập định, rồi sau sinh địa kia. Vì sao? Trước phải ly dục, thời gian sau được sinh địa kia.

Như vậy là đã nói quyết trách về ***sự y chỉ***.

Nay sẽ nói quyết trách về ***sự giác phần***.

Kệ tụng:

Y nhị thừa, đại thừa

Do hai mươi bảy tướng

Chánh phương tiện nên biết

Kiến lập nơi giác phần. (kệ 32)

[577b04] Luận giải: Y theo hai thừa: Thanh văn và Độc giác, và y theo đại thừa mà kiến lập giác phần. Chánh phương tiện có hai mươi bảy sắc thái. Những gì là hai mươi bảy chánh phương tiện? 1. Phương tiện chánh quán hệ thuộc sở duyên; 2. Phương tiện nhiếp tịnh



xả ly nhiễm ô; 3. Phương tiện điều thuận tu trị nội tâm; 4. Phương tiện chánh pháp dẫn phát xuất thế; 5. Phương tiện chánh pháp không gián khuyết; 6. Phương tiện hiện giác chân thật; 7. Phương tiện chứng tịch diệt vô dư; 8. Phương tiện nhập [các pháp] sở tri; 9. Phương tiện nhập đoạn [các lậu]; 10. Phương tiện thông đạt bất tịnh, không vui, có khổ; 11. Phương tiện học viên mãn; 12. Phương tiện quán sát không tán loạn nơi cảnh; 13. Phương tiện [đức tin] Thánh giáo bất hoại; 14. Phương tiện nhiếp quả do trí mới biết; 15. Phương tiện chí nguyện; 16. Phương tiện bi mẫn hữu tình; 17. Phương tiện trí tu trị; 18. Phương tiện hiện quán pháp; 19. Phương tiện tiến đến năng trị sở tri; 20. Phương tiện tích tập tư lương phước đức [trí tuệ]; 21. Phương tiện thành thực hữu tình; 22. Phương tiện đạo nhiếp tất cả bờ-đề; 23. Phương tiện dẫn phát uy đức; 24. Phương tiện dẫn phát ngôn giáo; 25. Phương tiện tích tập cái tâm sâu xa, rộng lớn; 26. Phương tiện rời xa cái nghiệp thiếu mất chánh pháp⁷²⁸; 27. Phương tiện an trú hai cảnh giới sinh tử niết bàn⁷²⁹.

Lại nữa, kệ tụng:

Thân, thọ, ..., ba sai biệt

Tùy quán ảnh tượng kia

Ba trí: văn, tư, tu

Niệm pháp không mê hoặc. (kệ 33)

[577b20] Luận giải: Nên biết thân, thọ, tâm, pháp, mỗi xứ có ba thứ sai biệt.

728 Luận Biện trung biên, phẩm Biện chương: “Sự không nghe chánh pháp làm sinh trưởng năng lực cảm ra cái nghiệp thiếu mất chánh pháp.” (tr. 467a25)

729 Chánh văn là hữu tình niết bàn. Đây chỉ cho niết bàn vô trú của đại thừa: là bỏ tập nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết bàn. “Do vậy, đối với sinh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.” (Nhiếp luận)



Thân có ba thứ: 1. Có phần thân mang bản chất dơ bẩn, như phần bên trong của thân; 2. Có phần thân tương tự trong sạch, như phần da của thân; 3. Có phần thân biến hoại thành bất tịnh, như sau khi mạng chung, phần thân bầm xanh, sinh tương, cho đến xương trắng dính nhau, v.v...

Thọ có ba thứ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

Tâm có ba thứ: Giống như thọ, tâm có khổ, lạc và bất khổ bất lạc.

Pháp có ba thứ: Hắc pháp, bạch pháp và tạp pháp.

Tùy quán ảnh tượng kia: Như kinh Tàm tư: “*Tùy quán nơi ảnh tượng của thân, thọ, tâm, pháp.*”⁷³⁰

Đồng phân, đồng loại với sự mà được biết đến, gọi là *ảnh tượng (ảnh tượng)*.

Chữ “*tùy*” mang ý nghĩa *tương tự*.

Lại nữa, *tùy quán* chính là ba trí: văn sở sinh trí, tư sở sinh trí và tu sở sinh trí. Ba trí như vậy là do niệm lực. Tăng thượng duyên cho niệm lực là đối với giáo pháp: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị, mà không có mê hoặc. Cho nên nói rằng: “*niệm trú nơi thân, thọ, tâm, pháp*”, vì nhờ có niệm lực mà an trú.⁷³¹

730 Xem Tăng chi bộ kinh, chương 8, mục 30, kinh Đại tàm tư của tôn giả A-na-luật (Anuruddha).

731 Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già: “Đại Bồ Tát Từ thị thừa Phật: bạch đức Thế tôn, Bồ Tát do bốn đối cảnh sở duyên như trên mà cầu về chỉ và khéo về quán là như thế nào? Đức Thế tôn dạy đại Bồ Tát Từ thị: Thiện nam tử, giáo pháp của Như lai thiết lập cho Bồ Tát là khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, nhân duyên, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, hy pháp, luận nghị; đối với giáo pháp ấy, Bồ Tát khéo lắng nghe, khéo tiếp nhận, văn khéo rành rẽ, ý khéo tìm tòi, thấy khéo thông suốt; rồi chính nơi giáo pháp phải khéo tư duy như vậy, Bồ Tát một mình ở chỗ không phiền không ồn mà tác ý tư duy; sự tư duy này phải được nội tâm liên tục tác ý tư duy: hễ đứng vững rất nhiều trong cái chánh hạnh ấy, sinh ra sự khinh an nơi thân và sự khinh an nơi tâm, thì đó là chỉ, và Bồ Tát như vậy là cầu về chỉ. Bồ Tát này do cái thân tâm khinh an trên đây làm nền tảng, đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải khéo tư duy nói trên, hãy quan sát, thăng giải, bỏ cái tâm tương về chỉ: hễ đối với ấn tượng chánh định cần phải chứng biết ấy mà chính xác quyết Trạch, cùng



Lại nữa, kệ tụng:

Sở trị kia chín thứ

Biết tác ý có hai

Tu sai biệt có ba

Hai thứ không mất hoại. (kệ 34)

[577c05] Luận giải: Các niệm trú có chín thứ chướng được đối trị⁷³²: 1. Không yếm ly; 2. Không tác ý; 3. Ngừng quán sát tùy phiền não; 4. Hôn trầm thấp kém; 5. Không thể kham nhẫn; 6. Hỷ túc ít ỏi; 7. Quên mất sự dạy bảo; 8. Vi phạm giới hạnh; 9. Trừ bỏ cái ách của các điều thiện⁷³³ làm cho đục lạc tăng thêm mạnh mẽ.⁷³⁴

Lại nữa, tu niệm trú có hai thứ tác ý: 1. Tác ý không buông lơi; 2. Tác ý không nhiễm ô. Khế kinh ghi: “*xí thanh*”⁷³⁵, đây chỉ cho tác ý thứ nhất; “*chánh trí, ức niệm, trừ tham ưu thế gian*”⁷³⁶, đây chỉ cho tác ý thứ hai.

Lại nữa, tác ý không nhiễm ô có khả năng trừ khử ba thứ tạp nhiễm. Những gì gọi là ba thứ tạp nhiễm? 1. Phạm giới làm nhân

cực quyết Trạch, tàm tư toàn bộ, tứ sát toàn bộ, rồi xác nhận, ưa thích, hiểu biết, nhìn thấy, xét thấy, thì đó là quán, và Bồ Tát như vậy là khéo về quán.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

732 Nói cách khác, vì đối trị chín thứ chướng cần được đối trị nên phải tu bốn niệm trú.

733 Trong kinh Đại thừa thường nói “tu tập thiện pháp, bất xả thiện ách”. Ách là khúc gỗ ở hai bên xe, bắc qua cổ của trâu, ngựa để kiềm chế. Trừ bỏ thiện ách là từ bỏ tinh tiến tu tập thiện pháp.

734 Du-già sư địa luận, quyển 70, tr. 688a02.

735 Xí thanh: là tu tập thêm và hơn trong từng ý nghĩ.

736 Tạp A-hàm, kinh Mục-liên sở vấn, số 538: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: ‘Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?’ Tôn giả A-na-luật trả lời tôn giả Đại Mục-kiền-liên: ‘Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.’” (Thích Đức Thắng dịch)



duyên cho tâm sinh hối hận⁷³⁷: Do chướng này mà làm cho lúc đầu tâm không được định; 2. Nội tâm hôn trầm: Tuy đã được định nhưng do chướng này mà tâm trở nên chìm đắm, quên mất cảnh sở duyên; 3. Ngoại tâm tán loạn: Tuy đã chứng pháp thắng tiến nhưng do chướng này mà dính mắc tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, hoặc chưa thể chứng được pháp thắng tiến nên tâm sinh ưu não.

Tu sai biệt có ba: Tu các niệm trú, mỗi xứ đều có ba thứ: Tùy quán nội thân, ngoại thân và nội ngoại thân; tùy quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; v.v...

Lại nữa, nơi thân: (1) hoặc chỉ có quán ảnh tượng, (2) hoặc lấy ảnh tượng so sánh với thân, (3) hoặc kết hợp lại mà quán chung. Nơi thân có ba thứ quán sai biệt như vậy, cho đến nơi pháp cũng như vậy.

Lại nữa, các niệm trú có hai thứ không mất hoại: 1. Ban đầu không mất hoại: Là không có tán loạn; do cái lực này mà thiện pháp phát khởi được; 2. Về sau không mất hoại: Là không có tăng thượng mạn; do cái lực này khéo tu đến cứu cánh.

Lại nữa, kệ tụng:

Vì đoạn nơi trầm, trạo

Tương ưng đạo hai thứ

Quán sát xả phiền não

Và vì tận hai ái. (kệ 35)

[577c26] Luận giải: Ở trong giai vị tu [bốn] niệm trú, vì đoạn

737 Biến hối 變悔, Pāli: avipparisāro.



hôn trầm và trạo cử nên phải tu hai thứ đạo tương ứng. Như *kinh Tỳ-kheo-ni*⁷³⁸ và *kinh Thủ tự tâm tướng*⁷³⁹ có đề cập.

Kinh Tỳ-kheo-ni nói thế nào? Như kinh ấy nói: Vì đoạn tâm

738 Tạp A-hàm, kinh Tỳ-kheo-ni, số 615: “Các Tỳ-kheo-ni đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan: ‘Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm tu bốn Niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống.’ Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni: ‘Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phạm tu tập bốn Niệm xứ, an trú với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy.’ Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khát thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi lui qua một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan: ‘Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trú nơi bốn Niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thầy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trú niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trú niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, thì Tỳ-kheo này nên khởi tịnh tín, nắm lấy tướng yên ổn. Sau khi khởi tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ tướng yên ổn, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sanh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an thì sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc thì tâm sẽ định. Với tâm định, Thánh đệ tử hãy học điều này: ‘Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, thì nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi giác tưởng và quán tưởng. Không giác, không quán, an trú lạc với ý xả và chánh niệm. Sau an trú lạc, thì biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy.’” (Thích Đức Thắng dịch)

739 Kinh Thủ tự tâm tướng 取自心相經 = Tạp A-hàm, kinh Trù sĩ (Đầu bếp), số 616: “Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng, không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thoái giảm và tự sanh ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa các vị để phụng dưỡng tôn chủ; chua, mặn, nhạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều hòa các vị chua, mặn, nhạt; không hay tự thân hầu hạ hai bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng; vì không vui lòng nên không ban thưởng và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não, không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thẳng diệu; trong hiện tại, cũng không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sống an lạc ngay trong hiện tại, cứu cánh Niết-bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại.”

“Nếu Tỳ-kheo nào, có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thoái giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, nhạt, mặn; khéo nắm bắt dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, thì chắc chắn sẽ được yêu mến gấp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thoái giảm và tự bị chướng ngại. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.” (Thích Đức Thắng dịch)



trầm một nên phải tư duy một chút phần tướng mạo khả ái, thanh tịnh; vì đoạn tâm trạo động nên phải nhiếp phục tâm.

Kinh Thủ tự tâm tướng nói thế nào? Như kinh ấy nói: Do không nhiếp giữ tướng tự tâm nên tâm trầm một. Do nhiếp giữ một chút phần tướng bên ngoài khả ái nên tùy phiền não mà trầm một được đoạn dứt tạm thời. Tuy nhiên tâm chưa được định, liền phải nhiếp giữ tâm ấy. Thấy tâm trầm một ngang qua sự nắm giữ tướng bên ngoài. Thấy tâm trạo động ngang qua sự nắm giữ tướng tự tâm. Bấy giờ đoạn được tùy phiền não khi trầm một hay khi trạo động, tâm được chánh định, nhiếp phục tâm mình, nắm giữ tướng tự tâm, rời trầm một và trạo động.

[578a07] Lại nữa, do quán sát đạo tương ứng mà có thể xả bỏ phiền não, như kinh Yên⁷⁴⁰ có đề cập.

740 Kinh Yên 鶻經: Tập A-hàm, kinh Điều, số 617: "Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà, bị chim Ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: 'Vi ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!'"

"Chim Ưng bảo La-bà: 'Nơi nào là chỗ ở tự do của ngươi?'"

"La-bà đáp: 'Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cây trong đồng ruộng, đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.'"

"Chim Ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với La-bà, bảo: 'Cho ngươi trở về nơi rãnh cây trong đồng ruộng, thử có thoát được không?'"

"La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim Ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cây. Sau đó ở trên khối đất to, La-bà muốn khiêu chiến cùng chim Ưng. Chim Ưng phẫn nộ mắng: 'Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?'"

"Quá đối phần nộ chim Ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng La-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim Ưng đang đã lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. ..."

"Như vậy, này Tỳ-kheo, như chim Ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nơi phải bị tai họa. Tỳ-kheo các ông cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học."

"Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: Sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo."

"Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên thọ, tâm, pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy." Xem Tương ưng bộ, 47.6 – Con chim ưng.



Kinh Yên nói: (1) *Chim yến* dụ cho tâm hành của hành giả. (2) Đi không phải chỗ hành xứ của mình dụ cho cảnh giới khả ái mà hành giả ấy tư duy. (3) *Bị con chim ưng bắt* dụ cho hành giả ấy bị tham triền nắm giữ. (4) *Chim yến kêu la* dụ cho hành giả ấy sinh tâm hối hận. (5) *Tạm buông tha* dụ cho tham triền của hành giả ấy tạm dứt. (6) *Khối đất* dụ cho năm thủ uẩn. (7) *Rãnh cây dài* dụ cho vô thường quán. (8) *Hang hốc* dụ cho thấu suốt chân như quán. (9) *Mời gọi chim ưng* dụ cho quán sát tác ý. (10) *Chim ưng lao thẳng tới* dụ cho tham ái trời buộc ngay trong hiện tại. (11) *Chui vào hang hốc* dụ cho tư duy chân như quán. (12) *Chim ưng tự bề ngược* dụ cho tùy miên đoạn dứt.⁷⁴¹

[578a16] Lại nữa, đạo tương ứng này có thể dứt hết ba ái: 1. Ái trợ bạn; 2. Ái lợi dưỡng; 3. Ái hậu hữu. Vì đối trị các ái này mà hiển thị ngã và pháp không có sai khác.

Lại nữa, kệ tụng:

Vì đoạn tăng thượng mạn

Vị sở y, diên đảo

Và ba tâm thú nhập

***Tu tập nơi niệm trú.* (kệ 36)**

741 So sánh Du-già sư địa luận, quyển 97: "Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi các niệm trú chánh cần tu tập, tuy còn là dị sanh: (1) Hoặc có cảnh giới thắng diệu khả ái đang hiện tại tiền, hoặc lại riêng ở một mình mà đắc các tướng trạng. (2) Do quên mất chánh niệm, nên lấy ý tưởng không như lý làm chỗ nương, bỗng nhiên phát khởi tham triền mãnh lợi. (3) Người kia ở nơi triền đây, thân tâm nhàm chán hồ thẹn như thân mình bị đọa ở chốn ách nạn cực đơ uế, phát khởi tư duy, tâm xa lìa mạnh mẽ. (4) Do hành như vậy, nên ở nơi triền kia, tâm được giải thoát. (5) Đã giải thoát rồi, tâm sinh hoan hỷ, từ đây về sau khởi nhàm chán mạnh mẽ. (6) Đã nhàm chán mạnh mẽ, sau có được cái tướng về vô thường, như cây lớn vạch đất thành những đường dài. (7) Ở nơi Thánh đế như thật hiện quán, lấy đây làm chỗ nương, nương tựa Niết bàn. (8) Lại ở giai đoạn hữu học mà tác ý quán sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy về tướng tịnh diệu. (9) Tuy chưa vĩnh viễn đoạn tham tùy miên, nếu lúc tham triền bỗng nhiên sinh khởi hiện tiền, thì tầm tư về tham triền ấy để thấy sâu sự quá họa của nó. (10) Vì muốn đoạn triền đây và tùy miên, nên nhập vô tướng định, như vậy là năng đoạn pháp chưa đoạn còn lại. (11) Từ định khởi xuất rồi, như thật rõ biết tất cả đã đoạn, lãnh thọ giải thoát hỷ lạc vi diệu, như thật quán thấy tự mình thành tựu đại trí lực, nên gọi là cường thịnh, các lực của ma vương đều trở nên yếu kém." (tr. 860c16-861a02)



[578a21] Luận giải: Vì muốn đối trị tăng thượng mạn, vì muốn đối trị ái vị y chỉ nơi định⁷⁴², và vì đối trị bốn điên đảo mà tu tập niệm trú.⁷⁴³

Vì muốn đối trị tăng thượng mạn: Như kinh nói: “Chỉ nên ở nơi thân, thọ, tâm, pháp mà trú trong sự nhớ nghĩ,” cho đến hoặc “chỉ có trí,” hoặc “chỉ có kiến,” hoặc “chỉ buộc niệm.”

Tăng thượng mạn này có hai thứ: 1. Chưa đoạn [phiền não] thô trọng đối với thân, thọ, tâm, pháp nên chướng khởi; 2. Chưa viên mãn nơi chỉ, quán và cả hai nên đối trị khởi.

Vì muốn đối trị ái vị y chỉ nơi định: Như kinh nói: “Không có chỗ y chỉ.”

Vì đối trị bốn điên đảo: Như kinh nói: “Đối với thế gian không ít chấp thủ.” Do điên đảo đoạn nên không còn chấp năm thủ uẩn là thường, là lạc, là ngã, là tịnh.

Lại đi vào sự tu tập niệm trú bằng ba tâm thú hướng: (1) Khi du hành nơi thôn xóm thì tâm thú hướng xuất ly; (2) Khi ở chỗ huyền não thì tâm thú hướng viễn ly; (3) Khi ở tĩnh thất thì tâm thú hướng niết bàn.

Lại nữa, (1) thú hướng xuất ly sinh tử; (2) thú hướng viễn ly phiền não; (3) ưa thích tịch diệt nên tâm thú hướng niết bàn.⁷⁴⁴

742 Xem 10 thứ ái vị.

743 Về Niệm xứ, xem Tập A-hàm, từ kinh 605 – 639; Tương ưng bộ, thiên Đại phẩm, chương Tương ưng Niệm xứ; Trung bộ, kinh Niệm xứ, số 10.

744 Du-già sư địa luận, quyển 70, tr. 687b01-06.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Hai Mươi

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 4)

[578b13] Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự giác phần*. Nay sẽ nói quyết trạch về *sự bồ-đặc-già-la*.

Kệ tụng:

Do các căn sai biệt

Kiến lập năm duy hai

Giả thiết có năm nhân

Ba sự thành viên mãn. (kệ 37)

[578b17] Luận giải: Do các căn sai biệt nên kiến lập năm loại duy hai⁷⁴⁵. Như trong kinh có nói: “Do chỉ có hai căn làm duyên nên có thể biết chỉ có hai tác ý; chỉ có hai tác ý làm duyên nên có thể biết chỉ có hai tu; chỉ có hai tu định làm duyên nên có thể biết chỉ có hai hành; chỉ có hai hành làm duyên nên có thể biết chỉ có hai bồ-đặc-già-la.”

Hành: Là tu tập dẫn ra tập khí.

Lại nữa, bồ-đặc-già-la giả lập do năm lý do: 1. Do chủng tánh:

745 Năm loại duy hai (duy nhị): 1. Hai căn: thắng và liệt; 2. Hai tác ý: thắng và liệt, thắng giải ngang đầu thì tác ý cầu định tới đó; 3. Hai tu định: vì tác ý trước là liệt, sau là thắng, nên định có liệt, có thắng; 4. Hai hành: do hữu lậu tính lự có thắng, có liệt, vô duyên, làm cho bất động hành cũng có 2 thứ; 5. Hai bồ-đặc-già-la: do bất động hành có 2 thứ thắng và liệt nên hữu tình cảm thọ sinh có thắng liệt, cao thấp.



khả cứu và bất khả cứu⁷⁴⁶; 2. Do thú nhập: Thanh văn thừa, v.v...; 3. Do học: Học và vô học; 4. Do chứng đắc: trú bốn quả và ba hướng⁷⁴⁷; 5. Do tội lỗi và công đức: có chướng, không chướng, cụ phược, không cụ phược⁷⁴⁸.

Lại nữa, do ba sự [học] nên kiến lập ba viên mãn: 1. Viên mãn căn: là có được pháp bất động; 2. Viên mãn định: là đắc diệt tận định; 3. Viên mãn quả: là chứng quả A-la-hán.⁷⁴⁹

[578b28] Như vậy là đã nói quyết trạch về **sự bổ-đặc-già-la**.

Nay sẽ nói quyết trạch về **sự quả**.

Kệ tụng:

Chứng chuyển y không khởi

Hai nhân quả không thoái

Ba nhân nên đoạn thường

Ba quả, ba nhân ký. (kệ 38)

[578c03] Luận giải: Do chứng được chuyển y nên các phiền não không khởi. Nên biết *chuyển y* được gọi là đoạn.

Lại nữa, do hai thứ nhân nên quả không có thoái: (1) Nếu chưa vĩnh hại chủng tử phiền não mà chứng A-la-hán là không đúng đạo lý;

746 Xem Hiền dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Khả cứu, bất khả cứu.

747 Bốn quả và ba hướng: Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; tất cả thuộc tu đạo. Dự lưu hướng thuộc kiến đạo.

748 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3: Có chướng: Có ba chướng: 1. Phiền não chướng; 2. Nghiệp chướng; 3. Báo chướng; vì có thể chướng ngại sự tu tập thiện pháp. Không chướng: Ngược với có chướng. Cụ phược: là hàng dị sinh. Không cụ phược: là sáu bậc thánh giả hữu học, từ Dự lưu quả thứ hai đến A-la-hán hướng thứ sáu.

749 Đây là 3 sự học viên mãn của hàng Vô học. Còn hàng Hữu học thì: 1. Viên mãn căn: là có được lợi căn; 2. Viên mãn định: là 8 giải thoát định; 3. Viên mãn quả: là các quả của Hữu học. (Du-già sư địa luận, quyển 57, tr. 618c28)



(2) Nếu đã vĩnh hại chủng tử phiền não thì phiền não chắc chắn không sinh khởi, vì không có *chủng nhân*.

Lại nữa, có ba nguyên nhân mà đoạn⁷⁵⁰ là thường tánh: 1. Không hý luận; do đó hý luận hiện kiến không phải là thường tánh; 2. Thanh tịnh chân như được hiển lộ, giống như vàng ròng có tánh điều nhu; 3. Tánh chất phiền não không sinh, vì trước sau không khác biệt.

Lại nữa, ba thứ quả là do ba nhân, nên Như lai ký biệt (: xác nhận):

1. **Chứng tịnh ký biệt:** Là Dự lưu quả, do có được bốn chứng tịnh⁷⁵¹ ở kiến đạo.

2. **Hỷ xứ ký biệt:** Là Nhất lai quả, sắp được căn bản định, đã cảm nhận chút phần hỷ.

3. **Tùy niệm ký biệt:** Là Bất hoàn quả, đã được căn bản định, hiện thấy các thiên chúng và Phạm chúng, v.v... hứng thú nói chuyện, những mong cầu tùy tâm niệm, tùy công đức có được, vì chưa viên mãn.

Như vậy là đã nói quyết trạch về **sự quả**.

Nay sẽ nói quyết trạch về **sự công đức**.

Kệ tụng:

Kiến lập các công đức

Do mười bảy tầng thượng

Sai biệt ấy vô biên

Vì trị chướng sở trị. (kệ 39)

750 Đoạn = chuyển y. Chuyển y thì không hý luận, thanh tịnh chân như hiển lộ và phiền não không sinh.

751 Bốn chứng tịnh 四證淨: Cũng nói là bốn bất hoại tín 四不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 四不動信 hay bốn Dự lưu chi 四預流支: tín Phật, tín Pháp, tín Tăng, tín Thánh giới.



[578c19] Luận giải: Do mười bảy thứ lực tăng thượng mà kiến lập công đức:

1. *Tăng thượng do thương xót hữu tình*: Là bốn vô lượng.
2. *Tăng thượng do sáu chướng tịnh*: Là tám giải thoát⁷⁵², tám thắng xứ, mười biến xứ. Ở đây tám thắng xứ và mười biến xứ làm phương tiện cho tám giải thoát thành mãn.

Sáu chướng tịnh: (1) Chướng thanh tịnh bởi sự biến hóa: Là do hai giải thoát đầu tiên. (2) Chướng thanh tịnh bởi tối cực hiện pháp lạc trú: Là do giải thoát thứ ba, tịnh và bất tịnh đều là thanh tịnh hiển hiện. (3) Chướng thanh tịnh bởi sự vắng hoàn: Là do giải thoát thứ tư. (4) Chướng thanh tịnh bởi sự dẫn phát công đức của các

752 HT. Thích Thiện Siêu, Đại cương về luận Câu-xá:

1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, nghĩa là có lòng tham sắc tướng đối với nội thân. Muốn trừ lòng tham đó, quán sát sắc bất tịnh ở bên ngoài như thấy chết bầm xanh v.v... thì lòng tham sắc về tướng ở nội thân không khởi lên được, đây gọi là giải thoát.
 2. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, nghĩa là không còn lòng tham về sắc tướng đối với nội thân, vì lòng tham ấy đã trừ, song muốn cho vững chắc, nên vẫn tiếp tục quán sát bất tịnh bên ngoài, lòng tham kia không khởi lên được nữa.
 3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trú, nghĩa là bây giờ dù nhìn tịnh sắc, lòng tham vẫn không khởi lên, đây là tịnh giải thoát và chứng đắc tính cách tịnh giải thoát ngay trong thân đầy đủ viên mãn, an trú nơi định đó gọi là thân tác chứng cụ túc trú.
 4. Không vô biên xứ giải thoát.
 5. Thức vô biên xứ giải thoát.
 6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
 7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
- Bốn giải thoát này đều xả bỏ lòng tham của các địa dưới gọi là giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng định giải thoát, thân tác chứng cụ túc nói tắt là Diệt tận định, định này chủ yếu chán bỏ hai tâm thọ và tưởng, vĩnh viễn an trú vô tâm nên gọi là giải thoát.
- Trong tám giải thoát, ba thứ đầu lấy vô tham làm thể, và trong ba thứ này, hai thứ đầu nương tựa vào sơ nhị tịnh lực lấy cảnh sắc đáng ghét ở cõi Dục làm đối tượng. Cái thứ ba nương tựa vào tịnh lực thứ tư, duyên lấy cảnh sắc đáng ưa ở cõi Dục làm đối tượng. Còn bốn vô sắc giải thoát kia thì lấy bốn thiền định cõi Vô sắc làm thể, và tự duyên lấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở tự địa và địa trên, cùng duyên đạo loại trí của chín địa làm đối tượng.
- Lại trong tám giải thoát này, chỉ cái thứ ba, thứ tám còn kèm theo chữ thân tác chứng là vì sao? Vì hai lẽ: Vì thù thắng nghĩa là cái giải thoát thứ ba chỉ quán về tịnh tướng vẫn không khởi tâm tham ái. Còn cái giải thoát thứ tám là vô tâm, còn bảy cái giải thoát kia là hữu tâm. Vì nó ở vào cuối cùng của cõi Sắc và cõi Vô sắc, nghĩa là cái giải thoát thứ ba thì nương tựa tịnh lực thứ tư cõi Sắc, còn cái giải thoát thứ tám thì nương tựa Hữu định địa của Vô sắc giới.



Thánh như vô tránh, nguyện trí, v.v...: Là do giải thoát thứ năm.⁷⁵³

(5) Chướng thanh tịnh bởi các lậu và các hữu: Là do giải thoát thứ sáu và thứ bảy. (6) Chướng thanh tịnh bởi sự an trú tịch tĩnh tối cực: Là do giải thoát thứ tám.

3. *Tăng thượng do biết lúc đi*: Là công đức của vô tránh.⁷⁵⁴
4. *Tăng thượng do quán sát [các pháp] sở tri*: Là nguyện trí.⁷⁵⁵
5. *Tăng thượng do ngôn giáo*: Là bốn vô ngại giải.
6. *Tăng thượng do sáu xứ thiện xảo*: Là sáu thần thông.

Sáu xứ thiện xảo: (1) Thiện xảo dẫn nhiếp; (2) Thiện xảo nghe kỹ ngôn ngữ: nhờ thiện xảo này, dùng ngôn ngữ để bẻ gãy những luận nạn, rồi vì người thuyết chánh pháp; (3) Thiện xảo muốn lý giải tùy miên; (4) Thiện xảo đi đến; (5) Thiện xảo ra đi; (6) Thiện xảo giải thoát.

753 Du-già sư địa luận, quyển 62, tr. 645b28~c07: "Người quán hành tu tập mười biến xứ thì có năng lực làm năm việc. Những gì là năm? 1. Do tu tập địa biến xứ cho đến bạch biến xứ, thì dẫn phát các Thánh thần thông của sự hóa, sự biến của. 2. Do tu tập Không vô biên xứ nhất thiết xứ, thì dẫn phát các Thánh thần thông của sự vắng hoàn (đến đi) vô ngại. 3. Do tu tập Thức vô biên xứ nhất thiết xứ, thì dẫn phát các công đức thù thắng như vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải. 4. Do Thức vô biên xứ biến xứ thành mãn, thì thành tựu trọn vẹn Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát. 5. Do cái nhân thành mãn này mà chứng nhập Tưởng thọ diệt giải thoát, nhiếp thuộc tối thắng trí."

754 Trí thời vắng: Biết lúc đi tới. Sự vô tránh của Phật là hủy diệt sự tranh cãi của chúng sanh mà cõi nguồn là phiền não, mê hoặc và nhiễm ô. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Kính Phật: "Công đức thù thắng của vô tránh: 1. Ngăn chặn phiền não khởi: Tất cả chúng sinh khởi phiền não, mọi việc làm của Phật đều làm cho chúng sinh không khởi phiền não; 2. Diệt tổn hại mê hoặc: Tất cả mê hoặc nếu đã khởi thì Phật cũng có thể giúp cho chúng sinh khởi phương tiện đối trị."

755 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Kính Phật: "Nguyện trí của Phật có năm sự thù thắng: 1. Không còn khởi dụng công; 2. Không vướng mắc ở đối cảnh; 3. Không bị ngăn ngại ở trong tâm; 4. Thường xuyên tịch tĩnh; 5. Giải đáp các hoài nghi. Do có năm nghĩa này nên gọi là thù thắng. Nguyện trí của bậc khác là: 1. Không phải không dụng công, vì còn khởi tác ý; 2. Không phải không vướng mắc, vì có định lực giả dối; 3. Không phải không ngăn ngại, vì sự thấy biết chút phần; 4. Không phải thường xuyên tịch tĩnh, vì không phải là định thường tịch; 5. Không giải đáp các hoài nghi, vì có chỗ không biết tới."



7. *Tăng thượng do người khác sinh đức tin*: Là các tướng hảo⁷⁵⁶.
8. *Tăng thượng do ba chướng thanh tịnh*: Là bốn thứ biến thanh tịnh⁷⁵⁷.
- Ba chướng*: 1. Chướng sở y; 2. Chướng sở duyên; 3. Chướng tâm trí.
9. *Tăng thượng do tất cả vấn ký*: Là các lực⁷⁵⁸.
10. *Tăng thượng do bề gãy tất cả luận thuyết của người khác*: Là bốn vô úy⁷⁵⁹.
11. *Tăng thượng do tâm không thiên lệch đối với đại chúng được nhiếp*: Là ba bất hộ⁷⁶⁰.
12. *Tăng thượng do năng lực nhiếp hóa đồ chúng*: Là ba niệm trú⁷⁶¹.
13. *Tăng thượng do việc làm ở trong mọi thời gian thể hiện bậc Nhất thiết trí*: Là vĩnh viễn nhỏ bỏ tất cả tập khí.

756 Tướng hảo là 32 tướng đại tướng phu và 80 vẻ đẹp tùy hình.

757 Tứ chủng biến thanh tịnh 四種遍清淨 = tứ nhất thiết tướng thanh tịnh 四一切相清淨: 1. Y chỉ thanh tịnh; 2. Cảnh giới thanh tịnh; 3. Tâm thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự*, phần 4, mục *Thanh tịnh*.

758 Các lực là 10 lực của Như lai. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự*, phần 4, mục *Các lực*.

759 Khi thuyết pháp, Phật có bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh: 1. Phật nói rõ, Ta là bậc Nhất thiết trí, đó là nhất thiết trí vô úy; 2. Phật nói rõ, Ta đã đoạn tận tất cả phiền não, đó là lậu tận vô úy; 3. Phật nói chánh đạo đưa đến sự diệt tận khổ đau như giới, định, tuệ v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết tận khổ đạo vô úy; 4. Phật nói các pháp chướng ngại như hoặc, nghiệp v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết chướng đạo vô úy. Hai vô úy trước là trí đức và đoạn đức thuộc công đức lợi mình. Hai vô úy sau là tu tập trí đức và tu tập đoạn đức thuộc công đức lợi người.

760 Ba bất hộ: Thân miệng ý của Phật thuần tịnh thuần trí, nên không có gì cần phải giữ gìn, và khi thuyết pháp cho đại chúng thì điều phục họ bằng thân miệng ý ấy.

761 Ba niệm trú: Phật vĩnh viễn sống trong chánh niệm và chánh trí, cho nên, một là, ai khen cũng không vui mừng; hai là, ai chê cũng không buồn ghét; ba là, ai khen chê cũng không vui mừng, cũng không buồn ghét. Thành thật luận, phẩm *Ba bất hộ*: "Mỗi khi thuyết pháp, thính giả có lắng nghe, Phật chẳng lấy làm mừng, hay thính giả không lắng nghe, Phật cũng chẳng lấy làm buồn, vì Phật thường tu xả tâm. Vì sao? Vì tập khí tham sân của Phật không còn chút mây may."

14. *Tăng thượng do không bỏ lỡ thời cơ đối với việc ứng hóa*: Là pháp không lãng quên⁷⁶².

15. *Tăng thượng do ngày đêm sáu thời quán sát thế gian*: Là tâm đại bi⁷⁶³.

16. *Tăng thượng do vượt qua Thanh văn, Độc giác*: Là mười tám pháp bất cộng của Phật⁷⁶⁴.

17. *Tăng thượng do thành tựu sở tác sự của chư Như lai*: Là nhất thiết chủng diệu trí⁷⁶⁵.

Lại nữa, các công đức để đối trị những chướng sở trị thì sai biệt, cho nên biết có vô biên sai biệt [công đức như thế].

762 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Trong sự lợi ích yên vui cho chúng sinh, việc Như lai làm thường xuyên đúng lúc và không bỏ lỡ cơ hội; đây là nghiệp dụng của pháp không lãng quên. Trong mọi thời gian, việc Như lai làm đều không có hư dối; đây là tự tánh của pháp không lãng quên."

763 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Bằng tâm đại bi, Như lai ngày đêm sáu thời quán sát chúng sinh, ai thoái, ai tiến: người chưa khởi thiện căn, Ngài làm cho người ấy khởi thiện căn; người đã khởi thiện căn, Ngài làm cho người ấy tăng tiến thiện căn. Tuy một ngày có sáu thời mà thật ra Ngài thường chuyển pháp luân trong mọi thời gian, vì Ngài có đầy đủ tâm đại bi; đây chính là nghiệp dụng của tâm đại bi. Như lai thường khởi tâm ý lợi lạc cho tất cả chúng sanh; đây là tự tánh của tâm đại bi."

764 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Phật có mười tám pháp bất cộng: 1. Thân không làm lỗi; 2. Miệng không làm lỗi; 3. Ý không làm lỗi; 4. Không có ý tưởng riêng khác; 5. Không lúc nào tâm không trú định; 6. Không có sự không biết mà đã xả; 7. Nguyên dục không giảm; 8. Tinh tiến không giảm; 9. Niệm không giảm; 10. Tuệ không giảm; 11. Giải thoát không giảm; 12. Giải thoát trí kiến không giảm; 13. Trí biết đời quá khứ không vương mắc, không chướng ngại; 14. Trí biết đời vị lai không vương mắc, không chướng ngại; 15. Trí biết đời hiện tại không vương mắc, không chướng ngại; 16. Thân nghiệp hành động theo trí tuệ; 17. Khẩu nghiệp hành động theo trí tuệ; 18. Ý nghiệp hành động theo trí tuệ."

765 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Công đức thù thắng của nhất thiết chủng trí: Ba thân: 1. Tự tánh thân; 2. Thọ dụng thân; 3. Hóa thân. Đây là nói tự tánh của nhất thiết chủng trí. Hỏi: Trí này biết tất cả chủng loại trong tất cả cảnh là thế nào? Đáp: Tất cả chúng sinh ở khắp mọi nơi sanh nghi hoặc, trí này có thể đoạn diệt những nghi hoặc ấy. Đây là nghiệp dụng của nhất thiết chủng trí." Chứng đắc nhất thiết chủng trí tức có đủ mọi phẩm chất của đại bồ đề, nghĩa là thủ đắc 3 thân.



Lại nữa, kệ tụng:

Tư duy nghĩa, lạc, khổ

Tác ý và an trú

Gian nan và sắc thái

Thù đặc, không thù đặc. (kệ 40)

[579a20] Luận giải: Các công đức ấy, dù là sở đối trị hay năng đối trị đều nên tư duy. Tư duy thế nào? Tư duy về nghĩa, lạc, khổ, tác ý, an trú, gian nan, sắc thái, thù đặc hay không thù đặc.

[579a23] (1) ***Tư duy về nghĩa***: Là các câu cú bao gồm nghĩa của cái *tụ-đến-bờ-bến-kia*. Có năm *nghĩa vì gì*: 1. Nghĩa vì khởi cung kính đối với người thuyết pháp; 2. Nghĩa vì nhiếp chúng; 3. Nghĩa vì khởi tôn trọng đối với ngôn giáo; 4. Nghĩa vì tự thuật sự; 5. Nghĩa vì khởi nhiều việc làm đối với nghĩa giáo chân thật.

[579a27] Lại nữa, tất cả pháp có ba thứ nghĩa: 1. Nghĩa năng tăng ích; 2. Nghĩa sở tăng ích; 3. Nghĩa pháp tánh. Như sắc có ba thứ: sắc năng tăng ích, sắc sở tăng ích và pháp tánh của sắc. Nên biết tất cả xứ đều như vậy.⁷⁶⁶

[579b01] Lại có cái nghĩa *lý thú ba luân* để tuyên thuyết các pháp: Dựa vào lý thú của thế tục để để tuyên thuyết *người tạo tác*, tuyên thuyết *công cụ tạo tác*, tuyên thuyết *nghiệp tạo tác*⁷⁶⁷. Như

766 Luận Biện trung biên 辯中邊論, phẩm Biện chân thật: “Mười pháp: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ, căn, thể, đế, thừa và hữu vi vô vi, mỗi pháp có ba nghĩa. Thí dụ, trong sắc uẩn có ba nghĩa: 1. Sở chấp nghĩa sắc, là tánh biến kế sở chấp của sắc; 2. Phân biệt nghĩa sắc, là tánh y tha khởi của sắc; vì lấy sự phân biệt nơi y tha làm sắc; 3. Pháp tánh nghĩa sắc, là tánh viên thành thật của sắc. Giống như trong sắc uẩn có ba nghĩa này, bốn uẩn: thọ, tưởng, hành, thức, và chín pháp: giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ, căn, thể, đế, thừa, hữu vi vô vi, mỗi pháp đều có ba nghĩa tùy ứng. Mười pháp: uẩn, giới, xứ, v.v... do ba nghĩa mà có sai biệt, nhưng không một pháp nào mà không nhiếp vào trong ba tánh căn bản.” (No. 1600, tr. 470a17)

767 Tác giả, tác cụ và tác nghiệp: Như một người dùng cây búa để chẻ củi.

người thí, hạnh thí và người nhận vật thí: người thường hành bố thí do thực thi sự thí này đến với người nhận vật thí. Nên biết tất cả xứ đều như vậy.

[579b05] Lại có cái nghĩa *bốn thứ lý thú ngôn giáo*: 1. Lý thú ngôn giáo sai biệt; 2. Lý thú ngôn giáo kiến lập; 3. Lý thú ngôn giáo không khác; 4. Lý thú ngôn giáo không tác dụng.

Lý thú ngôn giáo sai biệt: Là “*sắc pháp cho đến Nhất thiết chủng trí*”⁷⁶⁸ có tánh chất sai biệt.

Lý thú ngôn giáo kiến lập: Là năm thứ kiến lập: 1. Kiến lập thú nhập; 2. Kiến lập giáo thọ; 3. Kiến lập học; 4. Kiến lập chứng đắc; 5. Kiến lập tội lỗi và công đức.⁷⁶⁹

Lý thú ngôn giáo không khác: Có sáu thứ: 1. *Hữu phi hữu* không khác: sắc và tánh không của sắc; tất cả xứ đều như vậy; 2. *Lăn nhau* không khác: các uẩn tiếp cận lẫn nhau; tất cả xứ đều như vậy; 3. *Ba đời* không khác: quán nơi tiền tế, trung tế và hậu tế; tất cả xứ đều như vậy; 4. *Bổ-đặc-già-la* không khác: các hữu tình triển chuyển tiếp cận; 5. *Chương trị* không khác: thường - vô thường, cho đến lưu chuyển - tịch diệt; 6. *Văn tự* không khác: danh thân, cú thân, văn thân.

768 Sắc pháp cho đến Nhất thiết chủng trí 色乃至一切種智: Câu này xuất hiện trong kinh Đại bát nhã ba-la-mật-đa và Đại trí độ luận, viết tắt để nói pháp tu chỉ quán của Bồ tát (hay đại thừa) là từ sự quán chiếu 5 uẩn, 4 niệm xứ, 18 pháp bất cộng, cho đến Nhất thiết chủng trí. Xem 17 tầng thượng ở đoạn trên. Kinh Đại bát nhã ba-la-mật-đa, quyển 8, phẩm Vô sinh: “Những gì là quán? Lúc thật hành Bát-nhã ba la mật, đại Bồ-tát quán sắc chẳng phải tướng chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc chẳng phải khổ, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chẳng phải không chẳng phải bất không, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng phải chẳng ly. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đản-na ba la mật đến Bát-nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả môn tam muội đến nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ-tát lúc thật hành Bát-nhã ba la mật quán các pháp.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch)

769 Ở đoạn trên, quyết trạch về bổ-đặc-già-la có ghi: “Bổ-đặc-già-la giả lập do năm lý do: 1. Do chúng tánh: khả cứu và bất khả cứu; 2. Do thú nhập: Thanh văn thừa, v.v...; 3. Do học: Học và vô học; 4. Do chứng đắc: trú bốn quả và ba hướng; 5. Do tội lỗi và công đức: có chương, không chương, cụ phược, không cụ phược.”



Lý thú ngôn giáo không tác dụng: Là ba luân thanh tịnh. Tù ở các xứ, không có người tạo tác chân thật khả đắc, không có công cụ tạo tác, cũng không có nghiệp tạo tác; không có bổ-đặc-già-la, không có thuyết pháp, không có pháp khả thuyết; không có bổ-đặc-già-la, không có học, không có pháp khả học; không có bổ-đặc-già-la, không có chứng đắc, không có pháp khả chứng; không có bổ-đặc-già-la, không có an trú tội lỗi hay công đức, không có chỗ trú, không thủ, không pháp; như vậy tất cả.

[579b22] Lại có hai thứ nghĩa *vô lượng*: 1. Phát khởi vẫn luận vô lượng; 2. Hồi hướng vô sở đắc vô lượng.

[579b24] Lại vì đối trị ba thứ xứ sở mà nói cái nghĩa *không nên trú ở nơi sắc*, cho đến cái nghĩa *không nên trú ở nơi tất cả pháp*.

Ba thứ xứ sở: 1. Xứ sở chấp trước; 2. Xứ sở tùy chuyển; 3. Xứ sở tuệ hành [nơi trung đạo, không] hý luận.

[579b27] Lại có ba thứ nghĩa *vô tướng*: 1. Vô tướng vô thể; 2. Vô tướng không phải thể kia; 3. Vô tướng không hiển hiện. Giống như vô tướng, như vậy vô tánh, vô tự thể, bất sinh, bất diệt, vô sở chấp trước, vô sở vi tác, vô sở nhiếp thọ, nên biết cũng vậy.

[579c02] Lại có ba thứ nghĩa *hữu sở đắc*: 1. Hữu sở đắc sự; 2. Hữu sở đắc hữu sở đắc; 3. Hữu sở đắc vô sở đắc. Giống như hữu sở đắc, như vậy hữu chấp trước, vi tác, hý luận, thủ, kiến, kế chấp, nên biết cũng vậy.

[579c05] Lại có ba thứ nghĩa *hữu sở đắc*: 1. Hữu sở đắc tự thể; 2. Hữu sở đắc không viễn ly; 3. Hữu sở đắc không suy tích.

Lại có ba thứ nghĩa *vô sở đắc*: 1. Vô sở đắc tự thể; 2. Vô sở đắc viễn ly; 3. Vô sở đắc suy tích. Giống như vô sở đắc, như vậy không,



vô chấp trước, vô vi tác, vô hý luận, vô thủ, vô kiến, vô kế chấp, nên biết cũng vậy.

Lại có ba thứ nghĩa *vô sở đắc*: 1. Vô sở đắc hữu tánh; 2. Vô sở đắc thể kia; 3. Vô sở đắc không hiển hiện.

Vô sở đắc: Suy tìm các pháp thì không thấy tự tánh. Không phải mọi thứ đều vô sở đắc, tuy nhiên dựa vào tự tánh biến kế sở chấp, khi vô sở đắc, cũng không quán sát tự tướng y tha của nó.

[579c14] Lại nữa, khế kinh nói: “*Vì tương ưng vô sở đắc*.” Có phải các pháp tương ưng vô sở đắc? Nên lập bốn câu:

1. Vô sở đắc, chẳng tương ưng: Như có người đối với sự quảng đại đều vô sở đắc.

2. Có tương ưng, chẳng vô sở đắc: Do thể gian đạo nên tu các thiện pháp.

3. Vô sở đắc, cũng tương ưng: Do xuất thể gian đạo nên tu các thiện pháp.

4. Chẳng vô sở đắc, cũng chẳng tương ưng: Pháp nhiễm ô và pháp vô ký ở ngay hiện tại.

[579c20] Lại có năm thứ nghĩa *bất chánh thủ*⁷⁷⁰: 1. Bất chánh thủ bổ-đặc-già-la; 2. Bất chánh thủ pháp; 3. Bất chánh thủ biến dị; 4. Bất chánh thủ tổn giảm; 5. Bất chánh thủ sai biệt.⁷⁷¹

770 Bất chánh thủ 不正取: Thủ không đúng, thủ không chính xác.

771 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành Vô tánh: “Tự tánh của các hành lưu chuyển từ vô thủy, vì sức tập quen mà dị sinh đối với mình người tương tục nên khởi tà chấp chúng sinh, như vậy ở trong đêm dài [sinh tử] tập quen ngôn ngữ diễn tả, huân tập nơi tâm. Do phương tiện ấy khởi vọng biến kế, chấp có các pháp. Tà chấp pháp này giống như tà chấp chúng sinh, vì tăng thêm vọng [biến kế] chấp mà biết là điên đảo.” Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành Không: “Các sự tu này (: có 18 sai biệt) đối trị năm thứ tà chấp: 1. Tà chấp chúng sinh; 2. Tà chấp pháp; 3. Tà chấp tổn giảm; 4. Tà chấp sai biệt; 5. Tà chấp biến dị. Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả. Tà chấp pháp: Như trước có nói, chấp có sắc, v.v... tự thể sai biệt. Tà chấp tổn giảm: Chấp tất cả tướng của các pháp. Tà chấp sai biệt: Chấp các pháp, ngã, vô ngã, v.v... có thể tánh biệt lập. Tà chấp biến dị: Chấp các pháp trước thật có cái ngã, sau thành vô ngã.”



[579c23] Lại có bốn thứ nghĩa ngôn giáo: 1. Ngôn định, ý bất định; 2. Ý định, ngôn bất định; 3. Ngôn ý cùng định; 4. Ngôn ý cùng bất định.⁷⁷²

[579c25] Lại có hai thứ nghĩa *sở đối trị*: 1. Sở đối trị của ba giải thoát môn: Là phân biệt tướng và phân biệt nguyên;⁷⁷³ 2. Sở đối trị của đến-bờ-bến-kia: Là keo lẩn, phạm giới, phẫn nộ, biếng nhác, tán động, trí tuệ ác hại.⁷⁷⁴

[579c28] Lại có hai thứ nghĩa *sở đối trị của không*: 1. Mười sáu thứ tà tướng hiện hành⁷⁷⁵; 2. Mười bốn thứ tướng phược⁷⁷⁶.

772 Ngôn giáo 言教 (S: Nirukti): Chỉ cho giáo pháp do đức Như lai dùng ngôn ngữ để diễn bày. Kinh Pháp hoa, phẩm Phương tiện nói: “Các loại nhân duyên, các loại thí dụ, diễn rộng ngôn giáo.” (種種因緣, 種種譬喻, 廣演言教.) Thông thường cho rằng lời dạy của Phật “nói hữu, nói vô, nói phi hữu, nói phi vô” đều là để giải bày giáo pháp. Giáo lý ấy tuy là pháp đã được giải bày, nhưng chân đế không tên, lý chẳng thể nói, thì ngôn giáo đã rơi vào Đệ nhị nghĩa. Nhi đề nghĩa 二諦義, quyển thượng: “Giáo có lời để nói, lý thì không thể nói; lý đã không thể nói thì làm thế nào để ngộ được? Cho nên người ngộ được lý ấy phải mượn lời để nói, vì lẽ ấy nên nói có, nói không, nói chẳng phải có, chẳng phải không, đều là giáo khiến cho ngộ lý.” (No. 1854, tr. 90b26)

773 Tam giải thoát môn 三解脱門 (Trīni vimoksa-mukhāni): Ba pháp môn giúp hành giả được giải thoát, đến niết bàn. Đó là: 1. Không môn (Sūnyatā): Quán xét tất cả các pháp đều không tự tính, do nhân duyên hòa hợp mà sinh; nếu thông suốt lý ấy thì đối với các pháp được tự tại. 2. Vô tướng môn (Animitta), cũng gọi Vô tướng môn: Đã biết tất cả pháp là Không, liền quán tưởng các tướng nam nữ, nhất dị... thực bất khả đắc; nếu thông suốt lý các pháp vô tướng, thì lìa tướng sai biệt mà được tự tại. 3. Vô nguyện môn (Apraṇihita), cũng gọi Vô tác môn, Vô dục môn: Nếu biết tất cả pháp vô tướng thì trong 3 cõi không mong cầu điều gì; nếu không mong cầu thì không tạo tác nghiệp sinh tử; nếu không tạo nghiệp sinh tử thì không phải chịu quả khổ, do đó được tự tại.

774 Nhiếp đại thừa luận bản, tr. 144b22~c01: “Sáu ba la mật này rất hơn hết, có năng lực đạt đến bờ bến bên kia, nên gọi chung là ba la mật. Rồi (một) có năng lực phá nát sự keo lẩn, bần cùng, lại có năng lực dẫn ra phước đức tư lương, đem lại tiền tài địa vị rộng lớn, nên gọi là thí. (Hai) có năng lực hủy diệt giới luật ác, nẻo đường ác, lại có năng lực thủ đắc nẻo đường lành, sự đấng trị, nên gọi là giới. (Ba) có năng lực tận diệt phẫn nộ, oán thù, lại có năng lực khéo sống trong sự yên ổn mình người, nên gọi là nhẫn. (Bốn) có năng lực rời xa mọi sự biếng nhác, ác, bất thiện, lại có năng lực xuất sinh và tăng trưởng vô lượng thiện pháp, nên gọi là tiền. (Năm) có năng lực tiêu trừ mọi sự tán động, lại có năng lực dẫn ra sự đứng yên nơi nội tâm, nên gọi là định. (Sáu) có năng lực hủy bỏ mọi kiến thức sai lầm, mọi trí tuệ ác hại. lại có năng lực biết các pháp đúng với chân thật và phẩm loại, nên gọi là tuệ.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

775 Các tướng phược mà 16 cái không trừ khử. Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành Không, nói 6 tướng phược; và kinh Giải thâm mật nói đến 10 thứ tướng phược (xem chú thích ở phẩm Thành Không). Mười sáu cái không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô sơ hậu không (: vô tế không), vô tồn tận không (: vô tán không), tánh không (: bản tánh không), tướng không (: tự tướng không), nhất thiết pháp không, vô tánh không (: bất khả đắc không), vô tánh tự tánh không.

776 Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành Không: “Mười bốn thứ tướng phược và thô trọng phược: 1. Phược do các căn; 2. Phược do hữu tình bị nhiễm ô; 3. Phược do sở y: dựa vào khí thể gian mà



[580a01] Lại có hai thứ nghĩa *hành đến-bờ-bến-kia*: 1. Hành hữu sở đắc thế gian; 2. Hành vô sở đắc xuất thế gian.

Lại nữa, hành [hữu sở đắc] thế gian đến-bờ-bến-kia chỉ là *tương tự*, chẳng phải chân thật. Giống như tương tự, *có độc, có chương, không phương tiện* cũng như vậy.⁷⁷⁷ Nên biết, hành [vô sở đắc] xuất thế gian đến-bờ-bến-kia thì trái ngược ở trên.

[580a05] Lại nữa, lược nói về nghĩa *tự thể của tuệ đến-bờ-bến-kia*, thì có ba sắc thái: 1. Sắc thái sở y; 2. Sắc thái sở duyên; 3. Sắc thái hành.

Sắc thái sở y: Là bờ đề tâm.

Sắc thái sở duyên: Là sắc pháp, v.v...

Sắc thái hành: Có hai thứ: hành thế gian và hành xuất thế gian.

(1) *Hành thế gian*: các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn. (2) *Hành xuất thế gian*: các hành tương ưng vô sở đắc.

Lại có ba thứ nghĩa *khéo tích tập tu ba-la-mật-đa*: 1. Đem tác ý tương ưng tánh của nhất thiết trí để cùng với tất cả hữu tình hồi hướng về quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề;⁷⁷⁸ 2. An trú thật

các căn lưu chuyển; 4. Phược do vô trí đối với trí; 5. Phược do vọng cảnh đối với cảnh; 6. Phược do khát ái hậu hữu; 7. Phược do khát ái vô hữu; 8. Phược do chấp vô nhân, bất bình đẳng nhân; 9. Phược do chấp được thượng mạn; 10. Phược do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 11. Phược do chấp tự tánh các pháp; 12. Phược do chấp tự tánh các pháp được biến trí; 13. Phược do chấp tự tánh bổ-đặc-già-la; 14. Phược do chấp bổ-đặc-già-la được biến trí.”

777 Hành [hữu sở đắc] thế gian đến-bờ-bến-kia chỉ có độc, có chương, không phương tiện, chẳng phải không độc, chẳng phải không chương, chẳng phải không phương tiện.

778 Kinh Duy-ma-cật sở thuyết, phẩm Pháp môn Bát nhị: “Bồ tát Vô Tận Ý nói: ‘Bồ thí và hồi hướng đến nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của bồ thí chính là sự hồi hướng đến nhất thiết trí. Cũng vậy, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của trí tuệ là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong đây mà thâm nhập nhất tướng, là vào Pháp môn bát nhị.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)



tế⁷⁷⁹ bằng các ba-la-mật-đa; 3. Ở nơi thật tế mà không tác chứng.

[580a14] Lại nữa, như nói “*tâm là bất khả tư nghị.*” Vì lý do gì tâm là bất khả tư nghị? Do sở y này, do sở duyên này làm cho tâm an trú. Cả hai, sở y và sở duyên của tâm, đều vô tánh. Nếu là vô tánh tức là thanh tịnh, cũng là bất khả tư nghị. Bất khả tư nghị ấy là hữu tánh hoặc vô tánh, và cùng tâm ấy là dị tánh hoặc bất dị tánh.⁷⁸⁰

[580a19] Lại nữa, hành tướng của *tất cả hy luận* thì có ba nhân duyên làm cho tâm lưu chuyển: 1. Do thân cận; 2. Do sở duyên; 3. Do kiến lập.

Do thân cận: Năm giữ sở y⁷⁸¹ khi được quả báo.

Do sở duyên: Lãnh thọ các thứ cảnh giới và khởi tác các thứ gia hành.

Do kiến lập: Vọng tưởng huân tập từ vô thủy đến nay.

[580a24] Lại có bốn thứ nghĩa *phân biệt [các pháp]*: 1. Phân biệt có; 2. Phân biệt không; 3. Phân biệt có và không; 4. Phân biệt chẳng có và chẳng không.

779 Thật tế 實際: là nghĩa không có hư vọng, nghĩa là trên bình diện để lý chân thật thì không thủ chấp một mây bụi trần, tất cả các pháp đều là cứu cách không tịch, chân thật không có hư dối.

780 Du-già sư địa luận, quyển 16: “Năm thứ hữu tánh: 1. Hữu tánh viên thành thật tướng; 2. Hữu tánh y tha khởi tướng; 3. Hữu tánh biến kế sở chấp tướng; 4. Hữu tánh sai biệt tướng; 5. Hữu tánh bất khả thuyết tướng. Viên thành thật tướng là thắng nghĩa tướng. Y tha khởi tướng là tướng của duyên sinh tướng. Biến kế sở chấp tướng là giả thi thiết tướng. Sai biệt tướng là tướng không hai, tướng sinh, tướng lão, tướng trụ, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự, tướng sở thức, tướng sở thủ, tướng tịnh diệu, tướng nhiều ích, tướng của tướng ngôn thuyết, tướng của tướng tà hành. Bất khả thuyết tướng không là do bốn thứ bất khả thuyết, nên gọi là bất khả thuyết tướng: (1) Vì không nên bất khả thuyết; đó là có bổ-đặc-già-la đối với các uẩn kia, không thể tuyên nói là khác hay không khác. (2) Vì thăm sâu nên bất khả thuyết; đó là pháp tánh ly ngôn, bất khả tư nghị, như pháp thân Như Lai bất khả tư nghị, cảnh giới chư Phật Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không ... bất khả thuyết. (3) Vì năng dẫn vô nghĩa nên bất khả thuyết; đó là các pháp không thể năng dẫn phát pháp nghĩa phạm hạnh; chư Phật Thế Tôn tuy chứng mà không thể tuyên thuyết. (4) Vì sự an lập của pháp tướng pháp nhĩ nên bất khả thuyết; chỗ gọi là chân như, so với các hành ... không thể tuyên thuyết là dị tánh hay bất dị tánh. Năm thứ vô tánh: 1. Vô tánh thắng nghĩa tướng; 2. Vô tánh tự y tướng; 3. Vô tánh tất cảnh tự tướng; 4. Vô tánh vô sai biệt tướng; 5. Vô tánh bất khả thuyết tướng.” (tr. 362c22~363a10)

781 Sở y là thức A-lại-da.



[580a26] Lại có bốn thứ nghĩa *không phân biệt*: 1. Ngu si thì không phân biệt; 2. Phi tình thì không phân biệt; 3. Không tác dụng thì không phân biệt; 4. Pháp tánh thì không phân biệt.

[580a28] Lại có hai thứ nghĩa *ngôn giáo*: 1. Ngôn giáo thế tục; 2. Ngôn giáo thắng nghĩa.

Ngôn giáo thế tục: Lý thú ngôn giáo sai biệt và lý thú ngôn giáo kiến lập.

Ngôn giáo thắng nghĩa: Lý thú ngôn giáo không khác và lý thú ngôn giáo không tác dụng.

[580b02] Lại nữa, đối với thắng nghĩa để thì không thể tuyên thuyết; còn với ngôn thuyết thì có ba thứ tướng: 1. Tướng các tướng; 2. Tướng tạp nhiễm; 3. Tướng thanh tịnh.

[580b04] Lại do ba tướng *biến tri* để hiển quán các pháp: 1. Tướng giả lập; 2. Tướng liễu biệt; 3. Cả hai chỉ là lượng⁷⁸².

(2) *Tư duy về lạc:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm lạc? Lấy sự lợi ích chúng sinh làm lạc.

(3) *Tư duy về khổ:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm khổ? Lấy sự tổn não của chúng sinh làm khổ.

(4) *Tư duy về tác ý:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm tác ý? Lấy tư duy sự lợi ích cho tất cả chúng sinh làm tác ý.

(5) *Tư duy về an trú:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm an trú? Lấy sự vô phân biệt làm an trú.

782 Duy lượng: duy chỉ là cái đó, tức duy chỉ là thức, vì đối tượng của thức không tồn tại. Nó mang tánh nhị nguyên, vì một thức xuất hiện như là hai phần chủ thể (kiến phần) và khách thể (tướng phần), và mang tánh đa thù, vì mỗi phần biến thái thành nhiều hình thái ảnh tượng khác nhau. Hai tướng đầu là tướng biến kế sở chấp, tướng thứ ba là tướng y tha khởi.



[580b09] (6) **Tư duy về gian nan:** Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát có mười hai sự gian nan:

Bồ-tát thông duệ cần phải biết rõ:

1. Đối với chúng sinh trái vượt pháp thức, hoặc trị phạt, hoặc xả bỏ. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

2. Phương tiện hiện hành mà sự khổ bức não, thì phòng hộ tự tâm khiến không khởi phiền não. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

3. Vô lượng chúng sinh hiện tiền tìm cầu tài vật phi pháp để sở hữu trong hiện tại. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

4. Bồ-tát chỉ có một thân, nhưng vô lượng chúng sinh với các sự nghiệp đa dạng ở khắp mọi nơi cùng lúc đến thỉnh cầu làm trợ bạn. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

5. Đối với chúng sinh sống ở nơi phóng dật, hoặc trú diệu định thể gian khả ái, hoặc sinh cõi trời thù diệu mà khiến tâm họ điều thuận. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

6. Thường muốn làm việc lợi ích khắp cả cho chúng sinh, nhưng lại không đủ sức, không có khả năng. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

7. Đối với các chúng sinh ngu si, giả dối, cang cường, vì họ thuyết pháp để họ từ bỏ [những tập khí xấu ác]. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

8. Thường ở trong sinh tử thấy những tội lỗi lớn, vì muốn lợi ích chúng sinh nên chẳng từ bỏ [chúng sinh]. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

9. Chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, phần nhiều [lo sợ] quên mất chánh niệm khi mạng chung. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.



10. Chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, mà người đến cầu xin vật yêu quý tối thắng bậc nhất. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

11. Chúng sinh hiện tiền có đa dạng ý kiến, đa dạng lạc dục (thắng giải), hoặc dạy bảo, hoặc xả bỏ. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

12. Thường hành không phóng dật đầu rất nhỏ, hành mà lại không đoạn trừ tất cả phiền não. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

[580c01] Nếu chư Bồ-tát gặp phải các sự gian nan như vậy, nên ở trong ấy quán xét nặng nhẹ, tùy theo chỗ thích hợp mà kiến lập phương tiện: hoặc nên giản trách tường tận cho các bồ-đặc-già-la; hoặc phải gắng sức nhiếp thọ theo sự chuyển của nhân duyên; hoặc phát chánh nguyện; hoặc chế ngự tâm trí không cho phóng túng; hoặc phải an trú tâm, quán sát bén nhạy, không sinh chán nản, mệt mỏi mà phải tự an nhẫn; hoặc khởi tâm từ bi nên tâm được phóng xả; hoặc nên phát khởi tinh tiến mạnh mẽ; hoặc tư duy thêm nữa những quyền phương tiện thiện xảo. Như vậy là những thiện xảo đối trị, Bồ-tát ma-ha-tát tuy gặp phải những sự gian nan như vậy ngay trong đời sống hiện tại, mà tâm không khiếp sợ, tự có khả năng vượt thoát.⁷⁸³

[580c09] (7) **Tư duy về sắc thái:** Lại nữa, có năm sắc thái chân thật của Bồ-tát. Do thành tựu những sắc thái này mà nhập vào số lượng Bồ-tát. Thế nào là năm? 1. Thương xót chúng sinh; 2. Thường nói ái ngữ; 3. Việc làm quyết đoán và mạnh mẽ; 4. Dạng tay ra ơn bố thí; 5. Khéo phân tích nghĩa lý sâu xa.

Thương xót có hai đặc tánh: (1) Ưa muốn; (2) Chánh hành. Ưa muốn là các Bồ-tát đối với chúng sinh khởi ý lợi ích và ý an lạc. *Chánh hành* là các Bồ-tát đối với chúng sinh có những ưa muốn gì thì tùy sức,

783 Mười hai sự gian nan: Du-già sư địa luận, quyển 48, tr. 564b15~c18.



tùy khả năng mà thực hiện nhiếp hóa bằng thân nghiệp và ngữ nghiệp. Đây gọi là thương xót.

Ái ngữ là hoan hỷ, an ủi, chỉ dạy, tuyên dương ân đức; đó gọi là Bồ-tát đối với các chúng sinh thường nói ái ngữ.

Việc làm quyết đoán và mạnh mẽ là uy mãnh, không khiếp sợ và thành tựu thắng lợi; đó là việc làm quyết đoán và mạnh mẽ của Bồ-tát.

Dang tay ra ơn bố thí là các Bồ-tát thực hiện sự bố thí rộng lớn, hành thí mà không nhiễm trước; đó gọi là dang tay ra ơn bố thí của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát khéo phát khởi *bốn vô ngại giải* qua chánh phương tiện trí; đó gọi là bồ-tát *khéo phân tích tự thể bằng nghĩa lý sâu xa*.

[580c22] (8) **Tư duy về thù đặc và không thù đặc**: Lại nữa, Bồ-tát có năm sắc thái *thù đặc* và năm sắc thái *không thù đặc*, như trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa đã nói.⁷⁸⁴

[580c24] Lại nữa, trong *sự công đức*, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sự y chỉ Đại thừa*.

Kệ tụng:

Chủng tánh, Như lai thuyết

Nhiều Phật và nhất thừa

Năm thứ và mười thứ

Sáu, sáu thứ đạo lý. (kệ 41)

[580c28] Luận giải: (1) Chủng tánh sai biệt; (2) Ngôn giáo của Đại thừa là đức Như lai thuyết; (3) Trong một thời gian có nhiều Phật

784 Hiền dương, quyển 8, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 4, [517c18].



xuất thế; (4) Nhất thừa tánh. Theo thứ tự trên, có năm thứ, mười thứ, sáu thứ và sáu thứ đạo lý cần phải biết.

[581a02] (1) Hỏi: **Thế nào là năm thứ đạo lý của chủng tánh sai biệt?**

Đáp: 1. Tất cả giới sai biệt thì khả đắc; 2. Hữu tình mà không có căn là không đúng đạo lý; 3. Thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý, [vì lấy hữu tình làm đồng loại]; 4. Thí dụ dị loại là không đúng đạo lý, [vì lấy vô tình làm dị loại]; 5. “Chỉ có đời hiện tại, không có pháp bát niết bàn” là không đúng đạo lý.

[581a06] (1) **Tất cả giới sai biệt thì khả đắc**: Đức Phật đã nói về hữu tình giới. Có đa dạng hữu tình giới, không phải có một hữu tình giới: có hữu tình giới thấp kém, có hữu tình giới thắng diệu, có hữu tình giới của Thanh văn thừa, v.v..., có hữu tình giới của chủng tánh bát niết bàn, có hữu tình giới của chủng tánh bát bát niết bàn.

[581a10] (2) **Hữu tình mà không có căn là không đúng đạo lý**: Không thể nói do đạo lý này mà có được hữu tình vô căn. Vì sao? Hữu tình mà vô căn thì như đất, nước, v.v... ở ngoài, không phải hữu tình.

[581a13] (3) **Thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý**: Không nên nói rằng, “sát-đế-lợi không phải là sát-đế-lợi,” v.v..., vì chủng loại có thể chuyển, và rằng “na-lạc-ca không phải là na-lạc-ca,” v.v..., vì tánh chất của các thú có thể chuyển. Như vậy, chủng tánh bát niết bàn hay chủng tánh bát bát niết bàn cũng có thể chuyển. Vì sao? Sát-đế-lợi, v.v..., na-lạc-ca, v.v..., thì đầy đủ tất cả *chủng loại giới tánh* và *chư thú giới tánh*. Hai chủng tánh: bát niết bàn và bát bát niết bàn, thì trái ngược nhau. Nếu không có các giới tánh (chủng loại, chư thú) thì các chủng tánh hoàn toàn không thể hồi chuyển. Cho nên thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý.



[581a21] (4) *Thí dụ dị loại là không đúng đạo lý*: Không thể nói rằng, “tầng đất ở chỗ này chỗ kia, hoặc trước có các thứ chủng tánh vật loại như vàng, bạc, đồng, sắt, muối, v.v..., về sau lại không có, hoặc trước không sau có.” Như vậy, chủng tánh pháp bát niết bàn cũng nên trước có sau không, hay trước không sau có. Vì sao? Vì nếu có cái lý này thì thuận giải thoát phần phải trống rỗng, không có quả. Cho nên thí dụ dị loại cũng không đúng đạo lý.

[581a27] (5) *“Chỉ có đời hiện tại, không có pháp bát niết bàn” là không đúng đạo lý*: Không nên nói rằng, “ở đời hiện tại tuy không có pháp bát niết bàn nhưng ở trong đời khác lại có thể chuyển thành pháp bát niết bàn.” Vì sao? Vì không có chủng tánh của pháp bát niết bàn. Lại nữa, nếu ở đời này, trước đã tích tập thiện căn thuận giải thoát phần, thì sao không gọi là pháp bát niết bàn. Nếu ở đời này mà chưa tích tập thiện căn thuận giải thoát phần, thì đời sau làm gì có bát niết bàn. Cho nên chắc chắn có hữu tình với chủng tánh không có bát niết bàn.

[581b05] (2) *Hỏi: Vì sao biết ngôn giáo của Đại thừa là đức Như lai thuyết?*⁷⁸⁵

785 Luận Đại thừa trang nghiệm kinh, phẩm Thành tông, nêu 8 điểm chứng minh Đại thừa là do Phật thuyết: “Sự thành lập đại thừa lược có tám nhân tố: (1) Không dự ký: Khi chánh pháp đã diệt mất thì sau đó một đức Phật chánh thức xuất hiện. Nếu đại thừa không phải là chánh pháp, tại sao đức Thế Tôn ban đầu không dự ký việc đó? Giả dụ như trong thời gian vị lai mà có giáo pháp nào khác thì ắt hẳn đức Thế Tôn đã dự ký, cho nên sự không dự ký (của đức Thế Tôn) cho thấy đại thừa là do Phật thuyết. (2) Cùng thực hành: Thanh văn thừa và đại thừa không thể nói rằng thừa nào có trước, thừa nào có sau, mà đồng thời cả hai thừa cùng thực hành (chánh pháp). Ông làm sao biết chỉ riêng pháp đại thừa là không phải do Phật thuyết? (3) Không cùng thực hành: Pháp đại thừa sâu rộng, không phải là đối tượng phỏng đoán của con người để có thể tin hiểu, huống là có thể thực hành. Luận thuyết của ngoại đạo không có luận điểm nào cho thấy họ thủ đắc đại thừa, nói cách khác là họ không thực hành pháp đại thừa. Do ngoại đạo không cùng thực hành pháp đại thừa nên đại thừa là do Phật thuyết. (4) Thành tựu bồ đề: Nếu ông nói rằng bậc nào đó chứng đắc bồ đề nói có đại thừa, chứ không phải đức Phật Thích Ca nói có đại thừa, như vậy quan điểm của ông đồng với quan điểm của tôi: bậc chứng đắc bồ đề nói có đại thừa cũng tức là nói đức Phật Thích Ca có nói như vậy. (5) Thể đại thừa: Nếu ông nói đức Phật khác thì có cái thể đại thừa còn đức Phật Thích Ca không có cái thể đại thừa, như vậy quan điểm của ông đồng với quan điểm của tôi: đại thừa không



Đáp: Do mười thứ nhân:

1. Trước không ký biệt.
2. Nay không thể biết.
3. Có nhiều công việc.
4. Chương cực trọng.
5. Không phải cảnh giới tầm tư: Nếu trước chưa nghe thì không thể suy tìm kế đặc như vậy, cho nên nếu bảo rằng Đại thừa do ai đó thuyết là không đúng đạo lý.
6. Chứng đắc tuệ giác vĩ đại: Nếu chưa thành Phật mà có thể nói được như lời dạy của Phật, là không đúng đạo lý.
7. Không có sai lầm ở thừa thứ ba (: Bồ-tát thừa).
8. Đại thừa nếu mà không có thì phải không có bậc Nhất thiết trí, thành ra sai lầm.
9. Duyên Đại thừa làm đối tượng cho sự như lý tác ý để đối trị tất cả phiền não.
10. Không nên nói rằng Đại thừa lấy ý tưởng của Thanh văn thừa.

[581b14] (3) *Hỏi: Vì sao biết trong một thời gian có nhiều Phật xuất hiện ở đời?*

có cái thể sai biệt mà là nhất thể. (6) Chẳng phải thể đại thừa: Nếu ông nói đức Phật Thích Ca không có cái thể đại thừa, thì thanh văn thừa cũng vô thể. Nếu ông nói thanh văn thừa là do Phật nói nên hữu thể, đại thừa không phải do Phật nói nên vô thể. Quan điểm như vậy của ông là hết sức sai lầm. Nếu không có Phật thừa mà có Phật xuất thế nói thanh văn thừa, lý lẽ đó không đúng. (7) Khả năng đối trị: Do y theo pháp đại thừa tu hành được trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt có năng lực phá các phiền não. Vì nhân tố đối trị phiền não nên không được nói rằng không có đại thừa. (8) Văn nghĩa khác lạ: Pháp đại thừa sâu xa, không phải văn nghĩa bình thường. Không nên chỉ một mặt chạy theo văn, nắm lấy nghĩa mà nói rằng văn nghĩa đó không phải lời Phật. Lại nữa, nếu ông nói ban đầu Phật không dự ký là do Phật với cái tâm vô công dụng mà buông bỏ. Quan điểm của ông như vậy là không hợp nghĩa lý.”



Đáp: Do sáu nhân:

1. Vô lượng hữu tình cùng một thời gian phát đại giác nguyện, thật sự có được.
2. Vô lượng hữu tình cùng tu phương tiện làm tư lương Bồ-đề, thật sự có được.
3. [Hai điều trên] chướng ngại lẫn nhau là không hợp lý.
4. [Hai Bồ-tát đồng thời tu tập] tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, cùng xuất hiện ở thế gian, là không hợp lý.⁷⁸⁶
5. Thứ tự xuất hiện, là không hợp lý.
6. Rốt cuộc không thành, là không hợp lý.⁷⁸⁷

[581b20] (4) Hỏi: *Vì sao đức Như lai tuyên thuyết nhất thừa?*

Đáp: Do sáu nhân:

786 Du-già sư địa luận, quyển 38: “Ở mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên Phật độ, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, nơi một Phật độ, cùng xuất hiện nơi đời, cùng lúc thành Phật, huống là ở trong một thế giới mà có vô lượng vô số Bồ-tát cùng lúc thành Phật.” (tr. 499c22~26)

787 Du-già sư địa luận, quyển 38: “Lại không nên nói: ‘Nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, trước sau tránh lẫn nhau, thứ tự thành Phật.’ Cũng không nên nói: ‘Tất cả Bồ-tát đều không thành Phật.’ Cho nên phải biết nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, nghĩa là ở nơi mười phương, vô lượng vô số quốc độ chư Phật, tùy theo chỗ tịnh không, không có Như Lai, mỗi một Bồ-tát xuất thế khác nhau, đồng thời thành Phật. Do đạo lý đây, trong nhiều thế giới quyết định phải có nhiều chư Bồ-tát đồng thời thành Phật, nhưng quyết chắc trong một Phật độ không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì sao? Trong đêm dài [sinh tử] Bồ-tát khởi nguyện như vậy, theo đó tăng trưởng: ‘Ta sẽ một mình ở trong các thế giới không người dẫn đường. Nay Ta làm người dẫn đường, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khổ, chứng đắc bất niết bàn.’ Vì thế, trong đêm dài như vậy Bồ-tát đã khởi nguyện lớn, theo đó khiến tăng trưởng, nhiếp thọ chánh hạnh, cho đến được thành tựu viên mãn. Cho nên không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện trong một thế giới. Lại ở một Tam thiên đại thiên Phật độ, một Như Lai năng thí khắp cả, làm tất cả Phật sự. Cho nên nếu xuất hiện Như Lai thứ hai trên đời, thì không có chỗ để làm lợi ích. Lại trong một Phật độ, có một Như Lai xuất hiện nơi đời, khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi, rất mạnh mẽ, rất tùy thuận. Vì sao? Vì hữu tình kia tác ý tư duy: ‘Tất cả thế gian chỉ có một Như Lai, lại không có Như Lai thứ hai. Nếu ở quốc độ đây, sự giáo hóa của Như Lai đã hoàn thành, Ngài hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập diệt, chúng ta biết nương vào đâu để tu hành phạm hạnh, chúng ta nương vào đâu để được nghe chánh pháp.’ Do suy nghĩ như vậy, người kia phát khởi ý muốn sâu xa, siêng năng tinh tiến dũng mãnh, mau tu phạm hạnh, mau nghe chánh pháp. Nếu ở một Phật độ mà có nhiều Phật xuất thế, người kia sẽ không mau tu phạm hạnh, không mau nghe chánh pháp. Nên một Phật độ chỉ có một Phật xuất thế, mới khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi, rất mạnh mẽ, rất tùy thuận.”

1. Các pháp nhất thừa là đứng về tướng không sai biệt mà tuyên thuyết.
2. Đứng về hành tướng vô phân biệt mà tuyên thuyết.
3. Chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã thì bình đẳng.
4. Giải thoát thì bình đẳng: sự tìm cầu sai biệt, hữu sự, hư vọng phân biệt, phiền não, đối trị sở duyên thì không chống trái pháp tánh.
5. Khéo năng trú biến hóa (: hóa thân).
6. Hành cứu cánh.⁷⁸⁸

Lại nữa, kệ tụng:

Chư Phật diệu công năng

Phật quả, độ thanh tịnh

Giải thoát và pháp thân

Đẳng, bất tư, vô thượng. (kệ 42)

[581b28] Luận giải: Tất cả công năng sở tác sự⁷⁸⁹ của tất cả Như lai thì bình đẳng. Quả của công năng kia, Phật độ thanh tịnh, giải thoát

788 Nhiếp Đại thừa luận bản: “Nếu pháp thân, cái thân thích ứng đầy đủ với công đức, của chư Phật không phải chung có với thanh văn và duyên giác, thì vì ý gì Phật nói về nhất thừa? Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Vì dẫn dắt cho một loại thanh văn và giữ gìn cho một số bồ tát, nghĩa là do những người không cố định mà Phật nói về nhất thừa. (Ghi chú: Vì dẫn dắt thanh văn xoay về đại thừa, vì giữ gìn bồ tát có khuynh hướng không phải đại thừa, nói tóm, vì 2 số người thuộc loại không cố định này mà Phật nói nhất thừa.) 2. Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát thì đồng đẳng, vì những người thuộc loại không cố định, vì thủ đắc 2 ý lạc, vì thanh văn và duyên giác có một số chỉ là hóa thân, vì sự rốt ráo, vì 8 lý do này mà Phật nói nhất thừa. (Ghi Chú: Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát, 3 điều này thì Phật với thanh văn duyên giác đồng đẳng, nên Phật nói nhất thừa. Những người thuộc loại không cố định là thanh văn và bồ tát mà bài chính cú trên mới nói. Ý lạc có 2, có nhân ý lạc, mình người bình đẳng, có pháp ý lạc, pháp pháp bình đẳng. Thanh văn còn có 1 loại nữa là hóa thân của Phật. Sự rốt ráo là cứu cánh, là chung cực, cuối cùng - thì chỉ là một. Vì 5 lý do này nữa, cộng với 3 lý do trước, có tất cả 8 lý do mà Phật nói nhất thừa.” (HT. Thích Trí Quang dịch và ghi chú, tr. 151b17~20)

789 Sở tác sự = Phật sự.



thân và pháp thân⁷⁹⁰ của tất cả chư Phật đều bình đẳng, đều bất khả tư nghị và đều không có ai hơn.

Lại nữa, kệ tụng:

Tuy không gia hành dụng

Trước nguyện lực dẫn dắt

Y vô vi phát khởi

Sở tác không hai tướng. (kệ 43)

[581c05] Luận giải: Y chỉ pháp thân vô vi, tuy không có gia hành dụng công, nhưng do bản nguyện lực dẫn dắt, nhiệm vận phát khởi tất cả sở tác Phật sự của Như lai. Thí như hành giả từ diệt tận định [nhiệm vận] khởi. Lại nữa, Phật sự được khởi là tướng vô tận (: không ngừng nghỉ), không phải tướng sinh tử, cũng không phải tướng niết bàn.⁷⁹¹

[581c09] Thế nào là tổ-đát-lãm tạng? Thế nào là tỳ-nại-da tạng? Thế nào là ma-đát-lý-ca tạng?

Kệ tụng:

Tuyên thuyết các sự pháp

Biệt giải thoát phân biệt

Các pháp tướng mười một

Kinh, luật, bản mẫu tạng. (kệ 44)

790 Nhiếp Đại thừa luận bản: “Bạch đức Thế tôn, chuyển y của Thanh văn và Độc giác được gọi là pháp thân không? Thiện nam tử, không. Bạch đức Thế tôn, vậy nên gọi là gì? Thiện nam tử, nên gọi là giải thoát thân. Do giải thoát thân nên nói Thanh văn Độc giác cùng với Như lai rất bình đẳng, nhưng do pháp thân nên có khác biệt.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Giải thoát thân, cái thân tịnh trừ phiền não, còn gọi là ngũ phần pháp thân. Do giải thoát thân nên Phật cũng được gọi là A-la-hán, nhưng không phải chỉ là A-la-hán, vì Phật có pháp thân (hay trí thân).

791 Chư Phật thì không còn dụng công nên mọi việc Phật làm đều không ngừng nghỉ; không ngừng nghỉ nên không bỏ sinh tử, không trú niết bàn, đó là niết bàn vô trú. Nhiếp Đại thừa luận bản: “Sự thành tựu việc làm, nghĩa là chư vị Như lai thì Phật sự vận dụng tự nhiên mà không có ngừng nghỉ, đối với các pháp ba la mật mà các Ngài đã viên mãn các Ngài lại hoạt dụng các pháp ấy.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



[581c13] Luận giải: Chư Phật Thế tôn chỉ dựa vào *niếp sự* để hiểu rõ các pháp, đó là **tổ-đát-lãm tạng**.

Hỏi: Những gì là nhiếp sự?

Đáp: Là bốn sự, chín sự và hai mươi chín sự.

Những gì là **bốn sự**? 1. Sự lắng nghe; 2. Sự quy thú; 3. Sự tu học; 4. Sự Bồ-đề.⁷⁹²

Chín sự: 1. Sự giả lập hữu tình; 2. Sự hữu tình được thọ dụng; 3. Sự hữu tình thọ sinh; 4. Sự hữu tình sinh rồi trú; 5. Sự hữu tình nhiễm ô và thanh tịnh; 6. Sự hữu tình đa dạng sai biệt; 7. Sự người thuyết; 8. Sự pháp được thuyết; 9. Sự chúng hội.⁷⁹³

Hai mươi chín sự: Bảng bạc trong các kinh là chín sự⁷⁹⁴, trong đó:

Y cứ phẩm loại tạp nhiễm, có bốn sự:

1. Sự nhiếp các hành;
2. Sự thứ tự lưu chuyển trong các hành;

792 Hiền dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, có kệ tụng: “Văn, quy, học, Bồ-đề”, trong đó sự lắng nghe (6 thứ) và sự quy y (3 thứ), được nói trong quyển 6; còn ba học (12 thứ) và Bồ-đề (5 thứ) được nói ở quyển 7. Sự lắng nghe, là hai tuệ văn và tư (nghe và nghĩ); sự quy thú, là ba quy y (đức tin); sự tu học, là ba học; sự Bồ-đề, là 37 Bồ-đề phần, 4 hành tích, xa-ma-tha, tỳ-bát-xá-na, v.v... đưa đến đại Bồ-đề.

793 Chín sự: 1. Sự giả lập hữu tình: là 5 uẩn; 2. Sự hữu tình được thọ dụng: là 12 xứ, tức 6 căn, 6 trần hỗ tương thọ dụng; 3. Sự hữu tình thọ sinh: là 12 hữu chi; 4. Sự hữu tình sinh rồi trú: là 4 thức ăn; 5. Sự hữu tình nhiễm ô và thanh tịnh: là 4 đế, khổ tập là nhiễm, diệt đạo là tịnh; 6. Sự hữu tình đa dạng sai biệt: là 5 loại giới: hữu tình giới, khí thể giới, pháp giới, điều phục hữu tình giới và điều phục phương tiện giới; 7. Sự người năng thuyết: là chư Phật; 8. Sự pháp được thuyết: là giáo pháp; 9. Sự chúng hội: là 8 chúng; nhân loại có 4 chúng: sát-đế-lợi, sa-môn, bà-la-môn và trưởng giả; chư thiên có 4 chúng: trời tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diêm ma, trời Phạm thiên.

794 Chánh văn là “biến nhiếp cứu sự kinh” 遍攝九事經, có người hiểu là Kinh Biến nhiếp cứu sự, vì đoạn sau có nhắc đến “tạp nhiễm phẩm” và “thanh tịnh phẩm”. Xét kinh Giải thâm mật, phần nói về kệ kinh, điều phục (luật), bản mẫu (luận), thì không có “biến nhiếp cứu sự kinh” (tr. 708c16) Du-già sư địa luận, quyển 78, tr. 734a21 cũng không có. Cho nên phải hiểu như được dịch. Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tạp nhiễm; 4. Đế; 5. Y chí; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức. Những gì đức Phật Thích Ca giảng dạy không ngoài 9 sự này.



3. Sự kiến lập *chúng sinh tướng* (: ngã chấp) làm nhân lưu chuyển trong các hành ở vị lai;

4. Sự kiến lập *pháp tướng* (: pháp chấp) làm nhân lưu chuyển trong các hành ở vị lai.

Lại y cứ *phẩm loại thanh tịnh* mà nói có hai mươi lăm sự:

1. Sự an trú [chánh niệm] đối với cảnh sở duyên;
2. Sự tinh tiến trong sự an trú ấy;
3. Sự tâm an định; 4. Sự hiện pháp lạc trú;
5. Sự phương tiện giải thoát tất cả sở duyên của khổ não;
6. Sự biến tri khổ não: sự này có ba là (a) biến tri y xứ của những thứ điên đảo, (b) biến tri y xứ của những thứ tà hành, (c) biến tri y xứ của những thứ nội ly tăng thượng mạn;
7. Sự tu y xứ (: diệt nhân);
8. Sự tác chứng;
9. Sự tu tập;
10. Sự kiên cố của sự tu tập;
11. Sự hành tướng của sự tu tập;
12. Sự sở duyên của sự tu tập;
13. Sự thiện xảo quan sát cái đã đoạn và cái chưa đoạn của sự tu tập;
14. Sự tán loạn của sự tu tập;
15. Sự không tán loạn của sự tu tập;
16. Sự y xứ của sự không tán loạn;
17. Sự tu tập phương tiện một cách cần cù nỗ lực, không rời xa;



18. Sự thắng lợi của sự tu tập;
19. Sự bền chắc của sự thắng lợi;
20. Sự thu hoạch tuệ giác của Hiền Thánh;
21. Sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác của Hiền Thánh;
22. Sự thông suốt chân như;
23. Sự chứng đắc niết bàn;
24. Sự vượt qua chánh kiến của tất cả ngoại đạo bởi sự chánh kiến về pháp luật được thuyết một cách khéo léo, mặc dù sự chánh kiến ấy đang còn hữu lậu;
25. Sự thoái giảm của sự chánh kiến ấy bởi không tu tập – đó là đối với pháp luật được thuyết một cách khéo léo nhưng không tu tập nên nói là thoái giảm, chứ không phải sự chánh kiến ấy có gì sai lầm.⁷⁹⁵

795 Hai mươi chín sự này chia ra 2 loại là tạp nhiễm và thanh tịnh. Loại tạp nhiễm có 4 sự: sự 1 là 5 uẩn, sự 2 là 12 duyên sinh, sự 3 là ngã chấp, sự 4 là pháp chấp. Loại thanh tịnh chia 2 phần là thế gian và xuất thế. Loại thanh tịnh thuộc phần thế gian có 4 sự 1 đến sự 4. Loại thanh tịnh thuộc phần xuất thế chia làm 6 nhóm: (1) nhóm giải thoát phần có 1 sự là sự 5, (2) nhóm tứ đế hay quyết trạch phần có 4 sự là sự 6 đến sự 9, (3) nhóm kiến đạo có 4 sự là sự 10 đến sự 13, (4) nhóm tu đạo có 4 sự là sự 14 đến sự 17, (5) nhóm giải thoát đạo hay vô học đạo có 6 sự là sự 18 đến sự 23, (6) nhóm thù thắng và không thù thắng có 2 sự là sự 24 và sự 25. Giải thích thêm: sự nhiếp các hành là 5 uẩn. Sự thứ tự lưu chuyển trong các hành là 12 duyên khởi. Sự tâm an định là Vị chí định ở cõi Dục. Sự hiện pháp lạc trú là căn bản định của Sơ tĩnh lự trở lên. Sự phương tiện giải thoát tất cả sở duyên của khổ não là nói tổng quát phần xuất thế. Sự biến tri khổ não, trong đó biến tri y xứ của những thứ điên đảo là chỉ cho chúng sinh Dục giới (: ngã chấp); biến tri y xứ của những thứ tà hành là chỗ mà người tu 4 thiên định hướng đến, họ theo tà kiến cho rằng Phạm thiên hay Đại tự tại thiên ở Sắc giới là chúa tể (: tát-ca-da kiến); biến tri y xứ của những thứ nội ly tăng thượng mạn là chỗ những người tu 4 Vô sắc định hướng đến, những người này bên trong mới hết sự muốn hình sắc mà đã sinh thượng mạn, chưa giải thoát cho là đã giải thoát, chỗ ấy là cõi Vô sắc (: vô ngã chấp). Sự tu y xứ là chỗ mà sự tu tập hướng đến. Kiên cố là kiến đạo thì không còn thoái đạo ác đạo nữa (: hành bất thoái). Hành tướng là tu tập thuộc hữu tướng hành. Sở duyên là sở duyên cảnh, tức đối tượng của hiện quán. Cái đã đoạn là kiến hoặc, cái chưa đoạn là tu hoặc. Sự thắng lợi của sự tu tập là không còn tạp nhiễm. Sự bền chắc của sự thắng lợi là nhờ tu gia hành và chánh định mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Dục giới. Sự thu hoạch tuệ giác của Hiền Thánh là nhờ tu vô gián đạo và giải thoát đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Dục giới. Sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác của Hiền Thánh là nhờ tu vô gián đạo và giải thoát đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Sắc giới. Sự thông suốt chân như là nhờ tu vô gián đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Vô sắc giới, nhập Kim cang dụ định. Sự chứng đắc niết bàn là được chánh trí vô sinh, hậu đắc trí, nhất thiết chủng trí, chứng đắc niết bàn sự. Ngoài ra, sự thu hoạch tuệ giác Hiền Thánh được hiểu



[582a10] Lại nữa, Phật Thế tôn vì các vị Thanh văn và các vị Bồ-tát mà nói về pháp biệt giải thoát và phân biệt rộng về pháp tương ứng với biệt giải thoát, đó là **tỳ-nại-da tạng**. Ở đây, do bảy sắc thái tóm lược pháp biệt giải thoát của Bồ-tát: 1. Nói về quy tắc thọ giới và giữ giới; 2. Nói về giới pháp ba-la-xà-dĩ-ca⁷⁹⁶; 3. Nói về sự hủy phạm giới; 4. Nói về thể tánh còn phạm giới; 5. Nói về thể tánh không phạm giới; 6. Nói về phương cách ra khỏi sự phạm giới; 7. Nói về sự xả bỏ luật nghi.

[582a17] Chư Phật Thế tôn lấy mười một sắc thái để hiểu rõ, phân biệt, khai thị các pháp, đó là **ma-đát-lý-ca tạng**. Thế nào là mười một sắc thái: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế; 3. Sở duyên của các pháp bồ đề phần; 4. Hành tướng; 5. Tự tánh; 6. Quả của tự tánh; 7. Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh; 8. Pháp chướng ngại của tự tánh; 9. Pháp tùy thuận của tự tánh; 10. Tội lỗi của tự tánh; 11. Thắng ích của tự tánh.

là bồ-đề của Thanh văn, Độc giác và Vô thượng, và sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác Hiền Thánh là 2 loại tư lương phước đức trí tuệ. Thiện thuyết pháp luật là pháp luật được thuyết một cách khéo léo. Thế gian chánh kiến được dịch là chánh kiến đang còn hữu lậu.

796 Ba-la-xà-dĩ-ca 波羅闍已迦 = ba-la-di 波羅夷 (pārājika): Dịch ý là tha thắng. Tha thắng nghĩa là bị cái khác chiến thắng, cái khác ấy là tội ác. Tha thắng được nói đến là vì đứng đầu các loại giới pháp. Người tu hành nếu phạm giới này thì: 1. Mất tư cách tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, không có phần trong đạo quả; 2. Bị giáo đoàn trục xuất, không được ở chung với Tăng; 3. Sau khi chết rơi vào địa ngục. Tội này cũng giống như tội hình bị chặt đầu, không sống lại được, vĩnh viễn bị đuổi ra ngoài cửa Phật, nên gọi là cực ác. Lại tội này hay phá giới thể của sa-môn, khiến người ấy rơi xuống, ma quân được thắng thế, nên gọi là tha thắng; pháp lành gọi là mình, pháp ác gọi là người, vì pháp ác thắng pháp lành, nên phạm tội này gọi là tha thắng tội. Bốn Ba-la-di của tỳ-kheo là chỉ 4 tội: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối. Tỳ-kheo-ni thì ngoài bốn tội trên đây còn thêm 4 tội nữa là: vuốt ve, tám sự thành tội nặng, che dấu tội nặng cho tỳ-kheo-ni khác, về hứa với tỳ-kheo-ni đã bị xử tội mà Ni đoàn can gián 3 lần không nghe; như vậy tỳ-kheo-ni có 8 ba-la-di. Bốn tội ba-la-di của tỳ-kheo giới và tám tội ba-la-di của tỳ-kheo-ni giới, gọi chung là bốn nặng tám nặng. Trong giới Đại thừa, tội ba-la-di của Bồ-tát khác với Tiểu thừa, hơn nữa, trong các kinh luận nói cũng có chỗ bất đồng. Như kinh Bồ tát anh lạc bản nghiệp lấy 10 tội: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối, bán rượu, nói xấu bốn chúng, khen mình chê người, keo kiệt bòn sẻn, nóng giận không chịu hối cải, chê bai Tam bảo, lập thành 10 tội ba-la-di. Kinh Đại Nhật, quyển 6, phẩm Thọ phương tiện học xứ, lấy 4 pháp: chê bai các pháp, lia bỏ tâm Bồ-đề, keo kiệt, náo hại chúng sinh, làm 4 tội căn bản. Đại Nhật kinh sơ, quyển 17, ngoài 4 pháp kể trên, thêm 6 giới nữa là: không chê tất cả kinh pháp ba thừa, đối với tất cả pháp không sinh tâm keo kiệt, không được tà kiến, đối trước người phát tâm lớn khuyến họ phát tâm không để họ trở lui, đối trước người Tiểu thừa, nếu chưa xét kỹ căn cơ thì không được nói pháp lớn và các việc làm bố thí v.v... mà gọi chung là 10 trọng giới của Bồ-tát.



[582a23] (1) **Thế tục đế**: (a) Nói về bồ-đặc-già-la (: ngã chấp); (b) Nói về tự tánh biến kế chấp; (c) Nói về tác dụng, nghiệp cụ v.v... của các pháp (: tự tánh y tha khởi).⁷⁹⁷

(2) **Thắng nghĩa đế**: Là nói về bảy chân như.⁷⁹⁸

(3) **Sở duyên của các pháp bồ đề phần**: Là nói về tất cả chủng loại sở tri.

[582a27] (4) **Hành tướng**: Là nói tám hành quán sát: 1. Hành quán sát để thật; 2. Hành quán sát kiến lập; 3. Hành quán sát tội lỗi; 4. Hành quán sát công đức; 5. Hành quán sát lý thú; 6. Hành quán sát lưu chuyển; 7. Hành quán sát đạo lý; 8. Hành quán sát quảng lược (: tổng quát).

Để thật: Là nói về chân như của các pháp.

Kiến lập: Là lập ra bồ-đặc-già-la (: ngã chấp), là lập ra tự tánh biến kế sở chấp, là lập ra bốn ký luận: quyết định, phân tách, hỏi lại và lãng bỏ,⁷⁹⁹ là lập ra ký luận ẩn mật và minh bạch.⁸⁰⁰

Tội lỗi: Là các pháp tạp nhiễm được Phật nói thì có nhiều mặt tội lỗi, không phải có một mặt.

Công đức: Là các pháp thanh tịnh được Phật nói thì có nhiều mặt thắng ích, không phải có một mặt.

Lý thú: Có sáu thứ: 1. Lý thú chân nghĩa; 2. Lý thú chứng đắc;

797 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, [503a15]: “Ngã, pháp và tác dụng chính là thế tục đế, và chúng tuy chẳng thật có, nhưng y theo thế tục nên nói có.”

798 Bảy chân như: 1. Chân như nơi sự lưu chuyển; 2. Chân như nơi thật tướng; 3. Chân như nơi duy thức; 4. Chân như nơi sự an lập; 5. Chân như nơi sự tà hành; 6. Chân như nơi sự thanh tịnh; 7. Chân như nơi sự chánh hành. Xem Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493b10].

799 Bốn loại ký luận hay vấn ký: nhất hướng ký, phân biệt ký, phản vấn ký (cật vấn ký), trí ký (chỉ ký).

800 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, mục Nghĩa sở biến tri.



3. Lý thú giáo đạo; 4. Lý thú ly nhị biên; 5. Lý thú bất tư nghị; 6. Lý thú ý lạc. Như phẩm Nhiếp sự [và phẩm Nhiếp tịnh nghĩa] đã nói.⁸⁰¹

Lưu chuyển: Là ba thời gian, ba hữu vi tướng⁸⁰² và bốn duyên tố⁸⁰³.

Đạo lý: Là bốn đạo lý: (1) Đạo lý quán đãi; (2) Đạo lý tác dụng; (3) Đạo lý chứng thành; (4) Đạo lý pháp nhĩ.

Đạo lý quán đãi là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành.

Đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sinh, các pháp thành, các pháp sinh thành rồi tác dụng.

Đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác.

Lại nữa, đạo lý chứng thành có hai loại: 1. Thanh tịnh; 2. Bất thanh tịnh. Do năm sắc thái mà thanh tịnh, và do bảy sắc thái mà bất thanh tịnh.

(Một) *Do năm sắc thái mà thanh tịnh*: (1) Hiện lượng thấy được; (2) Dựa vào sự hiện thấy (: suy luận); (3) Dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất (: luận cứ); (4) Thành tựu; (5) Những ngôn giáo tốt đẹp trong sáng (: chánh giáo).

Hiện lượng thấy được: Là các hành vô thường, các hành khổ

801 Hiền dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4, và quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2.

802 Ba hữu vi tướng: Là sắc pháp, tâm pháp và phi sắc phi tâm pháp. (1) Sắc pháp: Pháp chất ngại. Theo tông Câu xá của Tiểu thừa, chỉ cho 11 pháp: 5 căn, 5 cảnh và vô biểu sắc; còn theo tông Pháp tướng của Đại thừa thì chỉ cho 11 pháp: 5 căn, 5 cảnh và pháp xứ sở nhiếp sắc. (2) Tâm pháp: Pháp suy biết. Theo Câu xá thì chỉ cho 1 tâm vương và 46 tâm sở; còn theo Đại thừa thì chỉ cho 8 tâm vương và 51 tâm sở. (3) Phi sắc phi tâm pháp: Pháp không thuộc sắc không thuộc tâm. Theo Câu xá thì chỉ cho 14 pháp Bất tương ưng; còn theo Đại thừa thì chỉ cho 24 pháp Bất tương ưng. Ba loại pháp trên đây đều do sự tạo tác của nhân duyên nên gọi là pháp hữu vi. Trong hết thấy các pháp, trừ pháp vô vi, còn lại đều thuộc pháp hữu vi.

803 Bốn duyên tố: Nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.



não, các pháp vô ngã, đại loại như vậy, đó là những điều mà thế gian thấy được bằng hiện lượng.

Dựa vào sự hiện thấy: Là xét thấy các hành là tánh sát na, là tính có đời sau, là tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất. *Tánh sát na* là do sự vô thường thô thiên mà hiện lượng thấy được. *Tánh có đời sau* là do chúng sinh có nhiều loại vì có nhiều loại nghiệp mà hiện lượng thấy được. *Tánh nghiệp lành nghiệp dữ không mất* là do chúng sinh có vui, có khổ mà hiện lượng thấy được. Đại loại như vậy, đó là những điều không hiện thấy mà có thể suy luận qua sự hiện lượng thấy được.

Dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất: Là đối với các hành nơi bản thân hay nơi ngoại giới đều có thể dẫn sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn mọi sự khổ não của sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự bất tự do mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự thịnh suy mà ai cũng biết để ví dụ, đại loại như vậy.

Thành tựu: Là do hiện lượng thấy được và do dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất, từ đó chủ thuyết lập ra được quyết định.

Những ngôn giáo tốt đẹp trong sáng: Là những tuyên thuyết của bậc Nhất thiết trí, như tuyên thuyết niết bàn là vắng lặng trọn vẹn, đại loại như vậy.

Ở đây có năm sắc thái có thể biểu thị chân thật về một bậc Nhất thiết trí. Những gì là năm? Một là, bậc Nhất thiết trí xuất hiện thế giới thì cái danh tiếng chánh thật vang dội thế giới; hai là, toàn hảo ba mươi hai tướng quý của bậc đại trượng phu; ba là, đầy đủ mười trí lực mà đoạn được mọi lưới nghi hoặc cho chúng sinh; bốn là, tự xưng đầy đủ bốn vô sở úy [để tuyên thuyết chánh pháp], không bị sự biện luận của ai khuất phục mà lại khuất phục được những sự tà luận; năm là, trong chánh pháp luật được tuyên thuyết thì tám chi Thánh đạo và bốn sa-



môn quả v.v... toàn là những cái có thể thực hiện ngay trong hiện tại. Sự xuất hiện thế giới [với danh tiếng Nhất thiết trí và đầy đủ các tướng quý], sự giải quyết nghi hoặc, sự không bị khuất phục mà khuất phục được người khác, sự hiện tại có thể thực hiện Thánh đạo và sa-môn quả, năm sắc thái như vậy biểu thị chân thật về bậc Nhất thiết trí.

Như vậy, đạo lý chứng thành do hiện lượng, do tỷ lượng đi cùng những thí dụ và sự thành tựu của tỷ lượng ấy, và do chánh giáo lượng, do 5 sắc thái như vậy mà gọi là thanh tịnh.

(Hai) *Do bảy sắc thái mà bất thanh tịnh*: (1) Một phần cùng tánh chất; (2) Một phần khác tánh chất; (3) Toàn phần cùng tánh chất; (4) Toàn phần khác tánh chất; (5) Thí dụ khác tánh chất; (6) Không phải thành tựu; (7) Những ngôn giáo không tốt đẹp trong sáng.

Nếu đưa ra lý do vì ý thức nhận biết tất cả pháp thì đó là *toàn phần cùng tánh chất*. Nếu đưa ra lý do vì sắc thái, vì đặc tính, vì tác dụng, vì nhân quả, v.v... mỗi lý do riêng biệt của mỗi pháp, quyết định các pháp là cùng tánh chất hay khác tánh chất, thì đó là *một phần cùng tánh chất* hay *một phần khác tánh chất*. Nếu đưa ra lý do vì sự khác nhau hoàn toàn để quyết định các pháp, thì đó là *toàn phần khác tánh chất*. Nếu một phần cùng tánh chất và thí dụ lại là toàn phần khác tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là *không phải thành tựu*. Nếu đưa ra lý do mà một phần khác tánh chất và thí dụ lại là toàn phần cùng tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là *không phải thành tựu*. Do không phải thành tựu, nên gọi là quan sát bất thanh tịnh. Do quan sát bất thanh tịnh nên không đáng học tập. *Những ngôn giáo không tốt đẹp trong sáng*, nghĩa là bản chất của những giáo huấn ấy toàn là bất thanh tịnh.



Đạo lý pháp nhĩ là Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú, không biến đổi.

Quảng lược: Là trước nói tổng quát bằng một câu về pháp, sau đó nói những câu phân tách khác nhau làm cho rõ ràng trọn vẹn.

[583a03] (5) **Tự tánh**: Là sự tu hành và sự duyên theo để thủ đắc các pháp bồ đề phần là bốn niệm trú và các mục cùng loại.

(6) **Quả của tự tánh**: Là những sự diệt trừ phiền não và những thành quả công đức thuộc cả phạm vi thế gian và phạm vi xuất thế gian.

[583a07] (7) **Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh**: Là đối với cái quả nói trên, đem cái trí giải thoát mà lãnh nhận và khai thị phong phú cho người.

[583a10] (8) **Pháp chướng ngại của tự tánh**: Là chính các pháp nhiệm ô gây chướng ngại cho sự tu hành các pháp bồ đề phần.

(9) **Pháp** tùy thuận của tự tánh: Là những gì làm cho sự tu hành ấy nhiều hơn lên.

[583a14] (10) **Tội lỗi của tự tánh**: Là những tội lỗi của các pháp chướng ngại nói trên.

[583a16] (11) **Thắng ích của tự tánh**: Là những công đức của các pháp tùy thuận nói trên.

Theo từng trường hợp, chư Phật Thế tôn lấy mười một sắc thái trên để hiểu rõ, phân biệt, khai thị các pháp, đó là **ma-đát-lý-ca tạng**.⁸⁰⁴

804 Mười một sắc thái này được trích từ kinh Giải thâm mật, tr. 709a17~710b04, và Du-già sư địa luận, quyển 78. Tr. 734b17~735c03.



Lại nữa, kệ tụng:

Các tướng và đoạn diệt

Không đánh mất phương tiện

Hai quả trên, sai biệt

Nói lược nghĩa các kinh. (kệ 45)

[583a22] Luận giải: Nghĩa của các kinh, lược nói có năm điều:

1. Các tướng; 2. Đoạn diệt; 3. Không mất hoại và phương tiện không mất hoại⁸⁰⁵; 4. Hai quả của không mất hoại và phương tiện không mất hoại; 5. Sai biệt không mất hoại.

Như kinh Thiện Sinh⁸⁰⁶ có nói sơ lược năm điều này: “*Phật bảo Thiện Sinh: ‘Này người dòng họ cao quý, có hai sự đều là tốt đẹp.’*” Tốt đẹp là chỉ cho các tướng.

Đoạn diệt: Có hai thứ sự, nghĩa là: “*Muốn có được sự đoạn diệt*

và có được sự đoạn diệt y sự.’ Câu kinh này cũng hiển thị cho hai thứ: không mất hoại và phương tiện không mất hoại.

Không mất hoại và phương tiện không mất hoại: Là “*Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’*”

Hai quả của không mất hoại và phương tiện không mất hoại: Thành quả của sự không mất hoại và phương tiện không mất hoại là tánh tịch tĩnh.

Sai biệt không mất hoại: Là năm sự tịch tĩnh sai biệt: 1. Các triền tịch tĩnh; 2. Thế gian ly dục tịch tĩnh; 3. Thuận hạ phần tịch tĩnh⁸⁰⁷; 4. Thuận thượng phần tịch tĩnh⁸⁰⁸; 5. Y sự tịch tĩnh.⁸⁰⁹

805 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp luận, quyển 15: “Mất hoại là dính mắc nội ngoại y sự. Nội y sự là năm thủ uẩn làm tướng. Ngoại y sự là nhà cửa, vợ con, của cải, v.v... Không mất hoại là là rời xa hai sự dính mắc ở trên. Mất hoại phương tiện là không xuất gia, hay tuy xuất gia mà hành phóng dật, không được lậu tận. Không mất hoại phương tiện là trái ngược với điều trên.” (tr. 766a28~b02)

806 Tạp A-hàm, Kinh Thiện Sinh, số 1062: “Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sinh vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, nên biết thiện nam tử Thiện Sinh này có hai chỗ đoạn nghiêm: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tịch tĩnh, sạch các lậu,
Tỷ-kheo trang nghiêm tốt;
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục giặc ma oán.

Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

807 Ngũ thuận hạ phần kết 五順下分結: Năm loại phiền não trói buộc chúng sinh hữu tình ở Dục giới. Câu-xá luận, quyển 21, ghi: “Năm hạ phần kết là gì? Đó là thân kiến, giới cấm thủ kiến, nghi, dục tham, sân khuê. Chúng được gọi là Thuận hạ phần (avarabhāgīya) bởi vì chúng có liên hệ và thuận hợp với “phần ở phía dưới”, tức chỉ cho Dục giới. Như vậy trong số này có hai kết sử khiến cho người ta không thể vượt qua được Dục giới và ba kết sử khiến cho người ta phải trở lại Dục giới. Dục tham và sân khuê ngăn chặn sự xuất ly Dục giới; thân kiến, giới cấm thủ kiến và nghi làm cho những người đã xuất ly Dục giới phải trở lại Dục giới.”

808 Ngũ thuận thượng phần kết: Năm loại phiền não tồn tại ở Sắc giới và Vô sắc giới. Câu-xá luận, quyển 21, ghi: “Thuận thượng phần có năm thứ: tham Sắc giới, tham Vô sắc giới, trạo cử, mạn, vô minh, khiến cho chúng sinh không thể siêu thoát”. 1. Tham Sắc giới, gọi là Sắc ái kết, tức là những phiền não do chúng sinh tham đắm 5 thứ dục lạc (sắc, thanh, hương, vị, xúc); 2. Tham Vô sắc giới, gọi là Vô sắc ái kết, là những phiền não do tham đắm và vướng mắc trong cảnh giới thiên định ở cõi Vô sắc giới; 3. Trạo kết, là phiền não do tâm niệm của chúng sinh dao động, khiến cho thiên định thối thất hoặc đánh mất; 4. Mạn kết, là phiền não do chúng sinh tự cao, tự đại, cho mình hơn người rồi lẩn lớt, kiêu mạn; 5. Vô minh kết, là phiền não do chúng sinh si mê, ngu muội, không thấy được Thánh đế. Theo Đại tỳ-bà-sa luận, năm thuận thượng phần kết này phải nhờ tu tập mới có thể đoạn trừ được (tu sở đoạn).

809 Do thế gian đạo mà ly dục. Do xuất thế gian đạo mà vĩnh đoạn thuận hạ phần kết, vĩnh đoạn thượng phần kết và vĩnh đoạn nội y sự. Đây là nói nhân tận, quả tận, cũng là hiển thị sự sai biệt không mất hoại.



Để hiển thị năm sự tịch tĩnh ở trên, kinh Thiện Sinh có chính cú rằng:

Các tỳ-kheo tốt đẹp

Tịch tĩnh, lia các lậu

Ly dục, ly hệ phược

Không thọ sinh, niết bàn

Gìn giữ thân sau cùng

Hàng phục giặc ma oán.

[583b08] Lại nữa, kệ tụng:

Lược nói Du-già đạo

Duyên chánh pháp được nghe

Xa-ma-tha và quán

Y ảnh tượng, thành tựu. (kệ 46)

[583b11] Luận giải: Nếu lược nói Du-già đạo, nên biết đa văn được nhiếp, chánh pháp làm cảnh giới, xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như đức Bạc già phạm nói: “*Có năm thứ pháp có thể nhiếp lấy tất cả hành giả Du-già, các Du-già địa, đó là trì, trú, minh, kính và chuyển y*”. Nên biết, nghe chánh pháp là trì, sở duyên là trú (: nhậm), chỉ quán là minh, ảnh tượng là kính, sự thành tựu là chuyển y.⁸¹⁰

810 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạng tập luận, quyển 11, phẩm Quyết trạch phần trung pháp: “Địa này (Du-già địa) lược có 5 thứ: trì, nhậm, kính, minh, y. Trì, là tích tập tư lương bỏ đề rồi, ở nơi noãn vị v.v...”



dựa vào các thánh đế mà có được đa văn; từ những gì đa văn an lập đối cảnh sở duyên cho chí quán, gọi là trì. Lại tích tập tư lương bỏ đề rồi, vì cầu hiện quán chắc thật mà lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp nơi khế kinh v.v..., gọi là đa văn (huân tập). Nhậm, là duyên đối cảnh chỉ quán mà tác ý đúng lý; do tác ý như vậy và dựa vào sự đa văn mà tư duy không điên đảo về nghĩa tướng (của giáo pháp), nắm giữ nội tâm một cách tự nhiên. Kính, duyên đối cảnh chỉ quán mà tu chánh định hữu tướng; chánh định này duyên với sự đa văn; vì đối cảnh và ảnh tượng trong định cùng có mặt nên gọi là hữu tướng. Do chánh định này còn mang ảnh tượng có phân biệt của quán, và chánh định này có năng lực quán sát thấu hiểu các pháp cần thấu hiểu, nên ví như tấm gương. Minh, là trí không có thủ đắc năng thủ và sở thủ; do trí này mà nhiếp lấy hiện quán chuyển y ở kiến đạo. Vì sao các bồ tát dựa vào phương tiện tu học của Du-già địa để chứng sự không thể thủ đắc? Đó là các bồ tát đã khéo dồn chứa hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ, trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, đa văn và tùy thuận sự thấu triệt chân như, tác ý đúng lý về giáo pháp nơi khế kinh v.v... mà tu tập chánh định dựa vào sự khinh an nơi tâm, tư duy đối với ảnh tượng được xác lập trong định, quán ảnh tượng ấy không biệt lập với sự khinh an nơi tâm. Dựa vào ảnh tượng này để buông xả phân biệt ngoại cảnh, chỉ quán chuyên chú vào ảnh tượng có phân biệt của chánh định. Bấy giờ bỏ tất liễu tri các pháp chỉ là tự tâm, trú ở nơi nội tâm, biết tất cả cảnh giới sở thủ đều không sở hữu. Vì sở thủ không có nên tất cả năng thủ cũng chẳng phải chân thật, cho nên liễu tri năng thủ chẳng có. Lại nữa, nơi nội tâm xả ly hai thứ sở đắc, nơi tự tánh chứng vô sở đắc. Dựa vào đạo lý này mà đức Phật khéo tuyên thuyết, bỏ tất ở định vị quán ảnh tượng chánh định là tâm thức, phân biệt về nghĩa đã dứt trừ, thấu triệt chỉ là sự tự phân biệt, biết đã an trú nội tâm, biết sở thủ chẳng có, biết năng thủ cũng không, sau đó chạm đến sự vô sở đắc. Y, là chuyển y, nghĩa là rời xa tất cả (tạp nhiễm) thô trọng mà được thanh tịnh chuyển y.” Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Thuật cầu: “Nên biết năm học cảnh: Chánh pháp, chánh ức niệm/ Tâm giới, hữu phi hữu/ Thứ năm là chuyển y. [0614a18] Giải thích: Năng tướng kia lại có năm thứ đối cảnh tu học: 1. Năng trì; 2. Sở trì; 3. Kính tượng; 4. Minh ngộ; 5. Chuyển y. Năng trì, là chánh pháp của Phật thuyết, vì chánh pháp nuôi giữ sự năng duyên của hiện quán. Sở trì, là nghĩ nhớ chánh pháp, tức lấy chánh pháp làm đối tượng nắm giữ. Kính tượng, là tâm giới, có được bằng thiền định, nghĩa là, như trước đã nói, an trú tâm nơi pháp giới thì thấy các pháp toàn là danh ngôn; định tâm dụ cho tấm kính, pháp giới dụ cho ảnh tượng. Minh ngộ, là tuệ giác xuất thế gian, rằng các pháp có thì như thật thấy có, các pháp chẳng có thì như thật thấy chẳng có; thấy có là thấy các pháp vô ngã, thấy chẳng có là thấy rõ ràng các pháp toàn là năng thủ và sở thủ. Chuyển y là: Thánh tánh chứng bình đẳng/ Sự giải thoát cũng một/ Thắng thì có năm nghĩa/ Không giảm cũng không tăng. [0614a28] Giải thích: Thánh tánh chứng bình đẳng, Sự giải thoát cũng một: Thánh tánh, là pháp giới vô lậu. Chứng bình đẳng, là chư thánh đồng chứng đắc pháp giới vô lậu. Sự giải thoát cũng một: Thánh tánh của chư Phật cùng thánh tánh của hàng thanh văn, duyên giác thì bình đẳng, do sự giải thoát thì đồng nhất. Thắng thì có năm nghĩa, Không giảm cũng không tăng: Tuy rằng thánh tánh thì bình đẳng nhưng chư Phật thì tối thắng, tự có năm nghĩa: 1. Thanh tịnh thắng, do dứt sạch tập khí phiền não; 2. Phổ biến thắng, do quốc độ đều thông suốt và thanh tịnh; 3. Thân thắng, do thân ấy là pháp thân; 4. Thọ dụng thắng, do chuyển pháp luân và thọ dụng không ngừng nghỉ; 5. Nghiệp thắng, do trú Đâu suất thiên, hiện các hóa sự làm lợi ích chúng sanh. Không giảm, là khi phần nhiễm ô giảm, (pháp giới vô lậu cũng không giảm). Không tăng, là khi phần thanh tịnh tăng, (pháp giới vô lậu cũng không tăng). Trên đây là hành tướng của năm thứ tu học của Du-già địa, mà sự giải thoát của sự tu học ấy y cứ pháp sở tướng và ba loại pháp năng tướng.”



PHỤ LỤC

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN TỤNG

顯揚聖教論頌

Thiện Thệ khéo thuyết ba thân màu
 Vô úy, vô lưu chứng giáo pháp
 Thượng thừa chân thật Mâu Ni tử
 Nay con chí thành xin tán lễ
 Cúi đầu kính lạy Đại từ tôn
 Sẽ nói chúng trí đáng Pháp vương
 Không dựa thế gian làm quy thú
 Bậc tuyên thuyết Du-già sư địa.
 Xưa con Vô Trước từ Thầy nghe
 Nay tổng hợp yếu nghĩa các địa
 Hiển dương thánh giáo đáng Từ bi
 Văn gọn, nghĩa tròn mà dễ hiểu:
 Nhiếp sự, Tịnh nghĩa, Thành thiện xảo
 Vô thường, Khô, Không và Vô tánh
 Hiện quán, Du-già, Bất tư nghị
 Nhiếp thắng quyết trạch: mười một phẩm.



善逝善說妙三身
 無畏無流證教法
 上乘真實牟尼子
 我今至誠先讚禮
 稽首次敬大慈尊
 將紹種智法王位
 無依世間所歸趣
 宣說瑜伽師地者
 昔我無著從彼聞
 今當錯綜地中要
 顯揚聖教慈悲故
 文約義周而易曉
 攝事淨義成善巧
 無常苦空與無性
 現觀瑜伽不思議
 攝勝決擇十一品



Phẩm Một: NHIỆP SỰ

攝事品第一

1. Nhất thiết, giới, tạp nhiễm

Đế, y chỉ, giác phân

Bồ-đặc-già-la, quả

Các công đức: chín sự.

一切界雜染

諦依止覺分

補特伽羅果

諸功德九事

2. Tâm, tâm sở hữu, sắc

Bất tương ưng, vô vi.

Giới: Dục, Sắc, Vô sắc

Và tam thiên thể giới.

心心所有色

不相應無為

界謂欲色等

及與三千界

3. Phiền não, nghiệp, sinh tánh

Tướng tạp nhiễm nên biết.

Các đế có sáu loại

Y chỉ tám và hai.



煩惱業生性

雜染相應知

諸諦有六種

依止八與二

4. Giác phân có rất nhiều

Trước hết ba mươi bảy

Trí và giải thoát môn

Hành, tích và chỉ quán.

覺分有眾多

最初三十七

智與解脫門

行跡及止觀

5. Cư xứ và sở y

Phát tâm và bi mẫn

Các hành, thông đạt tánh

Địa, ba-la-mật-đa.

居處及所依

發心與悲愍

諸行通達性

地波羅蜜多

6. Bồ-tát hành, nhiếp sự

Và đà-la-ni môn

Các tam-ma-địa môn

Những vô lượng tác ý.



菩薩行攝事
及彼陀羅尼
三摩地等門
諸無量作意

7. Tướng tác ý chân như
Tín giải bất tư nghị
A-thê-da rộng lớn
Nên biết các tự số.

真如作意相
信解不思議
廣大阿世耶
應知諸自數

8. Tùy tín hành, bảy hạng
Còn tám bậc nên biết
Cực thất phản vân vân
Thối pháp đẳng có sáu.

隨信行等七
復八種應知
及極七反等
退法等有六

9. Nhuyển căn đẳng bảy hạng
Tại tục và xuất gia
Có ba: Thanh văn thừa
Khả cứu, bất khả cứu.



軟根等七種
在俗及出家
聲聞乘等三
可救不可救

10. Có chín: nhập phương tiện
Sinh sai biệt có hai
Do các giới sai biệt
Nên biết mười ba bậc.

入方便等九
生差別故二
復由諸界別
應知十三種

11. Quả đoạn có năm thứ
Biển tri và thanh tịnh
Tịnh, quả, giới, bò-đề
Vô học, do tự số.

果斷有五種
遍知及清淨
淨果界菩提
無學由自數

12. Đoạn nhiều nhân nên đoạn
Từ đâu thiết lập đoạn
Do tác ý, y, tu
Được đoạn theo thứ tự.



斷多因故斷
建立斷所從
由作意依修
及得斷次第

13. Đoạn sai biệt nên biết
Đoạn hành tướng lợi ích
Cả hai như được nói
Đều nên biết nhiều thứ.

斷差別應知
及斷相利益
如是如所說
復應知多種

14. Vô lượng, các giải thoát
Thắng xứ và biến xứ
Vô tránh, diệu nguyện trí
Vô ngại giải, thần thông.

無量諸解脫
勝處與遍處
無諍妙願智
無礙解神通

15. Các tướng hảo, thanh tịnh
Và các lực, vô úy
Bất hộ và niệm trú
Vĩnh đoạn các tập khí.



諸相好清淨
及諸力無畏
不護與念住
永斷諸習氣

16. Không quên mất diệu pháp
Và Như lai đại bi
Phật bất cộng đức pháp
Nhất thiết chủng diệu trí.

無忘失妙法
及如來大悲
佛不共德法
一切種妙智

17. Nên biết chín sự trên
Đầu là hai sở y
Tiếp hai, sau sáu chủng:
Nhiếp tạt nhiễm, thanh tịnh.

當知前九事
初為二所依
次二後六種
攝雜染清淨

18. Là nhiễm y sai biệt
Là thanh tịnh sở duyên
Vì tâm chẳng lưu tán
Nên chánh tu phương tiện.



染依差別故
清淨所緣故
心不流散故
正修方便故

19. Là phân vị sai biệt
Ngôn thuyết đẳng các nhân
Quả là các công đức
Số, thứ tự chỉ vậy.

彼位差別故
言說等因故
彼果故德故
數次第唯爾

20. Muốn tư lượng vô lượng
Các vấn đáp sai biệt
Do chư Phật ngữ ngôn
Sự nhiếp và tướng nhiếp.

欲思量無量
諸問答差別
由諸佛語言
事與相攝故

(1) Cú, mê hoặc, hý luận
Trú, chân thật, tịnh, diệu
Tịch tĩnh, tánh, đạo lý
Giả thi thiết, hiện quán



句迷惑戲論
住真實淨妙
寂靜性道理
假施設現觀

(2) Phương sở, vị, phân biệt
Tác, chấp trì, tăng, giảm
Ám, ngữ, sở giác, thương
Viễn ly, chuyển, tàng hộ

方所位分別
作執持增減
闇語所覺上
遠離轉藏護

(3) Giải trạch và hiện hành
Thụy miên và tương thuộc
Các tương nhiếp, tương ứng
Thuyết, nhiệm trì, thứ đệ

簡擇與現行
睡眠及相屬
諸相攝相應
說任持次第

(4) Sở tác, cảnh, du-già
Xa-ma-tha và quán
Chư tác ý, giáo thọ
Đức, bồ-đề, thánh giáo.



所作境瑜伽
奢摩他與觀
諸作意教授
德菩提聖教

21. Nếu muốn chánh tu hành
Biển tri đấng công đức
Cần mười thứ pháp hành
Và sáu thứ lý thú.

若欲正修行
遍知等功德
由十種法行
及六種理趣

Phẩm Hai: NHIẾP TỊNH NGHĨA

攝淨義品第二

1. Thắng luận trong các luận
Cũng khéo nhập Du-già
Nên biết thanh tịnh nghĩa
Do đủ bốn tịnh đức.

諸論中勝論
亦善入瑜伽
清淨義應知
由具四淨德



2.Nhiếp tất cả các nghĩa
Ngoại đạo không hoại được
Vì dễ nhập; đã nhập
Tu hành không hoại mất.

攝一切義故
彼外不壞故
易入故入已
行不失壞故

3.Chư Phật thuyết diệu pháp
Chính dựa vào hai đế
Một là thế tục đế
Hai là thắng nghĩa đế.

諸佛說妙法
正依於二諦
一者名世俗
二者名勝義

4.Trước nói ngã, pháp, dụng
Theo cái khác mà nói
Bảy thứ và bốn thứ
Chân như gọi thắng nghĩa.

初說我法用
為隨餘故說
七種及四種
真如名勝義



5.Tự tánh, nghĩa, kiến lập
Số, thứ đệ, thiện xảo
Tưởng sai biệt nên biết
Hiển uẩn thể tục nghĩa.

自性義建立
數次第善巧
想差別應知
顯蘊世俗義

6.Năm, ba pháp, chân thật
Kia có bốn nên biết
Và bốn thứ tâm tư
Bốn thứ như thật trí.

五三法真實
彼復四應知
及四種尋思
四種如實智

7.Ba tự tánh: thành lập
Sai biệt, nghiệp, ẩn mật
Phương tiện, nhiếp, biệt dị
Mỗi đều có nhiều thứ.

三自性成立
差別業隱密
方便攝別異
是各有多種



8.Nghe mười hai phần giáo
Ba tối thắng quy y
Ba học, ba bò-đề
Vì hữu tình tịnh thuyết.

聞十二分教
三最勝歸依
三學三菩提
為有情淨說

9.Văn, quy, học, bò-đề
Sáu, ba, mười hai, năm
Lần lượt theo danh số
Cần phải rộng phân biệt.

聞歸學菩提
六三十二五
隨名數次第
如應廣分別

10.Thánh hành, vô thượng thừa
Đại bò-đề, công đức
Dị luận, luận pháp, thích
Mỗi danh có nhiều thứ.

聖行無上乘
大菩提功德
異論論法釋
應知各多種



(1)Thù đặc, không thù đặc
 Tâm bình đẳng, lợi ích
 Báo ân và hân tán
 Không dối phương tiện hành.

殊特非殊特
 平等心利益
 報恩與欣讚
 不虛方便行

(2)Phương tiện không điên đảo
 Thoái đọa và thắng tiến
 Công đức tương tự, thật
 Khéo điều phục hữu tình.

不顛倒方便
 退墮與勝進
 相似實功德
 善調伏有情

(3) Các Bồ-tát thọ ký
 Rơi vào số quyết định
 Định tác, thường phải tác
 Pháp tối thắng nên biết.

諸菩薩受記
 墮於決定數
 定作常應作
 最勝法應知



(4)Các thi thiết kiến lập
 Tầm tư tất cả pháp
 Và như thật biến trí
 Cùng với các vô lượng.

諸施設建立
 一切法尋思
 及如實遍智
 并及諸無量

(5)Quả lợi ích tuyên thuyết
 Đại thừa tánh và nhiếp
 Bồ-tát có mười bậc
 Thiết lập các danh hiệu.

宣說果利益
 大乘性與攝
 菩薩十應知
 建立諸名號

(6)Chấp trong nhân có quả
 Hiện liễu, khứ lai hữu
 Ngã, thường, túc tác nhân
 Tự tại đẳng, hại pháp.

執因中有果
 顯了有去來
 我常宿作因
 自在等害法



(7)Biên, vô biên, kiêu loạn
Kiến: vô nhân, đoạn, không
Chấp thắng, tịnh, cát tường
Là mười sáu dị luận.

邊無邊矯亂
見無因斷空
計勝淨吉祥
名十六異論

(8)Công năng không thể tánh
Nhiếp, không nhiếp: tương vi
Có dụng và không dụng
Làm nhân, thành làm lỗi.

功能無體性
攝不攝相違
有用及無用
為因成大過

(9)Luận thể, luận xứ sở
Luận cứ, luận trang nghiêm
Luận phụ, luận xuất ly
Luận đa sở tác pháp.

論體論處所
論據論莊嚴
論負論出離
論多所作法



(10)Thể: văn, nghĩa; thích: pháp
Khởi, nghĩa, nạn, thứ; sự,
Thuyết chúng, thính, tán Phật:
Lược, quảng; học thắng lợi.

體釋文義法
起義難次師
說眾聽讚佛
略廣學勝利

(11)Chư địa, tướng, tác ý
Y xứ, đức, phi đức
Sở đối trị, năng trị
Lược, quảng nghĩa, nên biết.

諸地相作意
依處德非德
所對治能治
略廣義應知

Phẩm Ba: THÀNH THIỆN XẢO

成善巧品第三

1.Nơi các uẩn, giới, xứ,
Và các pháp duyên khởi,
Xứ phi xứ, căn, đế,
Nên biết thiện xảo sự.



於諸蘊界處
及眾緣起法
處非處根諦
善巧事應知

2. Thân giả, tự tại đẳng
Vô nhân, thân giả trú
Lưu chuyển, tác các nghiệp
Và tăng thượng hai thứ.

身者自在等
無因身者住
流轉作諸業
及增上二種

3. Với thân giả, đẳng khởi,
Thật ngã được trú giữ,
Lưu chuyển giả, tác giả,
Và các tăng thượng nghĩa,

於身者等起
實我所住持
流轉者作者
及諸增上義

4. Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,
Khởi bảy thứ ngu si.
Đối trị đây nên biết
Nhiếp bảy thứ thiện xảo.



染污若清淨
起七種愚癡
對治此應知
攝七種善巧

5. Vọng kể ngã thân giả
Y chi các căn trú
Với cảnh giới hồi chuyển;
Thọ dụng ái phi ái;

妄計我身者
依止諸根住
於境界迴轉
受用愛非愛

6. Ngôn thuyết sở y trú;
Tác giả, có giác giả.
Do nơi uẩn sai biệt
Chung thấy một cái thân.

言說所依住
作者有覺者
由於差別蘊
總見一身者

7. Vì mê hoặc sơ nhân
Chấp thường nhân, vô nhân.
Ngã trú giữ các căn
Nãn xúc và năng thọ.



迷惑初因故
計常因無因
我住持諸根
能觸及能受

8. Từ đây sinh tử xứ
Chấp có người lưu chuyển
Tác giả: pháp, phi pháp
Và quả ấy tăng thượng.

從此死生處
計有流轉者
法非法作者
及彼果增上

9. Với tu tập tà hành
Chấp là người nhiễm ô
Với tu tập chánh hành
Vọng chấp người giải thoát.

於修習邪行
計為染污者
於修習正行
妄計解脫者

10. Khi Phật chưa ra đời
Ngu si chuyển như vậy
Do Phật hiện thế gian
Nói bảy thứ thiện xảo.



佛未出於世
如是愚癡轉
由佛現世間
說七種善巧

11. Biết ba đời sai biệt
Năng trừ nhất hợp tướng
Tức ly và giải thoát
Chúng sinh bất khả đắc.

知世等別故
能除一合想
即離與解脫
眾生不可得

12. Đa chủng và tổng lược
Cùng có sai biệt chuyển
Trí tăng ích tổn giảm
Thiện xảo uẩn nên biết.

多種及總略
共有差別轉
增益損減智
蘊善巧應知

13. Vì thấy ba nhân sinh
Gọi là thiện xảo giới
Từ vô thủy tự chủng
Nhiều chủng loại sinh khởi.



見三因生故
說名界善巧
從無始自種
多種種生起

14. Do đây và ở đây
Nắm giữ không thể được
Vì y tự trí thành
Trừ được tánh thấp kém.

由此及於此
取者不可得
依自智成故
能除下劣性

15. Biết các xúc, các thọ
Do hai thứ sinh môn
Y chỉ vào các xúc
Nên biết thiện xảo xứ.

知諸觸諸受
由二種生門
依止於觸故
當知處善巧

16. Như pháp xứ, thiên xứ
Về sau được y chỉ
Do vì thế tục đế
Biết rõ hai thứ tánh.



知法處天處
後後所依止
由世俗諦故
了知二種性

17. Biết chưa đoạn vô thường
Nhân sinh ra các quả
Tự tương tục, tương tự
Gọi thiện xảo duyên khởi.

知未斷無常
因能生諸果
自相續相似
名緣起善巧

18. Chúng sinh bất khả đắc
Mà có xả, tục giả
Do thấu suốt sâu xa
Bốn thứ duyên khởi vậy.

眾生不可得
而有捨續者
由了達甚深
四種緣起故

19. Không làm, không đến, được
Hai, thể khác không chuyển
Tịnh kiến không còn nghiệp
Phi ngã tự tại hai.



不作不趣得
二餘體不轉
淨見無餘業
非我自在二

20.Như vậy trí năng trí
Thiện xảo xử phi xử
Nơi tự quả định xử
Khác đây nói phi xử.

如是智能知
處非處善巧
於自果定處
異此說非處

21.Nơi năng thủ, sinh, trú
Và nhiễm ô, thanh tịnh
Vô lý ngã quán thêm
Ở quả kia tăng thượng.

於能取生住
及染污清淨
無理我觀餘
於彼果增上

22.Nơi phương tiện như vậy
Gọi là thiện xảo căn
Là với thủ, sinh, trú
Nhiễm, tịnh, tăng thượng vậy.



於如是方便
名為根善巧
謂於取生住
染淨增上故

23.Hai thứ: tự tánh khô
Khô hợp, không đúng lý
Do không nhân, có nhân
Và năm thứ thí dụ.

二自性苦故
合故不應理
由無因有因
及五種譬喻

24.Như vậy do tùy giác
Nên biết thiện xảo để
Tùy giác chưa từng thấy
Chưa thọ nghĩa, nhân duyên.

如是隨覺故
應知諦善巧
隨覺未曾見
未受義因緣

25.Nên biết các thiện xảo
Sai biệt hai mươi ba
Dị nhiếp luận làm đầu
Sau tối cực thanh tịnh.



當知諸善巧
差別二十三
異攝論為先
後最極清淨

Phẩm Bốn: THÀNH VÔ THƯỜNG 成無常品第四

1. Vô thường gọi hữu vi
Tương ưng với ba tướng
Vô thường nghĩa như ứng
Sáu, tám thứ nên biết.

無常謂有為
三相相應故
無常義如應
六八種應知

2. Vô tánh, hoại, chuyển dị
Biệt ly, đặc, đương hữu
Sát na, tục, bệnh đẳng
Là tâm, khí, thọ dụng.

無性壞轉異
別離得當有
剎那續病等
心器受用故



3. Biến dị cần phải biết
Mười lăm thứ sai biệt
Gọi là phần vị đẳng
Bị tám duyên bức bách.

變異應當知
十五種差別
所謂分位等
八緣所逼故

4. Hạ giới đủ tất cả
Trung giới lia ba môn
Đủ ba thứ biến dị
Thượng giới lại trừ khí.

下界具一切
中界離三門
具三種變異
上界復除器

5. Nghĩa vô tánh vô thường
Là biến kế sở chấp
Những nghĩa vô thường khác
Y tha khởi nên biết.

無性義無常
遍計之所執
所餘無常義
依他起應知



6.Chư vô thường đều khổ
 Các khổ bị xen tạp
 Người ngu mê pháp tánh
 Bị hại mà không biết.

諸無常皆苦
 眾苦所雜故
 迷法性愚夫
 得為害不覺

7.Chư hành là tâm quả
 Sinh rồi tự nhiên diệt
 Sau có được biến dị
 Niệm niệm diệt, nên biết.

由彼心果故
 生已自然滅
 後變異可得
 念念滅應知

8.Tâm huân tập tăng thượng
 Định chuyển biến tự tại
 Ảnh tượng sinh đạo lý
 Và ba thứ Thánh giáo.

心熏習增上
 定轉變自在
 影像生道理
 及三種聖教



9.Vì sinh nhân tương vi
 Không hai nhân trú diệt
 Tự nhiên trú thường – lỗi
 Nên biết nhiệm vận diệt.

生因相違故
 無住滅兩因
 自然住常過
 當知任運滅

10.Không nước, lửa, gió diệt
 Do vì cùng khởi diệt
 Tướng kia phải diệt rồi
 Còn sinh nhân biến dị.

非水火風滅
 以俱起滅故
 彼相應滅已
 餘變異生因

11.Tương vi, tương tục đoạn
 Hai tướng thành không tướng
 Ngược thế gian hiện thấy
 Không pháp và nhân khác.

相違相續斷
 二相成無相
 違世間現見
 無法及餘因



12. Chẳng phải thân, sữa, rùng
Trước không có biến dị
Cũng chẳng trước không hoại
Lúc sau cùng mới diệt.

非身乳林等
先無有變異
亦非初不壞
最後時方滅

13. Vị, tư, phiền não, phần
Chẳng phải thường biến dị
Đây nếu không biến dị
Thọ, tác, thoát: phi lý.

位思煩惱分
非常變異故
此若無變異
受作脫非理

14. Vì công năng không có
Nhiếp, không nhiếp: tương vi
Có dụng và không dụng
Làm nhân, thành lầm lỗi.

功能無有故
攝不攝相違
有用及無用
為因成過失



15. Tự tánh, biến dị tướng
Có, không: chẳng hợp lý
Không sai biệt, vô thường
Có sai biệt, năm lỗi:

自性變異相
有無不應理
無差別無常
有差別五失

16. Không tướng và không nhân
Chẳng tự tánh hằng biến
Trước không có biến dị
Ngã nên thường giải thoát.

無相亦無因
非自性恒異
先無有變異
我應常解脫

17. Thường tạo không đúng lý
Là do hai, ba nhân
Tài có tình tăng thượng
Cực vi chẳng thường trú.

常造不應理
由二三因故
財有情增上
極微非常住



18. Kia y chỉ vô thường
Thứ đệ, sai biệt chuyển
Các thọ đẳng khác nhau
Cái biết là vô thường.

無常為彼依
次第差別轉
諸受等異故
當知覺無常

19. Với vô thường vô trí
Căn bản bốn điên đảo
Thế gian đạo tiến lên
Sức ngu si thêm chuyển.

於無常無智
四顛倒根本
當知世上道
愚癡力轉增

20. Do phóng dật, giải đãi
Kiến, ngu, thiếu tư lương
Bạn ác, phi chánh pháp
Nên biết nhân vô trí.

由放逸懈怠
見昧乏資糧
惡友非正法
當知無智因



21. Tác ý không như lý
Nghĩ nhớ tiền tế đẳng
Tương tự, tương tục chuyển
Nơi vô thường chấp thường.

不如理作意
憶念前際等
相似相續轉
於無常計常

22. Sinh: sơ, hậu, trung gian
Thủ ba tướng hữu vi.
Vô thường, trí điều phục
Nên biết do hai nhân.
Thấy kia có sáu thứ
Duyên khởi có bốn thứ.

生初後中間
取三有為相
無常調伏智
當知由二因
彼見有六種
及緣起四種

23. Tự chủng: chẳng phải tha
Đợi duyên: chẳng phải tự
Vô tác: chẳng phải cộng
Dụng: chẳng phải vô nhân.



自種故非他
待緣故非自
無作故非共
用故非無因

Phẩm Năm: THÀNH KHỔ

成苦品第五

1. Sinh làm nhân muốn rời
Diệt sinh muốn hòa hợp
Đào, vô đào, yếm ly
Nhân kia là tướng khổ.

生為欲離因
滅生和合欲
倒無倒厭離
彼因為苦相

2. Y ba thọ sai biệt
Kiến lập ba tướng khổ
Nên nói tất cả thọ
Thể tánh đều là khổ.

依三受差別
建立三苦相
故說一切受
體性皆是苦



3. Tánh các hành là khổ
Thô trọng đều đi theo
Lạc, xả, không hợp lý
Đồng lỗi không giải thoát.

當知行性苦
皆麁重隨故
樂捨不應理
同無解脫過

4. Lợi, thâm, đặng, chướng ngại
Y, tiến, trú, thừa (chấp) không
Chấp trước, tánh thấp kém
Điên đảo và nhiễm ô.

利深等障礙
依進住乘空
執著性下劣
顛倒及染污

5. Như nhọt, lác, hủi, v.v...
Chỗ dựa của ba thọ
Thọ năng phát ba xúc
Thủ lạc đặng tùy duyên.

如癰疥癩等
三受之所依
彼能發三觸
取樂等隨轉



6. Tự tướng, tự phân biệt
 Không yên ổn - tánh khổ
 Nên biết năm mươi lăm
 Được nhiếp trong ba khổ.

自相自分別
 不安隱苦性
 五十五應知
 三苦之所攝

7. Giới, duyên, thân đẳng, thú
 Chủng loại, đế, tam thể
 Thời, mạng, phẩm dị biệt
 Dẫn các khổ sai biệt.

界緣身等趣
 種類諦三世
 時命品異故
 引眾苦差別

8. Chưa ly Dục, Sắc, v.v...
 Ba thứ địa nên biết
 Dục giới tất cả chủng
 Sắc, Vô sắc trừ hai.

未離欲色等
 三種地應知
 欲界一切種
 色無色除二



9. Thế tục có hai thứ
 Thắng nghĩa gọi biến hành
 Hai duyên thông thượng địa
 Nên biết không hiện, nhiễm.

世俗有二種
 勝義謂遍行
 二緣通上地
 當知無現染

10. Vô sắc chẳng gánh nặng
 Biến hành, thiên, thô trọng
 Tội hậu biên của đế
 Còn bảy, thượng tùy phược.

非無色重擔
 遍行天龜重
 及諦最後邊
 餘七上隨縛

11. Nên biết sinh, v.v... khổ
 Mỗi có năm sai biệt
 Khổ thô trọng tương ưng
 Chỗ y chỉ ba khổ.

當知生等苦
 各五種差別
 苦龜重相應
 三苦所依止



12.Sau cùng và sau cùng
Mỗi sở y bốn khổ
Gọi sinh, sinh căn bản
Và khổ tánh, biến hoại.

最後與最後
各四苦所依
謂生根本
及苦性變壞

13.Ba đời khổ được nhiếp
Thượng chẳng hai duyên khổ
Đã nói, các khổ khác
Đều chỉ ở Dục giới.

三世之所攝
二緣苦非上
所說餘諸苦
皆欲界應知

14.Mất niệm, không công dụng
Loạn, không chánh tư duy
Không hiểu đúng: ngu si
Và do phóng dật v.v.

失念無功用
亂不正思惟
不正了愚癡
及由放逸等



15.Do ngu muội, yếu đuối
Và sinh khởi phóng dật
Cùng tương tục đoạn tuyệt
Chuyển thành quên mất niệm.

昧故羸劣故
及起放逸故
相續斷絕故
忘念轉應知

16.Do ngu muội, phóng dật
Gìn giữ pháp hiện tại
Không tin sẽ có khổ
Không công dụng phát khởi.

昧故放逸故
保重現法故
不信當苦故
無功用發起

17.Tương tự tương tục chuyển
Vọng phân biệt đối trị
Quán tập, tổng chấp thủ
Khởi bốn thứ điên đảo.

相似相續轉
對治妄分別
串習總取故
起四種顛倒



18. Giới biệt, duyên khởi biệt
 Vị biệt, thứ đệ biệt
 Và tương tục sai biệt
 Nên biết mỗi nhiều loại.

界別緣起別
 位別次第別
 及相續差別
 當知各多種

19. Tín giải và tư trạch
 Bất loạn, tâm yếm ly
 Kiến, tu và cứu cánh
 Như trước nói mười một.

信解與思擇
 不亂心厭離
 見修及究竟
 又如前十一

20. Triền, nghi, không ưa rời
 Trâm, ác thú, các thú
 Hành thấp kém sinh khởi
 Khấp, riêng các khổ hết.

纏疑不樂離
 沈惡趣餘趣
 下劣行所起
 遍獨眾苦盡



Phẩm Sáu: THÀNH KHÔNG

成空品第六

1. Nếu ở đây không có
 Cái còn lại ở đây
 Theo hai thứ đạo lý
 Nói tướng không: không hai.

若於此無有
 及此餘所有
 隨二種道理
 說空相無二

2. Tướng thậm thâm nên biết
 Thủ xả không thêm bớt.
 Sai biệt có nhiều thứ
 Như đây kia tuyên thuyết.

甚深相應知
 取捨無增減
 差別有眾多
 如彼彼宣說

3. Chi là giả thành lỗi
 Uẩn không ngã thành lỗi
 Ngã không thân thành lỗi
 Ba ngã không đúng lý.



唯假過失故
蘊無我過故
我無身過故
三我不應理

4.Như chủ, lửa, sáng, không
Hình khác, lỗi y tha
Vô thường, không nghiệp dụng
Chẳng nhân, chẳng có ngã.

如主火明空
形異依他過
無常無業用
非因非有我

5.Ngã chỉ là giả lập
Thí dụ không thể được
Bảy dụ vọng phân biệt
Không ba chấp: thấy, v.v...

我唯應是假
譬喻不可得
七喻妄分別
無見者等三

6.Như hạt giống vô thường
Người chế tác thành giả
Người thành thực thần thông
Tự tại ở thế tục.



若如種無常
作者應成假
如成就神通
應世俗自在

7.Ngã như địa, như không
Phải vô thường, vô tánh
Phải như hai: vô tác
Phân minh nghiệp có được.

我如地如空
應無常無性
應如二無作
分明業可得

8.Đốt cháy và cắt đứt
Chỉ lửa, dao làm ra
Ngã với đồ thấy, nghe
Không phải như lửa, dao.

能燒及能斷
唯火等所作
我於見等具
非如刀火等

9.Như ánh sáng soi chiếu
Lìa sáng không dị thể
Cho nên ở trong ngoài
Nghĩa không, vô ngã thành.



如光能照用
離光無異體
是故於內外
空無我義成

10.Như ngoại vật thế gian
Lìa ngã có tồn ích
Nội tuy không thật ngã
Nghĩa nhiệm tịnh nên thành.

如世間外物
離我有損益
內雖無實我
染淨義應成

11.Vị, tư, phiền não, phân
Là vô thường biến dị
Ngã thường không chuyển đổi
Thọ, tác, thoát nên không.

位思煩惱分
無常變異故
我常無轉易
受作脫應無

12.Pháp tánh từ duyên sinh
Triển chuyển hiện tương tục
Có nhân mà không trú
Biến đổi nên gọi chuyển.



法性從緣生
展轉現相續
有因而不住
變異故名轉

13.Như thân, răng, sông, đèn
Có các thứ tác dụng
Ngã thường không biến đổi
Chuyển, hoàn không hợp lý.

如身牙河燈
有種種作用
我常無變異
轉還不應理

14.Y ngã khởi danh tướng
Thấy hai thứ lầm lỗi
Cho nên biến khắp cả
Tánh thật ngã đều không.

依我起名想
見二種過失
是故遍一切
實我性都無

15.Vì ngôn thuyết dễ hiểu
Vì tùy thuận thế gian
Vì đoạn trừ sợ hãi
Hiện hai thứ: đức, lỗi.



為言說易故
隨順世間故
斷除怖畏故
顯得失二故

16.Đột nhiên giác loạn khởi
Thế gian hiện có được
Giác làm đầu tác nghiệp
Có mười thứ lầm lỗi.

率爾覺亂起
世間現可得
覺為先作業
有十種過失

17.Giác, ngã nhân, công dụng
Tự tại đẳng mỗi hai
Có nhân và không nhân
Phải biết mười thứ lỗi.

覺我因功用
自在等各二
有因及無因
當知十種過

18.Không tham quyết, biến hành
Tăng ích và vô sự
Với sự sợ vọng kiến
Thí dụ có năm thứ.



不審決遍行
增益及無事
於事怖妄見
譬喻五應知

19.Vô thể và viễn ly
Trừ khử, dựa ba thứ
Đối trị các phược tướng
Mười sáu thứ sai biệt.

無體及遠離
除遣依三種
對治諸縛想
十六種差別

20.Tự tánh và chấp trước
Không hiểu rõ, thất niệm
Khấp tất cả, một phần
Ngu sai biệt lưu chuyển.

自性與執著
不開解失念
一切遍一分
愚差別流轉

21.Pháp trú, cầu tự tâm
Trú tự tâm, trừ phược
Sợ, không hai, nhiễm, tịnh
Chứng được lý chân không.



法住求自心
住自心除縛
怖無二染淨
證得真空理

22. Tu sai biệt mười tám
Hoặc có độc, không độc
Đối trị năm thứ chấp
Lược hai thứ nên biết.

修差別十八
或有毒無毒
對治五種執
略二種應知

23. Tu quả phải nên biết
Ba bờ-đề, công đức
Y chỉ tánh chuyển y
Các việc làm thành tựu.

修果應當知
三菩提功德
依止轉依性
所作事成就



Phẩm Bảy: THÀNH VÔ TÁNH 成無性品第七

1. Ba tự tánh nên biết
Đầu biến kế sở chấp
Tiếp y tha khởi tánh
Sau cùng viên thành thật.

三自性應知
初遍計所執
次依他起性
最後圓成實

2. Ba vô tánh nên biết
Không lia ba tự tánh
Do tướng vô, sinh vô
Và thắng nghĩa vô tánh.

三無性應知
不離三自性
由相無生無
及勝義無性

3. Năm sự không được nhiếp
Ngoài đây càng không có
Do danh với nghĩa chuyển
Hai luân phiên làm khách.



非五事所攝
此外更無有
由名於義轉
二更互為客

4. Trước có danh, không biết
Nhiều danh và bất định
Nơi hữu nghĩa, vô nghĩa
Chuyên, phi lý, nghĩa thành.

於名前覺無
多名及不定
於有義無義
轉非理義成

5. Vì thủ rồi lập danh
Chưa hiểu không thủ đắc
Như chúng sinh tà chấp
Tăng ích làm điên đảo.

取己立名故
餘即不能取
如眾生邪執
增益為顛倒

6. Do huân khởi y tha
Y tha sinh điên đảo
Như vậy duyên lẫn nhau
Triển chuyển sinh tương tục.



由熏起依他
依此生顛倒
如是互為緣
展轉生相續

7. Tự tánh và sai biệt
Có giác ngộ, tùy miên
Gia hành, gọi biến kế
Lại nên biết năm thứ.

自性與差別
有覺悟隨眠
加行名遍計
又當知五種

8. Phân biệt có tám thứ
Năng sinh nơi ba sự
Thể phân biệt nên biết
Hai giới: tâm, tâm pháp.

分別有八種
能生於三事
分別體應知
三界心心法

9. Do hai phược trói buộc
Chấp chặt hai thứ tánh
Khi hai phược giải thoát
Chính vô đắc, vô kiến.



由二縛所縛
堅執二自性
故二縛解脫
正無得無見

10. Giả có, nhân sở y
Nếu khác, hoại hai thứ
Tạp nhiễm mà có được
Nên biết y tha có.

假有所依因
若異壞二種
雜染可得故
當知依他起

11. Tướng, thô trọng làm thể
Chúng duyên sinh cho nhau
Chẳng phải tự nhiên có
Nên nói sinh vô tánh.

相麤重為體
此更互緣生
非自然是有
故說生無性

12. Không xác định có, không
Tất cả chúng đều nhận
Thông hai tánh: giả, thật
Thể tục nói là có.



非決定有無
一切種皆許
通假實二性
世俗說為有

13. Nói ngã, pháp, tác dụng
Đều gọi là thể tục
Nên biết thắng nghĩa đế
Gọi bảy thứ chân như.

宣說我法用
皆名為世俗
當知勝義諦
謂七種真如

14. Tự tánh viên thành thật
Hai tối thắng trí nghĩa
Không có các hý luận
Rời xa tánh: nhất, dị.

圓成實自性
二最勝智義
無有諸戲論
遠離一異性

15. Sở duyên của thanh tịnh
Thường không có biến đổi
Tánh thiện và tánh lạc
Tất cả đều thành tựu.



清淨之所緣
常無有變異
善性及樂性
一切皆成就

16. Thật thắng nghĩa vô tánh
Hý luận, ngã không có
Y tha không tướng ấy
Đó thắng nghĩa vô tánh.

實勝義無性
戲論我無故
依他無彼相
亦勝義無性

17. Nên biết dựa ba tướng
Kiến lập năm thứ tướng
Ba tướng theo thích ứng
Mỗi tướng có năm nghiệp.

依三相應知
建立五種相
彼如其所應
別別有五業

18. Vì pháp chấp, người ngu
Khởi chúng sinh chấp kia
Kia trừ, ngộ pháp tánh
Ngộ pháp, ngã chấp đoạn.



法執故愚夫
起彼眾生執
彼除覺法性
覺法我執斷

19. Y tha chấp biến kế
Huân tập thành tạp nhiễm
Không chấp: viên thành thật
Huân tập thành thanh tịnh.

於依他執初
熏習成雜染
無執圓成實
熏習成清淨

20. Tạp nhiễm: tánh hữu lậu
Thanh tịnh: tánh vô lậu
Đây nên biết chuyên y
Bất tư nghị hai thứ.

雜染有漏性
清淨則無漏
此當知轉依
不思議二種

21. Chân thật và tự thể
Tịch tĩnh và công đức
Tất cả bất tư nghị
Là do bốn đạo lý.



真實及自體
寂靜與功德
一切不思議
當知由四道

22.Thanh văn có hai thứ
Tịch tĩnh, hướng bồ-đề
Y chỉ thân biến hóa
Đến Vô thượng chánh giác.

聲聞有二種
趣寂趣菩提
依止變化身
趣無上正覺

23.Các Thanh văn chuyên y
Được nhờ tu yếm ly
Bồ-tát tu phương tiện
Y chỉ trí không hai.

諸聲聞轉依
厭背修所得
菩薩方便修
無二智依止

24.Vì không trú sinh diệt
Chư Phật trí vô thượng
Lợi lạc các hữu tình
Bất tợ nghị, không hai.



不住生滅故
諸佛智無上
利樂諸有情
不思議無二

Phẩm Tám: THÀNH HIỆN QUÁN 成現觀品第八

1.Nên biết hiện sở quán
Hạ, trung, thượng phẩm sự
Hữu lậu và vô lậu
Chưa thấy, chưa thọ, biến.

當知現所觀
下中上品事
有漏及無漏
未見未受遍

2.Xuất thế gian thắng trí
Năng trừ kiến sở đoạn
Chứng đắc vô phân biệt
Duy y chỉ tĩnh lự.

出世間勝智
能除見所斷
無分別證得
唯依止靜慮



3. Rất buồn, chẳng ác thú
 Rất vui, chẳng hai trên
 Người trời sống cõi Dục
 Phật xuất thế hiện quán.

極感非惡趣
 極欣非上二
 處欲界人天
 佛出世現觀

4. Chưa ly dục, bội ly
 Và người đã ly dục
 Độc nhất, chứng chánh giác
 Tối thắng ngã đượ sinh.

未離欲倍離
 及已離欲者
 獨一證正覺
 最勝我所生

5. Phi ngã làm trí nhân
 Cũng không tự thủ cảnh
 Ngã không tự hiện quán
 Vì chấp ái tự ngã.

非我為智因
 亦非自取境
 我非自現觀
 執愛自我故



6. Vô thường có cảnh giới
 Đợi duyên, trí sinh khởi
 Đoạn ba: thô trọng, v.v...
 Nên y tâm hiện quán.

無常有境界
 待緣智生起
 斷麤重等三
 故依心現觀

7. Đã thành thực tương tục
 Hoặc lắng nghe chánh pháp
 Tự nhiên, cực như lý
 Tác ý mà hiện quán.

已成熟相續
 或聽聞正法
 自然極如理
 作意故現觀

8. Buộc niệm nơi sở duyên
 Tinh cần, tu tĩnh định
 Tăng thượng, thiện căn lực
 Chứng Thánh giác đạo phần.

繫念於所緣
 精勤修靜定
 增上善根力
 證聖覺道分



9. Từ đó nhập kiến đạo
 Vô lậu chánh kiến khởi
 Vĩnh đoạn nơi ba kết
 Chứng hiện quán, nên biết.

從是入見道
 無漏正見起
 永斷於三結
 證現觀應知

10. Dù ác thú tạp nhiễm
 Chấp đã khởi, hoặc đoạn
 Cảnh, kiến, đạo sư v.v...
 Tùy sinh ba được nhiếp.

雖惡趣雜染
 計所起惑斷
 境見導師等
 隨生三所攝

11. Trước có thể gian trí
 Giản trạch để rốt ráo
 Nơi để không gia hành
 Quyết định sinh khởi tướng.

由先世間智
 簡擇諦究竟
 於諦無加行
 決定生起相



12. Trí cảnh hòa hợp tướng
 Nơi sở tri cứu cánh
 Nên biết để hiện quán
 Nơi mười thứ quyết định.

智境和合相
 於所知究竟
 當知諦現觀
 於十種決定

13. Ngã, tánh không, ba có
 Bất diệt, không có hai
 Vô phân biệt, không sợ
 Tự tại: quyết định đoạn.

我性無三有
 不滅無有二
 無分別無怖
 自斷中決定

14. Phát khởi, chứng, đẳng lưu
 Thành mãn: bốn thứ đệ
 Lại trí pháp trú, v.v...
 Tám thứ đệ, nên biết.

發起證等流
 成滿次第四
 又法住智等
 次第八應知



15. Vô hối, trú sở duyên
 Như thật thấy cảnh giới
 Đạo sở y vô hoặc
 Thuần, sai biệt, hành đoạn.

無悔住所緣
 如實見境界
 道所依無惑
 純差別行斷

16. Ba tịnh nhiếp bảy thứ
 Giới tịnh và tâm tịnh
 Cảnh giới, y chỉ, đạo
 Nói là tuệ thanh tịnh.

三淨攝應知
 戒淨及心淨
 境界依止道
 說為慧清淨

17. Biết thân, thọ, ... nhân duyên
 Khéo thấu nơi ba đời
 Kế hiệu rõ bốn khổ
 Còn tám khổ nên biết.

知身等因緣
 善達於三世
 次了知四苦
 復八苦應知



18. Từ đây chánh quán để
 Khởi mười sáu hành trí
 Vì trị bốn điên đảo
 Chỗ dựa cho cái sau.

從是正觀諦
 起十六行智
 為治四顛倒
 後後之所依

19. Từ đây chuyên tu tập
 Nơi tâm tổng yếm ly
 Để giản trạch, quyết định
 Cứu cánh giác sinh khởi.

從是轉修習
 於心總厭離
 諦簡擇決定
 究竟覺生起

20. Từ đây không gia hành
 Giải thoát trí ba tâm
 Có một trăm mười hai
 Phiền não đoạn, mười nhiếp.

從此無加行
 解脫智三心
 一百一十二
 煩惱斷十攝



21. Đây chứng bồ-đề phần
Sáu thứ tịnh trí tương
Vì hành vô phân biệt
Theo sở tác kiến lập.

此證菩提分
六種淨智相
行無分別故
隨所作建立

22. Bồ-tát tại vị này
Trước tu sức thắng nhân
Khổ nơi thân mình người
Khởi bình đẳng tâm tánh.

菩薩在此位
先修勝因力
於自他身苦
起平等心性

23. Là ý lạc đại ngã
Nơi tự tánh vô đặc
Và ý lạc quảng đại
Hai tánh vô phân biệt.

是大我意樂
於自性無得
廣意樂當知
二性無分別



24. Trở lên mười sáu hành
Thanh tịnh thể gian trí
Vì đối trị giới địa
Cứu cánh sự thành tựu.

次上十六行
清淨世間智
對治界地故
究竟事成就

25. Hiện quán ấy sai biệt
Có sáu hoặc mười tám
Tương thắng lợi có nhiều
Theo kinh luận đã nói.

此現觀差別
或六或十八
相勝利眾多
隨經論廣說

Phẩm Chín: THÀNH DU GIÀ

成瑜伽品第九

1. Bát-nhã độ du-già
Đẳng chí, vô phân biệt
Tất cả, tất cả chúng
Vì không có phân biệt.



般若度瑜伽
等至無分別
一切一切種
無有分別故

2. Tất cả, tất cả chúng:

Ba tướng và ba luân
Gọi danh tướng, nhiễm tịnh
Và không cả hai thứ.

一切一切種
三相與三輪
謂名相染淨
及俱非二種

3. Nơi pháp và pháp không

Không hai thứ hý luận
Vô phân biệt, vô cùng
Trên đây không đúng lý.

於法及法空
無二種戲論
無分別無窮
此上非應理

4. Nếu toàn không gì thủ

Không tuệ cũng không độ
Cùng thành, thủ ly ngôn
Là thuận, chẳng không dụng.



若都無所取
無慧亦無度
俱成取離言
為順非無用

Phẩm Mười: THÀNH BẤT TƯ NGHỊ

成不思議品第十

1. Chín sự bất tư nghị

Do y chỉ năm sự
Vì có năm lý do
Được, mất đều ba thứ.

九事不思議
由依止五處
有五種因故
得失俱三種

2. Không nghĩ, không xác định

Nên biết do bốn nhân
Chẳng nhất định, sâu xa
Dẫn vô nghĩa, tướng trú.

不應思不記
當知由四因
非定一甚深
引無義相住



3. Không nghĩ ngã có – không
 Vì thành hai lầm lỗi
 Với người cũng hai lỗi
 Không nên nghĩ: một – khác.

不思我有無
 成二過失故
 於他亦二失
 不應思一異

4. Hai tuy không y kiến
 Thành nên không phải nghĩ
 Không nghĩ sinh như vậy
 Vì ba lỗi đi theo.

二雖不依見
 成故不應思
 不思如是生
 三過所隨故

5. Thiện thú và ác thú
 Hai tác giả chẳng định
 Quá khứ nghiệp thiện ác
 Xứ, sự v.v... khó nghĩ.

善趣與惡趣
 二作者非定
 過去善惡業
 處事等難思



6. Chân như, tánh vô lậu
 Thành sở tác nghĩa lợi
 Bạc tỉnh lự, Như lai
 Vì không dụ, tự tại.

真如無漏性
 成所作義利
 靜慮者如來
 無譬自在故

7. Tuyên thuyết của ngoại đạo
 Dẫn đến không nghĩa lợi
 Phi lý, rời bốn xứ
 Vô ký không nên nghĩ.

外道所宣說
 能引無義利
 非理遠四處
 無記不應思

8. Phi xứ siêng dụng công
 Hủy báng nghĩa đại ngã
 Không tu thanh tịnh thiện
 Nên thành ba lầm lỗi.

非處勤功用
 毀謗於大我
 不修清淨善
 故成三過失



9. Rời xa không tư nghị
 Nghĩ khả tư nghị xứ
 Đủ tám thứ công đức
 Nên như lý tư duy.

遠離不思議
 思可思議處
 具八種功德
 故如理應思

10. Giáo pháp chư Phật thuyết
 Biến tri, đoạn ... không trái
 Vì năm nhân, hai nhân
 Ở đây không nên nghĩ.

諸佛之所說
 遍知等無違
 五因二因故
 於此不應思

Phẩm Mười Một:
NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH
 攝勝決擇品第十一

1. Số, tướng, biệt, hữu, xứ
 Biên tế và sinh khởi
 Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...
 Các sự thắng quyết trạch.



數相別有處
 邊際與生起
 想善巧攝等
 勝決擇諸事

2. Tâm tánh có hai thứ
 Dị thực tâm, chuyển tâm
 Đầu a-lại-da thức
 Chung tử, hai nên biết.

心性有二種
 異熟及與轉
 初阿賴耶識
 種子二應知

(1) Chấp thọ, sơ, minh liễu
 Chung tử, nghiệp, thân thọ
 Vô tâm định, mạng chung
 Vô đều không đúng lý.

執受初明了
 種子業身受
 無心定命終
 無皆不應理

(2) Sở duyên cảnh, tương ưng
 Hổ tương hai nhân tánh
 Các thức cùng lưu chuyển
 Tạp nhiễm ô hoàn diệt.



所緣境相應
更互二因性
識等俱流轉
雜染污還滅

3.Sở y, cảnh giới lực
Kiến lập tâm sai biệt
Lại do bảy hành tướng
Sai biệt khó biết rõ.

所依境界力
建立心差別
復由七種行
難了相應知

4.Sở duyên không tự tại
Trú ác sở y chỉ
Tùy duyên lực sở chuyển
Tâm trói buộc nên biết.

所緣無自在
住惡所依止
隨緣力所轉
心繫縛應知

5.Tán loạn có sáu thứ
An trú mười lăm thứ
Duyên cảnh giới: sáu v.v...
Sở trị tâm chẳng một.



散亂及安住
六種十五種
緣境界六等
所治心非一

6.Dựa nhiều cảnh liễu biệt
Đều là tự nghiệp sinh
Tâm pháp, không nên nghĩ
Vì tương tự cảnh chuyển.

依多境了別
各為自業生
心法不應思
相似境轉故

7.Dẫn tâm, ba phân biệt
Lãnh vị, thâm liễu tướng
Đắc thất, v.v... hoạt động
Gọi nghiệp: tác ý, v.v...

引心三分別
領位審了相
得失等營為
名作意等業

8.Thượng giới không hương, vị
Đại tạo tùy khả đắc
Cực vi không tự thể
Chẳng thật có bảy sự.



上界無香味
大造隨可得
極微無自體
非實有七事

9. Vi hòa hợp không rời
Thiện ác không tự nhiên
Ba tướng, tướng ngoài không
Pháp xứ sắc mười hai

微和合不離
善惡無自然
三相想外無
法處色十二

10. Nên biết bất tương ưng
Đều giả thi thiết có
Sáu thứ tánh giả có
Thấy đều có ba lỗi.

當知不相應
皆假施設有
假有性六種
彼皆二過故

11. Ba lỗi nhân, chẳng năm
Nhân tướng lược: hệ, hợp
Tướng, y xứ, sai biệt
Kiến lập: có nhiều thứ.



三過因非五
因相略繫合
相依處差別
建立有多種

12. Là tâm sở duyên v.v...
Là thanh tịnh sở duyên
Là bốn thứ ly hệ
Kiến lập tám vô vi.

心所緣等故
清淨所緣故
四種離繫故
建立八無為

13. Ba giới phải nên biết
Mười hai tướng sai biệt
Sở trị và năng trị
Chỉ làm tổn phục chủng.

三界應當知
十二相差別
所治及能治
唯能損伏種

14. Pháp vương, vị nước biển
Muôn ác thú trường thọ
Nhiều thế giới chung một
Mỗi hai thứ nhân duyên.



法王海鹹味
欲惡趣長壽
多世界共一
各二種因緣

15. Ý tương ưng bốn hoặc
Biến hành mà cùng khởi
Vô ký, tối hậu diệt
Theo đó sinh tánh kia.

意相應四惑
遍行而俱起
無記最後滅
隨所生彼性

16. Tất cả, sinh tương tục
Hiện khởi và với duyên
Tùy miên, cảnh, thô trọng
Mỗi sai biệt hai mươi.

一切生相續
現起及與緣
隨眠境麤重
各差別二十

17. Là tùy thuận tự sinh
Chủng tử, tăng thượng sự
Và sinh bốn làm lỗi
Là bất tịnh ba nhân.



隨順自生故
種子事故
生四過失故
不淨三因故

18. Nghiệp tư, nghiệp đã tư
Sai biệt có mười ba
Quả ấy sáu, ba vị
Năm thứ nghiệp quyết định.

業思及思已
差別有十三
彼果六三位
業決定五種

19. Tự nghiệp v.v... bốn thứ
Đây tiên thực cũng bốn
Lại chín thứ nên biết
Tức hai thứ sai biệt.

自業等四種
此先熟亦四
復九種當知
即二種差別

20. Mạng chung: định, bất định
Chết trẻ do sáu nhân
Biết rõ vị ba tâm
Trung hữu có hoặc không.



命終定不定
中歿由六因
明了位三心
中有或有無

21. Dựa sở duyên hữu khác
Tâm nhiễm ô sinh khởi.
Ở trong bốn loài sinh
Và ba giới, năm thú.

依餘有所緣
染污心生起
於四種生中
及三界五趣

22. Nên biết thể tục đế
Ý giải nghĩa và thuyết.
Tịnh sở duyên, tánh tịnh
Phương tiện gọi thắng nghĩa.

當知世俗諦
意解義及說
淨所緣彼性
方便名勝義

23. Nên biết là bốn thứ
Nhiễm và tịnh được nhiếp
Chưa thấy, chưa cảm nhận
Như bệnh, bệnh diệt nhân.



當知是四種
染淨之所攝
未見未經受
如病病滅因

24. Nên biết tứ đế ấy
Mỗi bốn tướng, bốn hành
Biên tri v.v... bốn thứ
Tánh nhân quả phân biệt.

當知是四諦
各四相四行
遍知等四種
因果性差別

25. Hiểu biết không chống cãi
Pháp nhĩ chứng cũng vậy
Đế: ba thứ, chỉ thiện
Lại hai thứ nên biết.

彼覺無乖諍
法爾證亦然
諦三種唯善
復二種應知

26. Nên biết bảy y chỉ
Ba thứ tánh sở y
Kia có hai thiện xảo
Tứ cú phân biệt rộng.



當知七依止
三種所依性
彼善巧二種
四句等廣說

27. Tỉnh lự: số, chương, phần
Chúng được kiến lập rộng
Rời xa nơi khổ, động
Về sau phân thẳng dị.

靜慮數障分
及彼廣建立
遠離於苦動
後後分勝異

28. Cận phân hỷ có động
Chỉ sơ dứt hết lậu
Và hai thứ duyên thanh
Tám đẳng chí xả tám.

近分喜有動
唯初能盡漏
亦二種緣聲
八等至捨八

29. Hiện pháp trú an lạc
Năng nhập nơi hiện quán
Tán thuyết, tướng giải thoát
Bốn thứ nhân nên biết.



現法安樂住
能入於現觀
讚說想解脫
四種因當知

30. Ái vị, v.v... nên biết
Mười thứ, sáu, ba thứ
Thoái tương tục chương trì
Mỗi nhiều thứ sai biệt.

愛味等當知
十種六三種
退相續障治
各多種差別

31. Lợi căn và sinh chuyển
Nên biết không có thoái
Y hạ địa phát định
Ly dục về sau sinh.

利根及生轉
當知無有退
依下地發定
離欲後生故

32. Y nhị thừa, đại thừa
Do hai mươi bảy tướng
Chánh phương tiện nên biết
Kiến lập nơi giác phần.



依二乘大乘
由二十七相
正方便當知
建立於覺分

33.Thân, thọ, ..., ba sai biệt
Tùy quán ảnh tượng kia
Ba trí: văn, tư, tu
Niệm pháp không mê hoặc.

身等三差別
彼影像隨觀
由聞等三智
念法無迷惑

34.Sở trị kia chín thứ
Biết tác ý có hai
Tu sai biệt có ba
Hai thứ không mất hoại.

彼所治九種
作意當知二
修差別有三
二種無失壞

35.Vì đoạn nơi trầm, trạo
Tương ưng đạo hai thứ
Quán sát xả phiền não
Và vì tận hai ái.



為斷於沈掉
相應道二種
觀察捨煩惱
及為盡三愛

36.Vì đoạn tăng thượng mạn
Vị sở y, điên đảo
Và ba tâm thú nhập
Tu tập nơi niệm trú.

為斷增上慢
味所依顛倒
及三心趣入
修習於念住

37.Do các căn sai biệt
Kiến lập năm duy hai
Giả thiết có năm nhân
Ba sự thành viên mãn.

由根等差別
建立五唯二
假設五應知
三事成圓滿

38.Chứng chuyển y không khởi
Hai nhân quả không thoái
Ba nhân nên đoạn thường
Ba quả, ba nhân ký.



證轉依不起
二因果無退
三因故斷常
三果三因記

39.Kiến lập các công đức
Do mười bảy tầng thượng
Sai biệt ấy vô biên
Vì trị chướng sở trị.

建立諸功德
由十七增上
彼差別無邊
治所治障故

40.Tư duy nghĩa, lạc, khô
Tác ý và an trú
Gian nan và sắc thái
Thù đặc, không thù đặc.

思惟義樂苦
作意及安住
艱難與相貌
殊特非殊特

41.Chủng tánh, Như lai thuyết
Nhiều Phật và nhất thừa
Năm thứ và mười thứ
Sáu, sáu thứ đạo lý.



種性如來說
多佛與二乘
五種及十種
六六種道理

42.Chư Phật diệu công năng
Phật quả, độ thanh tịnh
Giải thoát và pháp thân
Đẳng, bất tư, vô thượng.

諸佛妙功能
彼果土清淨
解脫與法身
等不思無上

43.Tuy không gia hành dụng
Trước nguyện lực dẫn dắt
Y vô vi phát khởi
Sở tác không hai tướng.

雖不用加行
先願力所引
依無為發起
所作無二相

44.Tuyên thuyết các sự pháp
Biệt giải thoát phân biệt
Các pháp tướng mười một
Kinh, luật, bản mẫu tạng.



宣說諸事法
別解脫分別
諸法相十一
是經律本藏

45.Các tướng và đoạn diệt
Không đánh mất phương tiện
Hai quả trên, sai biệt
Nói lược nghĩa các kinh.

諸相與斷滅
無失壞方便
彼二果差別
是諸經略義

46.Lược nói Du-già đạo
Duyên chánh pháp được nghe
Xa-ma-tha và quán
Y ảnh tượng, thành tựu.

略說瑜伽道
緣所聞正法
奢摩他與觀
依影像成就

Phật tử **Quảng Minh Hoàng Thanh Tuyên** chuyển dịch và chú thích
Khởi dịch ngày 19 tháng 8 năm 2014 (24/7/Giáp Ngọ) – PL.2558
Hoàn thành ngày 17 tháng 8 năm 2016 (15/7/Bính Thân) – PL.2560

Đại sĩ **VÔ TRƯỚC** tạo luận

Hán dịch từ Phạn bản
Pháp sư HUYỀN TRANG

Việt dịch và chú giải
QUẢNG MINH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-sāstra

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Chịu trách nhiệm nội dung:

Q. Tổng Biên Tập

LÊ HỒNG SƠN

Biên tập: **VŨ VĂN HIẾU**

Trình bày & Sửa bản in: **LÂM ĐẶNG**

Bìa: **QUẢNG MINH**

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY TNHH TM HÙNG KHANG

Địa chỉ: 339/81 Nguyễn Thái Bình, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In số lượng 500 cuốn. Khổ 15 x 21 cm

Tại: Công ty Cổ phần In Thương mại Đông Dương

Địa chỉ: 161/1 Lũy Bán Bích, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP.HCM

Số_ĐKXB: 1795-2022/CXBIPH/03-62/TG

Mã ISBN: 978-604-61-8543-7

QĐXB: 308/QĐ-NXBTG ngày 01 tháng 06 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2022